

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



MỤC LỤC

Phi lộ

Chương 1: Bản thể luận và Hiện tượng luận

Chương 2: Thử đi tìm một vũ trụ quan.

Chương 3: Thân thể và định mệnh con người

Chương 4: Đi tìm một nhân sinh quan

Chương 5: Một sử quan theo thuyết Tam Tài

Chương 6: Luật Trời, luật người

Chương 7: Vấn đề thiện, ác

Chương 8: Bàn về chân lý

Chương 9: Bàn về cái đẹp

Chương 10: Tôn giáo và minh triết

Chương 11: Quan niệm Tam Tài với con người

Chương 12: Con đường giải thoát

Chương 13: Cõi tiên, cõi tục

Chương 14: Thành nhân, chứng thánh

Chương 15: Luân hồi, chuyển kiếp

Chương 16: Tận thể hay chuyển thể

Chương 17: Trời chẳng xa người

[Chương 18: Hương Hoa đại đạo](#)

[Chương 19: Hương Hoa đại đạo \(tiếp theo\)](#)

[Chương 20: Ra đời, vào đạo](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | **Phi lộ** | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

PHI LỘ

Trong quyển sách này, tôi sẽ lần lượt cống hiến Quý Vị độc giả một loạt bài về Triết học và Đạo học liên quan đến những nhận định riêng tư của tôi về vũ trụ, nhân quần, về ý nghĩa và mục đích cuộc sống con người.

Thế theo lời yêu cầu của một số thân hữu, tôi sẽ cống hiến quý vị những nhận định phát xuất từ tâm tư tôi; tung tỏa từ lòng sâu, đáy thẳm tâm linh tôi. Tôi sẽ dựa vào những định luật vĩnh cửu của đất trời, và mong muốn sẽ nói lên được những gì hết sức giản dị, hết sức trong sáng, hết sức tự nhiên, thoát vòng cương tỏa của các ý thức hệ đương thời. Quý vị sẽ cùng tôi:

Ngoài vòng cương tỏa, chân cao thấp,

Trong thú yên hà cuộc tỉnh say.

Nếu sau này tôi có nhắc tới một lời kinh điển nào, Quý vị cũng đừng nên cho đó là một điều cần thiết cho công cuộc xây dựng những tư tưởng triết học của tôi.

Có mợ, thì chợ cũng đông,

Mợ đi lấy chồng, thì chợ vẫn vui.

Tôi không muốn Quý Vị cũng như tôi mắc vào những dò của từ ngữ, những lưới của ý hệ, mà chỉ muốn cùng Quý Vị dùng lời, dùng ý như là những phi thuyền không gian để ngao du vào trong cõi vô cùng.

Nếu sau này tôi đề cập đến kinh này, sách nọ, thì chẳng qua cốt là để nhắc nhở Quý Vị rằng Chân lý chỉ có một. Nó không có cổ kim, không có biên cương, bờ cõi, không thể bị nhốt trong cái lồng, cái chậu của một môn phái nào, một quốc gia nào, một chủ nghĩa nào, một tôn giáo nào.

Nó cũng y thức như là ánh sáng của vùng dương, bao giờ cũng tràn ngập năm hồ, bốn biển.

Trung Dung, chương 29, đã đưa ra những tiêu chuẩn khá xác đáng về Chân lý, Chân đạo:

Đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,

Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân

Khảo chứng tiên vương, không có chi lầm lỗi,

Sánh với luật đất trời không phản bội,

So quỷ thần, đường lối đúng không sai,

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai.

So quỷ thần, đường lối đúng không sai,

Thế là đã biết lòng Trời đó.

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,

Thế là hiểu lòng người tỏ rõ.

Ý muốn nói: Chân lý phải phát xuất từ tâm linh; phải phù hợp với ý thức nhân quần; phù hợp với ý Trời, ý người; dẫu Thánh hiền sau trước có ra đời cũng không thể chủ trương ngược lại.

Đối với tôi, Triết học chân chính có mục đích giúp chúng ta đạt tới đại trí, đại huệ; có một cái nhìn toàn bích về vũ trụ, về nhân sinh; có một cái nhìn sâu sắc về bản thể con người; giúp chúng ta sống một đời sống khinh phiêu, hào sảng, siêu việt; tìm lại thế quân bình, thế thái hòa cho mình và cho người.

Chúng ta sẽ cùng nhau đi vào Triết học, để suy tư, tìm hiểu; tìm cho ra cái bộ mặt chân thực của mình, **cái Bản Lai Diện Mục của mình**, khuất lấp sau những bộ mặt hóa trang, mà chúng ta đã tô vẽ nên, trong khi đóng những tấn kịch đời phù du, hư ảo; tìm cho ra **Bản Tâm, Bản Tính sang cả của chúng ta**, vừa là của ta, vừa là của vũ trụ, mà rêu mốc thời gian, mà trần ai, tục lụy đã tầng tầng, lớp lớp, che phủ lên trên, tạo thành những lớp màn che trùng điệp, pha phôi, hoen ố theo đà thời gian cùng tuế nguyệt. Tìm ra được cái **Bản Thể** siêu việt ấy, tức là tìm ra được chân lý rốt ráo, tìm ra được nguồn sống uyên nguyên, tìm ra được nguồn mạch thiêng liêng, huyền diệu, tiềm tàng sẵn nơi ta. Chân lý ấy, nguồn sống uyên nguyên ấy, nguồn mạch thiêng liêng ấy sẽ chuyển hóa tâm linh chúng ta, sẽ cho chúng ta sống một đời sống mới, phong phú hơn, rào rạt hơn, mãnh liệt hơn, khinh phiêu hơn, siêu thoát hơn, hồn nhiên hơn. Chúng ta sẽ như những Thiện Tài đồng tử, học hỏi với mọi người, học hỏi ở mọi nơi, nhưng chúng ta quyết sẽ không luẩn quẩn trong các triết thuyết như cá mắc trong lưới.

Nói cách khác, chúng ta bàn bạc về Triết học, không phải để nhồi nhét vào khối óc tội nghiệp của chúng ta một mớ lý thuyết suông, một mớ từ ngữ, xa xôi, kiểu điệu, khó tiêu hóa. Chúng ta bàn về Triết học để đi từ chỗ **tiểu trí đến chỗ đại trí; đi từ những kiến thức vụn vặt, tới một cái biết viên dung, toàn bích**. Chúng ta sẽ dùng Triết để chuyển hóa tâm linh, để thoát ra khỏi mê đồ của phù sinh, ảo ảnh; tìm về được với cái Trường tồn, huyền diệu, ẩn khuất sau những tấm màn thế sự, tang thương.

Chúng ta suy tư về vũ trụ, về con người, chẳng qua là để rũ bỏ nếp sống hời hợt, xốc nổi, ích kỷ, riêng tư; những lẽ lối suy tư nông cạn, gò bó, hạn hẹp, chẳng khác nào ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung..., để sống một cuộc đời thâm trầm hơn, phong phú hơn, sống động hơn.

Với một tinh thần hết sức phóng khoáng, hết sức vô tư và thành khẩn, tôi sẽ trình bày cùng Quý Vị những tư tưởng của tôi một cách trung thực, bình dị và trong sáng.

Tôi nghĩ rằng: đã sinh ra ở gian trần này, chúng ta cần phải có một cái nhìn cho trong sáng, một lối sống cho khinh phiêu, đẹp đẽ. Tuy nhiên, muốn thực hiện một lối sống cao đẹp như vậy không phải là một công chuyện dễ làm. Tới đây, tôi liên tưởng đến bài Hành lộ nan của nhà thơ Lý Thái Bạch, mà tôi đã phỏng dịch như sau:

Đường đi khó, tìm đường đi khó quá,
Rút kiếm bén, ngõ ngang trông đây đó,
Lòng băn khoăn, ta biết sẽ đi đâu?
Muốn qua Hoàng Hà: băng giá lấp sông sâu,
Muốn lên non Thái: tuyết một màu ảm đạm!
Muốn khuây khỏa, vừa ra khe buông câu tạm,
Đã mơ màng, thuyền mộng lướt trời mây!
Đường muôn, đường muôn ngã, đâu còn đây?
Khó đi quá, tìm đường đi khó quá!...
Nhưng gió lộng, phá muôn tầm sóng cả,

Thối buổi mây, một lá tểch ngàn khơi.

Đại đạo lớn, lớn trùm cả khung trời,

Mà bịn rịn mãi, ta chưa ra đi nổi!...

Đã bước chân vào con đường Triết học, chúng ta sẽ có rất nhiều bốn phận.

1) Bốn phận trước tiên là học hỏi, làm quen với các danh nhân, các bậc Thánh hiền muôn thừa, để tìm xem các Ngài đã nghĩ gì về vũ trụ, về con người, để xem họ đã sống một cuộc sống như thế nào.

2) Bốn phận thứ hai là phải chịu khó suy tư; suy tư cho lâu lai; suy tư cho triền miên, cho thấu đáo. Có như vậy, khối óc chúng ta mới dần dần được mở mang, dần dần được trưởng thành, và mới có triển vọng đạt tới mức Đại trí, Đại giác, Đại huệ.

3) Bốn phận thứ ba là phải tha thiết ước mong tìm cầu chân lý. Không tha thiết ước mong, kho tàng trời đất sẽ không bao giờ mở ra cho quý vị. Ngược lại, có tha thiết mong cầu, vàng đá sẽ mở ra. Người xưa có câu: «**Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai**» chính là để nói lên ý nghĩa đó.

4) Bốn phận thứ tư là phải thành khẩn với chính mình, thành khẩn với mọi người. Cái gì mình biết, thì bảo là biết; cái gì mình không biết, thì bảo là không biết. Cái gì hay, thì bảo là hay; cái gì dở, thì bảo là dở. Cái gì mình thấy đúng, thì cho là đúng; sai thì bảo là sai, theo đúng như tâm tư thầm kín của mình, chứ đừng phụ họa với quần chúng; chứ đừng quan tâm cũng ừ, quan tư cũng gặt; chứ đừng bao giờ dối mình, dối người. Mỗi khi thấy điều gì phi lý, điều gì nghi nan, cần tra vấn lại. Chân lý không thể nào vô lý; chân lý không thể nào mơ hồ, rối rắm. Triết học không thể là một mớ lý thuyết mù mờ, mung lung, phiêu diêu, mà phải là những kiến thức, những quan niệm sáng láng. **Bao lâu còn sống trong tình trạng mù mờ, hỗn độn, thì bấy lâu chúng ta chưa đạt tới Minh Triết.**

5) Bốn phận thứ năm là phải đặt cho mình những mục phiêu rõ rệt, khi nhất định học Triết.

- Học Triết cốt là để tìm cho ra bộ mặt thực siêu việt của vũ trụ, vạn hữu và của con người; đồng thời cũng là Bản Thể vĩnh cửu, phổ quát, khuất lấp sau các bức màn hiện tượng biến thiên, dị biệt.

- Học Triết cốt là để tìm cho ra những định luật vĩnh cửu chi phối sự sinh thành, sự vận chuyển, biến thiên của vũ trụ; những định luật vĩnh cửu chi phối đời sống con người.

Những định luật vĩnh cửu ấy được gọi là:

- Rita (Bà La môn)
- Dharma (Phật giáo, Bà La Môn)
- Tự nhiên (Lão)
- Lý, Lễ (Khổng giáo), Thiên ý.

- Học Triết cốt là để sống đúng theo những định luật tự nhiên. Thế là sống thuận theo Thiên lý, hay Thiên ý. Được vậy, đời sống chúng ta sẽ trở nên đẹp đẽ, khinh phiêu, hồn nhiên, lý tưởng...

Học Triết mà tâm hồn còn ti tiện, tính nết còn cục cằn, thì chưa phải là học Triết.

Như vậy, một người yêu Triết, có tâm hồn Triết, tức là một người biết dùng những điều mình học hỏi được, để mà trau dồi cho tâm hồn mình ngày thêm đẹp tươi.

Chỗ cực điểm của Triết học sẽ gặp chỗ cực điểm của Đạo giáo, nghĩa là sẽ cho chúng ta một đời sống phối kết với Đại Ngã, với Thượng đế, với Bản Thể, với Căn Nguyên vạn hữu.

Nói thế tức là Triết học có mục đích giúp chúng ta đạt tới đại trí, đại đức; thấu triệt huyền cơ vũ trụ; bắt

chước Trời mà hành sự; đạt được định mệnh sang cả của con người. Đó là: «**Phối Thiên**» 配天, «**Dữ Thiên đồng đức**» 與天同德.

Triết học có mục đích giúp chúng ta sống một đời sống nội tâm phong phú, tự do, khinh khoáng, thoát vòng kiềm tỏa của ngoại cảnh, «**thung dung Trung đạo**» 從容中道.

Triết học sẽ giúp chúng ta vượt quá tình trạng thường nhân, lên tới địa vị hiền thánh; đưa con người từ cảm giác tới tri giác, tới suy tư, tới trực giác; giúp con người sống một cuộc sống tự do, hào sảng, hạnh phúc; đem lại tình thương cho nhân quần; tạo cho xã hội một đời sống cộng đồng, thân ái, công bằng, ung dung, sung sướng; đi dần dần đến cảnh thái hòa: **bốn bể đều là anh em, thế giới là một đại gia đình, một đại gia tộc**; đem thiên đường xuống giữa gian trần, bằng sự đoàn kết, bằng sự cần cù lao tác, bằng sự sáng tạo triền miên của cá nhân và tập thể, và nhất là bằng một tình thương yêu chan hòa, vô biên tận.

Tóm lại, chúng ta cùng nhau đi vào Triết học, với hoài bão: **Suy cho thấu triệt, Sống cho tuyệt vời**.

Thế là: TRI HÀNH HỢP NHẤT vậy.

Có thể nói được rằng trong toàn quyển sách này, Triết Học và Đạo Học luôn luôn đi song song với nhau. Chúng ta luôn luôn đi từ Triết sang Đạo, từ Đạo sang Triết, vì Đạo hay Triết nơi đây chỉ có một mục đích là giúp con người sống một đời sống tâm linh đích thực, một đời sống toàn diện, một đời sống thanh cao, lý tưởng đích thực. Vì thế, tôi đặt tên sách này là: **ĐƯỜNG VÀO TRIẾT HỌC VÀ ĐẠO HỌC**, vì mục đích thâm viễn của cuốn sách chính là cốt giúp con người «**THÀNH CHÂN CHỨNG THÁNH**» 成眞證聖.

Chắc quý vị cũng đã nhận thấy có nhiều bài trong quyển sách này đã được đăng tải rải rác trong nhiều tạp chí, hay nguyệt san ở Mỹ, Gia Nã Đại, Tây Đức, như Đất Nước Tôi, Hoa Sen, Việt Nam Hải Ngoại, Thời Nay, Trung Hòa, Cao Đài Giáo Lý Cộng Hòa Liên Bang Đức, Tập San Y Sĩ Gia Nã Đại, Đặc San Hội Nghị Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do Kỳ II.

Tuy nhiên, có nhiều vị thôi thúc tôi cho in cuốn sách này ra càng sớm càng tốt. Còn đối với tôi, nó có một tầm nhìn lối nghĩ rất là cách mạng, **nó chứa ẩn rất nhiều tư tưởng do chính tôi sáng tạo ra**. Chính vì vậy mà tuy được soạn thảo sau nhiều cuốn sách khác của tôi, nó lại được ưu tiên ra đời.

Các chương sách viết ra đều có tính cách độc lập, đọc rời từng chương cũng được, đọc tiếp theo nhau cũng hay. Có nhiều đoạn ở chương này lại na ná giống chương kia, đó là dụng ý của tôi, vì thấy cần thiết nên nhắc lại. Tôi không câu nệ ở những tiểu tiết đó.

Mục đích sách này là làm sáng tỏ chân lý, là tìm cho ra con đường lý tưởng, một lối sống lý tưởng cho mình, cho người, chứ không hề có ý xưng tụng tôn giáo nào, hay đả kích tôn giáo nào. Đối với tôi, tôn giáo nào cũng chỉ là những phương tiện, có thể hay cho người này, có thể dở đối với người khác. Và lại, công trình của tôi, là vươn vượt lên trên các tôn giáo hiện tại, để tìm cho ra Chân Lý tương đồng, Đại Đạo nhất quán, Lý Tưởng rốt ráo của nhân quần.

Ước mong cuốn sách này có thể giúp độc giả nhìn nhận ra được giá trị siêu tuyệt của chính mình, thoát khỏi những gông cùm, xiềng xích của các học thuyết nhân vi, nhân tạo, sống thuận theo các định tắc thiên nhiên vĩnh cửu, sống một cuộc đời khinh phiêu, tiêu sái, thanh cao, hào sảng, hạnh phúc đích thực.

Costa Mesa, 16 tháng 8 năm 1989 (Rằm tháng 7, năm Kỷ Ty)

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ chuyết đề



» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 1

BẢN THỂ LUẬN VÀ HIỆN TƯỢNG LUẬN

Tôi rất là khổ tâm khi phải dùng đến những danh từ đao to, búa lớn; những danh từ hàn lâm, trường ốc, xa vời dân gian, quần chúng, như Bản thể luận và Hiện tượng luận. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải làm quen với ít nhiều danh từ «nghe ngang» như vậy, vì thế giới đã chấp nhận chúng. Tôi cũng sẽ không đưa ra ngay một định nghĩa nào đó về Bản thể và Hiện tượng, vì tôi không muốn trói chặt tôi vào trong những thùng chảo của giới hạn. Tôi sẽ cứ bàn về vấn đề, rồi từ từ các bạn sẽ nhìn thấy nó rõ ràng.

Nôm na mà nói, thì Bản thể là căn cơ sinh xuất ra vũ trụ quần sinh này. Còn Hiện tượng bao gồm tất cả vũ trụ, quần sinh, tất cả những gì chúng ta nhìn được, nghe được, sờ được, nếm được, ngửi được; tất cả những gì mà tâm tình, trí lự ta cảm được, suy được, tưởng tượng được. Á Châu gọi hiện tượng là «Hình, Danh, Sắc, Tướng» nếu là ở ngoại giới; là «Pháp» nếu là ở nội giới tâm linh.

Như vậy, ta đã thấy ngay tầm quan trọng vô biên của Bản Thể. Đa số Triết gia Âu Châu chủ trương rằng mỗi vật lại có một bản thể riêng biệt: Thượng Đế có bản thể của Thượng Đế; vạn hữu có bản thể của vạn hữu; người, vật, cỏ cây, nhất nhất đều có bản thể riêng tư. Nhưng các bậc đại thánh, đại hiền Đông cũng như Tây đều chủ trương ngược lại rằng: Bản Thể có một; chỉ hiện tượng mới là ngàn muôn, sai biệt. Chính vì vậy mà Á Đông đã tạo ra được một khẩu hiệu hết sức là đẹp đẽ: THỂ DUY NHẤT, DỤNG VẠN THÙ 體唯一用萬殊.

Và lạ lùng thay, bất kỳ là Bà La Môn, hay Phật giáo, hay Lão giáo, Khổng giáo, tất cả các đạo giáo lớn Á Đông đều nhất luật chia sẻ quan niệm then chốt nói trên. Những khẩu quyết như: THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ 天地萬物同一體 hay NHẤT TÁN VẠN, VẠN QUI NHẤT 一散萬萬歸一 đã trở thành sáo ngữ ở cửa miệng dân gian. Phật giáo có khẩu quyết: NHẤT THIẾT CHÚNG SINH GIAI HỮU PHẬT TÍNH 一切眾生皆有佛性. Tất cả đều nói lên cái Bản Thể duy nhất của đất trời.

Nếu Bản Thể là Duy Nhất, thì nó sẽ là MỘT. Đã là MỘT thì không có đối đãi, như vậy nó sẽ là TUYỆT ĐỐI, hay VÔ ĐỐI. Nếu ta tô điểm cho từ ngữ thêm trang trọng, ta sẽ nói Bản Thể CHỈ TÔN VÔ ĐỐI. Đã là MỘT sẽ không biến thiên, tức là không có SINH, LÃO, BỆNH, TỬ. Ta cũng có thể nói Bản Thể thời vĩnh cửu trường tồn, trường sinh bất lão. Nó sinh ra muôn vàn biến thiên, muôn ngàn hiện tượng. Như vậy ta sẽ sánh nó như một vầng dương ở trung tâm vũ trụ, tung tỏa ra muôn ngàn hiện tượng, như muôn ánh dương quang. Vì thế mà Á Đông còn gọi Bản Thể là TRUNG. Nếu Bản Thể là TRUNG, là TÂM ĐIỂM sinh vạn tượng, thì ta cũng gọi được đó là TÂM, chữ TÂM viết hoa, chữ TÂM nguồn sinh vạn vật, chứ không phải cái tâm hồn rạo rực muôn ngàn tình cảm riêng tư của con người, hay cái con tim thịt, bóp bóp, đập đập, để đưa máu đi cùng khắp cơ thể. Nếu Bản Thể là TRUNG, là TÂM, là CHÂN TÂM, thì Hiện Tượng, thì Vạn Hữu bên ngoài sẽ được tượng trưng bằng hình tròn bên ngoài. Cho nên vòng tròn bên ngoài được coi là vòng Dịch, vòng Biến Thiên hay vòng Luân Hồi. Nếu bây giờ, ta cầm được cái TÂM mà kéo nó lên, nó sẽ thành cái đỉnh, cái chóp; vòng tròn bên ngoài sẽ thành cái đáy. Vì cái đỉnh, cái chóp là cao nhất, nên ta gọi được TRUNG, là THÁI CỰC. Thế là ta đã chứng minh được rằng Bản Thể, hay Chân Tâm, hay Tâm,

hay Trung, hay Thái Cực, hay Nguồn Gốc hay Căn Nguyên đều là những danh hiệu tương đương với nhau.

Bản thể khi đã sinh ra vạn hữu, thì gọi là HỮU; khi chưa sinh ra vạn hữu, thì gọi là Vô. Hữu là hiện, Vô là ẩn.

Ẩn hiện chỉ là hai phương diện của một Bản Thể. Lại nữa, Bản Thể dù khi chưa sinh ra vạn hữu, dù khi đã sinh ra vạn hữu, lúc nào cũng vẫn thuần nhất bất khả phân: Mặt trời kia khi phóng ra muôn ánh hào quang, nào đâu có vì thế mà nát tan, rạn vỡ? Vì thế Bản Thể cũng còn được mô tả bằng những danh từ như HỒNG MÔNG, HỒN ĐỘN. Hồn Độn, Hồng Mông, vì bao giờ cũng Vô Sai Biệt, Vô Gian Cách. Bản Thể vì sinh ra vạn hữu, sinh ra mọi hiện tượng, nên người xưa cũng còn sánh nó với NGUỒN, với GỐC, hay gọi nó là CĂN NGUYÊN. Hơn nữa chữ Bản trong chữ Bản Thể cũng đã có nghĩa là gốc rồi.

Bước sang Hiện Tượng, ta thấy ngay nó chỉ là cái gì hình hiện lên bên ngoài, nó chỉ là ảnh tượng của một cái gì ẩn khuất bên trong. Hiện tượng thời ngàn muôn, nên người xưa gọi nó là Vạn. Vì nó chỉ là ảnh tượng nhắc nhớ tới Bản Thể, nên nó không có bản ngã riêng biệt, nên nó không có thực. Người xưa gọi đó là VỌNG. Vọng tâm, vọng ngã như vậy đều nằm trong vòng hiện tượng. Hiện tượng vì chỉ là những biến thái, biến dạng, những hình thức, những ứng dụng của Bản Thể, nên nay còn, mai mất, chất chường như trứng để đầu đẳng; mau qua như bóng câu qua cửa sổ; chóng tàn phai như thân phận một đóa hoa. Nói cho trang trọng hơn, nói cho có vẻ triết học hơn, ta sẽ cho rằng hiện tượng nằm trong vòng SINH, LÃO, BỆNH, TỬ, trong vòng SINH DIỆT, LUÂN HỒI, trong vòng BIẾN THIÊN, SINH HÓA. Cái gì nay còn mai mất sẽ tạo cho con người khổ đau, vì thế mà Vạn Tượng hay Vạn Hữu gọi lên sự âu sầu, khổ não. Ngược lại, Bản Thể sẽ gọi lên ý niệm hạnh phúc vô biên.

Cung Oán Ngâm Khúc đã mô tả cảnh phù du, hư ảo của hiện tượng bằng những vần thơ lâm ly, thống thiết nhưng thật tuyệt vời:

Kìa thế sự như in giấc mộng,
 Máy huyền vi mở đóng khôn lường,
 Về chi ăn uống sự thường,
 Cũng còn tiền định khá thương lo là.
 Đòi những kẻ thiên ma, bách triết,
 Hình thì còn, bụng chết đòi nhau!
 Thảo nào khi mới chôn nhau,
 Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra,
 Khóc vì nỗi xót xa sự thế,
 Ai bày trò bãi bể nương dâu,
 Trắng răng đến thuà bạc đầu,
 Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.
 Cuộc thành bại hầu căn mái tóc,
 Lóp cùng thông như róc buồng gan,
 Bệnh trần đòi đoạn tâm can
 Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da,

Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
 Mặt phong trần, nắng r ám mùi dàu,
 Nghĩ thân phù thể mà đau,
 Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê...

Ngụp lặn trong vòng hiện tượng, là đắm đuối trong vòng sinh tử luân hồi, là chơi vơi trong bến mê bể khổ. Từ hiện tượng biến thiên, nếu biết vươn vượt lên cho tới Bản Thể trường tồn, sẽ được giải thoát; đó chính là thoát Luân hồi. Muốn được vậy, phải vận dụng được tuệ giác của mình.

Buông thuyền Bát Nhã tểch bờ mê,
 Bến giác trông ra thoát đã kè,
 Tịch Diệt Niết Bàn đây há phải?
 Tự Tại Căn Nguyên chứng Bồ Đề!

Nói rằng Bản Thể là vĩnh cửu, trường tồn; hiện tượng là phù du hư ảo, ai cũng có thể dễ dàng chấp nhận. Nhưng có cái lạ là người ta thường tách rời cái Bản thể ra khỏi hiện tượng; tách rời vĩnh cửu ra khỏi ảo ảnh, phù du. Riêng tôi sau nhiều năm tháng suy tư, tôi đã đi đến một niềm tin sắt đá rằng Bản thể không bao giờ rời xa được hiện tượng. Nếu Bản Thể là hình, Hiện tượng sẽ là bóng; nếu Bản thể là trùng dương, Hiện tượng sẽ là những đợt sóng nhấp nhô trên mặt; nếu Bản Thể là gốc gác, Hiện tượng sẽ là hoa, lá, cành xum xuê, tươi tốt bên trên.

Thiền sư Trí Khải (viên tịch năm 597), người sáng lập ra Thiên Thai Tông, và sau đó thiền sư Đỗ Thuận (viên tịch năm 640) cũng đã giảng dạy quan niệm này. Theo các Ngài, Bản Thể với Hiện Tượng như nước với sóng. Sóng do nước hình hiện lên. Sóng được hình hiện lên là cái tôi, là vạn pháp, vạn tượng. Nước ở phía dưới là Bản Thể, là Chân Như, là Phật. Kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm cũng quảng diễn hai tư tưởng lớn đó.^[1]

Tô Đông Pha đã làm bài [Xích Bích phú](#) để trình bày quan điểm trên:

Tô tử đáp: Kia trắng, nọ nước,
 Nước kia trôi sau trước vẫn nguyên.
 Trắng kia tròn khuyết ngày đêm,
 Mà nào có giảm, có thuyền bao giờ.
 Trong biển chuyển nhìn ra trời đất,
 Thì đất trời phút chốc đã qua,
 Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,
 Muôn loài, muôn vật như ta vô cùng...

Trang tử, trong thiên Thu thủy, Nam Hoa Kinh cũng có nhận định tương tự:

Nhìn vạn vật từ trong phân biệt,
 Thời mật gan, Sở Việt khác xa.
 Từ trong đồng nhất nhìn ra,
 Muôn loài, muôn vật đều là một thôi.

Đối với Dịch Kinh, Bản Thể chính là Thái Cực; vũ trụ, quần sinh là bát quái; các hiện tượng đa tạp,

các hoàn cảnh chi li bên ngoài là 64 quẻ. Thái Cực là Thể; Vạn hữu là Dụng. Tuy nhiên:

«Thể dụng nhất nguyên;

Hiển vi vô gián.»

Thể với Dụng đều cùng nguồn mạch,

Hiển cùng Vi phân cách sao đang!

Thể là về phương diện Triết học, chúng ta đã mặc nhiên cùng nhau lên tới tuyệt đỉnh của thần trí, phóng mắt nhìn ra muôn phương, muôn ngả; bao quát vũ trụ, và đã không cho một thứ gì trong hoàn vũ lọt khỏi tầm nhìn, lối nghĩ, lọt khỏi vòng tay của chúng ta. Thật vậy, muôn loài đều nằm gọn trong hai chữ BẢN THỂ và HIỆN TƯỢNG, mà Bản Thể và Hiện tượng lại nằm gọn trong chữ MỘT viên dung, toàn mãn

Từ quan niệm triết học về Bản Thể và Hiện tượng nói trên, chúng ta có thể tiến thêm một bước nữa, để đi vào lãnh vực đạo giáo. Lúc này Bản Thể vì là Nguồn Sinh muôn vật, nên sẽ được gọi bằng Thượng đế, bằng Allah, bằng Đạo, bằng Thái Cực, bằng Chân Như. Hiện tượng sẽ là vũ trụ, quần sinh; sẽ là sinh linh vạn hữu; sẽ là vọng tâm, vọng ngã.

Trong phần trên, chúng ta đã chứng minh Bản thể không thể nào rời xa hiện tượng: đâu có Bản Thể, đấy có hiện tượng. Như vậy, bây giờ, chúng ta bắt buộc phải đi đến kết luận: Thượng Đế không bao giờ, và không thể nào rời khỏi được vũ trụ quần sinh. Tưởng mình sống rời xa Thượng đế, xa Thái Cực, Chân Như, dù là một phút giây, cũng là điều lầm lỗi lớn của nhân quần từ trước tới nay.

Tính Mệnh Khuê Chỉ, một quyển sách đạo Lão có thơ:

Yếu yếu, minh minh khai chúng diệu,

Hoảng hoảng, hốt hốt bảo châu khiếu,

Liễm chi, tiềm tàng nhất lập trung,

Phóng chi, di mạn hợp lục biểu. [2]

Phỏng dịch:

Yếu yếu, minh minh chúng diệu khai,

Phảng phất, hư vô vẫn một Trời.

Tiềm tàng, nằm gọn trong trần cấu,

Phóng phát, bao trùm khắp chốn nơi!

Lại có thơ

Tá vấn chân nhân hà xứ lai?

Tòng tiền nguyên chỉ tại linh đài!

Tích niên vân vụ thâm già tể,

Kim nhật tương phùng đạo nhơn khai!

Phỏng dịch:

Chân nhân ướm hỏi tới từ đâu?

Tâm khảm tiềm tàng sẵn đáy sâu,

Thủa trước linh đài vân vụ phủ,

Ngày nay chợt tỉnh, thấy bên nhau ! [\[3\]](#)

Thánh Giáo Sư Tập 1968- 1969 của Cao Đài giáo có thơ:

Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh.
Chúng sinh giác ngộ biết tu hành,
Thương yêu, mưa tách người khôn đại,
Điều độ, đừng chia kẻ dữ lành. [\[4\]](#)

Trong một đàn cơ khác có thơ:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng màng hạ giới dựng cao ngai,
Sang hèn trời kệ, tâm là quý,
Tâm ấy, tòa sen của Lão ngồi.

Vô Cấu Tử có kệ rằng:

Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không,
Đồng môn xuất nhập bất tương phùng,
Vô lượng kiếp lai nhẫm ốc trú,
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông! [\[5\]](#)

Phỏng dịch:

Đầu non ngũ uẩn một vầng không,
Vào, ra, cùng cửa chẳng tương phùng,
Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,
Tới nay nào biết chủ nhân ông.

Sự khảo sát về Bản thể và hiện tượng cho chúng ta một cái nhìn khái quát rằng từ trước tới nay nhân loại chỉ có hai con đường:

Một con đường mênh mông, sông Ngô, bể Sở, mà quần chúng ụa nhau đi vào. Họ tin rằng Bản thể dĩ nhiên phải lìa xa hiện tượng; Trường sinh phải rời xa kiếp phù sinh; Thượng đế, Allah, Ngọc Hoàng, hay Zeus chắc chắn là phải ngự trị trong những cung vàng điện ngọc nơi những thiên đình, những cung Bạch Ngọc, hay những Ô-Liêm-Bá (Olympia) xa tít tắp chín tầng mây. Phật, Trời phải ở Lhassa, Mecca hay ít nhất là trong những vương cung, những thánh đường, những đền đài miếu mạo nguy nga, mà mái được dát vàng, mà những ngọn tháp vươn lên cao như muốn ngạo nghễ với trời mây. Họ bằng lòng đi hành hương thật xa, thật gian khổ; có khi là đi ba bước một lay; có khi là đi một bước một lay, với thâm ý là để thần phật, từ trời cao trông thấy, sẽ động lòng thương mà ban ơn, mà độ trì, cứu rỗi. Họ đâu có ngờ rằng trái đất của chúng ta thật ra đang vờn xoay lơ lửng bên lề một giải Ngân Hà, trên dưới chung quanh đâu đâu cũng có thể gọi được là trời, không thể gọi đâu là trên, đâu là dưới... Họ ngụp lặn trong bể khổ trần gian, mà không bao giờ chịu tìm ra những phương pháp khoa học hữu hiệu để diệt khổ. Họ chuyên nịnh hót thần thánh, hối lộ thần thánh; đưa thần thánh vào con đường hủ hóa, tham những của trần gian; bắt thần thánh nhận tiền tài, lễ vật, để thiên vị, để bao che. Họ không cần sống thanh cao, không cần chuyển hóa nội tâm, mà phó mặc chuyện đó cho thần thánh. Thần thánh sẽ tẩy rửa, sẽ tể độ họ. Họ đặt tất cả

tham vọng vào một lai sinh và đạo giáo đối với họ chẳng qua là một cuộc đầu tư, buôn bán vĩ đại...

Con đường thứ hai là con đường hết sức chật hẹp, mà rất ít người tìm ra được, mà rất ít người dám đi vào. Đó là con đường nội tâm. Đó là con đường của Như Lai, của Lão, của Trang, của Khổng, của Mạnh, của Hán Chung Ly, của Lữ Đồng Tân, của Vương Trùng Dương, của Eckhart, của John of the Cross, của Ramakrishna, của Vivekananda, của Al Hallaj. Họ đi vào con đường này vì xác tín rằng Trời không bao giờ có thể lìa xa vạn vật, lìa xa con người; y thức như bóng với hình, như nước với sóng, không có bao giờ lìa xa nhau. Thế tức là Bản Thể không lìa xa hiện tượng; hằng cửu không rời khỏi biến thiên. Con đường này hết sức là giản dị, hết sức là gần gũi; chẳng cần đi mà đã tới liền. Thế là «Bất hành nhi chí» 不行而至 vậy. Đi vào con đường này, họ chứng nghiệm được từng bước tiến, từng những thành quả thâm lượm được. Họ đúng là những người khát mà được uống nước thật sự, ăn trái mai thật sự; chứ không như ai chỉ mơ uống nước, chỉ tưởng thấy rừng mai...

Chẳng hạn như ở bên Hồi giáo, có môn phái Bạch Y (Sufism). Sở dĩ có môn phái này là vì họ dựa vào một lời thánh kinh Coran (Quran): «Ta đã tạo nên con người; và ta biết tâm hồn nó thở than gì; và ta gần gũi nó hơn tĩnh mạch cổ của nó.» (Quran 50:16). Các đại Thánh thuộc môn phái này cho rằng vũ trụ hữu hình chẳng qua là những bức màn che dấu Thượng đế, và người thấu thị lúc nào cũng thấy Ngài, xuyên thấu qua bức màn hình danh, sắc tướng.

Baba Kuhi ở Shira (chết 1050) có bài thơ mà tôi phỏng dịch như sau:

Ở ngoài chợ, ở trong dòng,
 Ở đâu cũng thấy thuần ròng Chúa thôi.
 Xuống khe, lên núi, lên đồi,
 Ở đâu cũng thấy Chúa tôi tràn đầy.
 Giàu sang, nghèo khó tuy thay,
 Bao giờ cũng thấy Chúa ngay bên mình.
 Dù khi tĩnh tọa, cầu kinh,
 Ăn chay, giữ giới, thấy mình Chúa thôi.
 Bất kỳ hay dở trên đời,
 Truy nguyên vẫn thấy Chúa tôi rành rành.
 Mở to đôi mắt nhìn quanh,
 Trông gì cũng thấy hóa thành Chúa thôi!
 Nến tôi thấp cháy lửa Ngài,
 Hào quang vừa tỏa, Chúa tôi hiện hình,
 Mượn đôi mắt Chúa nhìn quanh,
 Bỏ đôi mắt tục, vẫn rành Chúa thôi.
 Giã từ hiện tượng hình hài,
 Lạ sao vẫn thấy Chúa tôi như thường.
 Tưởng mình tan biến, hư vương,
 Nào hay mình vẫn miên trường, vô biên. [6]

Rumi, một thánh nhân Hồi giáo khác, cũng dứt khoát cho rằng chỉ có thể tìm thấy Chúa trong tâm hồn con người mà thôi. Ông có thơ sau:

Tôi lục lạo khắp cùng Thiên Chúa Giáo,
Thánh giá nhìn lên, tôi thấy nó trống không!
Tăm tích Ngài, sao tôi thấy vẫn mịt mù!
Tôi lang thang trong chùa chiền, miếu mạo,
Ngài ở đâu, sao chẳng thấy hình dung?
Đá Kaaba, tôi quanh quất, ruối rong,
Đô hội ấy, mà sao Ngài vắng bóng!
Tâm hồn tôi, tôi nhìn tận bên trong,
Ồi lạ thay, kìa sao Ngài ở đó!
Thần trí tôi bỗng mãnh liệt động rung,
Rũ sạch hết bụi trần gây chia rẽ... [\[7\]](#)

Al Hallaj, một vị đại thánh Hồi giáo khác tuyên xưng:

Ta cùng với Đấng ta yêu,
Hai đấng là một, khôn chiều qua phân,
Một thân mà có hai thần,

Thấy ta, thấy Chúa, cũng ngần ấy thôi. [\[8\]](#)

Các vị Thánh hiền này có một điểm tương đồng là khinh thị những lễ nghi hình thức bên ngoài, mà các Ngài cho là rườm rà, phù hoa, không cần thiết; hơn nữa các Ngài không chịu gò mình vào trong vòng cương tỏa, triền phược của các tôn giáo có tổ chức bên ngoài, nên thường bị các giáo quyền ra tay bách hại. Các giáo quyền cho rằng đó là những phần tử phá rối trật tự, đầu độc quần chúng, có ý đồ làm khuynh đảo giáo quyền, vì thế cần phải trừ khử. Chính vì vậy mà Al Hallaj chẳng hạn, đã bị cầm tù chín năm; sau đó còn bị chặt chân tay, bị treo trên thập giá 3 ngày rồi đem xuống chém đầu cho chết, với tội trạng là làm lẫn lộn Trời, Người (cho Trời là mình, mình là Trời). Bàn tay công thẳng, sấm sét của Chúa cần phải trừng phạt những kẻ dám đứng ra chỉ trích, mặc dầu là chỉ trích những hủ hóa, những sai lầm; và cửa hỏa ngục cần mở ra để chờ đón những kẻ dám nghĩ rằng mình mến yêu Thiên Chúa, đến độ kết hợp với Ngài như một. Chắc là có nhiều Thánh Hiền trong quá vãng đã phải kinh qua dàn hỏa thiêu sinh của đám người thô bạo, cuồng tín, để mà siêu thăng miền cực lạc.

Còn quần chúng thì nghi kỵ, dè dặt, cười chê các Ngài, cho là bọn lập dị, bọn điên khùng; tại sao có người chẵn, người dẫu mình, mà lại không chịu ép mình vào vòng cương tỏa; lại dám sống khinh phiêu, hào sảng bên ngoài mọi ràng buộc, trói chằng. Tại sao không quì gối, cúi đầu, đấm ngực thú nhận mình là phạm phạm hèn, tội lệ; mà lại dám đứng thẳng người, ngưỡng mặt lên, như muốn khoe khí phách, hiên ngang, hào hùng cùng vũ trụ? Cần chi mà trèo cao, cần chi mà rắc rối! Sao chẳng bắt chước chúng ta, thấy người đàn địch, ta liền múa nhảy; thấy người sầu than, ta liền khóc lóc. Người bảo đi, thì ta đi; người bảo đứng, thì ta đứng; người bảo sao, ta nghe vậy; nói xuôi ta ừ xuôi; nói ngược ta ừ ngược; suy làm chi cho thêm mệt; nghĩ làm chi cho thêm phiền; có như thế, mới thật là đạo đức, khiêm cung; ở với Bụt, thì mặc áo cà sa; ở với ma, thì mặc áo giấy; sống ừ ừ, cạc cạc, cho đoạn thảng qua ngày; chính ngu si lại hưởng thái bình; cầu an thân, cầu lợi lộc cho mình có hơn không, cần gì mà phải phiêu lưu, lập dị!

Nhưng Thánh hiền xưa nay không nghĩ như vậy. Các Ngài mong muốn sống một đời sống huyền hóa với đất trời, mặc cho trần thế dèm pha, chỉ trích. Trang Tử viết đại khái trong thiên Tiêu Diêu Du, Nam Hoa Kinh như sau:

Hồn ta hỡi, hãy tiêu diêu,
Tung đôi cánh rộng, khinh phiêu chín tầng...
Hãy tung cánh chim bằng muôn dặm,
Cưỡi gió mây, bay thẳng về Nam,
Bay về quê cũ giang san,
Hồ trời vùng vẫy, miên man thỏa tình.
Mặc nhân thế rẻ khinh đàm tiếu,
Óc phàm phu sao hiểu Chí Nhân...
Vùi thân trong chốn hồng trần,
Họ như ve sẻ, qua lần tháng năm,
Tầm mắt hẹp, mà thân ti tiểu,
Kiếp phù du, nào hiểu chi đâu,
Thân lươn bao quản lấm đầu
Cốt sao cho khỏi cơ cầu thì thôi,
Phận sâu bọ, đành rồi sâu bọ,
Thân nấm rêu, nào rõ tuần trăng,
Ve sầu nào biết thu xuân,
Minh linh ngoài mấy vạn năm hay gì?...
Như Bành tổ, có chi là thọ,
Mà chúng nhân quá cỡ tán dương,
Người vui tước phận lý hương,
Người vui mũ áo, xênh xang trị vì.
Kìa Liệt tử, thích đi mây gió,
Cưỡi gió mây, đây đó thỏa lòng.
Còn ta khinh khoát vô cùng,
Sánh vai Nhật Nguyệt, vẫy vùng khinh phiêu,
Quên mình, quên hết mọi điều,
Quên tên, quên hết bao nhiêu công trình.
Sống đời sống thần linh sảng khoái,
Như Hứa Do, chẳng đoái công hầu,
Uống ăn nào có chi đâu,
Mà lo với lắng, cho rầu lòng ai.

Ta chẳng nói những bài phách lối,
 Lời của ta, đâu nổi hoang đường,
 Lời ta minh chính, đàng hoàng,
 Vì người không hiểu, trách quàng, trách xiên.
 Kẻ mù tối, sao xem màu sắc,
 Người điếc tai, sao bắt âm thanh.
 Cho nên những kẻ vô minh,
 Tối tăm, ù cạc, ngọn ngành hiểu chi,
 Sao biết được uy nghi, sang cả,
 Của những người huyền hóa, siêu linh,
 Đất trời gồm tóm trong mình,
 Lòng vào muôn vật, sự tình nào hai,
 Dầu sóng cả ngất trời không đắm,
 Dầu nóng nung, cũng chẳng làm sao.
 Trời mây mặc sức tiêu dao,
 Cho dù Nghiêu, Thuấn dễ nào sánh vai...

Tóm lại Thánh hiền, vì tin mình có Thiên tính, có Phật tính, nên khi đi vào tâm là để tìm Đạo, tìm Trời; khi đi ra ngoài xã hội, nhân quần, là đem nhân ái chan hòa, nhuần dưỡng khắp chúng sinh, vạn hữu. Cái điều mà các Ngài muốn rao truyền, chính là con người có Bản thể Thượng đế; con người không bao giờ có thể sống xa rời Thượng Đế. Nếu sống phối hợp với Thượng đế, chúng ta sẽ được khinh phiêu, hạnh phúc. Nếu sống xa rời Thượng đế, chắc chắn rằng chúng ta sẽ sống trong lo âu, khắc khoải.

Đạo Lão có câu:

Tâm dữ Đạo hợp,
 Tắc tạo Bồng Lai, Tam Đảo,
 Tâm dữ Đạo ly,
 Tắc tạo lục đạo, tam đồ. [\[9\]](#)

Tạm dịch:

Lòng người mà hợp lòng Trời,
 Ấy là Tam Đảo, Bồng Lai hẵn rồi,
 Lòng người mà tách lòng Trời,
 Tam đồ, lục đạo, lồi thoi, khốn nạn.

Chắc chắn rằng trong những thế kỷ sau 2000, nhân loại sẽ nhận chân được chân lý siêu việt này. Các phần tử tiền tiến Âu Mỹ, đều đã chấp nhận chủ trương: Trời tiềm ẩn trong lòng sâu vạn hữu, và hoạt động âm thầm trong tâm khảm mọi người.

Hội nghị quốc tế Thông Thiên Học tại Salzburg nước Áo, năm 1966 vừa qua, đã có những lời tuyên ngôn hết sức nẩy lửa, ví dụ như:

Trong ta có một Vô Cùng... Giác ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người... Thời buổi này, cần phải nhận chân rằng trong mọi con người, có một tàn lửa Thiên Chân, và những khả năng vô biên, vô tận... Tôn giáo xưa cho rằng: Trời và người xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời, người là một... Người ta thấy Thượng Đế trong tạo vật Ngài... Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này vĩ đại như sự khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người một quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh vật chất kỳ diệu... [\[10\]](#)

Để kết thúc, và cũng là để cho bài luận đàm này được một chút mùi hương dân tộc, tôi mượn bài thơ trong Thánh Giáo Sưu Tập, Cao Đài, 1970-1971, như sau:

Đạo tại tâm hề, Phật tại tâm,
Vọng cầu bên ngoại, thị hôn trầm,
Nhân nhân tự hữu Như Lai tánh,
Tánh đức Như Lai, pháp diệu thâm. [\[11\]](#)

Tạm dịch:

Đạo tại tâm hề, Phật tại tâm,
Lầm tìm ngoại cảnh, ấy mê lầm,
Người người vốn sẵn Như Lai tánh,
Đạt tánh Như Lai, đạo mới thâm.

CHÚ THÍCH

- [\[1\]](#) P. Leon Wieger S.J. Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine depuis l'origine jusqu'à nos jours, Hien- hien, Chine, 1917, pp.541- 559.
- [\[2\]](#) Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hạnh, tr. 11a.
- [\[3\]](#) Ib. tr. 11a.
- [\[4\]](#) Thánh Giáo Sưu Tập, 1968- 1969, tr. 86.
- [\[5\]](#) Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hạnh, tr. 11a.
- [\[6\]](#) Prof. L.F. Rasbrook Williams Ed; Sufi Studies, East & West; E.P. Dutton Co, Inc.,New York, 1973, p. 57.
- [\[7\]](#) Ib. p. 70.
- [\[8\]](#) Nasrollah S. Fatemi & al.,Sufism, Message of Brotherhood, Harmony, & Hope, A. S. Barnes & Co, S. Brunswick & New York, 1976, p. 48.
- [\[9\]](#) Thái Thượng Bảo Phiệt.
- [\[10\]](#) Lotus Bleu, 72e Année, No 4, Avril, 1967, p.15 & Lotus Bleu 72e Année, No 12, Dec. 1967, p.327.
- [\[11\]](#) Thánh Giáo Sưu Tập, 1970- 1971, tr.52.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 2

THỬ ĐI TÌM MỘT VŨ TRỤ QUAN

Lúc còn nhỏ, tôi đã từng sống nhiều năm ở những làng quê Bắc Việt, làm quen với những mảnh vườn nho nhỏ, giếng cam, chanh, chuối, mít; với những hồ, ao xinh xinh, nước trong veo suốt đáy, nhìn thấy được cả những đàn cá lội tung tăng. Tôi thích ném xuống mặt ao những hòn sỏi nhỏ, để tạo nên một tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm xinh xắn, cứ thế lan tỏa ra khắp mặt ao. Tôi thật không ngờ rằng cái trò chơi trẻ con ấy, sau này lại giúp tôi đi sâu vào cơ cấu vũ trụ, và tạo nên được một vũ trụ quan.

Số là trong những năm 1956, 1958, khi khảo về Trung Dung và Dịch Lý, tôi lại thấy hiện ra hình ảnh các vòng tròn đồng tâm trên mặt ao hồ; rồi tôi lại miên man liên tưởng đến các vòng tròn do âm thanh và quang tuyến, từ các đài phát thanh, các đài truyền hình sinh ra trên không trung, mỗi khi các đài ấy hoạt động. Nhân đó tôi nhận ra rằng đó chính là một định luật phổ quát. Suy ra, thì lớn như hoàn vũ, nhỏ như Thái dương hệ, li ti như nguyên tử, nhất nhất đều được cấu tạo nên theo mô hình Tâm điểm và Vòng tròn. Cái tâm điểm là trung tâm sinh xuất ra các vòng tròn hiện tượng bên ngoài.^[1] Và tôi khám phá ra rằng: Vũ trụ hữu hình này đã do một Chân Tâm; một Trung Tâm vô hình sinh xuất ra. Tâm điểm là Nguồn sinh hóa; các vòng bên ngoài là những hiện tượng biến thiên. Tâm điểm là tinh hoa; các vòng tròn bên ngoài có nhiệm vụ làm bao bì, làm xác, làm da, làm vỏ che chở.

Lại nữa, Cái Bản Thể ấy đã dùng chính năng lực mình, chính sinh lực mình, chính bản thể mình mà sinh hóa ra vũ trụ, quần sinh. Nói theo danh từ Triết học, tôi thấy rằng: Bản thể vô biên tế đó đã phóng phát, tán phân thành vũ trụ. Thế tức là, vũ trụ này đã hình hiện lên từ một Bản Thể, từ một Tâm điểm, có một nguồn năng lực vô cùng, có những khả năng vô biên tận. Tất cả đều như là một cây pháo bông muôn màu, tung tỏa miên trường vĩnh cửu. Tôi thấy sinh linh, vạn hữu, như là những tia ánh sáng, phát huy từ một vùng dương Bản thể; hay như là những tiểu thể quang hoa, tự nhiên sinh xuất ra từ một nguồn sinh vô tận đó. Vì Bản thể, và Hiện tượng luôn luôn cặp kè nhau như bóng với hình, nên tôi thấy không cần phải đặt ra những câu hỏi: Tại sao Bản thể lại sinh xuất ra Hiện tượng; cũng như tôi không hỏi tại sao mặt trời lại tung tỏa ánh hào quang.

Quý vị nào rành về triết lý nhà Phật, sẽ thấy học thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể của tôi, và phương thức Phóng phát, Tán phân tôi đã dùng để cắt nghĩa sự hình hiện của vũ trụ, nó hao hao giống với thuyết Chân Như duyên khởi, hay A Lại Da duyên khởi, hay Lục Đại duyên khởi...

Tôi nhận thấy rằng giữa Bản thể vô biên và quần sinh vũ trụ, có một cái gì liên tục; cũng như giữa sinh linh với sinh linh, có một cái gì gắn bó; tất cả đều liên lạc với nhau, tất cả đều hỗ tương ảnh hưởng đến nhau, tất cả đều như cùng hội cùng thuyền, y thức như người xưa đã nói: Nhất tức nhất thiết; Nhất thiết tức Nhất: Một là Tất Cả, Tất cả là Một, để tạo nên một đại thể huy hoàng, toàn bích...

Tôi thấy vũ trụ này, lúc thì như muôn vàn làn sóng bạc đầu nhô lên trên mặt trùng dương Bản thể vô biên tận; lúc thì sóng lại trở về với nước; tái tạo lại một mặt biển im lìm, phẳng lặng như mặt gương.

Vũ trụ lúc sinh hóa thành muôn hiện tượng bên ngoài, làm liên tưởng đến hơi thở ra của Hóa Công và khi hiện tượng trở lại về lòng Bản thể, làm liên tưởng đến hơi thở vào của Hóa Công. Một hơi thở ra và một hơi thở vào lâu lai không biết bao là A Tăng Kỳ kiếp...

Nhìn vào những hiện tượng phù du, hư ảo liên tiếp xảy ra bên trên Nguồn Sinh Bản Thể, làm cho nhiều người mừng tưởng như là Hóa Công - một danh từ mà tôi tạm gán cho Bản Thể - đang nằm mơ một giấc mơ hoa; hay đang phô diễn những trò ảo hóa; hoặc như đang chơi một trò chơi kỳ thú.

Có lẽ vì vậy, mà trong Cung Oán Ngâm Khúc ta thấy Nguyễn Gia Thiều đã viết:

Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Và trong bài thơ 'Thăng Long thành hoài cổ' của Bà Huyện Thanh Quan, ta thấy Bà than thở:

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường,
Tới nay thắm thoát mấy tang thương,
Dấu xưa xe ngựa, hồn thu thảo,
Đền cũ lâu đài, bóng tịch dương...

Từ những khẩu hiệu: Thiên địa vạn vật đồng nhất thể; Nhất tán Vạn, Vạn qui Nhất, tôi đã rút tĩa ra một định luật biến dịch hết sức là quan trọng: Đó là định luật Tán Tụ (Văng Lai). Mới đầu, khi Bản Thể tung tỏa ra quần sinh, vũ trụ, thì là Tán, là Văng, là đi ra, là tản mạn, tung tỏa ra khắp cùng muôn phương, muôn ngả. Hết Tán rồi sẽ phải Tụ; hết đi ra rồi lại phải trở về với quê hương cũ; với Bản Thể uyên nguyên. Người xưa gọi thể là Qui Nguyên phản Bản, hay Qui Căn phản Bản. Lão Tử đã viết trong Chương XVI Đạo Đức Kinh:

Phù vật vân vân,
Các qui kỳ căn,
Qui căn viết tĩnh,
Phục mệnh viết trường

Phỏng dịch:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn Bản Nguyên.
Hoàn Bản Nguyên, an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng...

Khảo Thiên Văn Học hiện đại ta cũng thấy nhiều Thiên văn gia đã chủ trương vũ trụ này đã được phóng phát ra, tung tỏa ra từ một Tâm điểm, và hiện nay vũ trụ đang ở trong thời kỳ tán phân. Nhà bác học người Bỉ, Georges Edouard Lemaitre (1894- 1966), là người đã chủ xướng và chứng minh thuyết Vũ trụ khuếch tán, thường được mệnh danh là Big bang theory, hay là The Expanding universe theory: Nhờ phương pháp thâm quang phổ (spectroscopy), và dựa vào định luật Dopler- Fizeau, các nhà Thiên văn học khám phá ra rằng các giải ngân hà đang đua nhau tiến về miền biên viễn, và vũ trụ này như là cái bọt xà phòng của trẻ con chơi, đang được thổi phồng lên, theo lý thuyết của Georges Lemaitre, một lý thuyết đã được sự tán đồng của những Thiên văn gia cự phách như Hubble, Edwin Powell (1889-1953), hay Eddington, Arthur Stanley (1882- 1944) [2]. Định luật Dopler-Fizeau cho hay, nhìn vào quang phổ, ta thấy

quang phổ các giải Ngân hà xê dịch dần dần về phía màu đỏ, y như tiếng còi tàu, càng ngày càng thấp giọng, khi tàu trườn mình phóng mãi xa ta... Sự kiện khuếch tán này càng ngày càng đưa các vì sao xa dần trái đất; muôn triệu vì sao không còn đủ soi cho trái đất; sức nóng của các vì sao không còn đủ để sưởi ấm trái đất trong những đêm băng giá. Dựa vào định luật Tán Tụ, Vãng Lai, tôi mừng tưởng rằng trong một tương lai còn xa xăm mờ mịt, các vì sao, các giải Ngân hà nói trên, sẽ dần dà trở gót lẳng du, để quay về an nghỉ trong hậu trường Bản thể. Những vì sao đã luống tuổi đời lúc ấy, sẽ góp ánh sáng tàn của mình để sáng soi cho trái đất, thay cho ánh sáng đèn điện, đèn dầu, như lời tiên tri trong sách Khải Huyền (Revelations):

«Lúc ấy, sẽ không còn đêm; sẽ không còn cần đến ánh sáng của lửa đuốc, hay của vầng thái dương; vì Chúa sẽ sáng soi cho họ, và họ sẽ trị vì muôn kiếp...» (Khải Huyền 22:5)

Vũ trụ mà đang tán, thì nhân quần cũng đang ly tán. Trái đất ngày nay đã được chia thành vô số nước. Trời đất hiện nay được chia thành những mảnh con con, y như những ô trong bàn cờ quốc tế: trời đất chỗ này là của Mỹ; chỗ kia là của Pháp, của Đức, của Tàu, của Nhật. Muốn đi đâu, ai nấy phải có sẵn trong túi một giấy thông hành, nếu không sẽ sinh tai họa. Như vậy tỏ ra chúng ta chưa phải là những con người "tự do"; chúng ta chưa thực hiện được câu "Bốn bể là nhà". Còn tán, thì còn chia ly, tranh chấp; chính vì vậy, mà thế giới của chúng ta, đáng lý phải là đào nguyên lạc cảnh, than ôi, đã bao phen trở thành những chiến địa hải hùng...

Sự phân kỳ, tàn mạn không phải chỉ nguyên có trong lãnh vực chính trị; mà nạn sứ quân còn hoành hành cả trong lãnh vực đạo giáo. Chân lý của đất trời bị phân quang trong các lăng kính đạo giáo; và biết bao lần, thần thánh đã bị lôi cuốn vào trong những thánh chiến, làm máu đào nhuộm đỏ đất đai, hoa cỏ...Đáng kính phục thay là Krishnamurti: Khi Thông thiên học chuẩn bị làm lễ đăng quang, mời ông lên ngôi Giáo Chủ Thông Thiên, ông đã khẳng khái trả lời đại khái rằng: Thế giới đã có quá nhiều lồng, nên ông không muốn tạo thêm lồng để nhốt nhân loại; sau đó ông rũ bỏ, từ khước mọi phú quý, vinh hoa, mà Thông Thiên Học dành cho ông, để sống một cuộc sống an bần lạc đạo, «kho trời chung, mà vô tận của mình riêng...»

Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta cũng nên mừng, vì thấy các lãnh tụ đạo giáo đã bắt đầu rụt rè, giơ tay, bắt tay nhau, tỏ tình thân thiện. Phải chăng đó là dấu chỉ con người sắp sửa bước vào con đường qui tụ, hiệp hòa; con người đã bắt đầu nhận thấy cái Ngã Mạn Độc Tôn là cái raát vô lý, và là mầm mống gây họa hại cho nhân quần.

Tôi mơ thấy rằng trong một tương lai không mấy xa, thiên hạ sẽ dần dần thật sự bắt tay nhau trong tình huynh đệ, bất kể màu da, sắc áo; bất kể tín ngưỡng đạo giáo; trọng kính nhau vì tư cách, vì kiến thức, vì tác phong, phẩm hạnh của nhau, chứ không phải vì theo đạo này hay theo đạo nọ. Tôi mơ thấy rằng trong một tương lai không xa, những đôi uyên ương khác tín ngưỡng tha hồ được tự do lấy nhau, xây tổ ấm với nhau, chẳng bị một ràng buộc nào. Sau khi đã có gia đình, tình yêu của họ càng mặn nồng hơn: thay vì dưới mái ấm, có một bông hoa tôn giáo, nay lại có sẵn hai bông, đua sắc đua hương, dưới cặp mắt từ bi, và dưới bàn tay chúc phúc của một Cha chung nhân loại...Con cái đẻ ra, dẫu bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái, cũng chẳng sao.

Tôi cũng có đồng một giấc mơ như mục sư Luther King: Trong bài diễn văn ứng khẩu tại Washington, ngày 28- 8- 1963, trước 250.000 người, Luther King nói: «Tôi hôm nay nói với các bạn rằng: Dẫu chúng ta gặp nhiều khó khăn trong ngày mai, ngày mốt, tôi vẫn có một giấc mơ. Đó là một giấc mơ, ăn rễ sâu vào giấc mơ của dân nước Mỹ. Tôi mơ thấy rằng một ngày kia quốc gia này sẽ vùng dậy, sẽ sống thực sự cái niềm tin của nó. Niềm tin ấy là: «Mọi người hiển nhiên đã được tạo dựng nên bình đẳng.» Tôi mơ thấy

rằng một ngày kia, trên những ngọn đồi đất đỏ xứ Georgia, con những nô lệ xưa, và con những chủ nô lệ xưa, sẽ cùng nhau ngồi chung chiếc bàn huynh đệ. Tôi mơ thấy rằng một ngày kia, ngay cả đến tiểu bang Mississippi, một tiểu bang đầy rẫy những bất công và áp bức, sẽ biến thành một lạc cảnh tự do và công bình. Tôi mơ thấy rằng đoàn con nhỏ của tôi một ngày kia sẽ sống trong một nước mà người ta sẽ không đánh giá chúng bằng màu da sắc áo, mà bằng tâm trí chúng, và tính nết chúng.

Khi chúng ta để tự do rung vang lên trong mọi thành thị, mọi thôn xóm, chúng ta sẽ làm cho cái ngày ấy chóng đến, cái ngày mà mọi người đều là con Thiên Chúa, người da đen cũng như người da trắng; người Do Thái cũng như người ngoại giáo; người Thệ Phản cũng như người Công giáo, mọi người đều bắt tay nhau hát lên những lời rằng: «Cuối cùng chúng ta đã tự do; cuối cùng chúng ta đã tự do!..Lạy Chúa toàn năng, cuối cùng chúng ta đã tự do!»

Cho đến bây giờ, người Âu Châu chưa nhận định ra rằng sự biến hóa của trời đất diễn biến thành một chu kỳ vãng lai, phản phục, tuần hoàn. Đối với họ, sự biến hóa chỉ đi theo con đường thẳng, chỉ có một chiều, y như dòng thác từ cao sa xuống thấp. Lẽ dĩ nhiên là họ phải bi quan, phải lo sợ cho tương lai. Trong các sách vở, trong các báo chương, trên tường vách nơi phố xá, ta thường thấy họ quảng cáo ngày Tận thế, dựa trên những lời tiên tri của sách Khải Huyền (Revelations), như ca sĩ quảng cáo ngày đại nhạc hội. Chẳng hạn, như trên đường Fairview, gần góc Sunflower, ta thấy có tấm bảng đề: Marana tha «Xin Chúa hãy đến». Và đâu đó, trên một bức tường khu vực Santa Ana, cũng thấy đề: The Lord is coming soon (Chúa sắp giáng lâm). Hãng hái nhất là Giáo phái Cơ Đốc phục lâm (The seventh day Adventists) đang dùng chiêu bài Tận thế để thu hút tín đồ mới. Họ tin rằng sắp sửa có những trận chiến long trời lở đất, giữa binh thần và tướng quỷ, nghe mà hoảng cả hồn, nhất là đối với những người xấu số vừa trải qua mấy chục năm binh lửa ở Việt Nam, lại đeo thêm bệnh yếu thần kinh, ảm ức, u sầu, vì chưa thích ứng được với hoàn cảnh mới, ở đất Mỹ, đầy cạnh tranh, và kích động này. Họ khuyên chúng ta mau ghi danh vào đạo họ để dự vào số 144.000 người được tuyển lựa, được đưa lên sống an toàn trên không trung, thoát cảnh khổ đau, lúc nắng lửa, mưa dầu; lúc trăng sao sa xuống trái đất này, nhiều như những trái và rụng. Nếu chúng ta lẩn tránh, không ghi danh kịp bên phía Cơ Đốc Phục Lâm, thì xin tới ghi danh vào giáo phái Chứng nhân đấng Jehovah (Jehovah's Witnesses) cũng chưa muộn. Nếu không kịp nữa, thì hãy nhớ đến đạo Mormons, một đạo dành cho những vị "Thánh nhân của những ngày tàn thời mạt kiếp" (Latter days Saints). Trái lại, nếu chúng ta chấp nhận một cuộc biến hóa hai chiều thì chúng ta lại có quan điểm khác: Chúng ta thấy rằng nhân loại sẽ trải qua một khúc quanh; một khúc quanh có thể được đánh dấu bằng tai họa, bằng chinh chiến, nhưng rồi cũng sẽ đi đến sự tốt đẹp. Thế là: "Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cừ." Theo thiển ý tôi, tận thế không thea sắp xảy ra được vì những lý do sau đây: Thứ nhất, về phía nhân loại, khi con người tiến tới một nền văn minh vật chất cùng cực, khi mà các siêu cường đã chất chứa không biết cơ man nào là bom khinh khí, bom nguyên tử, bom hơi ngạt, bom vi trùng, lúc ấy, các nhà lãnh đạo chính trị trên thế giới mới phát run lên, vì thấy một lệnh mình truyền ra, sẽ có trăm triệu sinh linh lập tức lìa cõi tục, bất kỳ là bạn hay là thù. Như vậy sẽ chẳng ai có lợi; nếu thế, tại sao không thay đổi lập trường, bắt tay thân thiện với nhau? Thế là, trong khi các đàn em hăng say thề không đội trời chung với nhau ở phía dưới, thì ở phía trên các bậc lãnh tụ hai khối đối lập, lại bắt tay nhau, hàn huyên, yến tiệc, du ngoạn cùng nhau, như thể là trong tình ruột thịt, toan tính một chuyện tương lai chung sống hòa bình... Thứ hai, về phía Thượng Đế, Ngài lại càng không có lý do gì chính đáng để nổi trận lôi đình, thịnh nộ, tiêu diệt nhân loại và hoàn vũ. Nếu nhân loại có xấu xa đến mấy chẳng nữa, cũng chỉ là vì đã lây tội tổ tông, lây một cách oan uổng, vì nào có được dự phần vào chuyện hưởng hưởng hoa tội lệ ấy đâu. Vả lại, tội ấy tuy tày trời, nhưng đã được chính Ngài giáng trần ra tay cứu rỗi. Phải chăng sự cứu rỗi ấy chưa toàn vẹn, vì thế nên trần hoàn này còn bao nhiêu là chềch mác dở dang. Hơn nữa, theo kinh nghiệm cho thấy, nếu

Ngài phá trần hoàn này đi, Ngài cũng sẽ không dựng nên được một trần hoàn khác đẹp đẽ hơn. Ngài đã chẳng phải toàn năng, toàn trí, khi dựng nên trần gian, hoàn vũ này hay sao? Cho nên, chính là để bảo toàn vinh danh Ngài, Ngài sẽ không để cho mọi chuyện giữa đường đứt gánh. Vì thế, về mặt nào đi chẳng nữa, thì tấn kịch gian trần này cũng chưa thể nào kết thúc, khi mà mọi sự còn đang dang dở, khi mà mọi tình tiết còn đang rắc rối, éo le; khi mà con người, còn như đứa con hoang đàng, đang còn vui gót lẳng du, đang còn mê lạc thú gian trần, còn dùng daèng chưa muốn trở gót tìm về Thiên quốc cũ! Than ôi, nhân loại đã bao lần gán cho Ngài tiếng bạo chúa, chuyên nổi giận lôi đình, mặc dầu không biết bao phen Ngài đã phải cải chính «Ta đây là Đấng từ nhân». Và lại nếu mọi việc xảy ra mà đúng với dự đoán của những con người nông cạn, thì hoàn vũ này đã trải qua không biết là bao nhiêu lần thế mạt.

Mong rằng, những lời biện giải chân thành nói trên không bị phê phán là hoang đường, ngạo mạn. Tôi tin chắc rằng L.M. Teilhard de Chardin cũng đồng ý với tôi rằng Tận thế chưa thể xảy ra, vì con người đang và sẽ còn cần rất nhiều thời giờ để tiến tới điểm Omega; tức là tới giai đoạn Thần Linh như ông đã chủ trương trong học thuyết lừng danh thế giới của ông gần đây.

Ngược lại, nếu chúng ta chấp nhận cuộc biến dịch tuần hoàn, chúng ta sẽ thấy sự biến hóa của vũ trụ quần sinh này hết sức là đẹp đẽ, và hết sức có ý nghĩa. Biến hóa để trở về hội ngộ, hòa hợp với Hóa Công, để Thủy Chung như nhất. Tất cả chỉ là một Nguồn sinh lực diễn biến dần dà, từ Trung tâm ra tới các tầng lớp bên ngoài rồi lại chuyển hóa, xoay mình, băng qua các tầng lớp biến thiên từ ngoài vào trong, cho tới Trung tâm nguyên thủy, tạo nên một vòng sinh hóa có giới hạn, có tiết tấu, có mạch lạc, có nguyên ủy, thủy chung. Ngày nay tan, thì ngày sau sẽ hợp. Vòng đại tuần hoàn của vũ trụ chẳng qua cũng như tình non nước, mà Tản Đà đã ngâm vịnh bằng những lời thơ đẹp đẽ sau

Dẫu rằng sông cạn, đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa,
Non cao đã biết hay chưa,
Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn,
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui,
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non, nước nước chưa nguôi lời thề.

Sách Tu Chân Bất Tử Phương, đạo Lão, có lời rằng: «Hậu thắng, tiền giáng định nhất chu» nghĩa là «Trước xuống, sau lên, định một vòng». Ý muốn nói vòng tuần hoàn của trời đất, phải là Âm trước, Dương sau; nghĩa là mới đầu tinh thần phải nhập thể, phải lồng vào vật chất để biến cải, phát huy vật chất, thì sau này vật chất mới giúp cho tinh thần siêu thăng được.

Thiệu Khang Tiết chủ trương: «Vạn vật tòng Trung nhi khởi, tòng Trung nhi chung» (Vạn vật từ Trung hình hiện, về Trung lai hoàn).

Chiêm tinh học Âu Châu mô tả quan niệm biến dịch tuần hoàn trên như sau: «Nguyên Động Lực tự phối ngẫu, để biến từ thể tiềm phục đến thể hiển hiện; từ Nhất đến Vạn; từ vô tướng đến hữu hình; từ tinh thần đến vật chất; từ thế giới vô sắc tướng, đến thế giới hình tướng; từ khinh thanh đến trọng trọc. Trên

đoạn đường thoái hóa này, thần khí càng ngày càng ẩn áo sau nhiều bức màn hiện tượng dày đặc, cho đến cùng đường vật chất. Khi đã đến điểm thấp nhất của chu kỳ, thần khí hay Đạo lại lộn ngược lại, băng mình qua nhiều lớp hình thể ngày càng khinh thanh, tiến dần về các giới vô hình, vô tướng, để cuối cùng trở về trạng thái Bản Nguyên. Đó là ý nghĩa vòng Hoàng Đạo.» [\[3\]](#)

Nhìn vào cái vũ trụ biến thiên đa tạp bên ngoài, thay vì bi quan, sầu khổ, tôi lại thấy rằng có biến thiên, có đổi thay như vậy mới đẹp đẽ, mới sống động. Một khúc nhạc hay, không thể nào đồng điệu; một tấn tuồng hay, không thể nào tẻ nhạt, ù lì. Cái đổi thay, cái biến động cốt là làm cho vũ trụ và nhân quần lúc nào cũng mang một bộ mặt xinh tươi, trẻ trung, đẹp đẽ. Khi lớp người già sửa soạn về châu Trời, thì lớp trẻ lại hùng dũng tiến lên thay thế. Chính nhờ sự biến thiên, sự thay thế, sự tiếp sức nhau như vậy, mà cái tạm bợ, cái phù du mới chạy đua được với cái bất biến, cái vô cùng. Thu năm nay đi, năm sau còn trở lại. Đào năm nay tàn đi, nhưng năm sau nở lại, để góp cơn với gió Đông.

Thế tức là:

Từ biến chuyển, nhìn ra trời đất,
Thì đất trời phút chốc đã qua,
Từ trong bất biến nhìn ra,
Muôn loài muôn vật như ta vô cùng.
(Tô Đông Pha, Xích Bích phú)

Nhìn vào cái vũ trụ biến thiên vô cùng phức tạp này, ta đừng quá bi quan, chỉ nhìn thấy cái loạn, mà không nhìn thấy cái trị; chỉ nhìn thấy cái mâu thuẫn tương tranh, mà không nhìn thấy cái hòa ca, tương trợ. Kìa xem muôn triệu sao trời, nhỡ muôn nghìn hạt cát vương vãi trên không trung vô tận, thế mà làm sao vẫn "anh đi đường anh, tôi đường tôi", chẳng hề có va chạm nhau. Xa lộ trời khác với xa lộ gian trần là không có cảnh trắng sao đâm nhau, gây tai nạn, gây trở ngại lưu thông cho muôn vì tinh tú khác. Cả đến những sao chổi như Halley, cũng vẫn len lỏi tìm ra được con đường mình đi, chẳng hề gây phiền lụy cho ai.

Kìa xem muôn triệu tế bào trong con người: Chúng luôn luôn hòa hài cộng tác, thường xuyên truyền tín hiệu cho nhau, luôn luôn hỗ trợ lẫn nhau, chính vì vậy mà con người mới được sung sướng, khỏe mạnh.

Suy cho cùng, chống đối, mâu thuẫn, là cái gì phiền diện, cái gì bất thường, cái gì ngoại lệ. Hòa hài, đoàn kết mới là cái gì cố hữu, cái gì thường xuyên, mới là thông lệ.

Tôi lấy làm lạ là làm sao mặt trời kia nóng hàng triệu độ, mà khi xuống tới trần hoàn, sức nóng chỉ còn lừng lờ, từ vài chục độ, tới trăm độ Fahrenheit!

Mỗi lần buổi sáng, mở vòi nước rửa mặt, tôi lại cảm ơn nhân quần, vì tôi đang sống ở sa mạc Cali, mà vẫn có đầy đủ nước mà xài, với một giá rẻ mạt. Giòng sông Santa Ana tuy hầu như quanh năm khô cạn, tôi vẫn không lo, vì nước tôi dùng đã được vận chuyển từ Colorado về.

Tuy chỉ là một phần tử nhỏ nhoi trong trời đất vô biên, tôi vẫn cảm thấy mặt trời và trăng sao như là của riêng tôi. Mặt trời soi sáng cho tôi mỗi ngày; mặt trăng làm lịch cho tôi xem hằng tháng; và tôi thậm chí trách sương khói Cali đã làm mờ hết bầu trời đầy sao của tôi, làm tôi không còn thấy Ngưu Lang, Chức Nữ; không còn thấy Ô Thước bắc cầu Ngân sang; không còn thấy con vịt khi thì cúi mình, khi thì ngóc cổ, kiếm ăn bên giải Ngân Hà. Tuy đôi khi vẫn thấy sao Lang (Sirius), vẫn thấy chòm sao Tất, Chủy, chứa đựng lạp thần Orion nơi phía đầu nhà; nhưng sao Lang, tôi thấy có màu sắc Ai Cập hơn, và chòm sao

Orion có hình thái Hi Lạp hơn, trong khi các bậc tiền bối trường thượng Việt Nam bây giờ lại khuyến dụ tôi phải tìm cho ra hương sắc Việt Nam ở khắp muôn nơi... Tôi yêu dạ lý hương, đưa mùi hương đến cho tôi lúc ban đêm. Tôi yêu những bông hồng mà bạn tôi cho phép ngắt, để đem về cắm bình nhà. Tôi cảm ơn bầu không khí trong lành mà không lúc nào trời đất không dành sẵn cho tôi. Mỗi khi tôi thấy cung CÁCH những bệnh nhân vào nhà thương phải bỏ tiền ra mua dưỡng khí, tôi mới thấy đất trời hết sức rộng lượng với tôi; tuy nhiên vẫn thầm chê đất trời là không biết tính toán, buôn bán, làm giàu. Sống an toàn ngày nay, nhiều khi tôi thả hồn mộng cho thời gian xô lùi về cảnh đời dĩ vãng, tôi thấy tôi mắc nợ biết bao là chiến sĩ đã xả thân ngoài chiến địa, cho tôi được sống những ngày thanh thoi tại Sài Gòn, rờn rã trong mấy chục năm trời chinh chiến.

Tôi cảm ơn các chuyến máy bay đã đưa tôi từ miền Cộng Sản sang tới Mỹ Châu. Khởi hành từ Thái Lan vào 6 giờ chiều ngày 22 tháng Giêng năm 1982, tôi đã ghé Hồng Kông, ghé Anchorage (Alaska), giáp ranh Bắc Cực, để rồi đáp xuống phi trường Oakland, (San Francisco), hồi 7 giờ sáng ngày 22. Thế là tôi đã đi ngược dòng thời gian, bay qua muôn vạn dặm, mà không mất phút giây nào, lại còn lãi được 11 giờ, làm cho tuổi tác trẻ trung thêm. Thật là kỳ kỳ hơn chuyện thần thoại. Tôi rất cảm ơn những người mà tôi xa lạ, đã hết sức niềm nở đón tiếp tôi, tận tình giúp đỡ tôi, lo lắng cho tôi được «an cư, lạc nghiệp». Những bài học triết học, những ý nghĩa triết học về thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, về quan niệm vạn vật tương ứng, tương thông, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng, tôi đã tìm ra, mà chẳng cần phải đọc Pháp Hoa, hay Hoa Nghiêm; chỉ việc rút tỉa từ đời sống hằng ngày, từ những ánh mắt triu mến, từ những cử chỉ thân yêu của tha nhân.

Tôi cảm ơn cái màn ảnh vô tuyến đã cho tôi «thiên lý nhãn», vì bất kỳ giờ nào, phút nào cũng cho tôi biết tin tức và hình ảnh muôn phương, bất kỳ là ở ngoài, hay ở trong bức màn sắt, bức màn tre.

Tôi cảm ơn cái điện thoại vô tri bên tôi đã cho tôi «thiên lý nhĩ». Tôi chỉ cần xoay xoay, hay bấm bấm mấy con số, là lập tức đã có thể đàm thoại với bè bạn muôn phương.

Tôi thấy tôi gắn bó với đất trời, với những tinh cầu xa muôn vạn dặm. Thấy các giải Ngân hà đang chạy xa tôi, tôi cảm thấy lòng như thêm hoang vắng. Thấy hiện ra thêm một tinh vân mới nào, tôi thấy như gia tài thiên nhiên lại giàu có hơn một mức. Tôi không thích mặt trời có những vết nhò nhem trên gương mặt. Tôi lại hết sức không ưa chuyện trái đất chuyển mình, hờn giận, làm cho dân Cali nhiều khi xanh cả mặt, nát cả lòng.

Tôi thấy tôi gắn bó với khắp nhân quần: thương những người Ethiopia đói khổ; thương những người Afghanistan, Nicaragua, đang xả thân, chống lại bạo quyền. Và cứ thế miên man đến sinh linh:

Thương con quốc rử kêu mùa hạ,
Thương cánh bèo trôi giạt bể Đông,
Thương vợ chồng Ngâu, duyên chĩnh mằng,
Thương cha mẹ nhện số long đong...

Tôi cũng thấy tâm linh tôi keo sơn, gắn bó với Nguồn sinh của đất trời.

Tôi thấy tôi như đang ngập lặn trong một tình yêu vô biên của trời đất, của nhân quần.

Tôi cũng không hiểu sao mà trời đất, mà muôn vạn sinh linh lại thương yêu tôi đến như vậy. Mỗi khi bước vào các siêu thị, tôi thấy bày la liệt, nào tôm, nào cá, nào thịt, nào rau; gừng, nghệ, tỏi, hành, cà chua, su hào, bắp cải, hồng, nho, lê, táo, chẳng thiếu một thứ gì. Bỗng tôi thấy như thân xác tôi đang được

xé thành nhiều mảnh vụn, bày trong lồng kính, xếp trên quầy hàng. Đúng như vậy, vì nếu tôi mua các thứ đó về nhà, nếu nhà tôi ra tay xào nấu thì chỉ ít giờ sau, tất cả những thứ đó, sẽ trở thành xương, thịt tôi, không còn gợn chút nào bóng hình cá, tôm, rau cỏ. Cá tôm đã thoát kiếp vật, mà sang sống kiếp người! Tôi mới hiểu tại sao mà các bà nội trợ ở Việt Nam, trước khi cất tiết gà, tiết vịt lại lẩm bẩm một câu hết sức là khôi hài: «Tao hóa kiếp cho mày, kiếp này sang kiếp khác.» Tôi thấy tôi, từ bé đến nay, sở dĩ sống được, chính là nhờ muôn vạn sinh linh đã hóa kiếp, xả thân vì tôi, một cách trực tiếp, hay gián tiếp. Nghĩ vậy, tôi cảm thấy hết sức bồi hồi, và nguyện sống sao cho hay, cho đẹp để khỏi phụ lòng kỳ vọng của trời đất, quần sinh...

Tôi thấy đâu đâu cũng là quê hương thân yêu của tôi, một quê hương bao la, chỉ có thể được đo bằng những năm ánh sáng. Tôi thấy ai cũng là ruột thịt, anh em tôi, dù người ấy nói tiếng Tàu, tiếng Mỹ, tiếng «Xi» (Mễ), hay tiếng Việt. Và niềm tin tôi đối với Thượng đế trở nên sâu xa, mãnh liệt; tình yêu tôi đối với Ngài trở nên thấm thiết, keo sơn. Ngài há chẳng phải chính là Nguồn sinh tôi, chính là Bản Thể tôi, chính là sự dựa nương tôi, chính là sự che chở tôi? Tôi há chẳng đã thật sự sống trong Ngài, và hoạt động trong Ngài, bởi Ngài, và vì Ngài?

Tôi càng ngày càng thấy yêu cái thuyết «Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể», mà ít là tôi cũng có chút công khơi lên từ lòng sâu thời gian và quên lãng. Nhờ nó, mà tôi tìm lại được Thiên tính của con người; tìm lại được mối giây liên đới cố hữu gắn bó người với người, người với quần sinh, vũ trụ. Nhờ nó mà tôi tìm lại được cho mình một đời sống hồn nhiên, khinh phiêu, hào sảng, tĩnh lặng. Tôi thấy tôi cần phải chia xẻ học thuyết này cùng quý vị, là những huynh đệ mà tôi yêu quý. Nếu vạn nhất mà quý vị, vì không hiểu tôi, trách móc tôi, oán hờn tôi, cái đó cũng không sao, miễn là tôi đã làm được một cái gì mà lương tâm tôi buộc tôi phải làm.

Như vậy, cái vũ trụ mà tôi vừa trình bày cùng quý vị, đã tung tỏa ra từ một Nguồn mạch linh thiêng duy nhất. Tuy vũ trụ này thiên biến, vạn hóa, nhưng không bao giờ rời khỏi được cái Căn Nguyên vĩnh cửu đó. Và cái Căn Nguyên vĩnh cửu ấy, dù uy nghi, siêu việt mấy đi chăng nữa cũng không cách nào lìa xa được cái vũ trụ hữu hình này. Đó là thuyết Thượng Đế nội tại (God's immanence), một học thuyết sẽ đem lại uy nghi trang trọng cho trần hoàn, đem sang cả lại cho nhân thế. Thật vậy, nếu Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng sâu vạn hữu, thì muốn tìm ra Đấng vô cùng, ta phải lục lọi trong hữu hạn. Thay vì tìm Vô Cùng ở đâu đó xa xăm, ta trở vào tâm khảm ta, vượt qua những tầng lớp tiểu ngã, vọng tâm, những tầng lớp tâm tư, trí lự, lục dục, thất tình, vượt qua các lớp tứ đại, ngũ uẩn, để vào tới Chân Tâm, tới Lương Tâm. Lúc ấy ta sẽ thấy Vô Cùng hiện ra sau những lớp màn che, những lớp mây mù Hữu Hạn.

Đi sâu vào nội tâm, tìm ra được Bản Thể linh thiêng, tìm ra được «Khuôn thiêng» muôn loài, đối với Nho giáo là cái học cao siêu nhất. Đại Học viết:

Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
 Người xưa lo cải hóa dân mình,
 Trị dân, trước trị gia đình,
 Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên,
 Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước,
 Sửa tâm hồn, trước cốt ý hay,
 Ý hay, phải học cho dày
 Dày công học vấn, sẽ hay Khuôn Trời,

Hay Khuôn Trời, thoát thôi thấu triệt,
 Thấu triệt rồi, ý thiết lòng ngay,
 Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
 Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
 Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
 Nước trị bình, bốn bể bình an...

Tôi sở dĩ dịch «Cách» là «Khuôn», vì thấy trong Tự Tình Khúc, Cao Bá Nhạ có viết:

Bình dẫu phá, còn lẽ cốt cách,
 Gương dù tan, vẫn sạch trần ai...

Tưởng cũng nên lưu ý quý vị rằng: «Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể» của Hiền thánh Á Đông có thể dịch sang tiếng Mỹ là The Monistic Theory; còn thuyết «Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể» của Hiền thánh Âu Châu lại thường được mệnh danh là The Emanation theory (Thuyết Phóng Phát). Một đảng đặt nặng vấn đề Căn Cốt muôn loài; một đảng muốn nhấn mạnh cung cách mà muôn loài đã tung tỏa ra từ một Bản thể. Hiền thánh Đông, Tây, Kim, Cổ đều chia sẻ học thuyết này. Dù là Upanishads của Bà La Môn; dù là kinh tạng Phật giáo; dù là Đạo tạng của Lão giáo; dù là Tứ Thư, Ngũ Kinh của Nho giáo; dù là cơ bút Cao Đài; dù là Sepher Yetzirah, hay Sepher ha Zohar của Kabbalah (Mật tông Do Thái Giáo); dù là kỳ thư, bí điển của Tam Điểm (Free-Masonry), hay của phái Hồng Hoa Thập Tự (Rosicrucians); dù là Pythagoras, dù là phái Tân- Bá- Lạp- Đồ (Neo- Platonism), dù là phái Bạch Y (Sufism- Hồi giáo); dù là khoa Chiêm tinh (Astrology), khoa Luyện Kim (Alchemy), dù là khoa Tarot, nhất nhất đều nói lên một tiếng nói duy nhất: «Vũ trụ này đã được tung tỏa, phóng phát ra từ một Căn Nguyên duy nhất.» Tôi tìm ra cái mẫu số chung nhân loại này vào khoảng mùa hè năm 1976, âu là trời đất cũng đem tặng cho tôi một nguồn yên ủi, trong khi tôi còn kẹt lại ở Việt Nam. Thật hết sức lạ lùng khi tìm ra được một kho tàng tư tưởng chung cho nhân loại, lại là lúc hết sức thiếu thốn sách vở, lại là lúc sống hết sức âm thầm, nỗi riêng không biết ngỏ cùng ai. Lúc ấy, thực là:

Muốn nói, nhưng mà nói với ai,
 Muốn làm, ai kẻ bạn đường đời,
 Gia vong, quốc phá niềm thương hận,
 Huyết lệ đôi dòng, chảy khúc nhôi.

Một ngày nào đó, khi có dịp thuận tiện, tôi sẽ mời quý vị cùng tôi đi vào cái vườn thượng uyển, đầy hoa hương, mà trời đất riêng dành cho những mặc khách tao nhân của muôn phương ấy.

Trên đây, tôi đã trình bày cùng quý vị, Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, hay Thuyết Phóng Phát Tán Phân, như là kể lại những mẫu chuyện tâm tình, bây giờ tôi xin được trình bày lại học thuyết này dưới dạng thức một bản toát lược của một Học thuyết triết học:

Như trên đã nói, vũ trụ này đã do một Bản Thể duy nhất phóng phát, tán phân, sinh hóa ra. Nó là đỉnh của Thuyết Tạo Dựng bởi không (Creation ex nihilo). Tuy nhiên, có nhiều khía cạnh của vấn đề, chúng ta cần nắm vững.

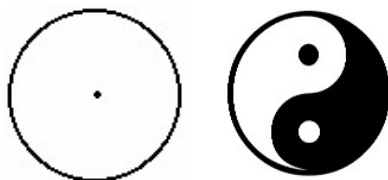
1) Trước hết, là khi chưa có vũ trụ này, thì Bản Thể là Nhất Nguyên Thuần Túy (Absolute Unity). Lúc ấy, Bản Thể được gọi là Hư, là Vô, là Không (Phật, Lão); là Brahman vô ngã (Bà La Môn); là Chân Như (Phật); là Cái Đó, là Giá Cá; là Vô Cực (Nho); là Ein-Sof (Kabbalah), và được tượng trưng bằng số 1, số 0,

hay là bằng hình tròn không có tâm điểm. Lúc ấy Bản thể còn ở trong thế Ẩn, thế Tiềm Phục (latence, non- manifestation), còn ở trong tình trạng vô bỉ, vô thử; vô nhân, vô ngã; nên các bậc Chánh Giác cũng tránh không dùng những danh hiệu cụ thể để khỏi mang tiếng giới hạn Vô Cùng vào vòng Hình (Archetypes), Danh (Names), Sắc, Tướng (Forms & Qualities).

2) Khi bắt đầu hiển dương, thì Nhất Nguyên Thuần Túy ấy sinh ra Nhất Nguyên Lưỡng Cực (Polarized Unity), tức là tuy nhất nguyên, nhưng thực ra, đã hàm tàng, bao quát cả Âm, lẫn Dương, cả hai bề Kinh Thanh, Trọng Trọc, cả hai bề Tinh Thần lẫn Vật Chất của vũ trụ.

Khi ấy, Bản Thể được gọi là Chân Tâm, Phật tính, A Lại Da (Phật); Atman (Bà La Môn); Thái Cực (Dịch, Nho); Đạo (Lão); Logos [Heraclitus khoảng thế kỷ 5 trước C.N., và Philo (30 B.C.- 50 A.D.)]; Kim Đơn (Lão); Minh Triết Thạch (Lapis Philosophorum) (Khoa Luyện Đơn Âu Châu) v.v... Khi ấy Bản Thể được tượng trưng bằng:

- Hình tròn có chấm giữa. (Chấm giữa là Sinh cơ; hình tròn bên ngoài là Vạn hữu)



- Hình Thái Cực (gồm cả Âm lẫn Dương).
- Hình Rebis: Re = Res = Vật thể.- Bis = Lưỡng = Hai (Nhất Vật, Lưỡng Thể).



- Hình Người Á nam, Á nữ (Androgyne; Andro = Nam; Gyne = Nữ).



- Số 5 (vì $5 = 2+3$) (5 là Thái Cực; 2 là âm, 3 là Dương).

- Số 15 ($15 = 6+9$) (6 = Âm; 9 = Dương).

Các nhà Huyền học Do Thái Giáo (Kabbalah) đưa ra nhận định rằng: Khi mà Ein- Sof (Vô Cực) muốn sinh ra Hữu (Kether, Thái Cực), để rồi Hữu sinh ra Vạn hữu, thì Vô phải co mình lại (Contraction) vào một Tâm điểm Uyên Nguyên, sau này sẽ là Nguồn Sinh Hóa Vô Tận. Họ gọi sự Co Mình, sự Thu Súc này là Zimzum. Các nhà Huyền Học Á Châu khi thì nói Hữu sinh ư Vô (Lão), ngụ ý trọng Vô hơn Hữu; khi thì nói Vô Cực nhi Thái Cực (Chu Liêm Khê), ngụ ý hai đằng chẳng qua là hai phương diện Ẩn, Hiện; Vi, Hiển của một Thực Thể Duy Nhất mà thôi.

Nơi chương I Đạo Đức Kinh, chính Lão Tử cũng lại đưa ra quan điểm Ẩn, Hiện chỉ là hai bộ mặt của Đạo:

Hóa Công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn,
Không tên, sáng tạo thế gian,
Có tên là mẹ muôn ngàn thụ sinh,
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiện dương cho thấy công trình vân vi,
Hai phương diện một Hóa Nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường
Ấy là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

3) Bản thể duy nhất sinh xuất ra vũ trụ bằng cách:

- PHÓNG PHÁT (EMANATION), và
- PHÂN HÓA (DIVISION), hay SINH HÓA (GENERATION).

PHÓNG PHÁT là phát quang, là tung tỏa chính Bản

Thể mình ra. Tiếng Pháp lẫn tiếng Anh đều dùng chữ Emanation.

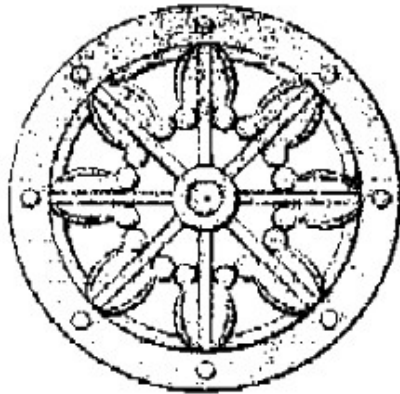
PHÂN HÓA là phân chia dần ra mãi: 1 sinh 2; 2 sinh 4; 4 sinh 8 v.v... 4) Phóng phát, phân hóa không thể vô cùng tận. Tới mức độ nào đó, sẽ có sự chuyển hướng, phản phục. Cho nên, tiếp theo thời kỳ phóng phát và phân hóa (emanation and division), sẽ đến thời kỳ thu liễm, hợp nhất (absorption, re- absorption,

reintegration, union, re- union).

4) Hai chiều PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA - THÂU LIỄM, HỢP NHẤT hợp thành một vòng biến dịch tuần hoàn, để thực hiện một điều kỳ diệu là: THỦY CHUNG NHƯ NHẤT; ALPHA = OMEGA.

Vòng biến dịch tuần hoàn ấy được gọi là:

- Vòng Biến Dịch (Nho, Lão).
- Vòng Luân Hồi; Pháp Luân; vòng Duyên Nghiệp (Bà La Môn giáo, Phật giáo).



- Vòng Chu Xà (Ouroboros) (Âu Châu, Thông Thiên học).



- Vòng Đại Chu Thiên (Á Châu).

5) Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể sẽ trở thành một học thuyết đạo giáo hết sức cao siêu, nếu ta thay thế chữ Bản Thể bằng những danh từ Thượng đế, Allah, Chân Như, Đạo v.v...Tuy nhiên, nó hết sức khác với tôn chỉ của các đạo giáo công truyền, vì nó chủ trương:

- Thượng đế hàm tàng, ẩn náu trong lòng sâu vạn hữu.
- Con người có Thiên tính.
- Mọi người đều có một giá trị siêu việt, đều có sẵn nơi mình những khả năng vô biên, vô tận, đều có thể tiến hóa vô biên tận.
- Mọi người phải tương ái, tương thân, vì đều có cùng một bản thể.
- Mọi người phải đem tình yêu ban rải tới chúng sinh, vì chúng sinh cũng đồng bản thể như mình.
- Phải đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời.
- Phải đoàn kết để giải quyết mọi dở dang, chệch mác còn có trên đời này.
- Mục đích của đời sống là sống cao khiết, kết hợp nhất như với Thượng đế ngay từ khi còn ở gian trần này.
- Khi còn ngây thơ, thì trông vào tha lực; khi đã trưởng thành, đã giác ngộ thì trông vào tự lực.
- Lương tâm là Thiên Thư duy nhất, không có nhiễm màu thời gian, và không gian; không ai có thể

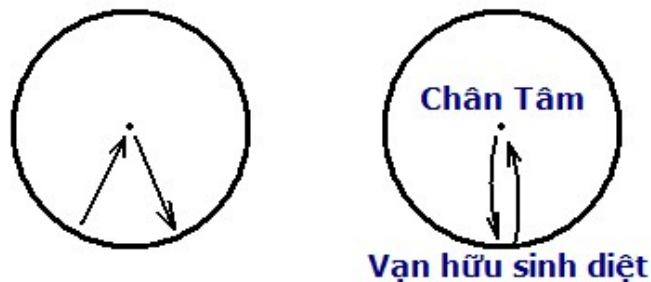
manh tâm sửa đổi được.

6) Quan niệm: Vũ trụ này từ một Bản Thể sinh hóa, phóng phát ra, rồi lại được thu liễm, qui hoàn hợp nhất lại nơi Bản Thể, vẽ ra một vòng biến dịch hai chiều:

- Chiều sinh hóa, phóng phát, tức là chiều tạo dựng nên vạn vật, vạn tượng. Đó là chiều vắng, chiều hướng ngoại, chiều từ Nhất đến Vạn, chiều ly tâm, chiều xuôi dòng đời, chiều sinh nhân, sinh vật.

- Chiều thu liễm, hợp nhất, tức là chiều sinh thánh, sinh thần Đó là chiều lai, chiều hướng nội, chiều phản hồi, chiều hướng tâm, chiều "qui căn, phản bản".

Cuối vòng biến dịch, ta sẽ gặp lại Bản Thể thuần nhất.



7) Quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng vẽ lại định mệnh con người. Con người tự trời xuống trần, rồi lại tự trần trở về trời. Thế gọi là trở về ngôi vị cũ. Như vậy, giác ngộ là giác ngộ được căn cơ, gốc gác của mình, tìm ra được con đường đưa mình về quê hương cũ. Thế là Đắc Nhất, thế là Liễu Nhất, thế là Phối Thiên, thế là "ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", thế là "Ly nhất thiết chư tướng" theo từ ngữ kinh Kim Cương. Đó chính là mục đích tối hậu của con người.

8) Cuối cùng quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng được gắn liền với thuyết luân hồi, đầu thai, chuyển kiếp (metempsychosis; transmigration), của Đông Tây, và thuyết hồi ký (Reminiscence) của Plato.

Học thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể đại cương là như vậy. Tuy nhiên, nó trở nên huyền ảo, linh diệu, biến hóa khôn lường, phong phú khôn tả, vì người xưa đã trình bày học thuyết này bằng nhiều thể cách, bằng nhiều loại từ ngữ khác nhau

Ví dụ 1: Tư tưởng muốn trình bày:

Vạn hữu, vũ trụ này do một Bản Thể Duy Nhất phóng phát ra.

1.- Trình bày bằng từ ngữ thông thường: Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. Nhất sinh Vạn, Vạn qui Nhất .

2.- Trình bày bằng từ ngữ huyền thoại (mythological language): Prajapati, Purusa, Bành tổ, Yemer v.v... phân thân thành vũ trụ.

3.- Trình bày bằng từ ngữ ví von (Metaphorical language): Vũ trụ này đã do một quả trứng nguyên thủy phát sinh. Nửa quả thành trời, nửa quả thành đất. Vỏ cứng thành núi. Màng mềm thành mây, thành sương. Gân máu trong trứng thành sông. Chất lỏng trong trứng thành biển cả. (Chandogya Upanishad 3:19)

4.- Trình bày bằng từ ngữ số học (Numerical language): Nhất sinh Vạn, Vạn qui Nhất.

5.- Trình bày bằng từ ngữ tượng hình (symbolical language):

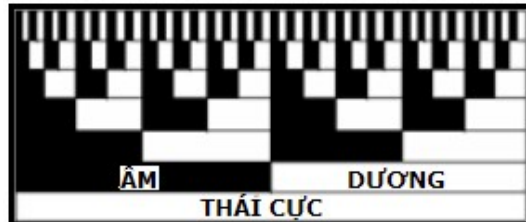
Chữ Vạn nhà Phật, trong đó Tâm điểm là Bản Thể bất biến; bốn cánh là Vạn Hữu biến thiên bên

ngoài. Tâm điểm là Niết Bàn; bốn cánh là Sinh, Tử, Luân Hồi.



Hoặc hình Thái Cực tượng trưng cho Bản thể ở chính giữa. Các hào quải tượng trưng cho muôn loài, vây bủa chung quanh.

Hoặc hình Thái Cực, tượng trưng cho Bản Thể, như là một gốc cây phía dưới. Các hào quải, tượng trưng cho Vạn hữu, như là cành lá ở bên trên.



Hoặc hình mặt trời (Bản thể) tung tỏa muôn ánh dương quang (Vạn tượng)



Ví dụ 2: Tư tưởng muốn trình bày:

Vũ trụ này đã do một Bản thể phóng phát tán phân ra.

1.- Trình bày bằng từ ngữ thông thường: Vũ trụ này đã do một Bản thể phóng phát tán phân ra.

2.- Trình bày bằng từ ngữ triết học: Thái Cực sinh Lưỡng Nghi; Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng; Tứ Tượng sinh Bát Quái.

3.- Trình bày bằng triết tự (literal or glyphic language):

YHVH sinh ra:

Y
H H
V

(Henri Serouya, La Kabbale, p. 30).

(YHVH thường được đọc là YAHVEH nghĩa là Thượng đế. Xin lưu ý chữ YHVH chỉ gồm có bốn mẫu tự, nên còn được gọi là Tứ Tự (Tetragrammaton, hay Tetragram hay Tetractys). Ta thấy chữ YHVH ở đây

đã phân thân thành bốn, khi tạo dựng nên vũ trụ). Người Do Thái kiêng không dám đọc tên này. Và khi gặp sẽ đọc thành Adonai, y thức như tục lệ Á Đông, kiêng tên húy.

AUM sinh ra:

A (Sắc giới, khi ta tỉnh)

U (Dục giới, khi ta mơ)

M (Vô sắc giới, khi ta ngủ say)

(**AUM** là danh từ chỉ Atman, hay Tuyệt đối của đạo Bà La Môn. Nơi đây, muốn nói chính Tuyệt đối đã phân thân thành mọi cảnh giới.)

4.- Trình bày tư tưởng trên bằng Từ ngữ số học (Numerical language):

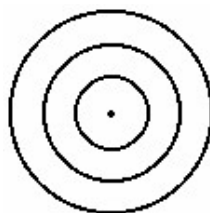
$$\begin{array}{r}
 \text{O} \\
 \text{O O} \\
 \text{O O O} \\
 \text{O O O O} \\
 \text{O + OO + OOO + OOOO = 10} \\
 \text{(10 : Vạn hữu)} \\
 \text{YHVH (Yaweh: Thượng Đế)} \\
 \text{(Pythagore)}
 \end{array}$$

(Thượng đế = khi hợp; Vạn hữu = khi phân)

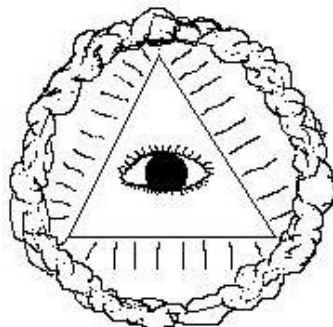
Đồ hình trên đây cũng còn được gọi là Tứ Tự (Tetractys, hay Tetragram của Pythagoras. Nó cũng tượng trưng cho **YHVH**. Khi hợp thì là Thượng đế chí tôn. Khi phân thì là sinh linh, vạn hữu.

5.- Trình bày tư tưởng trên bằng Từ ngữ tượng hình.

A) Nhiều người đã dùng tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm để trình bày tư tưởng trên. Tâm điểm là Bản Thể. Các vòng tròn bên ngoài là các loại hiện tượng, từ khinh thanh đến trọng trọc, theo thứ tự từ trong ra ngoài. Càng ở vòng trong là càng cao siêu. Càng ra vòng ngoài là càng thấp kém.



B) Tam điểm ưa dùng hình Tam giác trong lòng có hình Thiên nhãn, hay có bốn chữ **YHVH** đặt vào trung tâm, để tượng trưng cho Thượng đế, cho Bản Thể. Bên ngoài, có vẽ một vầng mây tròn tượng trưng cho Vạn hữu.



6.- Trình bày tư tưởng trên bằng ma phương (Magic square):

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Ma phương này có đặc điểm là được cả Á lẫn Âu dùng: Số 5 bên trong là Thượng đế, là Thái Cực. Các con số bên ngoài là Vạn hữu. Ta thấy nhìn phía nào bên ngoài cũng là 10, nghĩa là do 5 phân thân ra. Bề nào cũng là 15 mà 15 như trên đã nói, tượng trưng cho Thượng đế.

Cái kỳ diệu ở nơi đây là ta đã học được với cổ nhân vô số là từ ngữ mới. Trong vòng một khoảnh khắc, ta đã biết thêm bao nhiêu là thứ tiếng mới.

Ngoài ra, Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể và Thuyết Phóng Phát, Tán Phân của chúng ta đã được tạc thành những hình tượng khổng lồ ở dưới đất, và được gửi gắm vào các vì sao trên khung trời thăm. Trên trời thì Tứ Tượng được ghi tạc bằng bốn cung trời: Đó là cung Kim Ngưu (Bò), cung Sư tử (Sư tử), cung Ma yết (Phượng) và cung Bảo Bình (Người). ở trần gian, thì các quái thú, như thấy ở vùng Assyria, đều có mặt Người, mình Sư tử, cánh Phượng, chân Bò... Lạ lùng thay Ezechiel đã thấy bốn quái thú trên, bên sông Kebar (Ezec. 1: 4- 12); và đọc Khải Huyền ta cũng thấy 4 quái thú quen thuộc ấy châu quanh toà Thiên Chúa (Rev.4:7- 8). Phải chăng đâu có Tứ Tượng, đấy có Thái Cực? Phải chăng, nếu nhìn vũ trụ này một cách phiến diện, sẽ thấy Sâm Thương cách trở; Đông, Tây, Nam, Bắc chia phối; nhưng nếu nhìn sâu sắc, sẽ thấy Tất Cả là Một. Một chân lý, bao quát không gian, thời gian, được trình diễn ra bằng huyền thoại muôn phương, muôn nước; được vẽ lại bằng những hình ảnh của muôn nơi; được tung lên trời; được tạc vào đá; được Hiền thánh cổ kim chắt chiu, ấp ủ, chẳng phải là Chân Lý đáng cho chúng ta tiềm tâm suy cứu hay sao? Biết bao Hiền thánh trong quá vãng và trong hiện tại đã và đang dùng nó như con rồng thiêng để vượt muôn tầm, trở về với Nguồn Sinh muôn loài; trở về với Trung Tâm hằng cửu bất biến, vừa là Trung Tâm vũ Trụ, vừa là Trung Tâm con người. Điều đó chẳng đáng cho chúng ta lưu tâm, chú ý hay sao?

CHÚ THÍCH

- [1] Just as a stone thrown into a pound forms ripples on the water, so this theorical first explosion formed "ripples" of microwave radiation, which is what scientists believe they are picking up with their sensitive radio antennae, ripples described by one writer as "the hissing echoes of creation." Lessons learned from the Universe. Awake! March 22, 1992, p. 9.
- [2] Bruce Bliven: Pourquoi il fait noir la nuit Selection du Reader Digest, Septembre 63, p.47.
- Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 769.
- [3] M. Senard, Le Zodiaque p. 7.

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 3

THÂN THỂ VÀ ĐỊNH MỆNH CON NGƯỜI

Viết xong Vũ trụ quan, dĩ nhiên là tôi lại phải đưa ra những nhận định riêng tư của tôi về thân thể và định mệnh con người, đưa ra một nhân sinh quan mới mẻ.

Trong khi xây dựng học thuyết, tôi băn khoăn nhất là làm sao tránh khỏi mọi va chạm với các chủ thuyết trước đây về con người, với những chủ thuyết đã từng khống chế, chấn ngự hoàn vũ. Tôi đem băn khoăn, thắc mắc ấy thở than cùng bè bạn. Một ông bạn tôi, nổi hứng Triết học và Thiên văn, khuyên tôi tại sao không bắt chước giải Ngân hà nào đó ở trên trời, cứ việc vấy vùng ngang dọc, theo đường hướng riêng tư của mình, chẳng cần vẩn vương tới các giải tinh vân bên cạnh. Thật là một tư tưởng chỉ đạo hay và đẹp. Đúng vậy, tại sao tôi lại không thể đem giải Ngân hà «cuộc sống riêng tư» của tôi, với muôn triệu tinh cầu «ý niệm, tâm tư, tình ý» của tôi cho nó chu du trong bầu trời triết học và đạo giáo vô biên tận? Tại sao, tôi lại không thể mượn được màu thời gian và không gian có sẵn nơi mình, mượn những sắc thái biến thiên, ảo hóa tiềm tàng sẵn trong tâm thần trí lự mình, mượn bút mực của trần hoàn hiện tại, để vẽ ra một hình ảnh mới, một tầm kích mới của con người muôn thừa?

Một ông bạn khác cho rằng đừng quá bận tâm, đừng lúng túng vào những chủ thuyết đương thời. Tại sao không chọn cho mình con đường khinh phiêu, thoải mái? Đó cũng lại là một cao kiến khác! Tại làm sao, tôi lại không thể bắt chước chim bằng, chim phượng, chim hồng, một vút tung mình cao muôn vạn dặm, nhìn cho bao quát, nghĩ cho bao la về thể thái nhân tình, việc gì mà cứ phải bận lòng vì những ý kiến dị biệt trần hoàn, mà cứ xô mình vào đá, mà cứ quàng mình vào dây. Cứ nói cho hay, cho phải, sẽ chẳng thiếu gì người đồng tâm, đồng chí với mình.

Để an ủi mình, tôi lẩm bẩm đọc bài thơ Biệt Đồng Đại 別董大 của Cao Thích 高適 (?- 765) buổi Sơ Đường:

Thập lý hoàng vân bạch nhật huân,

十里黃雲白日曛

Bắc phong xuy nhận, tuyết phân phân.

北風吹雁雪紛紛

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ,

莫愁前路無知己

Thiên hạ thù nhân bất thức quân.

天下誰人不識君

Mà cụ Chi Điền đã dịch:

Mười dặm vàng mây, ánh nắng tàn,

Tuyết rơi, gió thổi, nhận bay ngang.

Đừng lo ngả trước không tri kỷ,

Thiên hạ ai người chẳng biết chàng

Tôi cũng sức nhớ lời khuyên của Dịch Kinh, trong Hệ Từ Thượng, chương 8, khi bình giải thêm hào Cửu Nhị, quẻ Trung Phu;

Dạy rằng quân tử trên đời,

Ngồi nhà nói phải, muôn người vẫn theo.

Dặm nghìn còn phải hướng chiều,

Thời trong gang tấc đâu điều lần khân.

Nói lời sai lạc nhố nhăng,

Ngàn xa vẫn thấy bất bằng nổi lên,

Nửa là gang tấc kề bên,

Nói sai, ai kẻ họa thêm với người.

Khi người quân tử nói lời,

Nói ra ảnh hưởng đến đời, đến dân,

Hành vi phát động tuy gần,

Nhưng mà ảnh hưởng dần dần lan xa.

Việc, nhờ, ấy chính động cơ,

Động cơ đã phát, hãy chờ nhục vinh,

Mới hay quân tử ngôn, hành,

Làm cho trời đất rung rinh mấy hồi,

Cho nên, trong việc, trong lời,

Cố sao thận trọng, đáng người hiền nhân...

Tôi cũng biết rằng: nói về cái Tôi thật là đáng ghét. Tuy nhiên, nếu nói về cái Tôi một cách khiêm cung, thành khẩn, với mục đích cống hiến kinh nghiệm bản thân mình, để xây dựng sự nghiệp chung, thì có thể không còn đáng ghét mà lại còn đáng yêu. Dẫu sao, thì tôi cũng xin tạ lỗi với quý vị trước, và xin hết sức thành khẩn trình bày những cảm nghĩ, những đường lối, những phương pháp hoạt động, những kết quả đã thu lượm được, để cống hiến quý vị. Nguyện vọng của tôi chắc cũng như là của quý vị, là muốn sống đạo, một thứ đạo siêu không gian và thời gian; một đại đạo làm cho đời sống mình thêm hào hùng, hiên ngang, hừng khởi, đẹp tươi, linh động và sáng tạo.

Năm 1956 là khúc quanh lịch sử trong đời tôi. Khi ấy, tôi 35 tuổi và đang làm Giám đốc Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng. Trước thời gian đó, tôi chẳng hề lưu tâm, lưu ý gì đến văn chương, triết học, đến định mệnh con người. Tôi chỉ biết làm Bệnh Viện, làm phòng mạch, sống an phận thủ thường, vinh thân, phì gia, đoạn tháng qua ngày, với một số vốn liếng về tôn giáo, về nhân sinh mà gia đình, xã hội đã truyền thụ cho tôi. Lúc ấy, vì tôi biết chữ Hán, nên Hội Cổ Học Đà Nẵng mời tôi vào làm phó hội trưởng, và yêu cầu tôi làm một bài diễn thuyết về Khổng giáo. Sau khi nhận lời làm bài diễn văn này, tôi mới bắt đầu tìm hiểu về Khổng giáo qua Tứ Thư (Đoàn Trung Còn); Khổng học đăng (Phan Bội Châu); Nho giáo (Trần Trọng Kim) v.v... Khi sang tới Trung Dung, đọc mấy câu đầu nôm Chương 1: «Thiên mệnh chi vị Tính; suất Tính

chi vị Đạo; tu Đạo chi vị Giáo; Đạo dã giả, bất khả tu du li dã; khả li phi Đạo dã» 天命之謂性, 率性之謂道, 脩道之謂教; 道也者, 不可須臾離也; 可離非道也, tôi liền bị khựng lại, y như đâm vào một bức tường, «mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm»; suy hoài, suy hủy cũng không làm sao cho vỡ lẽ. Câu đó ám ảnh tôi vài tháng, y thức như một công án hay một thoại đầu của Thiền học. Thế rồi, một buổi tối, khoảng 8 giờ, tôi cảm thấy như có một làn điện xẹt trong đầu trong vòng vài giây đồng hồ. Và đoạn Trung Dung ấy được giải cho tôi như sau:

1.- Con người có Thiên Tính. Trời truyền ta phải thực hiện Thiên tính ấy. (Thiên mệnh chi vị Tính 天命之謂性)

2.- Nhân tâm thuận theo Thiên tính là Đạo. (Suất Tính chi vị Đạo 率性之謂道)

3.- Các tôn giáo có mục đích giúp ta hiểu biết và thực thi Chân Đạo đó, Thiên đạo đó. (Tu Đạo chi vị Giáo 脩道之謂教).

4.- Chân Đạo, hay Thiên Đạo đó không rời ta được, dù là một phút giây. Nếu rời xa con người được sẽ không phải là Chân Đạo. Như vậy Chân Đạo, Thiên Đạo phát xuất từ tâm linh mỗi một con người, chứ không thể du nhập, ngoại lai; không thể truyền thụ do tha nhân, hay sách vở bên ngoài. (Đạo dã giả, bất khả tu du li dã; khả li phi Đạo dã. 道也者, 不可須臾離也; 可離非道也)

Sự mặc khải đột nhiên của trời đất ấy tuy xảy ra mau lẹ như làn chớp nhoáng, nhưng đã hoàn toàn chinh phục tôi; hoàn toàn chuyển hóa tôi, hoàn toàn chuyển hướng đời tôi. Trước kia, tôi tưởng con người chỉ có xác, có hồn. Giờ đây, tôi thấy rõ con người có đủ TAM TÀI: Thần, Hồn, Xác (Thiên, Nhân, Địa). Trước kia, tôi tưởng Trời xa cách tôi muôn trùng. Giờ đây tôi cảm nghiệm thấy Ngài gần kề gang tấc. Trước kia tôi thấy các tôn giáo lớn trong thiên hạ khác nhau như trắng với đen; như ngày với đêm; như nước với lửa. Ngày nay, tôi thấy các tôn giáo lớn ấy chung qui cũng chỉ dạy một Chân Lý duy nhất, đó là: Dưới lớp Nhân tâm, còn có Thiên Tâm; chỉ dạy một đường hướng duy nhất, đó là: Đi sâu vào nội tâm, mà tìm Đạo tìm Trời; đề xướng một mục tiêu duy nhất, đó là vươn vượt cái phù du, hư ảo (nhân tâm, tâm hồn con người), để mà vào sống trong cõi trường sinh, vĩnh cửu (Thiên tâm, Niết Bàn).

Tôi nhận định ngay được rằng những khám phá trên đối với tôi hết sức là quan trọng, và hết sức quý giá, vì cho thấy ngay Chân tướng con người, cũng như Tinh hoa các đạo giáo. Tuy nhiên, thoát kỳ thủy tôi chỉ mới coi những nhận định trên, những khám phá trên như là những giả thuyết, và với tư cách của một người thành khẩn yêu chuộng khoa học và chân lý, tôi nhất định sẽ dùng cả đời tôi để chứng minh rằng những điều đó là Chân lý.

Chứng minh bằng cách nào?

Tôi liền nghĩ rằng: Nếu những nhận định nói trên là chân lý, nó sẽ phải có tính cách siêu không gian và thời gian; phổ quát, bất biến, và như vậy, bất kỳ là ai, không phân biệt quốc gia, lịch sử; đông, tây, kim, cổ, khi đã đạt tới một trình độ tiến hóa tâm hồn nhất định nào sẽ chứng nghiệm y thức như vậy. Suy ra, các giáo chủ, các bậc đại Hiền triết xưa nay, chắc chắn phải có những nhận định y thức như vậy. Hơn nữa, các nhận định này phải được ký thác vào trong các thánh thư, trong các kỳ thư, bí điển của nhân quần; trong nhật ngữ thường đàm của dân gian...

Với một quan điểm trong sáng như vậy; một đường lối minh bạch như vậy; một tiêu chuẩn chính xác và vô tư như vậy, tôi đã lập một đại nguyện, là dùng đời tôi, chứng minh cho kỳ được những điều tôi đã khám phá ra trong một phút giây. Và từ ấy, tôi bắt đầu khảo cứu các Đạo giáo, các Triết thuyết, các khoa Huyền học trong thiên hạ.

Tôi đã khảo cứu Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Bà La Môn giáo, Công giáo, Hồi giáo, Bái Hỏa giáo

(Zoroastrian Religion)^[1], Cao Đài, Thông Thiên, các môn phái Tin Lành, Mormons, Tam Tông Miếu, Su Bút, Bahai và các khoa Huyền bí học Âu Á như Tam Điểm (Free-Masonry), Hồng Hoa Thập Tự (Rosicrucians), Khoa Luyện đơn (Alchemy), khoa Chiêm Tinh Học (Astrology), Dịch kinh v.v... Nhờ đối chiếu, nên đạo này soi sáng cho tôi về đạo nọ; khoa này làm sáng tỏ khoa kia.

Trong khi khảo cứu các đạo giáo, tôi đã cố giữ:

- Một lòng thành khẩn tha thiết, đi tìm chân lý.
- Một lòng cung kính đối với các bậc giáo chủ tiền bối.
- Một thái độ khách quan của một nhà khoa học dám cân nhắc, dám nhận định, dám phê phán.
- Một khí phách hiên ngang bao giờ cũng đặt lương tâm mình, ánh sáng tâm thần mình lên trên các thánh thư.
- Một chí nguyện: Làm phong phú thêm kho tàng tư tưởng nhân loại, bằng cách sáng tạo thêm tư tưởng, làm sâu rộng thêm vấn đề, minh họa thêm những nét đặc thù của đạo giáo.
- Một tâm niệm rằng triết học và đạo giáo phải cải tạo con người, giải phóng thật sự con người, đem hạnh phúc, bình an thật sự lại cho con người.

Có một điều kỳ lạ là từ ngày mà trong tâm tư tôi loé sáng ra những quan niệm trên, thì cũng là ngày mà tôi thay đổi cuộc sống. Từ một nếp sống phiến diện, hướng ngoại, xu thời, một nếp sống đoạn thẳng qua ngày, tôi bước vào một nếp sống mới, có lý tưởng, có mục phiêu, say sưa đọc sách, say sưa suy tư, say sưa sáng tác. Hơn thế nữa, từ một nếp sống xa Trời, tôi bước vào một nếp sống mới gần Trời, cảm nghiệm một cách sâu sắc rằng Trời ở ngay trong tâm khảm mình, trong chính trung đầu não mình, và cố công sửa sang mọi chệch mác dờ dang trong tâm hồn. Và tôi mới hiểu thấm thía lời sách Trung Dung, nơi chương 1:

Thiên mệnh cũng chính là Bản Tính,
 Đạo là noi theo Tính Bản Nhiên,
 Giáo là cách giữ Đạo nên,
 Đạo Trời sau trước vẫn liền với ta,
 Rồi ta được đâu là đạo nữa.
 Thế cho nên quân tử giữ gìn,
 E dè cái mắt không nhìn,
 Tai nghe không nổi, cho nên hãi hùng,
 Càng ẩn áo, lại càng hiện rõ,
 Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
 Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
 Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.
 Khi chưa phát vui thương, mừng giận
 Gọi là Trung, vì chẳng ngã nghiêng.
 Phát ra, đúng tiết, hợp duyên,
 Ấy là hòa tấu, ấm êm nhạc Trời.

Trung ấy chính muôn đời căn bản,
 Hòa kia là đạo quán thiên thu,
 Ước gì đạt thể Trung Hòa,
 Ấm êm trời đất, âu ca muôn loài.

Bài diễn văn đầu tiên và cũng là quyển sách đầu tiên của tôi mang nhan đề Khảo luận và phê bình học thuyết Khổng tử, xuất bản năm 1958. Trong quyển sách nhỏ đầu tay này, thực ra tôi đã dùng khoa tôn giáo đối chiếu để chứng minh rằng đạo Khổng cũng y như các tôn giáo khác chung qui chỉ dạy rằng:

- 1.- Con người có Thiên tính. Dưới lớp nhân tâm, còn có Thiên tâm.
- 2.- Đạo là con đường dẫn từ Tâm tới Thiên, liên kết Nhân tâm với Thiên tâm.
- 3.- Đạt đạo, giải thoát là khi Hồn phối hợp với Thần; Nhân phối hợp với Thiên.

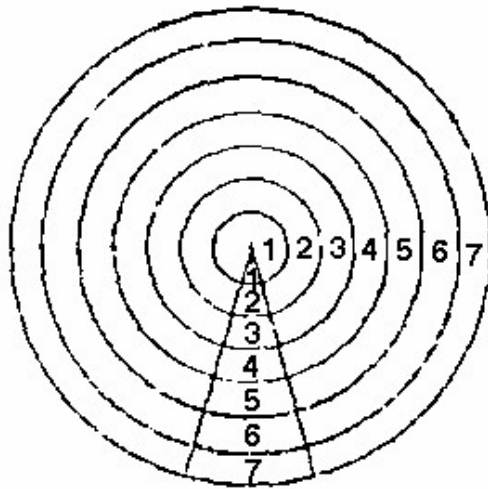
Năm 1959, nhân khi soạn thảo bộ [Trung Dung Tân Khảo](#), tôi đã tìm ra được một sơ đồ, hết sức là giản dị, nhưng lại hết sức là huyền diệu để phác họa lại cơ cấu vũ trụ, con người, và quần sinh, vạn hữu. Đó là Tâm điểm và Vòng tròn. Tâm điểm để tượng trưng cho Bản thể, cho Nguồn sinh vô tận thường xuyên hoạt động trong lòng vũ trụ, quần sinh. Vòng tròn, hay những vòng tròn bên ngoài, tượng trưng cho sinh linh muôn vạn loại, cho mọi tầng lớp hiện tượng, từ khinh thanh đến trọng trọc, từ tinh thần đến vật chất, diễn biến liên lu quanh một Trục Cốt linh minh huyền diệu.

Sau này khi khảo về thư tịch các dân nước trong hoàn vũ, tôi luôn luôn thấy nhân loại dùng biểu tượng Tâm điểm và Vòng Tròn để gắn liền Hữu Hạn với Vô Biên, mà đền thờ «Đá treo» ở Stonehenge, bên Anh quốc là một trong những chứng tích tối cổ, từ ngót 4000 năm nay, đã sùng sững «trơ gan cùng tuế nguyệt» để nói lên nỗi u hoài thiên vạn cổ của nhân quần:

Biên khu luân lạc tử bao,
 Tìm sao cho thấy đường vào Trung Cung.
 Đường Trung Cung linh lung ẩn khuất,
 Nẻo Bồng Lai, gai dấp, lau che.

Sau này, phối hợp Dịch Kinh với đồ hình Tâm Điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm, tôi đã vẽ lại hình ảnh con người với 7 lớp lang từ trong ra ngoài, tương ứng với Thái Cực và 6 Hào, theo thứ tự sau:

- 1.- Tâm điểm con người (Chân tâm, Thái Cực, Logos hay Thần)
- 2.- Khí (Pneuma, Animus, Chân Dương, Yang)
- 3.- Tâm (Soul, Anima, Chân Âm, Yin, Psyche)
- 4.- Trí (Intellect)
- 5.- Xác (Body)
- 6.- Gia đình, Quốc Gia, Xã hội.
- 7.- Hoàn cảnh vật chất, nghề nghiệp.



Và đối với tôi, Con Người là Tất Cả. Trong cùng, vì có bản chất Thần Linh, nên trực tiếp cảm thông với Thần Linh trời đất; có Linh tri, linh giác, đại trí, đại huệ, để có thể bao quát vũ trụ quần sinh, bằng một cái nhìn tứ thông, bát đạt, viên dung, toàn bích.

Vì có đủ anh hoa, tú khí của đất trời, nên rung cảm trước mọi vẻ đẹp của trời đất. Dù là lúc lâm than nhất, cũng còn có thể cất tiếng hát hò, ngâm phong, vịnh nguyệt, điểm tô lên trên bộ mặt lam lũ của đời sống thực tại, một lớp phấn son trang nhã của cuộc đời lý tưởng đẹp, tươi, vui.

Vì có tâm hồn, nên đã sống với tất cả tình người: khi vui, khi buồn, khi sợ, khi yêu, khi thương, khi ghét:

...Yêu thì yêu cả tông chi,

Ghét thì ghét cả đường đi, lối về.

...Vui thì rục cả giang sơn,

Buồn thì man mác sầu vương đất trời...

Vì có trí thông minh, nên có thể giải quyết được mọi nỗi khó khăn mình sẽ gặp trên đường đời, thích ứng được với mọi hoàn cảnh, để tạo cho mình, cho người một nếp sống hay, sống đẹp, gạt bỏ dần dần những danh từ sâu bi, ai oán ra khỏi ngữ vựng của loài người.

Vì có xác thân nên có thể tiếp xúc với ngoại cảnh bằng ngũ quan, tri giác, để lục căn hòa với lục trần tạo nên những bức tranh, tuy là vân cấu, nhưng cũng không kém về thần tiên, mỹ lệ.

Vì con người sống cần có gia đình, có quốc gia, xã hội, để cho thân phận mình bớt tẻ lạnh, cô đơn, nên cũng đã tạo ra không biết bao là cuộc cờ đời, tạo ra không biết bao nhiêu là tấn tuồng đầy hoan lạc hoặc bi ai. Phải chăng tất cả những chuyện ngọt bùi, cay đắng đó, chung qui cũng chỉ là cốt tìm cho ra một giải pháp hoàn bị tối hậu cho nhân quần, để sau này, sống một đời sống cá nhân đẹp đẽ, lý tưởng, cùng nhau sống một đời sống gia đình đẹp, một xã hội đẹp, trong một dân nước đẹp, trong một thế giới đẹp, và như vậy sẽ tạo nên một cảnh Bồng Lai ngay giữa lòng trần thế...

Sau hết là con người không bao giờ lìa xa được với ngoại giới, gần như là bầu khí quyển quanh mình, xa như là những tinh vân mịt mù, tí tắp.

Thế mới hay, khi mà tâm tư con người rạo rức cũng có thể làm chấn động trời mây; khi một người thác oan cũng có thể làm cho thiên sầu, địa thảm. Trái lại trời mây những khi trái gió, trở trời, dĩ nhiên cũng có thể làm cho con người bàng hoàng, khó chịu.

Có một cái nhìn bao quát không gian, thời gian như vậy, mới thấy con người là sang cả.

Chính cũng nhờ đồ hình Tâm điểm và Vòng tròn ấy, mà tôi đã tìm ra Trung tâm của vũ trụ, một Trung tâm không tịch, uy nghi, mà muôn vạn sao trời như thể xoay quanh. Đó là một Trung Tâm cách sao Bắc Thần chừng một hay hai độ biểu kiến; mà lạ thay các đồ bản Thiên văn đông, tây hiện nay cũng dựa trên sơ đồ ấy.

Tôi đã mất nhiều công hơn khi đi tìm Trung điểm Bản thể nơi con người. Công trình này, tuy khó khăn hơn, nhưng hứng thú hơn, vì có nhiều nét sáng tạo hơn.

Khoảng năm 1960, vào một ngày thứ sáu, lúc khoảng 10 giờ sáng, đang khi làm công việc thường xuyên, trong ký ức tôi bỗng hiện lên mấy câu Kinh Thánh ghi trong Chương 2 (Gen.2:- 14), và Chương 3 Sáng Thế Ký (Gen. 3: 8- 23): Đại khái như sau: Khi chưa ăn trái cấm, thì ông Adong, bà E Và sống trong vườn địa đàng, nơi có bốn con sông chảy vào từ bốn hướng: Đó là sông Pison, sông Gihon, sông Hiddekel (Tigris) và sông Euphrates. Ở nơi đó, ông Bà A Dong, E Và thường được trò chuyện thân mật với Thiên Chúa, nghe thấy tiếng chân Ngài đi sào sạc lá vàng, trong làn gió mát, buổi hoàng hôn (Gen.2: 8). Nhưng sau khi phạm tội, ông Bà đã bị đuổi ra khỏi vườn, phía cửa Đông. Và từ ấy, có những thiên thần Cherubims, cầm gươm rực lửa, lan tỏa hào quang ra tứ phía, để ngăn chặn con người không còn được vào vườn, mà ăn trái cây Trường Sinh Bất Tử... Tôi suy nghĩ như sau: Nếu vậy thì Vườn Địa Đàng kia đâu đã bị phá, vì đã được Thần Trời canh giữ hẩn hoi. Nếu chưa bị phá, mà lại còn cho thấy nó ở đâu đó trong vùng «Hà Nội» (Mesopotamia), miền Trung Đông. Nếu quả thật có Vườn, thì nhân loại ngày nay nhất định đã tìm ra. Tuy nhiên, từ ấy đến nay, chưa ai tìm thấy lại được nẻo vào Thiên Thai ấy. Thực đúng như lời thơ Thiên Thai của Tào Đường (?- 867?):

Ân cần tương tống xuất Thiên Thai,

Tiên cảnh na năng khước tái lai!

Mà Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Đản đã dịch:

Tiền nhau ra khỏi lối Thiên Thai,

Tiên cảnh chia tay, khó phản hồi...

Và khi muốn trở gót lại tìm tiên cảnh cũ, thì chỉ còn thấy vật đổi, sao rời, vàng phai, đá nát:

Tái đáo Thiên Thai phỏng Ngọc Chân,

Thương đài, bạch thạch dĩ thành trần!

Sinh ca tịch mịch nhàn thâm động,

Vân hạc tiêu điều, tuyết cựu lân,

Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,

Yên hà bất tự vãng niên xuân,

Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,

Bất kiến đương thời vấn tửu nhân.

Mà cụ Chi Điền đã dịch:

Tìm tiên trở lại chốn Thiên Thai,

Đá trắng, rêu xanh, phủ bụi dày.

Động thẳm, lạnh lùng đàn hát vắng,

Làng xưa, quạnh quẽ hạc mây bay.

Cỏ cây thừa trước phai màu thắm,
 Mây khói giờ đây nhạt sắc tươi.
 Tuổi nước, hoa đào còn chảy mãi,
 Người xưa chuốc chén vắng tăm hơi.

Riêng tôi, tôi suy nghĩ rằng, nếu nay vườn không còn, thì câu chuyện xưa phải tiềm tàng ẩn ngụ một ý nghĩa gì cao siêu hơn. Nếu tìm Vườn có 4 con sông chảy vào mà không thấy ở bên ngoài, tại sao không đi tìm vườn ấy ngay trong đầu não con người. Thực vậy, trong óc não chúng ta có 4 con sông huyết quản chảy vào tâm điểm đầu não theo hình chữ thập. Đó là:

- 1.- Tiền não động mạch (Anterior cerebral artery)
- 2.- Hậu não động mạch (Posterior cerebral artery)
- 3.- Trung não động mạch tả (Left medial cerebral artery)
- 4.- Trung não động mạch hữu (Right medial cerebral artery)

Bốn con sông Nhược Thủy này lúc gặp nhau lại tạo thành một vòng tròn huyết quản Willys, xác định ra hẳn hoi một khu vực Bồng Lai, mà hiện nay Trời Người vẫn thường xuyên gặp gỡ nhau, đối thoại với nhau, qua tiếng Lương tâm và tiếng Tư tâm. Nơi đó cũng là nơi mọi thần kinh đầu hội tụ về, như trăm vạn ngón tay thần, chỉ cho thấy dấu vết của Hóa Công không dấu vết.

Từ ngàn xưa kinh Upanishad đã viết:

Nơi nào mà mọi thần kinh,
 Như đũa gặp trục trong vành bánh xe,
 Nơi thần kinh hội tụ về,
 Là nơi Tuyệt đối chưa hề hóa thân,
 Cố tìm Tuyệt đối trong thân,
 Rồi ra sẽ thoát biển trần hôn mê
 Ngài là toàn giác, toàn tri,
 Trần hoàn vinh hiển ai bì, ai đương.
 Ngài đang ngự giữa thiên đường (Xác thân con người)
 Trời cao (lòng con người) là chính đế hương của Ngài.
 Chỉ huy thần trí trong ngoài,
 Chính Ngài chi phối con người thường xuyên,
 Biết Ngài, những bậc Thánh Hiền
 Biết Ngài, nhờ ánh tâm huyền phát huy.
 (Mundaka Upanishad. 2.2. 6.7)

Phối hợp quan niệm Tâm Điểm và Vòng Tròn của Tôi với các đồ bản Dịch Kinh, với các hình chụp về óc não con người trong Y học hiện đại, tôi đi đến một xác định rằng Não thất ba (Third ventricle), một khoảng trống giữa đầu não con người là Trung tâm não bộ con người, một nơi không tịch, không hề nhuốm trần ai, tục lụy.

Nhìn sang phía Đạo Lão, ta thấy họ gọi Trung tâm não bộ là Huỳnh Đình, là Côn Lôn đỉnh, hay Côn Lôn. Vì thế, Huỳnh Nguyên Kiệt mới nói: «Đầu người có chín cung, trong có một nơi gọi là Thiên Cốc, thanh tịnh không bụi bặm. Nếu có thể an thần ở trong, không cho rong ruổi ra ngoài, sẽ thành Chân, chứng Thánh...Huỳnh Đình Kinh viết: 'Tứ dục bất tử tu Côn Lôn.' Đủ biết rằng trì thủ được Thiên Cốc ấy là điều huyền diệu vô cùng vậy.» [\[2\]](#)

Doãn chân nhân viết: «Thiên Cốc Nguyên Thần, giữ được là chân...» [\[3\]](#)

Khuư Xử Cơ có thơ:

Cửu thị Côn Lôn, thủ Chân Nhất,
Thủ đắc ma ni viên hựu xích,
Thanh hư, hạo khoáng Đà La môn,
Vạn Phật, thiên Tiên tòng thủ xuất.

Phỏng dịch:

Lên đỉnh Côn Lôn gặp Chân Nguyên,
Hồng châu viên giác chắt chiu gìn.
Đây cửa Đà La luôn mở rộng
Từ đó ruổi rong vạn Phật, tiên. [\[4\]](#)

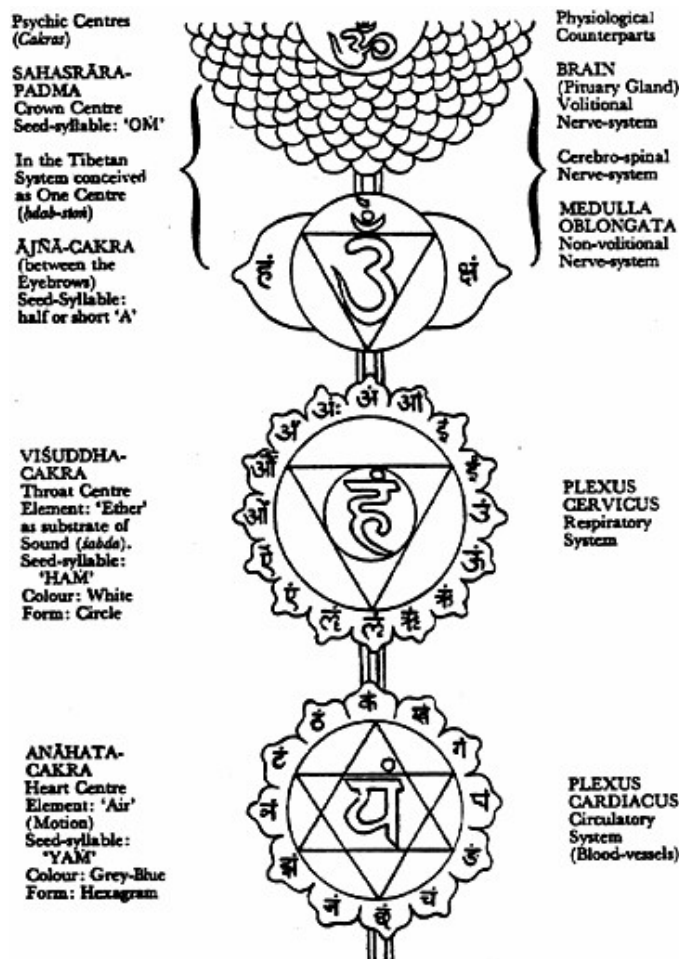
Doãn chân nhân cũng viết:

Hỗn bách linh ư Thiên cốc,
Lý ngũ khí ư Nê hoàn.

Phỏng dịch:

Hỗn hợp bách linh nơi Thiên Cốc,
Điều lý ngũ khí tại Nê Hoàn. [\[5\]](#)

Phật giáo cũng xác định rằng Tuyệt đối đã ở sẵn giữa đầu não con người. Trong quyển: Nền Tảng Huyền học Tây Tạng, của Anagarika Govinda, một quyển sách viết ra để giải câu thần chú: **Um mani padme hum** (Án mani bát minh hồng = (Ồi! ngọc châu viên giác nằm tại Liên hoa tâm), có một hình vẽ các luân xa trong con người, trên cùng có một bông hoa sen ngàn cánh; giữa bông sen. có chữ **Aum** ཨྐ. Sách chú rằng: Bông sen ngàn cánh là óc não con người. Mà **Aum** là Tuyệt đối. Như vậy Tuyệt đối, hay Ngọc châu viên giác đã nằm sẵn trong trung tâm đầu não con người. [\[6\]](#)



Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, Cư Ma La Thập đã dùng chữ Nê Hoàn của Đạo Lão để phiên dịch chữ Nirvana, và Từ điển Phật giáo hiện nay dùng cả hai chữ Niết Bàn, và Nê Hoàn để phiên âm chữ Nirvana. Phải chăng người xưa muốn nói: Muốn tìm Niết Bàn phải tìm trong Nê Hoàn.

Cao Đài giáo lý cũng cho thấy thực sự Đạo ở nơi đâu, Trời ở nơi đâu trong con người.

Thánh giáo Sưu Tập 1968-1969, nơi trang 5 đã cho biết chỗ cất giấu chìa khóa thiêng để mở mọi cửa nhiệm huyền: «Bao nhiêu huyền bí thiêng liêng, nhiệm màu, siêu việt, nhưng chìa khóa mở, Đức Chí Tôn đã đặt trong chỗ cao nhất của mỗi người, hãy tìm lấy và mở lấy, hỡi chư hiền.» Đọc câu này xong, tôi tìm ngay được câu giải đáp: Chỗ cao nhất trong con người dĩ nhiên phải là Nê Hoàn Cung, nơi tâm điểm đầu não con người. Đại Thừa Chân Giáo nơi trang 61 viết: «Huyền quan nhất khiếu là chi? Là Thiên nhãn vậy. Nó ở ngay Nê Hoàn Cung, gồm trọn Chân Dương, Chính Đạo...» Nơi trang 56 viết: «Chữ Cao Đài là gì? Là Côn Lôn đảnh hay là Nê Hoàn, thuộc về Thượng giới...Thiên môn là cái gì? Là cái khiếu Nê Hoàn cung đó. Chừng nào linh hồn phá Thiên Môn đặng là nhập vào Thượng Thanh Cung...»

Tôi tin chắc chắn rằng trước sau nhân loại cũng phải công nhận Não Thất Ba, hay Nê Hoàn Cung như là điểm gặp gỡ giữa Khoa học thực nghiệm, Triết học và Đạo giáo, và đồng thời cũng là điểm hội tụ của muôn vạn nẻo đường suy tưởng.

Trong quyển La Rencontre de l'Hindouisme et du Christianisme, Linh mục Henri Le Saux đã viết nơi chương dẫn nhập sách như sau: «Những trang sách này với những khuyết điểm của nó, có thể giúp cho những anh em giáo hữu khác tìm ra được cho mình, và cho Giáo Hội, những kho tàng vốn là của chính mình, tìm ra được những kho tàng, trong các pho sách cổ Ấn giáo, hay nói đúng hơn, trong tâm khảm con người, nơi mà những pho sách ấy được nghe đọc trước tiên. Cái Động phủ mà các Thánh thư Ấn giáo tung tỏa ra như từ một nguồn suối trong lành, đó chính là tâm khảm mỗi người, và đó chính là nơi, người Thiên

Chúa giáo được mời mọc vào, dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh để tìm cho ra toàn thể huyền nhiệm Atman, huyền nhiệm Đại Ngã, huyền nhiệm mà xưa kia các bậc thánh thị đã thấy ở đó. Vả chăng đó cũng là nơi mà thần người hợp nhất bất khả phân với Thần Chúa, một sự hợp nhất bất khả phân về Bản thể, đã làm cho các nhà thánh thị Ấn Độ ngỡ ngàng, và chính cũng là sự khế hợp tuôn ra từ lòng Đức Chúa Cha, mà Chúa Jesus đã chia sẻ với chúng ta.» [7]

Sau khi đối chiếu các học thuyết Đông Tây, tôi mới đoan quyết với tôi rằng câu Phúc âm Luca XVII, 21, phải được hiểu là: «Nước Trời ở trong anh em», mới thực là cao siêu thâm thúy...Tuy nhiên, rất ít người chia sẻ quan điểm đó với tôi.

Thế là đành phải thở than như Giả Đảo:

Lưỡng cú tam niên đắc, 兩句三年得
Nhất ngâm song lệ lưu, 一吟雙泪流
Tri âm như bất thường, 知音如不賞
Qui ngọa cố sơn thu. 歸卧故山秋

G.S. Trần Huy Bích chuyển dịch:

Ba năm vừa được đôi câu,
Dứt lời ngâm, bỗng dòng châu tuôn dầm.
Như chưa đẹp ý tri âm,
Lại về núi cũ, ta nằm với thu.

Loạt bài tôi viết lần lượt cho thấy:

- 1.- Thượng đế là Bản thể vũ trụ quần sinh.
- 2.- Thượng đế vì là Nguồn sinh, vì là Nguồn mạch mọi biến dịch, nên luôn luôn hiện hữu trong lòng sâu, trong Trung tâm điểm muôn loài.
- 3.- Vì vậy, mà con người thực sự đã thông phần Thượng đế tính, đã có tính Trời.
- 4.- Trời hằng ngự trị trong tâm khảm con người. Mà tâm khảm con người là ở Não thất ba (Third Ventricle), hay Nê Hoàn Cung.
- 5.- Vũ trụ quần sinh vì là phân thể của Thượng đế, nên có tương quan hết sức là mật thiết với nhau. Muôn người, muôn nước chẳng qua là huynh đệ một nhà.
- 6.- Bốn phận cao siêu, định mệnh cao siêu của mỗi cá nhân, cũng như của toàn thể nhân quần chính là thực hiện Thiên Tính con người, tìm lại Hoàng trung chính vị, Thái Cực Chân Tâm mà con người đã rời xa, khi mặc lấy xác phàm.

Như vậy ta mới hiểu tại sao xưa kia nơi đền thờ thành Delphes, người ta đã khắc mấy chữ: Gnote se auton (Anh hãy biết mình), và Mạnh Tử xưa trong thiên Tận Tâm, sách Mạnh Tử, có viết: «Tận kỳ tâm, tắc tri kỳ tính. Tri kỳ tính, tắc tri Thiên.» (Thấu triệt lòng, sẽ hay biết Tính; Hay biết Tính, nhất định biết Trời.) Gần đây, Ramana Maharishi cũng đã tập trung phương pháp giảng giáo của mình trong hai câu hỏi:

Tôi là ai?

Anh là ai?

Những điều trên tôi vừa trình bày thực ra nó là những chân lý cũ kỹ của nhân quần. Chúng ta thực ra ai cũng gặp chúng hằng ngày, nhưng vì không để tâm, nên mới có chuyện «hững hờ chàng Tiêu» thế đó

thời. Nếu quý vị có giờ rảnh đọc quyển The History and Philosophy of the Metaphysical Movement in America, tác giả là J. Stillson Judah, sẽ thấy rằng ngay từ thế kỷ 19 nhiều người Mỹ cũng đã có những tư tưởng trên, trong số đó phải kể những tên như Jonathan Edward, Ralph Waldo Emerson, Emanuel Swedenborg, Mrs. Baker Edy, v.v...

Có niềm tin rằng con người có Thiên tính sẽ đi đến quan niệm:

- 1.- «Nhân chi sơ, tính bản thiện.» 人之初性本善.
- 2.- Con người có giá trị siêu việt
- 3.- Con người phải chủ trương thương yêu tha nhân; đem tình thương xóa bỏ hận thù.
- 4.- Làm chính trị, hay lãnh đạo dân, là phải đem lại cho dân ấm no, sung sướng.
- 5.- Lãnh đạo nhân quần là phải hướng dẫn nhân quần tới chỗ chí chÂn, chí thiện, chí mỹ.

Giờ lại văn học, sử học nước nhà, để tìm xem các bậc tiền bối mình có chia sẻ với mình những quan điểm trên, tôi thấy không thất vọng.

Tôi khâm phục cụ Nguyễn Đình Chiểu vì Cụ là một người Việt Nam hãn hữu đã nói được rằng:

Có Trời thăm dụ trong lòng,
Tuy ngồi một chỗ, suốt thông trăm đời.
(Ngư tiều vấn đáp y thuật, tr. 372)
Vây thà theo lẽ an phần,
Trăm năm chờ mạng trong thân có Trời.
(Ib.tr. 208)

Tôi quý mến Nguyễn Bình Khiêm vì đã thấu triệt tinh hoa Khổng Mạnh, khi chủ trương trong bài bia ở Quán Trung Tân (Trung Tân quán bi ký 中津館碑記) rằng: Con người sinh ra tính bản thiện... Dù sống trong trần ai tục lụy, nhưng vẫn giữ được lẽ phải trong lòng, và con người sinh ra ở đời này, cốt là để tiến tới hoàn thiện... Nguyên văn như sau:

«Này xem, tính người vốn thiện, chỉ vì bị khí chất ràng buộc, bị vật dục che lấp, do đó tính thiện bản nhiên không được trọn vẹn như lúc trước; gian tà bĩ lận không một cái xấu gì mà không làm. Khi ở triều đình thì tranh nhau về danh, khi ở chợ búa thì tranh nhau về lợi; khoe là sang thì lâu son, gác tía, khoe là giàu thì vũ tạ ca lâu; thấy ngoài đường có người chết đói, không dám bỏ một đồng tiền ra cứu giúp; cánh đồng có người nằm sương, không chịu bỏ một nắm rạ ra che đậy. Đó! đã nhiều người bỏ mất lòng từ thiện vậy! Nhưng còn may, lẽ phải vẫn còn ở trong lòng người ta, chưa đến nỗi mất hết. Cho nên các kỳ lão trong làng ta vẫn khuyến khích nhau làm điều thiện, nào là cầu, đập, chùa quán luôn luôn tu sửa...

...Ta đề vào biển ở cái quán ấy gọi là QUÁN TRUNG TÂN. Có người hỏi ta rằng: «Quán ấy đặt tên là Trung Tân có nghĩa gì?» Ta trả lời rằng: «Trung nghĩa là đứng giữa không thiên lệch, giữ vẹn được điều thiện là Trung, không giữ vẹn được điều thiện, thời không phải là Trung vậy. Tân có nghĩa là cái bến; biết chỗ đáng đậu là bến chính, không biết chỗ đáng đậu là bến mê vậy. Đó, cái quán ta đặt tên Trung Tân chính là nghĩa vậy. Như trung với vua, hiếu với cha, mẹ, thuận giữa anh em, hoà giữa vợ chồng, tín giữa bạn bè, đó là Trung vậy. Thấy của phi nghĩa đừng có lòng tham, vui làm điều thiện, lại có độ lượng bao dung người khác, suy lòng chí thành để đối đãi với mọi người, đó cũng là Trung vậy. Trung ở chỗ nào tức là điều chí thiện ở chỗ ấy. Nếu mọi người biết lấy Trung làm bến chính, giữ được đúng mức, thì mọi công việc trong thiên hạ cứ do đó mà thi thố ra để đi đến chỗ tận thiện, như vậy thì công đức tốt đẹp biết là

nhường nào...» [8]

Những lời trên còn ích lợi hơn những lời Sấm ngữ của ông nhiều, vì nó có một giá trị vĩnh cửu. Ông am tường Dịch lý, nên biết rằng vũ trụ Càn Khôn đã từ một Trung Tâm Thái Cực phóng phát ra, và cái hay cái đẹp của con người là chuyển hóa tâm linh để tiến tới tinh hoa, toàn thiện, chứ không phải để đổ Tam Khôi. Thiệu Khang Tiết xưa viết:

«Thiên hướng Nhất trung phân Tạo Hóa,
Nhân do tâm thượng khởi kinh luân.»

Phỏng dịch:

Trời từ Nhất điểm phân Tạo Hóa,
Người từ tâm khảm, khởi kinh luân.

Nguyễn Bình Khiêm cũng mượn ý hai câu thơ trên, để viết trong bài thơ Trung Tâm ngụ hứng mấy vần sau:

«Lý hội Nhất trung, tri Đạo đại.
Văn khôi tâm thượng tiểu tài sơ.»

Phỏng dịch:

«Đạo lớn Nhất Trung đà thấu rõ,
Khôi nguyên ba bận dấm đầu khoe.»

Tôi ngỡ ngàng vì khẩu khí của cụ Trần Cao Vân:

Trời đất sinh ta, có ý không?
Chưa sinh trời đất, có ta trong.
Ta cùng trời đất, ba ngôi sánh,
Trời đất in ta, một chữ đồng.
Đất nứt ta ra, trời chuyển động,
Ta thay trời, mở đất mệnh mông.
Trời che, đất chở, ta thông thả,
Trời đất ta đây, đủ Hóa Công.

Tôi kính phục nhân cách của Lê Lợi và Nguyễn Trãi: Lúc phá giặc thì oai hùng như thiên binh, thiên tướng. Lúc giặc qui hàng, thì bao dung như Phật tổ tái sinh. Lúc nước nhà trở lại thanh bình, thì Quan Phục Hầu, Nguyễn Trãi, lòng trong sáng như Khuê tinh giáng trần, lại hăm hở, đem tài tế thể kinh bang, ước muốn đem tài hoa, xây dựng một đất nước, mà «nơi thôn cùng, xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu». Những con người có tâm hồn cao đẹp như vậy khiến tôi càng tin rằng truy kỳ căn, bản tính con người hết sức là sang cả, cao đẹp.

Không phải là tôi không biết đã có những người như Augustin, như Luther, như Tuân Tử đã mô tả con người như là những kẻ xấu xa, tội lỗi. Đối với tôi, những cái xấu xa, tội lệ mà con người gán ghép cho mình, theo đà tiến triển của nhân loại, cuối cùng sẽ trở thành như những bụi bặm trần hoàn, mà con người sẽ gột rửa được. Tôi sực nhớ lời tiên tri Ysaya:

Lại đây bàn bạc thử coi,

Tội người son đỏ, nhưng rồi trắng tinh,
Tội người hồng thắm đắm mình,
Sẽ như len trắng lung linh, trắng ngần.
(Ysaya, 1:18)

Tôi càng ngày càng nhìn thấy rằng nơi con người thật ra có hai chiều hai vẻ: Vẻ thanh cao và vẻ phàm phu. Cái vẻ phàm phu là những trạng thái thuộc tính người. Cái thanh cao là thuộc tính Trời nơi con người. Thế là con người có hai bộ mặt: bộ mặt lý tưởng, và bộ mặt thực tại. Bộ mặt lý tưởng là bộ mặt Bản Lai mà con người vốn có từ buổi trước sơ sinh, – đã, đang và sẽ – hiện lộ ra qua những thánh hiền, những anh hùng, hào kiệt. Bộ mặt thực tế là bộ mặt hóa trang mà thiên hạ luôn đeo khi đóng tấn kịch đời. Những người nhận mình là kẻ xấu xa, sẽ sống một cuộc sống hết sức là bi quan và cũng mất hết vẻ hiên ngang, vẻ hào hùng, không bao giờ có thể nói được như Trần Cao Vân: «Ta và trời đất ba ngôi sánh.»

Còn những người có quan niệm rằng bản tính con người vốn tốt, sẽ là những người lãnh đạo tinh thần nhân loại...

Nhìn sang phía trời Âu, ta thấy thuyết nhân chi sơ, tính bản ác, thống trị tư tưởng con người ít nhất là ngót 15 thế kỷ. Jean Jacques Rousseau (1712- 1778) là người đã làm một cuộc cách mạng tư tưởng lớn lao với chủ thuyết «Nhân chi sơ, tính bản thiện.» Cái xấu, cái không hay là do một nền giáo dục lệch lạc, một nhận định về thân thể con người lệch lạc, một tổ chức xã hội lệch lạc. Từ Rousseau quyền bính chính trị bắt đầu đổi chiều, thay hướng. Nó không còn do tự Trời bên ngoài truyền qua một người nào đó, hoặc không còn do đầu thánh của Giáo Hoàng, mà sẽ do từ Trời bên trong mỗi con người truyền qua lá phiếu. Và cái tư tưởng dân chủ ấy mới đầu bị mạt sát như là một thứ phong cù, một thứ tai họa cho đến bây giờ, nó mới được mọi người sùng tôn. Ngày nay, các vị lãnh đạo gian trần ai ai cũng là những người lớn tiếng ca tụng cái nền dân chủ trên gian trần này. Nhìn vào những bi hài kịch đó chẳng còn biết nên khóc hay nên cười.

Nếu quả thật con người sinh ra ở cõi đời này là cốt để thực hiện cái Bản thể cao đại của mình, thực hiện một cuộc sống cá nhân và xã hội lý tưởng, thì chúng ta mới tìm ra được một lẽ sống đích thực cho cá nhân và cho nhân loại. Nếu quả thật chúng ta sống ở đời cốt là để thực hiện một cuộc sống lý tưởng cho mình và cho người, ta sẽ tìm ra ngay những thiếu sót mà mỗi con người, mỗi quốc gia xã hội đang còn mắc phải. Chúng ta còn đói khổ? còn bệnh tật? còn lầm than? chúng ta còn ngu si, dốt nát? chúng ta còn đầy sân hận? chúng ta còn bị dục vọng dày vò? Hoặc xã hội, dân nước chúng ta còn đang lạc hậu, đang bị bóc lột, đang bị cùm xiềng? Khi đã tìm ra căn bệnh rồi, tìm ra thuốc chữa không còn phải là khó. Cái khó là chính vì chúng ta không chịu suy tư, không chịu vươn vượt, không chịu đoàn kết để mà xây dựng tương lai.

Nếu chúng ta không cùng nhau ra tay tìm nguyên nhân mọi chước mác dở dang, mọi khổ đau của nhân quần; nếu chúng ta không chịu sửa sai, sửa lỗi, thì không bao giờ chúng ta có thể có một cuộc sống tiến bộ, đáng sống.

Tin vào sức mình, tin vào những khả năng vô biên tận của con người, tin vào sức mạnh vô biên của sự đoàn kết, của sự tương kính tương thân, con người sẽ tạo cho mình một đời sống cực lạc, hạnh phúc, cho mình và cả cho người. Đó là định mệnh con người trong một tương lai mai hậu. Và tôi liên tưởng đến những vần thơ của Victor Hugo trong bài Plein Ciel:

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá,
Thuyền quang hoa bằng ngả thần tiên,

Tiến về mai hậu siêu nhiên,
 Tiến về đức hạnh nguyên tuyền tinh hoa,
 Ánh khoa học trời xa lóng lánh,
 Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,
 Tiến về đẹp để tinh tuyền,
 Tiến về thượng giới, về miền muôn sao.

Các nhà huyền học Hồi Giáo thuộc phái Bạch Y (Sufism), cũng nhìn thấy hai vẻ mặt thánh phàm, tiên tục của con người. Họ dựa vào hai câu thánh kinh Quran sau: «Thực sự ta đã tạo dựng con người hết sức là cao đẹp. Nhưng rồi ta lại hạ con người xuống tới cùng cực.» (Quran XCV, 4- 5). Con người cao cả, là khi mới còn là khuôn thiêng nơi đấng Chí Tôn. Con người trở nên phàm tục là khi vương lấy xác phàm. Nếu con người nguyên là siêu nhiên, thì là đã cực lạc, thì là đã phối hợp nhất như với Thượng đế rồi đâu còn có chuyện đạo giáo, tìm tòi. Nếu con người chỉ nguyên có thú tính, phàm hèn, thì việc gì mà phải khắc khoải, muốn vươn lên cao đại. Nhưng chính vì con người có cốt lõi thần linh, và cái bao bì phàm tục, nên tuy sống trong hồng trần mà vẫn ao ước thoát ly, vươn vượt.

Trên con đường tiến hóa tới siêu linh của con người, con người đã được sáng soi bằng ánh đuốc Lương tâm, và con đường đi của nhân loại tuy là vòng vo Tam quốc, nhưng mọi biến thiên chung qui cũng dẫn tới bến bờ vĩnh cửu. Kinh Thi viết:

Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
 Như là tấu khúc nhạc huân nhạc trì,
 Trời người đôi ngọc chương khuê,
 Bên cho, bên lấy đề huề biết bao,
 Tay cầm, tay giắt khéo sao.

Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi. [\[9\]](#)

Đạo Đức Kinh cũng cho hay:

Phù vật vân vân,
 Các qui kỳ căn.
 Qui căn viết tĩnh,
 Phục mệnh viết trường.

Phỏng dịch:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
 Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
 Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh,
 Phục mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng.

(Đạo Đức Kinh, chương 16)

Bài này tuy dài, nhưng tư tưởng hướng đạo lại rất vắn, gọn: Vì Con người xuất phát từ Một, nên dĩ nhiên phải có Thiên tính. Vì Con người phải lai hoàn về Một, nên phải Chỉ ư chí thiện. Thực là giản dị, thật là trong sáng! Thân thể con người là như vậy. Định mệnh con người là như vậy.

CHÚ THÍCH

- [1] Ông Mobed Bahram Shahzadi, giáo sĩ đạo Zoroastrianism (Zoroastrian Religion), trụ sở ở 8952 Hazard Avenue, West. CA 92683, Ph.# 714- 893- 4747, yêu cầu tôi dùng chữ Zoroastrian Religion thay vì dùng chữ Bái Hỏa Giáo, để tránh sự hiểu lầm là đạo thờ lửa.
- [2] Tiên học diệu tuyển, tr.298.
- [3] Ib. tr. 390.
- [4] Ib. 197.
- [5] Ib. 197.
- [6] Charles Andreu, Trans. Les fondements de la Mystique Tibetaine. Spiritualités vivantes, Jean Herbert. pp.200- 201.
- [7] Henri le Saux, La Rencontre de L'Hinduisme et du Christianisme, Editions du Seuil, 1966, p. 229.
- [8] Quán Trung Tân ở huyện Vĩnh Lại, xã Trung Am (nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng).
- [9] James Legge, The She King, p. 502.
-

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 4

ĐI TÌM MỘT NHÂN SINH QUAN

Khoảng năm 1960, nhân dịp khánh thành Khổng miếu Quảng Nam, hội Cổ học Quảng Nam nhờ tôi viết một bài về Nhân sinh quan theo Dịch lý. Trước đó, khi khảo về Trung Dung, tôi đã khám phá ra huyền nghĩa của Tâm điểm và của Vòng Tròn. Tâm điểm tượng trưng cho Bản thể vũ trụ; vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho vạn hữu, cho các hiện tượng biến thiên. Tôi liền phối hợp sở học tôi về Trung Dung và Dịch lý mà viết ra một bài nhan đề là: Một nhân sinh quan theo Trung Dung và Dịch lý.

Tuy là nói vậy, nhưng các đường hướng đưa ra, cái nhìn vào cuộc đời, hoàn toàn là do tôi sáng tạo; xưa nay chưa có ai đưa ra một quan niệm tương tự như vậy. Nói thế có nghĩa là Nhân sinh quan mà tôi đem ra bàn cùng quý vị bây giờ là của tôi. Những lời lẽ, những ý tưởng mà tôi đem trình bày cùng quý vị một cách mạch lạc, rõ ràng, thì trong dĩ vãng chẳng qua mới được ám chỉ, mới được gợi ý, chứ chưa hề được đề cập đến một cách sáng sủa, hẳn hoi.

Đến nay thấm thoát đã 40 năm qua, khi cần phải viết lại một Nhân sinh quan, tôi đọc lại lập trường, tư tưởng xưa kia của tôi, tôi vẫn thấy nó ý hợp tâm đầu với tôi. Tuy nhiên, tôi cũng không hoàn toàn sao chép lại để trình bày cùng quý vị, mà sẽ cắt xén, sẽ chỉnh trang lại cho hợp thời. Nói theo Bối Dịch, nó sẽ không phải là một quẻ Phục Ngâm, mà sẽ là một Biến quái, một Biến quái «hồi đầu sinh».

Tôi cũng xin nói trước rằng, Nhân sinh quan mà tôi đưa ra chỉ là một trong những Nhân sinh quan của thiên hạ. Nó hay, hay dở là tùy quan điểm của quý vị; nó có được quý vị tán đồng hay không, cũng tùy như là quý vị có tương ứng, tương cầu với tôi không. Dù quý vị đồng ý hay không đồng ý, chuyện đó không làm cho tôi phải băn khoăn. Một hôm, tôi đợi đèn xanh ở góc đường Bolsa, Brookhurst, tôi nhìn các xe cộ chạy qua trước mặt và thấy không xe nào giống xe nào: xe to, xe nhỏ, xe trắng, xe đỏ, xe xanh, xe vàng, xe Mỹ, xe Nhật, xe Thụy điển, xe Đức. Tất cả đều là tùy ý thích mỗi người, tùy túi tiền mỗi người. Nếu bây giờ có lệnh baét buộc chỉ được dùng xe một cỡ, một màu, do một nhà sản xuất, thì chắc là quang cảnh bên ngoài sẽ trở nên hết sức buồn tẻ. Cho nên về tư tưởng cũng cần phải có hiện tượng trăm hoa đua nở. Đưa ra Nhân sinh quan của tôi, tôi chỉ muốn coi nó như là một loại hoa, đóng góp phần nào vào vườn thượng uyển tư tưởng của nhân quần.

Nhân sinh quan này nảy sinh từ học thuyết then chốt của tôi là thuyết: Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, với những tư tưởng then chốt là Nhất tán Vạn, Vạn qui Nhất. Nó cũng dựa vào những định luật vĩnh cửu của trời đất như TỤ, TÁN; VẮNG, LAI; THUẬN, NGHỊCH; BIẾN HÓA. Nó sẽ cho ta thấy con đường TIẾN, THOÁI mà tôi sẽ phác họa ra cho chúng ta theo tùy TUỔI TÁC, tương ứng với chu kỳ của mặt trăng, mặt trời, của các vì sao, và sự biến thiên của bốn mùa.

Những điều mà tôi trình bày đã được rút ra từ Tâm Linh con người, đã được các Thánh triết ngàn xưa thi hành, và tin rằng sẽ được các Thánh triết ngàn sau đồng ý, vì đó là những định luật tự nhiên chi phối sự biến hóa của nhân quần. Đó chính là Thiên ý, và cũng đã được Trung Dung, và Kinh Dịch đề cập tới.

Trung Dung chương 29 viết:

...Đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,
 Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân.
 Khảo chứng tam vương, không có chi lầm lỗi,
 Sánh với luật đất trời, không phản bội.
 So quỷ thần, đường lối đúng không sai,
 Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai...
 So quỷ thần, đường lối đúng không sai,
 Thế là đã biết lòng Trời đó,
 Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,
 Thế là đã biết lòng người tỏ rõ...

Dịch kinh viết:

Thánh nhân rộng lớn muôn tầm,
 Như trời, như đất chẳng phân, chẳng rời.
 Biến thông hợp bốn mùa đời,
 Âm Dương hòa điệu, mặt trời, mặt trăng.
 Khinh phiêu, giản dị, ung dung,
 Hợp cùng chí đức, (sánh cùng chí năng.)
 (Hệ từ thượng, chương VI)

Nó cũng nảy sinh từ chủ trương biến dịch hai chiều của tôi: Một chiều tiến hóa theo các định luật vật chất, một ngày một tiến tới bất động, ù lì, tối tăm, lạnh lẽo.

Một chiều tiến hóa theo các định luật tinh thần một ngày một tiến tới tinh vi, kỳ ảo, linh động sáng tươi, đẹp đẽ, trật tự, hòa hợp. Chiều hướng về vật chất được chi phối bởi định luật «Dương tiêu, Âm trường»; còn chiều hướng về tinh thần, được chi phối bởi định luật «Âm tiêu Dương trường».

Từ xưa đến nay có nhiều lối nhìn vào đời sống con người: Có người thì cho cuộc đời là bến mê, bể khổ, cho nên muốn xa lánh cuộc đời; lên rừng, lên núi, vào hang, vào động để mà tĩnh tọa, tu trì; hoặc ly gia, cát ái, vui tháng ngày cùng câu kinh kệ. Có người thì cho cuộc đời này là chốn khách đầy, coi mọi thử thách khổ đau gian trần, là những thánh giá cần phải vác hằng ngày; luôn coi mình đầy tội lệ, cần phải khóc lóc ăn năn; sống trong hiện tiền, mà chẳng quan thiết tới hiện tiền, mà chỉ mong chóng được về Thiên quốc. Có cái lạ là tuy biết rằng chết đi có thể tiêu điều cực lạc; có thể lên thiên quốc, thiên đình, nhưng khi mắc bệnh, khi kề cận lưỡi hái tử thần, thì người ta lại thấy tiếc thương cái xác đất, vật hèn; cái đời phù sinh, tục lụy; lại thấy thương vợ, thương con, liền van vái tử phương, chạy thầy, chạy thuốc, cầu mong được triển hạn ngày giá hạc, vân trình!

Có những người lại chỉ chú trọng đến hiện tiền, lại chỉ thích cải tiến nhân sinh, tổ chức xã hội, và sống hưởng thụ trong kiếp sống gian trần này.

Cũng có những người chủ trương mạnh được yếu thua, chuyên môn hiếp đáp người khác, dân khác. Có những người chủ trương phải kiếm thật nhiều tiền, sống hưởng thụ tối đa. Người nào cũng cho chủ trương của mình là hay nhất, chủ trương của người là dở nhất. Tôi cho rằng tất cả những quan niệm trên

đều tương đối, dở hay, trộn lộn.

Tôi chẳng chống đối chuyện sửa soạn lại sinh, tôi cũng tán thành chuyện lo cải tiến đời sống vật chất, xác thân, đời sống, gia đình xã hội. Có một điều là chúng ta phải biết phân công cho hay, dùng thời giờ cho đúng.

ĐƯỜNG ĐỜI LÝ TƯỞNG

Tôi sinh ra trong một gia đình tương đối nghèo, sống trong một nước mà thế giới xếp vào hạng nhược tiểu và chậm tiến; tôi đã được thấm nhuần, được dạy dỗ rằng thân phận tôi, cũng như thân phận con người là hèn hạ, là tội lệ, mà lạ lùng thay tất cả những điều giáo huấn đó đối với tôi lại y như là nước đổ đầu vịt, hay nước đổ lá khoai! Tôi càng ngày càng nhận thấy rằng con người là dòng dõi thần minh giáng hạ, khoác hình hài, thân xác, làm một cuộc viễn du xuống gian trần này, để thực hiện những công chuyện vô cùng khó khăn như thấy trong chuyện thần Hercules: đó là thi triển thần uy, thi triển quyền lực để cải thiện gian trần, để đấu tranh, để lướt thắng mọi nỗi khổ đau, đem an bình lại cho thế tục, đem hạnh phúc lại cho tâm hồn, và sau khi đã xông xáo trên muôn vạn nẻo đường trần, sau khi đã vào sinh ra tử, sau khi đã chiến thắng mọi trở ngại, mọi hiểm nguy, sẽ thu hồi tinh anh, hội tụ thần lực, băng qua vòng khí quyển hình danh, sắc tướng, tương đối, tương đãi để về nhập thể lại với Vô Biên... Con người không thể tự khinh, mà phải tự trọng; không thể trốn đời mà phải biết dùng đời, dùng ngoại cảnh như là một công cụ cho mình thi triển quyền uy, cho mình phát huy sáng tạo, cho mình thực hiện tinh hoa.

Tôi càng ngày càng thấy rằng nhân loại mang chứa trong mình Bản thể vô biên của đất trời, Hóa công của vũ trụ, cho nên lúc thì phải xông xáo vào đời, để tái tạo ngoại cảnh; lúc thì phải quay trở lại với Đạo, nhìn thấy Đạo trong tâm khảm mình, để mà sống thanh hư, định tĩnh.

Tôi mến Thiệu Khang Tiết không phải vì quyển Mai hoa dịch số của ông, mà chính vì ông từ ngót ngàn năm trước đây đã có những ý tưởng tương tự, ông đã gửi gắm chúng vào trong một bài thơ mà tôi không rõ nhan đề, như sau:

«Nhĩ mục thông minh nam tử thân

耳目聰明男子身

Hồng Quân phú dữ bất vi bần

洪鈞賦予不為貧

Tu tham nguyệt quật phương tri vật

須探月窟方知物

Vị nhiếp thiên căn khởi thức nhân.

未躡天根豈識人

Càn ngộ Tổn thời quan nguyệt quật,

乾遇巽時觀月窟

Địa phùng lôi xử kiến thiên căn.

地逢雷處見天根

Thiên căn, nguyệt quật thường lai vãng,

天根月窟常來往

Tam thập lục cung đô thị xuân.»

三十六宮都是春

Giải thích:

Nhĩ mục thông minh, nam tử thân,

Hồng quân phú dữ bất vi bần.

Tu quan nguyệt động phương tri vật : Cần phải đi vào ngoại cảnh.

Vị nhiếp Thiên căn, khởi thức nhân : Cần đi vào tâm tìm lại Thiên căn.

Kiên ngộ Tổn thời quan nguyệt quật: Thiên Phong Cấu.

Địa phùng lôi xử, kiến Thiên căn: Địa Lôi Phục.

Thiên căn, nguyệt quật, thường lai vãng: Nếu biết đi cả hai chiều Tâm, Cảnh.

Tam thập lục cung đô thị xuân: 64 quẻ Dịch thu lại còn 36, ám chỉ cuộc đời, ý nói suốt đời sẽ đẹp đẽ như mùa xuân.

Chuyển dịch:

Tai mắt nam nhi đứng cõi đời,
Lòng mang Tạo Hóa há đâu chơi.
Quyết thăm động nguyệt cho hay vật,
Cố hiểu Thiên căn, để biết Trời.
Trời nổi gió giông, thông động nguyệt
Đất vang sấm chớp, lộ căn trời.
Căn trời, động nguyệt thường lai vãng,
Ba sáu cung xuân, trọn vẹn đời.

Bài thơ này đại khái chỉ đưa ra ba vấn đề:

1.- Con người có Thiên tính.

2.- Con người phải dùng nửa đời đầu của mình, để tìm hiểu ngoại cảnh, khai thác ngoại cảnh.

3.- Và dùng nửa đời sau của mình để tìm hiểu về gốc gác thần minh của mình. Được như vậy, cả đời mình sẽ luôn luôn sung sướng, hạnh phúc.

Tôi càng ngày càng nhìn nhân loại bằng con mắt tương lai. Tôi nghĩ rằng con người chắc chắn là sẽ tiến về địa vị thần linh sang cả, với sự sáng tạo của mình, nỗ lực triền miên của mình, với sự đồng lao cộng tác của mọi người.

Sự cứu rỗi của nhân loại sẽ đến với nhân loại, khi mà nhân loại nhận ra được chân giá trị của con người, khi biết rằng con người có những khả năng vô biên vô tận, mà nếu biết khai thác, biết tận dụng, sẽ biến hồng trần thành thiên quốc.

Con người chỉ việc thay đổi tầm nhìn, thay đổi ý nghĩ, thay đổi tâm tư, thay đổi độ lượng, lập tức phiền não sẽ tiêu tan. Cái khổ đau hiện tại, cái ngu si hiện tại sẽ nhường bước cho sung sướng, cho thông sáng trong tương lai. Con người sau khi đã đi bộ mấy nghìn năm, nay đã đi mây, về gió; sau khi đã dùng mắt trần mấy nghìn năm, nay đã biết nhìn bằng kính cận, kính viễn, kính hiển vi, và thiên lý kính. Nhìn nhỏ đến thấu cả lòng sâu vi tử, vi trần. Nhìn xa đến những tinh cầu cách xa triệu triệu năm ánh sáng. Rồi nhờ các đường dây điện thoại viễn thông, ta tha hồ đối thoại với những người cách xa muôn vạn dặm. Con người

ngày nay đã biết dùng ánh sáng Laser để chữa bệnh, đã biết dùng siêu âm để phá nát đá sạn trong ống mật, trong thận, đã thay tim, thay gan, nối thần kinh; nối mạch máu, thì trong tương lai sẽ còn làm được những phép lạ to lớn hơn thế nhiều!

Niềm tin tôi vào tiền trình vào tương lai nhân loại càng ngày càng trở nên mãnh liệt:

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá?

Thuyền quang hoa băng ngả thần tiên.

Tiến về mai hậu siêu nhiên,

Tiến về đức hạnh, nguyên tuyền tinh hoa.

Ánh khoa học trời xa lóng lánh,

Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,

Tiến về đẹp để tinh tuyền,

Tiến về Thượng giới về miền muôn sao.

(Phỏng dịch thơ Plein Ciel của Victor Hugo).

Tôi tin mãnh liệt rằng con người mai hậu sẽ trở thành thần linh, vì mang sẵn trong mình một nguồn sinh lực, một sức sáng tạo vô biên, vô tận.

Kìa sinh khí chứa chan, lai láng,

Rung lá cành, làm sáng lòng ta.

Tung hoành từ đá đến hoa,

Lại từ thảo mộc chuyển qua muông cầm.

Từ nham thạch chuyển dần tới bạn.

Có lẽ đâu tiêu tán nơi người?

Không, không, sinh khí chơi vơi,

Đường mây ai cản, đường trời ai ngăn.

Sức vô địch băng băng hướng thượng,

Tiến sâu vào vô lượng vô hình.

Làm cho tràn ngập thái thanh,

Một trời bát ngát treo tranh non bồng.

Xán lạn với muôn thần, vạn thánh,

Ánh hào quang tạo cảnh dao trì

Thần linh sánh với tiên tri,

Thiên thần rực rỡ, quang huy trong ngoài.

Sinh khí ấy láng lai vô tận,

Bắc thang sao, muôn dặm thiên thai.

Từ nơi ngạ quỷ tuyền đài,

Tung lên cho tới muôn loài thần tiên.

Thấp với cao tương liên kết giải,

Muôn thánh thần chấp nối duyên tơ,
 Bẵng qua muôn triệu cõi bờ,
 Nối liền sao sáng cùng là trời mây.
 Cao với thấp đó đây ở hết,
 Từ biên khu tới miết trung tâm
 Bẵng chừng muôn dặm, muôn tầm,
 Rồi ra biến dạng vào tâm khảm Trời.

(Phỏng dịch thơ Les contemplations của Victor Hugo).

Tôi phân cuộc đời thành hai giai đoạn, theo đúng điều Âm, Dương của đất trời.

Gẫm đạo lý có sau, có trước,
 Lẽ Âm Dương có ngược, có xuôi,
 Ngược là gió cuốn bụi đời (Thiên Phong Cấu).
 Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lằm.
 Có thử thách, mới phân vàng đá,
 Có lằm than, mới rõ chuyện đời.
 Khi xuôi, sấm chớp tới bờ (Địa Lô Phục),
 Tầng sâu, bày giải căn trời nội tâm,
 Trông tỏ đích, chí nhân, chí chính,
 Biết mục phiêu, sẽ định, sẽ an,
 Rồi ra suy xét nguồn cơn,
 Con đường «phối mệnh» chu toàn tóc tơ.

Giai đoạn đầu là giai đoạn «Dương tiêu, Âm trưởng». Con người trong giai đoạn này, sa đọa, lạc lõng dần vào cảnh phù du, hư ảo bên ngoài, đem tâm thần, bán rẻ lấy miếng cơm manh áo, đem thân làm tôi tớ cho hoàn cảnh, xã hội, dù nợ áo cơm lụy cả đến hình hài, mà vẫn lấy thế làm vui. Trong giai đoạn này, vật chất dần dần đóng vai trò tối thượng. Nhưng có giai đoạn này, thì giang sơn mới được tô điểm, hoàn cảnh vật chất của quần chúng mới được cải thiện. Tinh thần, trong giai đoạn này, dần thu gọn lại như một ánh sao trên bầu trời vân vũ.

Giai đoạn sau là «Âm tiêu, Dương trưởng». Tinh thần đã biết hướng thượng đã biết hồi hướng, tìm ra được nguồn mạch cao cả của mình, và sẽ dùng vật chất làm «thang mây» mà tiến dần về Trời. Trong giai đoạn này, tinh thần dần dần đóng vai trò tối thượng. Nó thích hợp với những con người đã đứng tuổi, đã già, những con người đã biết quẳng gánh lo, thoát vòng danh lợi để quay về tu luyện bản thân, nêu gương sáng cho đời, mong kết hợp với Trời, để được trường sinh bất tử. Ngược lại vật chất xuống giá dần để cuối cùng biến thành chiếc xe mây cho khách du rong ruổi trên đường «thiên lý», sáng trong như ngọc thạch.

Con đường lý tưởng này gồm cả hai bề vật chất, tinh thần, uyển chuyển diễn tiến theo đà thời gian, tuổi tác, như một bài thơ, một bản nhạc, mà tiết tấu hòa nhịp với trăng sao. Thế là «TRẺ ĐI RA, GIÀ ĐI VÔ»; «TRẺ ĐI RA ĐỜI, GIÀ ĐI VÀO ĐẠO»: Đời đây là ngoại cảnh; Đạo đây là Tâm Linh.

ĐƯỜNG ĐỜI LÝ TƯỜNG VỚI CHU KỲ NHẬT NGUYỆT TINH THẦN

Con người lý tưởng lúc sơ sinh cũng như vầng trăng vừa quá rằm đẹp đẽ. Nhưng dần dà lớn lên, lạc lõng vào cuộc đời tìm sinh kế, cũng như vầng trăng khuyết dần, mờ dần. Đến lúc công danh ở đời tưởng như là rục rờ, lợi lộc ở đời tưởng như là dồi dào, thì lại là lúc mà tinh thần nghèo nàn nhất. Lúc mà tinh thần suy sụp, đen tối như vậy, thì mặt trăng trên trời cũng đang ở vào kỳ Nguyệt Tận, chẳng còn chút quang huy.

Nhưng trăng hết kỳ lu, lại tới thời kỳ sáng. Con người lý tưởng cũng vậy, không thể bị vật dục che mờ mãi. Nhờ suy tư về sự chất chường bên ngoài, con người có ngày sẽ tìm lại được nguồn sống bên trong, sẽ dần dần tài bồi cho tâm hồn mình ngày thêm hoàn bị, để lúc thoát «hồng trần, tục lụy», sẽ viên mãn, sẽ rục rờ như TRĂNG HỒM RẼM.

Con đường lý tưởng nói trên cũng vạch lại sự thăng trầm của vầng dương. Trong một ngày, thì sau giờ Ngọ, là mặt trời ngả bóng và càng ngày càng mờ nhạt quang huy. Lúc gần xế bóng non đoài, thì tà huy cũng trở nên bằng lảng. Khi đã lặn xuống dưới chân trời, thì màn đêm la đà phủ trên muôn vật, và lúc nửa đêm là lúc tăm tối nhất. Nhưng rồi sau đó mặt trời lại mọc lên lại. Và lúc lên khỏi chân trời, thì bình minh lại hiện ra rục rờ. Đến lúc chính Ngọ sẽ lại là «Nhật lệ trung thiên», sáng quắc giữa vòm trời. Nếu xét theo triền năm, thì sau ngày Hạ chí, mặt trời đi vào cung Cự Giải. Ánh sáng và sức nóng một ngày một giảm cho tới cực độ vào ngày Đông chí. Nhưng từ ngày Đông chí trở đi, thì mặt trời lại nóng lên, sáng lên dần mãi, đem ánh dương quang đượm nhuần cho hoa lá trở sinh, từng bừng rộn rã với ngày Xuân, và dần dần trở lại ngôi vị tối thượng vào ngày Hạ chí.

Cuộc đời lý tưởng của người quân tử, lúc sơ sinh, cũng đẹp như mặt trời khi quá Ngọ. Lúc lớn lên, bị vật dục che mờ, người quân tử cũng như mặt trời, trải qua những cảnh hoàng hôn và cảnh đêm dài tịch liêu, u tối. Nhưng rồi ra, con người lý tưởng ấy dần dà sẽ gỡ được mọi tann phiền, để cùng mặt trời trang trọng hiện lên trên nhân giới tâm linh, vào lúc bình minh muôn thủa; cùng bình minh, hứa hẹn một trời trong sáng mới, và khi lìa thế sự, sẽ là «nhật lệ trung thiên», sáng quắc cả bầu trời thiên quốc.

Con người lý tưởng, ruổi rong trên muôn dặm trần hoàn y thức như nhật nguyệt và ngũ tinh (ngày nay là cửu tinh) ruổi rong trên con đường Hoàng Đạo. Lúc sơ sinh, con người lý tưởng đi và CỬA NGƯỜI- mà Chiêm tinh Âu Châu gọi là Cung Cự Giải, mà Chiêm Tinh Học Á châu gọi là chòm sao TỈNH. Từ Cự Giải tuần tự xuống dần tới các cung Sư Tử, Thất Nữ, Thiên Xứng, Thiên Yết, Nhân Mã, tức là qua các chòm sao Tỉnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn; Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ. Đó là con đường đi ra, con đường đi xuống. Khi đến cùng đường, sẽ tìm vào CỬA TRỜI, mà người Âu Châu gọi là cung Ma Yết (Capricorn). Rồi từ đó tiến lần lên các cung Bảo Bình, Song Ngư, Bạch Dương, Kim Ngưu, Song Tử. Theo Chiêm tinh học Á Đông thì CỬA TRỜI là ở chòm sao Đẩu. Rồi từ đó đi theo các chặng đường trời: Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích; Khuê, Lâu, Vĩ, Mão, Tất, Chủy, Sâm. Sau đó sẽ vào yên nghỉ tại THIÊN CUNG, tượng trưng bằng TÂM ĐIỂM của Vòng Hoàng Đạo. CỬA NGƯỜI trên vòng Dịch Tiên Thiên là quẻ CẤU; CỬA TRỜI trên vòng Dịch Tiên Thiên là quẻ PHỤC. THIÊN CUNG là THÁI CỰC, TRUNG CUNG. Như vậy, đường xuống TRẦN, đường lên TRỜI, đã được hoạch định, được xây cất sẵn sàng. CỬA NGƯỜI, CỬA TRỜI đã như thể có biển đề, cho ta khỏi lầm lẫn.

ĐƯỜNG ĐỜI LÝ TƯỜNG VỚI LỄ BIẾN THÔNG CỦA BỐN MÙA

Đem sánh với bốn mùa, ta thấy con đường lý tưởng mà ta vạch ra ở trên hợp nhẽ biến thông của bốn mùa.

Lúc sơ sinh là lúc nhựa sống tràn đầy như muôn hoa khoe sắc trên cành, sau ngày Hạ Chí (giữa tháng 5 ta; vào khoảng 21 tháng 6 Dương lịch). Lúc lớn lên, bước dần vào cuộc đời, thấy dần dần tâm sự càng ngày càng ngả sang Thu, và khi đến lúc hoa niên, khi đã tiêu pha hết vốn liếng tinh thần, khi đã:

Mùi tục lụy lười tê tâm khổ,
Đường thế đồ, gót rỗ kỳ khu,

Tâm hồn lấm lúc cảm thấy lạnh lùng, như băng giá, tiết đông thiên. Nhưng có sương tuyết lạnh lùng, thì mới có lại được ngày xuân ấm áp.

Trong những giờ phút mà con người chán thế sự, nhân tình, thì lại là lúc con người thấy mở tung ra trong tâm khảm mình một nhãn giới vô biên. Thế là khi mái tóc hình hài, vật chất đã hoa râm, thì tinh thần ngược lại bỗng đượm màu xuân sắc. Một nguồn hi vọng mới dâng lên giữa những cảnh ngộ éo le của cuộc đời. Mùa xuân đầy hi vọng trở về với một nguồn sống tinh thần mới... Và cũng như cây đâm chồi, nảy lộc, vươn mãi lên trên khung trời trong ngày xuân ấm áp, tâm hồn cũng vươn mãi lên tới tinh hoa cao đẹp. Cuối cùng lúc từ giã cuộc đời, tâm hồn vẫn chứa đầy nhựa sống như trời mùa hạ. Bao công lao sự nghiệp của cuộc đời bấy giờ nở tung ra như muôn hoa tươi thắm để chẳng bao giờ tàn phai...

CON ĐƯỜNG ĐỜI LÝ TƯỞNG VỚI NHÂN TÂM THẾ ĐẠO

Con đường lý tưởng đó cũng rất phù hợp với nhân tâm thế đạo. Con người từ bao ngàn năm nay, vì không hiểu định luật thiên nhiên, nên đã không đi theo đúng nhịp điệu thời gian, tuổi tác; gò bó mình vào những khuôn khổ chật hẹp; máy móc hóa một cuộc đời đáng lý là thơ mộng; hay lại quá phóng túng mình đến tan tác cả cuộc đời.

Mặc dầu vậy, họ vẫn phác họa lại trong cuộc đời mình bóng dáng cuộc đời lý tưởng đó.

Bé thì ngây thơ, hồn nhiên, vô tội vạ; rồi dần dà trở nên PHÓNG NGOẠI, trở nên tò mò; rồi cũng tranh đấu, xông xáo, cũng dần thân vào phong trần, vật chất như ai. Lúc mái tóc hoa râm, lắm khi cũng thấy giạt mình muốn đoạn tuyệt với cuộc đời phóng đãng của mình, muốn hồi tâm tu tỉnh. Khi trở về già, thì không ai bảo ai, bất kỳ thuộc tôn giáo nào, con người cũng muốn quay về cùng Trời, Phật, Thần, Thánh; cũng kính kệ, tụng niệm như ai. Chỉ tiếc cái là thay vì HƯỚNG NỘI, để quay về với Trời, với Phật trong tâm, thì vẫn uổng công đi tìm Trời, tìm Phật ở nơi đền đài, miếu mạo bên ngoài; thay vì dùng kính kệ, như là thần chú để chiêu vời Trời, Phật nhập thể với mình, thì lại vẫn thấy mình là mình; kính là kính; mà Trời Phật vẫn xa xôi riêng rẽ... Càng dần thân (engagement) vào đời phong vũ bao nhiêu, lại càng mong muốn thoát thân (disengagement) ra ngoài vòng cương tỏa bấy nhiêu. Nếu như thấy được «Thiên địa chi tâm», tìm ra được Bản thể Trời trong đáy lòng mình là sẽ bước được vào con đường giải thoát.

Nói rộng ra, thì nhân loại cũng đang đi trên vòng Càn Khôn đó, nhưng chậm chạp.

Giai đoạn đầu là giai đoạn đạo hạnh phù phiếm, xốc nổi bên ngoài, để rồi dần dà lạc lõng vào giai đoạn dị đoan, mê tín. Càng phóng ngoại bao nhiêu, văn minh vật chất càng thịnh đạt bao nhiêu, nhân loại lại càng đi đến chỗ sa đọa tinh thần bấy nhiêu, càng «Nghịch Thiên, Bối Thiên» (quay lưng lại với Trời) bấy nhiêu. Nhưng chính là nhờ ở giai đoạn sùng thượng vật chất này mà nhân loại đã giải quyết được những vấn đề mưu sinh, thích ứng với hoàn cảnh, nhân loại đã xây dựng được hạ tầng cơ sở cho vững chắc. Cho nên nó cũng hết sức là ích lợi và cần yếu.

Nhưng khi đã trưởng thành, khi đã quá dè bủ, ghen ghét nhau, quá bóc lột, áp bức nhau, nhân loại sẽ dần dần trở lại sùng thượng các giá trị tinh thần vĩnh cửu.

Hiếu cuộc đời theo định luật biến dịch nói trên sẽ mở ra một con đường tiến hóa bao la cho cá nhân, cũng như cho nhân quần xã hội. Cá nhân sẽ tùy theo tuổi tác, tùy theo khuynh hướng của từng tuổi mà làm những công tác mình phải làm, để cây đàn bản thân lúc nào cũng hòa âm theo đúng tiết tấu gia đình, xã hội, quốc gia, quốc tế, nhân loại, và đất trời. Đó tức là ứng biến theo thời. Nhân loại và cá nhân sẽ không ăn rễ sâu xa vào vật chất, mà chỉ coi vật chất là một chặng đường tiến hóa của mình, một lớp lang nhỏ bé trong tấn tuồng vĩ đại của nhân sinh, và trời đất.

Nếu chúng ta tin rằng Nhất đã sinh Vạn, thì ắt chấp nhận rằng Vạn sẽ qui Nhất. Thế tức là, từ Tâm Linh muôn thừa đã tung tỏa ra muôn vạn ngã đường. Dù ta có lao đao suốt đời cũng chẳng sao đi hết con đường muôn vạn ngã. Càng phiêu lưu, càng lạc lõng. Càng đi ra Vạn, càng phiêu lãng trên muôn vạn ngã đường, dù có thành công đến đâu, trong thâm tâm vẫn thấy thiếu thốn, vẫn thấy ám ảnh bởi cảnh phù du, tạm bợ; vẫn thấy mình như thân phận cánh bèo, bình bông mặt nước, chân mây, mà chẳng biết sẽ trôi giạt về đâu, bởi vì Vạn chỉ là như một bóng hình hư ảo của Nhất. Trở về được với Nhất, mới là đi trọn vẹn được vòng Càn Khôn biến hóa của thiên nhiên.

Nói thế có nghĩa là, khi con người tiến đến thuần Dương, sẽ cảm thấy mình vẫn còn ở trong hữu hạn, vẫn còn chịu định luật biến thiên, sinh hóa, cần phải đi vào Tâm điểm vũ trụ, tâm điểm tâm thần, để thoát vòng biến thiên, sinh hóa, để từ hữu hạn, nhập vào Vô cùng.

Ấn giáo, Phật giáo gọi đó là «[Thoát Luân Hồi; Nhập Niết Bàn](#)».

Khổng giáo gọi là [TRUNG DUNG TRUNG ĐẠO](#).

Đó cũng là [Trung Đạo](#) theo Long Thụ.

Đó là «[đắc kỳ hoàn trung dĩ ứng vô cùng](#)» hay «[hữu hồ Thiên quân](#)» của Trang Tử.

Đó là [Tat Tvam Asi](#) (Con là Cái Đó) của Bà La Môn.

Đó là [Con Người Lý Tưởng; Con Người Muôn Thừa](#); đó mới là [Chí Nhân](#) hay [Chân Nhân](#).

Lúc ấy chính là lúc con người nhập thể với Trời (Phối Thiên). Lúc ấy, Hiện tượng đồng hóa với Bản Thể, nên xóa hẳn biên cương giữa Tương đối và Tuyệt Đối, giữa Có và Không. Đó chính là **BẤT NHỊ PHÁP MÔN**.

Theo Nhân sinh quan trên, chúng ta sẽ học đi trên đất trước, rồi mới học bay trên trời; tìm miếng cơm, manh áo trước, rồi dần dà mới đi sâu vào nội giới tâm linh. Thế tức là biết thời cơ, biết nhẽ tiến thoái, biết uyển chuyển ứng phó với hoàn cảnh, biết biến thiên theo nhịp điệu thời gian tuổi tác, để lúc nào đời chúng ta cũng đẹp như một bài thơ, tiết tấu như một khúc nhạc, để lúc chung cuộc sẽ thực hiện được **CHÂN, THIÊN, MỸ**.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 5

MỘT SỰ QUAN THEO THUYẾT TAM TÀI

Dưới tiêu đề này, tôi muốn bàn về những đường đi nước bước của nhân quần, từ lúc khởi thủy, tới lúc chung cuộc. Nói cách khác tôi cùng quý vị sẽ theo dõi những diễn biến lịch sử của loài người, trong dĩ vãng, hiện tại và tương lai; tôi sẽ bàn về SỰ QUAN.

Công việc này, không phải là một chuyện huyền hoặc, không tưởng. Tuy là một chuyện khó, nhưng trong dĩ vãng đã có nhiều người làm chuyện này. Ví dụ như Giám mục Augustin trong những năm 412-426 đã viết quyển De Civitate Dei (Thành trì Chúa); Giám mục Bossuet, năm 1681, đã viết quyển Discours sur l'histoire universelle (Luận thuyết về lịch sử toàn cầu); Kant (1724- 1804) đã viết quyển Idea of a Universal History from a Cosmopolitan Point of View (ý niệm về Lịch sử nhân quần theo quan điểm hoàn cầu) năm 1784; Auguste Comte (1798- 1857) viết bộ Course on the Positive Philosophy (Bàn về Triết học thực nghiệm) vào những năm 1830- 1842; Hegel (1770- 1831) viết quyển Philosophie des Rechts (Philosophy of Right: Triết học Chính nghĩa) năm 1821 và quyển Lectures on the Philosophy of History (Diễn thuyết về Triết học Lịch sử), xuất bản sau khi ông mất; Karl Marx (1818- 1883) trong các sách của ông như Critique of Political Economy (1859); The German Ideology viết trong khoảng 1845- 1846, nhưng mãi đến năm 1932 mới xuất bản; Poverty of Philosophy (1847); Communist Manifesto (1948); Capital (Tập 1) xuất bản năm 1867 v.v... ấy là tôi chưa kể đến Herder, Oswald Spengler, Arnold Toynbee, các nhà thần thi Ấn Độ thừa xa xưa, các triết gia Trung Hoa như Thiệu Khang Tiết (1011- 1077), tác giả quyển Hoàng Cực Kinh Thế. Các tác giả trên hoặc mặc nhiên, hoặc công khai chủ trương rằng lịch sử nhân quần không phải là một cuộc diễn biến hỗn loạn, nhưng mà là một cuộc diễn biến có mục phiêu (Augustin), có chiều hướng (Auguste Comte, Karl Marx), được chi phối bởi những định luật biến dịch: sinh, trưởng, thu, tàng; vinh, khô, đại, tạ (Hegel, Arnold Toynbee, Oswald Spencer).

Phần đông người Âu Châu xưa nhìn vào lịch sử nhân quần thấy nó diễn biến ra trong một khoảng thời gian rất là ngắn ngủi, khoảng 6000, 7000 năm, và đang mong chờ nhật nguyệt, tinh cầu rơi rụng xuống trần gian, như những trái vả chín để cho trần gian đắm chìm trong mưa dầu, nắng lửa. Và để giản dị hóa cái nhìn vào lịch sử nhân quần, người ta coi trần gian này như là một chốn khách đày, đầy chông gai, gian khổ, mà con người phải cắn răng, cúi đầu chịu đựng, để đền bù tội lỗi của mình và của tiên tổ. Nó cũng như là trại tị nạn tạm bợ, mà mọi người sống trong những giây phút chờ chực, để được chọn lựa vào Thiên Quốc, nếu hội đủ tiêu chuẩn; nếu không đủ tiêu chuẩn, sẽ bị dẫn giải xuống Âm Ti, Địa Ngục, có thể là có tới 9 tầng, chắc chắn là ồn ào, nhộp nhúa lắm. Đối với tôi, sự quan này chẳng hấp dẫn tí nào!

Nhiều người Đông Phương cũng coi đời là bến mê, bể khổ, chỉ mong thoát nợ đời. Với thái độ ấy, lịch sử nhân quần trở nên vô nghĩa. Vì bản tính vốn lạc quan, vui vẻ, nên tôi cũng không ưa cái nhìn buồn thảm này. Trái lại, tôi thích coi lịch sử nhân quần là những trang sử hào hùng, ghi chép toàn những chuyện «thắng mê», «thắng khổ».

Dần dà nhân loại đã bắt đầu không còn coi hồng trần là bãi rác, là nơi tù đày nữa, mà thấy nó có thể

trở thành Lạc Viên, Lạc Cảnh, nếu mình biết bắt tay vào công trình khai thác, hoán cải nó. Các triết gia đã dần dần thổi vào lịch sử nhân quần một luồng hào khí mới, một luồng sinh lực mới. Thực vậy, các triết gia Âu Châu, từ thế kỷ XV trở đi, khi bàn về lịch sử nhân quần, đã đem được định luật biến dịch lồng vào sự diễn biến của lịch sử. Tuy nhiên mới chỉ thấy được sự biến hóa một chiều, theo một con đường thẳng.

Auguste Comte cho rằng nhân loại từ trước đến nay đã đi qua ba giai đoạn, là: Thần quyền, Siêu Hình, và Thực nghiệm khoa học. Đó chính là một sự suy diễn về quá trình biến hóa theo con đường thẳng, và cũng chưa có đoán định về tương lai.

Karl Marx nhìn vào sử quan qua lăng kính Duy vật biện chứng pháp. Ông cho rằng lịch sử biến hóa được chính là do động cơ vật chất, kinh tế. Vật chất, kinh tế là hạ tầng cơ sở. Tùy theo sự biến hóa của các phương tiện sản xuất, mà lịch sử cũng dần dần thay đổi bộ mặt, mà các cơ cấu trên thượng tầng, như văn hóa, tư tưởng, chính trị, xã hội cũng được đổi thay. Theo Marx, Engels và Lénine lịch sử biến thiên để đưa đến một thế giới không quốc gia, một xã hội không giai cấp, trong đó mọi người đều bình đẳng, không còn ai bóc lột ai. " Tuy nhiên trước khi đi đến thời kỳ hi vọng đó, phải qua thời kỳ oán ghét, phải qua giai đoạn vô sản chuyên chính. Mục đích của vô sản chuyên chính là nhào con người cũ để nặn nên con người mới. Không có chuyện nơi tay; phải thẳng thúc ghê gớm. Nhưng, để làm công chuyện này, đã có một phương thế hết sức là hùng mạnh, một công cụ đàn áp rất đặc biệt đó là nhà nước.

Trong thời kỳ đầu này, nhà nước sẽ không lơ là, mà ghi chép hết, kiểm soát hết. Sự kiểm soát sẽ toàn diện, phổ quát, cùng khắp mọi nơi trong nước, và không ai có thể tìm ra chỗ nào để trốn lủi, để thoát thân. Tất cả xã hội, chỉ còn là một bàn giấy lớn, một nhà máy lớn, và mọi người bình đẳng về vấn đề lao động, về vấn đề lương hưởng. [1]

Sử quan này cũng chỉ mới có một chiều: Nói theo Dịch, nó mới chỉ là chiều Âm trường, Dương tiêu: Theo chiều hướng này, chỉ mới thấy vật chất thịnh, tinh thần suy. Trong tương lai phải có thêm một chiều hướng mới là Âm tiêu, Dương trường; vật chất sẽ đóng vai trò thứ yếu, tinh thần càng ngày càng đóng vai trò tối thượng. Cái thế giới đại đồng, mà Mác. Lê mơ ước, thực ra sẽ ở cuối con đường DƯƠNG, con đường tiến hóa tinh thần, khi mà nhân loại sẽ lấy Tinh thần làm CHỦ, vật chất làm KHÁCH. Vật chất sẽ chỉ đóng vai trò phụ thuộc để giúp con người tiến tới tinh hoa cao đại. Nói vậy có nghĩa là nhân loại chỉ có thể đi vào thời đại hoàng kim, khi đi ngược lại chiều hướng vật chất của Mác Lê.

Chính vì vậy mà Chủ Nghĩa Duy Vật, cũng như Duy Vật Sử Quan khó mà mang lại hạnh phúc cho con người.

Riêng tôi, dựa vào Dịch lý, dựa vào lẽ biến Dịch tuần hoàn của trời đất, đã thấy Mác, Lê mới chỉ nhìn thấy chiều hướng tiến của vật chất mà chưa nhìn thấy chiều hướng tiến của tinh thần, và đã mau đem màn đêm sâu khổ, thương đau, phủ lên trên một phần hoàn vũ. Kim Dung, trong Lộc đỉnh ký, đã sánh những người làm chính trị và người dân, như thợ săn với hươu. Cách săn hươu tuy có khác nhau, nhưng khi hươu đã lọt vào tay thợ săn, thì hươu biết ngay số phận mình. Cũng y thức như cá ngoài lò, thì tưởng trong lò là sung sướng, nên muốn chui vào; khi đã lọt vào lò, thì lại đỏ mắt trông chờ ngày giải thoát...

Trong quyển Philosophy of History của Cairns, nơi trang 449, ta thấy Toynbee cũng đồng ý với Ibn Khaldun, Vico, Spengler và Sorokin, khi cho rằng các nền triết học duy vật là đặc điểm của những thời kỳ suy thoái trong bất kỳ nền văn hóa nào. [2]

Các Triết gia xưa nay cũng tìm hiểu xem động lực nào thúc đẩy sự biến hóa trong lịch sử. Và ta nhận thấy các tư tưởng đưa ra cũng không mấy giống nhau. Trong quá khứ, nhất là trong thời Trung cổ, người ta cho rằng sự biến thiên của lịch sử nhân quần đã do một thần lực ngoại lai, do sự quan phòng

(Providence) của Thượng đế. Tư tưởng này đã được các sử gia công giáo như Eusebius (c. 264-340), tác giả quyển Ecclesiastical History (Sử Ký Hội Thánh); Augustine (354-430), tác giả quyển The City of God (Thành trì Chúa); Bede (673-735), tác giả quyển An Ecclesiastical History of the English People (Lịch sử Giao Hội Anh) chủ trương và khai thác.

Từ 1400 về sau, các sử gia Âu Châu bắt đầu chuyển hướng và cho rằng lịch sử chuyển biến là do ý hướng của nhân loại. Voltaire (1694-1778) cho rằng lịch sử tiến hóa từ tăm tối của dị đoan, tà thuyết để đi dần dần đến ánh sáng của lý trí. Kant (1724-1804), Herder, Hegel (1770-1821) cho rằng lịch sử biến chuyển là do những động lực nội tại, tiềm tàng sẵn trong nhân quần, thay vì do một đấng thần bên ngoài. Hegel còn cho rằng lịch sử là do sự phát triển, và sự hình hiện của thần lực trong con người. Ông cũng còn cho rằng lịch sử biến hóa là do sự hỗ tương tác dụng giữa Lý Tưởng và Thực Tại; là sự hình hiện của Tuyệt đối trên triền thời gian; là quá trình Thần Linh tự khai triển... Marx cho rằng kinh tế, vật chất là động cơ của lịch sử.

Chúng ta không thể trình bày hết mọi quan niệm, mọi lý thuyết của các Triết gia Đông, Tây, Kim, Cổ được. Chúng ta chỉ có thể trình bày một cách khái lược như sau:

1.- Lịch sử biến thiên có mục phiêu:

- Đó là sự Chúa cứu rỗi nhân loại (Augustine).

- Đó là sự tiến bộ chẳng những về phương diện vật chất, kỹ thuật mà còn là sự giải phóng con người cho khỏi những vô lý của lịch sử, nhất là khỏi chiến tranh (Condorcet, Comte, Herbert Spencer).

- Đó là sự tiến bộ để con người và xã hội loài người càng ngày càng sống hợp lẽ phải (Immanuel Kant, Georg F. W. Hegel, Johann Gottlieb Fichte).

- Đó là tiến bộ đến một xã hội bình đẳng, đại đồng (Marx).

2.- Lịch sử tiến hóa có chiều hướng:

a).- Hoặc biến hóa theo một đường thẳng (đa số triết gia).

b).- Hoặc biến hóa theo chu kỳ (sinh, trưởng, thu, tàn) thịnh suy đắp đổi (Oswald Spengler, Arnold Toynbee).

3.- Lịch sử biến thiên là do những động cơ thúc đẩy. Động cơ đó có thể là thần quyền, hoặc là do những nguyên nhân nội tại tiềm ẩn sẵn trong con người, như đã trình bày ở trên.

Riêng tôi, khi suy tư về Sử quan, tôi sẽ đóng góp như sau:

A.- Lịch sử biến thiên có lớp lang, tiết tấu, có mục phiêu rõ rệt: Đó là sự khai triển phát huy toàn diện các khả năng nơi con người, cả về ba phương diện Thần, Hồn, Xác. Đó là quan niệm Tam Tài mà tôi sẽ dùng để cắt nghĩa quá trình lịch sử.

B.- Lịch sử biến thiên do những động cơ nội tại, tiềm ẩn sẵn trong bản chất loài người; do những định luật chi phối mọi sự biến thiên trong hoàn vũ. Như vậy mới có thể tiên tri, tiên đoán được.

C.- Lịch sử biến thiên có chiều hướng, nhưng sẽ diễn biến theo hai chiều, theo đúng định luật vãng, lai, phản phục, tụ tán của trời đất.

Tôi chủ trương rằng cái gì cùng một lúc đã diễn biến ra cho nhân quần, sẽ tuần tự diễn biến ra trên triền thời gian lịch sử cho nhân loại. Nói thế có nghĩa là nếu ở trong không gian, có người hay người dở; có thánh, có phàm, thì nhân quần trong sự diễn biến của lịch sử, cũng có lúc phàm, có lúc thánh... Tôi cứ nhìn vào sự diễn biến của một con người lý tưởng, sẽ suy ra được một sử quan lý tưởng mà loài người sẽ khuôn theo.

Trước khi kết luận rằng lịch sử nhân quần phải tiến theo hai chiều thuận nghịch vãng lai, tôi đã khảo thiên nhiên, khảo tư tưởng, lập trường của người xưa, và tôi đã đi đến kết luận rằng sự biến thiên tuần hoàn, theo hai chiều thăng giáng, thuận nghịch là một định luật phổ quát.

- Ấn Độ gọi chiều Vãng là hơi thở ra của Brahma (expir); chiều Lai là hơi thở vào của Brahma (inspir). Họ còn gọi chiều Vãng là Phát (Manvantara); chiều Lai là Thu (Pralaya).

- Huyền học (Mysticism) gọi chiều Vãng là Phù sinh; chiều Lai là Trường sinh.

- Mật tông (Hermetism) gọi chiều Vãng là Kết (Coagula); chiều Lai là Giải (Solve).

- Hóa học gọi chiều Vãng, chiều Giáng là Hủ Hoại (Putrefaction), chiều Lai, chiều Thăng là Siêu thăng, hay Thăng hoa (Sublimation).

- Thiên văn gọi chiều Vãng là Tán (Expansion); chiều Lai là Tụ (Concentration).

- Triết học gọi chiều Vãng là Phóng ngoại (Extroversion); chiều Lai là Hướng nội (Introversion).

- Vòng Thập can, vòng Thập nhị chi, vòng Trường sinh, vòng Dịch và 12 dấu nhạc Trung Hoa nhất nhất đều hàm chứa sự biến hóa hai chiều đó.

Muốn hiểu tất cả các vòng biến thiên đó, chúng ta hãy khởi từ phía bên phải, khởi từ phía bên Âm, tức là phía Âm trường, Dương tiêu; rồi mới sang phía bên trái sau, là phía Dương, phía Âm tiêu, Dương trường. Làm như vậy ta sẽ thấy nửa chiều biến dịch trước là chiều suy thoái (suy thoái của tinh thần; nhưng tiến hóa của vật chất). Nửa chiều sau mới là nửa chiều tiến hóa (tiến hóa của tinh thần, nhưng suy thoái của vật chất)

* Vòng thập can:

Canh, Tân = Vạn vật canh tân.

Nhâm, Quý = Bế tàng, hoài thai, manh nha.

Giáp, Ất = Thoát ra khỏi vỏ, rồi vươn lên.

Bính, Đinh = Rồi sáng sửa rực rỡ.

Mậu, Kỷ = Chung cuộc sẽ tốt đẹp, thành tựu.



* Vòng thập nhị chi.

Mùi = Vạn vật khoát hình hài, có mùi vị.

Thân = vạn vật có thân thể.

Dậu = dần dà thâm xúc lại.

Tuất = Rồi bị suy diệt.

Hợi = Rồi bị khắc sát, tàn vong.

Tí = Sau đó lại thai dưỡng.

Sửu = lại lột lòng ra.

Dần = Rồi khai triển, diễn tiến.

Mão = Tốt đẹp.

Thìn = Phấn chấn.

Tỵ = Rồi vươn mãi lên.



Ngo = đi đến chỗ trường đại. [3]

* **Vòng Trường sinh.**

Suy.

Bệnh.

Tử.

Mộ.

Tuyệt.

Thai.

Dưỡng.

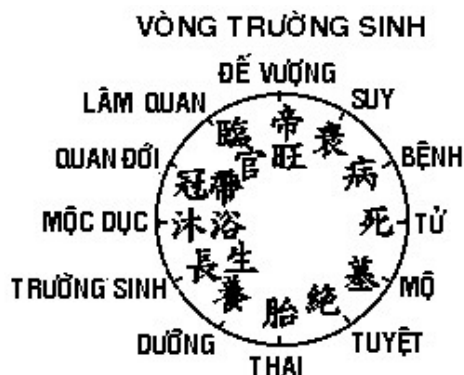
Trường sinh.

Mộc dục.

Quan đới.

Lâm quan.

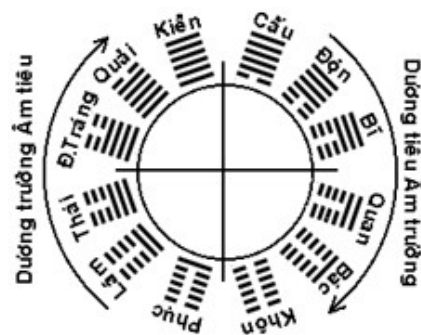
Đế vượng.



* **Vòng Dịch:**

Nửa vòng Âm: Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn.

Nửa vòng Dương: Phục, Lâm, Thái, Đại tráng, Quải, Kiền.



* **12 dấu nhạc Trung Hoa:**

Nhuy tân = Âm khí ấu tiểu (vừa mới manh nha)

Lâm chung = Vạn vật bàng hoàng, sắp chết.

Di tắc = Âm khí như giặc cướp, quấy rối vạn vật,

Nam Lữ = cuộc lữ hành của Dương khí gần tới giai đoạn ẩn tàng.

Vô dịch = Dương khí «vô dư» (không còn thừa nữa).

Ứng chung = Dương khí không dùng làm được việc nữa.

Hoàng chung = Dương khí từ hoàng tuyền bốc lên.

Đại Lữ = chuẩn bị đưa vạn vật xuất sinh, chuẩn bị một cuộc lữ hành.

Thái thốc = Vạn vật thốc sinh.

Giáp chung = Âm Dương giáp kề.

Cô tấy = vạn vật trở nên thanh lịch,

Trọng lữ = vạn vật đi đến chỗ cương cường...

Người xưa, với các vòng biến hóa trên, thực ra đã tìm thấy định luật chi phối sự biến thiên, tăng giảm của nhị khí Âm Dương, của Tinh thần và Vật chất trên triền thời gian.

Tôi nghĩ rằng, nếu trời đất này đã được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu, thì không có lý nào con người lại có thể hành động bừa phứa, và lịch sử lại có thể biến động bừa phứa. Con người có thể đi sai, làm sai những định luật thiên nhiên ấy, nhưng con người chóng chày sẽ thấy những hậu quả chẳng hay, chẳng tốt cho mình, cho người; nên rốt cuộc vẫn phải sửa sai; vẫn phải nhận chân rằng định luật trời (định luật tự nhiên) mới chính là bảo đảm hạnh phúc cho loài người...

Khi tôi xây dựng Sử quan, tôi sẽ đứng ngoài vòng các ảnh hưởng chính trị, đạo giáo, màu da, sắc áo, để cho cái nhìn của tôi hết sức khách quan, để sự trình bày của tôi được hết sức thành khẩn. Nếu nó sai, sẽ bị thời gian đào thải; nếu nó đúng sẽ được lưu lại. Đó cũng là định luật thiên nhiên vậy.

Khi bàn về Sử quan, một câu hỏi mà tôi tự nêu ra, nhưng lại làm cho tôi hết sức băn khoăn, và cũng không biết trả lời cách nào cho thỏa đáng. Đó là: Lịch sử nhân quần được diễn biến ra trong khoảng một thời gian ấn định là bao nhiêu lâu? Phải thành khẩn thú nhận nhân loại xưa nay chưa ai tìm ra được câu trả lời thỏa đáng.

* Xưa Hi Lạp và Ba Tư đã có thời gian cho một chu kỳ lịch sử là $360 \times 36 = 12,960$ (4320×3) năm. Lịch sử diễn biến từ Kim, đến Ngân, Đồng rồi Thiết.

* Plato cho rằng 1 chu kỳ lịch sử là $360 \times 72 = 4320 \times 4 = 25920$ năm, cũng là khoảng thời gian mà mặt trời dùng, để vào ngày Xuân Phân, để trở về đúng điểm Gamma trên vòng Hoàng Đạo.

* Người Âu Châu sau này lại thấy con số đó quá to. Họ dựa vào lời truyền ghi trong Thánh Kinh, nhất là Sáng Thế Ký (Genesis), để tin rằng từ khi có đất trời, và loài người đến nay mới chỉ có khoảng là ngót 6000 năm. Tổng giám mục James Ussher toán ra rằng Thượng đế tạo nên hoàn vũ vào năm 4004 trước Công Nguyên. Tiến sĩ Lightfoot ở Cambridge xác định rằng sự sáng tạo trời đất đã xảy ra vào 9 giờ sáng, tháng 10, năm - 4004. Bắt đầu từ năm 1701 đã có nhiều bản Kinh Thánh của Tin Lành gọi là bản King James (King James version) đã ngang nhiên cho in giữa trang đầu Sáng Thế Ký con số huy hoàng: 4004 [\[4\]](#)

Tôi hiện có một quyển Tuấn Tiết Lục La Mã (Martyrologe Romain), của Công Giáo, bắt đầu in do lệnh Giáo Hoàng Gregory XIII (1572-1585), duyệt lại với uy tín của Giáo Hoàng Urban VIII (1590) và Clement X (1670- 1676); nhuận chính và tăng bổ năm 1749 do Giáo Hoàng Benedictus XIV (1740-1758), được in lại năm 1959 và có đủ ấn ký Nihil obstat và Imprimatur của giáo quyền Pháp.

Trong đó, nơi những trang 469-470, khi đề cập đến lễ Sinh Nhật, đã cho ta những niên kỷ sau đây:

- Trời đất được tạo dựng bởi không: 5199 BC.
- Đại Hồng thủy: 2959 BC.
- Abraham sinh năm: 2015 BC.
- Moses đưa dân Israel ra khỏi Ai Cập: 1510 BC.

Năm 1744, trong quyển Lịch sử vạn vật, Buffon chủ trương trái đất đã có khoảng 70.000 năm, thế mà đã bị coi là một sự xúc phạm lớn lao, và tác phẩm bị cấm đoán. [\[5\]](#)

Ngay khi Darwin chết rồi (1809-1882), người ta vẫn còn dạy rằng vũ trụ được tạo dựng 4963 năm trước kỷ nguyên, và cuốn Tự điển Larousse xuất bản năm 1882 ghi rằng: «Đó là niên kỷ duy nhất được chấp nhận trong các trường.» [\[6\]](#)

Tuy nhiên, ta cũng phải nhận định rằng Origen (185- 251), một giáo phụ Công giáo, đã đơn độc chủ trương một sự sáng tạo miên trường... Lúc chung cuộc của sự biến hóa tuần hoàn, muôn loài sẽ trở về cùng Thượng đế... Sau đó lịch sử lại diễn biến trở lại, cứ như vậy vô biên, vô tận [7].

- Thiệu tử, tác giả quyển Hoàng Cực Kinh Thế cho rằng: đất trời từ khi sinh đến khi hủy là $4320 \times 30 = 129,600$ năm.

Ông gọi 129,600 là một Nguyên.

1 Nguyên chia làm 12 Hội: $129,600 : 12 = 10,800$ năm

1 Hội có 30 Vận: $10,800 : 30 = 360$ năm.

1 Vận có 12 thế: $360 : 12 = 30$ năm.

Theo Ông, trời khai vào Hội Tí; Địa khai vào Hội Sửu (10800); Người sinh vào Hội Dần 20,160.

Vua Nghiêu lên ngôi 2357, theo Thiệu Tử là vào Hội Ngọ, vận thứ 30, thế thứ 9, tức là vào năm 67,057 sau khi trời được tạo nên. Theo đấy mà tính, thì năm nay, 1988, chúng đang sống vào năm 71,402. Loài người sẽ cáo chung vào Hội Tuất, tức là vào khoảng năm 108,000!

- Ấn Độ thì cho rằng chu kỳ lịch sử nhân quần là: $4320 \times 1000 = 4,320,000$. Đó là thời gian mà Nhật nguyệt sẽ hợp bích, ngũ tinh sẽ liên châu, nghĩa là cùng chụm lại ở một cung trời, như thời nguyên thủy. Còn chu kỳ vũ trụ là 4,320,000,000.

Có người lại chủ trương một ngày Brahma là 864,000,000 năm, gồm có:

- 432,000,000 là ban ngày của Brahma (tán).

- 432,000,000 là ban đêm của Brahma (tụ)

Ví dụ Brahma sống 100 tuổi, chúng ta có:

$840,000,000 \times 365 \times 100 = 30,660,000,000,000$, tức là khoảng 30 ngàn tỉ năm. Riêng đạo Phật và đạo Kỳ Na (Jainism) thì coi lịch sử nhân quần được diễn ra không biết là trong bao nhiêu a-tăng-kỳ (asamkhyā) kiếp (kalpa), nghĩa là trong 1 thời gian vô hạn lượng. [8]

Các nhà bác học Âu Mỹ, từ thế kỷ XVIII đến nay cũng đã xông vào vòng chiến. Với những cách đo tuổi tác các tinh cầu, đất đai và sinh linh bằng Carbon 14, bằng các chất phóng xạ, như Uranium 238, Actino- Uranium 235, Thorium T 232 v.v... và họ đã ước định tuổi vũ trụ già nhất là 10,000 tỉ năm; tuổi mặt trời già nhất là 10 tỉ năm; tuổi trái đất khoảng 2 tỉ năm.

Các nhà bác học, kể từ Jacques Boucher de Perthes (1788-1868) cũng đã ra công đi tìm di tích tông tổ loài người.

Nhà bác học Lecomte du Noüy đã tóm lại như sau:

- Người Piltdown: cách đây khoảng 1,000,000 năm.

- Hominid (Pithecanthropus) cách đây 500,000 năm.

- Trung Hoa nhân (Homo sinensis) cách đây từ 2000,000 đến 500,000 năm.

- Người Heidelberg: cách đây từ 50,000 đến 100,000 năm.

- Người Neanderthal:

a) cựu: cách đây từ 50,000 đến 100,000 năm.

b) tân: cách đây 40,000 năm.

- Người Cro- Magnon (Linh nhân= Homo sapiens):

a) Cựu: cách đây khoảng từ 30,000 đến 50,000 năm.

b) Tân: cách đây khoảng 20,000 năm.

Quốc gia nào có được ít nhiều mảnh xương của "tổ tiên", thì cũng gìn giữ cẩn thận hơn là kim cương, châu báu, trong những hầm chứa đã được xây cất đặc biệt, bom phá cũng không được; lại được để trong những tủ kính, mà quần chúng không được xem trực tiếp, mà chỉ được xem qua những ảnh, những tượng đã chụp lại hay nặn lại. Những mẫu xương hóa thạch của những người tiền sử nói trên hiện đang được cất giữ ở bảo tàng Nairobi, xứ Kenya; ở bảo tàng Transvaal Museum, tỉnh Pretoria, Nam Phi; hay ở ngoại ô Stuttgart (Đức) v.v... Về thời gian của Lịch sử loài người, tôi tạm thời dựa vào những dữ kiện khoa học, và những kết luận của khoa học. Vì chủ trương rằng vũ trụ này là môi trường để con người tiến hóa thành thần minh — kẻ trước người sau, ai cũng như ai — nên dĩ nhiên tôi nghĩ rằng phải tốn một thời gian hết sức là dài, gần như là vô lượng, chính vì vậy mà tôi không tin có tận thế trong một ngày gần đây.

CÁI NHÌN TAM TÀI VÀO SỬ QUAN

Theo tôi, nhân loại từ trước tới nay đã biến chuyển từ chữ THIÊN, đến chữ NHÂN, rồi lại từ chữ NHÂN đến chữ ĐỊA. Hiện nay, đang còn ở trong vòng chữ ĐỊA. Trong tương lai, sẽ tiến ngược chiều, để đi từ chữ ĐỊA, tới chữ NHÂN, rồi lại từ chữ NHÂN đến chữ THIÊN.

Người Âu Châu đã chia lịch sử làm 3 thời kỳ:

* Thượng cổ: từ -3000 đến +400.

* Trung cổ: từ +400 đến +1500

* Cận kim: từ +1500 đến nay.

Hoặc chia lịch sử thành hai thời kỳ: Từ Adong, Eva đến khi Chúa Giêsu ra đời cứu chuộc là Tiền Công Nguyên. Người Âu Châu gọi là B.C. (before Christ). Từ năm 1 gọi là Công nguyên. Người Âu Châu gọi là A.D. (Anno Domini). Thế giới từ 1900 trở đi chịu ảnh hưởng Âu Mỹ, nên cũng tính lịch sử theo lối trên. Tuy nhiên ta vẫn thấy nhiều người tính theo Phật lịch, Hồi lịch, bắt đầu từ năm Phật, hay Mahomet (Mohammed) giáng sinh...

Tôi chia như sau:

*Thượng cổ từ Thái sơ đến -600.

*Trung cổ từ -600 đến +1700

*Hiện kim: từ 1700 đến nay.

Trong chiều này, con người hướng ngoại, đi theo chiều phá tán, tinh thần càng ngày càng lặn sâu vào vật chất. Vật chất càng ngày càng thịnh. nhưng tinh thần càng ngày càng suy.

Thời Thượng cổ đi theo chữ THIÊN. Niềm tin ở thời Thái cổ đó là: vạn vật, vũ trụ đã từ một đại thể tung tỏa ra. Người hay vật, mà có quyền uy, mà linh diệu, chính là vì cái sức thiêng bàng bạc khắp vũ trụ đó đã thể hiện, đã hình hiện một cách đặc biệt trong người ấy, vật ấy. Con người trông thấy thần thánh bàng bạc khắp nơi, đúng là «thần cây đa, ma cây đề» theo lối nói dân gian Việt Nam. Các dân xưa gọi sức thiêng huyền diệu đó là Mana. Cho nên con người, cũng như vạn vật đều được coi là thông phần huyền lực linh thiêng đó. Thánh, Hiền, Tiên, Phật chính là những người trực giác được một cách mãnh liệt cái Huyền lực Thiêng Liêng ấy nơi mình, và sống một cuộc đời huyền hóa với trời đất, với tha nhân và chúng

sinh.

Học thuyết chủ động thời ấy, có thể nói là một học thuyết bất thành văn, chủ trương rằng vũ trụ này từ một Đại thể vô biên phóng phát tán phân ra. Đại thể ấy là Bản thể muôn loài. Bản thể là Nhất; muôn loài là Vạn. Nhất tán Vạn, rồi Vạn lại qui về Nhất. Lý tưởng con người là tìm ra được phương cách «qui nguyên phản bản», sống đời sống «Phối Thiên». Chúng dân trong thời kỳ thô sơ ấy dĩ nhiên là còn man rợ về phương diện vật chất, nhưng thực ra họ sống vui, sống khỏe, sống hồn nhiên, vì còn ít tham vọng, còn được tự do, chưa bị lồng vào trong những vòng nhân nghĩa gian trần; chưa bị nhồi nhét bằng những học thuyết gian trần... Thánh hiền tin rằng con người có đủ ba phần: THẦN, HỒN, XÁC.

Bộ sách Upanishad của Bà La Môn, thiên Đại Nhã kinh Thi – mà Khổng tử sưu tập sau này – đã cho ta thấy cái chủ trương Trời chẳng xa người; hay Thiên nhân tương dữ; Thiên nhân hợp nhất, của thừa xa xưa.

Tới thời Trung cổ, nhân loại đi vào chữ NHÂN. Cho rằng NGƯỜI là NGƯỜI, TRỜI là TRỜI; TRỜI, NGƯỜI xa cách nhau muôn trùng. Con người sinh ra là để ca tụng TRỜI, thờ phượng TRỜI, chứ không thể sống kết hợp với TRỜI như một được.

Vào khoảng những năm –500, ta thấy vô số giáo chủ giáng trần:

Zarathushtra bên Ba Tư; Lão Tử, Khổng Tử bên Trung Hoa; Phật Thích Ca bên Ấn Độ v v... Lúc ấy xảy ra một hiện tượng hết sức kỳ lạ, là con người y như đã đánh mất phần thần của mình. Con người chỉ còn có Hồn có Xác. Chính vì vậy, mà con người không còn tin rằng mình có giá trị vô biên, và cho mình đang sống kiếp tôi đòi, sa đọa. Các vị giáo chủ cố lấy đời mình để ca tụng cái giá trị vô biên của con người, nhưng con người cũng chẳng nghe. Họ giải quyết vấn đề với các vị giáo chủ, là đưa các vị đó lên ngôi vị tối thượng, rồi xì xụp van vái, cho rằng thế đã là đủ bổn phận với các ngài. Tới khoảng năm –7, chúa Jesus ra đời. Ngài cũng muốn đem tin mừng cho nhân loại là Trời chẳng xa người; nước Trời chẳng xa con người, mà thực sự đã ngay trong lòng con người; con người chính vì thế mà có giá trị siêu việt, có năng lực vô biên; có thể làm được những phép lạ, chẳng thua kém gì Ngài; tha nhân chính là Thượng đế; phục vụ tha nhân là phụng sự Thượng đế. Nhưng nhân loại cũng chẳng mở mắt ra mà trông, mở tai ra mà nghe. Từ những tư tưởng cao diệu như vậy, từ những chất liệu huy hoàng như vậy, nhân loại đã cắt, đã xén, đã pha phối thành những sản phẩm trần gian... Và từ năm –500 trở mãi về sau, thừa thanh bình của nhân loại đã biến thành thế Chiến quốc, và những cánh đồng cỏ xanh tươi của trần hoàn đã bao phen bị vó chiến mã, chân chiến binh làm cho tan nát. Lòng con người càng ngày càng xe thắt, nước mắt càng ngày càng tuôn rơi, trong những khoảng đêm vắng, canh trường...

Các đạo giáo dần dần thành hình. Ba tư có đạo Bái Hỏa (Zoroastrianism) do Zoroaster (Zarathushtra) sáng lập. Đông phương có Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo; rồi 500 năm sau, tới Thiên Chúa giáo. Đặc điểm của thời này là nhân loại bắt đầu bị lồng vào trong những giáo điều, giáo luật, giáo giới. Học thuyết triết học nắm vai chủ động trong thời kỳ này là Thuyết Sáng Tạo (Creationism). Thế giới này đã được sáng tạo nên bởi không, do một vị Thượng thần. Đó là Ahura Madza theo Bái Hỏa giáo, hay Thượng đế trong Thiên Chúa Giáo, Brahma trong Ấn Giáo. Các đạo giáo càng ngày càng chú trọng về vấn đề lễ nghi hình thức. Cho nên dần dà ta thấy hiện ra hai dòng tư tưởng, hai lẽ lối đạo hạnh.

* Một là Mật giáo hay Nội giáo mà Âu Châu gọi là Occultism, Mysticism hay Esoterism, chỉ chú trọng đến vấn đề phát triển, tiến hóa tâm linh.

* Hai là Ngoại giáo công truyền, chú trọng đến vấn đề giáo điều, lễ nghi, thờ phượng. Âu Châu gọi là Exoterism.

Công truyền dành cho quần chúng; Mật truyền dành cho một thiểu số tao nhân, mặc khách. Mật truyền thường bị các giáo quyền đương thời cho là bàng môn, tả đạo, và có thể bị bách hại, nên họ phải núp mình sau những bình phong hiệp hội như Tam Điểm (Free-Masonry), như Hồng Hoa Thập tự (Rosicrucians) bên Âu Châu. Hai trào lưu này được thể hiện trong Phật giáo bằng Thiền tông và Tịnh độ...

Từ khoảng 1700 đến nay, nhân loại dần dần đi vào chữ ĐỊA. Người ta công khai chủ trương con người chỉ có XÁC. Xác sinh ra tư tưởng, như gan sinh ra mật. Con người không có giá trị gì. Có giá trị chẳng là nhờ vào xã hội. Con người biết được gì là nhờ sự giáo hóa của xã hội. Tinh thần chẳng qua là sản phẩm của vật chất. Học thuyết nổi bật trong thời kỳ này là học thuyết Tiến Hóa. Nó cho rằng vũ trụ tinh cầu này là do sự ngẫu hợp của những vi tử, vi trần mà ra. Sinh cơ, sinh vật đã phát ra từ vật chất vô tri, và thủy tổ loài người chính là đã do từ những vi trùng vi khuẩn. Những sinh vật đó tiến hóa dần dần, theo đà thời gian, sẽ biến thành những sinh vật hạ đẳng, rồi đến những sinh vật thượng đẳng, như khỉ, vượn, rồi dần dần mới biến hóa thành ra người... Giá trị con người càng ngày càng được đánh giá bằng tiền tài, và châu báu. Con người dần dần mất luôn cả HỒN mình, chỉ còn như là những cái xác, nhiều khi nhất cử nhất động cũng là do theo mệnh lệnh của tha nhân... Và cũng trong thời kỳ này, vô số là bác học, khoa học gia xuất hiện. Xuất hiện để cải thiện môi trường sinh sống bên ngoài cho nhân loại, để cải thiện đời sống vật chất cho nhân loại. Văn minh vật chất đã tiến bộ hết sức là huy hoàng. Nhưng những công cụ giết người cũng gia tăng khủng khiếp. Con người càng ngày càng trở nên tàn nhẫn. Những lò thiêu người đã được tổ chức ngạo nghễ; những trại giam người càng ngày càng tăng thêm, và hai cuộc chiến tranh vô cùng khốc hại giết đi hàng trăm triệu con người. đã làm cho nhân loại bắt đầu thức tỉnh, và dần dần muốn đổi tầm nhìn, lối nghĩ, muốn tìm hiểu lại những giá trị sẵn có nơi con người...

Trong tương lai nhân loại muốn cứu sống mình cần phải thay đổi chiều hướng, cần phải sùng thượng những giá trị tinh thần. Cho đến nay, nhân loại không muốn xoay chiều. Cho rằng xoay chiều rồi ra sẽ đi về man di như thời cổ đại. Thực ra không phải như vậy.

Khi đi hết con đường vật chất, con người sẽ đi đến chỗ bế tắc, sẽ đến đầu đường. Muốn khỏi bò tiêu diệt, tất nhiên phải quay lưng lại vật chất, mà hướng về phía tinh thần. Thế là Phục sinh (Regeneration, Palingenesy, Resurrection), là Hồi phục (Conversion). Dịch cho rằng thế tức là: Cùng tắc biến; biến tắc thông; thông tắc cửu.

Đi vào con đường vật chất, tức là đi vào con đường trụ lạc, sa đọa tinh thần (degeneration, fall).

Đi vào con đường tinh thần, là đi vào con đường giải thoát, phục sinh (redemption, regeneration).

Cổ nhân đã xác định thời kỳ hồi phục của con người. Thời ấy chính là thời kỳ đen tối nhất của lịch sử nhân loại, tượng trưng bằng giờ Tí (nửa đêm), và bằng quẻ Khôn (hoàn toàn vật chất). ước gì thời kỳ đen tối ấy không bị đánh dấu bằng một chiến tranh tàn khốc, khi mà:

Ngoài đồng rông đánh lộn nhau,
Máu phun chan chứa, pha màu vàng, đen.
Tượng rằng: Rông đánh lộn nhau,
Là vì vật chất tới cầu cực xương.
(Quẻ Khôn, hào Thượng lục).

Nhưng giữa tăm tối, ánh sáng sẽ hiện ra. Giữa chết chóc, sự tái sinh sẽ mầm mống. Sau thời kỳ vật chất vô thần, con người sẽ hồi hướng lại và quay trở về với những giá trị tinh thần.

Sự hồi hướng ấy, sự sinh lại ấy, người xưa ví như là con người được thai nghén lại một lần nữa, vì thế

nên trong các vòng biến hóa Can, Chi, Trường sinh, người xưa đã dùng những chữ như Tí 子 (Tí = tử = con); NHÂM 壬 (đồng âm với Nhâm 妊 là có mang), hoặc THAI 胎 (thai nghén)...

Trong tương lai, nhân loại sẽ đi lại ba chữ ĐỊA, NHÂN, THIÊN, nhưng là ba chữ ĐỊA, NHÂN, THIÊN huy hoàng trong ánh CHÂN, THIÊN, MỸ. Trong chiều hướng này tầm nhìn lối nghĩ của nhân loại hoàn toàn thay đổi. Trước kia nói xuôi là đúng; nay nói ngược lại thấy đúng hơn.

Ví dụ: như thời xa xưa, nhân loại tin rằng vương quyền, giáo quyền là do Trời «ban xuống». Ngày nay nhân loại cho rằng quyền cai trị là do dân «ban lên». Dù là Thống Đốc, dù là Tổng Thống cũng là do dân bầu lên, dù là dân nghèo nàn, dân ngu dốt. Lễ phong vương như vậy không còn do một người làm, mà là do cả nước đứng ra cử hành. Chính quyền sẽ không còn có thể độc tài, mà phải trọng dân, thuận dân. Nhân loại sẽ dần dần sửa sai. Sửa sai trước hết về phương diện sử dụng đất đai, về phương diện sử dụng năng lượng, về phương diện hành sử quyền trị dân. Có chịu sửa sai, rồi ra mới hành sử đúng, mới trở nên hoàn thiện được.

Nhân loại sẽ dần dần cải tiến hơn mãi: Cải tiến mãi mãi về phương diện kỹ thuật, cải thiện về phương diện tổ chức đời sống vật chất, đời sống cá nhân, đời sống cộng đồng.

Nhân loại sẽ dần dần khai thác được năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử, để con người sống được khoẻ mạnh hơn, sung sướng hơn, sống lâu năm hơn. Sa mạc sẽ dần dà biến thành đồng nội; đáy biển sẽ trao lại cho loài người những kho tàng mà nó cất dấu; nước mặn sẽ rất dễ biến chế thành nước ngọt; và biết đâu chẳng tìm ra được một tinh cầu khả dĩ di dân lên được để tránh nạn nhân mãn. Trong thời tương lai cái điều mà nhân loại sẽ sửa sai là nạn chiến tranh binh lửa. Con người sẽ tin ở sức mạnh của muôn triệu con người; sức mạnh của con tim, khối óc muôn triệu con người, và sẽ bắt tay nhau làm được những chuyện thần kỳ, vượt quá sức tưởng tượng của con người ngày nay.

Sau khi đã chỉnh trang lại đời sống ngoại cảnh, xác thân, quốc gia xã hội, vật chất bên ngoài, con người sẽ bước lên chữ NHÂN. Con người sẽ ăn ở theo đúng với danh hiệu con người, sẽ sửa sang TÂM HỒN mình cho nên đẹp tươi, cho nên tế nhị.

Con người sẽ ăn ở dần dần đúng với đạo làm người, biết đối đãi với nhau cho thật đẹp dễ. Con người sẽ bớt hờn giận, bớt hung tàn, bớt si mạn. Tội ác sẽ dần dần giảm thiểu trong xã hội. Nhà tù ở gian trần, địa ngục dưới âm ti sẽ dần dần trở nên hoang vắng, vì không còn khách vắng lai... Con người dần dần thấy rằng những điều xưa kia mình coi là tội lỗi, chính là sản phẩm của những cái nghĩ sai, nhìn sai, cư xử sai của mình đối với mình, đối với người mà thôi... Và biết bao là nỗi niềm đau xót của nhân quần thật ra đã được gây ra bởi sự ngu dốt của con người, bởi sự ngạo mạn, bởi sự hẹp hòi, bởi sự bất khoan dung, và bởi sự hung tàn; hung tàn nhiều khi lại đã được phủ lên trên bằng một lớp phấn son từ ái...

Cuối cùng, con người sẽ đi lại chữ THIÊN. Con người sẽ nhận thấy mình có THIÊN TÍNH, có CHÂN TÂM. Con người sẽ thấy mình thuộc dòng dõi sang cả... Đúng như lời của Teilhard de Chardin con người sẽ tiến tới THẦN LINH... Lúc ấy con người sẽ thấy lẽ luật Trời, lẽ luật thiên nhiên hiển hiện ra trong LƯƠNG TÂM mình; người với người sẽ trở nên bình đẳng không còn sự đệ qua phân...

Con người sẽ không còn bị giáo quyền ràng buộc, giáo phẩm chỉ huy. Lúc ấy con người sẽ sống một cuộc sống hết sức đẹp dễ, hết sức hồn nhiên tiêu sái. Đúng là cảnh thần tiên sẽ trở lại nơi trần hoàn. Lúc ấy con người sẽ biết sống hòa hợp với thiên nhiên, sẽ đem tình thương yêu ban rải lên trên vạn vật; sẽ làm cho cảnh vật ngày một thêm tươi, thêm đẹp. Lúc ấy con người về phương chính trị, xã hội, sẽ hưởng tự do, sẽ an cư lạc nghiệp. Về phương diện gia đình sẽ trên thuận, dưới hòa. Về phương diện hình hài, thân xác, sẽ khang kiện. Về phương diện tâm hồn, sẽ bình thản, vui tươi. Về phương diện tâm linh sẽ định tĩnh.

Tóm lại con người sẽ sống một cuộc đời lý tưởng, toàn diện, toàn bích. Con người mới thấy rằng chính mình đã tự cứu lấy mình. Chính thần linh nội tại trong mỗi một người đã hiển linh để đưa đến thành quả tối hậu như lúc ấy...

Lịch sử theo triết học là còn ở trong vòng biến thiên, chịu sự chi phối của ngoại cảnh, của không gian, thời gian... Con người sau khi đã sống trong vòng tương đối hữu hạn sẽ siêu thắng, để sống trong vô biên, và vĩnh cửu. Định mạng siêu việt đó của con người đã dành để cho con người từ muôn thuở....

Suy cho cùng, thì tất cả các học thuyết Ấn Độ, Phật giáo, Lão giáo, Kỳ Na giáo cũng cho rằng tự do siêu nhiên, tự do tinh thần là cứu cánh lịch sử. Nói vậy có nghĩa là phải thoát ly khỏi sự buộc ràng của thế giới vật chất, thoát ly khỏi sự tham luyến hồng trần do vọng tâm, vọng ngã gây nên; thoát ly khỏi thế giới phân kỳ, tán loạn để trở về với thế giới hoà đồng hợp nhất của tâm linh, trở về với Nhất, với Trung tâm điểm, vừa là Tâm điểm, vừa là tất cả.

Nói cách khác, Sử quan này có mục đích là cho chúng ta thấy rằng lúc chung cuộc, khi con người đã chín chắn, đã khinh khoái, đã khôn ngoan sẽ nhận ra rằng sự sống phân kỳ, riêng rẽ của tiểu ngã thực ra là một ảo ảnh, và đời sống con người có mục đích là hòa đồng hợp nhất với Đại thể, với Tâm điểm và cũng là với Vô Cùng, với Toàn thể vô biên.

Cứu cánh của con người, như là một cá thể hữu hạn, chính là sự nhận ra được rằng mình đồng hóa với Tuyệt Đối, với Vô biên...^[9]

CHÚ THÍCH

^[1] Voilà la phase supérieure du communisme, qui comportera pour Marx, Engels et Lénine, "la suppression de toute espèce d'Etat". Alors, dit Lénine, disparaîtra toute nécessité de recourir à la violence, contre les hommes, à la soumission d'un homme à un autre; d'une partie de la population à une autre; les hommes en effet, s'habitueront à observer les conditions élémentaires de la vie sociale, sans contrainte et sans subordination..Il (Lénine) sait que le temps de l'espérance doit être précédé par le temps de la haine, la "phase supérieure" du communisme par une "phase intermédiaire", c'est-à-dire par la "dictature du prolétariat". Et la mission du prolétariat est de malaxer l'homme de l'ordre ancien pour pétrir l'homme de l'ordre nouveau. Il n'est pas question ici d'avoir la main tendre. Une contrainte terrible est nécessaire. Mais on dispose à cet effet d'un moyen d'une puissance extraordinaire, "d'un appareil spécial d'écrasement" qui est l'Etat. Dans la "première phase" du communisme, l'Etat ne chômera pas. Il devra tout enregistrer et tout contrôler. Son contrôle deviendra vraiment universel, général, national, et nul ne saura plus où se fourrer pour s'y soustraire. Toute la société ne sera plus qu'un grand bureau et une grande fabrique avec égalité de travail et égalité de salaire. (N. Lénine, L'Etat et la révolution, pp. 107, 134, 180,181.)

^[2] Toynbee agrees with Ibn Khaldun, Vico, Spengler and Sorokin that materialist philosophies are characteristic of the decline period of any culture. (Cairns, Philosophy of History, p.449).

^[3] Uyên Hải Tử Bình, Cẩm Chương thư cục xuất bản.

^[4] Garrett Hardin, Nature and Man's fate, p.19.

^[5] En 1744, dans le premier volume de son Histoire naturelle, Buffon attribue à la Terre plus de 70,000 au lieu des 5 ou 6000 ans de la tradition biblique. Le scandale fut énorme, et le livre condamné par les théologiens de la Sorbonne. (Larousse, Pour connaître la Nature, p. 164.)

[6] Pourtant à la mort de Darwin, on enseignait encore que la création remontait à 4963 avant J.C. "seule date admise aujourd'hui dans les écoles", dit le dictionnaire de Larousse (20^e édition 1882) (Ib. p. 160)

[7] Origène: La création du monde, dans le temps, devient une création éternelle, qui, déjà, par ce changement, se rapproche fortement d'une émanation; derrière le Dieu fait Homme à une époque du monde, il (Origène) montre le Logos qui sort éternellement de Dieu; et pour les âmes elles-mêmes, il admet la préexistence...Par le retour de tous les êtres en Dieu, s'achève par conséquent un circuit - mais qui recommence et se renouvelle dans l'éternité...
(Ernest d'Aster, Histoire de la Philosophie, p. 124.)

[8] A- tăng- kỳ (asamkhyā) là một thời gian vô hạn, hay một thời gian dài bằng số 1 theo sau có 47 con số không. Cũng còn gọi tắt là tăng- kỳ.
Kiếp (kalpa) = là đại thời. Kiếp có tiểu kiếp; trung kiếp và đại kiếp. Tiểu kiếp dài 16,800,000 năm. Trung kiếp dài $16,800,000 \times 20 = 336,000,000$ năm. Đại kiếp dài $336,000,000 \times 4 = 1,344,000,000$. Thế mà ta thấy Kiếp còn nhân lên với a- tăng- kỳ thì con số trở nên dài kinh khủng. (Xem Đoàn Trọng Cùn, Phật học tự điển.)

[9] Man's goal is a supernatural one on a spiritual plane, an other world beyond this one, a goal which man accepts by faith and intuition. (Cairns, Philosophy of History, p.454)

...The Oriental philosophies we have studied above, both classical and 20th century are even more emphatic about the spiritual plane as man's goal; they too agree that the plane of spirit is higher than the plane of intellect (Buddhi).

This idea has been so central in Oriental philosophies that they show a far more mature development of it than is ordinarily found in the Christian world - reintegration of man into one organic spiritual body (versus the schizophrenic finite and unreal ego) is their aim. The great philosophers, Aurobindo and Radhakrishnan, also center their philosophies of history upon man's ultimate achievement of the level of spirit (called the supermind or superman level in evolutionary development by Aurobindo). Sorokin acknowledges an debt to the Oriental thinkers and utilizes the same concept of the historical goal with his notion of the superconscious level of creative altruist love as the essential basis for a new culture cycle. (Cairns, Philosophy of History, p. 454.)

...For all Oriental cyclical philosophies - Hindu, Buddhist, Jaina or Chinese Taoist yoga system, This means escape from the bondage of the matter world of desire centered upon ego- consciousness - a world of fragmentation and desintegration- , to the world of spiritual unity and integration with the One, the Center, who is at the same time the All.

...Cyclical philosophies of the Orient do not result, therefore in a narrow other- worldliness; they do emphasize that spiritual freedom and maturity consist in the realization that the separate ego is the real myth and that the human goal is the Center, Unity with the Infinite One, who is All. (Cairns, Philosophy of History, pp. 459- 460.)

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 6

LUẬT TRỜI, LUẬT NGƯỜI (Hay luật tự nhiên và luật nhân tạo)

Đối với đại đa số, phân biệt đâu là luật Trời, đâu là luật người, là một vấn đề chẳng cần phải đặt ra. Tuy nhiên, đối với tôi, chuyện này đã làm tôi băn khoăn không biết bao nhiêu là năm tháng. Sau đây là những cảm nghĩ riêng tư của tôi về vấn đề này. Tôi sẽ hết sức thành khẩn trình bày những băn khoăn, thao thức của tôi, những nhận xét riêng tư của tôi. Mong sẽ được sự thông cảm của quý vị. Những điều tôi sẽ trình bày, tuyệt đối không có một ý gì đả kích một ai, một tôn giáo nào, mà chỉ cốt là đi tìm Chân, Thiện, Mỹ.

Sự phân biệt luật Trời, luật người đã manh nha nơi tôi từ mấy chục năm nay, từ khi tôi khảo về chữ Lễ của Khổng giáo. Khi mới bắt đầu nghiên cứu đạo Khổng, tôi cứ nghĩ Lễ là Lễ nghi, Lễ phép. Dần dà, tôi mới hiểu Lễ chính là định luật thiên nhiên, mà tôi gọi là luật Trời, ý Trời.

Tiến lên một bước nữa, tôi suy ra rằng nếu luật thiên nhiên, là luật Trời, là ý Trời, thì nó phải vĩnh cửu, nó sẽ không có biên cương bờ cõi, và nó sẽ chi phối vũ trụ, vạn hữu, chứ không là sở hữu của một đạo giáo nào. Tôi sẽ dần dần chứng minh những tiêu điểm đã nêu trên...

Định luật thiên nhiên, hay định luật tự nhiên được đổi tên tùy theo mỗi đạo giáo.

Khổng giáo gọi đó là Lễ.

Phật giáo gọi đó là DHAMMA (PHÁP)

Bà La Môn gọi đó là RTA.

Báỉ hỏa giáo gọi đó là ASHA.

Nếu cần phải dùng từ ngữ tôn giáo Tây phương, tôi sẽ gọi định luật tự nhiên (natural laws) là ý Chúa, ý Trời (God's will), là luật Trời (divine laws). Có thể đây lại là một nhận định riêng tư của tôi, vì nhiều người sẽ cho rằng: định luật tự nhiên (natural laws) là thấp; định luật siêu nhiên (supernatural laws) mới là cao. Đối với tôi, nếu đã chấp nhận rằng định luật tự nhiên là định luật Trời, là ý Trời, thì sẽ không còn có chuyện định luật siêu nhiên nữa. Thế gọi là CHÍNH DANH!

Thánh kinh Công Giáo cũng cho rằng Luật Trời là những định luật vĩnh cửu: «Fidelia omnia mandata ejus, confirmata in saeculum saeculi, facta in veritate et aequitate.» (Thánh Vịnh 111, 110, 8). Nghĩa là: «LUẬT NGÀI tin thành muôn kiếp, lập ra trong chân lý và công bình.» Nếu đã vậy, chúng không thể thay đổi được.

«Luật Trời là đuốc sáng, là ánh sáng.» (Quia mandatum lucerna est, et lex lux) (Prov. 6, 23).

«Giữ Luật Trời là giữ hồn mình.» (Qui custodit mandatum, custodit animam suam) (Prov. 19, 16), v.v.

Thực ra, ngày nay người ta không còn biết thế nào là Luật Trời nữa.

Hiểu được thế nào là Lễ, thế nào là định luật của trời đất, ta mới thấy tội nghiệp cho ông Khổng. Thực

vậy suốt đời, ông đã đi tìm những định luật đất trời, để cho mình theo, để cho người theo, để cho quốc gia, xã hội theo; mà người ta không biết chuyện đó; không nhận ra được sự đóng góp lớn lao của ông, mà cứ tưởng rằng đạo Khổng bày ra nhiều lễ nghi phiền tạp, rắc rối. Người ta chỉ hiểu LỄ là LỄ NGHI, chứ không biết LỄ là ĐỊNH LUẬT ĐẤT TRỜI. Nếu đã không hiểu LỄ là ĐỊNH LUẬT ĐẤT TRỜI, thì dĩ nhiên sẽ không hiểu được quẻ LÝ, vì quẻ LÝ cốt dạy con người phải sống thuận theo định luật của trời đất. Gần đây đọc bài «Tìm về cái gốc của Nhân văn Việt Nam: Gia đình và phúc đức», đăng trong Đất Nước Tôi, nơi trang 10, tôi rất mừng vì thấy ông bạn Cao Thế Dung, cũng đã hiểu LỄ là định luật tự nhiên, định luật trời đất. ông viết: «Lễ như là một cửa lớn mà con người tìm đến thiên đạo để sống hòa thuận với tình người. Vì thế thánh nhân cho rằng người phải biết LỄ.

«Quốc phá, gia vong, nhân tâm ly tán, chỉ vì con người đã không biết sống theo LỄ, tức là theo luật tắc của trời Đất, của nhân sinh...»



Tôi hiểu được LỄ là định luật trời đất, có lẽ một phần cũng nhờ công trình khảo cứu của Joseph Needham, nhất là khi đọc các trang từ 518 đến 538 quyển 2 của bộ Science and Civilisation in China của ông.

Trong thiên khảo luận về luật Trời mà ông gọi là natural law (lex naturalis), và luật người mà ông gọi là positive law, ông đã viện dẫn các tác giả trứ danh như Aristotle, Cicero, và Thomas Aquinas.

Aristotle (384–322 B.C.) gọi luật tự nhiên là NATURAL (hay PHYSICON); luật người là luật qui ước hay nhân tạo (CONVENTIONAL hay NOMIKON). [\[1\]](#)

Cicero (106–43 B.C.) cho rằng định luật tự nhiên là định luật Trời, cổ dạy con người làm điều hay, tránh điều dở. [\[2\]](#)

Thánh Thomas Aquinas (1225–1274) cho rằng định luật thiên nhiên chính là thiên lý vĩnh cửu, chính là sự khôn ngoan của Trời, hướng dẫn mọi hoạt động, mọi biến chuyển. [\[3\]](#)

Đến đây, nếu ta dùng từ ngữ KHỔNG GIÁO, ta sẽ gọi:

ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN, ĐỊNH LUẬT TRỜI ĐẤT là LỄ.

ĐỊNH LUẬT NHÂN TẠO là LUẬT.

ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN là những định luật vĩnh cửu, không có màu da, sắc áo, không lệ thuộc không gian, thời gian.. Những định luật tự nhiên đã được qui định để vũ trụ biến hóa có lớp lang tiết tấu, để quần sinh sống trong an bình trật tự, để con người sống sung sướng, khoẻ mạnh; để xã hội loài người sống thượng hòa hạ mục, kính trọng lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau, hoà hài, liên đới, cộng tác với nhau, để phát triển mọi tiềm năng, tiềm lực mình, cho tới vô hạn định. Luật thiên nhiên có mục đích bảo đảm hạnh phúc con người. Vì các định luật tự nhiên vĩnh cửu và phổ quát, nên không lệ thuộc vào một vị giáo chủ nào, một đạo giáo nào. Các vị giáo chủ xưa nay chỉ là những người có công suy diễn ra ít nhiều định luật tự nhiên đó mà thôi. Khổng tử là một vị giáo chủ đã dày công đi tìm những định luật tự nhiên mà ông gọi là

LỄ, lại cũng đã vạch cho chúng ta thấy cung cách ông đã dùng để đi tìm định luật đất trời. Lát nữa chúng ta sẽ bàn thêm.

Còn **LUẬT NHÂN TẠO** là những luật mà mỗi một đạo giáo, mỗi một chính thể, mỗi một quốc gia lập ra để bắt những người dưới quyền mình tuân giữ. Định luật nhân tạo có sinh, có tử, có không gian, thời gian, có biên cương, bờ cõi. Giữ những định luật ấy, nhiều khi cũng cần thiết để giữ trật tự xã hội, giữ hòa khí với tha nhân; nhưng nhiều người trong thâm tâm càng ngày càng cảm thấy nó phi lý, và ngột ngạt. Những định luật nhân tạo này đã được lập ra do những người đương quyền, hoặc là do các đạo giáo trong thiên hạ. Nó có mục đích lồng con người vào trong những khuôn khổ cố định, bất chấp sự đau khổ của con người, bất chấp sự an nguy của cá nhân. Nó chỉ đòi hỏi cá nhân phải tùng phục, còn chuyện đau, hay khổ; bệnh hay hoạn, nó không bao giờ nghĩ tới., vì luật nhân tạo được lập ra là vì lợi ích của giáo đoàn, lợi ích của đảng đoàn, chứ đâu phải vì lợi ích của cá nhân. Có một điều hết sức lạ là nhiều khi những **ĐỊNH LUẬT NHÂN TẠO** này lại được thoa son, vẽ phấn, để được tôn vinh lên thành **ĐỊNH LUẬT TRỜI**. Nó có thể được ghi thành luật Trời ngay vào trong các thánh thư, thành thữ càng ngày vàng thau càng trở nên lẫn lộn, quần chúng chẳng còn biết đâu là luật trời, đâu là luật người nữa.

Tôi quen một ông bạn Việt Nam, một hôm đến tôi chơi, và nói cần phải giữ luật Trời. Ông còn nói ngạn ngữ Việt có câu: «Biết luật Trời, mười đời không khó.» Tôi thấy đó là điều rất lạ. Ông không phải là triết gia, nhưng nhờ suy tư mà tìm ra được như vậy. Thật là hiếm có.

Khi ta nắm được những nguyên tắc này, ta sẽ thấy có rất nhiều luật tuy đã được ghi chép trong thánh kinh, nhưng vẫn là luật qui ước, nhân tạo.

Năm 1960, tôi đã có dịp nhận định ra những định luật nhân tạo ấy. Số là tôi được cử đi dự Hội Nghị Quân Y quốc tế tại Teheran (Iran). Tôi đến Teheran nhằm đúng ngày Thứ Sáu. Quang cảnh đường xá hôm ấy vắng teo. Tôi hỏi tại sao? Người Teheran cho biết ngày Thứ Sáu trong tuần là ngày lễ nghỉ. Họ nói tiếp: Thiên Chúa giáo nghỉ Chủ Nhật; Do Thái giáo nghỉ Thứ Bảy; Hồi giáo chúng tôi nghỉ Thứ Sáu. Lúc ấy, tôi lập tức nhận ngay ra rằng nghỉ Thứ Sáu, Thứ Bảy, hay Chủ Nhật, chỉ là vấn đề qui ước, tương đối, nhân tạo. Thế rồi, thả hồn theo mộng mơ, tôi ước muốn được làm một nhà ngoại giao sống ở nước Hồi giáo, vì tôi mỗi tuần được nghỉ những 3 ngày: thứ 6, thứ 7, và Chủ Nhật.

Tôi đi thăm đền thờ Hồi giáo thấy không có ảnh tượng; thăm đền thờ Do Thái giáo, thấy không có ảnh tượng; thăm các nhà thờ Tin Lành chỉ thấy thánh giá trần, không ảnh tượng; nhưng vào các nhà thờ Công Giáo bên Đông, cũng như bên Tây thấy đầy ảnh tượng. Tôi hỏi người Do Thái tại sao như vậy, thì họ cho biết điều răn thứ hai cấm thờ ảnh tượng; điều răn thứ ba giữ ngày Thứ Bảy. Tôi hỏi người Công giáo tại sao làm vậy, thì được trả lời: Chúng tôi giữ ngày Chủ Nhật, vì ngày Chủ Nhật là ngày chúa sống lại; chúng tôi thờ kính ảnh tượng, vì sau khi Chúa xuống thế làm người, mang hình hài vật chất, thì thờ ảnh tượng, hay nói cho đúng hơn, «KÍNH» ảnh tượng cũng không sao. Nếu vậy, thì những giới răn Chúa dạy là ghi trong Kinh Thánh (Exodus 20,4- 8; Deuteronomy 5, 8- 12), nhiều khi vẫn là luật người, và người Âu Châu ít ra đã bỏ đi hai điều răn trong mười điều răn Thiên Chúa. ấy là chưa kể đến vô số luật khác đã ghi trong Leviticus, như cấm ăn thịt lợn (Leviticus 11,7), cấm uống máu (Leviticus 17, 10- 11; 13- 14), con trai sinh ra được tám ngày phải cắt bì (Lev.12, 3). Sau này, Thiên Chúa Giáo không giữ những giới luật đó nữa, và cho đó là luật Moses chỉ ràng buộc dân Do Thái, mặc dầu Kinh thánh ghi rõ rằng: «Ta là Yahve, các ngươi phải giữ luật ta, và phong tục ta truyền. Ai giữ, sẽ được sống.» (Leviticus, 18:4.- 19:37); mặc dầu chúa Jesus đã phán quyết rằng: «Đừng tưởng ta đến để bãi bỏ lề luật hay các tiên tri. Ta đến không phải để bãi bỏ, mà là để làm trọn. Quả thật, ta bảo các ngươi, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm, một phẩy trong Lề luật cũng chẳng thể bỏ qua.» (Mat. 5,17- 18). Tôi không biết những người theo giáo phái Chứng Nhân

Đấng Jehovah có cắt bì không (tôi chắc là không); có ăn thịt heo không (tôi chắc là có), nhưng rắc rối là họ nhất định không chịu cho truyền máu, mặc dù là nguy cơ đến tính mệnh, để giữ trọn lời Kinh thánh trên. Tội nhất là mấy ông bác sĩ, nhiều khi phải xin án lệnh của tòa mới dám truyền máu. Khi nào tôi gặp họ lại, tôi sẽ hỏi kỹ họ xem họ có cắt bì cho các con trai họ không, xem họ có mua thịt heo ở các siêu thị không, hay là họ chỉ giữ luật có một vài phần.

Tín đồ Cơ Đốc Phục Lâm (Seventh Day Adventists), vì muốn giữ ngày Thứ Bảy, và không giết người, theo đúng giới răn Thiên Chúa, nên dẫu có đi lính, cũng không chịu mang súng, và nhất định nghỉ Thứ Bảy thay vì Chủ Nhật. Quân đội Âu Mỹ rất khổ tâm, khi phải đối phó với họ.

Về vấn đề hôn nhân, Do Thái giáo không cấm lấy nhiều vợ. Bằng chứng là Abraham có 2 bà; Jacob có hai bà; vua David có nhiều vợ; còn vua Salomon thì có tới 700 vợ hàng vương tước, và 300 cung tần (I. Kings XI,1- 3). Công giáo chỉ cho phép lấy một vợ. Hồi giáo cho phép lấy tới 4 vợ, miễn là thương yêu và cung phụng bốn bà đồng đều nhau. [4] Riêng Giáo Chủ Mohammed, Ngài có tới 7 bà: Hadigah, Sauda, Ayeshah (con của Abu Behr), Hafza (con Omar), Zainab (nguyên là vợ của một tín đồ Hồi giáo bị giết ở Bedr), Zainab (nguyên là em gái họ ông, và cũng nguyên là vợ của một người con trai nuôi ông, tên là Zaid), Mary. [5] Giáo phái Mormons trước đây cho phép lấy nhiều vợ, nhưng sau bị chính quyền Mỹ cấm đoán, nên đành phải bãi bỏ giáo luật này. Nhưng nếu ăn vụng mà biết chùi mép, thì chắc giáo đoàn vẫn khoan xá. Ở Á Đông, thì chuyện năm thê, bảy thiếp trước đây là chuyện thường. Chẳng có đạo giáo nào để tâm cấm đoán. Nhân loại ngày nay có khuynh hướng «một vợ, một chồng», và cho phép ly dị khi cơm không lành, canh không ngọt. Phải chăng đây là một giải pháp đẹp đẽ nhất? Lại còn có giáo luật nộp 10% lương cho Giáo Hội. Luật này được ghi nhiều nơi trong Kinh Thánh (Lev 27:31.- Nu 18:24- 26; De 12:6; 2Ch 31:12; Am 4:4; Mal 3:8; Neh 10:37- 38; Lu 18:12 v.v...). Thời Trung cổ Giáo hội Công giáo cũng theo luật này, nhưng ngày nay thì không còn theo nữa. Còn các giáo phái Tin Lành khác, hay giáo phái Mormons thì áp dụng hầu như triệt để. Có một thống kê cho rằng giáo phái Mormons nay hiện có 27 tỉ bạc. Tuy nhiên cũng phải công nhận rằng khi một tín đồ giáo phái này bị thất nghiệp, thì giáo hội cũng giúp đỡ hẳn hoi... (Xem các loại Tự điển đạo và đời, nơi chữ Tithe).

Nói đến những luật dạy kiêng cử, ta cũng phải nói tới Hồi giáo, và Ấn giáo. Hồi giáo kiêng ăn thịt heo. Ấn giáo kiêng ăn thịt bò. Bò ở Ấn Độ là những thứ bò để bực điều, y như chó, mèo ở Mỹ. Bò có một địa vị rất khả quan trong xã hội Ấn Độ. Bò có quyền đi nghênh ngang trong các phố xá đông người giữa các đô thị. Mọi người không ai được động chạm tới! Đi xe, thì liệu mà tránh. Đụng người may ra còn không sao; chứ đụng bò chắc bị dân chúng phẫn nộ, đánh cho chết...

Chính vì vậy mà như tôi đã nói trên, các định luật Trời đất thực ra đã không ghi tạc ở nơi bia đá bên ngoài, không ghi tạc toàn phần vào trong sách vở, nhưng đã ghi tạc ngay trong cơ cấu muôn loài, trong định luật vận chuyển biến thiên của muôn loài.

Khi con người còn ấu trĩ, sẽ tưởng rằng định luật trời được ghi trong thánh thư, được ghi tạc nơi bia đá. Nhưng khi con người đã khôn lớn sẽ thấy rằng định luật trời đất thực ra đã được ghi tạc trong tâm can con người. Có lẽ vì vậy mà tiên tri Jeremiah xưa đã viết: «Nhưng đây là giao ước mà ta sẽ ký với nhà Israel, trong ngày đó - sấm của Yahve- ta sẽ đặt lề luật ta trong tầng sâu bản thể họ, và ta sẽ viết luật ta trong lòng họ...» (Jeremiah,31,33). Dịch kinh cũng cho rằng khi con người tiến tới «thuần Dương», «thuần Kiền», sẽ nhìn thấy lề luật Trời: «Kiền Nguyên dụng cửu, nãi kiến Thiên tắc.» 乾 元 用 九 , 乃 見 天 則 (Kiền, Văn Ngôn, Hào Dụng Cửu)

Kiền nguyên biến hóa xong rồi,

Bấy giờ sẽ thấy Luật trời hiện ra.

Luật trời đất thực ra đã gắn liền vào cơ cấu muôn loài, muôn vật, gắn vào cơ cấu quần sinh. Nếu theo đúng những định luật này, vũ trụ sẽ vắn xoay, biến hóa theo đúng lớp lang, tiết tấu; xã hội loài người sẽ hưởng thanh bình, hạnh phúc; cá nhân sẽ được khỏe mạnh, sướng vui. Nếu không theo, tuy rằng chẳng đến nỗi trầm luân chín tầng địa ngục, bị thiêu sinh muôn kiếp, nhưng sẽ đau ốm, sầu khổ, chết non, chết yếu, nếu là cá nhân; nếu là gia đình sẽ bất hòa, tan tác; nếu là quốc gia, xã hội sẽ loạn ly, điên đảo. Cứ nhìn vào tâm tư, vào thể xác, con người sẽ biết mình theo đúng định luật đất trời hay không; cứ nhìn vào tình trạng mỗi gia đình, sẽ biết gia đình đó có theo đúng định luật trời đất, nhân sinh hay không; cứ nhìn vào thực trạng mỗi quốc gia, sẽ biết ngay nó có theo đúng định luật đất trời hay không. Theo đúng tiêu chuẩn trên, thì những thể xác bệnh hoạn, những tâm hồn bệnh hoạn, những tâm hồn lúc nào cũng khắc khoải, cũng khao khát, cũng thèm muốn, cũng thờ thần, cũng hoang vắng, không thể nào nói được là mình đã và đang theo ý Chúa, ý Trời được...Thực là hết sức giản dị...

LUẬT TRỜI đã gắn liền vào cơ cấu muôn loài. Nhìn lên trời cao, ta thấy nhật nguyệt tinh cầu đều đi theo đúng những đường lối đã chỉ định cho nó. Nhờ vậy mà ta mới đoán trước được là nhật thực phải vào ngày 30, hay mồng 1; nguyệt thực phải vào ngày rằm. Ta mới biết được rằng ngày 15, hay 30 thủy triều sẽ lên cao nhất, và vào những ngày Thượng huyền (mồng 8 ta), hay Hạ huyền (23 ta), thủy triều sẽ thấp nhất. Ta mới mừng cho ai đi vượt biên vào tháng ba ta, vì lúc ấy biển lặng, gió êm. Ta thường nói: «Tháng ba, bà già đi biển.» Ta mới lo cho ai vượt biển vào tháng 9, tháng 10, vì lúc ấy dễ gặp phong ba, bão táp. Robinson Crusoe vượt biển cũng vào khoảng tháng 10, nên đã gặp bão, và phải sống nhiều ngày tháng trên hoang đảo...

Ông Trời hẳn phải là một nhà toán học đại tài. Ví dụ khoảng cách giữa các hành tinh và mặt trời đã được qui định như sau (định luật Bode):

Ta viết:

0, 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128 (các lũy thừa 2).

Đoạn nhân cho 3:

0, 3, 6, 12, 24, 48, 96, 192, 384.

Đoạn cộng với 4:

4, 7, 10, 16, 28, 52, 100, 196, 388.

Đoạn chia cho 10:

0.4; 0.7; 1; 1.6; 2.8; 5.2; 10; 19.6; 38.8.

Ta có đồ bản sau:

Tên hành tinh	Khoảng cách theo lối toán trên	Khoảng cách theo khoa học
Thủy tinh (Mercury)	0.4	0.3871
Kim tinh (Venus)	0.7	0.723
Trái đất	1	1 (*)
Hỏa tinh (Mars)	1.6	1.523
Ceres	2.8	2.77
Mộc tinh (Jupiter)	5.2	5.202
Thổ tinh (Saturn)	10	9.554

Thiên vương (Uranus)	19.6	19.21
Hải vương (Neptune)	38.8	30.10

(*) 1. là khoảng cách giữa trái đất và mặt trời: khoảng 150,000,000 km.

Đi thêm vào chi tiết, ta thấy:

- chu kỳ của Thủy tinh là 88 ngày;
- chu kỳ của Kim tinh là 224.7 ngày.
- chu kỳ Trái đất là 365.26 ngày
- chu kỳ Hỏa tinh là 687.0 ngày.
- chu kỳ Mộc tinh là 11.86 năm.
- chu kỳ Thổ tinh là 29.46 năm.
- chu kỳ của Uranus 84.0 năm.
- chu kỳ của Neptune là 164.8 năm.
- chu kỳ của Pluto là 247.7 năm.

Sự chuyển vận của các hành tinh quanh mặt trời, tuy có lúc nhanh, có lúc chậm, nhưng đều theo những qui luật hết sức chặt chẽ. Kepler đã tìm ra các qui luật này...

Khoa học càng ngày càng ra công tìm cho ra những định luật chi phối sự hỗ tương ảnh hưởng giữa con người và vũ trụ. Các bác sĩ Leinex và Gibbs đã tường trình trong Tạp chí Di Truyền Học (Journal of Heredity) rằng các làn sóng điện trong óc não con người có tương quan với các tuần trăng. Bác sĩ Leonard J. Ravitz, bệnh viện Veterans Bureau ở Downey, Illinois, đã cho thấy tính tình con người thay đổi theo tuần trăng. Bác sĩ Hannah Hendrick, khi nghiên cứu về bệnh thần kinh, đã thấy rằng đàn ông vào bệnh viện khoảng mùng 2 ta mỗi tháng, còn đàn bà thì vào bệnh viện khoảng ngày rằm. [6] Rằm là ngày Âm suy, Dương thịnh; đầu hay cuối tháng là ngày Âm thịnh, Dương suy. Có cái lạ, là Nguyệt thực bao giờ cũng vào khoảng ngày rằm; còn Nhật thực bao giờ cũng vào ngày cuối tháng như đã nói ở trên. Cũng nên ghi nhận rằng mặt trời, mặt trăng và các hành tinh ảnh hưởng đến trái đất, đến con người là do TỬ TRƯỜNG, TỬ LỰC.

Càng ngày khoa học càng nhận thấy rằng, trong khắp hoàn vũ này, từ những giải ngân hà xa tít tắp, cho đến những hạt nguyên tử li ti, tất cả đều được chi phối bởi những định luật biến dịch, đều diễn biến có lớp lang, có chiều hướng, có nhịp điệu, tiết tấu, tất cả đều đồng tấu khúc nhạc thái hòa...

Thực đúng là:

Lạc hồng bất thị vô tình vật,
Hóa tác xuân nê, cánh hộ hoa.
Hồng rơi nào phải vô tình vật,
Tan biến trong bùn, lại giúp hoa...

Đời xưa hay nói: «Cửu cửu, càn khôn dĩ định.» 九 九 乾 坤 已 定 . Bây giờ ta thấy các con số chỉ thời gian đều chia chắn cho 9.

$4320 \times 6 = 25.920$ năm là số năm mặt trời dùng để trở về điểm Gamma trên vòng hoàng đạo, vào ngày Xuân phân.

4320 là số trung bình nhịp tim đập trong một giờ ($72 \times 60 \text{ phút} = 4320$)

$4320 : 4 = 1080$ là số trung bình nhịp thở trong 1 giờ.

$4320 \times 6 = 1080 \times 24 = 25,920$ là số trung bình nhịp thở trong 1 ngày.

$4320 \times 30 = 129,600$ là một Nguyên của Thiệu Khang Tiết.

$4320 \times 1000 = 4,320,000$ là một Maha Yuga hay Đại kiếp của Ấn Độ.

Các số trên cho thấy Đại vũ trụ và Tiểu vũ trụ tương ứng với nhau.

Bây giờ chúng ta cùng nhau đi vào con người, để đi tìm những định luật vĩnh cửu chi phối con người:

– Tứ chi bách hài con người bị chi phối bởi các định luật cơ học.

– Tạng phủ con người vừa bị chi phối bởi định luật cơ học, vừa bởi định luật hóa học. Khi co bóp, thì theo định luật cơ học; khi tiết ra các hóa chất như pepsin, secretin, v.v... thì theo định luật hóa học.

– Máu huyết con người bị chi phối bởi định luật hóa học: trong huyết tương chúng ta có không biết bao là khoáng chất, là hóa chất. Muốn khỏe mạnh, các hóa chất trong máu chỉ được quyền có một số lượng nhất định nào, ví dụ: bình thường, trong máu có:

70 – 100mg đường trong 100 phân khối máu.

150 – 280mg Cholesterol trong 100 phân khối máu.

3.0 – 7.0mg Uric acid trong 100 phân khối máu.

8 – 25mg Blood Urea Nitrogen trong 100cc máu.

8.5 – 10.5mg Calcium trong 100cc máu.

3.5 – 5.0 mEq Potassium trong 1 lít máu.

– Lượng đường lên quá cao làm cho con người bị bệnh đái đường.

– Lượng Cholesterol quá cao sẽ dễ gây ra các chứng tắc mạch máu tim.

– Uric acid quá cao là bị bệnh cốt khí.

– Blood Urea Nitrogen mà cao, là đã được chiếu khán để đi về Thiên quốc.

– Calcium quá thấp sẽ bị sẽ gây co giật; quá cao sẽ gây bệnh thận.

– Potassium dù thấp hay cao hơn thường cũng rất nguy hiểm cho tim.

Tôi có người quen, gặp thấy mặt mũi phờ phạc; hỏi ra mới biết là đang nhịn ăn, vì cholesterol «hơi» lên cao.

Một ông bạn tôi, trước kia rất thích «nhậu nhẹt», mới đây khoe sắp ăn chay để cho Acid Uric xuống.

– Thần kinh chúng ta chịu chi phối bởi các định luật hóa học và điện. Luồng thần kinh (nervous influx) được chạy trong các giây thần kinh, như điện chạy trong các giây điện. giữa các giây thần kinh thường cũng có những trạm biến điện, gọi là synapses. Thần kinh có thể tiết ra các chất neuro- transmitters như enkephalin, acetylcholin, adrenalin, endorphin v.v...

– Óc chất con người chịu các định luật từ- điện. Óc con người ngày nay khá giống các máy computers, các máy thu băng, có điều là tinh vi, linh lợi hơn nhiều.

– Tâm hồn con người chịu định luật của Từ (magnetism). Từ lực có ái, ố (attraction, repulsion), thì tâm hồn con người cũng có ái, ố. Người nào cũng phả ra những từ trường, những từ lực, từ tuyến. Những từ tuyến của mỗi người lại ảnh hưởng yêu ghét đến đồng bào, đồng chủng, đến muôn loài, đến vũ trụ muôn

phương. Tu luyện là cốt làm tăng từ lực trong con người, để có nội công, nội lực, không còn bị ngoại cảnh cuốn lôi, hấp dẫn.

Trong chữ Hán, các chữ DUYÊN 緣, chữ TRIỀN 纏, chữ PHƯỢC 縛 đều có bộ MỊCH 糸 (nghĩa là «giây nhợ») ở bên trái. Tôi giải đó là NHỮNG TỪ TUYẾN. Và chúng ta có thể mô tả mối tình keo sơn của nhiều đôi trẻ như sau:

«Tơ duyên như thể xích thằng,

Một giây, một buộc, ai dằng cho ra.»

– Tâm Hồn, chúng ta còn chịu định luật TRI, và LOẠN. Tôi thường sánh tâm hồn với một loại KHÍ, tương đương như khí trời, có những hạt khí Dương, và những hạt khí Âm (positive and negative ions). Khi vui thì Khí tản mạn, thông sướng, khinh khoáng; khi buồn thì Khí trở nên trì trệ, ù lì. Khi giận, thì Khí như bị gom tụ lại, như bị uất ức, không thông sướng; khi sợ hãi thì Khí tán loạn. Lúc quá giận dữ, thì Khí trong người chẳng khác gì những trận cuồng phong. Khí mà tán loạn, Khí mà bị dồn ép, Khí mà bị phá tán, sẽ rất có hại cho cơ thể. Cho nên ta thường nói: tức lộn ruột, lộn gan; giận đến thâm gan, tím ruột; hay hồn phi, phách tán; hồn lạc, phách tiêu.

Có biết vậy, mới hiểu thế nào là tâm bình, khí hòa!

– Thần 神 con người là Quang 光, nên chịu định luật của Quang. Và thần nương vào Khí 氣, nên hễ Khí loạn thì Thần hôn. Tâm có bình, Khí có hòa, thì Thần mới minh, mới sáng. Thần quang còn chịu định luật Tụ và Tán. Thần mà tụ, mới linh, mới hiển; Thần mà tán, mà tản, thì chẳng có ra gì.

Người xưa có thơ:

Hướng tiền, thần tụ, đồng Vô cực,

Kim tán, vi trần mẫn thế đồ.

Dục qui nguyên vị Hoàng Trung lý,

Nê Hoàn vạn vọng tốc hồi qui.

Dịch:

Khi xưa thần tụ, đồng Vô Cực,

Nay tán, trần ai ngập thế đồ.

Muốn về nguyên vị Hoàng Trung cũ,

Nê hoàn vạn vọng kịp hồi qui.

Từ mấy nghìn năm nay, Y Học Đông Phương chủ trương quân bình Âm Dương. Y học Âu Mỹ mới đây đã tìm ra cán cân Âm Dương trong con người mà họ gọi là pH. pH bình thường là 7.4 (pH 7.38 – pH 7.42). Cao hơn 7.42 là Âm trạng (Alkalosis); thấp hơn 7.38 là Dương trạng (Acidosis). pH > 7.50 là Âm trạng nặng; pH < 7.20 là Dương trạng nặng, có thể nguy hại đến tính mệnh. Một khi cán cân Âm Dương đã mất thăng bằng thời phối và thận phải lo điều chỉnh lại tình hình (compensation). Y khoa cấp cứu hiện nay là đặt trọng tâm vào công trình lập lại thể quân bình Âm, Dương, đem pH về 7.4. Khi học về pH, tôi mới hiểu thấu đáo về Trung Dung, về Thái Hòa; về Thái quá, Bất cập; và về chủ trương Bổ, Tả, Bù Trừ; Ích, Tồn.

Suy ra thì tu tâm cũng chẳng qua là lập lại thể Thái Hòa, thể Quân Bình muôn thừa. Thảo nào mà nơi Chương Nhất Trung Dung đã viết:

Thiên địa vị yên,

Vạn vật dục yên.

Ước gì đạt thể Trung Hòa,
 Ấm êm trời đất, âu ca muôn loài.
 (Trí Trung Hòa)

Và tôi mới hiểu thấm thía câu của sách Hoàng Đế Nội Kinh: «Điềm đạm hư vô, tâm bình, khí hòa, tinh thần nội thủ, bệnh an tồn lâu.» 恬淡虛無, 心平氣和, 精神內守, 病安從來.

– Một định luật sinh lý khác chi phối sức khỏe con người là định luật THÔNG, TẮC. THÔNG SƯỚNG thời khỏe mạnh. Bế Tắc thời bệnh hoạn. Đông Y có câu: Thông tắc bất thông; thông tắc bất thông. Nghĩa là nếu mà kinh mạch trong người thông sướng, thì sẽ không có hiện tượng đau nhức. Đã đau nhức thời có bế tắc ở chỗ nào. Những bế tắc có thể xảy ra trong huyết mạch, trong kinh mạch, trong thần kinh. Khoa Chỉnh Xương bên Mỹ thường ưa nắn xương sống để giải tỏa các giây thần kinh có thể bị kẹt. ở Việt Nam có phong trào «vẩy, vẩy tay», một ngày mấy trăm lần; bên này có phong trào tập Thái Cực Quyền, cốt là để cho cơ thể thông sướng. Nếu quý vị đi sâu hơn vào võ công, vào đạo học, quý vị sẽ học thêm về khoa ma sát, về Bát Đoạn Cẩm, Thập Nhị Đoạn Cẩm, về Khí Công, về Công Phu đả thông Nhâm, Đốc. Nhưng xét cho cùng, tất cả cũng chỉ có mục đích làm cho cơ thể con người hoàn toàn thông sướng mà thôi.

Sau khi đã nắm được các qui luật thiên nhiên chi phối con người, ta sẽ:

- Chọn nơi ăn, chốn ở cho sạch sẽ, trong lành.
- Sẽ ăn uống điều hòa, tiết độ; vận động cho chừng mực.
- Đối với người cho thành khẩn, cho tôn kính, cho yêu thương.
- Đối với muôn loại cho từ bi, hỉ xả.
- Cố gắng dùng thời gian, hoàn cảnh trời ban cho mình để phát huy hết mọi tiềm năng tiềm lực của mình, để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

Người La Mã xưa chủ trương phải sống theo định luật, vì định luật tự nhiên là định luật trời.

Người Âu Châu sau này không chấp nhận rằng định luật tự nhiên là định luật Trời, là thiên ý, nên đã chế thêm ra cái gọi là «định luật siêu nhiên». Tôi nghĩ rằng chính con người đã sáng tạo ra cái chiêu bài định luật siêu nhiên. Như vậy «siêu nhiên» lại trở thành «nhân tạo».

Có cái rất lạ, là con người rất bướng, không muốn sống theo tự nhiên.

Như cái cổ, Trời làm đã có ngữ, đã đẹp, nhưng có nơi người ta lại cố nong cho dài ra.





Chân do trời làm, người Trung Hoa chê là xấu, nên trong vòng hơn ngàn năm, các phụ nữ nhà giàu đã bó chân, để có «gót sen ba tấc». Nhưng nếu chúng ta vô tư mà nhìn vào cái gót sen ba tấc ấy, ta sẽ thấy đó là một thứ chân què, chân thọt. Và sau khi ngấm gót sen, có lẽ chúng ta sẽ «nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên», và biết đâu lại chẳng thí phát qui y, rồi biết đâu lại chẳng thành một Bồ Tát tương lai? Ngày nay, may thay, tục lệ này đã trôi vào dĩ vãng xa xăm.

Cũng có dân lại ép cho cái đầu nó thon lên, nhọn lên, có vậy mới đẹp.

Cũng có dân lại nhét cái đĩa vào môi dưới. Nhìn mỹ nhân với cái đĩa cài môi dưới, tôi chắc người mình sẽ chẳng còn muốn ăn cơm!

Có dân lại bắt khi cô gái đã có ý trung nhân, phải lấy dao rạch vào mặt mấy cái, ra chuyện rằng hoa đã có chủ.

Thời tôi còn bé, tôi vẫn còn chứng kiến các bà, các cô miền Bắc nhuộm răng. Răng phải đen rưng rức như hạt na, mới đẹp mới tình. Sau này, nhiều bà nhiều cô lại đi nha sĩ cạo cho hết cái đẹp, cái tình ấy đi mới là kỳ lạ. Ấu cũng là một cách chống đối Tự nhiên, rồi sau lại đầu hàng Tự nhiên.

Gần đây triết gia William James chủ trương rằng không thể sống theo tự nhiên, mà phải đấu tranh chống với tự nhiên. Con người đẻ ra trần truồng. Tại sao, con người lại không sống trần truồng, mà lại mặc quần áo? Tại sao lại đấu tranh để được ăn no, mặc ấm, có mái nhà để nương thân? [7] Nhưng ông William James đã quên rằng con người sinh ra là để TIẾN HÓA. Như vậy con người sinh ra không phải vẹn toàn ngay, mà sẽ tiến tới vẹn toàn. Con người có bốn phận phát huy những khả năng vô biên, vô tận trong con người để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ. Muốn vậy phải biết dùng không gian, thời gian, ngoại cảnh; chung lưng đấu cật với tha nhân; học lại gương xưa nếp cũ của tiền nhân, để rút ưu khuyết điểm. Cho nên ăn không phải là ăn không, mà ăn cho đầy đủ, cho ngon miệng; mặc không phải là mặc lấy ấm không, mà còn lấy đẹp để; ở không phải là ở không, mà còn phải ở cho hảnh hoi, cho đủ tiện nghi.

Phân biệt đâu là luật Trời – thiên ý, định luật tự nhiên – đâu là luật người thật ra không có gì là khó, vì luật Trời thì vĩnh cửu, toàn dân thiên hạ, toàn thể vũ trụ đã theo, đã giữ, từ thừa khai thiên; còn luật người thì nay có, mai không; nay thế này, mai thế khác; một đảng làm cho con người thành thoi sung sướng; một đảng làm cho con người gò bó, trói buộc, ngọt ngọt, tù túng. Cái sự lẫn lộn luật trời, luật người không thể

có trong chính trị, vì luật chính trị dĩ nhiên là luật người. Nó chỉ có thể lẫn lộn trong các đạo giáo.

Cho nên, xưa nay đã có những người chống luật, chống một số Giáo luật. Tiếng Mỹ gọi là những người đó là «Antinomians». Họ chủ trương Đức Tin là đủ.

Những người «du di» với Giáo luật, trước tiên phải kể Giáo chủ Moses, đạo Do Thái. Ông bắt mọi người Do Thái phải cắt bì, còn ông thì không. EXODUS đã ghi lại rõ ràng cái «màn kịch cắt bì giả» cho Moses, do bà vợ ông là Cippora đạo diễn. (Exodus, 4:24).

Thứ đến là thánh Paul. Mới đầu thì Ngài còn du di với giáo luật Do Thái, sau thì dứt khoát đoạn tuyệt. Du di, như Ngài cắt bì cho môn đệ Ngài là Timotheus (Công vụ Sứ Đồ 16- 2), nhưng sau đó không chịu cắt bì cho những người tân tông nữa. Mặc dầu Thượng Đế đã nhiều lần phán quyết chính Ngài là tác giả các lề luật rao truyền trong đạo Do Thái; mặc dầu Chúa Kitô long trọng tuyên xưng không chủ trương phá lề luật cũ (Mat.5:17.- Luke, 16:17), thánh Paul dứt khoát dạy rằng nếu có đức tin vào Chúa Jesus, luật Do Thái sẽ không còn cần thiết nữa (Gal.2:16- 19); Chúa Jesus ra đời, là lề luật cũ hết quyền hạn đối với những giáo dân của đạo mới (Ep 2:15; Rom. 10:4). Lập trường của Ngài dần dà được các Tông đồ khác chấp nhận, mặc dầu vẫn có nhiều giáo dân tân tông gốc Do Thái giáo phản đối (Công vụ sứ đồ 15: 5- 29)... Chính cũng vì vậy mà Ngài suýt bị người Do Thái giết. May Ngài mau trí khôn xưng mình là công dân La Mã nên mới sống sót. Nhưng đó cũng là một duyên do khiến Ngài bị bắt giam, và bị áp giải sang tận triều đình vua La Mã, là Agrippa. (Công vụ sứ đồ, các chương 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28). Dẫu sao, ta cũng phải công nhận rằng nhờ thái độ cương quyết và dứt khoát của Ngài, mà Giáo Hội Công giáo mới lan truyền mạnh mẽ khắp nơi như ngày nay...

Như trên đã nói, có hai đạo tìm hiểu nhiều về Lề luật Trời trong thiên hạ, đó là Bái hỏa giáo (Zoroastrianism) và Khổng giáo. Bái hỏa giáo xưa kia phồn thịnh ở Ba Tư. Nhưng từ khi Hồi giáo thống trị Ba Tư và Cận Đông, thì đạo này suy đồi. Ngày nay có một số chừng 40,000 người theo đạo này ở Iran, 90.000 ở Ấn Độ và chừng khoảng vài ngàn rải rác ở Mỹ. Kim Dung thường đề cập đến đạo này và gọi là Ma giáo, hay Minh Giáo. Một giáo sĩ Bái hỏa giáo xin tôi gọi đạo này là Zoroastrianism, thay vì gọi là Bái hỏa giáo. Đạo này gọi Luật Trời là Asha. Asha là Thiện, Mỹ. Asha đã do sự khôn ngoan của Ahura Madza (Thượng đế) sáng tạo ra. Asha chính là những định tắc chi phối vũ trụ, vạn hữu và nhân quần.

Đạo Khổng gọi ĐỊNH LUẬT TRỜI, ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN là Lễ 禮. Trời lập ra những định luật tự nhiên, như là những đôi giày cho chúng ta đi, để trở về với Ngài, cho nên quẻ Lý 履, tuy có nghĩa đen là GIÀY, nhưng chính lại bàn về sự TUÂN THEO ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN. Cho nên, khi bình về quẻ Lý, tôi đã viết như sau:

Lý là bước đi trên con đường thần thánh hóa bản thân, vui theo những định luật thiên nhiên của Tam Tài (trời, đất, người) để thực hiện định mệnh cao sang của con người là «phản bản, hoàn nguyên», là «phối Thiên, phối Mệnh». Thế tức là:

Nghĩa, Nhân làm hán, làm hài,

Uy nghi trang trọng đường trời bước lên...

Cuối 1973, khi Đại Học Nhân Văn Minh Đức khai giảng, tôi được ủy nhiệm làm một bài diễn văn khai mạc với nhan đề: LỄ, NGHĨA, LIÊM, SĨ, tôi đã luận về Lễ đại lược như sau:

...Gần đây, các học giả Âu Châu, như Escarra, như Needham đã tìm hiểu sâu xa về chữ Lễ.

Các ông cho rằng dân Trung Hoa cũng như các dân tộc khác, xưa nay thường sống theo hai bộ luật.

Một là bộ luật tự nhiên, do Hóa Công đã ấn định. Bộ luật này được gắn liền vào với tính chất vạn hữu, nhân quần. Bộ luật này chi phối vạn hữu, từ các vì tinh tú trên trời, cho đến con người nơi gian thế. Trung

Hoa gọi những định luật tự nhiên này là Lễ.

Hai là bộ luật nhân tạo, do chính quyền lập ra. Bộ luật này vì là nhân tạo, nên có khi hợp lý, có khi vô lý và thường có tính cách gò bó, khô khan, cứng cỏi, không uyển chuyển như những định luật tự nhiên. Trung Hoa gọi những định luật này là Luật, là Pháp, hay Pháp luật.

Từ khi Đức Khổng ra đời cho đến các Nho gia chân chính, nhất nhất đều chủ trương dạy con người theo những định luật tự nhiên, theo những định luật tâm lý, nhân sinh, tức là dạy con người sống theo Lễ... Muốn đời sống cá nhân, gia đình, quốc gia hay xã hội được hạnh phúc, ý nghĩa, đầm ấm, hợp hòa, cần phải biết rõ định luật thiên nhiên chi phối vạn vật, chi phối sinh hoạt cá nhân và đoàn thể.

Muốn tìm cho ra những định luật thiên nhiên, cần phải:

- Biết quan sát ngoại cảnh,
- Biết phân tách các hiện tượng tâm lý,
- Biết khảo cứu lịch sử, phong tục.
- Biết dựa vào lẽ phải.

Có vậy, mới suy ra được cách hoạt động, cư xử lý tưởng.

Những định luật thiên nhiên chi phối con người có thể qui kết thành 3 đề mục.

1) Con người sinh ra ở đời, cần phải biết thích ứng với ngoại cảnh. Chẳng những thế, còn phải biết khai thác ngoại cảnh, để mà sống vui, sống khỏe.

2) Mặt khác, con người sinh ra ở đời, còn có nhiệm vụ truyền dòng giống.

3) Nhưng nhiệm vụ chính yếu nhất của con người là tiến hóa; là tiến tới tinh hoa, hoàn thiện, tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

Suy ra, ta sẽ có những tiêu chuẩn, những định tắc sau đây để hướng dẫn hành vi, sinh hoạt của ta:

1) Phải biết vệ sinh, biết hiếu sinh.

2) Phải lo cho có một dòng dõi hoàn hảo, lành mạnh.

3) Phải lo gia tăng sinh lực, trau dồi tình cảm, mở mang trí tuệ, nâng cao phẩm giá, nhân cách con người; vươn mãi lên theo hướng Chân, Thiện, Mỹ.

...Thánh quân, hiền phụ xưa, khi lập ra Lễ, lập ra những định tắc nhân luân, đã dựa trên những tiêu chuẩn hết sức vững vàng, chắc chắn:

1) Vì thấy trời đất liệt bày lẽ tôn ti, trật tự, nên các Ngài minh định rằng xã hội này cần phải có tôn ti, trật tự, mới có thể sống thái bình, hoan lạc, vì thế các Ngài đã minh định phận vụ cho mỗi hạng người.

2) Các Ngài minh định rằng con người cần phải theo những định luật tự nhiên mới có thể có đời sống hay, sống đẹp. Mà đã nói đến định luật, tức là phải nói đến chừng mực, tiết độ. Cho nên các Ngài suy ra rằng con người không thể sống một cuộc đời buông thả; nhưng làm gì cũng phải có chừng mực, tiết độ.

3) Các Ngài minh định rằng con người sinh ra ở đời cần phải nhân nhượng lẫn nhau, kính trọng lẫn nhau, mới có thể đi đến chỗ đại hòa, đại thuận. Phàm gặp những trường hợp bất đồng ý kiến, người xưa cố điều đình, nhân nhượng, để đi đến chỗ ý hiệp, tâm đầu, tránh mọi chuyện đổ vỡ. Chính vì thế mà ta thường nói: Lễ nhượng 禮讓.

4) Các Ngài cũng chủ trương rằng muốn được lòng người khác, con người phải luôn luôn khiêm cung, nhún mình, trọng người. Chính vì vậy mà khi nói đến Lễ, ta thường liên tưởng đến hai chữ Lễ phép.

5) Các Ngài quan niệm rằng thuần phong, mỹ tục chính là kinh nghiệm của tiền nhân. Chúng gói ghém, bao gồm tất cả những cách thức tốt đẹp để đối phó với mọi hoàn cảnh, để giải quyết mọi công việc, vì thế cần phải bảo tồn. Tóm lại, nếu mọi người trong quốc gia, xã hội:

- Sống đúng theo định luật tự nhiên,
- Không buông tuồng, phóng túng,
- Biết trau dồi tâm thần cho ngày một thêm cao khiết, trang nghiêm,
- Nhường nhịn nhau, kính trọng lẫn nhau, lịch sự, tử tế với nhau.
- Sống theo những điều hay, nhẽ phải, thì sẽ đem lại cho mình một đời sống xứng đáng, sẽ tạo cho quốc gia, xã hội một quang cảnh hạnh phúc, đầm ấm, hòa hợp.

Đem áp dụng các định tắc thiên nhiên vào đời sống xã hội, Khổng giáo đã qui định bốn phận cho mọi hạng người trong mọi tầng cấp xã hội như sau:

Vua phải nhân (quân nhân 君仁),
 Tôi phải trung (thần trung 臣忠),
 Cha phải khoan từ (phụ từ 父慈),
 Con phải hiếu thảo (tử hiếu 子孝),
 Anh phải hân hoi (huynh lương 兄良),
 Em phải kính thuận (đệ đệ 弟悌),
 Chồng phải đường hoàng (phu nghĩa 夫義),
 Vợ phải nhu thuận (phụ thính 婦聽),
 Người lớn phải thi ân (trưởng huệ 長惠),
 Kẻ nhỏ phải vâng phục (ấu thuận 幼順).
 Đó là Thập Nghĩa 十義.

Nếu ai ai cũng giữ đúng phận vụ mình, thì xã hội sẽ đại hòa, đại thuận.

Mới hay Lễ chi phối mọi hành vi, cử chỉ con người, những cách giao tiếp của con người. «Lễ không cho phép đi quá trớn, quá giới hạn, mực thước đã qui định; không cho phép xâm phạm quyền lợi người khác, vũ nhục, khinh khi, sàm sỡ với người khác.»

«...Lễ là những định luật tự nhiên giúp con người sống xứng đáng với danh nghĩa con người, sống hòa hợp với mọi người, đoàn kết với mọi người... Cho nên Lễ phát nguyên tự Trời, có tầm hoạt động lan khắp trần gian, bao quát vạn sự biến chuyển theo thời, thích ứng với mọi nghề nghiệp, hoạt động con người. Nơi tâm con người, Lễ giúp làm nảy nở các đức tính tự nhiên. Trong hành vi con người, lễ bao quát mọi cách thức tặng dũ, trao đổi; mọi hành động; mọi phép lịch sự, xã giao; mọi vấn đề ăn uống; quan hôn, tang tế; bắn cung, đánh xe; yết triều, thăm hỏi...» (Lễ ký, Lễ vận VII)

Lễ qui định những gì hay, những gì phải cho con người, nên rất cần yếu đối với con người. Nó dạy con người biết làm sao để trở nên đức hạnh thực sự, làm sao để hòa thuận với người. Nó giúp cho xương thịt con người trở nên cứng cáp, rắn chắc; dạy con người cách nuôi người sống; chôn kẻ chết; tôn kính quí thần. Nhờ Lễ như một cửa lớn mà con người tìm ra được THIÊN ĐẠO, sống thuận với nhân tình. Vì thế mà thánh nhân cần biết Lễ.

Quốc phá, gia vong, nhân tâm ly tán, chính là vì con người đã không biết sống theo những định luật

của trời đất, của nhân sinh.

Thế giới ngày nay chuyên dùng những lề luật, hình pháp bên ngoài để trị dân, dùng những thủ đoạn để thăng thục dân, huỷ hoại dân; chỉ bắt bẻ dân trên những hình thức bề ngoài; chỉ cần dân tuân theo những thể chế qui ước bên ngoài, mà thả lỏng lòng dục của dân, mặc cho tính xấu nơi dân tha hồ phát triển, miễn sao là dân khéo léo tránh né được con mắt dòm hành của pháp luật, của các nhà cầm quyền, thế là đủ. Cá nhân thác loạn vì có thể sống buông thả, vô kỷ cương. Gia đình thác loạn vì sự tương kính, tương thân trong gia đình dần dần mất đi. Xã hội thác loạn, vì giá trị con người đã mất, vì lòng trọng kính, thương yêu nhau cũng chẳng còn. Đó chính là sự thất bại của các lề luật gian trần.

Cho nên, muốn cho nhân quần thay đổi hướng đi, thay đổi thái độ, cần hô hào con người tự nguyện đi tìm cho ra các định luật của trời đất, của nhân sinh mà theo mà giữ. Nếu chúng ta đi theo đúng đường của trời đất – theo đúng Thiên ý – lập tức ta thấy cuộc đời chúng ta sẽ cải thiện; gia đình chúng ta sẽ cải thiện; xã hội chúng ta sẽ cải thiện; thế giới sẽ cải thiện, và sự thanh bình, hoan lạc tự nhiên sẽ đến với chúng ta. Bao lâu còn thấy có khổ đau, bao lâu đời sống còn đầy ngang trái, khổ lụy, bao lâu trần hoàn còn rối ren, vô trật tự, chắc chắn là bấy lâu con người chưa tìm ra được, hay chưa theo được các định luật tự nhiên, chưa biết được thể nào là THIÊN Ý. [\[8\]](#)

CHÚ THÍCH

- [\[1\]](#) Political justice is of two kinds, one natural (physicon) and the other conventional (nomikon)...Nicomach, Eth. V,VII, trích Rackham p. 295.- Joseph Needham, Science and Civilisation in China, Tome 2, p. 520)
- [\[2\]](#) Cicero, reflecting on this, said: "Naturalem legem divinam esse censet (Zeno), eamque vim obtinere recta imperantem prohibentemque contraria." (Cicero khi suy về chuyện này đã nói: (Zeno) cho rằng định luật tự nhiên là định luật trời. Nó cố dạy ta làm lành, lánh dữ). De Natura Deorum, I, 14 trích Brooks, p. 30).- Joseph Needham, ib. p. 534.
- [\[3\]](#) Lex aeterna nihil aliud est quam summa ratio divinae sapientiae secundum quod est directiva omnium actuum et motionum. (Summa, 1 (2). Q.93, art. 1.- Joseph Needham, ib. p. 530.
- [\[4\]](#) Xem LE CORAN, traduction intégrale et notes de Muhammad Hamidullah; Le Club Francais du Livre 1959; Sourate II 187, 197, 221- 242; IV; V 5; XXIV; XXXIII 4- 6, 49; LVIII; LX 10 (và chú thích) và các câu tiếp; LXV v.v...
- [\[5\]](#) Xem các Sourates XXXIII,28- 34, 50- 52 (và chú thích), 55, 59; LXVI.
- [\[6\]](#) Joseph Goodavage, Astrology, the space - age Science, Parker Publishing Company, Inc. West Nyack, New York, 1966, p.38.
- [\[7\]](#) One of the big errors harking back to the days of Roman law is that human life must be patterned on natural laws. Exactly the reverse is often the case. We are born naked, but do we stay that way? From the first day of life the battle begins, a struggle for food, warmth and shelter. We cannot just let go and be natural. Nature is not human. Perhaps it never will be. H.B. Van Wesep, Seven Sages, the Story of American Philosophy, Franklin, Emerson. James, Dewey, Santayana, Peirce, Whitehead; Longmans, Green and Co, New York, London, Toronto,1960, p.159.
- [\[8\]](#) The heart of both religion and science is adherence to a body of law, indeed, the same body of law,

that can be referred to by one as the Word of God, by the other as Natural Law. [Hobart W. Smith, The Biologist. February 1972, p. 24.]

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 7 VẤN ĐỀ THIỆN ÁC

Vấn đề Thiện Ác, thoát mới trông, tưởng là chuyện tầm thường, dễ dàng; nhưng khi tôi bắt tay vào để viết về Thiện, Ác, mới thấy nó hết sức khó khăn, khúc mắc.

Để cho vấn đề được sáng tỏ, tôi sẽ lần lượt bàn về mấy đề mục sau

- 1) Thiện, Ác là gì?
- 2) Các triết gia, các đạo giáo đối với vấn đề Thiện, Ác.
- 3) Cảm nghĩ của tôi về vấn đề Thiện, Ác.

I. THIỆN, ÁC LÀ GÌ?

Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thì Thiện, Ác là hai tiêu chuẩn mà dân gian thường dùng để định giá HÀNH VI của con người.

Nếu hiểu theo nghĩa rộng, thì Thiện, Ác sẽ bao quát mọi chuyện dở hay, phúc họa xảy ra trong vũ trụ, và trong nhân quần.

Người Âu Châu hiểu Thiện là Good và Ác là Evil.

Thiện, Ác hiểu theo nghĩa rộng:

Thiện hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những gì hay, những gì tốt đến với con người. Ta gọi đó là PHÚC. Ví dụ, mưa thuận, gió hòa, ấm no, khoẻ mạnh, thái bình, thịnh trị; công bình, trật tự; an lạc, sáng khoái; hạnh phúc.

Thiện, trong trường hợp này, còn có nghĩa là HAY, là KHÉO, là NGON, là TỐT. Ví dụ ta thấy nói trong tiếng Mỹ: a good measure = một phương pháp hay; a good dinner = một bữa ăn ngon; a good man = một người tốt; a good intention = một ý tốt; a good painter = một thợ vẽ khéo, v.v...

Ác hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những thiên tai, địa họa, như cuồng phong, bão tố; như động đất; như lụt lội; như mất mùa, đói khát; ôn dịch, tật nguyền; như chiến tranh, loạn lạc; như tử biệt, sinh ly; như sầu, như khổ; như trộm cướp; như tham quan, ô lại; ác bá, cường hào; hôn quân, bạo chúa v.v...

Thiện hiểu theo nghĩa hẹp là tất cả những tư tưởng, những hành vi phù hợp với định luật thiên nhiên, định luật trời đất; phù hợp với lẽ luật, với phong tục trong nơi, trong chốn con người ở.

Nói cách khác: Thiện là tất cả những giúp con người tiến hóa, giúp con người thăng hoa, giúp con người nhập thể được với Đại thể vô biên. Nói gần hơn, thấp hơn, Thiện là những gì giúp con người thích ứng được với hoàn cảnh, với ngoại cảnh.

Ác, ngược lại, là tất cả những gì làm cho con người giảm giá trị con người; đưa con người xuống hàng muông thú; là tất cả những gì ngang cung, lạc điệu với các định luật tự nhiên; tất cả những gì làm cho con

người không thích ứng nổi với hoàn cảnh. Các đạo giáo, các chính thể đương quyền coi Ác là những tư tưởng, những hành vi đi ngược lại với giáo quyền, giáo luật; hay luật lệ hiện hành trong nước; không cần biết những luật nhân tạo, qui ước ấy đúng hay là sai. Nói cho bao quát, thì Ác có thể là:

- 1.- Ý muốn xấu; hành động xấu (tội lệ, tội ác).
 - 2.- Tư tưởng xấu (lầm lạc).
 - 3.- Xấu về phương diện nghệ thuật (ngược với đẹp).
 - 4.- Kém hoặc dở, về phương diện tài năng (ngược lại với giỏi, với hay).
 - 5.- Xấu, xét về phương diện đạo giáo (bất kính, phạm thượng).
 - 6.- Thất bại, không thích ứng được với ngoại cảnh; không đạt được điều mong ước.
 - 7.- Những tai họa, những thảm cảnh bất kỳ là về vật chất, hay tâm thần.
 - 8.- Những gì làm hại cho con người, thì gọi là độc, là dữ. Ví dụ: thuốc độc, rắn độc; thú dữ, cạp dữ.
- Như vậy, ta đã có một nhận định khái quát về Thiện Ác.

II. CÁC TRIẾT GIA, CÁC ĐẠO GIÁO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ THIỆN ÁC

Các triết gia Hi Lạp như Socrates, Plato, Aristotle đại khái chủ trương rằng: Thiện (hành vi tốt, lẽ luật tốt, tính nết tốt) là phương tiện giúp con người, và xã hội sống sung sướng, hạnh phúc, trật tự. Như vậy Ác là cái gì có những hậu quả ngược lại. Tôi thấy nhận định như trên quả là đẹp đẽ, và chúng ta từng bước, từng phút, từng giây, có thể kiểm điểm được xem mình đang ăn ở đúng, hay đang ăn ở sai; quốc gia, xã hội đang đi đúng đường, hay đang sai đường.

– **Đạo Bái Hỏa (Zoroastrianism)**, có lẽ là đạo giáo cổ sơ nhất, và đầu tiên nhất đã đặt ra vấn đề Thiện Ác. Đạo này chủ trương: Thượng Thần Ahura Mazda, đấng sáng tạo vũ trụ, toàn năng vô đối thoát kỳ thủy đã tạo ra hai vị thần song sinh, đó là Thần Thiện (Spenta Manyu), và Thần Ác (Angra Manyu). Thần Ác cũng còn được gọi là Satan. Hai vị thần này quyền lực ngang nhau. Tín đồ Bái Hỏa phải đứng về phía Thần Thiện, và phải luôn luôn làm điều thiện. Theo những định luật tự nhiên (Asha) đó là làm lành, và do đó sẽ trở về được với Ahura Mazda. Có một trào lưu tư tưởng khác cho rằng chỉ có hai vị Thượng Thần quyền lực ngang nhau: Đó là Ormazd (tương đương với Spenta Manyu hay Ahura Mazda), và Ahrman (tương đương với Spenta Manyu). Các tín đồ Bái Hỏa cực lực phản đối lối nhìn sau. Bái Hỏa giáo tóm gọn tôn chỉ của họ bằng mấy chữ: “Nghĩ tốt, nói tốt, làm tốt.” Làm trọn ba điều này, con người sẽ bay dẫn về với Thượng đế; y thức như con chim có đôi cánh, mỗi cánh có ba tầng lông, để bay lên muôn dặm không trung.

Bái Hoả giáo dạy không được làm ô nhiễm môi trường sống như: đất, nước, gió, lửa, và đó là đạo giáo đầu tiên dạy phải trọng môi sinh.

– **Công giáo** thì cho rằng sở dĩ vũ trụ này trở nên xấu xa, tồi bại, thống khổ, sầu bi là do tội Adam, Eva.

Thượng đế chỉ sinh ra cái tốt; còn cái xấu là do Satan và chúng quỷ, cũng như là do cái tính bản ác của con người - một di sản của Tổ Tông sa đọa. Thánh Augustine cho rằng sự sống trên trái đất này là một một sự trừng phạt của Chúa đối với tội Adam. Trong quyển Thành trì Chúa, ông thở than: «Ai mà có đủ hùng biện để mô tả từng chi tiết những nỗi thống khổ của con người.» ^[1] Cứ theo quan điểm của giáo chúng hiện thời, thì quyền lực Satan còn quá lớn. Phải đợi tới khi chúa Jesus phục lâm, sẽ điều động binh

trời, đánh nhau với Satan. Và sau những trận long trời lở đất, Satan sẽ bị bắt giam 1000 năm. Tuy nhiên, sau một nghìn năm đó, Satan lại được mãn án tù (kể ra thì đối với một chúa quỷ đại gian, đại ác như vậy, mà chỉ bị giam có ngàn năm, thì quả là quá nhẹ), và sẽ lại gây ra rất nhiều sóng gió. loạn ly mới... (Revelation, 20: 1- 3)

Có một điều lạ là trong Huấn ca (Ecclesiasticus – một quyển sách Thánh mà chỉ Công giáo có; còn Do Thái giáo, và Tin Lành thì lại không có) nơi chương 11, câu 14 ta đọc thấy: «Lành, dữ; sống chết; nghèo giàu, thủy đều do tự Yavê.» Ngoài ra, khi đọc Job (cũng là một quyển thánh thư, nhưng lần này thì là của chung cả ba đạo: Do Thái, Công giáo, Tin Lành), lại mô tả Satan như là một vị thần hiền khô. Sách viết: «Một ngày kia các con cái của Thiên Chúa đến ra mắt Yavê và Satan cũng có mặt giữa họ. Yavê phán hỏi Satan: "Người từ đâu đến?" Satan thưa với Yavê rằng: "Đi lờn vờn và lang thang trên đất..."» (Job, 1:6- 7).

Còn về thế nào là Thiện, thì dĩ nhiên là phải tin Chúa Jesus là Đấng Cứu thế, phải chịu phép Rửa tội và giữ 10 điều răn Chúa, và 6 điều răn Hội Thánh.

Chính vì vậy mà một người giáo hữu dù ăn ngay ở lành đến đâu, mà không đi lễ ngày Chủ Nhật chẳng hạn, cũng là một kẻ tội lỗi.

Ngoài ra người Thiên Chúa giáo còn có niềm tin tuyệt đối rằng chỉ có đạo mình mới là chân lý, nên nghĩ những người theo đạo giáo khác, cho dù là tốt lành mấy đi chăng nữa cũng là kẻ ác đức, và như vậy đáng sa hỏa ngục đời đời. Đức Giám mục Navarette, khi sang giảng đạo bên Trung Hoa, đã tuyên bố: «Vi ngay cả Socrates, Plato, Aristotle, Pliny, Seneca v.v... cũng còn bị xuống hỏa ngục, thì Khổng tử, một kẻ không đáng hôn chân họ, lại thoát hỏa ngục được hay sao?» Giám mục Navarette, trong trường hợp này, cũng đã hỏi ý kiến Bộ Thánh Vụ La Mã, vào khoảng năm 1674, và được trả lời như sau: «Chiếu theo những điều đã nói trên, thời cấm không được nói rằng Khổng tử đã được cứu rỗi.» [2] Nếu đúng như vậy, thực đáng thương cho những bậc thượng trí, thượng nhân trong thiên hạ. Lúc sống thì suốt đời muốn trở nên gương sáng cho muôn đời soi; đến lúc chết, hỏi thăm ra, thì thấy hộp thư và địa chỉ đều ở trong hỏa ngục! Nhưng tôi thì cuộc 1000% là ông Trời không nhỏ nhen như Giám mục Navarette! Có vậy, mới hiểu tại sao các giáo sĩ Công giáo, cũng như các mục sư Tin lành đã tận tụy, đi khắp nơi trên thế giới, để rao giảng Phúc âm, và «cứu rỗi nhân loại».

Có thể những tư tưởng cực đoan này là của thời Trung Cổ, và ngày nay, Giáo hội cũng như giáo dân không còn nghĩ như vậy. Và thay vì câu: «Ngoài Giáo hội, không cứu rỗi», người ta bắt đầu viện dẫn những câu Phúc âm nhân từ hơn như: «Nhà Cha ta có nhiều chỗ ở.» (John, 14:2), và «Ta bảo các ngươi: nhiều kẻ sẽ tự phương Đông, phương Tây mà đến và sẽ được dự tiệc cùng Abraham, Isaac và Jacob trong nước Trời.» (Mat. 8:17), để cho người Tin Lành và các người thuộc các tôn giáo khác cũng được vào Thiên đàng. Đó cũng là một sự nhân nhượng, một sự hi sinh, và một sự từ bi, hỉ xả quá sức lớn lao...

– **Đạo Do Thái**, ngược lại, lại không hề khai thác cái tội tổ tông, và cho rằng Chúa chỉ oán phạt một đời (Ezechiel 18: 1- 3), hay cùng lắm là ba đời (Deuteronomy 5: 9). Và dĩ nhiên là Thiện, Ác sẽ tùy thuộc vào sự giữ, hay không giữ các giáo luật Moses. Giở Leviticus hay Ngũ Kinh (Pentateuch) ra, tôi thấy cấm kỵ kể ra cũng hơi nhiều. Tuy nhiên, vì không phải là tín đồ Do Thái giáo, tôi chẳng việc gì phải nhớ, phải lo cho phiền phức. Tôi cho rằng Chúa Jesus đã tóm lại giới luật Moses bằng mấy chữ «Mến Chúa, Yêu người» kể ra là đã đủ lắm rồi.

Quan niệm về THIÊN ÁC của Hồi Giáo rất giản dị:

– Cái gì mà mọi người đều coi là hay, thì phải làm.

– Cái gì mọi người đều cho là dở, thì phải tránh.

Luật Koran chia làm 5 đề mục để chi phối năm loại hành vi con người.

- a) Cái gì toàn là hay: đó là bốn phận phải giữ.
- b) Cái gì toàn là dở: Đó là điều nghiêm cấm, cần phải tránh.
- c) Cái gì mà hay chiếm ưu thế: khuyên nên làm.
- d) Cái gì mà dở chiếm ưu thế: khuyên nên lánh.
- e) Cái gì nửa hay, nửa dở. Tùy ý định đoạt.

– **Phật giáo** thì cho rằng những sướng khổ ta gặp trên đời đã được qui định do luật nhân quả, hay duyên nghiệp (karma). Và cũng tương tự như Bái Hỏa giáo dạy con người phải có tư tưởng hay, lời nói hay, hành động hay; Phật giáo cũng dạy phải tu THÂN, KHẨU, Ý. Thân, Khẩu, Ý là Tam Nghiệp.

THÂN chính là HÀNH ĐỘNG. Hành động hay là không sát sinh; không trộm cắp; không tà dâm. Trai gái đối xử với nhau phải theo đúng đạo lý.

KHẨU là kiểm soát lời ăn, tiếng nói. Không nói bậy, nói sai. Không ăn nói suông sã, lả lơi. Không nói lời ác khẩu, hại người, khinh người.

Không nói lời hai ý, tráo trở, mập mờ...

Ý là kiểm soát tâm tình, ý chí. ý ngay là không hà tiện, không tham lam.

Ý ngay là không giận dữ; Ý ngay là không có tà kiến, không có tư tưởng sai lầm. Tóm lại Ý NGAY là không THAM, SÂN, SI.

Phật giáo đã tóm lại giáo luật mình như sau:

Chư ác mạc tác,
Chư thiện phụng hành.
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.

Dịch:

Không làm điều ác đã đành,
Bao nhiêu điều thiện, thi hành miên man,
Giữ cho thần trí thanh quang,
Xưa nay chư Phật dạy làm bấy nhiêu.

Chân Như là Thực tướng của Vũ Trụ, là Lý của vũ trụ. Thuận Lý đó là Thiện. Nghịch Lý đó là Ác.

Phật giáo có Tam Bảo:

- Nhìn nhận ra được Bản thể của vũ trụ là Phật bảo.
- Nhận định ra được Hiện tướng của Vũ trụ là Pháp bảo.
- Biết khai thác cái Diệu dụng của vũ trụ là Tăng bảo.

Như vậy qui y Tam Bảo là Sống Thuận theo các Định Luật của Vũ Trụ, của Thiên Nhiên.

Quan điểm của Phật giáo về vấn đề Thiện, Ác mà tôi vừa trình bày trên, thực ra không phải là ý riêng của tôi, mà chính là của Linh mục dòng Tên, Léon Wieger đưa ra, sau khi đã tham cứu sâu xa về Phật giáo. Tóm lại, Thiện đối với Phật giáo, cũng là đi tìm những định luật đất trời để mà theo, mà giữ. Phật giáo

gọi đó là Dharma.

Nhưng công bằng mà nói thì Phật giáo cũng rất bi quan, thấy đâu đâu cũng chỉ là «Bến mê, Bể khổ», coi con người lúc nào cũng như bị «mũi tên độc» của Sinh, Lão, Bệnh, Tử cắm vào người. Riêng tôi, vì không phải là Phật tử, nên tôi lại ưa cái phong thái «tiêu diêu» của Trang tử hơn; tôi lại mơ ước một ngày xa xăm nào đó trần hoàn sẽ thành tiên cảnh. Tư tưởng này càng ngày càng ám ảnh tôi, nhất là những khi ăn uống thoải mái rồi, ra công viên Mỹ, ngồi chơi với những con vịt, con chim, con ngan, con ngỗng, và chia sẻ cuộc sống vô tư, thanh thản của chúng...

– Bà La Môn, vì coi thế giới hữu hình là hư ảo, mộng huyễn (maya), là mê vọng (avidya), là luân hồi, khổ ải (samsara), và chỉ có Đại Ngã duy nhất mới là Chân thực, mới là hạnh phúc vĩnh cửu, trường tồn, nên chỉ đặt nặng vấn đề siêu thoát tâm linh. Những tư tưởng này thực ra cũng đã truyền sang đạo Phật. Nhưng Bà La Môn thì nhấn mạnh đến cái Huyền, cái Vọng, còn Phật giáo thì nhấn mạnh đến khía cạnh «khổ đau» của cuộc phù sinh...

Nhưng cái nhìn thượng thừa này, tuy là rất đúng, đối với những người đã lên tới Thiên đình, đã vào tới Trung cung, Trung đạo, đối với những người đã «đặt Chân, chứng Thánh», nhưng không thể nào đem áp dụng vào quần chúng một cách vô tội vạ được. Họ rất dễ trở thành những người yếm thế, rất dễ tung hê những chuyện trần hoàn.

Bà La Môn dạy phải tìm những định luật vĩnh cửu mà theo, mà giữ. Họ gọi đó là Dharma, hay Rita.

– Lão giáo không đặt vấn đề tại sao có Thiện, tại sao có Ác. Chương hai Đạo Đức Kinh rằng: Thiện, Ác chỉ là hai phương diện của một cuộc đời. Ở trong thế giới tương đối này, hễ đã có Thiện thì phải có Ác, có Đẹp thì phải có Xấu, có Cao thì phải có Thấp, có Dễ thì phải có Khó.

Chương 2, Đạo đức kinh viết

Người đời thấy Đẹp biết khen,
Thế là cái XẤU đã chen vào rồi.
ĐIỀU HAY đã rõ khúc nhôi,
Thời đà DANG DỜ, LÔI THÔI sinh dần.
Mới hay: KHÔNG, CÓ chuyển vần,
Dễ sinh ra KHÓ; VẮN nhân thành DÀI,
THẤP, CAO, tùy ngó ngược xuôi,
Tiếng ca TRẦM, BỔNG, dòng đời TRƯỚC SAU...

Trang tử cho rằng: tất cả những gì THIÊN NHIÊN là hay, là đẹp; tất cả những gì NHÂN TẠO là họa với hại.

Trong thiên Mã đề, Nam Hoa kinh, Trang tử đại khái đã viết:

«Kìa thiên hạ ung dung tự tại,
Sống đơn sơ, vui với muông chim,
Sống đời thuần phác, tự nhiên,
Thung dung, cùng Đạo một niềm sắt son,
Vì đâu đã mỗi mòn, nhón nhác?
Vì đâu nên tan tác, phân ly?
Bầy ra nhân nghĩa mà chi,
Để cho thiên hạ suy vi, tằn phiền.

Gỗ không nát, sao nên được chén?
 Ngọc không tan, sao vẹn chương khuê?
 Đạo tan, Đức nát, ê chề,
 Mới bày ra được những bề nghĩa nhân.
 Loạn năm sắc, mới văn, mới vẽ,
 Rối thanh âm, bày vẽ đàn ca.
 Ai làm đạo đức xác xơ,
 Lập ra nhân nghĩa vắn vơ hại đời?
 Lập nghi lễ, hình hài trói buộc,
 Lập nghĩa nhân, bày chước ủi an,
 Lòng người vì thế ly tan,
 Khôn ngoan càng lắm, gian ngoan càng nhiều...»

Luận điệu này cũng được Trang tử lập đi, lập lại trong các chương Biện mẫu, Khư khiếp của Nam Hoa kinh.

Lão tử cũng chủ trương không can thiệp tích cực vào đời sống nhân dân, chỉ tránh cho dân những điều quá lạm, cực đoan.

Đạo Đức Kinh, chương 29, viết:

Những muốn nặn, muốn nhào thiên hạ,
 Suy cho cùng chẳng khá được nào.
 Lòng người nghệ phẩm tối cao,
 Ai cho ta nặn, ta nhào tự do?
 Ngao ngán kẻ mưu đồ như vậy,
 Chẳng chóng chày, hủy hoại lòng người!
 Lòng người ai nắm giữ hoài,
 Già tay nắm bóp, bao đời tiêu ma.
 Người trần thế (muôn hoa đua nở),
 Có nhanh chân cũng có chậm chân,
 Người nóng nảy, kẻ lùn chần,
 Người in gang thép, kẻ thuần đào tơ,
 Người kiên cường, kẻ như cánh bướm,
 Nên thánh hiền sùng thượng chữ khoan,
 Chỉ ngăn quá lạm, cực đoan,
 Quá giàu, quá chướng, quá ham tiền tài. [3]

Lão tử đã tiên đoán được những tai họa mà các người làm chính trị sau này sẽ gây nên: Trong đời Staline, tối thiểu đã bắt giam 7 triệu người, và giết tối thiểu 1 triệu người; Hitler đã thiêu sinh 6 triệu dân Do Thái; Mao Trạch Đông đã sát hại nhiều triệu dân; Khmer Đỏ đã giết hàng triệu dân Cao Mên, v.v...

Như vậy, Lão-Trang đã cho chúng ta thấy một điều hết sức quan trọng là chính những bậc trưởng thượng trong xã hội, những bậc lãnh đạo xã hội bất kỳ là thần quyền hay thế quyền lại là những người mang tai, mang họa, mang khổ, mang đau lại cho con người; chứ không phải là thần thánh nào, quỷ ma

nào. Nhưng suy cho cùng, thì chính ta phải tự trách mình ta: sao người ta đưa thông lọng vào cổ mình, mình lại vui vẻ chui vào? Khổng giáo đối với vấn đề Thiện Ác, cũng hết sức quan tâm. Tuy nhiên Khổng giáo chỉ lấy hai lực Âm Dương để cắt nghĩa Thiện, Ác, chứ không dắt díu Thần hay Quỷ vào trong vấn đề này. Khổng, Mạnh lại chủ trương: Nhân chi sơ, tính bản thiện, nên cũng không cho rằng con người sinh ra đời, phải làm ác, vì chuyện này đã «Tiết nhiên định phận tại thiên thư»; nhưng cái Ác đã sinh là vì con người đã không theo Lễ (không theo ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN), vì con người còn u mê, lầm lạc. Chữ TỘI 罪 trong Hán văn gồm hai phần: trên là bộ VĨNG 罌 là Lưới; dưới có chữ PHI 非 là Sai Lầm. Chữ LỖI 磊 gồm ba chữ THẠCH 石 là Đá. Cho nên tội lỗi chính đã gây nên vì lầm lạc, vì chính con người đã vác đá ngăn đường mình mà thôi.



Khổng giáo cũng dạy phải sống theo đúng ĐỊNH LUẬT TỰ NHIÊN mà họ gọi là LỄ 禮, còn những ĐỊNH LUẬT NHÂN TẠO mà họ gọi là LUẬT 律, thì có lúc phải bỏ. Có vậy, mới hiểu được những câu trong Luận Ngữ như: «Khắc kỷ phục lễ vi nhân» 克己復禮為仁, hay «phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.» 非禮勿視, 非禮勿聽, 非禮勿言, 非禮勿動 (Luận Ngữ, XII, 1). Quẻ Lý, trong kinh Dịch dạy con người phải đi tìm những Định Luật Vĩnh Cửu mà theo, mà giữ. Tiếc thay sau này, mọi người thường hiểu LỄ là LỄ NGHĨ hay LỄ PHÉP.

Âu Châu cả về phía triết học, cả về phía đạo giáo đã lý luận rất là dài dòng, rất rắc rối về vấn đề THIÊN, ÁC.

Nguyên triết gia cũng phải kể ra mấy chục người, và ý kiến thì thường cũng chẳng ai là giống ai. Ta cố lập ra đây một bảng tóm tắt.

– Socrates, Plato, và Aristotle:

Truyền thống, tín ngưỡng dân gian chưa đủ để đoán định về Thiện Ác; còn phải vận dụng lý trí nữa.

Thiện là những gì đem lại yên vui cho cá nhân cũng như cho xã hội.

Trung dung, Trung đạo là tốt (doctrine of the Mean của Aristotle) (không thái quá; không bất cập).

– Aristippus ở Cyrene:

Điều hay là cái gì đem lại niềm vui sướng. Người sau gọi môn phái này là môn phái chủ trương khoái lạc (Hedonism hay Cyrenaic School)

– Epicurus (341- 270 B.C.):

Điều hay đem lại sự sáng khoái (ataraxia) cho con người.

– Phái đá kích nền luân lý nhân tạo (Cynism) do Antisthenes chủ xướng, và Diogenes đại diện:

Chủ trương sống đúng theo thiên nhiên, rũ bỏ mọi qui ước xã hội.

Chủ trương của phái này cũng giống như chủ trương của Trúc lâm thất hiền (Kê Khang, Nguyễn Tịch, Tử Hàm, Sơn Đào, Hưởng Tú, Vương Nhung, Lưu Linh) đời Tam quốc.

– **Phái Khắc kỷ (Stoicism) (Zeno, Cleanthes, Chrysippus, Seneca, Epictetus, Marcus Aurelius, Cicero):**

Con người phải theo những định luật tự nhiên, định luật nhân sinh.

Con người phải thương yêu mọi người vì tứ hải đều là anh em.

– **Plotinus (204-270) và Porphyry (khoảng 223- 300) thuộc phái Tân Bá Lạp Đồ (Neoplatonism):**

Rời xa Chân thể (Nhất tiến ra Vạn) là xấu.

Về với Chân thể (Vạn qui Nhất) là tốt.

Ác không có thực thể.

Thoát ly hình tướng, vật chất, sống kết hợp với Đạo với Nhất là tốt.

– **Augustine (354- 430):**

Lý trí không đủ để đoán định Thiện Ác. Phải nhờ đến Đức Tin.

Những sự khổ đau trên gian trần này là những hình phạt để phạt tội tổ tông.

Không phải chuyện làm cho mình, cho người sung sướng là nhân đức – như kiểu Socrates, Plato – mà nhân đức là sự vâng theo ý Chúa.

Con người có khuynh hướng làm ác.

Không tin Phúc âm là Ác, là tội lỗi.

– **Thomas Aquinas (c.1225–1274):**

Có hai loại nhân đức: nhân đức gian trần, như khôn ngoan, công bằng, can đảm, tiết độ v.v... và nhân đức siêu nhiên (Tin, Cậy, Mến). Có hai loại hạnh phúc: trần hoàn và vĩnh cửu.

Nhân đức trần hoàn sẽ làm cho con người có hạnh phúc gian trần. Còn nhân đức siêu nhiên sẽ đem lại cho con người hạnh phúc siêu nhiên, vĩnh cửu. Luật Chúa truyền ghi trong Kinh thánh; Luật thiên nhiên ghi tạc trong bản thể con người và dùng lý trí có thể tìm ra.

Giáo Hội, Thánh kinh và Khoa học sẽ bắt tay nhau đi tìm các định luật nói trên.

Khi bất đồng ý kiến, thì chắc là khoa học sai, vì Giáo hội không sai nhầm được.

Ta thấy tư tưởng của thánh Thomas Aquinas cởi mở hơn thánh Augustine, nhưng vẫn có điều chủ quan. Từ Galileo (1564–1641) cho đến nay, mỗi khi có xung đột giữa khoa học và Giáo hội, thì thường khoa học thắng.

– **Hobbes (1588–1679):**

Những định luật chi phối hành vi con người không thể tìm thấy ngoài vũ trụ, trong Thánh kinh, mà phải tìm thấy nơi cơ cấu con người.

Chủ trương: «Thủ thân, bảo thân (self- preservation) vi đại.»

Cái gì con người ước muốn, con người yêu thích là điều hay.

Muốn biết thế nào là hay, là dở phải dựa vào các định luật tâm lý, sinh lý, chứ không phải dựa vào giáo quyền, vào tập tục, truyền thống.

– **Richard Cumberland:**

Điều hay là cái gì đem lại lợi ích chung.

– **Spinoza (1632–1677):**

Điều hay là những điều hợp với định luật nhân sinh, như định luật bảo vệ sinh mạng, định luật pháp huy khả năng. Spinoza còn chủ trương sống theo Lương tâm.

– Locke (1632–1704):

Cái gì làm cho con người thêm sướng, bớt khổ là điều hay.

– Hume (1711–1776):

Điều hay là cái gì làm cho mọi người được ích lợi, được thoải mái.

Nhóm Bách Khoa Tự Điển Pháp (Encyclopedists) như Voltaire (1694–1778), Diderot (1713–178), Jean Jacques Rousseau (1712–1778), Montesquieu (1689–1755):

Một xã hội lý tưởng là một xã hội trong đó con người có quyền đi tìm hạnh phúc của mình mà không bị ai ngăn cản.

Học phái này chống lại những tể đoan, những phi lý của giáo quyền, và chính quyền đương thời.

– Kant (1724–1804):

Sống đúng theo định luật thiên nhiên, phổ quát, vĩnh cửu.

Hành động sao cho nên gương mẫu cho đời.

– Học phái chủ Lợi ích (Utilitarianism) (Bentham (1773–1832) James Mill (1773–1836, Stuart Mill (180–1873):

Khoái lạc và đau khổ là hai quân sư tối cao. Chúng sẽ ấn định ta phải làm gì, không làm gì.

Khoái lạc ở đây không nhất thiết là khoái lạc thể chất, nhưng còn bao gồm mọi thứ khoái lạc lý trí, tâm thần.

– Fichte (1762–1814):

Con người sinh ra là để thực hiện Thiên ý. Thiên ý đây phải được hiểu như là ý của Tuyệt đối thể, mà mỗi một con người đều mang trong mình, mà mỗi con người đều là hiện thân nhất thời, tạm bợ. Như vậy cá nhân «hay» là khi cá nhân tiến về hoàn thiện; quốc gia «hay» là khi quốc gia có tổ chức hoàn hảo.

– Hegel (1770–1831):

Tuyệt đối thể thực thi, thể hiện mình bằng những giá trị cao đẹp, bằng những định luật luân lý, bằng những luật pháp. Lịch sử thế giới chính là thực thi sự công chính ("World history is world justice").

– Marx (1818–1883), Engels (1820–1895):

Tiêu chuẩn luân lý chẳng qua là những cung cách để bảo vệ quyền lợi của giai cấp đương quyền.

Làm cách mạng cốt là để thực hiện một xã hội không giai cấp, trong đó, sự phát triển tự do của mỗi một người là điều kiện để cho mọi người được phát triển tự do; một xã hội không còn cần đến sự kiềm chế bên trong của lương tâm, và sự khống chế bên ngoài của luật pháp và của hình phạt...

Trên thực tế, giấc mơ hoa này đã biến thành cơn ác mộng; và xin phỏng vấn những người vượt biển qua ngả Thái Lan!

Phác họa trên đây về tư tưởng các triết gia chỉ là một sự trình bày hết sức sơ lược, hết sức khái quát. Quý vị nào không thỏa mãn, xin tra cứu thêm. Nhiệm vụ của tôi chẳng qua là gợi ý.

Về VẤN ĐỀ ÁC, các triết gia đã đưa ra 3 định đề:

1) Thượng đế toàn năng.

2) Thượng đế toàn thiện.

3) Dữ kiện ÁC là có thật.

Và họ cho rằng ba vấn đề này không thể nào cùng xảy ra được.

Cho nên có người thì cho là không có ÁC. ÁC là cái gì tiêu cực, giả tạo. Đó là lập trường của phái Vedanta trong Ấn Độ giáo, của giáo phái Christian Science, và của phái Khắc kỷ (Stoicism).

Triết gia Mỹ, William James cho rằng Thiên Chúa tuy toàn thiện nhưng không toàn năng; Leibniz cho rằng Chúa chỉ làm được những gì hợp lý, cho nên có ÁC là chuyện dĩ nhiên trong cái thế giới đẹp đẽ nhất này.

Có triết gia lại luận rằng: Thế giới này có ÁC, Thượng đế tuy có thể diệt ÁC được, nhưng đã không làm; vì thế Ngài đã không toàn thiện. [\[4\]](#)

III. CẢM NGHĨ CỦA TÔI VỀ VẤN ĐỀ THIỆN, ÁC

Theo tôi, THIỆN là tất cả những ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN, VĨNH CỬU con người cần tìm cho ra để mà theo, mà giữ. Những Định Luật ấy, đã được ghi tạc sẵn trong lòng sâu con người, và vạn hữu. ÁC còn, khi nào con người còn u mê, không chịu tìm cho ra những định luật trên mà theo, mà giữ. Như vậy, theo đà thời gian, ÁC ngày càng giảm thiểu.

Một trong những định luật mà người ÂU CHÂU vừa mới tìm ra là tôn trọng MÔI SINH (Environment), và bảo vệ Sinh vật. Theo được vậy, con người mới sống sung sướng, hạnh phúc.

Những nhận định trên tóm lược lại quan điểm của các đạo giáo Á ĐÔNG, và nhiều danh nhân trên thế giới.

Tôi không có chối cãi rằng thế giới này vừa có thiện, lại vừa có ác.

Nhưng tôi không tin rằng Chúa hay ma quỷ lại có thể dúng tay vào công việc báo thù con người, hủ hóa con người, đem ác độc rắc reo xuống gian trần. Mỗi khi ai rằng Chúa đã phạt nhân loại thế này, thế nọ, thì chẳng qua là đã «lấy lòng phạm tục, thiếu cận, để đo lòng Trời bao la, vô hạn».

Những thiên tai, địa họa chỉ là những hiện tượng thiên nhiên xảy ra theo những định luật cố định mà thôi. Ví dụ như vấn đề Động đất. Ngày nay người ta bắt đầu nhìn nhận: Động đất xảy ra là do hậu quả từ trường, từ lực giữa các hành tinh và trái đất.

1.- Lúc ấy, mặt trời, mặt trăng thường ở Thiên đỉnh (Zenith), hay Thiên tuyến (Nadir), hoặc lúc mặt trăng gần trái đất nhất (perigee), hay là khi mặt trời ở vào các ngày Đông chí, Hạ chí.

2.- Khi ấy, những hành tinh lớn như Uranus, Jupiter hay Saturn hay Neptune đồng cung (conjunction) hay đối đỉnh (opposition)

3.- Hay là khi các hành tinh hội tụ vào một cung.

Năm 1953, Tiến sĩ Rudolf Tomascheck, một nhà địa chất vật lý học ở Đại Học Munich, đã cho biết rằng trong 154 trận động đất mà ông khảo cứu, thì hầu như là thấy hành tinh Uranus ở gần đỉnh đầu nơi địa họa xảy ra. Trong các trận động đất ở San Francisco (1906), ở Yokohama- Tokyo năm 1923, ở Assam (1950) thường là có Uranus chênh vênh gần thiên đỉnh, và Neptune đối đỉnh.

Ngày 31/8/ 1932 có nhật thực ở vùng Los Angeles. Mặt trời, mặt trăng, Neptune, Jupiter hội tụ đồng 1 cung trời. Giáo sư George J. McCormack, thuộc Văn phòng Thời Tiết tại Los Angeles tiên đoán sắp có động đất. Ông cho rằng các tinh tú trên mới tạo nên «Một bầu không khí căng thẳng»; còn cần một hành

ting nhỏ xông vào «quấy rối gia cang» nữa mới gây tai họa. Đến quấy rối gia cang sẽ là sao Hỏa ting và nó sẽ tiến vào cung trời trên, khoảng từ 8 đến 12 tháng 3, 1933. Với những dữ kiện trên, ông liền đăng vào báo Astro- Weather Guide, và tiên đoán sẽ động đất trong vùng Los Angeles vào khoảng ngày 10/3/1933.

5 giờ 54 chiều mồng 10 March 1933, Mars lọt vào khu vực mà trước đây đã có nhật thực, lúc ấy mặt trăng lại cách Mars có 2 độ, và Long Beach đã bị động đất như tiên đoán; chết 115 người, và tổn thất 50 triệu dollars.

Ông Walter Gom Old cho rằng khi Uranus, Mars và Neptune đồng cung hay đối đỉnh, thường hay có động đất.

Ông John J. O'Neil cho rằng ngày rằm, ngày đầu tháng (mặt trời, mặt trăng đồng cung, hay đối đỉnh); ngày Đông chí (21 December), ngày Hạ Chí 21 June, thường cũng hay có liên quan đến các vụ động đất. Vùng Sierra hay động đất vào đầu tháng; vùng San Andreas hay động đất vào giữa tháng.

Riêng tôi sau khi đối chiếu âm lịch, Dương lịch của hơn 20 vụ động đất lớn, tôi thấy: Động đất vào đầu tháng hay cuối tháng nhiều hơn là động đất vào giữa tháng. Và ngày xê xích như sau: Mồng 1 + 6; 15 + 6.

Tháng 7, 1963, tiến sĩ F.F. Evison tuyên bố đã tìm ra được lý do động đất. Theo ông thì, do sức hấp dẫn từ trường của các hành tinh như Uranus, Neptune, Saturn, Jupiter nói trên, các tinh thể khoáng thạch trong vỏ trái đất như thạch anh (quartz), thạch mặc (graphite), kim cương (diamond), đá mã não (agate), ngọc thạch lưu (garnet) sẽ co, hoặc giãn. Và sự co, hoặc giãn đó, nếu xảy ra trong một vùng lớn, sẽ sinh động đất [5]

Nói như vậy thì động đất là do những nguyên nhân tự nhiên, mà sau này càng ngày người ta sẽ càng tìm ra được. Mỗi khi hội đủ các căn do trên, sẽ lại có động đất, dẫu thần thánh cũng không ngăn nổi.

Nếu đúng như vậy, thì tuy không ngăn được động đất, sau này con người sẽ đoán được là sẽ động đất ở đâu. Từ sau 1960, đã có những chuyên viên khảo về duyên cớ động đất. Và càng ngày người ta càng nghĩ ra được cách làm nhà, để dẫu động đất cũng không đến nỗi bị tổn hại lớn. Các chính phủ Nhật và Mỹ đều có những qui định về cách thức xây cất nhà cửa chống động đất.

Trên đây, tôi chỉ mới viện dẫn câu chuyện động đất, và cho rằng những hiện tượng thiên nhiên ấy không thể nào có thể khác hơn được. Và con người đừng nên làm phiền thần minh, và quắc thần minh vào những chuyện tai bay, vạ gió gian trần.

Những chuyện lụt lội, phong ba, bão táp, những chuyện núi lửa phun, từ khai thiên, lập địa đến nay, đều đã xảy ra mà không hề có ác ý.

Đáng thương thay là cái con người, lúc sống thì bị đe dọa trời phạt lúc sống; lúc chết, thì bị đe dọa trời phạt lúc chết. Rồi lại được dạy dỗ phải cúi đầu, cúi cổ chịu đựng mọi sự bất công, mọi sự khổ đau nơi gian trần, mà vẫn phải mỉm miệng cười!

Chúng ta phải là những kẻ không hèn! Chúng ta phải chấp nhận mọi chéch mác dở dang đã và đang xảy đến cho con người, như là những thử thách mà chúng ta cần lướt thắng. Chúng ta còn đói khổ ư? Chúng ta sẽ sáng tạo; chúng ta sẽ chế ra thêm máy móc; chúng ta sẽ chế ra thêm phân bón; chúng ta sẽ cải tiến kỹ thuật trồng tĩa; chúng ta sẽ cải tiến mậu dịch, cải tiến phương tiện vận chuyển, giao thông. Rồi ra thế giới chúng ta sẽ được no ấm.

Chúng ta còn bị bệnh tật đe dọa ư? Chúng ta sẽ cố giữ vệ sinh, sẽ cố sống mực thước, điều độ; sẽ cố tìm ra nguyên nhân, và phương thức để chữa các bệnh tật. Chúng ta đã tận diệt được bệnh đậu mùa; chúng ta đã chặn đứng được bệnh phong cùi; chúng ta đã chữa được bệnh lao; chúng ta đã thay được tim,

được thận, được gan; chúng ta đã nối được thần kinh, nối được mạch máu; chúng ta đã dùng được siêu âm để rung tan các sạn trong mật, trong thận; chúng ta đã dùng tia Laser để hàn được võng mạc bị long. Như vậy thì trong một tương lai gần gũi, chúng ta sẽ chữa được bệnh AIDS; chúng ta sẽ chữa được các bệnh điên loạn; chúng ta sẽ chữa được bệnh ung thư. Chúng ta chỉ việc đổi tầm nhìn, lối nghĩ, đổi thái độ, đổi lề lối làm việc, đổi cách thức tổ chức đời sống; đổi cách tiếp nhân, xử thế, là chúng ta sẽ sung sướng hơn!

Chúng ta hãy giơ tay huynh đệ bắt tay với mọi người. Chúng ta hãy cố đối đãi với nhau cho thành khẩn, cho kính trọng, cho thân yêu. Hãy đem tình thương mà sưởi ấm nhân quần và hoàn vũ.

Chúng ta có thể sửa sang lại cái xã hội loài người của chúng ta cho ngày một thêm đẹp đẽ. Sang được nước Mỹ này, thở được bầu không khí tự do; hưởng được một chế độ dân chủ thực sự; hưởng được một tổ chức xã hội hầu như là bậc nhất hoàn cầu; sống trong một môi trường tự do và thái thịnh thật sự, ta dần dần mới thấy thương những người Ethiopia đói khát; mới thấy thương những dân Iran- Irac vẫn loạn ly; thương người dân Việt sống lắt lay cơ cực, lầy vượt biên làm lý tưởng cuộc đời! Và dần dần mới thấy rằng tất cả những sầu não, những khổ đau, những tang tóc, những chinh chiến đều là nhân tạo cả.

Chúng ta hãy lạc quan lên! Hãy coi tất cả những gì còn dở dang, lạc hậu như là những sự thách đố đối với con tim khối óc của chúng ta.

Chúng ta đừng nên coi vũ trụ này, xã hội này như là cái gì toàn vẹn từ xưa kia, mà nay vì lỗi lầm của tông tổ, đã trở nên hoang tàn, đổ nát. Không! Thế giới và con người chúng ta thực ra đã không được tạo nên toàn vẹn ngay; nhưng thực ra thế giới này và con người chúng ta đã được tạo ra với những khả năng, những tiềm năng, tiềm lực còn đầy ắp. Vũ trụ, và con người đã được tạo dựng nên, để mà phát triển, để mà tiến hóa! Chúng ta hãy đem mồ hôi, nước mắt chúng ta, tâm thần trí não chúng ta để mà khai thác cái kho tàng trời đất vô biên đó. Chúng ta được sinh ra ở cõi đời này, không phải là để van vái thần minh, nơm nớp sợ hãi thần minh, mà thực ra chúng ta là những người sinh ra để tham tán, tài thành công trình đại tạo của đất trời.

Đúng như cụ Trần Cao Vân đã nói:

«Ta và trời đất ba ngôi sánh,
Trời đất in ta một chữ đồng...»

Chúng ta phải cải tạo xã hội. Chúng ta phải cải tạo con người. Chương trình cải tạo xã hội của chúng ta sẽ như sau:

Mỗi xã hội đều cần phải có:

- Một hệ thống điều khiển, chỉ huy.
- Một hệ thống giao thông tiếp vận.
- Một hệ thống sản xuất.
- Một hệ thống phân phát.
- Một hệ thống phòng thủ.
- Một hệ thống thay thế nhân sự.
- Một hệ thống kiểm soát.

Quyền lực quốc gia không bao giờ được để nằm trong tay một người, một đảng; không bao giờ được để cho một đạo giáo nào độc tôn, độc diễn. Dĩ vãng đã cho thấy rằng quyền bính một khi đã được tập trung vào trong tay một người, dù là chính quyền, dù là giáo quyền cũng đã gây nên những điều đại họa

cho nhân quần.

Chúng ta đừng nên ăn bánh vẽ. Chúng ta sẽ không bao giờ tin vào những lời hứa suông mà chúng ta không có cách nào kiểm soát. Dù là trên bình diện nào, nếu chúng ta thấy không được sung sướng, không được thoải mái, không được hạnh phúc về phương diện cá nhân; nếu chúng ta thấy mất sự thương hòa, hạ mực, sự đoàn kết, sự đầm ấm, về phương diện gia đình, hay quốc gia hay xã hội, lập tức ta phải nhận ra rằng đã có những duyên do gì chẳng hay, chẳng phải đang ám ảnh chúng ta. Trong tương lai, con người phải nhận định rằng bất kỳ đoàn thể nào, dù là đảng phái, dù là chính trị, dù là đạo giáo, cũng chỉ là những môi trường, những phương tiện giúp chúng ta sống hạnh phúc, vui tươi; giúp chúng ta tiến bộ. Như vậy tất cả những gì trói trằng chúng ta, tất cả những gì làm chúng ta sầu, chúng ta khổ, chúng ta đau, chúng ta buồn, chúng ta phải quẳng ngay nó đi, vì đó là họa, là hại cho chúng ta. Đời trần gian hỏi chúng ta sống được bao lâu, mà lại còn mua sầu, chuốc thảm vào thân! Nếu chúng ta đánh mất tự tin, nếu chúng ta không đích thân lo cho chúng ta hạnh phúc, thì ai nào sẽ đem lại hạnh phúc cho chúng ta?

Đối với con người, chúng ta cần ngần này chuyện:

- Chúng ta cần tình thương,
- Chúng ta cần được người khác trọng kính,
- Chúng ta cần tự trọng,
- Chúng ta cần có quyền uy, có năng lực, có sức mạnh.

Dù chúng ta gọi đó là hùng tâm dũng chí, hay là sức mạnh tinh thần, hay là thể lực, thần lực, Tất cả chỉ cốt là nói lên được khả năng chúng ta sử dụng được ngoại cảnh, tha nhân, và hoàn vũ; đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của chúng ta; thỏa mãn được những nguyện vọng chính đáng của chúng ta. Mà nguyện vọng chính đáng của con người là gì, nếu không phải là thích ứng được với hoàn cảnh, và tiến hóa mãi trên con đường lý tưởng, con đường Chân, Thiện, Mỹ?

- Chúng ta cần có của cải vật chất.
- Chúng ta cần tài khéo về chân tay, cần thông minh linh lợi.
- Chúng ta cần mở mang trí tuệ.
- Chúng ta cần truyền dòng giống
- Chúng ta cần thỏa mãn nhu cầu thường thức nghệ thuật; thưởng thức những cái hay, cái đẹp của thiên nhiên, của nội giới.
- Chúng ta cần có được những cơ hội thuận tiện để phát huy các khả năng sáng tạo của chúng ta.
- Chúng ta cần sự an lạc tâm hồn.
- Chúng ta cần sự giải thoát tối hậu

Nói cách khác:

- Chúng ta cần phải có một đời sống vật chất khả quan.
- Chúng ta cần phải có một đời sống tâm hồn khả quan.
- Chúng ta cần phải có một đời sống tâm linh khả quan.
- Chúng ta phải biết cách LÀM ĂN, phải biết đóng góp vào các công chuyện xây dựng, ngoại cảnh, xây dựng tổ quốc, xây dựng giang sơn.
- Chúng ta phải biết cách LÀM NGƯỜI, phải biết cùng đồng loại sống thực sự trong tình huynh

đệ.

– Cuối cùng, chúng ta phải biết LÀM THẦN, THÁNH, theo chân nổi gót được các bậc CHÂN NHÂN trong dĩ vãng, cũng như trong hiện tại.

Trời đất đã cho chúng ta những bảo bối để đưa đường chỉ lối cho chúng ta trên con đường CHÂN, THIỀN, MỸ.

Đó là sống theo đúng đồng hồ thời gian, tuổi tác của mỗi người chúng ta. Hưởng những thú vui Trời dành cho mỗi tuổi tác; làm những phận sự Trời dành cho mỗi tuổi tác.

Cái gì chúng ta thích, cái gì chúng ta khát khao thèm muốn, đó là những cái mà cơ thể chúng ta, tâm tư chúng ta cần lúc bấy giờ.

Cái gì làm cho chúng ta nhàm chán, là những gì không thích hợp cho chúng ta nữa.

Cái gì làm cho chúng ta vui sướng, sướng khoái, hồn nhiên, làm tăng giá trị chúng ta, đó là những cái thích hợp cho chúng ta. Những cái gì làm cho chúng ta khổ đau, sầu não, đó là những cái dở, chúng ta cần phải tránh.

Dịch kinh cho chúng ta những tiêu chuẩn như sau để chúng ta biết thế nào là hành động hay, thế nào là hành động dở.

– NGUYỄN: Việc chúng ta làm có tốt lành không?

– HANH: Việc chúng ta làm có được hanh thông không, hay sẽ đưa ta vào thế kẹt?

– LỢI: Việc chúng ta làm có ích lợi cho ta, cho người hay không.

– TRINH: Việc chúng ta làm có theo đúng chính lý, chính đạo không?

– CÁT: Việc chúng ta làm có hay không ? (hay nếu đem lại những giá trị tích cực)

– HUNG: Việc chúng ta làm có dở không? (dở là đem lại những kết quả tiêu cực)

– HỐI: Việc chúng ta làm có trái với lương tâm không, có làm cho chúng ta phải hối hận không?

– LẬ: Việc chúng ta làm, xã hội có chê trách không, có làm cho chúng ta xấu hổ không?

– LỆ: Việc chúng ta làm, có gì nguy hiểm cho chúng ta không?

– VÔ CỬU: Việc chúng ta làm tuy không phải là hay, nhưng cũng không phải là dở, sẽ không bị người đời chê trách, bắt bẻ...

Chúng ta có thể đem quan niệm Âm Dương của Dịch để soi sáng cho vấn đề Thiện Ác. Nhân đó chúng ta sẽ thấy cái nhìn của Dịch kinh khác biệt với cái nhìn của Siêu hình học Âu Châu.

Dịch phân biệt Âm Dương, nhưng không phân biệt một cách ráo riết, triệt để; ngược lại vẫn chủ trương Âm sinh Dương, Dương sinh Âm; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm.

Siêu hình học Âu Châu đã phân biệt, thời lại phân biệt một cách triệt để, rút khoát. Đối với Siêu hình học Âu Châu, thời Thiện là Thiện, Ác là Ác; tinh thần là tinh thần, vật chất là vật chất; đôi đàng hoàn toàn đối đỉnh nhau, hoàn toàn mâu thuẫn nhau.

Trong khi Dịch kinh chủ trương trong Âm có Dương, trong Dương có Âm; Họa sinh Phúc, Phúc sinh Họa, thì Siêu Hình Học Âu Châu, vì dựa trên nguyên lý đồng nhất (Principle of Identity), không chấp nhận rằng A vừa là A lại vừa có thể là B. Nói cách khác, các sự vật, các hiện tượng chỉ có thể chuyển dịch, tăng giảm, chứ không sao biến thể được. Như vậy vũ trụ này sẽ không thể biến hóa vô cùng; mà chỉ là sự nhắc đi, nhắc lại của một số sự kiện với ít nhiều tăng giảm.

Đối với Kinh Dịch, Âm Dương chẳng qua là hai phương diện, hai mặt trái phải của một thực thể. Chúng hỗ tương ảnh hưởng, tác dụng trên nhau. để sinh ra thiên biến, vạn hóa, nhưng đều qui hướng về một mục đích là phát huy vũ trụ cho đến hoàn thiện hoàn mỹ.

Cũng một lẽ, đối với Kinh Dịch, thì ở đời này Thiện, Ác, Cát, Hung đều là tương đối. Thời này cho thể này là hay, là phải; thời khác lại cho thể kia mới là hay, là phải; còn thể này lại là dở là trái.

Trang tử cho rằng: Muốn cái hay mà không muốn cái dở, muốn trật tự mà không muốn hỗn loạn, tức là không biết định luật của trời đất. [6]

Heraclitus cũng cho rằng vũ trụ biến hóa để đi đến sự hòa hợp của mọi mâu thuẫn. Theo ông, nếu chúng ta coi lành dữ là hai sự kiện mâu thuẫn, sung khắc, chính là vì quan điểm ta còn hẹp hòi, và vì ta chưa biết qui chúng về toàn bích, toàn thể. Qui tụ được chúng về toàn bích, toàn thể, chúng sẽ hòa hiệp với nhau. [7]

Khảo thư tịch Âu Châu, ta thấy có hai quan niệm khác nhau về Thiện Ác:

1.- Một quan niệm tối cổ cho rằng Thiện Ác là hai Nguyên Lý song sinh do Thượng đế tối cao sinh xuất. Ta thấy dấu vết của quan niệm này trong đạo giáo tối cổ Ai Cập với lưỡng thần Osiris- Isis; hoặc trong đạo Bái Hỏa với quan niệm lưỡng thần Thiện (Spenta Mainyu) và Ác (Angra Manyu). Sách Ecclesiasticus, trong bộ Thánh Kinh Công giáo cũng cho rằng: «Thiện và Ác; Sống và Chết; Nghèo và Giàu, tất cả đều do nơi Chúa.» (Eccles. 11:14).

2.- Một quan niệm tân thời hơn coi Thiện Ác là hai thực thể hoàn toàn đối kháng, thù địch nhau.

Bái Hỏa giáo sau này cho rằng thần thiện là Ahura- Mazda hay Ormuz; thần Ác là Angra Manyu hay Ahriman.

Đạo Mani chủ trương vũ trụ có hai căn nguyên: Ánh sáng và Tăm tối. Phía Bắc là giang sơn của Ánh sáng, là nơi ngự trị của đấng Hằng cửu. Phía Nam là giang sơn của Tăm tối là nơi Satan ngự trị,

Công giáo và Tin Lành cho rằng Chúa Trời là căn nguyên sinh điều Thiện; Satan là căn nguyên sinh điều Ác.(Job 16; 2Cor.23- 14; John 8:44; John 3: 8; Apoc. 12:9).

Khi bình giải chương 2 của Đạo Đức Kinh, tôi đã bàn về Thiện Ác như sau:

Theo Lão tử thì trong cái hay, có cái dở; trong cái dở, có cái hay (Đạo Đức Kinh, ch. 58). Vả lại Thiện, Ác cũng chẳng khác nhau là bao nhiêu (Đạo Đức Kinh, ch. 20). Tại sao vậy? Bởi vì vạn vật ảo hóa, biến thiên. Nếu ta tách mọi sự ra khỏi vòng biến dịch, ta sẽ thấy xấu tốt khác nhau. Nhưng nếu ta lồng mọi sự vào vòng biến chuyển, ta sẽ thấy thiện cũng như ác; đẹp cũng như xấu; không có gì là cố định.

Heraclitus cũng đã viết: «Trong chu kỳ biến hóa, sống chết đắp đổi nhau. Tiên tục, tục tiên; tục sống thời tiên chết; tục chết thời tiên sống.» [8]

«Sống hay chết, thức hay ngủ, trẻ hay già chỉ là một, vì trong sự biến hóa, cái này sẽ thành cái kia, cái kia sẽ thành cái nọ.» [9]

«Nhất tán thời thành vạn; vạn tụ thời thành Nhất.» [10] Kinh nghiệm cho thấy rằng: Sự thiện ác theo đà thời gian, theo trào lưu lịch sử cũng đã luôn luôn thay đổi bộ mặt.

Sử gia Henry Steele Commager viết: «Lịch sử cho chúng ta thấy rằng các tiêu chuẩn, các giá trị, các nguyên tắc biến đổi theo thời gian và xã hội. ở trong một xã hội, chúng biến đổi theo mỗi thế hệ...

«Các Giáo Hoàng xưa, là những người đã được tuyển lựa vì học vấn và đức độ, đã tin rằng luân lý đã

bắt buộc các Ngài phải tiêu trừ «loạn giáo» (các bè rối) bằng sắt, bằng lửa, bằng bạo tàn, bằng tra tấn. Các người Âu Châu thế kỷ XVII đã không ngần ngại giết người Da Đỏ, vì cho rằng người Da Đỏ không có linh hồn. Những người Thanh Giáo (Puritans) giỏi giang và ngay thẳng, đã không ngần ngại kết án tử hình những mục phù thủy; và ở thế kỷ XIX, các người Công Giáo miền Nam nước Mỹ đã cho rằng chế độ nô lệ là một ân sủng của Trời.» ^[11]

Trang tử cũng viết đại khái rằng: «Trên phương diện Đạo thể, thì một cọng cỏ, hay một xà nhà; nòng Lẽ hay Tây Thi; vui hay buồn; khôn hay dại; tất cả đều là một. Thịnh suy, thành bại chỉ là những trạng thái tương tục, luân phiên. Tất cả đều là một, nhưng chỉ có những bậc đại trí mới thấy được. Cho nên thánh nhân vượt lên trên các quan niệm thị phi, yên nghỉ trong Hóa Công, mặc cho sự vật chuyển vần xuôi ngược (Nam Hoa Kinh, chương 2).

Sau khi tôi suy tư về quan niệm Âm Dương, Thiện Ác của Dịch Kinh với quan niệm Thiện Ác của Âu Châu, tôi thấy quan niệm của Đông Phương về Thiện Ác rất hợp lý và không làm phiền hà gì đến thánh thần, ma quỷ.

Tôi thương hại cho cả thánh thần và ma quỷ, vì ma quỷ thì khôn ngoan, đem reo rắc biết bao nhiêu điều mà chúng ta «coi là Ác», cho nhân loại; nhưng chúng cũng hết sức vất vả; ăn cơm nhà, vác ngà voi. Còn thánh thần thì tuy là có thương chúng ta; nhưng cho đến nay, vẫn hoàn toàn bất lực, không có ngăn chặn được điều Ác chút nào. Đôi khi chúng ta lại đổ tội cho Thượng Đế, và cho rằng các thiên tai, địa họa, các thảm cảnh cuộc đời là do chính Thượng đế đã nổi cơn thịnh nộ và ra tay công thẳng phạt tội loài người. Thượng Đế vừa toàn năng lại luôn luôn nổi giận; ma quỷ thì khôn ngoan, và đầy kinh nghiệm, như những tay cờ bạc bịp; chuyên môn đi lừa thiên hạ; còn thần thánh thì bất lực; con người thì như những con cừu non, làm sao mà chống cự được. Cho nên, từ bao nhiêu nghìn năm năm, Ác vẫn đầy trong thiên hạ. Chúng ta hãy làm một bài toán, mới thấy sự vô lý của các quan niệm của Âu Châu. Hiện nay thế giới có 4 tỉ người. Như vậy, nếu có ma quỷ cám dỗ con người, thì cũng phải có 4 tỉ quỷ. Nếu mà quỷ có kinh nghiệm hơn, cứ 1 quỷ cám dỗ 10 người, thì cũng phải có 400,000,000 quỷ. Quỷ ở đâu ra mà lắm vậy? Mà sao chúng lại dám bỏ nhiệm sở là địa ngục, nơi có lửa diêm sinh đốt chúng liên miên, mà đi vào các cao ốc Mỹ, có gắn máy điều hòa không khí, để cám dỗ mọi người. Trong khi đó thì vô số thiên thần, cũng lìa bỏ thiên đàng xuống trần gian, bảo vệ loài người, và số thiên thần cũng tương đương như vậy. Thế là trái đất đã chật hẹp, lại càng trở nên chật hẹp hơn. Khảo lịch sử, cái gì hay, đẹp làm cho loài người lại chính là do con người, chứ không phải thần thánh! Giải phóng nô lệ là Abraham Lincoln; đem thực thi Tự Do; Bình Đảng; và tình Huynh đệ, là công lao của Cách Mạng Pháp; trừ tuyệt bệnh đậu mùa là công lao của Edward Jenner... Con người nếu thoát đói khổ, chính là nhờ kỹ thuật, văn minh, chứ không phải do cầu kinh, lẩn chuỗi.

Mặt khác, nếu cả quỷ lẫn thần lên hay xuống trần làm công chuyện không lấy lương, thì không kể; nhưng nếu cứ phải trả mỗi quỷ, mỗi thần hai Đô la một năm thôi, thì ngân quỹ đất trời cũng phải tiêu chừng 16 tỉ. Nhân loại hiện nay có những chương trình nghiên cứu để chữa các bệnh ung thư, các bệnh di truyền, hay nghiên cứu vấn đề làm tim giả; mỗi năm mỗi chương trình chỉ xài có từ 2 triệu đến 75 triệu Đô la. Tuy nay chưa thành công; nhưng vài ba chục năm nữa sẽ thành công, hay một trăm năm nữa sẽ thành công. Như vậy sự tốn kém rất là ít, mà thành công ít ra cũng được bảo đảm hơn, vì đích con người lo lấy cho con người.

Cho nên, trước sự thất bại của quỷ thần, và sự đình đốn trong vấn đề «diệt ác» trong vòng nhiều ngàn năm nay, và tốn kém không biết cơ man nào là tiền của của cả thiên đàng lẫn địa ngục, nếu xin được ma quỷ, thần thánh trở về vị trí cũ của mình, thì hay biết là bao!

Nhân loại sẽ «đánh Ác», sẽ «thắng Ác», «diệt Ác» dần dần, và liên tục trên mọi lãnh vực, chứ không còn «tránh Ác», không còn chờ ai dẹp Ác thay mình. Nếu chương trình cũ được thay thế bằng chương trình mới nói trên, thì chắc chắn rằng trong vòng ít trăm năm nữa, nhân loại sẽ sung sướng hơn ngày nay rất nhiều! Rút cuộc thiên đường sẽ đông đúc hơn; địa ngục sẽ nhộn nhịp hơn và gian trần sẽ sung sướng hơn. Bề nào cũng có lợi cả.

Nói thế, để chứng minh rằng thần thánh và ma quỷ không hề dự phần vào công chuyện tạo ác cho đời, mà ác chính là do con người tạo nên. Nhân loại xưa đã sai lầm vì không định được thế nào là ác; không biết ác tại sao sinh; các tôn giáo chỉ hạn định cái ác vào ít nhiều tư tưởng, hành vi, thái độ ngược với giáo luật, mà không biết rằng ác có thể ở trên mọi bình diện, từ ngoại cảnh đến xã hội, đến xác thân, đến trí não, tâm hồn; mà không biết ác sinh ra là do ngu dốt, ích kỷ, tham tâm, ghen ghét, hay do những việc làm hoặc thái quá, hoặc bất cập của con người. Có tìm được nguyên nhân, mới có thể DIỆT ÁC. Chúng ta không thể tiêu cực như xưa là chỉ LÁNH ÁC, mà phải tích cực DIỆT TAI, DIỆT HỌA, DIỆT ÁC trên mọi bình diện. Thiên tai, địa họa, con người không diệt được, những cũng nghĩ ra được cách giảm thiểu tai hại tới mức tối đa. Còn những chuyện cơ hàn, tật bệnh, loạn ly, chinh chiến, xáo trộn trong gia đình, quốc gia xã hội, nhất nhất đều có thể diệt trừ được.

Khẩu hiệu của chúng ta từ nay sẽ là

Quyết tâm DIỆT ÁC, ĐỘ NGƯỜI,
Cùng nhau DIỆT ÁC, cho đời lên hương.
Cùng nhau lấp bể đoan trường,
Làm cho KHỔ HẢI nên vườn LẠC VIÊN.

Nhiệm vụ DIỆT ÁC, THẮNG ÁC ngày nay đã được trao vào tay các khoa học gia. Chỉ có khoa học và kỹ thuật, chỉ có quyết tâm của con người mới thực sự sẽ giải phóng dần con người cho khỏi điều linh, khổ ải, bệnh tật. Các tôn giáo sẽ chỉ là những kẻ bàng quan, nhìn ngấm các "phép lạ" sẽ xảy ra, do cây đũa thần của khoa học và kỹ thuật và sự quyết tâm của loài người!

Tôi không nói đến những chuyện con người đã du nguyệt điện, tôi không nói tới những chuyện con người đã tạo nên biết bao vì tinh tú tí hon đang vận chuyển trên không trung để đi thám hiểm Hỏa Tinh, Thổ Tinh hay Mộc Tinh, mà tôi chỉ muốn nói tới những công trình y khoa vĩ đại đã và đang thực hiện trước mắt chúng ta, với mục đích là diệt trừ bệnh tật làm cho con người sống mạnh, sống lâu. Với những ống kính tối tân, như những cặp mắt thần, nhân loại đang đi vào lòng sâu các tế bào, để tìm hiểu căn do các bệnh di truyền.

- Trước 1865, người ta cho rằng bệnh di truyền là do máu huyết mẹ.
- Đến năm 1865, Gregor Mendel cho rằng có những "đơn vị riêng biệt" tàng trữ, các đặc tính di truyền.
- Khoảng năm 1944, O.T. Avery chứng minh rằng những "đơn vị" đó chính là DNA (Desoxyrinucleic acid).
- Năm 1953, Watson và Crick tìm ra được cơ cấu của DNA.
- Sau đó, người ta đọc được các mật khẩu, mật lệnh ghi trong cơ cấu DNA (genetic code).
- Và người ta thấy rằng các bệnh di truyền đã sinh ra là vì một amino-acid nào đó đã bị gán lầm, mắc lầm; hoặc một phân hóa tố (enzyme) nào đó đã bị mất trong chuỗi DNA, và vì vậy mà các bệnh di truyền đã sinh ra, như trong các bệnh Thiếu máu với hồng huyết hình lưỡi liềm (Sickle cell anemia), bệnh Tay-Sachs, bệnh không biến dưỡng được chất Phenylalanine (Phenylketonuria) v.v...

- Thế là khoa di truyền học đã được lập ra với mục đích là học và chữa các bệnh di truyền.
- Nhân loại hiện đang chú trọng chữa nhiều bệnh khác như ung thư, bệnh già, bệnh AIDS v.v...
- Để giúp con người chống lại các vi trùng, siêu trùng, nhân loại đang cố tìm cách chế ra các chất có khả năng làm tăng số bạch cầu (white blood cells), mà họ gọi bằng những danh từ ghê gớm như: granulocyte- macrophage-colony stimulating factor (GM-CSF); granulocyte-colony- stimulating factor (G-CSF) và Interleukin 3. Giáo sư David Golde ở UCLA sau khi thử nghiệm chất GM-CSF nói trên, đã thấy số lượng các bạch cầu tăng trưởng rất nhanh, chẳng khác nào như trong một nước bị ngoại xâm, dân con trai tráng ào ạt đi tòng quân, để đáp lời sông núi.
- Được đà, người ta lại chế tạo luôn các chất làm tăng trưởng tế bào da (Epidermal growth factor: EGF), hoặc các tế bào thần kinh (Nerve growth factor: NGF).
- Tiến sĩ Carl Cotman ở UCI cho rằng có thể cấy các tế bào não của thai nhi (fetal neurons), để giúp các tế bào não tái tạo lại.
- Estrogen có thể sẽ được dùng như là một loại thuốc "trú nhan", giúp các bà trẻ mãi.
- Theo Tiến sĩ Allan Golstein, đại học George Washington, ở Washington D.C., thì chất thymosins, rút từ tuyến THYMUS, có thể chữa được vô số bệnh.
- Và trong một tương lai không xa, nhân loại sẽ sống khoẻ, sống trẻ, và tuổi thọ trung bình sẽ là 150. Lúc ấy tuổi về hưu sẽ ấn định lại là 100! Số cháu con sẽ tăng lên gấp bội!

Thế là trong bốn chuyện SINH, LÃO, BỆNH, TỬ mà đức Phật lo phiền, nhân loại sắp xóa đi hai chữ là BỆNH và LÃO!

Nếu lấy hai chữ DIỆT ÁC làm khẩu hiệu, trong tương lai, nhân loại sẽ làm được thêm những điều hết sức lạ lùng, vượt sức tưởng tượng của quần chúng. Cho nên, ngay từ bây giờ, mỗi người chúng ta phải tâm niệm là phải DIỆT ÁC, THẮNG ÁC, bắt tay nhau làm cho trần gian này trở thành lạc cảnh. Đó là chương trình vĩ đại mà từ bây giờ, toàn thể nhân loại sẽ quyết tâm gánh vác. Tóm lại, Thiện là công trình con người đóng góp để đi tìm những định luật vĩnh cửu của trời đất để mà theo mà giữ. Đức Khổng xưa đã mất bao công lao để khảo cứu văn hóa Trung Hoa, để tìm cho ra những định luật vĩnh cửu mà người xưa đã tìm ra. Khổng tử gọi đó là Lễ. Còn Ác là cái gì ngược lại

Tìm ra được những định luật thiên nhiên để mà theo mà giữ; tin tưởng sắt đá vào giá trị vô biên của con người; tin tưởng vào tiền trình vô hạn của mình; biết nhận định cho xác đáng thế nào là Thiện, thế nào là ÁC, thế nào là HAY, thế nào là DỠ, ta sẽ thấy rằng ÁC chẳng qua chỉ là những thách đố, những động cơ thúc đẩy con người phát huy quyền uy của mình, khả năng sáng tạo của mình; phát huy tiềm năng, tiềm lực của mình, phát huy tình đoàn kết và nghĩa hợp quần. Hiểu như vậy, chúng ta vừa hào hùng, vừa thanh thoi tiến dần về phía Đạo Thể vô biên.

Để kết thúc Chương bàn về THIỆN, ÁC này tôi mượn lời kinh Veda, mà tôi đã dịch thành thơ như sau:

Đường Trời cao vút từng mây,
Ai ơi! đừng có một ngày lui chân!
Đức Trời, lòng với kinh luân,
Ta đem ta xẻ, ta phần cho ai.
Hãy lên rong ruổi xe Trời,
Bằng miền cực lạc, muôn đời trường sinh.
Răng long, đầu bạc mặc tình,

Đừng bao giờ nói rằng mình già nua
 Thần thông Trời đã phú cho,
 Bạc đầu, lòng vẫn phồn phơ, nhẹ nhàng.
 Vén mây, vượt núi, băng ngàn,
 Đường Trời chót vót, chớ màng lui chân...^[12]

Đó chính là «Chỉ ư chí thiện» vậy.

CHÚ THÍCH

- [1] "For what flood of eloquence can suffice to detail the miseries of this life?" he laments in The City of God. Paul Edwards, Editor in Chief, The Encyclopedia of Philosophy MacMillan Publishing Company Inc. 1972, p. 92.
- [2] Navarette declared that since Socrates, Plato, Aristotle, Pliny, Seneca etc...were irretrievably damned, how much more Confucius who was not worthy to kiss their feet...The Holy Office replied: "Allowing for what has been said, it is forbidden to say that Confucius is saved". Cf. Malcolm Hay, Failure in the Far East, pp. 128 & 129.
- [3] P. Leon Wieger S.J., Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine depuis l'origine jusqu'à nos jours, pp.553- 554.
- [4] Paul Edwards, Editor in chief, The Encyclopedia of Philosophy, pp.81- 112.
 - James Hasting, Editor, Encyclopedia of Religion and Ethics, Vol. VI, Art. Good and Evil, p. 318 & ss.
 - The Encyclopedia Americana, art. Ethics p. 611 & ss.
- [5] Joseph F Goodanage, Astrology, the Space- Age Science; Parker Publishing Company, Inc. West Nyack, New York, 1966, pp.47 & ss.
- [6] Vouloir le Bien sans le Mal, l'ordre sans le désordre, c'est méconnaître les lois de l'Univers, et la nature des êtres. C'est comme si on voulait le Ciel sans la Terre, le Yin sans le Yang, ce qui est inconcevable." (Tchouang Tseu cité par R. Brémont, La Sagesse selon le Tao, p. 65.
- [7] L'opposition des principes inférieurs est- elle irréductible? Le bien et le mal, en particulier, sont- ils en face l'un de l'autre à jamais? C'est tout notre problème. Héraclite le résout par l'Unité, par la domination d'un Principe suprême dont les lois humaines aussi bien que les lois divines ne sont qu'une participation. "Toutes les lois humaines sont nourries par la seule loi divine, écrit-il; celle-ci prévaut autant qu'elle le veut, suffit à toutes choses sans même s'y épuiser." Le bien et le mal sont un, ajoute- il; si nous les opposons, c'est en raison de nos vues étroites et partielles, et faute de les rapporter au Tout où ils s'unissent dans une harmonie parfaite. Pour Dieu, toutes choses sont belles, bonnes et justes; mais les hommes tiennent certaines choses pour justes, certaines autres pour injustes."
- A.D. Sertillanges, Le Problème du Mal, p. 82.
- [8] Dans le cycle, vie et mort s'échangent. "Immortels, mortels; mortels, immortels; notre vie est leur mort, et notre mort est leur vie." (Abel Janière, La Pensée d'Héraclite d'éphèse, Aubier, Les Editions Montaigne, 1959, p.80).

[9] C'est la même chose d'être, ce qui est vivant et ce qui est mort, éveillé ou endormi, jeune ou vieux, car par le changement, ceci est cela, et par changement, cela est à son tour ceci (lb. 80- 81).

[10] ...Grand cycle de la concentration et de la déconcentration de l'Identique (lb. 81). L'Un pénètre dans la multiplicité, et la multiplicité n'est qu'une forme de l'Unité; bien plus, elle est l'Unité même... (lb. 91)

[11] Si l'histoire "nous apprend" quelque chose, c'est bien que les normes, les valeurs et les principes varient considérablement d'âge en âge, de société en société, et même d'une génération à l'autre, dans la même société. Des papes, qui avaient été choisis pour leur savoir et leurs vertus, étaient convaincus que la morale exigeait qu'ils abattent les hérésies par le fer et par le feu, par la cruauté et la torture; les Européens du XVIe siècle ne se faisaient aucun scrupule de tuer des Indiens, parce que les Indiens n'avaient pas d'âme; des Puritains doctes et droits envoyaient sans broncher les sorcières à la mort et au XIXe siècle, dans le Sud des Etats Unis, des chrétiens considéraient l'esclavage comme une bénédiction de Dieu. (Henry Steele Commager, L' Historien et l' Histoire, Nouveaux Horizons 1967, p. 149).

[12] Hymn from the Veda:

Steep and high is your path of pilgrimage, o man; never descending low. I have equipped thee with the divine wisdom and power to live a full and vigorous life. Come and enter the divine chariot of immortal bliss. Never say you are old, o my traveler. With advancing age, blessed with the wealth of wisdom, you shall ever remain young and vigorous. Up and high goes your path, never descending low. (Atharvaveda).

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 8 BÀN VỀ CHÂN LÝ

Đối với những người «có đức tin», thì chân lý là cái gì chắc như cục gạch. Mà đã tin rồi, thì đến chết, thì dù chết vẫn còn tin.

Dù ai nói Đông, nói Tây,
Ta đây cũng vững như cây giữa rừng.
Dù ai nói ngả, nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân!.

Thế nhưng đối với những hạng «ăn không, ngồi rồi» như các triết gia, thì chân lý lại xổng như hoẵng, lẫn như trạch. Mỗi chỗ, mỗi đạo, Chân lý lại đeo một mặt nạ hóa trang mới. Pontius Pilatus, trong cuộc chạm trán với Chân Lý, với đấng tự xưng: «Ta là Đường, là Sự Sống, là Chân Lý.» (John, 14:6), lại dám ngạo nghễ đặt vấn đề: «Chân lý là gì?» (John, 18:38) Lạ lùng thay câu hỏi này đã chẳng được Hiện thân Chân Lý trả lời. Tuy nhiên Ngài cũng cho biết trong một trường hợp khác rằng: «Chân lý sẽ làm cho chúng ta được tự do.» (John 8,32). Nữ sĩ Tùng Long, trong một cuộc đàm đạo với tôi, đã nói: «Có nhiều điều ở xa, tưởng là chân lý; đến gần xem, lại thấy không còn là chân lý nữa.» Câu nói này làm tôi suy tư rất nhiều. Thực vậy, có điều thì vùng này cho là «chân», vùng kia lại cho là «ngụy»; thời này cho là chân, thời khác lại cho là ngụy. Pascal đã phải nói: «Bên này dãy núi Pyrénées là chân, bên kia lại cho là ngụy.» Có điều Tây cho là Chân; Đông lại cho là Ngụy, v.v... Nhân loại xưa nay cứ như vậy mãi mãi, cứ luôn luôn «sư bảo sư phải; vãi nói vãi hay.» Khẩu chiến không đủ, lại bút chiến; bút chiến chưa hả, quay sang chém giết lẫn nhau, không phải là một vài giờ, mà là trải nhiều năm tháng. Công giáo đã so gươm với Hồi giáo trải qua năm cuộc thánh chiến (1096–1099; 1147–1149; 1189–1192; 1202–1204; 1216–1217); so gươm với Tin Lành cũng khoảng mấy chục năm. Mãi đến thỏa ước Augsburg (1555), đôi bên mới chấp nhận thế da beo, qui thành những vùng Công giáo riêng, và Tin Lành riêng.

TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐOÁN ĐỊNH CHÂN LÝ

Giáo Hội Công Giáo đã đưa ra nhiều tiêu chuẩn để đoán định thế nào là Chân Lý.

1.- Chân lý phải được xây dựng trên các lời Thánh Kinh, vì Thánh Kinh là Lời Chúa; mà Lời Chúa thì không sai.

2.- Phải được 12 Tông Đồ truyền lại. Kinh Tin Kính mà các giáo hữu Công giáo thường đọc, tương truyền là do các Tông đồ truyền lại. Nhưng thực ra nó mới được thành hình vào khoảng thế kỷ thứ tư, và hoàn tất vào năm 1543. [\[1\]](#)

3.- Nó phải được các thánh Giáo Phụ (nghĩa là những vị Thánh Công giáo trong những thế kỷ đầu tiên) tin và giữ như Clement, Ignatius, Polycarp, Justin, Irenaeus, Athanasius, John Chrysostom, Cyril,

Basil, Gregory of Nyssa, Ambrose, Augustine, Tertullian rao giảng, v.v...

4.- Nó phải được các Công đồng Giáo hội tuyên xưng. Có 21 Công đồng lớn từ trước tới nay: I Nicene (325); I Constantinople (381); Ephesus (431), Chalcedon (451); II Constantinople (553); III Constantinople (680); II Nicea (787); IV Constantinople (869); I Lateran (1123); II Lateran (1215); III Lateran (1779); IV Lateran (1215); I Lyon (1245); II Lyon (1274); Vienne (France) (1311); Constance (1414- 1418); Basel (1431); V Lateran (1512- 17); Trente (1545- 63); I Vatican (1869 - 1870); II Vatican (1963- 65)...

5.- Nó phải được Giáo hội dạy tuân giữ.

6.- Nếu có thể, nó phải được mọi người chấp nhận (hominum consensus).

Nói nghe thì to tát như vậy, nhưng chung qui vẫn là: Chân lý là cái gì do Giáo hội chỉ dạy.

Giáo hội mới là cơ quan đoán định tối hậu, quyết định tối hậu.

Về phương diện Thánh kinh, Giáo hội đã quyết định sách nào là Thánh kinh.

Ví dụ trường hợp Thánh Kinh cũ: Giáo hội Công giáo đã có thêm nhiều sách mà Do Thái Giáo, hay Tin Lành không có, hay không chấp nhận là Thánh Kinh. Ví dụ như: Esther; Judita; Tobya; Macabê I & II; Khôn ngoan; Huấn ca (Ecclesiasticus); Baruch 1- 5; Baruch 6; nhiều chương nhiều đoạn của sách Daniel (xem Daniel 3: 24- 90.- Daniel 13; Daniel 14).

Công giáo cho những quyển trên là Chân thư. Tin Lành cho đó là Ngụy thư. Và nếu chúng ta có trong tay một quyển Thánh Kinh, dở ra xem, thấy có sách Macabê chẳng hạn, chắc chắn là Thánh thư Công giáo; nếu không có, chắc chắn là của Tin Lành.

Trong số gọi là Tân ước cũng đã được tuyển lựa từ một số lớn sách. Những quyển không được Giáo Hội lựa là Tân ước, nay trở thành những Ngụy thư như: Phúc âm người Do Thái; Phúc âm Phêrô; Phúc âm thời thơ ấu (của Chúa); Công vụ Paul và Thecla; Công vụ John; Công vụ Thomas; Khải Huyền Phêrô. Mối hay sách vở cũng như con người có may, có rủi. «Để thì là hòn đất, cất thì thành ông Bụt.» Đúng là:

Thời lai, phong tống Đấng vương các,
Vận khứ, lỗi anh tiến phúc bi.

Dịch:

Lúc may, gió thổi lâu Đấng tới,
Vận bất, bia chôn sấm cuốn đi...

Cho mãi tới khoảng năm 180, thì toàn bộ Kinh thánh mới chỉ mới có là 22 quyển. Đến năm 326, nhờ uy thế của thánh Athanasius, toàn bộ tân ước lên tới 27 quyển như ngày nay. [\[2\]](#)

Mối hay, thời gian có một uy lực vô biên. Và con người cũng có một quyền lực vô biên không kém!

Giáo hội chẳng những quyết định đâu là Thánh kinh, mà còn giữ độc quyền tùy thời giải thích Thánh kinh, cắt nghĩa Thánh kinh theo đường hướng thuận lợi cho mình.

Ví dụ như xưa kia, khi khoa học chưa tiến bộ, thì Giáo hội cho rằng những điều Kinh Thánh dạy về sự tạo dựng nên vũ trụ, và con người, là sự kiện lịch sử; là chân lý hoàn toàn. Trời đất thực sự đã được tạo dựng nên trong vòng 7 ngày. Ngày thứ hai, Chúa thực sự đã dựng nên một «vòm trời» cong cong, và chắc chắn, giống như vòm trần của Convention Center ở Anaheim. Cái vòm đó gọi là trời (Genesis 1:6- 7). Vòm đó có đục những cửa, có gắn thêm những cửa như là những cửa đập nước. Nước phía trên vòm, thường thì không đổ xuống, trừ khi Trời muốn làm lụt cả, lúc ấy mới mở các cánh cửa đập trời ra (Genesis 7; 11- 12), và mưa mới đổ xuống như thác lũ (Gen. 7: 12). Trên vòm trời đó đã gắn những vì sao; và hai ngọn

đền trời, là mặt trăng mặt trời, thì đi lại trên đó để sáng soi cho trái đất (Gen. 1: 15- 19.- Josuah, 10: 10- 15). Vòm trời đó có nhiều cột chống, và mỗi khi Chúa thịnh nộ thì thủy đều rung chuyển (Job 26:11). Trái đất thì đứng y nguyên tại chỗ (Ecclesiastes 1:4), và cũng có nhiều cột chống đỡ (Job, 9:6; Psalm 75 (74):4). Đất phẳng và có bờ, có mép.

Trời có thể «cầm bờ, cầm mép» đất đó mà lắc, mà rung chuyển đất, cho kẻ dữ phải sợ hãi...(Job, 38: 13).

Trời, đất, người và vạn vật đã được tạo dựng nên khoảng vào năm 4004 trước C.N.

Galileo (1564–1641), là người đầu tiên chủ trương trái đất quay quanh mặt trời, đã bị Giáo Hội trừng phạt, vì dám nói sai Thánh Kinh. Nhưng càng về sau, khi mà Darwin ra đời, khi mà khoa học bắt đầu dùng đủ mọi phương pháp đào bới, xới lộn đất đai để khảo về cổ sinh vật; khi mà họ đã dùng mọi phương pháp tối tân, để chứng minh thái dương hệ đã có từ nhiều tỉ năm; vạn vật đã có từ nhiều triệu nay, thì Giáo hội lui về thế chống đỡ. Thoạt đầu thì cắt nghĩa lại chữ Yôm. Chữ Yôm không còn được cắt nghĩa là «Ngày» như xưa nữa, mà phải hiểu là một «thời kỳ địa chất», tức là nhiều triệu năm. Sau cùng, thấy lối giải thích đó cũng không ổn, [3] các vị lãnh đạo Giáo hội đã có một chủ trương mới mẻ rằng: Các tác giả các thánh thư không có ý dạy về khoa học, mà chỉ có ý cứu rỗi nhân loại, nên nhiều khi các Ngài cũng dùng những kiểu nói bóng bẩy của dân gian, [4] và ủy ban nghiên cứu Thánh Kinh cho rằng ba đoạn đầu Sáng Thế Ký không có tính chất khoa học chính xác, mà chỉ là nói theo sự nhận biết của dân gian đương thời. [5] Đúng là chủ trương «lý, sự vô ngại; sự sự vô ngại» của Phật giáo, và như vậy chân lý hết sức là uyển chuyển, biến thiên.

Dở Kinh Thánh ra ta thấy luôn luôn là Trời phán thế này, Trời phán thế nọ. Có điều rất lạ là khi thì Chúa nói rằng ai mà thấy mặt ta thời sẽ chết (Exodus 33: 18- 24); khi thì lại cho Moses thấy mặt (Exodus, 33:11), cho dân Do Thái thấy mặt (Deuteronomie 5:4); khi thì lại cho Jacob thấy mặt (Genesis 33:31), mà chẳng bắt ai phải chết cả. Ngài hứa chính tay sẽ khắc lại 10 điều răn trên bia đá (Exodus 34:1), nhưng sau đó không biết làm sao, Ngài lại sai Moses chép Mười điều răn (Exodus, 34: 27- 28). Xem như vậy, thì Chúa cũng rất là uyển chuyển, và hết sức là «dơ cao, đánh sể», y như người cha ở gian trần này.

Có điều lạ là trong khi bên trời Âu, thì nói Chúa phán thế này, Chúa phán thế nọ, thì ông Khổng bên trời Đông lại cứ tuyên bố: «Thiên hà ngôn tai!» 天何言哉 (Trời có nói gì đâu! – Luận ngữ, Dương Hóa XVII, 18).

Bên trời Âu, nhờ quyền uy của Giáo hội Công giáo, mà «đức tin» đã bất biến trong vòng 15 thế kỷ. Thế nhưng rồi Luther ở đâu lừng lững tiến ra. Ông không chấp nhận quyền Giáo Hoàng và Giáo Hội. ông chỉ biết theo tiếng lương tâm, và tin vào sách Thánh. Giáo Hội Công Giáo gọi ông ra trình diện tại Hội nghị Worms năm 1521, và bắt ông phải trầu lại mọi lời ông đã tuyên bố. Ông khảng khái trả lời: «Lương tâm tôi bị chi phối, bị chinh phục bởi lời Thiên Chúa. Tôi không thể phản lại lời tôi, vì đi ngược lương tâm thì đâu có tốt, có hay. Đây tôi đây, tôi chẳng làm gì khác được. Xin Chúa giúp tôi. Amen!» Thời ấy mà dám tuyên bố như vậy, là ký vào bản án tử hình của mình. Thế mà Luther đã dám làm. Thật là hào hùng! Thật là khảng khái! Và chỉ trong vòng ít năm trời, ông đã có hàng vạn, hàng triệu người theo. Thật là hết sức lạ lùng. Và từ ấy, bên trời âu, có thêm một tôn giáo mới: đó là đạo Tin Lành...

Đạo Do Thái, đạo Công giáo, đạo Hồi đều cho rằng Chúa hay Allah cũng đều là một Chúa. Nhưng Do Thái tin rằng Yavê là duy nhất. Ngài không bao giờ có đến Ba Ngôi, và viện dẫn vô số lời Thánh Kinh để bảo vệ lập trường mình (Deuteronomy, 6:8; Isaia 45: 5; 45:6; 45: 21; 44: 6- 7; 44:24; 43:11- 13; 40: 25- 26,

v.v...). Do Thái cũng không có ý niệm rằng tội tổ tông có thể truyền cho cả loài người, và khiến cho con người bị trừng phạt muôn đời, và viện dẫn lời Thánh Kinh cho rằng Chúa chỉ phạt ba đời (Deuteronomy 4: 9), hoặc một đời (Ezechiel 18: 2- 4). Do Thái cũng không bao giờ tin rằng Chúa Jesus là đấng Cứu thế, vì từ khi có đạo Công Giáo, dân Do Thái đã bị cơ cực, dồn dập hết sức, thay vì là nếu có đấng Cứu thế giáng trần, thì Do Thái sẽ được vinh quang, hiển hách, như lời Thiên Chúa đã phán xưa (Jeremiah, 23: 5- 6). Và dân Do Thái muôn đời vẫn là dân riêng của Thiên Chúa (Jeremiah, 33:19- 26).

Đối với Công giáo, thì Chúa 3 ngôi là niềm tin cốt tủy; tội tổ tông, và chuyện Chúa giáng trần cứu chuộc là một niềm tin cốt tủy. Họ cho rằng đạo Do Thái – mà theo thánh kinh, thì đạo Do Thái là chính Chúa Trời lập ra – là một thứ đạo lạc hậu, không cần thiết nữa, vì chính Chúa giáng trần đã lập ra đạo mới.

Đạo Hồi giáo, cũng rất kính trọng Chúa Jesus,, nhưng chỉ coi Ngài là một vị tiên tri, nhưng tiên tri thua kém Mohammed. Mohammed mới là tiên tri đệ nhất hạng. Chúa Allah là duy nhất không thể nào có con, có cái (Koran, Sura 2, 116). Một ngày 5 lần, người giáo hữu Hồi Hồi phải sắp mình quay về hướng La Mecca (nếu ở Costa Mesa, thì phải quay đầu lạy về hướng Tustin!) mà kính cẩn cầu nguyện rằng Allah là đấng Duy Nhất, và Muhammed là Tiên tri Ngài.

Người Công giáo tin rằng Đức Mẹ suốt đời đồng trinh, và hết sức tôn sùng Đức Mẹ, tôn xưng Ngài là Nữ Vương trên trời, là Mẹ Thiên Chúa. Người giáo hữu Tin Lành thì lại chủ trương, sau khi sinh hạ Chúa Jesus rồi, Đức Mẹ sau còn có nhiều con trai, con gái khác nữa (Mat. 1:25; Mark. 6:3- 4.- Mat. 12:46), và chê rằng sự sùng bái Đức Mẹ như vậy là phi lý. Họ gọi đó là Mariolatry.

Phái Tin Lành Lutherans (theo Luther) chỉ tin vào Thánh Kinh; không phục quyền Giáo hoàng; không có lễ Misa – mà Công giáo trọng nhất– ; chỉ còn giữ hai phép Bí tích là Phép Rửa tội và Phép Minh Thánh. Nhưng họ lại không tin rằng sau khi Thầy cả đọc lời truyền, thì bánh và rượu trở thành Mình thánh, Máu thánh (transsubstantiation) như Công giáo vì, theo họ, từ khi Chúa Jesus sống lại, Ngài đã ở khắp mọi nơi như Thiên Chúa, không cần phải đọc «thần chú», Ngài mới đến được trong bánh và rượu. Họ không chấp nhận các Bí tích khác như Thêm Sức, Giải tội, Truyền Chức, Hôn Phối, Xức Dầu.

Họ không tôn sùng Đức Mẹ và không chấp nhận rằng Đức Mẹ đã linh hồn và xác lên trời. Tin Lành theo Calvin cũng không chấp nhận lễ Misa, và viện dẫn lời thánh Paul trong Thánh thư gửi cho giáo dân người Do Thái (Hebrews, 10:12,13,14.- 13:15), để chứng minh quan điểm mình là đúng. Họ không tôn sùng Đức Mẹ, cũng chẳng tuân phục quyền Giáo hoàng. Thảo nào mà Giáo hội La Mã gọi họ là «những kẻ rối đạo».

Giáo Hội Công giáo đến năm 1054 chia thành hai: Giáo hội miền Tây gọi là Giáo Hội La Mã; Giáo Hội miền Đông gọi là Giáo Hội Chính Thống. Chia rẽ nhau, vì Giáo Hội La Mã tin rằng Ngôi Ba bởi Ngôi Nhất và Ngôi Hai mà ra. Tiếng La- tinh dùng chữ Filioque (và bởi Con). Còn Giáo Hội miền Đông thì không chấp nhận rằng Ngôi Ba lại có thể do Ngôi Con mà sinh ra.

Tóm lại, Giáo Hội La Mã thì rằng «Filioque»; Giáo Hội Chính Thống thì rằng «không Filioque»... Quan trọng tới mức độ có một lần Giáo Hội miền Đông bị quân Hồi giáo vây đánh, sai sứ giả sang cầu cứu giáo hoàng La Mã. Giáo hoàng La Mã đồng ý kêu gọi các nước Công giáo ra quân cứu trợ, với điều kiện là từ nay Giáo Hội Chính Thống phải thêm vào kinh Tin Kính của họ chữ Filioque. Bên Giáo Hội Chính thống lập tức trả lời: thà rằng để cho Hồi giáo cai trị, còn hơn là phải thêm chữ Filioque vào kinh. Đức tin của cả hai bên ghê gớm như vậy!

Giáo hội La Mã bắt linh mục phải ở vậy, còn Giáo Hội Chính Thống thì không. Giáo Hội La Mã cho rằng mình có quyền trên. Giáo Hội Chính Thống cho rằng tại sao mình lại phải ở dưới. Đôi bên rút phép

thông công, tẩy chay, chúc dữ lẫn cho nhau trong vòng nhiều thế kỷ. Tuy nhiên trong những năm gần đây, nhất là sau Vatican II, đôi bên tha tội, tha vạ lẫn cho nhau, và chủ trương sống huynh đệ hơn.

Cho nên đúng là phúc cho kẻ nào không hề kiểm điểm lại những điều mình tin. Không hề dòm ngó sang các đạo giáo bạn, cứ dắm mắt tin theo những người lãnh đạo tinh thần của mình, cho đến lúc nhắm mắt tắt hơi. Có người kể chuyện một người chồng theo đạo, để cưới vợ. Khi được vợ hỏi rằng có tin Chúa có Ba Ngôi hay là không. Ông chồng trả lời: «Em nói Ba Ngôi, thì anh tin có Ba Ngôi, em nói Bốn Ngôi, thì anh tin có Bốn Ngôi. Có gì mà phải thắc mắc đâu!» Thực là một đức tin tuyệt vời.

Người Á Đông là những người cứng đầu, khó dạy. Nhất là các ông nhà nho. Họ cứ chủ trương «tận tín thư tắc bất như vô thư» 盡信書則不如無書 (quá tin vào sách thà đừng có sách) (Mạnh Tử, Tận Tâm hạ - 3). Thiền tông cũng chủ trương: «Bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật» 不立文字, 直指人心, 見性成佛 (Bất chấp sách vở, đi thẳng vào tâm, thấy Tính thành Phật). Thế lại là một hạng cứng đầu, bất trị khác!

Từ non một thế kỷ nay, các đạo giáo Đông Phương bắt đầu thẩm thấu vào óc chất, vào tâm hồn Âu Mỹ. Người Mỹ bắt đầu thích Yoga, thích Thiền. Nhiều người Mỹ lấy vợ Nhật cũng theo đạo của vợ là đạo Phật, thuộc phái Liên Hoa Nichiren. Tôi thấy họ tụng thần chú «Nam mô ô ran gi kô» (Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa) rất là sùng bái và cho rằng đó là phương tiện cứu độ hết sức là bảo đảm. Thiệt là giản dị, thiệt là hấp dẫn! Về kinh Phật, giáo phái này giản lược và miễn trừ hết chỉ cần đọc hai phẩm của kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Phẩm Phương tiện đệ nhị, và Phẩm Như Lai thọ lượng thập lục. Cũng chẳng cần phải hiểu là phẩm đó nói gì, vì thế nên được khuyến cáo tụng bằng tiếng Nhật, như vậy sẽ bảo đảm sự không hiểu của mình! Chính nhờ thế mà mỗi tuần có cả trăm người xin qui y; Mỹ, Mễ, Đại Hàn, vô số...

Nhiều người Mỹ bây giờ cũng có những chủ trương hết sức cởi mở.

Cuối đường Victoria ở Costa Mesa có một giáo phái gọi là Universalist - Unitarian Church. Họ chủ trương Chúa chỉ có một ngôi; tính con người vốn lành; sách thánh thiên hạ đều là những sách đáng tôn kính. Không sách thánh nào chiếm địa vị độc tôn. Giáo đường của họ chỉ là nơi mà mỗi tuần giáo hữu tập họp lại để kể cho nhau nghe những kinh nghiệm của bản thân mình, những điều hay mình đã thu lượm được. Bất kỳ ai thuộc tôn giáo nào, dù ngay là người chủ trương vô thần cũng được hoan nghênh. Chỉ có ở thời đại này, chỉ có ở xứ Mỹ này, mới lại có một giáo phái ngang chướng như vậy, mà vẫn được tự do hoạt động! Chả bù cho Servetus Michael (1511–1553), có thể nói là một trong những vị tiên phong của Giáo phái này, chỉ vì ông chống đối vấn đề Chúa Ba Ngôi; không tin Chúa Jesus có thiên tính; đã kích chuyện rửa tội cho trẻ con từ thừa lộn lòng, mà đã bị cả Công giáo, cả Tin Lành lùng bắt. Tuy trốn thoát khỏi tòa Hình Án Công giáo ở Lyon (Pháp), nhưng lại bị lộ thân thể ở Geneva (Thụy Sĩ), và đã bị Calvin, một Giáo Chủ Tin Lành bắt và cho lên giàn hỏa. Tuy rằng ngày nay người ta dựng tượng ông ở Geneva, kể như là thống hối chuyện đã xảy ra, nhưng nào có đem được cái thân «mây khói» của ông cho nhập thể lại ở trần hoàn này thêm một ngày nào nữa đâu?...

Thi hào Anh, Robert Browning (1812–1899) đã dám khơi khơi làm thơ chủ trương Chân lý tại nhân tâm, mà cũng chẳng bị hình phạt nào. ông viết đại khái rằng:

Thiên Chân ở sẵn lòng ta,
 Chẳng từ ngoại cảnh sinh ra bao giờ.
 Thiên chân ngự giữa tâm tư,
 Mà tường ngũ uẩn mịt mù lấp che!
 Cái thân tứ đại gói ghê,

Ra tay già tỏa, gây mê, gây lằm!
 Làm cho bừng sáng Thiên Chân,
 Ấy là giác ngộ, khỏi cần ngoại quang! [6]

Thật đúng là trái bom nổ trong vòm trời Âu Mỹ. Tuy nhiên, đối với người Á Châu, thì chuyện đó cũng là thường thôi.

Vương Dương Minh (1472–1528) từ ngót 500 năm nay đã nói:

Thiên thánh giai quá ảnh,
 Lương tri nãi ngô sư.

Dịch

Thần thánh ngàn xưa đều quá vắng,
 Lương tri mới thực đúng thầy ta.

Và [Trung Dung, chương 29](#), cũng đã viết:

Nên đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,
 Đem trưng bày, phổ cập tới thứ dân,
 Khảo chứng tiên vương không có chi lằm lỗi,
 Sánh với luật đất trời không phản bội,
 So quỷ thần, đường lối đúng không sai.
 Thánh nhân ngàn đời sau, chẳng hề có chê bai.
 So quỷ thần đường lối đúng không sai,
 Thế là đã biết lòng Trời đó,
 Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,
 Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.

CẢM NGHĨ CỦA TÔI VỀ CHÂN LÝ

Khảo kỹ lưỡng về các đạo giáo trong thiên hạ, tôi thấy rõ ràng hiện ra hai trào lưu:

– Một trào lưu dành cho quần chúng do các Giáo Hội hướng dẫn. Mỗi đạo giáo lại đưa ra một số điều phải tin, và cho đó là chân lý. Không tin những chân lý đó, sẽ không thể nào nhập đạo.

– Đạo Công giáo, đạo Tin Lành đặt điều kiện tiên quyết là phải tin Chúa Jesus là Thiên Chúa giáng trần, cứu chuộc tội lệ muôn loài.

– Đạo Mohammed đặt điều kiện là phải tôn xưng Đức Mohammed là vị Tiên Tri sáng giá nhất, vượt trên cả Chúa Jesus.

– Theo trào lưu này, thì đạo nào cũng cho rằng mình mới nắm giữ được Chân Lý, còn các đạo khác dĩ nhiên là lằm lạc. Và nếu mở lòng từ bi, với sự khoan dung vượt bậc, thì cũng chỉ chấp nhận rằng, ngoài đạo mình là chân truyền, chính thống ra, thì các đạo giáo khác, chỉ là những bóng mờ, chỉ là những sứ giả dọn đường cho đạo mình mà thôi.

– Các đạo giáo dành cho quần chúng nói trên, tuy có khác nhau, về nhiều phương diện, nhưng đại

khái giống nhau, vì cho rằng:

1.- Vũ trụ này đã được Thiên Chúa tạo dựng nên bởi không, và rất là mau, khoảng sáu ngày. Ahura Mazda, Thiên Chúa của Bái hỏa giáo, theo như lời vị mục sư của Bái Hỏa, mà tôi đã gặp, có lẽ đã dựng nên trời đất lâu hơn, vất vả hơn, nhưng cũng chỉ trong vòng mấy tháng!

2.- Con người là con người. Trời là Trời. Tính con người hoàn toàn khác với tính Trời.

3.- Con người là cái gì hèn hạ, cái gì ngu muội, cái gì yếu đuối, nên cần phải có sự hướng dẫn của giáo quyền, và vị Giáo Chủ chính là đấng Cứu thế. Phật là đấng Cứu thế; Jesus là đấng Cứu thế.

4.- Chân lý là cái gì ở bên ngoài con người, đã được các bậc thượng trí, thượng nhân, được Trời đặc biệt «phụ nhĩ, rĩ tai», đã ghi chép nguyên văn lại cho mọi người.

5.- Sự cứu rỗi hoàn toàn ở ngoài con người. Sự cố gắng của con người, là một sự cố gắng vô ích. Sự cứu độ của thần phật bên ngoài mới là tất cả.

6.- Sự cứu rỗi, sự thưởng phạt là ở lai sinh. Và con người bất quá là lên những thiên đàng, được coi như là những vườn thượng uyển, theo kiểu Hồi giáo; Tịnh độ (Tịnh thổ) theo kiểu Phật giáo; hay là Thiên quốc theo kiểu Công giáo. ở những nơi đó dĩ nhiên là sẽ hưởng đủ mọi sung sướng, và dĩ nhiên là sẽ được chiêm bái Thiên Nhan đời đời kiếp kiếp.

7.- Càng đi chùa, đi nhà thờ nhiều bao nhiêu lại càng tốt bấy nhiêu. Càng đọc kinh nhiều bao nhiêu, càng niệm Phật nhiều bao nhiêu, càng lần tràng hạt nhiều bao nhiêu lại càng tốt bấy nhiêu.

Càng chấp nhận hết mọi điều giáo huấn của giáo đoàn, lại càng được coi là có đức tin mạnh bấy nhiêu.

Ngoài ra còn một luồng tư tưởng thứ hai là của chung cho những bậc thượng trí, thượng nhân trong thiên hạ. Tuy nhiên cũng đừng nên tăng bốc họ lên như vậy. Cũng đừng nên gọi họ là những bậc thượng căn, vì làm như vậy sẽ làm cho quần chúng giận. Vì chẳng nhẽ quần chúng đông đảo như vậy lại là những kẻ hạ căn hay sao. Vì số lượng của những người này quá ít, và trên thực tế chẳng có quyền hành gì, chẳng chẳng trí, đánh đập, chẳng bắt bớ, chẳng giết lát được ai, cho nên chúng ta có thể gọi họ bằng những danh từ khinh để hơn ví dụ như là bọn lập dị, bọn rối đạo, bọn bất kính, bọn cứng đầu, hay là bọn tà ma, ngoại đạo.

Họ là những người lập dị, và hết sức ngạo nghễ vì cho rằng:

1.- Căn nguyên vũ trụ không phải là một vị Thượng Thần tạo dựng nên, nhưng là do một Đại thể siêu việt sinh xuất, phóng phát ra. Đại thể vô biên này đã sinh xuất ra chư thần, vũ trụ và quần sinh. Ví dụ Ấn Độ, về phương diện tôn giáo thì tin có Ba Ngôi: Brahma (Ngôi tạo dựng); Vishnu (Ngôi bảo tồn) và Shiva (Ngôi hủy diệt); nhưng về phương diện Minh Triết, lại chủ trương ba vị Thượng Thần kia chỉ là những hiện thân của một Đại thể, vô biên, siêu việt, tối thượng. Đại thể này mới chính là căn nguyên vũ trụ, quần sinh.

[7] Sau này dẫu có vị thần nào cao siêu mấy mặc lòng, cũng đều từ đó phóng phát ra.

2.- Vũ trụ này đã do Đại thể đó phóng phát, tán phân ra. Cho nên vũ trụ và vạn hữu đều là hiện thân của Đại thể ấy, đều là phân thể của Đại thể ấy.

3.- Đại thể ấy không hề cách xa vạn hữu, sinh linh.

4.- Đại thể ấy là căn cốt vạn loài. Chính vì vậy mà con người có Thiên Tính.

5.- Con người sinh ra ở đời này cốt là để trở thành Thần, Phật, Thánh, Tiên.

6. - Các sách thánh trong thiên hạ đều không phải là chân lý, tuyệt đối. Đối với các nhà Minh triết, dẫu

là sách gì, cũng vẫn là do con người viết ra. Mà đã do con người viết ra, thời hần có chỗ đúng, có chỗ sai. Nên «tận tín thư tắc bất như vô thư». Thế tức là:

«Vị ngộ, Pháp Hoa chuyển,
Ngộ thời chuyển Pháp Hoa.»
(Pháp bảo đàn kinh)

Dịch:

Khi mê, kinh Pháp Hoa sai sử ta,
Ngộ rồi, ta thao túng lại Pháp Hoa.

Lúc còn ngu si, thì trông vào tha lực; khi giác ngộ rồi, trông vào tự lực.

Hoàng Nhẫn sau khi truyền y bát cho Huệ Năng, đã tiễn đệ tử ra thuyền. Huệ Năng lên thuyền cầm sào. Hoàng Nhẫn đứng trên bờ, lấy tay đẩy thuyền, ra ý tiễn đưa. Huệ Năng liền ứng khẩu rằng:

Khi mê, thầy đẩy thuyền cho,
Bây giờ giác ngộ, chính ta đẩy thuyền...

7.- Vũ trụ này đã do một Đại thể phóng phát tán phân ra. Mỗi con người là một thành phần của Đại thể ấy, cho nên sau khi đã ruổi rong nơi trần hoàn này, lúc chung cuộc lại trở về với Nhất Thể đó, như muôn sông cuối cùng lại đổ vào trùng dương, trở về đại hải; không còn coi mình là sông riêng rẽ nữa.

Lão tử viết

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rời ra cũng phải lai hoàn Bản Nguyên.
Hoàn Bản Nguyên an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.
(Đạo đức kinh XVI)

Áo Nghĩa thư viết:

Kìa sông tới biển thời tiêu,
Hết danh, hết sắc, hết điều riêng tây.
Trở thành biển cả từ nay,
Gọi là biển cả mảy may khác gì.
Con người nhìn lại cũng y,
Khi "mười sáu bộ" đã qui về Ngài,
Còn đâu danh tướng lời thôi,
Rời ra cũng chỉ là ngôi chân thần,
Thế là vĩnh cửu bất phân,
Chẳng còn bộ phận, còn thuần tinh hoa.
Đã điều qui tụ hiệp hòa,
Như dưa liền trục, ắt là Chân Nhân,
Chân nhân là chính Chân Thần,

Từ sinh thôi hết bận tâm lo lường. [8]

Cho nên cứu rỗi, đối với họ là thoát vòng sinh tử, luân hồi, trở về với Đại thể vô biên, chứ không hiểu cứu rỗi là do một vị Cứu thế xuống xá tội cho con người, rồi cho con người lên cõi trời nào đó.

Nhân loại thực ra đang sống theo hai tầm nhìn, lối nghĩ này.

Quần chúng thời theo phía tôn giáo.

Thánh hiền Đông, Tây, kim cổ theo Minh triết (hay Đại Đạo).

Tôn giáo hiện nay có nhiều. Nhưng mạnh nhất, đông nhất phải kể là Công giáo. Cho nên, tôi lấy Công giáo là đại diện cho phía quần chúng. Và một lần nữa, tôi toát lược sự khác biệt nhau từ xưa tới nay, giữa Tôn giáo và Minh triết như sau:

Đạo Công giáo, đại diện cho tôn giáo quần chúng, chủ trương như sau:

a.- Thoạt kỳ thủy có Thiên Chúa.

b.- Thiên Chúa đã dựng nên trời đất, muôn vật bởi không (ex nihilo).

c.- Thiên Chúa và quần sinh hết sức xa cách nhau.

d.- Tổ tông đã phạm tội và truyền tội ấy cho dân gian

e.- Chúa Jesus là Thượng đế ngôi Hai giáng trần, chuộc tội thiên hạ.

f.- Sự cứu rỗi là sự Chúa rửa sạch tội khiến cho con người (thực ra là cho một số ít con người), và cho họ lên hưởng phúc trên thiên đàng, đời đời, kiếp kiếp. Còn những kẻ tội lỗi, những kẻ không tin vào Chúa, vào ơn cứu rỗi của Chúa sẽ bị trừng phạt trong hỏa ngục vô cùng, vô tận.

g.- Con người như vậy muôn kiếp vẫn là người. Thánh chẳng qua cũng chỉ là những người "sống đẹp lòng Chúa".

Phía Minh triết, đại diện cho những bậc đại giác, đại ngộ, và như vậy họ hết sức ít ỏi. Đại khái, họ sẽ chủ trương như sau:

a.- Thoạt kỳ thủy có một Đại thể, linh minh vô cùng tận.

b.- Đại thể ấy đã phóng phát (emanation), tán phân (division) thành vũ trụ, quần sinh, Thượng Thần, hạ vật.

c.- Đại thể ấy và vũ trụ quần sinh (phân thể) không hề xa cách nhau; chỉ là một trong (đại thể), một ngoài (phân thể); một ẩn (Đại thể), một hiện (phân thể) mà thôi. Cho nên trong lòng biến thiên, vẫn có bất biến; trong lòng hữu hạn, vẫn có vô cùng; trong lòng sinh tử, vẫn có bất diệt; trong lòng phiền não, vẫn có Bồ đề...

d.- Tội lệ là do sự ngu si của con người, nghĩ mình sống tách rời, sống riêng biệt với Đại thể,

e.- Chúa Jesus, hay Phật, hay Lão, hay Mohammed, hay Khổng cũng chỉ là những người giác ngộ, những người tiên phong trên con đường trở về hợp nhất với Đại thể mà thôi.

f.- Sự cứu rỗi không phải để rửa sạch tội khiến con người, mà chính là để biến con người hữu hạn thành con người vô biên, là giúp con người thoát kiếp người, thoát vòng kiềm tỏa của không gian thời gian, thoát vòng sinh tử biến hóa, trở về nhập một lại với Đại thể vô biên.

g.- Như vậy, con người có lúc làm người, có lúc làm Trời, làm Phật. Lúc chung cuộc tất cả quần sinh đều trở về nhập lại với Vô biên.

Minh triết với đạo giáo có khi đi song song với nhau; có khi sống một ẩn một hiện; có rất nhiều khi

Minh triết đã bị bách hại, thành ra Minh triết nhiều khi phải hóa trang để sống còn. Vì thế mới có các hội kín, mới có những Khoa học huyền bí như Tarot (bài Tarot), Alchemy (Thuật luyện kim), Astrology (Chiêm tinh học) v.v...

Học các môn Khoa học huyền bí phải đi tìm Minh triết, dấu điểm bên trong, mà phải vất vả, đọc nhiều sách, mới thấy nó hiện ra. Vì đời xưa, nói hở mồm, là có thể lạc vào tử địa ngay!

Ở Ấn Độ, ở Đông Phương, ai căn cơ ra sao, cứ việc theo những hình thức tôn giáo nào mà họ cho rằng thích hợp với họ. Chẳng ai cấm ai. Âu Châu, thì không thế, nam nữ, già trẻ, lớn bé, khôn dại, nhất luật chỉ có một khuôn. Cái đó có lẽ cũng là phản ảnh thái độ của hai dân tộc.

Còn như ở Mỹ ngày nay, tổ chức chính quyền rất là cởi mở. Hiến pháp đã qui định Chính quyền và Giáo hội tách rời nhau, và như vậy Chính phủ không ủng hộ một đạo giáo nào, hơn đạo giáo nào. Không một đạo giáo nào, dù to, dù nhỏ, dù Đông, dù Tây, dù Nam, dù Bắc mà không được cấp giấy phép. Các hiệu sách bán các sách Huyền bí thả giàn. Thực là nghìn năm một thừa. Đúng là quang cảnh «Thiên gia tề phóng; bách hoa tề khai!». Trong giáo đường, dạy thuyết Tạo dựng (Creationism); ngoài học đường dạy thuyết Tiến hóa (Evolution). Thế mà «Thủy hỏa» vẫn «ký tể» được với nhau. Từ chữ «Melting pot» (nồi đúc) và chữ «E Pluribus Unum» (do nhiều dân, thành một dân), tôi hình dung nước này chính là «Lò cừ Tạo Hóa» giúp ta đi từ Vạn trở về Nhất...

Sự phân biệt Tôn giáo và Minh Triết của tôi thực sự mang một nội dung mới mẻ. Âu Châu xưa nay chỉ phân biệt giữa tôn giáo và triết học. Trước hết họ định nghĩa tôn giáo là sự tin kính và thờ phượng Thiên Chúa, nên nhiều khi đã coi các tôn giáo Đông Phương như là những môn phái triết học. Phật giáo cũng có khi chỉ được coi là một thứ triết học, vì đã không chủ trương tin Trời, thờ Trời. Trong quyển The world's great Religions, một ấn bản dành cho thanh niên, do Tạp Chí Life xuất bản, Golden Press New York in năm 1969, ban biên tập Life chủ trương sẽ bàn về 6 tôn giáo lớn trong thiên hạ. Nhưng lại liệt kê như sau:

- 1.- Ấn độ giáo (Hinduism)
- 2.- Phật giáo (Buddhism)
- 3.- Các triết học Trung Hoa (Khổng và Lão)
- 4.- Hồi giáo (Islam)
- 5.- Do Thái giáo (Judaism)
- 6.- Thiên Chúa giáo (Christianity). (Xem sách trích dẫn, tr.7)

Mới hay biên cương tôn giáo và triết học vẫn còn rất mù mờ. Tất cả đều tùy theo định nghĩa mà mình gán cho từ ngữ mình dùng. Như vậy ban biên tập Life đã không coi Khổng giáo (Confucianism), Lão giáo (Taoism) là những tôn giáo. Đó chỉ là những triết học.

Âu Châu chủ trương triết học chỉ là sản phẩm của sự suy tư, tìm hiểu của con người. Còn đạo giáo là sản phẩm của Đức tin; sản phẩm của sự sáng soi và dịu dắt của Thượng đế. Từ trí khôn con người lên tới đức tin; từ triết học lên tới tôn giáo, phải đi qua một trung gian là Thần học (Theology).

Tôn giáo vì bàn về những chuyện quá trí con người, nên nhiều khi con người thấy nó vô lý, nhưng vẫn phải tin. Giáo phụ Tertullian xưa nói: «Tôi tin vì vô lý.» (Credo quia absurdum).

Phái Minh Triết (Theosophy hay Mysticism) chủ trương: Tuy óc chất thông thường của con người không tìm ra được những vấn đề siêu nhiên; nhưng vì con người thông phần bản tính Trời; vì con người ai ai cũng có một tàn lửa Thiên Chân ở đáy lòng, nên thực ra đã có những khả năng vô biên tận. Đã có Vô Cùng trong dạ, thì sao lại chẳng hiểu được Vô Cùng. Cho nên dĩ nhiên là các bậc đại giác, đại ngộ trong

thiên hạ, ai ai cũng có đồng đều khả năng tìm thấy được Chân Lý. Tuy rằng thoát kỳ thủy, họ ở trong các tôn giáo khác nhau, nhưng khi đã giác ngộ; thành chân, chứng thánh, thì lập tức họ có luận điệu giống nhau. Họ là những người như Eckhart (1260?-1327?) (Công giáo); Plotinus (203-279) (Do Thái giáo); Ibn al-Arabi (Môn phái Sufi - Bạch Y- Hồi giáo); Vivekananda (1863-1932) (Ấn độ giáo); Moses Cordovero (1522-1570) môn phái Kabbalah (thuộc Do Thái giáo); Boehme Jacob (1575-1624) (Tin Lành); Spinoza Benedict (1623-1677) (Do Thái giáo bị khai trừ) v.v... Thực đúng như lời Mạnh tử đã nói: «Tiên thánh, hậu thánh, kỳ quỹ nhất dã.» Max Muller đã có lần chủ trương muốn tìm lẽ nhất quán trong thiên hạ, phải học hỏi với các bậc minh triết trong thiên hạ.

Tuy các bậc minh triết chỉ là thiểu số trong thiên hạ, và thường cũng chẳng lập môn, lập phái; giỏi lắm là có một vài đồ đệ, như Plotinus có Porphyry. Nhưng quan niệm của họ về con người hết sức là cao siêu, mục đích cuộc đời của con người, đối với họ hết sức là sang cả. Như trên đã nói, đối với họ, thì con người ai ai cũng có Tính Trời, nên định mạng tối hậu của con người là sống Phối Thiên, kết hợp với Trời; hòa mình với Đại thể của vũ trụ.

Cho nên Minh triết phải được xếp hạng trên tôn giáo. Trong tương lai, nhân loại sẽ tiến dần dần từ phía các tôn giáo khác nhau, tới một nền Minh triết duy nhất. Vì thế mà tôi đã gọi nền Minh triết trên là Đại Đạo. Nó không còn Đông, còn Tây; còn kim, còn cổ; không còn Phật, còn Lão, còn Khổng, còn Hồi, mà tất cả đã được gạn lọc, mà tất cả đã được thăng hoa, để trở thành một viên ngọc chí quý, chí bảo, tặng cho những người có công đi kiếm, đi tìm. Viên ngọc đó sẽ không còn bị che, bị đậy bằng những lời dụ ngôn, bằng những lời ẩn dụ, nhưng sẽ được trao tặng trực tiếp cho người hữu duyên, hữu phúc (Mark 4:34; Mat. 13:35; Luke 8:9; Mat. 13:10- 15). Chân lý đối với họ là những gì trực tiếp chiêm nghiệm được (Mat.13:16), chứ không phải là chuyện chấp nhận quàng xiên; ai nói sao, thì «đâm nhao» làm vậy; không còn phải là câu chuyện «nghe hơi nôi chõ»; «gãi ngứa ngoài giày». Đây không còn chuyện tha tội, tha vạ; mà là chuyện đích thực trao quyền trở thành những «Con Thiên Chúa», những người cộng hưởng gia tài với Chúa (Romans 8:14- 17.- 8: 18- 30), và sẽ được ngồi trên ngai Thiên Chúa, như đã phán hứa trong sách Khải Huyền: «Ai thắng, Ta sẽ cho ngự với Ta trên ngai của Ta; cũng như Ta đã thắng và đã ngự với Cha Ta trên ngai của Người.» (Revelation 3:21). Cũng nên nhận chân rằng có nhiều vị Minh triết Đông Tây, vẫn còn chưa chịu bước tiến hóa nơi đây, mà nhất định thể nhập vào với Đại thể Vô Biên, viên dung, toàn mãn, vô nhân, vô ngã, nhất như, vô phân biệt...

Bao lâu con người chưa đạt tới trình độ tiến hóa cao siêu, bấy lâu ta thấy vẫn hết sức cần có những tôn giáo. Và cũng không có ai phủ nhận được vai trò tích cực của các tôn giáo, trong công trình giáo dục con người; hướng dẫn con người làm lành, lánh dữ; giữ gìn trật tự, trị an cho xã hội; xây dựng được những đền, đài, miếu, mạo, hết sức là nguy nga tráng lệ; sản xuất được không biết bao nhiêu là văn phẩm, nghệ phẩm tuyệt vời. Một hôm, ngồi đàm đạo với một bạn tôi về vai trò các tôn giáo, ông bạn tôi nói một câu hết sức lý thú. Ông cho rằng chính nhờ ở sự hi sinh cao cả của không biết là bao nhiêu người đã cất công đi giảng truyền tôn giáo cho đời, mà bây giờ chúng ta mới có thể ngồi yên ổn, uống nước trà, và trò chuyện cùng nhau.

Và Chân Lý chẳng qua là một vấn đề gắn liền với lập trường, với quan điểm, với tầm nhìn, lối nghĩ của mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi thời đại. Thực tại thời vô biên, lại biến hóa khôn lường, từng phút từng giây; còn từ ngữ chúng ta thời hữu hạn. Dùng cái hữu hạn, mô tả cái vô cùng thì làm sao mà hoàn toàn chính xác được. Ví dụ như Ánh sáng bây giờ ta thấy vừa là phân tử (particles), hay quang tử (photons); vừa là ba động (waves), nên nếu chúng ta «chấp nhất» trong bất kỳ vấn đề gì, chắc chắn chúng ta sẽ sai lạc, sẽ hẹp hòi.

Bàn về Chân Lý, bài học hay nhất mà chúng ta học được chính là bài học khiêm tốn! Trên đời này, nói thế nào, cũng có người không vừa lòng. Phía tôn giáo chê phía Minh Triết là «vô thần», là «phiếm thần». Phía Minh Triết thì cho rằng tôn giáo đã quá hữu hạn hóa Đại thể vô biên, đã giam Đại thể Vô Biên vào trong vòng Âm Dương, vòng hình, danh, sắc, tướng, bằng các thứ định nghĩa của mình, các thứ hài danh (đặt tên) của mình; đã nhân cách hóa Tuyệt đối, khiến cho Vô Biên Tuyệt đối cũng sầu bi, hỉ, nộ, phàn nàn, hối hận như con người. Đại thể vô biên phải siêu trên thần vật. Vì thế mà các nhà Minh triết Âu Châu đã dùng các chữ Godhead, hay «It»; các nhà Minh Triết Đông Phương đã dùng các chữ Vô Cực, Thái cực, Hư Vô hay Đạo để «cưỡng ép» mà gọi Đại thể vô biên.

Nói về Chân Lý, bàn về chân giả, mới đầu tưởng là chỉ ở nơi ngoài xã hội, nơi sách vở bên ngoài; cuối cùng té ra không phải vậy.

Công cuộc suy tư tìm hiểu đâu là Chân, đâu là Giả trong con người chúng ta, càng ngày càng làm ta rùng mình: Rốt ráo, phần lớn nơi con người chúng ta là giả cả! Cái gì thuộc hình danh, sắc tướng nơi người chúng ta đều là giả cả. Thế là chúng ta phải vứt đi một mớ lớn các cái giả về xác thân. Tiếp đến cái gì biến thiên cũng đều là giả cả. Thế là suy tư, niệm lự, thất tình lục dục cũng đều bị kiểm kê là giả. Chỉ còn cái Bản thể Chân thường hằng cửu nơi ta mới được tuyên bố là Chân Thực, là Chân Lý. Mà Cái Đó lại là của chung trời đất chứ chẳng phải của riêng ta. Cho nên cái ta, chẳng còn gì, cũng bị phế là giả luôn.

Đến đây, tôi thấy mình chẳng còn gì nữa, vì cái mình riêng tư suy cho kỹ, là hư ảo; thảo nào mà người xưa đã dùng những chữ Tứ Đại giả hợp, hay chữ Vọng Tâm, Vọng Niệm, Vọng Ngã, nên tôi làm chúc thư để đời như sau:

– Thân xác tôi rút cuộc là những Nguyên tử Khinh khí, Dưỡng khí, Đạm khí, và Thán khí hợp lại mà thành. Khi tôi thoát tục sẽ trả chúng về muôn phương; và cho chúng toàn quyền đi xum họp chỗ khác, lập tổ ấm nơi khác.

– Tân dịch, máu huyết, tôi trả về cho sông biển, trả về cho mây mưa.

– Cái gì là không khí, là «hồn», tôi trả về cho không trung vô hạn.

– Cái gì là quang, là Thần tôi trả cho nó nhập lại với nhật nguyệt, tinh cầu.

– Còn lại Linh giác, Linh tri, vì chính là thuộc Bản thể của vũ trụ, nên dĩ nhiên là sẽ y cứ thuộc về Bản thể vũ trụ; chưa có tôi, chẳng hề tăng; có tôi rồi cũng chẳng hề giảm.

Tuy nhiên, sau khi đã vứt bỏ hết các lớp lang phụ thuộc, giả tạo, tạm bợ bên ngoài, sau khi đã tìm ra được Chân Bản Thể của mình và của vũ trụ, tôi thấy mình đã tìm ra được chân lý rốt ráo của nhân quần, mà Bà La Môn giáo đã tóm tắt bằng mấy chữ: Tat Tvam Asi: Con là Cái Đó...

Đến đây, tôi thấy chuyện tôi bàn về Chân Lý; về Chân, Giả, thật ra chẳng có nghĩa lý gì nữa.

CHÚ THÍCH

[1] Vergilius Ferm, An Encyclopedia of Religions, The Philosophical Library, New York, 1945, tr. 33 nơi chữ Apostle's creed, và tr. 207- 209 nơi chữ Creeds of Christendom.

[2] Ib.tr.116- 118, nơi chữ Canon Old & New Testament.

[3] "Yôm" en Hébreux n'a jamais signifié: période géologique et "il y eut un soir, il y eut un matin" n'a jamais voulu dire: il s'écoula deux ou trois milliards d'années.- Georges Crespy- De la Science à la Théologie, p. 17.

[4] Ainsi que l'affirmait déjà Léon XIII dans son Encyclique Providentissimus Deus: “Les écrivains sacrés n'ont pas voulu renseigner les hommes sur les choses qui ne sont d'aucune utilité pour le salut; voilà pourquoi, plutôt que de poursuivre une recherche scientifique, ils décrivent les choses avec des métaphores ou parlent selon le langage commun usité de leur temps.- Louis Pirot, La Sainte Bible, Tome 1, Genèse, p. 127.

[5] La Commission Biblique dans sa décision de 30 Juin, 1909 sur le caractère historique des trois premiers chapitres de la Genèse, affirme que l'intention de l'auteur sacré n'est pas d'enseigner d'une manière scientifique la constitution intime des choses et l'ordre de la création, mais il parle selon la connaissance populaire d'après les données des sens et dans le langage du temps. - Ib. p. 127.

[6] Herbert B. Puryear, Ph.D. Edgar Cayce, Reflections on the Path, Bantam Books, 1979, p.15.

Truth is within ourselves; it takes no rise
From outward things, whate'er you may believe.
There is an inmost center in us all,
Where truth abides in fulness; and around
Wall upon wall, the gross flesh hems it in,
This perfect, clear perception- which is truth.
A baffling and perverting carnal mesh
Binds it, and makes all errors: and to KNOW,
Rather consists in opening out a way
Whence the imprisoned splendour may escape,
Than in effecting entry for a light
Supposed to be without.

[7] In Hinduism, Brahma is the Creator of the universe, one of a trinity with Shiva and Vishnu. But these three gods are personified manifestations of something greater: Brahman, the changeless, eternal principle which makes the universe what it is.

Editor Cavendish, Man, Myth & Magic, An illustrated Encyclopedia of the supernatural, Marshall Cavendish Coporation/New York, 1970, p.323.

[8] Prasna 6.5- 6.- Brih.4.4.1- 2.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 9

BÀN VỀ CÁI ĐẸP

Trời cho tôi đôi tay hết sức vụng về, và một khối óc không nhớ nổi hình ảnh và màu sắc, nên tôi không tài nào mà học vẽ nổi. Trông một hình đã có sẵn; mất thì giờ, vẽ đi, vẽ lại; tẩy đi, tẩy lại; thì đại khái vẽ cũng còn tạm được. Nhưng nếu bắt vẽ thuộc lòng, vẽ tưởng tượng một người, thì ôi thôi! tai không biết cắm vào chỗ nào, tay không biết gắn vào đâu; muốn vẽ ngựa, thì lại hao hao giống con chó. Quay sang học đàn học hát: Kết quả cũng tương tự: học dương cầm thì không chịu học đổi ngón tay; mắt cứ thích trông trộm vào phím đàn; gặp dấu trắng thì thích đánh nhanh; gặp dấu cờ lại ưa đánh chậm; gặp dấu 2, 3 cờ thì tự động đầu hàng. Thành thử bản đàn nào, dấu của Mozart, Beethoven hay của Gounod, của Chopin hay của Bach cũng vẫn mang thêm nhãn hiệu của tôi, vì vậy mà không sao hòa tấu với ai được. Tưởng có tài hát, tôi quay sang học hát. Mọi người trầm trồ khen tiếng tôi hơi chua, và hát thường hay sai khoảng chừng gần nửa dấu. Đã vậy mà còn gặp những Do#, Re#, hay Si thì quả là tai hại. Tôi vẫn nghĩ rằng nếu có khi nào mà có đài truyền hình nào vô phúc mời tôi hát một bản thì ngày ấy, chắc chắn các khán, thính giả sẽ tự động đổi đài, và đài truyền hình mời tôi ca sẽ hối hận vô cùng.

Tuy nhiên, trông bức tranh đẹp, tôi cũng thấy ngay đó là bức tranh đẹp.

Cái óc thẩm mỹ này, tôi được trời phú cho ngang với các ông gia, bà lão, hay, các thanh thiếu niên từ quê đến tỉnh.

Không cho biết vẽ, không cho biết đàn hát, nhưng lại cho biết thích xem tranh, thích nghe đàn hát như ai; nghĩ ra mới thấy rằng ông Trời thật đã ưu đãi tôi. Tôi không vất vả gì, mà đâu đâu cũng nhìn thấy cái đẹp, vì cái đẹp, cái hay, ông Trời đã cho nó tung tỏa từ trong lòng tôi cũng như từ trong lòng bạn từ khi mới chào đời.

Tính tôi lại dễ dãi, "lùng chừng, đại khái tháng ngày tiêu dao", theo đúng lời khuyên của Lý Mật Am trong bài Bán bán ca, nên đi tìm cái đẹp quả là không có khó.

Thực ra tôi cũng không muốn định nghĩa thế nào là đẹp. Nhưng quý vị là những bậc thức giả, những người sành điệu lại cần biết thế nào là đẹp, vì sao lại đẹp; có dài dòng giải thích, phân tích quý vị mới vừa lòng. Tới đây, tôi nhớ đến chuyện con «cuống chiếu». «Cuống chiếu» có rất nhiều chân, tối thiểu cũng khoảng một trăm chân; người Âu Châu phóng đại lên cho rằng nó có đến ngàn chân (mille-pattes). Ngày thường nó bò rất mau, rất tự nhiên, không thắc mắc. Nhưng một hôm có người lại hỏi nó rằng; khi người bò, người khởi đầu bằng chân thứ mấy, và chân nào tiếp theo chân nào. «Cuống chiếu» đâm hoang mang, cứ tự hỏi khi bò, mình đã bắt đầu bằng chân thứ 2, thứ 5, thứ 10, hay thứ 42? Nghĩ thế, rồi đâm hoang mang, đâm lúnh quính, không còn biết bò thế nào cho đúng điệu nữa.

Thành ra khi muốn viết một bài thế nào là CÁI ĐẸP, tôi lại phải đi tìm xem người xưa đã định nghĩa thế nào là đẹp, rồi lại đi tìm ít sách về Nghệ Thuật để đọc; mượn ít nhiều sách bàn về những cảnh đẹp thiên nhiên... Tôi thấy tôi đúng là con «cuống chiếu».

Cho nên, theo tôi, hay nhất, là cứ mở tâm hồn, mở mắt ra là thấy cái đẹp nó ở khắp mọi nơi. Từ xó vườn nhỏ, cũng có những cụm cỏ, những hoa, những lá, những cành tự động muốn vươn ra, ngóc lên để đón ánh sáng. Tôi có một cái vườn nhỏ sau nhà. Cũng có hồng, có lan, có cúc, có đào, có trúc đào, có dạ lý hương, có hoa lồng đèn (fuschia); hoa đỗ quyên (azalia), hoa trạng nguyên (poinsettia), v.v... Các hoa, lá đó cứ âm thầm mà phát triển. Hoa nào ra cũng đẹp tuyệt vời: vàng, đỏ, tím, hồng, trắng, tùy loại, tùy hoa. Cây trúc đào từ hàng xóm rủ sang, cành xà xuống mái nhà tôi; nhưng trúc đào không vì khuất trên nóc nhà, mà không nở hoa. Thỉnh thoảng ít nhiều chim, cũng xuống đậu các cây quanh nhà, líu lo, ca hát một hồi rồi lại bay đi. Ra khỏi nhà, đi đến đâu, cũng thấy quanh các nhà là cỏ, với hoa. Tôi trông thấy rất nhiều loại cây cảnh ở bên này, rất nhiều loại màu sắc, mà không làm sao biết đủ, để hình dung đủ, mô tả đủ được vẻ đẹp của trời đất.

Ngay về màu sắc, tuy là có năm màu chính theo Đông Phương (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen), hay bảy màu theo Tây phương (tím, lam, xanh, xanh lá cây, vàng, cam, đỏ), nhưng lúc các đơn sắc nói trên pha trộn lại, thì có thể biến thành mấy trăm màu, thành thử muốn bàn về Cái Đẹp, tôi nghĩ cũng nên bàn qua về màu sắc.

Người Việt ta thông dụng có mấy chục màu như sau:

TÍM (violet)

- Hoa cà (tím, pha tía, pha trắng) (mauve).

CHÀM (LAM) (Indigo)

- Xanh biển (chàm pha đen) (ultramarine).

XANH DƯƠNG (Blue)

- da trời (xanh pha trắng) (azure, sky colour)

- nguyệt bạch (xanh pha trắng nhiều hơn) (light blue)

XANH LÁ CÂY (Green).

- Rêu (xanh phớt vàng) (moss)

- Lá mạ (rêu pha vàng + trắng) (light green).

- Chanh (rêu pha vàng) (lemon-coloured)

- Hoa lý (chanh trắng) (light lemon)

VÀNG KIM (yellow)

- Mỡ gà (vàng pha trắng) (cream)

- Ngà (vàng pha nhiều trắng hơn) (ivory).

- Cam (vàng pha son) (orange).

- Hồng đào (cam + son + trắng) (peach, salmon).

SON (cam + đỏ) (vermilion).

HỒNG (son + trắng) (rose)

HUNG (son + đỏ ót + phớt đen) (garnet)

ĐÀ (son + đỏ + đen nhiều hơn) (terrous; «terre de Sienne»).

NÂU (son + đỏ + đen nhiều hơn nữa) (maroon, chesnut- colour, or brown).

ĐỎ (đỏ ớt) (red) (cerise)

XOAN (đỏ + tía + trắng) (light purple)

TÍA (đỏ + tím) (purple)

HOA CÀ (tía + tím + trắng) (mauve)

Trong bài Thú dùng tranh Tết để chúc Tết dâng trong Đất Nước tôi số 8 Xuân Mậu Thìn, tôi đã cho thấy người xưa đã phân màu đỏ thành những màu như hoa hiên, điều, son, cánh quế thắm, cánh sen nhạt, phấn hồng, hoa đào...; màu vàng thành vàng thắm, vàng nhạt, hoa lý...; màu xanh thành xanh nhạt màu hồ thủy, hay hòa bình, hay nguyệt bạch, xanh lá cây, xanh lam.

Sau khi tiếp xúc với Tây phương ta có thêm những màu như Be (beige) (màu vàng mỡ gà lẫn màu hồng đào và màu xám); màu kaki (hay Khaki) (màu be hơi ngả về lục); màu cứt ngựa (reseda) nếu sẫm; ô-liu (olive) nếu nhạt.

Trên đây chúng ta còn thấy thiếu màu đen, màu trắng và màu xám. Đó chính là vì tôi đã trình bày theo cách phân màu của W. Ostwald, tác giả cuốn «Die Farbenlehre» xuất bản năm 1919 tại Leipzig. Khi ông trình bày các màu, ông đã dùng hai hình nón có đáy chập lại với nhau ở phía giữa, còn hai chóp thì ở hai bên tả hữu; chóp tả là màu đen, chóp hữu là màu trắng; các màu kể trên được xếp theo một đường dọc thẳng ở chính giữa. Còn màu xám, thì được xếp trên một đường ngang nối liền hai chóp đen và trắng. Màu xám còn gọi là màu tro (gio), hay màu chì loăng. Xám cũng có thể xám xanh (xám ửng xanh), xám lục (xám ửng lục), hay xám bồ câu (xám ửng tím).

Thực ra cũng chẳng cần phải biết nhiều màu, mới thường thức được cái vẻ đẹp của trời đất. Thi hào Nguyễn Du chỉ dùng có năm màu chính cũng đã làm cho phong cảnh nên vô cùng xinh đẹp:

Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa... (Kiều 41- 43)
...Tuyết in sắc ngựa câu dòn,
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời. (Kiều 139- 140)
...Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá, đen rầm ngàn mây... (Kiều 912- 913)
...Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn. (Kiều 917- 918)
...Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san... (Kiều 1522- 1524)

Chúng ta ngắm cảnh đẹp phải ngắm bằng tâm hồn, chứ không phải xem xét bằng lý trí. Mendelssohn cho rằng hễ ta phân tách vẻ đẹp, thì vẻ đẹp sẽ biến mất. ^[1] Meier nói: Má mỹ nhân phải được ngắm bằng mắt trần; nếu lấy kính lúp mà soi, sẽ mất hết vẻ đẹp. ^[2]

Họa sĩ kiêm thiền sư Frederick Franck cho rằng muốn thường thức cái đẹp, phải nhìn thật lâu, ngắm thật kỹ; và nếu được, vừa ngắm vừa cố dùng bút mà tô, mà vẽ lại cái cảnh trí mình nhìn. Nhìn cho lâu lai, ngắm cho kỹ lưỡng cho đến khi nào cái đẹp của cảnh vật nó lọt vào cảm quan, tri giác của mình, tung tỏa trong tâm thần, trí não mình, và dần dần sẽ tuôn ra trên ngọn bút; lúc ấy bất kỳ cảnh vật gì cũng trở nên kỳ diệu. Sau khi suy tư về lời khuyên của họa sĩ Frederick, tôi mới thấy tôi xưa nay đã nhìn cảnh vật bên

ngoài, một cách phớt qua, hời hợt. Tôi lại ra sau vườn, nhìn lại những cỏ hoa trong vườn, một cách kỹ lưỡng hơn. Tôi mới thấy cũng chỉ là mấy cây hồng quen thuộc, mấy cây hoa lồng đèn (cây hoa tai: fuchsia) quen thuộc, nhưng nhìn kỹ lưỡng, lâu lai, quả thấy nó trở nên đẹp đẽ, trở nên lạ lẫm hơn nhiều. Cũng là hoa hồng nhưng sắc thái lại rất nhiều, tùy như là sắp nở, đang nở, hay sắp tàn. Những lá hồng cũng có nhiều màu: cành non thì đỏ như da một hài nhi; những lá đã luống tuổi, thì trở nên xanh đậm; những lá sắp tàn úa, thì ngả sang màu vàng, hay màu nâu, màu đà. Có lá thì bị phủ một lớp bụi trắng, trông có vẻ bệnh hoạn, như đang trông chờ tôi xịt cho một chút thuốc trừ rầy... Các hoa lồng đèn, cái thì tím, cái thì đỏ, từng chùm, từng chùm, như những lồng đèn nhật bản tí hon, treo khắp cánh vườn trong một ngày hội hoa đăng. Tôi cảm thấy hoa lá như đang thu các màu của ánh sáng mặt trời, mà những khi vừa mưa, vừa nắng đã tung ra thành một hình cầu vòng vĩ đại trên khung trời.

Tôi càng ngày càng thấy rằng muốn hưởng cái đẹp của trời đất, trước hết lòng mình phải thanh thản để đón nhận. Nếu mình đang ưu tư, đang sầu, đang khổ, thì cảnh sắc bên ngoài dù đẹp đẽ đến đâu, cũng không làm ta rung cảm được. Cho nên cảnh sắc bên ngoài chính là tấm gương soi tâm tình ta. Ta vui, cảnh cũng như rộn rịp, ta buồn, cảnh cũng đều hiu.

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Năm 1960, tôi có dịp ghé thăm Ba Lê ít ngày. Tôi đi lang thang khắp nơi, viếng nhà thờ Đức Bà, tản bộ trên bờ sông Seine, vào dạo chơi nơi vườn Luxembourg, đi thăm Khải Hoàn Môn, trèo lên đỉnh tháp Eiffel, trong một đêm trăng sao vàng vạc, để nhìn bao quát cảnh Ba Lê về đêm, với muôn ánh đèn màu tán mạn dưới chân; thăm điện Versailles; điện Pantheon; Hôtel des Invalides; vào bảo tàng viện Le Louvre, và Guimet; lên khu Montmartre; đâu đâu tôi cũng thấy cảnh trí bên ngoài như rạo rực cảm tình, như muốn âm thầm đối thoại cùng tôi; và không bao giờ tôi thấy hồn thơ, sóng nhạc lại rạt rào trong dạ hơn lúc bấy giờ. Tôi hỏi một người bạn đồng hương xem họ còn cảm thấy Ba Lê đẹp nữa không, thì ông bạn cho biết: suốt ngày tất tưởi lo sinh kế, nên cứ cắm cúi mà đi, quên hẳn những cảnh vật bên ngoài.

Tôi cũng còn nhớ, hồi còn trẻ, được đi máy bay lần đầu tiên từ Hà nội vào Sài Gòn, tôi thấy tâm thần hết sức tỉnh táo, rạo rực. Từ lúc máy bay bắt đầu chuyển bánh cho tới khi lên tới chín tầng cao; từ khi nó bay qua những thành thị, những thôn xóm, những cánh đồng, những sông ngòi, những rặng núi xanh xanh phía dưới, cho đến khi bay trên biển cả, bay xuyên qua những áng mây; nhất nhất hình ảnh nào nhìn thấy, tôi cũng cố thu vào trong ký ức; nhất nhất cảnh trí nào cũng hết sức là kỳ ảo đối với tôi. Nhưng lạ lẫm thay, trong nhiều chuyến đi máy bay sau này, tôi đã mất cái háo hức của thời niên thiếu, và cứ lên máy bay, là liệu tìm cách ngủ vùi, chỉ còn nhìn thấy cái chật hẹp của con tàu, và những bộ mặt uể oải của hành khách. Tôi mới nhận ra rằng cái đẹp nó vốn sẵn có quanh ta, nhưng đón nhận được cái đẹp lại là tùy khả năng lĩnh hội của mình.

Tôi có một anh bạn, tuy là bận rộn với nghề nghiệp, nhưng vẫn dành nhiều thì giờ để hưởng cái đẹp quanh mình. Anh thích vẽ, thích chụp ảnh, thích ngắm hoa. Mỗi khi có quỳnh nở, anh lại mời bè bạn đến để "xem hoa nở". Mỗi khi cánh hoa muốn tàn phai, rơi rụng, anh không cho quét đi, mà để xem cái cánh hoa rơi ấy nó sẽ tan biến đi như thế nào. Nhiều khi anh thuê thuyền đi xem cảnh thủy triều lên xuống ở vùng New Port Beach, và rất thích ngắm cảnh chiều tà; lòng băn khoăn không biết bóng chiều từ không trung phủ xuống, hay từ dưới đất vươn lên.

Tôi cũng có quen một thi sĩ cao niên thích sống cùng lan, cùng quỳnh. Mỗi khi hoa nở, là đốt trầm lên để ngồi ngắm hoa, đối thoại với hoa, trang trọng như đón một vị tiên trên thượng giới xuống chơi. Sống trong một thế giới văn minh vật chất này, mà còn sống hồn nhiên được như vậy, sáng khoái được như vậy

thực cũng là một điều kỳ dị.

Ngược lại tôi cũng gặp nhiều vị đến chơi tôi, phàn nàn là tại sao có nhiều người còn mất thì giờ làm thơ, làm phú, mà quý vị cho là vô ích chi thậm; thay vì làm công chuyện ấy tại sao không dạy cách kiếm tiền, không bàn về những vấn đề "chính trị, chính em." Tôi mới giải thích rằng thi ca là một nguồn vui rất thanh cao. Làm thơ được, những khi bị kẹt xe trên xa lộ, hay khi đến phiên phải rửa bát trong nhà, thì thực sự là những bậc mặc khách, tao nhân, biết sống hay và sống đẹp.

Tôi càng ngày càng thấy rằng, con người sinh ra ở đời này không phải là để sống lầm than, lam lũ, mà để dần dà sống cho hay, cho đẹp, cho có nghệ thuật.

Và thực ra, cái đẹp đã ám ảnh mọi tầng lớp con người từ trẻ đến già. Các cô thôn nữ Việt Nam, tuy không dùng phấn sáp, nhưng cũng biết mượn miếng trầu để cho cái môi thêm đỏ, cái má thêm hồng. Còn như các cô gái thị thành, các cô gái văn minh hiện đại, thì một đời đã dùng không biết bao là tạ phấn son! Dân quê ta, lúc nghèo, thì quần nâu, áo vải; nhưng lúc có tiền thì cũng quần là, áo lượt như ai. Lúc đã làm nên, thì là lúc "áo gấm về làng". Khi nghèo, thì nời đất, bát đàn; nhưng khi đã khá giả, thì nời đồng, bát bịt, mâm son, bát sứ. Con người xưa nay là thế vậy.

Tôi cũng thấy có nhiều người đến một tuổi nào đó lại đâm ra thích chơi đồ cổ, mua tranh cổ, sưu tầm đồ cổ, vì đồ cổ có cái thanh kỳ riêng của nó. Kể ra thì cũng là một thú chơi tao nhã. Nhưng riêng tôi cái thú vui tao nhã nhất, cái hay, cái đẹp nhất lúc tuổi già là sống sao cho nghệ thuật, sống sao như thể là tinh hoa trời đất đã hội tụ ở nơi mình.

Tôi rất thích câu Văn ngôn hào lục ngũ, quẻ Khôn:

Hiền nhân thông lý Trung Hoàng,
 Tìm nơi chính vị mà an thân mình.
 Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
 Làm cho cơ thể xương vinh mỹ miều,
 Phát ra sự nghiệp cao siêu,
 Thế là đẹp để đến điều còn chi.

và đoạn [Trung Dung, chương 29](#): «Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo; hành nhi thế vi thiên hạ pháp; ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc.» 是故君子動而世為天下道;行而世為天下法;言而世為天下則. Mà tôi phỏng dịch như sau:

Mỗi động tác phải nên gương mẫu,
 Mỗi hành vi nên dấu nên khuôn.
 Lời lời ngọc nhả châu phun,
 Lưu cho hậu thế muôn ngàn dài lâu.

Đạo Đức Kinh chương 54, chủ trương rằng khi Đạo Trời được thực thi thật sự, ánh sáng Trời sẽ lai láng muôn nơi.

Đạo Trời tu dưỡng nơi mình,
 Đức Trời sẽ chứng, tinh thành chẳng sai.
 Gia đình tu Đạo hôm mai,
 Đức Trời âu sẽ láng lai tràn trề,

Đạo Trời giải sáng làng quê,
Đức Trời âu cũng thêm bề quang hoa.
Đạo Trời rạng chiếu quốc gia,
Đức Trời lai láng tuôn ra vô ngần.
Đạo Trời soi khắp gian trần,
Đức Trời âu sẽ muôn phần mệnh mang.

Khi còn trẻ, tôi ước mơ có những khi sẽ đi chu du thiên hạ: sẽ sang Ai Cập, sẽ sang Phi Châu, sang Âu Châu, sang Tàu, sang Nhật. Nhưng gần đây các bạn tôi lại góp ý, là ngay nước Mỹ này cũng đầy dẫy cảnh đẹp. Chẳng cần phải đi đâu, cứ du lịch vòng quanh nước Mỹ cũng đã quá đủ rồi. Tôi liền đặt mộng đi thăm các công viên Yosemite ở California, hoặc Yellowstone ở Wyoming; đi thăm thác Niagara ở giáp giới Canada và tiểu bang Nữ Ước; hay những cánh rừng cây cổ thụ vĩ đại Sequoia, và Redwood ở California; thăm Grand Canyons ở Arizona; thăm những động thạch nhũ ở Timpanogos, Utah v.v... Nhưng suy đi nghĩ lại thì thấy rằng càng đi nhiều lại càng mệt xác, — đến bây giờ nhớ lại những lần đi công du, thay đổi các chuyến máy bay, "check in, check out" hành lý, lễ mễ sách hành lý, tôi vẫn còn thấy ớn — và chủ trương như vậy cũng chưa "cao tay ấn". Nên tôi lại đặt cho tôi một chương trình đơn sơ hơn, và chẳng tốn ải gì cả: đó là đi tìm cái đẹp ở quanh mình, là đi du lịch trong các sách vở, trong các hình ảnh lưu trữ ở các thư viện; tìm cái hay cái đẹp, nơi những người sống quanh mình, tìm cái hay cái đẹp trong đời sống hằng ngày, trong tất cả cái gì tầm thường nhất mình gặp; và cố làm cho cái đẹp của trời đất càng ngày càng lan tỏa, càng thẩm thấu vào trong tâm hồn mình...

Tôi nghĩ ra rằng mình ở đâu, thì phải tìm hiểu về phong thổ, về cảnh vật xứ ấy, nên tôi bắt đầu khảo về chim chóc ở Mỹ, cây cối ở Mỹ, thảo mộc ở Mỹ. Tôi bắt đầu làm quen với các loại cây cảnh, hoa cảnh, lá cảnh giồng quanh nhà. Tôi không thích gọi chúng bằng tên Mỹ, mà đặt cho chúng một tên Việt Nam hay hay. Chẳng ai cấm tôi làm chuyện này, và tôi đã để khoảng một giờ để đặt tên cho hoa cỏ Mỹ như sau:

Achimenes: Hoa dã yên. – African violet: hoa Đông Phi. – Aluminium plant: cây lá nhôm. – Amaryllis: hoa loa kèn. – Aphelandra: cây ngựa vằn. – Avocado: cây dã lê. – Azalea: hoa đỗ quyên. – Baby tear's: nhi đồng lệ. – Begonia: giả hải đường. – Boxwood: cây tiểu diệp. – Brazilian eldelweiss: tuyết nhung hoa. – Bromeliad: cây vân diệp. – Cactus: xương rồng. – Caladium: khoai lá đỏ. – Camelia: trà hoa. – Chenille plant: cây thảo trùng. – Chinese evergreen: vạn niên thanh. – Christmas cactus: xương rồng sinh nhật. – Columnea: cây áng tóc. – Coral berry: cây san hô. – Crotons: cây ba đậu. – Crown of thorn: cây mào gai. – Cyclamen: cây anh thảo. – Dracaena: cây long hình. – Dumb cane: cây mỹ diệp. – English ivy: cây thường xuân. – False aralia: cây a hoàn. – Fatsy: cây lá sao. – Fatsia: cây thất hướng. – Fern: dương xỉ. – Figs: nguyệt quế. – Fittonia: cây phi tần. – Flame violet: cây lá tía. – Flowering maple: cây cối xay. – Fuchsia: cây lồng đèn; cây hoa tai. – Gardenia: cây dành dành. – Geranium: cây phong lữ. – Gloxinia: hoa mỹ sắc. – Grape ivy: thường xuân leo. – India rubber plant: cây Hồ giao. – Jade plant: cây bích ngọc. – Jerusalem cherry: Mã anh đào. – Kafir lily: hồng huệ. – Kalanchoe: cây khả lân. – Kangaroo vine: cây hàn nho. – Kohleria: hoa chuông Cổ Lễ. – Lipstick plant: hoa sáp môi. – Moses- in- the- cradle: cây kiếm diệp. – Myrtle: cây mỹ tự. – Nautilocalyx: hoa vỏ sò. – Norfolk island pine: cây tản vân. – Orchids: phong lan. – Oxalis: chua me đất. – Palm: cây thiên tuế. – Peacock plant: cây đuôi công. – Peperomia: cây Nam Mỹ. – Philodendron: cây duyên tình. – Piggyback plant: cây lưng heo. – Pittosporum: cây phi tử. – Poinsettia: hoa trạng nguyên. – Polyscia: cây Nam Dương. – Pothos: cây duyên nợ. – Prayer plant: cây nguyện cầu; cây lốt rắn. – Screwpine: cây răng cưa. – Shrimp plant: cây đuôi tôm. – Singapore holly: cây nhựa ruồi. – Sinningia: cây tiểu đồng. – Snake

plant: cây lười rần. – Southern yew (podocarpus): cây phổ độ. – Spathe flower: hoa lá láng. – Spider plant: cây tơ nhện. – Strawberry geranium: giả phong lữ. – Streptocarpus: Nam Phi hoa. – Swiss cheese plant: Cây phó mát. – Syngonium: cây lưỡng sắc. – temple bell: cây chuông chùa. – Ti plant: cây tì diệp. – Umbrella plant: cây lá dù. – Velvet plant: cây nhung diệp. – Wandering jew: cây lang thang. – Wax plant: cây hoa sáp...

Khi đã đặt cho cây cỏ một tên như vậy, nó sẽ trở nên gần gũi, thân thiết với mình hơn, vì nó chính là mình sinh ra...

Có vị tò mò hỏi tôi dựa vào đâu mà đặt ra những tên như vậy. Tôi thưa:

Khi tôi đặt tên, tôi xem kỹ hình hoa, hình lá, tên hoa, màu hoa, quê quán của hoa, rồi tùy nghi mà đặt. Ví dụ gặp hoa Kohleria, tôi thấy hoa hình như những chuông nhỏ, tôi lại thấy hai chữ "Cổ Lễ" trong chữ Kohleria; rồi tôi nhớ hồi trẻ có đi thăm chuông chùa Cổ Lễ ở vùng Nam Định, thế là tôi đặt là Hoa chuông Cổ Lễ. Ví dụ tôi đặt cho Philodendron là hoa duyên tình, vì Philo là yêu; Dendron là cây... Đến cây Pothos, tôi thấy sách tả rằng nó giống Philodendron, nhưng màu lá nhạt hơn, thế là tôi liền phong cho nó làm Hoa duyên nợ. Rồi có hoa lại gọi là Đông Phi, Nam Mỹ, Nam Dương, vì chúng xuất xứ ở những nơi đó. Gọi Columnea là Áng tóc vì nó óng ả, giống như làn tóc mây của cô thôn nữ Việt Nam. Cây Fittonia tôi đặt là Phi tần vì thấy chữ Fittonia phiên âm ra gần như vậy. Cây Ti plant tôi gọi là Tì diệp, vì Ti âm điệu không hay bằng Tì. Thực không gì sung sướng bằng những cây chưa có tên, mà nay mình cho nó những tên, khi thì có mùi Kiều, khi thì có mùi kiếm hiệp Kim Dung, như là Phi tử, Phi tần, Tiểu đồng, mà đặt thế nào, thì cũng «chẳng ai phiên lụy, chẳng ai rày». Thế thực là đã tìm thấy cái vui, cái đẹp cái hào hứng, cái hài hước, trong những công việc hết sức là tầm thường, buồn nản. Để gọi là có theo đòi chút ít sách đèn, tôi cũng đọc các bài bình luận về Thẩm Mỹ, về CÁI ĐẸP. Đã đành là những bài viết đó hết sức là cao, nhưng có cái lạ là hình như chúng chứa sẵn một loại thuốc ngủ khá mạnh, mỗi khi đọc chúng tôi thấy tự nhiên ngáp lên ngáp xuống, ngáp đến chảy nước mắt, và thấy cái tâm hồn mình đang vui tươi, trong sáng, tỉnh táo như con sáo sậu, bỗng nhiên lại «Bâng khuâng đỉnh Giáp, non Thần», cho nên tôi lại gấp sách lại, trở về với cái vốn liếng nhà, và tự trách mình luôn muốn bắt chước con cuống chiếu phân tách xem phải bò bằng chân nào.

Sau này tôi mới biết lý do tại sao khi đọc các lý thuyết bàn xuôi, tán ngược về Thẩm Mỹ, về Cái Đẹp, mà tôi lại có thể buồn ngủ. Đó chính là vì cái đẹp thuộc phạm vi tâm thần, chứ không thuộc phạm vi lý trí. Lý trí và trí huệ, Trời cho để đi tìm cái Chân; Ý chí và Dũng cảm Trời cho để thực hiện cái Thiện; còn cái Đẹp là gia tài của tâm thần. Cái đẹp mở rộng vòng tay chờ đón mọi người, dù là trẻ nít hay là bà lão; dù là người nhà quê, hay là dân thành thị, dù là lê dân hay là bậc đế vương; xem một vở kịch hay, nghe một bản nhạc du dương, một bài ca hùng tráng, nhìn một bức tranh đẹp, là cũng đều rung động, thích thú giống nhau. Cái đẹp nó thấm nhập vào tâm hồn chúng ta một cách hết sức là tự nhiên, không bắt chúng ta phải suy tư, phải cố gắng. Một bài ca hay, một vở kịch hay, chính là vì đã biết cách làm cho cây đàn thất tình trong tâm hồn ta rung động. Một kịch sĩ hay có thể làm chúng ta khóc, chúng ta cười, chúng ta vui, chúng ta giận, chúng ta sợ, chúng ta thương, chúng ta hồi hộp, chúng ta mê say. Nghệ thuật có thể dùng lời ca, tiếng nhạc, dùng ánh sáng, dùng trang trí, để mà lôi cuốn chúng ta, hấp dẫn chúng ta. Chính vì vậy mà các đạo giáo, rất chú trọng dùng nghệ thuật vào trong công cuộc phụng vụ. Không cứ là phải nghe đàn ca réo rắt, nguyên nghe những tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh ngân nga, cũng đã làm cho tâm hồn mình lâng lâng sáng khoái; ấy là chưa kể rằng mình cũng hòa được vào những giọng ca, những lời tụng hát theo, hòa theo, tụng niệm theo, kể như là mình đã bị chinh phục...

Viết về cái Đẹp, tôi thích nhất là không phải động chạm đến chủ nghĩa, chủ thuyết nào, chỉ việc hòa

mình với thiên nhiên một cách chân thành, một cách hồn nhiên, thoải mái. Thấy hoa thơm thì nói là thơm, thấy hoa đẹp thì rằng hoa đẹp, chứ không sợ tội vạ gì, và cũng chẳng phải lĩnh chỉ thị của ai. Tối thiểu, tôi thấy tôi có tự do rất nhiều trong vấn đề thẩm mỹ này. Tuy nhiên, cảnh sắc cũng như con người, nó chỉ chơi với những ai đồng thanh tương ứng với nó, chỉ đối thoại với những người mà nó thấy thương thương. Tiến sĩ Rollo May, tác giả quyển *My quest for Beauty*, cho biết lý do tại sao ông hiến thân cho nghệ thuật. ông kể rằng một hôm ông đi dạo trên một vùng đồi núi ở Hi Lạp, bỗng lạc vào một vùng đầy hoa thủy tiên hoang. Lúc ấy ông như say, như tỉnh và sức nhớ mấy lời vần thơ của Wordsworth:

I wandered lonely as a cloud
That floats on high o'er vale and hills,
When at once I saw a crowd,
A host of golden daffodils...
Ten thousand saw I at a glance,
To sing their heads in spritely dance.

Tôi phỏng dịch;

Lên thác, xuống ghềnh tựa mây trôi,
Lang thang đây đó, khoảng núi đồi,
Ngàn vạn thủy tiên đâu rộ nở,
La đà trước gió, đón chào ai?

Và từ ấy ông mới nghe thấy tiếng lòng ông thôi thúc ông đi tìm cái đẹp...

Và ông lại ngâm tiếp mấy câu thơ của Wordsworth:

For oft, when on my couch I lie,
In vacant or in pensive mood,
They flash upon the inward eye
Which is the bliss of solitude;
And then my heart with pleasure fills,
And dances with the daffodils. [3]

Tôi phỏng dịch;

Đòi phen, tựa triện, nghĩ lai rai,
Đòi phen lòng dạ vắng sự đời,
Hình ảnh thủy tiên đâu lại hiện,
Hiện ra rục rở cả lòng tôi!
Như hoa vui múa dưới trời,
Lòng ta hoa ấy đôi nơi từng bừng.

Nếu chúng ta nhìn vào cảnh đẹp đất trời, mà đến say sưa ngây ngất, đến như thấy mình hòa làm một cùng Đại Thể vũ trụ, không còn gì là biên cương ngăn cách, lúc ấy ta sẽ trở thành con người mới, hoặc là sẽ bước vào con đường giác ngộ.

Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, nên tôi cần dẫn chứng thêm.

Họa sĩ Delacroix ngày kia, giữa những phút nghỉ ngơi sau nhiều giờ làm việc, ngồi phơi mình trên cỏ nắng. Ông tình nghịch bốc lên tay một nắm cát, mắt lim dim, sẽ hé lòng bàn tay cho cát rơi lả tả trong nắng. Cát lăn tăn quay lộn, bắt ánh nắng mặt trời hiện ra muôn màu sắc lóng lánh như những phần tử ánh sáng lạ lùng. Ngoài xa, những đồng rơm vàng rực, những đàn bò ngăm đen, tượng trời, hình đất, cả một khung cảnh kỳ thú và tuyệt diệu, biến ảo trước mắt nghệ sĩ sau màn cát, chứa đựng cả một vũ trụ ánh sáng và màu sắc quyến rũ như những hình ảnh mơ trong một giấc mơ tuyệt đẹp. Delacroix bàng hoàng, hấp tấp ghi lại những «ấn tượng» khả ái kia trên khung vải, bằng đầu bút, thành những chấm màu sắc li ti, xinh xắn; chấm nọ đặt khít chấm kia. Trên tác phẩm đầy sức sống hiển hiện giữa những vẩy vàng nháy múa lăn lộn trong cát mang tên là «Những người đàn bà da đen thành Alger». Delacroix ghi lại những tiếng hồn tơ rung động và hình ảnh thoáng qua trong giây phút... Bức họa này đã mở màn cho phong trào cá nhân chủ nghĩa, tiền phong của môn phái ấn tượng.

Fritjof Capra, một giáo sư vật lý, một chiều hè, ngồi trên bãi biển, tự nhiên cảm thấy những luồng sinh lực, như những thác lũ đang đổ xuống trần hoàn, và thấy tất cả các vi tử vi trần, ngoài thân ông cũng như trong thân ông đang đang rạo rực đồng tấu một đại vũ khúc của vũ trụ, một vũ khúc thần linh như vũ khúc Shiva, và từ đấy ông đi vào thế giới biến ảo, chuyển dịch vô thường của Kinh Dịch, vào thế giới tương đối của Âm Dương và thế giới Đồng nhất của Bản thể: từ một nhà vật lý học ông đã trở thành một đạo gia, và đã viết quyển The Tao of Physics để bắc nhịp cầu giữa Khoa học Tây phương với Đạo giáo Đông Phương.

Đọc tiểu sử Đức Huỳnh Phú Sổ, ta cũng thấy là Ngài, sau khi đưa thân phụ đi chu du các vùng núi Tà Lơn, Thất Sơn, nhân xúc ảnh thiên nhiên bao la, hùng vĩ, mà đã giác ngộ.

Mới hay cảnh vật thiên nhiên vừa là nhịp cầu, vừa là bức màn ngăn cách cá nhân với Đại thể vô biên. Và trong công phu đi tìm đại thể Vô Biên, con người có hai đường lối trong và ngoài: chung qui vẫn chỉ là làm sao vượt qua được bức màn ảnh tượng. Cái vẻ đẹp bên ngoài của muôn vật chính thực đã lan tỏa từ lòng sâu Bản thể để chan chứa ra bên ngoài. Khi chưa giác ngộ, thời Bản thể như một đạo gia đang đi hái thuốc ở một vùng rừng núi mênh mông, khói sương mịt mù che phủ, mà khách không biết vân mòng nơi đâu mà tìm, như trong bài thơ Tầm Ẩn Giả Bất Ngộ 尋隱者不遇 của Giả Đảo 賈島:

Tùng hạ vấn đồng tử 松下問童子
Ngôn sư thái dược khứ 言師採藥去
Chỉ tại thử sơn trung 只在此山中
Vân thâm bất kiến xứ 雲深不知處

Tản Đà dịch:

Gốc thông hỏi chú học trò,
Rằng: «Thầy hái thuốc lò mò đi xa,
Chỉ trong dãy núi đây mà,
Mây che mù mịt biết là nơi nao?»

Chi Điền dịch:

Dưới thông hỏi chú tiểu đồng,
Thưa: «Thầy hái thuốc nên không có nhà.
Thầy đi quanh núi không xa,

Mây mù che khuất biết là nơi đâu.» [\[4\]](#)

Nhưng khi đã «quan kỳ vô thanh, thính kỳ vô tượng» (Nghe qua bức tường âm thanh, nhìn qua lớp màn ảnh tượng), thì Bản thể vũ trụ lúc nào cũng gần trong gang tấc, và lúc ấy đạo gia có thể ngâm lời thơ của Upanishad:

He who, dwelling in all things,
Yet is other than all things,
Whom all things do not know,
Whose body all things are,
Who controls all things from within-
He is your Soul, the Inner Controller,
(The immortal. Brihad- aranyaka Upanishad, 3.7.15)

Chuyển thơ:

Vô biên lẫn trong lòng vạn hữu,
Mà vẫn như缥缈 diêu xa xăm.
Muôn loài là xác, là thân,
Mà nào có hiểu Chân Thần là chi?
Trong lòng vạn hữu chỉ huy,
Ngài là Thần bạn, uy nghi trường tồn!

Giáo sư Tiến sĩ Fritjof Capra, khi trích dẫn lời kinh trên, đã đưa ra lời bình luận bất hủ như sau:

«Vì chuyển dịch và biến thiên là hai đặc tính căn bản, cơ hữu của vạn vật, cho nên những động lực sinh ra chuyển dịch không ở ngoài vạn vật, như Hi Lạp xưa đã quan niệm, mà chính là đặc tính nội tại của vật chất. Chính vì thế mà Á Đông cho rằng THẦN LINH không phải là một nhà cầm quyền ngự trên trời để điều khiển hạ giới, mà chính là một NGUYÊN LÝ chỉ huy mọi sự từ lòng sâu vạn hữu.» [\[5\]](#)

Lúc ấy không còn phân tiên, tục; tục tiên; lúc ấy, trong tiên có tục, trong tục có tiên; lúc ấy dưới lớp tục bên ngoài, có cốt tiên bên trong. Đúng là:

«Lơ thơ chùa rách giữa làng,
Ai hay lại có bụi vàng ở trong.»

Lúc ấy mới nhận ra rằng dưới những lớp gấm hoa hiện tượng bên ngoài, dưới lớp tranh vân cầu huy hoàng bên ngoài, luôn luôn có sự hiện hữu của Bản thể vĩnh cửu ở bên trong. Mới hay cái đẹp biến thiên bên ngoài đã dần dần phơi bày ra cái đẹp vĩnh cửu ở bên trong.

Đạo Lão rằng:

Phân minh chỉ tại mục tình tiên,
Chỉ tại thời nhân bất kiến Thiên.

Dịch:

Phân minh đã sẵn trước con người,
Chỉ tại người ta chẳng thấy Trời.

André Malraux, năm 1960, đã viết một quyển sách về Nghệ thuật nhan đề là The Metamorphosis of the Gods (Sự Hóa thân của Thần minh).

Chắc là ông muốn nói lên rằng cái vũ trụ hữu hình này chỉ là muôn vạn hóa thân của Đấng Vô Cùng.

Ông lại chủ trương đại khái rằng:

1.- Nghệ thuật trong nhiều ngàn năm đã có bốn phận mô tả thần minh. [6]

2.- Hi Lạp thực ra đã không phân biệt thiêng và tục, vì Thần Linh đã tiềm ẩn trong vạn hữu, vì bất kỳ sinh linh nào cũng có yếu tố Thần Linh ở bên trong. [7]

3.- Trong nghệ thuật Hi Lạp, cái hình tượng phải làm lan tỏa Thần Linh ra bên ngoài [8]

4.- Cho đến khoảng thế kỷ 12, Giáo hội miền Đông (Byzantium) cho rằng Thượng đế xa cách muôn loài; còn Giáo hội La Mã vẫn tin Thượng đế tiềm ẩn trong lòng vạn hữu. [9]

Như vậy, theo tôi, nghệ thuật, bất kỳ là hội họa hay điêu khắc đều phải làm cho ta thấy trong ảnh, trong tượng có THẦN. Theo đà thời gian, có thời kỳ, các họa sĩ đã làm mất cái Thần đó đi, nên trông vào các ảnh tượng, ta thấy nó có vẻ ngây ngô, đờ đẫn, chẳng có tự nhiên chút nào. Trông vài Lịch sử nghệ thuật Tây Phương, ta thấy nó chuyển mình dần, từ Thượng đế, đến tượng hình (symbols) (Byzantine: thế kỷ 5; Romanesque: thế kỷ 5-12), đến Chúa Giêsu, đến Đức Mẹ, đến các thánh Tông đồ (Romanesque), rồi đến các thánh hoặc tử đạo, hoặc không (Gothic: thế kỷ 12-15; Baroque: thế kỷ 16-18), đến các Giáo Hoàng, các vua chúa hoặc danh tướng danh nhân. Mới đầu thì mô tả linh thiêng siêu việt, sau dần dần, như muốn đem sầu bi khổ nạn của Chúa, của Đức Mẹ để kích động lòng người; đem thiên đàng hỏa ngục để hứa hẹn, hay đe dọa. Và những hình ảnh đó in sâu vào trong tâm hồn những người dân chất phác. Francois Villon, một thi sĩ Pháp đã mượn lời người thôn nữ già để mô tả ảnh hưởng của nghệ thuật dân gian đó như sau:

Gái này vừa túng vừa già,
Hoàn toàn mù chữ, chưa qua mái trường.
Làng tôi có một giáo đường,
Có hình hỏa ngục, thiên đường đôi nơi.
Thiên đường thời có cầm đai,
Hỏa hào thời thấy hồn người bị thiêu,
Thiên đàng, tôi thấy tôi yêu,

Trông vào hỏa ngục, lòng nhiều kinh mang. [10]

Từ thời Phục hưng (thế kỷ 14) trở về sau mới thấy có những hình ảnh dân gian, trần tục. [11] Ví dụ như hình ảnh khỏa thân là đặc điểm của thời kỳ Phục hưng.

Từ thế kỷ 19 đến nay, Âu Châu lại đi từ Thực Tại trở về Trừu tượng, trở về Ấn tượng, Tượng hình, v.v...

Malraux cho rằng các thời đại cổ xưa như ở Hi Lạp, ở Ấn độ, nghệ thuật, như muốn nói lên rằng sau bức màn hiện tượng biến thiên, còn có Chân Lý hằng cửu. Nghệ thuật cốt là để nói lên cái Hữu, nói lên cái trật tự, cái hòa hài, cái đẹp đẽ, cái cân xứng của thế giới hữu hình này.

Và Ai Cập thì cho thấy cái vĩnh cửu, ngự trị giữa các biến thiên.

Từ cái đẹp thiên nhiên, tôi đã lan man bàn đến mỹ thuật gian trần, nhất là đến hội họa và điêu khắc, và tôi cũng đã cho thấy mỹ nghệ có khi thăng, khi giáng; khi cao, khi thấp; khi khinh khoáng, khi trần tục, như thể con người. Tuy nhiên tôi không phải chỉ nguyên tìm thưởng thức cái đẹp, mà chính là đi tìm cho ra căn do cái đẹp. Khi còn bé, tôi chỉ thấy cái đẹp nó rời rạc, ngày nay tôi thấy cái đẹp trong sự hòa hài, tiết tấu, đối đáp của cả vũ trụ quần sinh.

Ví dụ khi tôi mới lớn lên, còn ở nơi thôn dã, tôi đã làm một bài thơ nhỏ, mà nay tôi chỉ còn nhớ được đoạn cuối như sau:

...Nhưng mà trong lũy tre xanh,
Cho người mến Chúa, Chúa dành phúc riêng.
Đã được Chúa, con liền đầy đủ,
Được Chúa rồi, còn có thiếu chi?
Chúa là đóa huệ diệu kỳ,
Chúa là ngọc quý, lấy gì bắc cân.
Núi xanh biếc, xa xăm một dãy,
Đồng minh mang, mây hấy gió đưa,
Tiếng chim ríu rít sớm trưa,
Con sông vang sóng, lững lờ buồn xuôi.
Mọi vẻ đẹp trên trời, dưới đất,
Chúa ra tay xếp đặt vì con.
Trông vời trời bể nước non,
Lòng con muốn giữ tấm son suốt đời.

Bây giờ đọc lại mấy vần thơ trên, tôi thấy nó thật ấu trĩ. Lúc ấy, tôi và Thượng Đế thật là bỉ thử chia phôi; Tương giang đầu, Tương giang vĩ. Ngày nay tôi thực sự mới thấy Ngài chính là Nguồn sống của tôi; và tôi cũng chính là một thành phần bất khả ly trong cái vũ trụ vô biên tế này.

Lúc ấy, tôi mới chỉ thấy những vẻ đẹp của trời là sự xếp đặt của Thượng Đế; ngày nay tôi thấy vẻ đẹp của gian trần chính là sự hiển linh của Thượng Đế. Và vì Ngài ở khắp nơi, nên tôi cũng thấy vẻ đẹp tuôn ra từ khắp nơi. Dù tôi ra biển khơi, tôi cũng thấy vẻ đẹp in trên sóng nước; dù tôi có vào rừng thẳm, tôi cũng thấy vẻ đẹp tràn lan trên các hoa dại, lá rừng; dù tôi lạc vào sa mạc, tôi vẫn thấy vẻ đẹp rờn đùa trên các lớp sóng cát vàng. Đối với tôi vẻ đẹp đã từ lòng đất tung ra để giúp cho hoa lá có muôn màu rực rỡ; vẻ đẹp đã từ thinh không sa xuống bằng ánh sáng của hai vầng nhật nguyệt, và của muôn sao, hay bằng những hạt sương, hạt móc. Vẻ đẹp đã quyện vào hương hoa, phảng phất đó đây trong không trung; vẻ đẹp đã lồng vào trong tiếng gió hơi may, xào xạc nơi kẽ lá, đầu cành; vẻ đẹp đã theo làn gió mát, từ phương trời xa âm thầm tới, mơn man da thịt của chúng ta, trong những buổi trưa hè oi bức. Vẻ đẹp đã lẫn vào trong bóng dâm, đã hiện ra trong khoảng nắng, trên những bước đường ta đi. Chúng ta luôn luôn được thưởng thức những cảnh đẹp thiên nhiên ấy, mà không hề phải trả một xu tiền vé vào cửa nào.

Trông màu sắc cỏ cây, tôi thấy như các hạt ánh sáng đã ngưng đọng lại trong các màng lưới diệp lục tố (chlophyll), để làm cho chúng ta vui mắt. Mỗi khi nhìn vào kim cương, vào ngọc hồng, ngọc lam, ngọc bích, ngọc tím, ngọc đỏ, ngọc xanh, tôi lại tưởng như đó là những nàng tiên từ một khung trời nào đó, vì mầng vui, nên đã bị hóa kiếp làm ngọc, chỉ còn biết ngậm ngùi, nhìn hồng trần, nhìn tôi bằng những ánh

mắt chứa chan sắc màu, những lại vô cùng thâm lặng. Và tôi sẽ quyết không mắng vui, để cho thân khỏi cảnh cá chậu, chim lồng trong khoảng trời công danh lợi lộc, đánh mất cái thần thông biến hóa của mình.

Tôi có một ông bạn có một tâm hồn hết sức bén nhạy. Tuy ông là một Phật tử thuần thành, mà gặp tôi, ông đã nói được những câu như «sống thông công với Chúa», và ông lại tạo ra được hai chữ «thần tắc», khi tôi đang nói chuyện về «thần thông». Có lẽ Lão tử và Trang tử cũng đã sợ «thần chúng ta bị tắc» trong vòng âm thanh, và màu sắc, nên đã cố khuyên ta tránh đừng để cho mình bị quyến rũ bởi âm thanh và màu sắc của thế nhân.

Càng ngày tôi càng thấy âm nhạc, kiến trúc, hội họa, điêu khắc, kịch nghệ, là những gì không thể thiếu được, khi con người còn sống ở trần hoàn này. Nó kích động con người, an ủi con người, làm cho con người quên sầu, quên muộn, và như luôn luôn muốn nhắc nhở con người rằng dưới bức màn ảo ảnh, biến thiên của hình, danh, sắc tướng, còn có một Đại thể vô biên. Con người sinh ra đời phải làm sao mà vượt nổi «bức tường thanh sắc» của không gian thời gian, để trở lại với Đại thể vô biên ấy. Chính vì vậy, mà dù bên Đông, cũng như bên Tây, người ta sùng xây các đền đài, miếu mạo. Vũ trụ, đền đài, miếu mạo, con người, tuy là ba thành phần hết sức khác nhau trên bình diện sắc tướng; nhưng lại hoàn toàn giống nhau trên phương diện cơ cấu. Nói thế có nghĩa là nếu có LINH THẦN trong giữa lòng vũ trụ; thì ắt LINH THẦN cũng phải có trong nơi cao quý và thâm sâu nhất của đền đài, và trong con người. Cho nên các đền đài lớn trong thế giới xưa nay, một là khuôn theo hình dáng vũ trụ, hai là khuôn theo hình dáng con người.

Các nhà khảo cổ, quan sát các đền thờ, các thành thánh xưa (như Angkor Thom) đã nhận thấy rằng khi xây cất các công trình vĩ đại ấy, cổ nhân muốn lấy gỗ đá để xây lại một vũ trụ nhỏ, cho nên Trung Cung bao giờ cũng dành để thờ đấng Tối Cao, còn bên ngoài thì trạm trổ tiên thánh, quần sinh, hoặc là có thành quách bao bọc, tượng trưng cho núi non; hào lạch, tượng trưng cho sông biển. Con người muốn đi vào Trung Cung, muốn lên tới thần minh, sẽ phải vượt biển, trèo non, sẽ phải lướt thắng các trở ngại, sẽ phải đi quanh quất, tiến tới mãi mới đến được, chứ không phải là chuyện dễ...

Léon Sprink sau khi suy cứu về các lối kiến trúc các thánh đường của Giáo Hội Chính Thống cũng như của Giáo Hội La Mã, đã đi đến kết luận như sau:

- Các thánh đường bên Đông xây theo lối vòm tròn, và bàn thờ sẽ ở nơi tâm điểm của vòm.
- Các thánh đường bên Tây (thuộc Giáo hội La Mã) được xây theo hình thập tự, trong đó cánh trên chính là đầu con người; hai cánh ngang là hai tay; cánh dưới là mình, là chân con người. Bàn thờ dĩ nhiên phải đặt vào cánh trên, tương đương với Minh Đường nơi con người. [\[12\]](#)
- Trong hình Bát quái, trong các Mandalas Ấn Độ hay Trung Hoa, bao giờ tâm điểm cũng dành cho Vô Cực, Thái Cực.
- Trong tất cả các tinh thể của vạn hữu, tâm điểm là một chỗ trống.
- Kỳ lạ nhất là khi vẽ các đồ án thành phố, khi xây cất các thành phố, bao giờ cũng thấy có một khu Trung Tâm, mà người ta gọi là Công trường hay Quảng trường (Square). Trung tâm đó có thể tròn như Công trường thánh Peter ở Vatican, hay vuông, hay chữ nhật như thấy trong nhiều thành phố Âu Châu thời Trung Cổ. Paul Zucker, đã viết quyển Town and Square, dày 287 trang, để chứng minh sự kiện này. [\[13\]](#)
- Hình như tiềm thức con người đã bắt con người luôn luôn bị ám ảnh bởi cái Trung tâm huyền diệu ấy. Mà thật ra, nếu không có Trung tâm huyền diệu ấy, thì vũ trụ, vạn hữu, sinh linh tất cả đều bị ngột ngạt.
- Nói thế để hướng dẫn quý vị tới Não thất Ba, mà tôi đã khám phá ra được tầm quan trọng của nó,

trong đời sống tâm linh và đạo giáo con người, vào khoảng năm 1962. Người xưa gọi nơi tâm điểm đầu não trong con người ấy là LINH ĐÀI, là CAO ĐÀI, là HUỖNH ĐÌNH, là «Chân Nhất Nguyên Thần sở cư chi thất». Chân Thần quý vị ở đấy, Phật tính quý vị ở đấy; đền đài miếu mạo nội tâm quý vị ở đấy. Nhưng đã có bao giờ quý vị vắng cảnh đền đài này chưa?

Chung qui, hẳn quý vị cũng thấy rằng, trong khi mời gọi quý vị thưởng thức cái đẹp thiên nhiên, tôi đã giúp quý vị nhìn thấy dáng dấp của Vô Biên; trong khi cùng quý vị đàm luận về nghệ thuật, tôi đã cho quý vị thấy tất cả cái đẹp đẽ, cái sáng tạo của con người đều đã từ một điểm Linh Đài mà tung tỏa ra; đã gọi cho quý vị thấy rằng một nghệ sĩ siêu việt phải biết dùng cái Hữu Hạn, để gọi ra cái Vô Biên; phải gọi cho thấy Nguồn Sinh Lực vô biên đang rạt rào sau bức màn cảnh sắc biến thiên của đất trời, chứ không phải là để mê hoặc con người, dọa nạt con người, làm cho tâm hồn con người cô đọng lại thành những hình gỗ đá, cứ đứng ỳ thân, mặc kệ sự chuyển vận, biến hóa linh diệu của trần hoàn.

Tôi lại suy tư thêm rằng: Trời sinh ra con người không phải là chỉ để cho hưởng đẹp; để tạo ra cái đẹp, cái hay cho người đời chiêm ngưỡng; nhưng chính lại còn là để cho đời sống mình trở thành một nghệ thuật sống động, một bài ca, một khúc nhạc tuyệt vời. Công trình tu luyện bản thân có thể ví được như là công trình của một nhà điêu khắc, lúc thì đục cái này, lúc thì đũa cái kia, để cho tất cả trở nên cân xứng, trở nên quân bình, trở nên sống động, trở nên tinh tuyền. Có lẽ chính vì vậy mà Kinh Thi đã khen người quân tử như sau:

Kìa xem bên nẻo sông Kỳ,
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai.
Người đâu rục rờ hỡi người,
Như cắt, như đánh, dưa mại bấy nay.
Lắm liệt thay, rục rờ thay,
Hỡi người quân tử biết ngày nào quên.

Đạo Đức Kinh, nơi chương 22, cũng viết:

Bao dang dở làm cho tươm tất,
Bao cong queo, hãy bắt cho ngay,
Hãy san chỗ trũng cho đầy,
Cũ cang đổi mới, mới ngay tức thì.
Đạm thanh sẽ thỏa thuê, đầy đủ,
Phiền toái nhiều, trí lự ám hôn.
Thánh nhân một dạ sắt son,
Hòa mình với Đạo, treo gương cho đời.
Ít phô trương: rạng ngời sáng quắc,
Chẳng khoe khoang: vắng vặc trắng sao.
Chẳng vênh vác, vẫn cao công nghiệp,
Chẳng huyênh hoang, ngồi tít tầng cao.
Không tranh ai nổi tranh nào,
Lời người xưa nói nhẽ nào sai ngoa.

«Bao đang dở làm cho tươm tất,
Tươm tất rồi, ắt sẽ về Ngài.»

Còn đối với những vị đã đắc quả thượng thừa, vô tu, vô chứng, tôi xin tặng lại bài kệ của Lục tổ Huệ Năng.

Bồ đề bản vô thụ	菩提本無樹
Minh kính diệp phi đài	明鏡亦非臺
Bản lai vô nhất vật	本來無一物
Hà xứ nhạ trần ai?	何處惹塵埃

Tạm dịch:

Bồ đề vốn không cây,
Gương trong cũng chẳng đài,
Bản lai không một vật,
Bụi bám ở đâu nơi?

Tóm lại, dùng Linh tri, Linh giác của mình để mà tìm ra được Đại thể của Vũ trụ, và của lòng con người, đó là Chân.

Dùng thần uy, thần lực để thực hiện điều hay cho mình, cho người, đó là Thiện.

Thực hiện được cái đẹp nơi tâm linh mình, làm cho cái đẹp từ tâm linh mình tung tỏa mãi ra, dãi sáng mãi ra, hòa được mình vào Nguồn đẹp của vũ trụ quần sinh, đó là Mỹ.

Khi mà Chân, Thiện, Mỹ hòa hợp với nhau thành Đại Linh Quang, con người sẽ đạt được thể THÁI HÒA muôn thừa.

Mới đầu chúng ta tưởng chừng như cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ nó ở ngoài chúng ta, ai hay, cuối cùng ta lại thấy chúng đã tiềm ẩn sẵn trong lòng ta, từ khi ta chửa chào đời. Mới hay chuyện đời thật hết sức kỳ bí.

CHÚ THÍCH

- [1] 'Beauty, says Mendelssohn, 'vanishes away as soon as we try to analyze it.'- James Hastings Editor, Encyclopedia of Religion and Ethics, Scribners, New York, Vol. II, p. 447, in Art. Beauty.
- [2] And Meir...thus expresses himself: 'The cheeks of a beautiful woman are beautiful as long as they are seen with the naked eye. Look at them, with a magnifying glass and their beauty departs.'- lb. p. 447.
- [3] Rollo May, My quest for beauty, Saybrook, S.F., Dallas, New York, 1985, p.p. 11&13.
- [4] Chi Điền, Hoàng Duy Từ, Đường thi tuyển dịch, tr.85- 86.
- [5] Since motion and change are essential properties of things, the forces causing the motion are not outside the objects, as in the classical Greek view, but are an intrinsic property of matter. Correspondingly, the Eastern image of the Divine is not that of a ruler who directs the world from above, but of a principle that controls everything from within. -- Fritjof Capra, The Tao of Physics, Bantam Books, 1984, p.11.
- [6] For many millenia art's function was to represent the gods.- André Malraux, The metamorphosis of the

Gods, Doubleday, New York 1960, p. 1.

[7] For Greece, the "sacred" did not exist, but neither did the wholly profane, since immanent in every form of life was an element of the divine.- Ib. 52.

[8] "The Greek miracle" was the creation of forms expressing the Divine.- Ib. 72.

[9] Byzantium had been fascinated by God's inscrutable remoteness; Rome saw God's presence in all things, and this was the leit- motiv of the preaching of the Age.- Ib. 186.

[10] E. H. Gombrich, The History of Art, Phaidon, 1966, p. 125.

I am a woman, poor and old,
Quite ignorant, I cannot read
They showed me by my village church
A painted Paradise with harps
And Hell where the damned souls are boiled,
One gives me joy, the other frightens me.

[11] In the Middle Ages we have art for God's sake, in the Renaissance we have art for man's sake, in the nineteenth century we have art for art's sake, and in the twentieth century we have no art for God's sake. (G. K. Chesterton).- Rollo May, My quest for Beauty, Saybrook, 1985, p. 187.

[12] Cf. Leon Sprink, Art sacré en Occident et en Orient, Editions Xavier Mappus, Sainte Hélène, Lyon, 1962.

[13] Cf. Paul Zucker, Town and Square, Columbia City Press, New York & London, 1966.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 10

TÔN GIÁO & MINH TRIẾT

Tôi bao giờ cũng công nhận uy lực của các tôn giáo đương thời; tôi bao giờ cũng thán phục cách thu hút quần chúng của các tôn giáo. Tôi thấy tôn giáo nào cũng có thể làm cho con người mê say, và nghĩ cho cùng tôn giáo nào cũng có những khía cạnh đẹp đẽ của nó. Từ ngót 40 chục năm nay, tôi đã dùng hầu như toàn thể thời gian để khảo sát tất cả các tôn giáo lớn nhỏ trên thế giới. Không những khảo về đời sống các vị Giáo chủ sáng lập ra các tôn giáo, lại còn khảo sát về nguyên do bành trướng của các tôn giáo; những vay mượn của các tôn giáo đối với các tôn giáo bạn; những công lao mà các tôn giáo đã lập; những vinh quang mà các tôn giáo đã đạt; hoặc những lỗi lầm, những tội lỗi mà các tôn giáo đã phạm trong quá trình lịch sử của mình.

Tôi thấy tôn giáo nào chung qui cũng cho mình là có được chân lý toàn diện rất ráo. Còn các tôn giáo khác thì là sản phẩm hoặc của ma quỷ, hoặc của những kẻ điên loạn, my dân, ngu si, xuẩn ngốc, mà mình có bốn phen phải phỉ báng, đả kích, và nếu được, tiêu trừ cho đến tận gốc rễ. Đường lối và thái độ này đã được một phần lớn nhân loại theo, trong vòng hơn 1000 năm; đến nay mới được giảm thiểu.

Phật giáo phát xuất từ Bà La Môn giáo, nhưng sau lại chê Ba La Môn là tà đạo, là ma vương, ma quyến. Đạo Công giáo phát xuất từ Do Thái Giáo. Do Thái giáo do Đức Chúa Cha lập; còn đạo Công giáo là do Đức Chúa Con lập. Nhưng từ khi đạo Đức Chúa Con mạnh, thì lại quay ra đàn áp, phỉ báng Đạo Đức Chúa Cha. Các người theo đạo Do Thái sống trong các nước Công giáo ở Âu Châu thường chỉ có hai con đường: một là bỏ đạo mình, chịu rửa tội theo đạo Thiên Chúa; hai là bị trục xuất ra khỏi nước họ đang cư ngụ.

Muốn được lòng một tôn giáo nào đó, chúng ta chỉ việc một là tăng bốc khen lao họ, hai là chê bai các đạo giáo khác.

Khi một tôn giáo đi truyền đạo, thì muốn các dân nước phải cho họ tự do thu nhận tín đồ, nhân danh quyền tự do tín ngưỡng con người. Còn ở những nơi họ thống trị, thắng hoặc có ai dám đưa ra những tư tưởng gì mới lạ, khác biệt, thì lập tức bị coi là những phần tử phá hoại trị an, cần phải thẳng tay trừ diệt. Đó là thực tế trong một dĩ vãng gần đây.

Tháng 4 năm 1521, Luther – vị giáo chủ tương lai của Tin Lành – vì có những quan điểm khác biệt với Công giáo thời ấy, nên phải ra trình diện trước tòa thẩm án tôn giáo ở Worms, do Hoàng đế Charles chủ tọa.

Thay vì rút lại các lời lẽ, và tư tưởng đã được phổ biến trong các sách ông viết, ông long trọng tỏ ra bất tuân quyền Giáo Hoàng, và quyền các Công Đồng; chỉ tin vào Thánh Kinh, và chỉ nghe theo tiếng lương tâm. Sau khi ông ra về, thì tháng 5, 1521, Hoàng đế Charles, xuống sắc chỉ cho rằng một thầy tu mà dám chống lại một Giáo Hội có cả ngàn năm lịch sử, là một điều sai lạc; và như vậy Luther đã trở thành một phần tử tách rời khỏi Giáo hội Chúa, một kẻ biệt giáo, phản giáo bất trị; và truyền cho toàn dân không

được chứa chấp, nuôi dưỡng Luther; phải bắt Luther nộp cho nhà vua. Tất cả các bè bạn, tất cả những người theo chân Luther cũng phải được đối xử như vậy; gia sản họ phải bị tịch thu toàn bộ. Cấm không được in, được mua bán, tàng trữ sách của Luther. Sắc chỉ trên có hiệu lực cho tới khi Luther qua đời.^[1] Nhờ có những kỹ thuật tinh vi để nắm giữ quần chúng như vậy, mà các đạo giáo xưa nay đã bành trướng được và đã trường tồn.

Cũng có khi, người ta chém giết lẫn nhau vì bất đồng tín ngưỡng. Tuy là hai bên cùng thờ một Chúa, nhưng trước khi ra trận chém giết lẫn nhau, thì bên nào cũng khấn khoản xin Chúa chúc phúc cho bên mình, giúp mình tận diệt bên kia.

Cho nên nói rằng yêu kẻ địch, ắt hẳn là không có vậy.

Nước Mỹ này sở dĩ có, cũng là do những chuyện bách hại lẫn nhau vì đạo giáo, nên đã làm cho một số người phiêu bạt sang đây, lập nghiệp, tìm tự do.

Ngày nay, nhờ sự tiến bộ của con người; nhờ làn sóng Cách mạng Pháp, nhờ Hiến Pháp Mỹ – một hiến pháp, trở trêu thay, lại đã được soạn thảo do những chính trị gia thuộc hội Tam Điểm, một hội kín mà Công Giáo coi là đại thù địch, vì lẽ họ thờ Satan (sic)! – ta mới thực sự có quyền tự do tín ngưỡng ở đất Mỹ này.

Huston Smith's, tác giả quyển The Religions of Man, cho rằng hiện có 255 giáo phái Tin Lành lớn nhỏ ở Mỹ này. Tôi đếm trong mục lục quyển Handbook of Denominations in the United States, của Frank S. Mead, thì nguyên các giáo phái Thiên Chúa Giáo ở Mỹ này hiện nay cũng có khoảng 560. Ấy là chưa kể các đạo giáo người Việt Nam du nhập vào Mỹ gần đây, như Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Vô Vi, Mật Tông v.v... Như vậy sơ sơ chúng ta cũng có vài trăm loại Chân Lý lớn nhỏ.

Một điều nhận xét khác là đã đi theo một tôn giáo nào, không ít thì nhiều, cũng phải đặt mình dưới quyền điều khiển của hàng giáo phẩm của tôn giáo ấy.

Hơn nữa, một tôn giáo, trên nguyên tắc, là do một giáo chủ lập ra; nhưng trên thực tế, là do công lao của nhiều người đóng góp. Càng theo đà thời gian, nó càng được hạ thấp xuống để thu hút quần chúng. Cái hay của một tôn giáo là làm sao có được những lễ nghi long trọng, những bài ca, những khúc nhạc cho oai nghiêm, có những lời kinh ngắn gọn, để cho mọi người từ 5,6 tuổi, đến 80, 90 cũng vẫn thông công hoàn toàn được như nhau. Cho nên, đứng về một phương diện thì những lời kinh nho nhỏ như Nam Mô A Di Đà Phật; Nam Mô ô Ran Gi Kô của phái Liên Hoa; hay làm dấu thánh giá; đọc kinh Lạy Cha, Kính mừng, Sáng danh của Công giáo thật là tuyệt diệu, vì chỉ sau ít phút học hỏi, là mọi người đã có thể đồng ca, đồng tấu như nhau, là đã nói lên được sự đồng tâm, sự ưu ái, sự thông cảm với nhau rồi.

Cái giá trị của sự ngời Thiêng nó cũng phổ thông như vậy, vì bất kỳ ai, chỉ một vài phút là đã trực tiếp tham gia được.

Cái cao siêu của Hồi giáo cũng vậy. Chỉ cần sắm một tấm thảm nhỏ, rồi một ngày 5 lần, sau khi đã rửa chân tay, mặt mũi sạch sẽ, sẽ quì trên tấm thảm đó, quay về hướng Mecca, lên gối xuống gối năm lần, miệng đọc: Chỉ có Allah là duy nhất, và Mohammed là tiên tri của Ngài.

Môn phái Vô Vi gần đây sở dĩ được nhiều người hưởng ứng chính là vì dạy mọi người ngời Thiêng một cách giản dị. Ai ai cũng có thể thực hành ngay phép Thiêng đó. Chuyện bịt hai tai, hay kéo hai đuôi mắt, thực ra có người chỉ cho ít phút là xong ngay.

Cái gì dù thấp mấy, nhưng dễ thực hành vẫn được nhiều người sùng thượng. Thật không còn gì yên ủi hơn là chỉ cần niệm vài trăm câu Nam Mô Ô Ran Gi Kô mỗi ngày, mà tự nhiên sức khỏe sẽ thêm dồi dào; gia đình sẽ thêm sung túc; đi làm sẽ chóng thăng cấp; đi buôn sẽ phát tài nhiều, vì Trời Phật sẽ đặc biệt

độ trì cho mình.

Có nhiều người tin chắc rằng những lời chú bằng tiếng Phạn, tuy là mình đọc lên không hiểu gì, nhưng nguyên âm thanh nó cũng có sức cứu rỗi mình.

Tôi cũng được một ông bạn dạy cho bí quyết ngâm Lục tự Di Đà để đả thông kinh mạch.

Tôi lại cũng biết cả Lục tự: HU, HA, HÔ, HU, SUY, HY, của Lão giáo, có thể chữa được các bệnh gan, tim, ti, phế, thận, tam tiêu.

Ngoài ra còn biết niệm thần chú AUM của Bà La Môn nữa! Nhưng tôi thật vô duyên, có những báu vật như vậy mà chẳng biết dùng. Thấy người khác dùng chúng như là phương tiện chắc chắn để lên thiên đàng, vào Tịnh thổ để ợt mà thềm hết sức. Có vị chân sư lại kể cho tôi nghe rằng xưa có một vị niệm chữ AUM đúng cách, bỗng nhiên thấy có 5, 6 mặt trời hiện thêm ra. Nghe thấy thế, tôi sợ toát mồ hôi, vì một mặt trời đã quá nóng; thêm 5, 6 ông mặt trời nữa thiên hạ chắc sẽ chết; thành thử vì nhân đạo tôi lại càng không dám niệm chú AUM nữa.

Thực tình, càng ngày tôi càng thấy thương các vị thần thánh: Ngày nào cũng như ngày nào, vì phép lịch sự, các ngài phải nghe hạ giới cầu kinh, khen lao, van vãn mình, nhưng họ lại đọc quá nhanh, đọc như ăn cướp, đọc như nước chảy hoa trôi, cho chóng xong công chuyện, nhiều khi lại còn đọc trong khi nửa thức, nửa ngủ nữa. Và ác nhất là họ thay phiên nhau, hầu như là 24 tiếng, trên 24 tiếng; quanh năm, tứ đời; ngày ấy, tháng khác, đọc cùng một kinh ấy cho mình nghe hoài hoài, thì hỏi có khổ cho các Ngài không? Các Ngài làm sao có thì giờ nào khác để hưởng thú vui nơi Cực Lạc nữa?

Vì con người sinh ra ở đời này có nhiều trình độ khác nhau, cao thấp khác nhau, nên các tôn giáo cốt làm sao thích hợp với trình độ trung bình của quần chúng là tốt rồi.

Các bậc lãnh đạo tôn giáo thực ra là những người rất rành tâm lý quần chúng; rất am tường thị hiếu quần chúng. Mà quần chúng đại đa số là những trẻ nít, những người dân mộc mạc chất phác, những ông già bà lão thôn quê. Vì vậy, muốn thu hút họ, lời lẽ phải hết sức mộc mạc; nội dung phải hết sức cụ thể; phải làm sao cho họ được đóng góp trực tiếp ngay; thi hành được ngay; rồi phải tổ chức những cuộc hội hè rước sách cho long trọng; biết dùng thi ca, nhạc, kịch, hội họa, điêu khắc để truyền bá tôn giáo mình. Cần đem những lợi lộc đời này, đời sau để hứa cho những người theo mình. Cần đem những tai họa khủng khiếp đời này, đời sau để dọa nạt những người không theo mình. Khi nào thời thế cho phép, mình có thể dùng bạo lực, dùng những phương cách dã man, tàn khốc, để củng cố quyền uy của mình. Khi nào thời thế không cho phép, mình sẽ dùng phương pháp ngoại giao, dùng biện pháp mềm dẻo để đối phó.

Cộng sản trong khi tuyên truyền chủ nghĩa, xây dựng quyền uy, bảo vệ quyền uy, cũng đã theo rất sát các biện pháp mà các nhà lãnh đạo tôn giáo xưa nay đã dùng.

Càng ngày tôi càng thấy các bậc Minh Triết quả là những vị dở ẹc. Toàn dạy cái quá cao, quá khó. Một đời chưa chắc đã có nổi một đồ đệ theo nổi được tâm truyền của mình. Các Ngài không chịu hạ thấp những điều mình giảng dạy xuống cho hợp trình độ đại chúng, và chỉ đòi gập cho được những mặc khách tao nhân, lúc ấy mới chịu thổ lộ chân tình! Trong khi tôn giáo chủ trương «quí hồ đa, bất quí hồ tinh»; thì minh triết lại chủ trương «quí hồ tinh bất quí hồ đa»...

Tôn giáo, xét về phương diện xã hội, là một sự thực thi tình đoàn kết, tình tương thân giữa con người với con người. Đáng lý ra mỗi lần gặp nhau trong các dịp lễ, con người nên cùng nhau tay bắt, mặt mừng, làm quen lẫn nhau, thăm hỏi lẫn nhau. Tôi cho điều đó quan trọng hơn là ca hát một bài xưng tụng thần phật.

Tôi rất quí cử chỉ thân hữu của nhiều người, chỉ vì tình đồng đạo, mà mỗi khi trong những nơi mình ở,

có ai qua đời, là tụ họp đến đọc kinh cầu cho người chết, có khi lại còn tiễn đưa linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Tôi cũng rất cảm động khi thấy đôi trẻ dù giàu, dù nghèo cũng có thể cùng nhau đến Thánh đường, đến Phật đường, để long trọng thề hứa cùng nhau sống một cuộc đời yêu thương nhau cho đến trọn đời.

Cái giá trị khác của tôn giáo là cho con người có cơ hội cảm thông với thần thánh, làm cho con người cảm thấy bớt cô đơn nơi trần hoàn này. Ít ra ai ai cũng cảm thấy rằng mình không bị thần thánh bỏ rơi, mà trái lại vẫn được bàn tay yêu đương của thần thánh, cứu mang, phù hộ, độ trì.

Nói thế cốt là để xác quyết rằng tôi rất quý trọng các tôn giáo, và coi chúng như là những hiện tượng tâm lý, xã hội cần thiết cho con người. Trong đời, hiếm thấy những người không theo một tôn giáo nào.

Thường người ta ở đời, chỉ biết một đạo; nhưng cũng có những người ra công khảo cứu về các tôn giáo. Tôi cũng là một người thích nghiên cứu về các tôn giáo thế giới.

Đối với tôi, muốn hiểu biết cho rành rẽ về tôn giáo, muốn đoán định giá trị các tôn giáo, cần phải biết phân loại tôn giáo thành nhiều nhiều loại hiện tượng tương ứng với các tầng lớp trong con người.

1.- Trước hết vì con người có XÁC, có NGŨ QUAN, nên tôn giáo nào cũng bắt buộc phải có phần LỄ NGHĨ. Mà LỄ NGHĨ sẽ bao gồm đủ mọi loại kinh kệ, chuông mõ, hương hoa, đèn nhang, ca vũ. Vũ trong các tôn giáo hết sức là đặc biệt: Đó là những quì gối, cúi đầu, van vái, lạy lục, đứng lên, ngồi xuống, hoặc là đơn trình, hoặc là đồng tấu. Có tôn giáo thì lạy nhiều, có tôn giáo thì lạy ít; có tôn giáo thì hát nhiều, có tôn giáo thì hát ít. Có tôn giáo thì cầu kinh nhiều, có tôn giáo cầu kinh ít. Nhưng một lễ nghi tụng niệm, thường khoảng từ nửa giờ, đến một giờ. Tôi đã dự nhiều lễ nghi tôn giáo của nhiều tôn giáo Đông, Tây. Tôi thấy giáo dân thực tình tỏ ra hết sức say sưa khi tụng niệm. Tôi nhìn vào lòng tôi, thấy nó thờ ơ, lạnh nhạt làm sao trước những cảnh tượng nói trên.

2.- Vì con người có trí khôn, thích suy tư tìm hiểu, - nên hiểu trí khôn đây là tiểu trí - nên đạo giáo nào cũng có một số giáo lý, giáo điều. Giáo điều đạo giáo này khác với đạo giáo kia. Nó có thể khác nhau như nước với lửa. Người thì rằng vũ trụ này vô cùng; người thì rằng vũ trụ này hữu hạn. Người thì cho Thượng đế là hữu ngã; người thì cho Thượng đế là Vô ngã. Người thì chủ trương Chúa một Ngôi; người thì chủ trương Chúa 3 Ngôi. Người thì rằng thân tứ đại giả hợp là giả; người thì rằng đó chính là chân. Người thì tin Đức Mẹ có một con; người tin có Đức Mẹ có nhiều con. Người thì đặt nặng vấn đề Thượng đế siêu việt; người thì đặt nặng vấn đề Thượng đế nội tại. Người thì tin con người là kẻ tội lỗi vô giá trị; người thì tin con người có giá trị vô song. Người tuyên xưng người mãi mãi chỉ là người; người lại tin con người mai sau có thể thành Trời, thành Phật. Các tư tưởng về Thượng đế, về vũ trụ, về nhân quần biến từ A đến Z; từ không đến vô cùng. Tất cả là do tầm nhìn, lối nghĩ của các bậc giáo chủ, của các bậc lãnh đạo tôn giáo. Người thì cho rằng TIN nghĩa là chấp nhận không suy, xét, không đắn đo; người thì rằng chấp nhận không suy xét, không đắn đo chính là MÊ TÍN. Đạo nào cũng chủ trương từ bi, bác ái, nhưng thực ra, đạo nào cũng có thể sẵn sàng giết hại đối phương, vì tư tưởng bất đồng. Mầm loạn ly, mầm chia rẽ chính là tại ở nơi đây. Mầm tiến hóa cũng tiềm ẩn tại nơi đây. Cho nên hay dở chung qui vẫn là tại trình độ tiến hóa của từng cá nhân. Phúc lớn sẽ đến cho nhân loại, khi nào các giáo điều có thể trở nên linh động, uyển chuyển, đổi thay theo đà tiến hóa của nhân loại, hay ít là khi nào các giáo điều không còn làm trở ngại cho tình huynh đệ trong trần hoàn này. Phúc lớn sẽ đến cho thiên hạ, khi mọi người hiểu rằng tiểu trí không đạt được Chân lý. Chỉ khi nào đại trí con người, chỉ khi nào tuệ giác con người phát sinh, con người mới có thể đạt Chân lý. Cho nên phần lớn những điều mà ngày nay, nhân loại truyền thụ cho nhau dưới mỹ danh là chân lý, trong tương lai sẽ trở thành «giả lý». Cái hay nhất là chúng ta nên có một tâm hồn «mở rộng», chứ đừng «khép kín», đối với vấn đề Chân Lý, như vậy chúng ta sẽ trở nên cởi mở, bao dung hơn nhiều!

3.- Vì con người có hồn, nên tôn giáo nào cũng có hai khía cạnh khác là Luân Lý và Nghệ thuật.

Hồn chúng ta tưởng chừng như đơn thuần, nhưng kỳ thực có hai phương diện: thanh và trọc. Phần thanh khí (hay Hồn = Animus) trong con người làm cho con người ưa chuộng nghệ thuật. Phần trọc khí (Phách = Anima) nơi con người chính là nơi phát sinh ra thất tình lục dục. Thất tình lục dục cần được chế ngự bằng các định luật luân lý.

Vì con người có «Trọc Hồn», nên tôn giáo nào cũng có một nền luân lý riêng biệt để điều ngự nó.

Mỗi một giáo hội sẽ qui định thế nào là hay, thế nào là dở, thế nào là thiện, thế nào là ác. Vấn đề thiện ác cũng biến thiên, di động, tùy theo tình hình tôn giáo của từng thời đại, tùy theo uy quyền của các giáo đoàn, giáo hội tùy từng thời đại. Ngày nay, chúng ta làm nhiều điều được coi là thiện, nhưng khi xưa lại bị coi là ác. Ví dụ như chuyện hương hoa, đèn nến, kính nhớ tổ tiên ngày nay thì được khuyến khích; còn cách đây vài chục năm trở về trước, thì lại bị nghiêm cấm.

Các đạo giáo gian trần này, dù lớn, dù nhỏ, dù Đông, dù Tây thực ra chỉ có một mục đích chân thực là giữ con người trong vòng trật tự, lễ giáo, nên phận vụ giúp con người tiến hóa tâm linh đến nơi đây là chấm dứt. Hai giai trình kế tiếp là do cá nhân mỗi người phải tự lo liệu lấy.

4.- Vì tâm hồn con người có phần khinh thanh, vì con người, khi tâm hồn đã trở nên thanh khiết, sẽ mến chuộng nghệ thuật, nên tôn giáo nào cũng cố tìm cách thỏa mãn nhu cầu nói trên. Chỉ có điều là các tôn giáo chỉ biết đem nghệ thuật, đem âm thanh, màu sắc trang hoàng cho giáo đường, cho đền đài miếu mạo bên ngoài; đem ca hát, đàn địch tô điểm cho các buổi lễ mình thêm long trọng, chứ không đạo giáo nào biết khuyến cáo tín hữu mình biến đời sống mình thành một nghệ thuật sống động.

Đây chính là lúc Minh Triết tiếp tay cho đạo giáo. Con người Minh triết sẽ sống hào sảng, sống hồn nhiên, sống khinh phiêu, sống đẹp đẽ, nhưng đồng thời sống thoát vòng kiềm tỏa của các luật lệ gian trần già tỏa con người. Con người minh triết sẽ là hiện thân sự đẹp đẽ của đất trời. Cái đẹp sẽ tung tỏa từ lòng sâu tâm hồn họ ra cho tới mọi cung cách, hành vi, mọi khởi cư, cử chỉ của họ. Họ sống vui theo cái vui trời, và không còn bị những sầu bi, những phiền muộn, những lo sợ trần hoàn làm u ám, làm xáo trộn thâm tâm.

5.- Vì con người có Thần, mà thần mình với Thần trời đất là một, nên xưa nay có nhiều bậc giáo chủ, nhiều bậc minh triết đã tuyên xưng mình là Phật, là Trời. Có những vị đã mất mạng vì những lời tuyên bố tương tự như vậy, như Chúa Jesus, như Al- Hallaj. Con số các vị đắc đạo, thành chân chứng thánh, các bậc minh triết, thánh hiền nói trên, tuy không có nhiều, nhưng cũng không phải là quá ít. Các ngài là những bậc tiên phong đi bước trước để chỉ đường cho nhân loại đi bước sau. Chỉ ở nơi các Ngài, Đại trí, Tuệ giác mới hình hiện. Cho nên cần đem so sánh tư tưởng của chính các Ngài. Cái gì tương đồng, đó là Chân Lý.

Đến đây, tôi muốn đóng góp ít nhiều tư tưởng riêng tư của tôi về tôn giáo và Minh triết.

Từ trước đến nay không ai đề cập đến vấn đề Minh triết, mà chỉ đặt vấn đề Triết học. Minh triết mà tôi muốn nói đến thực ra phải gọi là Đại Đạo, thực ra phải gọi là Tinh Hoa các tôn giáo.

Tôn giáo thì có nhiều, nhưng Minh triết chỉ có một. Các bậc chân sư có thể xuất phát từ nhiều đạo giáo khác nhau, nhưng khi đã giác ngộ tâm linh, khi đã lên tới đỉnh Minh triết thì lại hoàn toàn giống nhau.

Tôn giáo chủ trương Trời tạo nên muôn loài bởi hư không. Minh triết chủ trương Trời sinh ra muôn loài, bằng chính Bản thân mình, bằng cách tung tỏa, hóa bản thân mình thành vạn hữu.

Các tôn giáo bao giờ cũng phân biệt Trời và Người. Minh triết chủ trương Trời và Người đều đồng một Bản thể.

Các tôn giáo đặt trọng tâm và sự thờ phượng, cúng quải, van xin thần phật. Minh triết đặt trọng tâm tiến hóa đến kỳ cùng, đến chỗ nhập thể với Trời, với Brahman, với Phật tâm, Phật tính.

Minh triết chủ trương rằng vì Trời ở khắp nơi nên dĩ nhiên phải hoạt động, phải hiện diện trong lòng sâu vạn hữu. Lời thơ của Elizabeth Barrett Browning có thể toát lược quan điểm của Minh triết:

Earth's crammed with heaven,
And every common bush afire with God,
But only he who sees takes off his shoes.

Dịch:

Đất đai đâu cũng đầy Trời,
Bụi hoang nào cũng sáng ngời Thần Linh,
Chỉ người đức cả, tinh anh,
Mới cung, mới kính, mới thành, mới tin.

Tôn giáo chủ trương Trời ở khắp nơi, nhưng đặc biệt lại cấm không cho Trời được ở trong lòng vạn hữu, trong lòng mọi người. Tôn giáo dạy rằng thật ra Ngài rất xa cách muôn loài, và ở trên những cung điện trắng sao xa tít tắp.

Tôn giáo luôn luôn thương xót cho thân phận tội lệ con người, mong chờ những vị Cứu thế giáng trần, để xóa tội sinh linh. Minh triết luôn luôn đề cao con người, đề cao giá trị con người, và cho rằng con người chính là Thần Linh trong tương lai, vì con người đã có căn cốt Thần Linh ăn sâu vào Bản thể.

Tôn giáo cho rằng con người không thể trở thành Thần Linh. Chủ trương con người có căn cốt Thần Linh, có thể trở thành Thần Linh, là một chủ trương ma quái, đáng bị phạt trầm luân trong hỏa ngục đời đời. Minh triết cho rằng chuyện con người sẽ trở thành Thần Linh chỉ là một chuyện tiến hóa tất nhiên. Nếu Trời là Cha chung, nếu nhân loại là con cái Ngài, thì chuyện con cái nên giống Cha là một điều đại hạnh, và là một niềm an ủi lớn cho Cha.

Trong khi tôn giáo phất cờ đi chinh phục thế giới bên ngoài, đi rao giảng về sự tôn sùng Thượng đế, thì các nhà Minh triết lại đi sâu vào thế giới nội tâm, để tìm cầu, để thực hiện Thượng đế.

Khảo các đạo giáo Á châu, như Bà La Môn, Phật giáo, Cao Đài, ta thấy các đạo giáo đó khoác hai hình thức:

– Một phần hình thức hữu vi, hữu tướng bên ngoài, gồm các lễ nghi, trì tụng, công quả bên ngoài. Đó là phần TÔN GIÁO.

– Một phần vô vi, vô tướng bên trong, gồm tất cả những công trình tâm trai, thiền định, cố gắng vươn lên tới tuyệt đỉnh tinh hoa; sống hòa mình với Đạo, với Trời, với Chân Như Phật tính, với vạn hữu, với thiên nhiên vũ trụ. Tôi gọi cái phần này là MINH TRIẾT hay ĐẠI ĐẠO.

Đại đạo không còn là sự van vái, cúng quải bên ngoài, mà là con đường huyền nhiệm tâm linh.

Sở dĩ tôi gọi phần nội giáo, vô vi bên trong là Minh Triết hay Đại Đạo, chính là vì nó đòi hỏi một điều kiện tiên quyết là sự GIÁC NGỘ, một sự sinh lại bằng THẦN. Các bậc giác ngộ phải vượt khỏi ảnh hưởng của các thánh thư, của các kinh sách; không còn ở trong vòng kiềm tỏa của các giáo đoàn, giáo phái. Họ không còn phải đi tìm Chân, Thiện, Mỹ từ ở đâu xa, mà Chân, Thiện, Mỹ đã rải sáng, đã tỏa tung ra từ lòng sâu tâm hồn họ. Tư tưởng của họ, ngôn từ của họ đã được rút ra từ đáy lòng muôn thừa, và được muôn đời chiếu soi lại, đồng vọng lại, và sẽ bền vững cùng vũ trụ.

Tóm lại, các bậc MINH TRIẾT nói trên đã vượt phạm vi tôn giáo riêng tư của mình, và đã vào trong thế giới đại đồng của Thánh, Hiền, Thần, Phật muôn thừa.

Đại đạo là Đạo lớn, mà đã lớn thời phải bao quát vũ trụ, phải siêu không gian và thời gian, phải thích hợp với mọi tâm hồn thanh cao, tiền tiến của gian trần.

Ta gọi là Đại Đạo, thì Âu Châu gọi là Huyền đồng (Mysticism). Huyền đồng chính là sống kết hợp với Trời, với Chúa ngay từ khi còn ở gian trần này.

Nói cho dễ hiểu, Đại Đạo là một cái nhìn nội tại tâm linh. Đó là một sự linh cảm rằng tâm hồn mình phối hợp nhất như" với Thượng đế. Đại đạo chủ trương rằng con người có thể trực tiếp cảm thông với Thượng đế, với Tuyệt đối thể, không cần phải qua một trung gian nào.

Đại đạo tuyên xưng rằng Thượng đế chính là Bản thể, là cốt lõi tâm linh con người, rằng Thượng đế vốn tiềm ẩn trong đáy lòng vạn hữu, tuy vẫn siêu việt lên trên mọi hình, danh, sắc, tướng.

Muốn vươn lên tới Đại Đạo, con người phải cố gắng phát huy mọi tiềm năng, tiềm lực của mình, để cho mình luôn luôn đổi mới, luôn luôn tinh tiến, luôn luôn vươn vượt, luôn luôn đạt tới những tầm kích cao siêu mới.

Con người muốn vươn lên cho tới Đại Đạo sẽ phải học hỏi không ngừng, suy tư không ngừng để:

- Biết mình.
- Biết căn cốt Trời, căn cốt thần linh nội tại.
- Tìm cho ra mối giây liên kết nội tại, cơ hữu ràng buộc, nối kết mình với Đạo, với Trời, từ muôn thừa.
- Thần thánh hóa bản thân để đi dần dần đến chỗ Phối Thiên.

Nhờ ở sự cố gắng phát triển tâm linh không ngừng mà con người sẽ phát huy được Linh Giác, sẽ phóng phát Linh Quang, sẽ vào được Đại đạo, sẽ hòa mình được với Bản thể vũ trụ.

Sống trong cái thế giới văn minh, nhưng chất chương hiện thời, người theo Đại Đạo nhận ra rằng mình chỉ có thể đạt được sự tĩnh lặng, sự vững vàng ở nơi tâm linh, ở niềm tin xác quyết rằng mình có căn cốt thần minh, có thể trở thành thần minh, sống huyền hóa với đất trời... Đại đạo đưa con người đến sự hiểu biết ấy. Và chính nhờ sự khám phá ra được thế giới tâm linh, mà con người tìm ra được Thượng đế nội tại nơi tâm khảm mình, biết được Chân diện mục, Bản lai diện mục của mình.

Đại đạo ấy không biên cương bờ cõi: Thánh Hiền Tây ra sao, thì Thánh Hiền Đông cũng vậy. Đại đạo ấy không lệ thuộc thời gian: Chân nhân xưa ra sao, thì Chân nhân nay hay về sau cũng vẫn in như vậy.

Mạnh tử xưa đã nói: «Thánh trước thánh sau đều cùng một đường lối.» [\[2\]](#)

R. Otto, trong quyển Huyền Học Đông Tây, mà ông là tác giả đã viết những lời đại khái như sau:

«Rudyard Kipling đã viết:

Đông là Đông, Tây là Tây,

Gặp gỡ đừng mong sẽ có ngày...»

Nhưng chúng ta cũng có thể nói hoàn toàn ngược lại: Đại đạo xưa nay đâu đâu cũng là một. Đại đạo siêu thời gian, không gian và lịch sử, nên bao giờ cũng như như, bất biến. ở nơi đây, không còn Đông và Tây. ở nơi đây, mọi sự phân kỳ. cách biệt không còn nữa. Bông hoa Đại đạo dẫu nở ở Ấn độ hay ở Trung Hoa, ở Ba Tư hay trên bờ sông Rhine (giữa Pháp, Đức), hay ở Erfurt quê hương của Đại sư Eckhart, thì cũng chỉ sinh ra một thứ quả duy nhất. Đại đạo dẫu mượn hình thức thi ca của thi sĩ Ba Tư Djálal Al Din Rumi, hay những cung cách hữu tình như của đại sư Eckhart, hay tiếng Phạn thông thái của Sankara, hay

công án bí ẩn của Thiên tông, nội dung trước sau vẫn là một, tuy ngôn từ và hình thức trình bày, theo thời gian, có khác nhau.

Ở nơi Đại Đạo, thì Đông là Tây, Tây là Đông. Nội dung bất biến đó là gì?

Thưa:

Đó là niềm tin xác quyết rằng vũ trụ, vạn hữu đều từ một Đại thể duy nhất phóng phát, tán phân ra. Sau một chu kỳ biến thiên, sinh hóa đa đoan, lại qui hoàn về Nhất Thể. (Nhất thể tán vạn thù; vạn thù qui Nhất thể).

Đó là Thuyết «Thiên địa vạn vật đồng nhất thể» của Đông Tây xưa nay. Nhất thể đó chính là Thượng đế, là Ein-Sof, là Vô Cực, là Thái Cực, là Brahman, là Đạo, là Chân Không, là Diệu Hữu, là Chân Như, là Như Lai, là Thật Tướng, là Bản Lai Diện Mục, là Niết Bàn...

Những khẩu hiệu: Bản thể là Thượng đế; Thượng đế là Bản thể; Thượng đế là Nhất vang rền từ Đông sang Tây. Dẫu là Sankara (Ấn Độ), dẫu là Eckhart (Đức) đều cùng một luận điệu như vậy. [3]

2.- Đó là niềm tin xác quyết rằng con người và Thượng đế đều cùng một Bản thể, và như vậy có nghĩa là Thượng đế là cốt lõi con người, là Bản lai diện mục con người. Con người sau khi đã gạt bỏ được hết mọi lớp hóa trang hình hài, sắc tướng, sẽ thấy mình đồng hóa với Thượng đế. Sankara bên Đông, Eckhart bên Tây cũng cùng một tư tưởng như vậy, mà chẳng hề bao giờ được đọc qua tư tưởng của nhau. [4]

Thánh giáo sưu tập của Cao Đài (1966-1967) nơi trang 36 có câu:

«Con là đáng thiêng liêng tại thế,
Cùng với Thầy, đồng thể Linh Quang,
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình.»

Mấy lời cơ bút nói trên quả thật đã toát lược lại được niềm tin muôn thừa của nhân quần, đó là Trời và Người đều có cùng một bản thể.

Meister Eckhart sinh ra ở vùng Thuringia khoảng năm 1260. Sau vào dòng Đa Minh; sang du học tại Đại Học Đường Ba Lê; sau làm Bề trên cả dòng Đa Minh xứ Bohemia. Ông giảng thuyết rằng trong tâm hồn con người có một tàn lửa thiên chân, đồng bản thể với Thượng đế. Bản thể Thượng đế thâm nhập vào lòng sâu vạn hữu. Thượng đế không ở đâu chân thực cho bằng trong tâm hồn con người. Ông tin rằng ông trực tiếp cảm thông với Thượng đế. Ông tin rằng nhờ giác ngộ, nhờ cảm nghiệm tâm linh, tâm hồn con người có thể kết hợp với Thượng đế, vì Thượng đế chính là cùng đích cho con người vươn lên. [5] Ông bị tố cáo là rối đạo. May thay ông mất vào khoảng năm 1327. Mãi đến năm 1329, giáo hoàng John XXII, mới tuyên án ông là phản giáo, đã có 17 điều sai lạc... [6] Nhưng trước công luận, mọi người thường vẫn coi Eckhart là một vị đại thánh. Lúc bấy giờ là khoảng cuối thế kỷ 13, đầu thế kỷ 14, Đông Tây chưa hề có cách nào mà gặp gỡ nhau, thế mà tư tưởng trên hoàn toàn phù hợp với thánh hiền Đông Phương, thực là một sự lạ lùng.

Từ hơn 100 năm nay, ở Hoa Kỳ này có một phong trào, được mệnh danh là Phong Trào Siêu Hình (Metaphysical movement) hay Phong Trào Tân Tư Tưởng (New Thought movement). Những người khởi xướng phong trào là Phineas P. Quimby (1802-1866), Ralph Waldo Emerson (1803-1882).

Ralph Waldo Emerson có nhiều lời tuyên bố hết sức nẩy lửa, mà nơi đây tôi không muốn trình bày lại tất cả.

Ngày 18 tháng 3, 1838, ông ghi trong Nhật ký như sau: «Tôi rất tiếc là trong những bài giảng thuyết gần đây, tôi đã không nói cho rõ ràng, đích xác, về sự sai lầm lớn lao mà xã hội hiện đại mắc phải về phương diện tôn giáo, và đã không nói rõ ràng con người chỉ đạt tới an bình, tới uy dũng khi nào đặt được niềm tin vào bản thể siêu linh của mình, thay vì tin vào Thiên Chúa giáo lịch sử, công truyền. Tín ngưỡng của Thiên Chúa giáo ngày nay là một sự mất tin tưởng vào con người. Họ coi đấng KiTô là một Vì Chúa chứ không phải là một Người Anh. Chúa KiTô giảng dạy về sự cao cả con người, nhưng chúng ta chỉ nghe thấy sự cao cả của Chúa KiTô.» [7]

Những giáo phái thuộc phong trào này gồm có:

- 1.- Divine Science Church.
- 2.- Unity (The Unity School of Christianity).
- 3.- Practical Christianity.
- 5.- Liveable Christianity.
- 6.- Home of truth.
- 7.- The Church of the Higher life.
- 8.- Transcendentalism
- 9.- Spiritualism.
- 10.- Theosophy
- 11.- Christian Science v.v...

Tuy khác nhau về tiểu tiết nhưng tư tưởng đại cương thì tương đồng.

Hiến chương của Liên Minh Tân Tư Tưởng, soạn năm 1916, ghi rõ như sau:

Phong trào Tân Tư Tưởng có mục đích dạy rằng Đấng Tối Cao là Duy nhất toàn năng; con người có Thiên tính, và có những khả năng vô biên vô tận, nhờ quyền năng sáng tạo, tư tưởng xây dựng, và sự tuân theo tiếng nói của Thần Linh nội tại. Đó chính là Nguồn Cảm Hứng, Quyền Uy, Sức Khỏe, và sự Sung Túc của chúng ta. [8]

Phong trào này rất hoài nghi khi cân nhắc lại dĩ vãng, nhưng hết sức lạc quan cho tương lai, và tin rằng nhân loại sẽ giải quyết được mọi vấn đề. [9]

Đi sâu thêm, ta thấy Phong trào này còn có những chủ trương như sau:

1.- Thượng đế là Thực thể duy nhất. Thượng đế vì là duy nhất bất khả phân, toàn năng, toàn trí, ở khắp nơi, nên chúng ta không có cách nào tách biệt khỏi Ngài, dù bằng Thần, bằng hồn hay bằng xác (đó là chủ trương của phái Divine Science và là phát ngôn của Malinda Cramer). Nhưng cũng có nhiều người ôn hòa hơn chỉ chủ trương Thượng đế vừa nội tại vừa siêu việt quần sinh. Đó là chủ trương của Henry Wood và của Horatio Dresser. [10]

2.- Con người phải tự tin vào chính mình, cứu rỗi lấy mình, không cần qua trung gian giáo hội.

3.- Con người có căn cốt thần minh, khác hẳn với chủ trương của các Giáo hội Công giáo, hay Tin Lành, vì các giáo đoàn này tuy cho rằng con người đã được tạo dựng nên giống ảnh tượng Thiên Chúa, nhưng không hề được thông phần bản tính Thần Linh của Thiên Chúa. Emerson phân biệt hai thứ con người trong một con người: Con người căn cốt (essential man), và con người phù sinh (existential man). Y thức như thế, các tôn giáo Á Đông cũng thường phân biệt nơi con người, Chân tâm, và Vọng tâm; Căn bản Niết Bàn, và Căn Bản sinh tử. (Xem bài bàn về Kinh Bát Nhã của tác giả, trong Đất Nước tôi số 11, tr. 8-

10)

4.- Không chấp nhận có hỏa ngục; không chấp nhận có người sinh ra lại có thể bị tiền định xuống hỏa hào như chủ trương của Calvin. Nhưng mọi người ai nấy đều sẽ được cứu rỗi.

5.- Họ có khuynh hướng coi Thượng đế như là một Nguyên Lý, một Định Luật, tuy họ vẫn còn dùng những danh xưng như Thần Trí (Divine Mind), như Vô Lượng Trí (Universal Mind).

6.- Họ tin rằng Thượng đế tiềm ẩn trong lòng vạn hữu, hoạt động trong lòng sâu vạn hữu.

7.- Họ phân biệt Chúa Jesus, với Chúa Kitô. Kitô, hay Nguyên Lý Kitô là Thượng đế, là Bản thể nội tại của mỗi một người. Còn chúa Jesus chỉ là một vị tiên phong, đã sớm nhận thức ra được rằng con người có Thiên tính.

8.- Vì họ tin rằng Thượng đế là Tất cả, là mọi sự trong mọi người, mọi vật, và ngài là toàn thiện, nên đối với họ, Ác không có thực thể, cũng như Bệnh tật không có thực thể. Chúng sinh ra là do nhận định sai lầm của con người, sự ngu dốt của con người đã không nhận định ra được chân bản thể của mình, và những định luật tự nhiên chi phối đời sống con người.

9.- Họ đòi chứng nghiệm, kiểm điểm những giáo lý, những lý thuyết ngay vào nơi bản thân họ, chứ không chịu tin suông, nói suông.

10.- Đối với họ, cũng như đối với Carl Jung, quan niệm Thượng đế hữu ngã, là một quan điểm của Âu Châu (Western archetype). Quan niệm Thượng đế vô ngã mới là quan điểm phổ quát (Universal archetype).

11.- Họ chủ trương «nhân chi sơ, tính bản thiện», và không chấp nhận quan niệm cho rằng con người sinh ra có khuynh hướng tự nhiên làm ác. Tương lai con người, số phận con người sẽ tùy thuộc vào sự hiểu biết của con người về bản thể mình, và sự biết áp dụng các định luật tâm linh.

12.- Họ tin rằng con người có khả năng chữa lành bệnh tật.

13.- Họ gần gũi với Thiền Học Phật giáo và với Vedanta hơn là với Thiên Chúa giáo.

Tất cả những nhận định trên đã được Judah, J. Stillson toát lược lại trong sách của ông nhan đề là The History and Philosophy of the Metaphysical Movements in America nơi phần Dẫn Nhập (Introduction). Sách dày 317 trang, The Westminster Press, Philadelphia xuất bản năm 1967.

Có một điều lạ là có những giáo phái Tin Lành tiên tiến ngày nay cũng chấp nhận phần lớn những tư tưởng trên hoặc là đưa ra những quan niệm tương tự.

John Dillinger và Claude Welch trong quyển Protestant Christianity của các ông viết năm 1954, do Charles Scribner's Sons, New York xuất bản cho thấy rằng Giáo Phái Tin Lành Tự Do cũng chủ trương:

1.- Thượng đế nội tại trong lòng vạn hữu.

2.- Vì tin có Thượng đế hoạt động trong lòng sâu vạn hữu, nên cái gì cũng là phép lạ đối với họ; bất kỳ sự kiện gì dù tầm thường mấy cũng đã là phép lạ.

3.- Con người có giá trị, chứ không phải là thứ con người sa đọa. Thành thử, họ cũng chẳng còn chấp nhận Tội Tổ Tông.

4.- Chúa Jesus đối với họ chẳng qua cũng chỉ là một con người đã trở nên siêu việt vì linh cảm thấy có Thượng đế ở trong lòng.

5.- Sự cứu rỗi được coi như là một sự bắt chước đời sống của chúa Jesus, vì Ngài đã cảm thấy một cách mãnh liệt có Thượng đế ở trong lòng mình, và đã sống thuận theo Thiên ý...

6.- Chủ trương họ có thể toát lược bằng khẩu hiệu: «Một Thượng đế không thịnh nộ lôi đình đưa nhân loại không vương tội lệ, vào nước Trời không qua sự Phán xét, nhờ sự trợ giúp của Chúa Jesus nhưng không cần đến Thánh giá.» [\[11\]](#)

Về phía Thiên Chúa Giáo, thì gần đây Linh Mục dòng tên, Teilhard de Chardin cũng chủ trương đại khái rằng đấng Christ vốn hoạt động trong lòng vũ trụ, và nhân loại sẽ tiến hóa tới điểm Omega, tức là sẽ kết hợp với Thượng đế. [\[12\]](#) Những tư tưởng mới lạ này, mới đầu bị Giáo Hội đả kích hết sức, nhưng sau Vatican 2, thì Teilhard de Chardin lại được coi như là một người con lỗi lạc của Giáo Hội.

Có điều lạ là các khoa học gia bắt đầu cũng đóng góp, và bắt đầu la lên rằng những khám phá khoa học càng ngày càng thấy phù hợp với cái nhìn của các bậc đại giác Phương Đông. Tiến sĩ Fritjof Capra, tác giả cuốn The Tao of Physics, là một trong số đó. [\[13\]](#)

Amaury de Riencourt, một cây bút sáng giá, tác giả quyển The Eye of Shiva, Eastern Mysticism and Science, đã viết đại khái rằng: Thượng đế chẳng có chết như Nietzsche đã chủ trương, nhưng Thượng đế Công giáo đã đổi chỗ ở từ tầng trời xa thẳm, và từ dĩ vãng của Thánh kinh để vào ngự trong bản thể con người. Thượng đế của Tây Phương đã vào ngự trong lòng con người, nơi mà Ngài vốn cư ngụ, theo hiền thánh Đông Phương. Niềm tin về Thượng đế siêu không gian và thời gian, đã trở thành một niềm tin vào Thượng đế hiện tiền, vô thời bất tại, trong lòng sâu vạn hữu. [\[14\]](#)

Nhân loại ngày nay đang tiến về chỗ Đông Tây gặp gỡ, đang đi đến chỗ so sánh, và đánh giá các tôn giáo, các học thuyết. Hơn nữa chắc chắn rằng con người đã trưởng thành. Và trước những sự biến chuyển của lịch sử, trước những tiến bộ của khoa học, trước sự giao thoa các trào lưu tư tưởng giữa Đông và Tây, chắc chắn rằng con người không thể không có sự thay đổi. Cái thay đổi chắc chắn trước sau sẽ xảy ra. Đó là chuyện dĩ nhiên. Nhưng thay đổi ra sao, nhanh chậm ra sao, nhiều ít ra sao, thì cái đó lại là một sự huyền nhiệm của lịch sử. Có điều là nhân loại bao giờ cũng tiến dần về Chân, Thiện, Mỹ. Hình thức đạo giáo có thể thay, nhưng tinh thần đạo giáo chắc chắn sẽ mãi mãi sống động, và càng ngày càng lớn mạnh trong lòng mọi người.

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Kenneth Scott, A History of Christianity, Harper & Row, Publishers, New York, Evanston & London, 1953, pp. 717- 718.

[\[2\]](#) Tiên thánh, hậu thánh, kỳ quĩ nhất dã. Mạnh tử, Ly lâu chương cú hạ.

[\[3\]](#) ESSE EST DEUS...L'être est Dieu...Dieu donc être, c'est la même chose. Il est le pur Un, sans adjonction, ne fut- ce qu'en pensée, de quelque pluralité ou distinction que ce soit. Dieu n'est ni ceci, ni cela, comme ces choses multiples: DIEU EST UN. (Cf. R. Otto, Mystique d'Orient et Mystique d'Occident, Payot Paris, 1951, pp. 22- 24)

[\[4\]](#) L'âme et Dieu: une unité - mieux qu'une ressemblance: l'identité... Eckhart lui aussi, parle ainsi: "Dieu est le même Un que je suis". Tat tvam asi.

II. Buttner, Meister Eckharts Schriften und Predigten, uns dem Mittelhochdeutschen übersetzt, 2 volumes, éd., Jena, 1912, Tome II, p. 88.

Oeuvres de Maître Eckhart, Sermons- Traités. Traduction P. Petit, Paris Gallimard, 1942, p. 223.

Maître Eckhart, Traités et Sermons avec une Introduction par Mr. Gandillac, Paris Aubier 1942, p. 90.

R. Otto, *Mystique d'Orient et Mystique d'Occident*, Payot Paris, 1951, p. 24.

[5] E. Royston Pike, *Dictionnaire des Religions* Presse Universitaire de France, 1954, p. 114.

- Kenneth Scott, *A History of Christianity*, Harper & Row, Publishers, New York, Evanston & London, 1953, pp.541- 542.

[6] *Ib.* p. 542.

[7] On March 18, 1838, there is an entry in the Emerson Journal: "I regret one thing omitted in my late course of lectures: that I did not state with distinctness and conspicuously the great error of modern society in respect to religion, and say, You can never come to any peace or power until you put your whole reliance in the moral constitution of man, and not at all in a historical Christianity. The belief in Christianity that now prevails is the Unbelief of men. They will have Christ for a Lord and not for a Brother. Christ preaches the greatness of man, but we hear only the greatness of Christ."

[8] The constitution of the International New Thought Alliance adopted in 1916 states the purpose of the Alliance as follows: "To teach the infinitude of the Supreme One, the Divinity of Man and his Infinite possibilities through the creative power of constructive thinking and obedience to the voice of the Indwelling Presence which is our source of Inspiration, Power, Health and Prosperity".

Virgilius Ferm, *An Encyclopedia of Religion*, p. 533 in New Thought movement.

[9] "The transcendental spirit partook to an extraordinary degree of that distrust of the past, that optimistic faith in the future, that confidence in the efficacy of a formula for solving the problems of mankind,".

J. Stiltson Judah, *The History and Philosophy of the Metaphysical Movements in America* The Westminster Press, Philadelphia, p.24.

[10] First, New Thought tends to be pantheistic or close to pantheism. Most of its adherents would agree with Malinda Cramer that the only reality is God. She said:

"Until we see that the unity of God is the unity of God, that the word God stands for the All-Omnipotence, Omniscience, and Omnipresence - that we in no way differ from it, neither in spirit, soul or body, we do not appreciate the true presentation of Divine Science."

Here the extreme doctrine of God's immanence makes man divine in nature. On the other hand, there have been others, like Henry Wood, who criticize this dominant trend. Concerning God, Wood said: "While he is in and back of all things, it would be pantheism to say that everything - as we behold it - as God. Immanence and transcendence are complementary aspects. To rate him as 'principle' as that term is generally understood, is unworthy and such a concept will never fill the void in the human constitution."

Horatio Dresser also defended Wood's statement and criticized extremists who might say, "I am God," or who would reduce the idea of God to an impersonal principle.

Ib. pp. 178- 179.

[11] "A God without wrath brought men without sin into a kingdom without judgment through the ministrations of a Christ without a cross."

John Dillinger, *Protestant Christianity*, Charles Scribner's sons, New York, p. 224.

[12] L' action divine est actuellement présente de l'atome à l'étoile, du minéral à l'humain et partout

analogiquement, elle favorise l'union.

Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin, Plon, p. 108.

"Je crois que l'univers est en évolution,

"Je crois que l'évolution va vers l'Esprit

"Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel

"Je crois que le Personnel suprême est le Christ universel".

Georges Magloire, Teilhard de Chardin, p. 123.

[13] Fritjof Capra, The Tao of Physics, Bantam Books, Toronto, New York, London, 1984.

[14] God is by no means dead, as a recent tradition from Nietzsche to contemporary theologians would have us believe; but the Christian God is shifting from the distant stratospheric "Heaven" and the Biblical past into man's subjective being. The God of the West is now "in the gut", where it has always been in the Eastern tradition. The belief in a "beyond" in time and space is being metamorphosed into a belief in a deep, timeless here and now.

Amaury de Riencourt, The Eye of Shiva, Eastern Mysticism and Science, William Morrow and Company, Inc. New York, 1981, p. 17.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 11

QUAN NIỆM TAM TÀI VỚI CON NGƯỜI

Dưới nhan đề này, tôi sẽ dùng quan niệm Tam Tài để tìm hiểu về con người và để phân loại các đạo giáo.

Bàn về con người tuy là một vấn đề hết sức thông thường, quen thuộc, nhưng không bao giờ vô ích.

Soplocles xưa đã nói: «Dầu trong vũ trụ này có gì đáng quý báu, đáng tôn sùng nhất đi chăng nữa, thì cũng chẳng có gì đáng quý báu, đáng tôn sùng hơn con người.» [\[1\]](#)

Nhưng nếu con người đáng quý báu, đáng tôn sùng nhất, thì con người cũng là cái gì khó hiểu nhất từ xưa đến nay. Từ bao thế hệ nay, chúng ta tìm hiểu về con người, nhưng cho đến nay, con người vẫn còn là một vấn đề khó hiểu. Thật đúng như câu ca dao:

Sông kia còn có kẻ đo,

Lòng người, ai dễ mà dò sâu nông.

Chúng ta thực ra chẳng ai dám nói là đã biết rõ mình. Ta thấy mặt mũi người khác, bóng dáng người khác, nhưng mà oái oăm thay, mặt mũi ta, bóng dáng ta, ta phải mượn gương, mượn nước, mượn máy ảnh, mới nhìn ra được.

Như thế tức là, ngay chính con người phiên diện của ta đã hết sức xa lạ với ta rồi. Chúng ta dùng nó hằng ngày, mà thực ra chẳng biết nó hình thù ra sao, hoạt động ra sao. Đọc câu ca dao sau đây sẽ rõ:

Đàn ông năm, bảy lá gan,

Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người!

Đến như óc chất trí não, tâm tư chúng ta, thì ta lại càng mù tịt. Cho đến cuối thế kỷ 20 này, người ta vẫn tưởng rằng, chúng ta yêu bằng tim – bằng con tim thịt nằm trong lồng ngực – vì thấy nó hồi hộp, khi ta rung động, cảm xúc. Nhưng bây giờ thấy trong các bệnh viện, người ta thay tim rầm rầm, thay bằng tim thật, tim giả, thay van tim, mới vỡ lẽ ra rằng mình đã lầm.

Gần đây, triết học Âu Châu còn khám phá ra rằng dưới lớp ý thức, còn có vô thức – hoặc là tiềm thức, hoặc là Vô thức đại đồng. Khám phá mới mẻ này thật ra chỉ mới mẻ cho Âu Châu, chứ Á Châu, từ mấy ngàn năm nay đã bàn hoài về vấn đề này, dưới những danh từ khác như: Đại Ngã, Tiểu Ngã; Chân Tâm, Vọng Tâm; Nguyên Thần, Thức Thần; Thiên địa chi tính, khí chất chi tính v.v...

Tóm lại, ta quả thật là một con người xa lạ đối với ta. Hằng ngày, ta sống kề cận với ta, với tâm tư ta, mà ta chẳng biết tâm tư ta ra sao. Hằng ngày, ta khoe ta thế này, ta thế nọ, nhưng đến khi hỏi ta là ai, ta là gì, thì ta đành chịu không biết trả lời ra làm sao.

Chính vì thế, khi đem quan niệm Tam Tài, để soi rọi vào vấn đề con người, tôi thấy mình đã không làm một chuyện vô ích. Đó chính là một cách suy tư, tìm hiểu về mình. Mà có chịu suy tư, tìm hiểu về

mình, mới có thể biết mình, biết Trời.

Mạnh tử viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết Tính

Hay biết Tính, nhất định biết Trời.

Tồn tâm, dưỡng tính chẳng rời,

Ấy là giữ đạo, thờ Trời chẳng sai.

(Mạnh tử, Tận tâm chương cú hạ) [\[2\]](#)

Trung Dung cũng viết:

Biết Người, trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu Người làm sao? [\[3\]](#)

Chia con người thành 3 phần, chỉ là một cách chia để tiện việc học hỏi. Khi cần tôi cũng có thể chia con người thành 7, thành 10.

Nhưng dẫu sao, thì chia con người làm ba thành phần cũng đã giúp cho chúng ta có một cái nhìn khá chính xác, khá đúng đắn về con người.

Trước đây trong bài THÂN THỂ VÀ ĐỊNH MỆNH CON NGƯỜI, trong ĐẤT NƯỚC TÔI, số 13, tôi đã kể lại hành trình của tôi từ quan điểm nhị nguyên (con người có Hồn có Xác) đến quan niệm Tam Tài (con người có Xác, Hồn, Thần). Đại khái tôi đã kể lại rằng: tôi đã tìm ra được quan niệm Tam Tài trong mấy giây đồng hồ giác ngộ tâm linh; và từ khi biết được trong lòng có Đạo, có Trời, cuộc đời tôi đã chuyển hóa hết sức là mãnh liệt.

Quan niệm Nhị Nguyên, tôi học được do truyền thống xã hội; Quan niệm Tam Tài tôi học được do giác ngộ tâm linh. Nhưng nói cho đúng hơn, lẽ Nhất Quán của trời đất mới là điều rất ráo mà tôi đã lĩnh hội được.

Sau khi nhận ra rằng con người có ba phần: Tính (Thần), Hồn, Xác, tôi lại thấy được rằng: Các tôn giáo, tuy khác nhau bề ngoài, nhưng chung qui là đưa con người tới Thiên Đạo, tới Đại Đạo.

Thiên Đạo, Đại Đạo hoàn toàn ở trong nội tâm ta, nó chính là đường đi từ Hồn, đến Thần, biến hóa Hồn con người thành Thần trời đất. Trời, đạo Trời hằng tiềm ẩn trong lòng ta, và không hề rời ta một phút giây.

Những quan niệm trên đã đến với tôi hết sức là bất ngờ, nhưng hết sức là mãnh liệt. Và riêng tôi, tôi coi đó là một đại hồng ân mà Thượng Đế đã ân tứ cho tôi.

Tôi nhận định thêm rằng từ trước tới nay, tôi đã đánh mất chiều kích sâu xa, cao đại của con người, mà chỉ mới sống hời hợt trên bình diện nhân tâm, chưa hề có ý tưởng, hay ước mơ sống vươn vượt lên trên cái Nhân tâm, chưa hề có ý tưởng đạt tới Thiên tâm. Và tôi tự nhủ rằng từ trước đến nay tôi đã sống mơ màng, ỳ ạch, không biết được chính bản thân mình.

Tuy nhiên, theo đúng tinh thần khoa học, tôi thấy những điều tôi vừa lĩnh hội được khi ấy, nếu đem chia sẻ với chúng nhân, thì sẽ bị coi như là một giả thuyết. Nên tôi thấy nó còn cần được chứng minh.

Như quý vị đã thấy, điều tôi được truyền dạy là:

Dưới lớp nhân tâm, còn có Thiên tâm, Thiên tính.

Cho nên con người thực ra có 3 phần chính yếu:

Đi từ trong ra đến ngoài, ta có:

1. Phần Tính, phần Thiên Tính, hay phần Thiên, phần Trời, phần Thần vĩnh cửu, làm căn cốt.

2. Phần Tâm, hay phần Nhân Tâm, tức là phần Nhân, phần Người, phần Hồn, gồm trí lực, thất tình lục dục, bao phủ bên ngoài phần Thiên.

3. Phần ngoài cùng là phần Xác, phần Địa, phần Đất, phần Vật, đóng vai trò hỗ trợ, bao bọc cho các phần cao quý bên trong, chẳng khác nào phần vỏ bên ngoài nơi cây, nơi quả.

Mục đích chân chính và cao siêu nhất của các đạo giáo là làm sao dạy con người rũ bỏ được phần Xác, phần Hồn, biến thiên, luân lạc trong vòng sinh tử, và chỉ giữ lại phần Thiên, vĩnh cửu và bất tử, y thức như một vệ tinh nhân tạo, càng lên cao, càng phải vất đi dần dần những phần phụ thuộc không còn cần thiết, mới có thể thoát vòng áp lực của khí quyển, mà đi vào không gian.

Hôm nay, khi viết đến vấn đề rất quan trọng này, một vấn đề đi ngược lại với quan điểm của quần chúng, tôi liền cầu chứng thánh hiền.

Phép cầu chứng Thánh Hiền muôn thừa của tôi rất giản dị. Tôi nhìn quanh quất thấy một quyển sách nào mà mắt tôi nhìn thấy, liền cầm lên, và dở ra đọc. Trong trường hợp này, tôi rút ra quyển Thiên học, bộ thượng, do Suzuki viết và Trúc Thiên dịch. Tôi dở ra trúng vào trang 276, mà tôi chưa từng đọc, thấy có đoạn viết như sau:

Một thầy Bà La Môn tên là Móng Tay Đen mang đến cúng Phật hai cây bông nguyên cành rễ khổng lồ, thầy dùng phép thần thông nắm chặt mỗi tay một cây. Phật gọi tên, thầy dạ. Phật liền bảo: «Buông xuống đi!» Thầy Bà La Môn bỏ cây hoa tay trái xuống trước mặt Phật. Phật lại bảo buông xuống nữa. Thầy bỏ luôn cả cây hoa tay mặt. Phật lại bảo buông nữa. Thầy Bà La Môn bạch: «Tôi có gì đâu nữa mà buông bỏ. Phật muốn dạy gì?» Phật đáp: «Tôi không hề bảo thầy buông hết mấy cây hoa, tôi bảo thầy bỏ là bỏ sáu căn, sáu trần, sáu thức. Khi thầy bỏ được hết đến không có gì nữa để bỏ, đó là lúc thầy thoát ly tất cả ràng buộc của sanh tử, luân hồi...»

Như vậy cái nhìn của tôi bây giờ chính là cái nhìn mà Phật xưa đã có, và ý nghĩ của tôi đã được sự hưởng ứng, sự đồng vọng của tiên Phật muôn đời.

Ngay sau đó, ngẫu nhiên tôi lại đọc một đoạn của Đại sư Paramahansa Yogananda tự thuật lại kinh nghiệm của một lần ông xuất thần đầu tiên. Ông tả rằng:

«...Tôi thấy rằng từ Trung điểm thiên cung, tức là từ trung điểm Linh đài tôi, tung tỏa ra muôn ánh hào quang soi cùng vũ trụ. Nguồn sống vĩnh cửu, như quỳnh tương tiên tửu rạo rực trong tôi. âm thanh sáng tạo của Thượng đế, tôi nghe thành chữ «Aum» chuyển rung trời đất...Nhưng bỗng đâu, phổi tôi bắt đầu thờ lại. Tôi rất thất vọng vì thấy rằng, cái bao la vô cùng tận của tôi đã mất. Tôi lại trở về cái xác thân hữu hạn của tôi, chẳng xứng chút nào với Thần con người. Tôi như một đứa con hoang đàng đã từ bỏ đại thể vô biên, mà giam mình vào trong tiểu thể hữu hạn...» [4]

Tôi cho đây không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, mà chính là khi lòng mình mà thành sẽ cảm động được trời đất, khi ý mình mà thành, thì Thần mình sẽ phụ họa.

Trở lại vấn đề, điều mà tôi cần chứng minh là con người có ba phần Thần, Hồn, Xác.

Để chứng minh vấn đề này, tôi sẽ dùng thánh thư các đạo giáo; kỳ thư bí điển trong thiên hạ; văn chương triết học và ngôn ngữ Đông Tây. Sự tương đồng tìm ra sẽ là ấn chứng cho một chân lý phổ quát, đại đồng.

1. THUYẾT TAM TÀI VỚI KHỔNG GIÁO

Nhờ dùng chìa khóa Tam Tài tôi mới mở ra được kho tàng Khổng giáo. Khổng giáo nhận con người có 3 phần: Xác, Hồn, Thần. Nhưng danh từ Khổng giáo dùng hơi khác:

- Xác
- Tâm, Nhân tâm, Nhân dục, Khí chất chi tính.
- Tính, Thiên tính, Thiên tâm, Thiên địa chi Tính, Đạo tâm, Trung.

Kinh Thư, thiên Đại Vũ Mô, kể lại rằng khi vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, đã truyền luôn cả tâm ấn sau:

Nhân tâm duy nguy	人 心 惟 危
Đạo tâm duy vi	道 心 惟 微
Duy tinh duy nhất	惟 精 惟 一
Doãn chấp quyết trung	允 執 厥 中

Dịch:

Lòng của trời siêu vi, huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng,
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức, giữ nguyên lòng Trời.

Mạnh tử cũng phân biệt Tâm và Tính. Trong sách Mạnh tử, chương Tận tâm hạ, ông đã viết: «Tận kỳ tâm giả tri kỳ Tính dã; tri kỳ Tính tắc tri Thiên hĩ.»

Dịch:

Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính nhất định biết Trời.

Chính vì Khổng tử và Mạnh tử hiểu rằng con người có Thiên tính nên đã chủ trương: Nhân chi sơ, tính bản thiện.

Tổng Nho sau này, hay dùng chữ Thiên địa chi tính để chỉ.

Thiên Tính, và Khí chất chi tính để chỉ Nhân tâm, Nhân dục.

2. THUYẾT TAM TÀI VỚI BÀ LA MÔN GIÁO

Bà La Môn giáo từ xa xưa vốn đã chia con người ra làm 3 thành phần:

- Xác (thô thân)
- Nhân tâm (Jiva) (tế thân)
- Brahman, Atman, Ngã tuyệt đối (Absolute Self, Metaphysical Self).

Bà La Môn gọi hồn con người là Tiểu Ngã, Thần con người là Đại Ngã hay Atman. Atman hay Thượng đế ngự trị trong tâm khảm con người cũng chính là Brahman, Tuyệt đối thể trong vũ trụ. Đối với Bà- La- Môn, con người chân thực của ta không phải là Tiểu Ngã nhỏ nhoi, mà là Đại Ngã vô biên tế. Tat tvam Asi= Con chính là Cái Đó; nghĩa là con chính là Atman, là Đại Ngã bất khả tư nghị.

Katha Upanishad viết: «Đại Ngã trở cửa giác quan ra phía ngoài, cho nên người ta nhìn ra ngoài, mà không biết nhìn vào trong lòng mình. Có vài kẻ khôn ngoan trong khi đi tìm trường sinh, bất tử, nhờ nội quan quán chiếu, đã trực diện quan chiêm được Đại Ngã.» [5]

Chandogya Upanishad viết: «Bao quát mọi hoạt động, bao quát mọi ước mơ, bao quát mọi hương vị, bao quát cả hoàn vũ này, mà vẫn vô ngôn, vô ý, đó là ĐẠI NGÃ của tôi, lồng trong tâm khảm tôi, đó là BRAHMAN THƯỢNG ĐẾ. Sau khi từ biệt cõi trần này, tôi sẽ thể nhập vào trong Ngài...» [6]

Radhakrishnan, cựu Tổng Thống Ấn Độ, cũng là một đại triết gia lừng danh quốc tế, đã viết: «Chân thể, lồng trong tâm khaûm muoan loai, chính laø tinh hoa tâm hoàn con người. Bé hơn hết mọi sự, mà cũng lớn hơn hết mọi sự, tinh hoa ấy tiềm ẩn trong tâm vạn hữu. Cái học thuyết làm cho bộ kinh ÁO NGHĨA THƯ được nhiều người trên thế giới hay biết, đó là học thuyết TAT TVAM ASI (CON LÀ CÁI ĐÓ). VĨNH CỬU đã ở ngay trong con người, THẦN LINH đã ngự trị nơi tâm khảm con người. VỊ THỦY TỔ MUÔN LOÀI, mà ngũ quan chẳng biết, chẳng hay, mà bao lớp lang hiện tượng như những bức màn vân vụ đã làm khuất lấp; vị THỦY TỔ ấy vẫn ngự trị, vẫn sống động trong tâm hồn con người...» [7]

3. THUYẾT TAM TÀI VỚI PHẬT GIÁO

Phật giáo cũng phân biệt nơi con người Vọng tâm, và Chân tâm.

Vọng tâm hay Vọng ngã tức là Nhân tâm, gồm thất tình, lục dục sinh diệt, biến thiên;

Chân tâm, hay Bản Lai diện mục, thời trường tồn vĩnh cửu.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm cho rằng có tìm ra được phần chân thường nơi con người thì mới mong thoát bến mê, bể khổ; bằng cứ chấp nhất nơi phần vọng tâm, vọng ngã, thì muôn đời luân lạc trong muôn kiếp phù sinh.

Phật nói với vua Ba Tư Nặc: «Đại vương có biết trong thân có cái BẤT DIỆT không?» [8]

Phật lại dạy A Nan: A Nan, người muốn tu cho thành Đạo, thì phải biết hai thứ căn bản: Một là căn bản vô thủy sinh tử, tức là hiện nay, người và chúng sinh đều lấy cái tâm vọng tưởng mà nhận làm tự tính đó.

Hai là Căn bản Niết bàn tức là Thức Thứ Tám, vi tế tư tưởng của người đang có, ngày nay gọi là Thức tinh nguyên minh đó.

Bởi đem cái Thức tinh nguyên minh bỏ đi, nên tuy hằng ngày vẫn dùng đến, mà chẳng biết đặt cái thể của Bốn minh Tự Tính, đến nỗi lặn lội vào các thú mà thọ nghiệp sinh tử, luân chuyển, Thiệt là uổng thay! [9]

Đại đức Thích Chân Giám, khi bình đoạn này, đã viết: «Phải biết rằng chỗ thủ thắng của kinh này là toàn phá nơi Thức tâm, mà hiểu rành Căn Tánh, vì dùng theo Thức tâm mà tu, thì dẫu trải qua trần hà sa số kiếp cũng không đặt đạo Bồ Đề; còn do nơi Căn Tánh mà vào, thì trong lúc vừa khảy móng tay, cũng vượt lên đặt bậc Vô Học. Cho nên muốn quyết định thành chánh giác và chứng Niết Bàn, thì cứ lấy Căn Tính mà làm cái Tâm "nhân địa" rồi sau mới có thể viên thành được cái Giác ở nơi "quả địa".» [10]

4. THUYẾT TAM TÀI VỚI LÃO GIÁO

Nhìn sang phía Lão, Trang, ta cũng thấy rằng các Ngài chủ trương trong tâm còn có Đạo, có Trời.

Tâm thì ở trong vòng tương đối, biến thiên, hữu vi, hữu tướng. Đạo thì tuyệt đối, hằng cửu, vô vi, vô tướng, bất khả tư nghị. Muốn tu trì, dĩ nhiên là phải xây căn cơ trên Đạo, phải hiểu thấu đáo về Đạo, phải siêu lên trên cõi hữu vi, hữu tướng, nhân vi, nhân tạo, mà đi vào cõi Vô vi, Tuyệt đối.

Chính vì coi Đạo là căn cốt muôn loài, nên ngay đầu sách Đạo Đức kinh, Lão tử đã dành một chương nói về Đạo.

Hóa công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
Không tên, sáng tạo thế gian,
Có tên, là mẹ muôn ngàn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vận vi,
Hai phương diện, một Hóa Nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
Ấy là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

Trang tử, chính vì thấy rằng trong tâm mình còn có Đạo, có Trời, có Bản thể bất sinh, bất tử, nên đã nói trong thiên Tề vật luận, Nam Hoa kinh:

Ta và trời đất cùng sinh,
Ta và muôn vật sự tình chẳng hai. [\[11\]](#)

Âm Phù Kinh viết:

Thiên tính Nhân dã 天性人也
Nhân tâm cơ dã. 人心機也
Lập Thiên chi đạo, 立天之道
Dĩ định Nhân dã. 以定人也

Dịch:

Thiên tính là Người,
Nhân tâm là máy.
Lập ra Thiên đạo,
Định mục phiêu Người.

Trong bài tựa quyển Huyền Diệu Cảnh của đức Lã Động Tân ta thấy Thiên đạo, Nhân đạo được định nghĩa như sau:

Thế nào là Thiên đạo? Thiên đạo là tu tính, dưỡng mệnh, vượt tình trạng con người mà hợp với Trời. Thế nào là Nhân đạo? Nhân đạo là giữ tròn ngũ luân, ngũ sự (giữ tròn nhân luân).

Tóm lại đạo Lão cũng cho rằng con người có Thiên tính, và đặc đạo là HỢP THIÊN. Theo đạo Lão, lúc mới đầu con người còn mê muội, chưa biết được rằng Đạo, hay Trời đã ở sẵn trong tâm, nên phải «tâm sư, học Đạo»; «tâm sư cầu Đạo». Khi đã chứng Đạo, sẽ thấy được rằng Đạo đã ở sẵn trong lòng mình. Thế là Đắc Đạo, mà Đắc Đạo là Đắc Thiên. Khi đã biết rằng Đạo là căn cốt của mình, tự nhiên con người sẽ trở

nên hồn nhiên, tiêu sái. Người xưa khen là có Tiên phong, Đạo cốt.

5. THUYẾT TAM TÀI VỚI HỒI GIÁO

Hồi giáo cũng chủ trương con người có ba phần. Trong hội nghị tôn giáo tại Lahore, Pakistan, tháng 12, năm 1896, ông Harzat Ahmad, đại diện chính thức của Hồi giáo đã dùng thuyết Tam Tài để giải thích và toát lược thánh thư Koran. Ông cho rằng thánh thư Koran chủ trương con người có 3 bình diện:

- Bình diện vật chất hay Naf- Ammara.
- Bình diện tâm hồn hay Nafs- lawwama.
- Bình diện siêu nhiên hay Nafs- matmainnah. [\[12\]](#)

Koran cũng xác nhận một cách khéo léo rằng:

- Thượng đế chẳng hề xa con người [\[13\]](#)
- Thượng đế đã truyền Thần Ngài vào trong con người [\[14\]](#)
- Thượng đế thực sự đã tràn ngập con người từ trong ra đến ngoài [\[15\]](#)

5. THUYẾT TAM TÀI VỚI CÔNG GIÁO & TIN LÀNH

Công giáo, xét về phương diện giáo lý công truyền, thì chỉ chủ trương con người có hai phần: Hồn, Xác.

Hồn thì thiêng liêng, bất tử; xác thì tử vong. Khi còn sống, thì hồn, xác kết hợp mật thiết với nhau thành một con người, và sau này khi tới ngày tận thế và tới ngày phán xét chung, xác mọi người sẽ sống lại, hợp cùng với hồn để được thưởng hay chịu phạt đời đời.

Công đồng Latran IV (1215) và Vatican I (1869-1870) đã xác định con người chỉ có hai phần hồn, xác, và không chấp nhận quan niệm tam tài về con người của Plato, của phái Gnosticism, Manicheism, Apollinarianism.

Công đồng chung thứ 8, họp tại Constantinople (869- 870) phi bác lý thuyết cho rằng con người có hai hồn, và đã xác định con người chỉ có một linh hồn biết nghĩa lý.

Ngược lại, Thánh kinh Công giáo lại chủ trương thuyết tam tài về con người. Trong quyển Con đường cứu rỗi (Le Chemin du Salut) của Charles Gerber, một tác giả thuộc giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm, đã cho thấy:

- Chữ Thần được nhắc đến 827 lần trong Thánh kinh.
- Chữ Hồn được nhắc đến 873 lần trong Thánh kinh. [\[16\]](#)

Giáo phái chứng nhân của Jehovah, sau khi lấy Thánh kinh để chứng minh rằng hồn con người thường được chỉ bằng những danh từ Psyché (Hi Lạp) hay Nephesch (Do Thái), còn lấy Thánh kinh để chứng minh rằng hồn con người không bất tử, nhất là dựa vào câu tiên tri Ezechiel: «Hồn nào phạm tội, sẽ chết.» (Ezechiel, 18:24)

Quyển The Secret Teachings of all ages (Vạn đại bí chỉ) cũng đã dùng Thánh kinh để chứng minh rằng hồn thì tử vong, mà thần thì bất tử. [\[17\]](#)

Vua David, đã nói trong Thi Thiên (Psalm) 82, câu 6: «Ta đã nói: Các người là Thần, và tất cả đều là Con Đấng Tối Cao.»

Chúa Giêsu phán trong Phúc âm Yoan, chương 4, câu 24: «Thiên Chúa là Thần, nên những kẻ thờ phượng Ngài, phải thờ phượng bằng Thần, và sự thật.» Ngài lại chủ trương muốn vào nước Trời, phải được sinh lại bằng Thần, phải có Thần (Yoan, 3:4- 8). Nói thế có nghĩa là nếu con người mà không có Thần sẽ không thờ phượng Thiên Chúa một cách chân chính hữu hiệu được; nếu không có Thần không vào được Nước Trời.

Quan niệm Tam Tài về con người đã được thánh Paul chủ trương hết sức rõ ràng: Trong thánh thư I gửi giáo đoàn Thessalonica, chương V, câu 23, Ngài viết: «Ước gì toàn thân anh em Thần, Hồn, Xác được giữ vẹn, không chê trách được, cho tới ngày Chúa Giêsu Kitô chúng ta đến.» Trong thư gửi cho giáo đoàn Do Thái, Ngài viết: «Vì lời Chúa sống động, linh nghiệm, sắc bén hơn bất kỳ gươm hai lưỡi nào, nó có thể thấu vào tới chỗ phân chia của HỒN và THẦN.» (He. 4:12)

Bản Bible de Jerusalem (Bản Thánh kinh Jerusalem) bình rằng đối với thánh Paul, TÂM phải nhường bước cho THẦN, thì con người mới có thể sống một đời sống thần minh. [\[18\]](#)

Nếu vậy thì chủ trương của thánh Paul có khác gì chủ trương của Đạo Lão đâu! Đạo Lão từ xưa đã dạy: Tâm tử, Thần hoạt (Tâm con người phải chết đi, cho Thần được sống động).

Paul Tillich, một thần học gia Thiên Chúa Giáo nổi tiếng hoàn cầu hiện nay, đã thuyết giảng một bài làm chấn động dư luận. Đó là bài «Chiều kích sâu thẳm của đời sống con người». Bài giảng đó đã được đăng tải vào trong Tuyển tập của ông nhan đề là The Shaking of the Foundations, phát hành năm 1949 tại Anh Quốc. Trong bài này, Tillich đưa ra một nhận định hết sức mới mẻ về Thượng đế. Thay vì chủ trương Thượng đế là một đấng ngự trên trời cao thẳm, mà mọi người cố tin là có, ông lại cho rằng Ngài chính là Căn Cơ, Gốc Gác con người. Ông viết: «Tên gọi của Căn Cơ sâu thẳm của muôn loài được gọi là Thượng Đế. Danh từ Thượng đế chính là để chỉ chiều kích sâu thẳm đó. Nếu danh từ này chưa có ý nghĩa gì với bạn, bạn hãy chuyển dịch danh từ đó thành chiều kích sâu thẳm của cuộc đời bạn, thành nguồn gốc bản thể bạn, điều quan thiết tối hậu của bạn, và là điều mà bạn chú trọng nhất. Có lẽ, để làm được như vậy, bạn phải quên đi những gì mà truyền thống đã dạy bạn về Thượng đế, phải quên ngay đi cả danh từ Thượng đế. Vì nếu bạn hiểu được rằng Thượng đế là chiều kích sâu xa của cuộc đời bạn, bạn đã hiểu được rất nhiều về Thượng đế. Hiểu Thượng đế như vậy, không thể rằng bạn là vô thần hay vô tín ngưỡng. Vì bạn không thể nghĩ hay nói được rằng: Sự sống không có chiều sâu; sự sống chỉ là nông cạn, hời hợt; bản thể chỉ là phiến diện. Nếu bạn thực tình đã thoát ra những câu như trên, thì bạn là kẻ vô thần; bằng không, thì bạn đâu phải vô thần. Ai hiểu biết được chiều sâu, tức là hiểu biết Thiên Chúa.» [\[19\]](#)

Giám mục John A. T. Robinson, Giám mục giáo phận Woolwich tại Anh quốc, tác giả cuốn sách nhan đề là Honest to God tả lại rằng khi ông đọc bài giảng trên, ông đã mở mắt ra và mục kích sự chuyển hóa của truyền thống giáo lý từ chiều cao thành chiều sâu...

Nhiều môn phái Tin Lành, như Transcendentalists (T), Anabaptists (A), Quakers (Q), và Liberal Theology (LT) đều đồng thanh chủ trương Thượng đế ngự trị trong lòng chúng sinh và muôn vật.

Emerson (T) cho rằng «mặc khải cao siêu nhất» cho thấy rằng Thượng đế đã ngự sẵn trong lòng mọi người. [\[20\]](#)

Storch và Munstzer (A) tin rằng đấng Christ ở trong lòng mọi người... Chẳng những con người có thể kết hợp với Thượng đế, lại còn có thể trở nên như Thượng đế. [\[21\]](#)

Niềm tin cốt cán của Giáo phái Quakers chính là trong con người đã có Linh Quang Nội Tại (Inner Light), đã có đấng Christ, đã có Thượng đế. Chính vì vậy mà họ coi mọi người là anh em, và cố gắng làm những công cuộc cứu trợ, để làm vơi nỗi khổ của nhân loại. [22] Schleiermacher (LT) và phái Thần Học Tự Do cấp tiến, cũng đồng ý trong tâm có Trời, cho nên tôn giáo đối với họ chính là sự trực tiếp nhận ra rằng trong Hữu Hạn có Vô Cùng; trong Dị Biệt, Tọa Thù, có Đồng Nhất Bất Phân. [23]

6. THUYẾT TAM TÀI VỚI CAO ĐÀI GIÁO

Cao Đài giáo cũng chủ trương trong tâm con người, còn có Đạo, có Trời. Đàn cơ ở Trúc Lâm thiền viện, giờ Tuất, ngày 20/10/Quý Mão (14/11/73), có ghi:

«Đạo có gì đâu, Đạo ấy Trời,
Trời là Tiên, Phật cũng là Người.
Người mà giác ngộ, thành tiên Phật,
Tiên, Phật vọng tâm cũng xuống đời.»

Cuối đàn cơ lại có một đoạn như sau:

«Đạo là chân lý trọn bề,
Ở nơi tâm cảnh, chẳng hề có xa.
Tâm không tham vọng mị tà,
Cảnh dầu có biến, vẫn hòa cùng tâm.
Tâm là thiện ác khởi mầm,
Cũng là chủ tể, vững cầm hồn linh.
Tu tâm trước phải vịn gìn,
Đừng cho dục vọng nảy sinh nơi lòng.
Để tâm an định sạch trong

Mới tường lẽ thiệt, tương đồng Thiên Nhân.»

Đức Cao Đài, khi sáng lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã tuyên bố rõ ràng muốn đem THẦN trả lại cho con người.

Trong bài Thánh Ngôn, ngày 25/2/26, đăng tải trong Thánh Ngôn Hợp Tuyển, trang 8, có lời Đức Cao Đài phán:

«Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm, từ ngày đạo bị bế. Lập TAM KỲ PHỔ ĐỘ này, thầy cho Thần hiệp Tinh, Khí, đặng đủ tam bửu, là cơ màu nhiệm siêu phàm, nhập thánh.

«Từ ngày đạo bị bế, thì luật lệ hãy còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tẩn Thần, không cho hiệp cùng Tinh, Khí. Thầy đến đặng hoàn nguyên Chân Thần cho các con đắc đạo....»

Lời cơ trên kỳ kỳ, ảo ảo, nhưng chung qui đã xác quyết:

Lập ra đạo Cao Đài để hoàn nguyên Chân Thần lại cho con người. Và nếu con người không được hoàn nguyên Chân Thần thì không sao thành tiên, thành Phật được.

Cái nét đặc thù cao diệu nhất của Cao Đài chính là Thượng Đế chẳng ở đâu xa mà chính là đã ở sẵn

trong lòng con người, trong trung tâm đầu não con người, mà ta thường gọi là Nê Hoàn Cung. Trời, hay Thần con người, hay Cao Đài, hay Thầy, hay Thiên Nhân đã ngự trị sẵn nơi đó. [24]

Có vậy ta mới hiểu những câu sau đây:

«Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,
Chúng sinh giác ngộ, biết tu hành,
Thương yêu mưa tách người khôn dại,
Điều độ đừng chia kẻ dữ lành...» [25]

Có hiểu Nhân, hay Thiên Nhân chính là Thầy, là Thượng đế, ta mới hiểu lời lẽ sau trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: «Con hiểu Thần cư tại Nhân. Bố trí cho chư đạo con hiểu rõ. Nguồn gốc tiên phật do yếu nhiệm tại đó.» [26]

7. THUYẾT TAM TÀI VỚI MẬT TÔNG, MẬT GIÁO ĐÔNG PHƯƠNG

Mật tông, mật giáo cho rằng các pháp môn tu luyện tuy nhiều, nhưng có thể thu tóm lại thành 3 loại:

- Luyện xác (Hatha Yoga)
- Luyện tâm (Lana Yoga)
- Luyện thần (Raja Yoga)

tương ứng với ba phần xác, hồn, thần trong con người. [27]

Như vậy các Huyền Môn Tây Tạng, và Mật Tông Đông Phương cũng chấp nhận quan niệm Tam Tài về con người.

8. THUYẾT TAM TÀI VỚI THÔNG THIÊN HỌC

Thông Thiên Học, tuy chia con người thành 7 bình diện chính, 49 bình diện phụ, nhưng vẫn chấp nhận quan niệm Tam Tài về con người.

Trong bài khảo cứu về Thánh ngữ AUM, do ông Fr. Mylne biên soạn theo tài liệu của ông Arthur M. Coon, và đã được đăng tải trong tập san Tìm hiểu Thông Thiên Học, 1965, số Xuân ẤT TỶ ta thấy nơi chú thích 1, trang 62, ghi như sau:

Theo giáo lý Thông Thiên Học, con người gồm có:

– CHÂN THẦN hay ĐIỂM LINH QUANG của ĐỨC THƯỢNG ĐẾ, vô cùng tinh anh, ngự trị tại cõi ĐẠI NIẾT BÀN.

– CHÂN NHÂN hay là TAM THỂ THƯỢNG gồm có Tiên Thể, Thánh Thể, và Thượng Trí, hoạt động ở trong những cõi NIẾT BÀN, BỒ ĐỀ và THƯỢNG THIÊN.

– PHẠM NHÂN hay TAM THỂ HẠ, gồm hạ trí, thể vía, và xác thân hoạt động ở những cõi hạ thiên, trung giới và hồng trần.

Nhưng theo tôi, cái điều quan trọng của Thuyết Tam Tài là trong con người, dưới lớp Phạm Ngã, còn có Chân Ngã; dưới lớp Nhân Tâm, còn có Thượng đế làm chủ chốt.

Điều này cũng chính là niềm tin của Thông Thiên Học.

Trong Theosophia 3, do Thông Thiên Học Việt Nam, chi bộ Phụng Sự phát hành, từ trang 13 đến 34, ông Lê Thiện Duyên, một hội viên Thông Thiên Học, khi giải thích dấu hiệu Thông Thiên Học đã viết:

Ấn Tín Salomon, tức là hình ngôi sao sáu cánh cài lên nhau, chính là biểu tượng:

Thượng Đế và Con người; Thượng Đế nội tâm (Tức là Chân Ngã), và Phàm Ngã.

Chân Ngã và Phàm Ngã, hay nói cách khác, Thượng Đế và Tâm hồn con người, liên lạc với nhau hết sức là mật thiết, như hai hình tam giác xuôi, ngược, trong ấn tín Salomon, được cài lên nhau, hết sức là gắn bó, đến nỗi không thể nào gỡ ra được, rút ra được.

Tam giác có đầu quay lên, tượng trưng cho Thượng Đế, hay con người thiêng liêng hay Chân ngã hay Chân Thần.

Tam giác đầu quay xuống tượng trưng cho Phàm Ngã.

Như vậy ý nghĩa tổng quát của ấn tín Salomon, có ý muốn nói rằng hành giả nào muốn tìm đến thập tự Tau, tức cửa Đạo, thì điều kiện tiên quyết là phải hợp nhất giữa mình và Thượng đế. Điều này chỉ có thể đến, khi con người sống thuận theo THIÊN CƠ và đồng thời khi thuận Thiên, tức nhiên nơi con người có sự hòa hợp giữa Chân Ngã và Phàm Ngã. Trong Phàm Ngã luôn luôn hiện diện tinh thần của Chân Ngã để nhờ đó, ta soi sáng bước đường hiệp nhất giữa con người và Thượng Đế.»

Như vậy tôi đã chứng minh được điều mà tôi muốn chứng minh. Đó là đối với Thông Thiên, trong Hồn còn có Thần; trong Nhân tâm còn có Thượng đế làm chủ chốt.

9. THUYẾT TAM TÀI TRONG VĂN CHƯƠNG VÀ TRIẾT HỌC

Dante, một văn sĩ tồ thời Trung Cổ (1265-1321), cũng công nhận thuyết Tam Tài về con người.

Nền nhân bản của ông coi vũ trụ là một toàn thể, và con người là nhân giới tiếp giáp giữa Thượng đế và vạn vật, là một thực thể duy nhất, nhưng nối kết với:

- Thế giới vật chất bằng ngũ quan.
- Thế giới tư tưởng bằng tâm tư.
- Thế giới huyền vi bằng Thần [\[28\]](#)

Averroès (1126- 1198), một triết gia Ả Rập ở Tây Ban Nha, đồng thời cũng là một nhà học giả Hồi giáo trứ danh, đã từng bình giải các tác phẩm của Aristotle, cũng chủ trương rằng hồn con người có liên lạc mật thiết với khối óc, và sẽ chết theo khối óc; nhưng trong con người còn có Lý, tức là NGUYÊN CĂN VĨNH CỬU. Tu luyện Lý ấy, con người sẽ có thể kết hợp với Lý Sống Động, với Đại Trí vĩnh cửu phổ quát. [\[29\]](#)

Môn phái Valentinian (thành lập vào khoảng năm 140 do Valentinus ở Alexandria, cũng cho rằng con người có thể chia thành ba hạng:

- Phàm phu tục tử, xác đất vật hèn (Hyliques)
- Con người có nhân cách (Psychiques)
- Con người có tiên cách (Spirituels). [\[30\]](#)

Theo Papus, thì các triết gia huyền học hiện đại, khoa học huyền bí hiện đại, môn phái thần bí Allen Kardec và một số môn nhân Rosi-Crucians, cổ giáo Ai cập, mật giáo Kabbalah Do Thái, Pythagoras, Paracelsus và thánh Paul đều chủ trương thuyết Tam Tài về con người. [\[31\]](#)

10. TỪ NGŨ VỚI THUYẾT TAM TÀI

Khảo từ ngữ các nước, ta thấy nước nào cũng có những tiếng để chỉ Hồn và Thần và cũng phân biệt LƯƠNG TÂM và NHÂN TÂM.

Ta có thể viết:

THẦN = LƯƠNG TÂM

HỒN = NHÂN TÂM

Như vậy, phần Thiên, phần Thần nơi chúng ta là Lương tâm, phổ quát, vĩnh cửu; còn phần Nhân nơi ta là Nhân tâm, biến thiên, hạn hẹp.

– Lương tâm thời phi nhân, phi ngã.

– Nhân tâm thời mang sắc thái riêng tư của mỗi người. Nó là những bộ mặt hóa trang, mà mỗi người đã đeo lên trên Lương tâm - Chân diện mục- của con người.

Khi ta làm điều gì xấu, thì Lương tâm oán trách ta.

Còn Tâm hồn ta thì xấu hổ, phàn nàn, hối hận.

Tiếng Pháp, tiếng Anh gọi Lương tâm là Conscience. «Con-» là «cùng»; «-Science» là «biết», mà đã «cùng biết» thì phải là HAI chứ là MỘT làm sao?

11. NHỮNG CẢM NGHĨ CỦA TÔI VỀ XÁC, HỒN, THẦN

Quan niệm Tam Tài về con người giúp tôi nhìn tỏ về con người.

– Vì con người có Xác, nên mới có Ngũ Quan để tiếp xúc với ngoại cảnh.

– Vì con người có Hồn, cho nên có thất tình lục dục, có trí lự để suy tư, để yêu cái này, ghét cái nọ.

– Vì con người có Thần nên có Linh giác, Linh cảm, Linh Tri, Linh Tính, hay Tuệ giác, để tiếp xúc với Thần Linh, để khám phá ra những bí nhiệm của trời đất.

Bên Á Châu cho rằng cái hiểu biết cao siêu, toàn bích là do Tuệ giác, Linh Tri, Linh Giác. Bên Âu Châu thì cho là do Thượng đế mặc khải. Càng ngày các bậc thượng trí, thượng nhân trong thiên hạ đều chủ trương rằng Linh Tri, Linh Giác hay Mặc khải không phải là hồng ân dành cho một số người nào đặc biệt, cho một thời đại nào đặc biệt, mà bất kỳ ai, nếu dày công tu luyện, sẽ đạt tới Linh Giác. Người ta thường cho rằng chỉ có đại thánh, đại hiền mới được diễm phúc đối thoại với Thượng đế. Riêng tôi, tôi thấy chúng ta thường xuyên đối thoại với Thượng đế, qua tiếng Lương Tâm, mà chúng ta không hề hay biết...

Các tôn giáo công truyền xưa nay quan niệm hết sức sơ sài về Thần, Hồn, Xác. Hỏi bản tính Thượng đế là gì, của Thần là gì, thì nói là tính thiêng liêng. Hỏi bản tính của hồn là gì cũng trả lời là tính thiêng liêng. Nhưng nếu hỏi thêm thiêng liêng có bản chất là gì, chắc là không trả lời được. Khi biết mù mờ về con người, sẽ bế tắc khi nói về trường sinh, và giải thoát, và cũng sẽ rất hồ đồ về phương pháp tu luyện. Đối với tôi truy nguyên về bản tính của Thần, Hồn, Xác là một vấn đề tiên quyết, một vấn đề căn bản. Chúng ta hãy đi từ cái thô thiển nhất, trọng trọng nhất, để tiến lên dần tới cái khinh thanh nhất và tế vi nhất.

XÁC dĩ nhiên là trọng trọc và thô thiển. Xác là vật chất hữu hình. Xác gắn liền với ngoại cảnh, với vật chất, với đất. Xác có ngũ quan để liên lạc với ngoại cảnh. Cỏ cây, thảo mộc, cầm thú đều có sinh, có hủy. Xác con người cũng có sinh, có hủy. Chết đi xác con người lâu dần sẽ đồng hóa với đất đai. Ai là người mà

đã chẳng chứng kiến cảnh tan rã, hủy hoại của thân xác con người? Xác như vậy là Đất, là Nước.

HỒN con người, xét về bản tính, là Khí. Khảo từ ngữ Nhật bản, ta thấy có điều lạ lùng này là chữ Khí trong tiếng Nhật tương đương với chữ Hồn. Người Nhật rất chú trọng đến phần Khí trong con người, vì nó liên quan đến sức khỏe con người, tâm trạng con người. Họ cũng cho rằng bầu khí quyển bên ngoài mà biến chuyển, thì tâm trạng con người cũng biến chuyển.

Vì thế khi viết thư từ cho nhau, bao giờ cũng bàn về thời tiết trước tiên. Ví dụ họ viết: «Ten ki ga ii desu.» (Khí trời tốt); «Ten ki ga warui desu.» (Khí trời xấu). Khi muốn hỏi thăm sức khỏe nhau, họ nói:

«Ki bun ga ikaga desu ka?» (Khí phận Ngài hôm nay ra sao?)

Tâm trạng vui buồn trong con người, hay dở trong con người, được coi như là khí khi tốt, khi xấu trong con người.

Ki bun ga ii desu = Khí phận tốt = Vui = Sảng khoái = dễ chịu.

Ki bun ga warui desu = Khí phận xấu = Bực bội, khó chịu.

Có điều Khí đây là thứ Khí đặc biệt: Đó là những ions+ và ions- , nên luôn luôn phát sinh ra một từ lực và một từ trường. Khi gặp nhau, từ lực, từ trường của mỗi người đan quện với từ trường từ lực của mọi người; rồi từ lực, từ trường của mình lại đan quện với từ lực từ trường của quần sinh, vũ trụ. Chính vì vậy mà các đạo giáo Đông Phương cho rằng con người bị «nhân duyên triền phược», và con người tự giam hãm mình vào trong những vòng cương tỏa gian trần. Dịch nói: «Tại thiên thành tượng.» Ở nơi tâm hồn, ta thấy đầy dẫy những ảnh tượng mà gian trần, mà xã hội đã in vào. Những ảnh tượng này thường ảnh hưởng rất nhiều đến tâm trạng con người. Và những bảo tố trong tâm hồn bên trong cũng y như những bảo tố từ trường nơi vũ trụ bên ngoài. Ý niệm của chúng ta cũng bắt đầu hình thành ở nơi đây. Âu Châu có nhiều môn phái coi tính chất của hồn tương đương với tính chất các vì tinh tú, nên gọi thể của hồn là ASTRAL (thể tinh tú).

Theo huyền học Kabbalah Do Thái, thì bình diện Tâm Hồn cũng được gọi là bình diện tinh tú (Astral plane).

Ông Desbarolles, tổ sư khoa xem chỉ tay Âu Châu, cũng đã theo truyền thống Kabbalah mà chia con người thành ba bình diện:

- Bình diện thần minh.
- Bình diện tâm hồn hay bình diện tinh tú.
- Bình diện vật chất hay bình diện phàm trần. [32]

Cũng có người lại chia HỒN thành HỒN NƯỚC (Âme liquide); HỒN KHÍ (Âme aérienne). [33]

Tôi vẫn cho HỒN là KHÍ. Nhưng nhìn sâu sắc hơn lại thấy hồn có hai phương diện:

– HỒN TROC = PHÁCH (cấu tạo bằng troc khí). Đây là sở cư của thất tình lục dục, mà các nền luân lý của các đạo giáo cổ công tìm cách kiềm chế, chuyển biến.

– HỒN THANH = THANH KHÍ = HỒN (Cấu tạo bằng thanh khí). Lòng yêu chuộng nghệ thuật cũng từ nơi đây phát sinh.

Dù Hồn là thanh khí, hay troc khí cũng vẫn là cái gì hữu hạn, biến thiên, nên nó chính là cơ sở tạo nên cá nhân, cá tính, tạo nên phân biệt.

Vì hữu hạn, nên bao giờ cũng khao khát, cũng khắc khoải. Vì biến thiên, nên vẫn ở trong vòng sinh tử, luân hồi. Vì mang đầy cá nhân, cá tính, nên còn hết sức là ti tiểu.

Á Đông mỗi khi kể chuyện người chết hiện hồn về đều mô tả như là một làn sương khói, tuy vẫn thấy hình, nhưng sờ nắm không còn được nữa. Đại khái vẫn như là một «làn KHÍ» tụ lại...

THẦN, đối với tôi là một Linh Quang. Gọi là Linh quang vì nó tỏa lan khắp vũ trụ. Nó là một loại ánh sáng vi tế hơn «vũ trụ tuyến», có thể xuyên thấu mọi sự, chứ không phải thứ ánh sáng thông thường có tốc độ 300.000 ngàn cây số một giây, mà mắt phàm ta nhìn thấy được.

Vì tỏa lan khắp nơi, xuyên thấu mọi sự, nên được gọi là ở khắp nơi, «vô sở bất tại». Vì thế Dịch kinh viết: «Thần vô phương, nhi Dịch vô sở.» Vì xuyên thấu mọi sự nên có năng lực vô biên. Vì là Linh Quang nên thông sáng vô cùng tận. Người xưa cho Thần là thông minh vô cùng, phép tắc vô cùng, ở khắp mọi nơi chính là vì vậy.

Lúc mà THẦN đã thông, không còn bị kẹt trong sa mù nam châm của khí, của hồn; và trong vòng trọng trọc của vật chất, xác thân, lúc ấy Thần sẽ vô biên, sẽ khinh khoáng, sẽ vĩnh cửu. Người xưa gọi thể là Giải thoát.

Hiểu Thần, Hồn, Xác như vậy, mới có thể hiểu nghĩa đích thực của các đạo giáo, và về các vấn đề hữu hạn, vô hạn; tù túng, giải thoát; biến thiên và hằng cửu.

Thần trong quan niệm Tam Tài của tôi phải được hiểu là Tuyệt đối thể vô biên vô tận.

Nơi đây không còn Thanh và Sắc... Nơi đây là nơi vắng lặng không hư, chỗ qui tụ, hòa hài của thánh hiền, tiên, phật muôn thừa, muôn nơi...Được vậy, chính là vì đây là «Nơi không Nơi», «không đây, không đó».

Quan niệm Tam Tài về con người đề cao giá trị của con người. Nó giúp chúng ta thấy rằng tuy các bình diện bên ngoài, các bình diện Xác, Hồn con người thì biến thiên, sinh tử, nhưng bình diện Căn Cốt của con người(Thần) lại trường sinh, vĩnh cửu.

Mới hay:

Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,

Áo thô sơ che dấu giấu hoa!

Rồi ra vàng ngọc chói lòa,

Trời người hợp nhất, Trung Hòa vô biên.

Nó đề cao giá trị con người, vì cho thấy Thần con người và Thần trời đất là Một...

Nó chỉ vẽ cho con người con đường đạo giáo chân thường: đó là đi vào nội tâm mà tìm Đạo tìm Trời. Nó lại dạy con người một bí quyết hết sức nhiệm mầu khác là một khi đã đạt Thần, đạt Đạo, đạt Thiên, lập tức phải rũ bỏ những gì biến thiên, tử sinh, hư ảo: đó là vật chất xác thân, đó là nhân tâm, tiểu ngã; nếu chẳng vậy không thể nào thực hiện được khẩu quyết: «Ta và Cha Ta là Một.» (Yoan 17: 20- 21)

Cho nên, tu luyện thời mới đầu là lo cho thân xác được thoải mái, khỏe mạnh; rồi lo cho tâm hồn ngày một nên tế vi, tinh khiết, tĩnh lặng, thanh cao.

Cuối cùng là đạt trạng thái thần linh, tức là sống một cuộc đời huyền hóa với trời đất, hồn nhiên, vô vi, vô dục, khoáng đạt, hư linh bất muội. Thế chính là đạt đạo, đắc đạo, phổ quát, bất biến, trường tồn, vĩnh cửu.

Thực tế hơn, thì phải nói ta có thể cảm thấy xác thân, cảm thấy hồn dễ dàng, vì xác thân nằm trong phạm vi giác quan chúng ta, vì tâm hồn chúng ta có thất tình lục dục, có những thú thanh cao thuộc về thi ca, nghệ thuật. Nhưng còn Thần, còn Trời nơi ta, ta nghĩ rằng ta không sao cảm thấy được.

Tuy nhiên, ta vẫn có trong tầm tay ta một phương tiện để cảm thấy Trời, thấy Thần trời đất nơi ta. Thực vậy Trời chẳng ở đâu xa, Trời đã ở ngay trong tâm hồn ta. Trời chính là Lương tâm chúng ta.

Tâm tư con người hằng giây, hằng phút biến thiên; Lương tâm con người muôn đời bất biến. Lương tâm con người vượt tầm không gian, thời gian; đã hiện diện ở nơi con người đầu tiên trên mặt đất, và sẽ hiện diện y như vậy nơi con người sau chót. Nó mới chính là Lời Chúa, nó mới chính là Thánh kinh, nó mới không sai lầm, nó mới vĩnh cửu.

Lương tâm chính là cái gì cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của nhân quần. Sống hoàn toàn thuận theo lương tâm, tức là sống hoàn toàn thuận theo Thiên Lý, và như vậy sẽ là một vị Thánh, Hiền, Tiên, Phật ngay từ khi còn ở gian trần này. Phật, Thánh xưa nay chẳng qua là những hiện thân của Lương tâm, của Thượng đế...

Pierre Abelard, một triết gia Pháp, thời trung cổ (1079- 1142) đã nói rằng: Con người phạm tội là khi nào làm điều trái nghịch với lương tâm. Cái lẽ luật thiên nhiên ấy đã có trước sự mặc khải của các đạo giáo. Trước Moses, con người đã biết sống theo thiên lý. Socrates và Plato còn có đời sống thánh thiện hơn những người Công giáo sau này. Người Công giáo, người Do Thái và nhà triết học khi đàm thoại với nhau đã gặp nhau ở điểm tương đồng này, là lấy lương tâm làm kim chỉ nam cho luân lý và cho nhân loại. [34]

Tôi sẽ dùng thuyết Tam Tài, để nghiên cứu sự diễn biến của Văn Hóa, của Đạo giáo và của Lịch sử trên triền thời gian.

Thời Thượng cổ, nhân loại sống theo chữ Thiên, và đã tin rằng con người gồm đủ Tam Tài: Thần, Hồn, Xác. Nền đạo giáo cao siêu nhất của thời đại ấy là Thiên đạo, mà Thiên đạo là luyện Thần để sống phối hợp với Thượng đế. Đạo Lão gọi thế là Luyện Thần hoàn Hư, phục qui Vô Cực.

Không thể nói được là ai đã lập ra Thiên đạo, vì Thiên đạo từ muôn thừa đã bàng bạc trong vũ trụ, và đã ẩn áo trong tâm linh con người. Thánh, hiền, tiên, phật là những người có công khám phá ra Thiên đạo, và đã thực hiện Thiên đạo. Cho nên đối với tôi, Thiên đạo là «đạo vũ trụ», là «tôn giáo vũ trụ» (cosmic religion). Nó là của chung của muôn phương, và đã dành sẵn cho những tâm hồn thành khẩn nhất, đẹp đẽ nhất, hào sảng nhất. Nó có mục đích tối hậu là làm cho con người trở thành Thần, Phật, chứ không chủ trương van vái, lạy lục Thần, Phật.

Thời Trung cổ, nhân loại theo quan niệm «lưỡng nguyên», và chỉ còn tin rằng con người có xác, có hồn. Nên cái đạo phổ biến nhất của thời ấy là đạo «tu tâm», sống sao cho công bằng, bác ái. Thời Trung cổ sống theo chữ Nhân. Các đạo giáo được sáng lập phần lớn là trong thời đại này. Chúng là những «đạo giáo lịch sử» (historical religions), nghĩa là có người sáng lập hẳn hoi, có khuôn phép, lễ nghi hẳn hoi. Tuy nhiên, chúng chỉ dạy rằng con người là con người. Con người không thể nào trở thành thần minh. Đạo giáo lập ra cốt là để ca tụng thần minh, thờ phụng thần minh, van vái thần minh, để cầu phúc, nương tai. Chúng có mục đích dạy con người thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Thế là đạo giáo đặt trọng tâm đi vào đời, để cải thiện đời, cải thiện xã hội. Đạo giáo trong thời đại này, với hai chủ trương chính yếu là thờ phượng Thần Linh và yêu mến tha nhân, đã trở nên phóng ngoại, và dần dần đánh mất chiều kích tâm linh. Chủ trương của tôn giáo trong thời kỳ này là con người không bao giờ có thể nên bằng Thần Linh, không bao giờ có thể trở thành Thần Linh. Như vậy, con người đã từ chối giá trị siêu việt của mình, và đành mang lấy thân phận tôi đòi, đối với Thần Linh. Thật là:

Ra vào theo lũ thanh y,

Dãi dầu tóc rối, da chì quần bao. (Kiều)

Thời Cận kim, nhân loại chạy theo chủ nghĩa Duy vật, chỉ tin rằng con người duy có xác. Hồn chỉ là hư danh, hay phụ tượng không đáng kể. Và cái đạo phổ quát nhất là cái đạo hình thức bên ngoài; là những công trình khai thác ngoại cảnh. Trào lưu được sùng thượng là xu phụ xác thân, tiền tài, danh lợi, hưởng thụ khoái lạc nhân tiền.

Nhưng theo lẽ Dịch, cái gì cùng cũng sẽ biến; cái gì "vãng" cũng có lúc "phản". Vì thế nên trong tương lai, ta có thể tin chắc rằng nhân loại sẽ đi lại ba chặng đường Tam Tài, nhưng sẽ đi theo chiều ngược, nghĩa là sẽ đi từ Vật đạo, tới Nhân đạo, rồi cuối cùng sẽ trở về Thiên đạo.

Như vậy Thuyết Tam Tài cho chúng ta một cái nhìn toàn bích về vai trò các đạo giáo, và ý nghĩa lịch sử nhân quần.

Quan niệm Tam Tài cho thấy con người có 3 thứ đạo phải theo, phải giữ.

1. Vì có Xác, nên con người có Vật đạo. Vật đạo là lo khai thác ngoại cảnh, thích ứng với ngoại cảnh, để cho xác thân được no ấm, khỏe mạnh, sung sướng.

2. Vì có Hồn, con người phải theo Nhân đạo. Nhân đạo dạy tu tâm, luyện tính, ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, đối đãi với nhau cho vẹn tình, vẹn nghĩa, vẹn niềm kính ái, thủy chung, cốt sao cho tâm tư an lạc, gia đình đầm ấm, xã hội hòa ái.

3. Vì có Thần, nên con người phải theo Thiên đạo. Thiên đạo có mục đích tìm ra Chân Thần khuất lấp sau những bức màn hiện tượng tâm tư dầy đặc, trở thành Thần Linh, siêu xuất sinh tử.

Như trên đã nói, hồn là phần biến thiên trong con người; mà đã biến thiên ắt phải ở trong vòng sinh tử.

Thần mới là phần bất biến trong con người. Mà đã bất biến, mới bất sinh, bất tử.

Mục đích tối hậu của con người là rũ bỏ cái vỏ bọc biến thiên, sinh tử bên ngoài, để mà thể hiện cái Bản thể Thần Linh bất tử bên trong.

Nho gia gọi thể là: Khử nhân dục, tồn Thiên Lý.

Lão Trang gọi thể là: Tâm tử, Thần hoạt.

Bà La Môn gọi thể là: Tat Tvam Asi: Con là Cái Đó.

Phật giáo gọi thể là thoát vọng tâm, thể hiện Chân tâm; siêu sinh tử, nhập Niết Bàn.

Không chấp nhận mình có Thần, vĩnh viễn không bao giờ vào được Nước Trời (Yoan, 3:5- 6), vĩnh viễn không bao giờ trở thành Tiên, Phật. Thần trong con người là hạt giống Tiên, Phật, Thần, Thánh. Không có Thần, dẫu tu muôn đời cũng không thoát được kiếp người... Ấp trứng gà, làm sao nở ra lại thành chim phượng?

KẾT LUẬN

Quan niệm Tam Tài, mà tôi đã trình bày như trên, có một tầm kích hết sức quan trọng.

Nó giúp chúng ta đi sâu vào chiều sâu tâm hồn, để tìm cho ra Thần Linh vĩnh cửu, tiềm ẩn bên trong. Nó vạch lại cho chúng ta thấy con đường mà hiền thánh xưa nay đã dùng, để bước vào cửa Đạo, cửa Trời.

Nó không phải là một cuộc thăm dò, bàn cãi xuông, mà chính là một công cuộc thăm dò để tìm hiểu về thân thể và định mệnh con người, với mục đích đem lại một sự biến chuyển nội tâm hoàn toàn, một sự tái tạo, phục sinh không tiền, khoáng hậu.

Nó cũng sẽ làm đảo lộn quan niệm thông thường về đạo giáo. Thay vì vụ vào những hình thức thờ

phụng, cúng quải, van vái bên ngoài, nó thôi thúc chúng ta hướng nội, quay về với bản tâm, để tìm cho ra Thần trời đất, tìm cho ra Thượng đế làm căn cốt bên trong. Có vậy mới mong khế hợp nhất như với Thượng đế, mới mong giải thoát thật sự.

Xưa có một người hỏi Đốn Ngộ thiền sư: Thế nào là Phật? Thiền sư trả lời: «Gánh nước bán đầu sông.» Nghĩa là trong ta đã có một dòng sông linh thiêng, vĩnh cửu, đã có một vị Phật vô biên, mà ta không biết, lại vất vả, chen chúc nhau, đi cầu Phật ở bên ngoài, cầu Chúa ở bên ngoài; đi mua những thứ nước đục, mà người ta ngạo nghễ đem bán cho chúng ta với một giá rất đắt, ngay bên bờ sông tâm linh của chúng ta...

Câu chuyện trên làm ta liên tưởng đến lời Thiên Chúa, ghi trong Jeremiah 2:13, đã trách dân Do Thái:

«Dân ta làm lỗi hai đàng,
Bỏ ta suốt mát, đào quàng giếng khơi,
Nước thời chẳng thấy tắm hơi,
Giếng dò, giếng nứt, ôi thôi, khốn nạn!»

Vương Dương Minh xưa cũng có những lời, những ý tương tự. Tôi mượn ý, mượn lời ông phóng tác thành bài thơ sau:

Sao thắc mắc lo suốt ngày, suốt buổi?
Sao học hành, bàn cãi mãi mà chi?
Bao nghi nan, mâu thuẫn của vấn đề,
Dùng trực giác, phá tan trong chốc lát.
Lòng con người, có chỉ nam từ sơ phát,
Trong lòng người, đã sẵn đấng muôn trùng.
Có mọi sự, trong kho báu đáy lòng,
Sao ta vẫn ăn xin từng cửa ngõ? [35]

Ước mong bài khảo luận về thuyết Tam Tài này sẽ giúp quý vị, trong muôn một, tìm ra được Thần Linh nơi tâm khảm, vượt qua trần hoàn này trong vinh quang, và thực hiện được Bản thể tối hậu của mình, dữ Thiên đồng nhất.

CHÚ THÍCH

[1] Un penseur de l'antiquité, Soplocle, je crois, a dit: "Quelles que soient les choses admirables qu'il y ait dans le monde, rien n'est plus admirable que l'homme" (Henri Montherlant, Nouvelles littéraires, No 2399 du 17 au 23 Septembre 1973, p. 12)

[2] Mạnh tử, Tận tâm chương cú hạ, câu 1.

[3] Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. (Trung Dung, 20)

[4] I cognized the center of the empyrean as a point of intuitive perception in my heart. Irradiating splendor issued from my nucleus to every part of the universal structure. Blissful amrita, the nectar of immortality, pulsed through me with a quicksilverlike fluidity. The creative voice of God I heard resounding as Aum, the vibration of the Cosmic Motor. Suddenly the breath returned to my lungs. With the disappointment almost unbearable, I realized that my infinite immensity was lost. Once more I was

limited to the humiliating cage of the body, not easily accomodative to the Spirit. Like a prodigal child, I had run away from my macrocosmic home and imprisoned myself in a narrow microcosm.

- Paramahansa Yogananda, Autobiography of a yogi (Los Angeles: Self Realization Fellowship), pp. 149- 151, 1946.

[5] Katha Up. IV, 1- 4, 10- 11. Cf. A Source Book of Indian Philosophy, p. 47.

[6] Chandogya Up. III, XIV. 1- 2,4. A Source Book of Indian Philosophy, p. 65

[7] Radhakrishnan, East & West, Some Reflections. Harper and Brothers, Publishers, New York, 1956, p. 22.

[8] Thủ Lăng Nghiêm, diễn dịch Hán văn ra Việt ngữ, và giải thích. Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội phát hành, q. II, tr. 90).

[9] lb. tr. 56.

[10] lb, tr. 69.

[11] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.

[12] Harzat Ahmad, The philosophies of the teachings of Islam, 1959, p. 19).

[13] But we created man, and we know what his soul whispers; for we are nigher to him than his jugular vein! (The Qur'ân, L. 50)

[14] And when I have fashioned it, and breathed into it of my spirit...(The Qur'ân XV. 30)

[15] He is the first and the last; and the outer and the inner...(The Qur'ân, LVII. 3.)

[16] L'Esprit (Ruah en hébreu, Pneuma en Grec, mot qui se rencontre 827 fois dans la Bible) c'est le souffle de vie qui est communiqué par Dieu... L'âme (Nephesh en Hébreu, Psuche en Grec, mot mentionné 873 fois dans la Bible) désigne avant tout la vie individuelle, la vie passagère.

Cf. Charles Gerbier, Le Chemin du Salut, chapitre: L'Homme est- il immortel?).

[17] According to the Scriptures, Spirit is indestructible, but soul is destructible. Obviously then, they are not synonymous. It is clearly stated that the soul that sinneth, it shall die; but the Spirit shall return to God who gave it.

Cf. Manly Palmer Hall, The Secret Teachings of all Ages, p. CLV.

[18] Bible de Jerusalem, p. 1525, note a.

[19] The first of these in date for me (though not in composition) was a sermon by Paul Tillich, which appeared in his collection The Shaking of the Foundations, published in England in 1949. It was called 'The Depth of Existence' and it opened my eyes to the transformation that seemed to come over so much of the traditional religious symbolism, when it was transposed from the heights to the depths. God, Tillich was saying, is not a projection 'out there', an Other beyond the skies, of whose existence we have to convince ourselves, but the Ground of our very being.

"The name of this infinite and inexhaustible depth and ground of all being is God. That depth is what the word God means. And if that word has not much meaning for you, translate it, and speak of the

depth of our life, of the source of our being, of your ultimate concern, of what you have taken seriously without any reservation. Perhaps, in order to do so, you must forget everything traditional that you have learned about God, perhaps even that word itself. For if you know that God means depth, you know much about him. You cannot call yourself an atheist or unbeliever. For you cannot think or say: Life has no depth! Life is shallow. Being itself is surface only. If you could say this in complete seriousness, you would be an atheist; but otherwise you are not. He who knows about depth, knows about God.

John A. T. Robinson, Bishop of Woolwich, *Honest to God*, The Westminster Press Philadelphia, 1963, pp. 21, 22.

[20] Emerson thought that the "highest revelation" was that God was in every person...(Paul F. Boller, Jr., *American Transcendentalism, 1830- 1860* G.P. Putnam's sons, New York, Capricorn Books, New York, 1974, p. 78)

[21] Storch spoke of the mystics' belief in the indwelling of the Christ in man...Not only could the individual be united with God through his sufferings; he could become as God...(Jack Gratus, *The False Messiahs*, Taplinger Publishing company, New York, 1976, p. 93).

[22] They spoke of the light within, or of Christ within, even of God within... In the world at large, Quaker concern early manifested itself in the alleviation of suffering and in philanthropic works.

John Dillenberger and Claude Welch, *Protestant Christianity*, Charles Scribner's sons, New York, 1954, pp.119 & 121.

[23] Religion, more precisely, is the immediate apprehension of the Infinite in the finite, of the unity in the diversity. -- Ib. p.184.

[24] Xem Đại Thừa Chân Giáo, các trang 56, 61. Cao Đài Giáo Lý, số 74, tháng Giêng, năm Nhâm Tý, tr. 5. Cao Đài Giáo Lý, Kỷ niệm Rằm tháng hai, Mậu Ngọ, tr. 20).

[25] Đàn cơ Nam Thành Thấn Thất, giờ Ngọ, Mừng 1, tháng Giêng, năm Kỷ Dậu. Xem Cao Đài Giáo Lý, số 91, tr. 31.)

[26] Lịch sử Cao Đài, Đại Đạo Tam Kỳ phổ độ, Đồng Tân, quyển 2, Phần phổ độ, 1926- 1927. Cao Hiên xuất bản, 1972, tr. 97.

[27] Autant que le Dhyana Yoga est commun à tous les Yogas, on pourrait réduire cette classification à trois, c'est- à- dire: Hatha Yoga, Lana Yoga et Raja Yoga. Chacun conduit à la perfection et au contrôle indomptable de l'un des trois aspects de l'homme: le premier, celui de l'homme physique; le second, celui de l'homme mental; et le troisième, celui de l'homme spirituel...

Le Yoga, comme un tout unifié, peut être considéré comme une méthode efficace et scientifique de développer la triple nature de l'homme par le moyen de la concentration mentale sur les diverses fonctions psycho- physiques, les pouvoirs mentaux, et les forces spirituelles expérimentées par et au moyen de l'organisme humain. (Le Yoga Tibétain et les Doctrines Secrètes, » eùdité par le Dr W. Y. Evans Vents, M.A.D. Litt. D.Sc. de Jesus College, Oxford- Traduction française de Marguerite la Fuente, pp. 44- 45)

[28] The result, as Dante, a leading scholar puts it, is a humanism that can accept the Cosmos as a whole and yet see in MAN the horizon between God and Nature, a being utterly one and yet linked by his

senses to the world of matter, by his mind to the world of thoughts and by his spirit to the world of Mystery.

The Cultural Approach to History, p. 210.

[29] Il (Averroès) pensait que l'âme humaine est étroitement associée avec le cerveau et meurt avec cet organe, mais qu'il existe en l'homme une Raison, Principe doté d'immortalité; en cultivant ce Principe, on peut s'unir à la Raison Active, à l'Intellect, agent universel et éternel...

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 34.

[30] Serge Hutin, Les Gnostics, » eùd. PUF, p. 79.

[31] Cf. Papus, ABC Illustré de l'Occultisme, p.196.

[32] Le Mens; le corps sidéral; le corps terrestre. C'est toujours le monde divin, le monde abstraktif, le monde instinctif.

Le corps terrestre, fait de matière et qui doit nécessairement retourner à la matière, est porté vers les jouissances de la matière; il cherche à séduire et à corrompre, par l'attrait des plaisirs sensuels, le Mens destiné à le dominer et à le conduire. Il a pour auxiliaires les passions, surtout la volupté.

Le corps sidéral est l'intermédiaire entre l'âme et le corps matériel. Il sert de lien entre le coeur, source de la vie du corps, et le cerveau, siège de la vie, de l'âme.

Le Mens, l'âme, est l'étincelle divine qui vit en nous: C'est notre guide, notre conscience, notre flambeau, pendant notre séjour sur la terre...

Desbarolles, Mystères de la main, p. 27.

[33] Cette âme (âme liquide) est le siège de nos passions et de notre "individualité" présente, mais elle est destinée à se dissoudre dans le Léthé comme le corps dans la Terre. L'autre âme, c'est le PNEUMA, le char de l'esprit, ainsi que l'appelait Platon, le noyau sans cesse grossi de l'immortalité de l'âme, l'embryon du corps glorieux.

Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, p. 143- 144)

[34] Il n'y a de péché que lorsque l'homme agit contrairement à sa propre conscience. La loi naturelle précède la révélation surnaturelle (avant Moïse, déjà les hommes ont vécu selon Dieu. Socrate et Platon avaient plus de foi chrétienne que bien des chrétiens qui ont vécu après eux) et le Chrétien, le Juif et le philosophe qui discutent dans son dialogue, se rencontrent sous l'égide de la loi morale et de l'humanité.

Paul Sander, Histoire de la Dialectique, Nagel, p. 67.

[35] Vấn quân hà sự nhật đồng đồng,

Phiền não trường trung thổ dụng công.

Mạc đạo thánh môn vô khẩu quyết,

Lương tri lưỡng tự thị Tham Đồng.

Nhân nhân tự hữu định bàn châm,

Vạn hóa căn nguyên bản tại tâm.

Khước tiểu tông tiền diên đảo kiến,

Chi chi diệp diệp ngoại đầu tằm.

Vô thanh vô xú, độc tri thì,

Thử thị Kiền Khôn vạn hữu ki,

Phao khước tự gia vô tận tạng,

Diên môn trì bát, hiện bản nhi.

(P.Léon Wiegner, Textes Philosophiques, Imprimerie de Hien Hien, 1930, p. 260)

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 12

CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Mục đích của Triết học và đạo giáo cốt là tìm ra con đường giải thoát cho con người. Cái hay của một môn học là làm thế nào để người sau nếu đi theo đúng những đường lối đã chỉ dẫn, cũng sẽ tìm ra được kết quả y như là người đã khám phá ra nó đầu tiên. Cho nên nếu Chúa Jesus, nếu Phật là những vị giáo chủ chân thực, thì chẳng qua cũng chỉ là những người tiên phong đã tìm ra được một phương trình, một phương thức giải thoát cho con người, mà chính các Ngài đã dùng để tự giải thoát mình. Chúng ta là những người đi sau, khi khảo lại những tư tưởng, những đường lối của các bậc đàn anh đi trước, phải làm sao để những tư tưởng ấy ngày một thêm sáng láng, những đường lối ấy ngày một thêm rõ ràng, để càng ngày càng thêm nhiều người cũng thành Chúa, thành Phật như các Ngài. Còn nếu quả thực các Ngài xuống trần để đi thu nạp thêm một số nô lệ, một số bầy tôi chuyên môn nịnh hót, xưng tụng các Ngài, thì riêng tôi, tôi thấy các Ngài quả là đã làm hư hỏng gian trần.

Tôi phải nói ngay rằng Chúa hay Phật đều là những người hết sức khiêm tốn. Một hôm Chúa Jesus vì xưng: «Ta và Cha ta là một», nên bị người Do Thái vác đá ném. Ngài liền trích dẫn câu Thánh Vịnh 82 để bào chữa. Ngài cãi: «Trong luật các ngươi, lại đã không viết sao: "**Ta bảo các ngươi đều là Chúa**". Luật gọi là Chúa, những kẻ được Chúa đối thoại – lời Kinh Thánh dĩ nhiên không thể hủy – thế mà kẻ đã được Thiên Chúa tôn phong và sai xuống gian trần, chỉ vì xưng mình là con Thiên Chúa thì các ngươi lại cho là phạm thượng...» (John, 10:34).

Như vậy, Ngài đã long trọng tuyên bố rằng mọi người đều là Chúa, đều có khả năng trở thành những Con Thiên Chúa. Chính vì thế mà Ngài cho rằng khi xưng mình là Con Thiên Chúa, thì chẳng có chi là phạm thượng.

Bản Kinh Thánh Nguyễn Thế Thuấn dịch: «Các ngươi là thần.» Nhưng bản Thánh Kinh King James Version thì dịch: «Ye are gods»; bản Bible de Jerusalem bằng Pháp văn dịch: «Vous êtes des dieux».

Xưa nay không ai dám dịch: Các ngươi đều là Chúa. Nhưng tôi dám dịch như vậy, vì dựa vào toàn bộ thông điệp của Chúa Jesus. Thông điệp ấy như sau:

1) Ngài cho rằng Ngài và chúng ta đều là con một Thiên Chúa, vì thế mới lập ra kinh Pater Noster (Lạy Cha chúng tôi) (Mat. 6:9- 13).

2) Nếu ở trên đây ta dịch: Các ngươi là thần, thì Chúa Jesus cũng chỉ gọi Đức Chúa Cha là Thần (John 4:24).

3) Nếu Ngài xưng mình là một với Thượng Đế, thì Ngài cũng cầu xin, cũng ước nguyện cho mọi người được nên một với Thượng Đế như Ngài (John 17:21)

4) Ngài cũng tuyên xưng nếu ta yêu được kẻ thù của ta, thì ta cũng được gọi là Con Thiên Chúa (Mat. 5:45)

5) Ngài cho rằng nếu chúng ta có niềm tin về giá trị và thân thể của mình, thì cũng làm được những phép lạ như Ngài, hoặc hơn Ngài (Mat. 17:20. Luke 17:6; Mat. 21:21. John 13: 12)

6) Ngài cho rằng vì Thiên Chúa là Thần, nên ta phải thờ Ngài bằng thần (John 4: 24). Hơn nữa Ngài đoán quyết rằng: Muốn vào Nước Trời, con người phải sinh lại bằng thần (John 3: 5). Thế tức là con người muốn vào nước Trời, trước tiên phải thành Thần.

7) Thánh Paul cũng chủ trương con người sẽ trở thành những con Thiên Chúa mai sau, sẽ đạt tới tầm kích chúa Kitô, để Chúa Kitô sẽ trở thành Người Anh Cả của vô vàn đàn em (Eph. 4:13. Rom. 8:18- 30).

8) Ước vọng xưa của người Công giáo là sẽ trở thành đấng Kitô khác (Alter Christus).

9) Sách Khải Huyền hứa cho những người đắc đạo sẽ được ngồi tòa Thiên Chúa như Chúa Jesus (Rev. 3:21).

Trong tiếng Anh có chữ ATONEMENT: Chữ này thường được hiểu là Sự Chuộc tội do một đấng Cứu Thế.

Nhưng thực ra chữ ATONEMENT gồm 3 chữ: AT - ONE- MENT: Tức là Kết hợp nhất như (với Thượng Đế).

Nếu ta hiểu GIẢI THOÁT là kết hợp nhất như hoặc là với Thượng Đế như kiểu nói Âu Châu, hoặc là với Đại thể vũ trụ, với Atman- Brahman như kiểu nói Ấn giáo; hay với Như Lai, với Chân tâm, Phật tính theo kiểu Phật giáo, thì ta thấy rằng: Con người chỉ khi đạt tới giải thoát mới trở thành bất tử.

Theo tôi đó là cách hiểu hai chữ giải thoát một cách đúng đắn nhất. Từ xưa đến nay, nhân loại chính vì không hiểu nổi định mệnh sang cả mà Trời đã dành cho mọi người, nên khi thấy Chúa Jesus xưng mình là một với Thượng Đế, thì tưởng chừng như là một chuyện kinh thiên động địa, mà chỉ một mình Chúa Jesus làm được, còn mọi người khác đều muôn đời không bao giờ có thể làm được như vậy. Ôi, quả thực là một điều, ngu muội, lầm lẫn lớn lao, một sự xỉ nhục lớn cho nhân quần. ước gì nhân quần sớm giác ngộ được định mệnh cao sang của mình.

Vậy con người sinh ra đời này cốt là để thực hiện Chân Ngã, thực hiện Thiên Chúa nơi mình, để thành Chúa, thành Phật; chứ không phải để lạy Chúa; lạy Phật. Srila Prabhupada, một đạo sư Ấn Độ nói: «Mục đích cuộc đời là để thành Chúa, thành Thần, nhưng các khoa học gia không biết chuyện đó. Xã hội nhân quần hiện nay bị hướng dẫn bởi những kẻ mù, kẻ điên. Những người mang danh là chuyên viên, khoa học gia, triết gia, đều không biết mục đích chân thực của cuộc đời. Còn chúng nhân thì cũng đui mù như vậy. Thế là một người mù dẫn một lũ mù, thì làm sao mà đạt được kết quả. Không thể nào như vậy được.

Chúng ta phải đi tìm những người đã giác ngộ, mới có thể tìm ra được chân lý.» [\[1\]](#)

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐẠT GIẢI THOÁT

Xưa nay bàn về giải thoát không biết cơ man nào là người. Nhưng vấn đề vẫn hết sức mơ hồ, vì nó đòi hỏi một điều kiện là người đạo sĩ phải chứng nghiệm giải thoát nơi chính bản thân. Tu chứng giải thoát không phải là súc tích kiến văn, mà chính là giác ngộ tâm linh, hồi quang phát huệ.

1. CHỨNG NGHIỆM TỰ TÍNH

Điều kiện tiên quyết là nhận ra được rằng mình có THIÊN TÍNH, có PHẬT TÍNH. Bất kể những phương tiện đã dùng là những phương tiện gì: sống đời tu trì, khổ hạnh; quán tưởng, thiền định; mặc khải,

giác ngộ nhưng kết quả chỉ là một: Thấy rằng mình với Đại thể vũ trụ chỉ là Một chứ không hai, thấy rằng trong cái thân tứ đại của mình, có Đại thể vô biên, làm căn cơ vũ trụ và muôn loài, muôn vật.

Huệ Năng viết về ngộ Đạo như sau:

«Đạo do tâm ngộ, há ở việc ngồi thiền sao? Kinh nói: Kẻ nào chỉ thấy Như Lai ở hình tướng, hoặc ngồi, hoặc nằm, ắt hành tà đạo. Vì sao vậy? Vì Như Lai không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, không sanh, không diệt. Nhận ra cái thể không đến, không đi, đó là Như Lai thanh tịnh thiền. Nhận ra cái lẽ vạn vật đều không tịch đó là Như Lai thanh tịnh tọa.

Đạo không có sáng tối. Nói sáng tối là nêu cao cái nghĩa đắp đổi lại qua. Sáng sáng không cùng rồi cũng phải cùng,

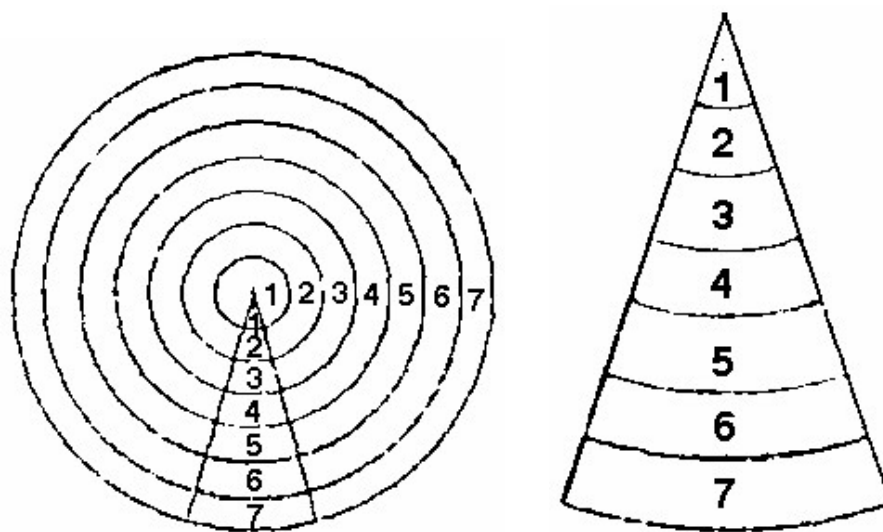
Cũng vậy, đạo không có phiền não với bồ đề đối đãi nhau. Vì sao? Vì phiền não tức bồ đề, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nếu lấy trí huệ chiếu phá phiền não, đó là kiến giải của hàng Thanh văn, Duyên giác cõi xe nai dê; hàng trí cao căn lớn quyết không như vậy.

Sáng với không sáng, kẻ phàm thấy "có hai", bậc trí thấu rõ tánh nó "Vô nhị". Cái tánh vô nhị ấy là chân như thực tánh. Tánh ấy bình đẳng ở muôn vật, ở phàm ngu chẳng bớt, ở hiền thánh chẳng thêm, ở phiền não chẳng loạn, ở thiền định chẳng tịch; cái thấy vô nhị tuyệt đối ấy, thấy chẳng đoạn, chẳng thường; chẳng đến, chẳng đi; chẳng ở giữa, chẳng trong ngoài; chẳng sinh, chẳng diệt; tánh tướng như như, thường trụ chẳng dời, đó gọi là Đạo.

Nếu Ông muốn biết chỗ tâm yếu của Thiền thì lành dữ tất tất chớ nghĩ đến thì tự nhiên ngộ nhập trong thể tánh thanh tịnh của tâm, tuy vắng lặng linh minh, mà diệu dụng thì vô tận đáp ứng với thế sự vô cùng.» (Đàn Kinh, phẩm Hộ pháp).

2. PHẢI CÓ BẢN ĐỒ

Cũng như muốn di chuyển trong một thành phố cho khỏi lạc, chúng ta phải có bản đồ của thành phố ấy, muốn tìm cho ra con đường giải thoát, chúng ta cũng cần có một bản đồ. Từ nhiều năm nay, tôi đã cố vẽ ra một đồ bản về các tầng lớp trong con người. Tôi đã vẽ các tầng lớp trong con người thành bảy vòng tròn đồng tâm như sau:



1. Vòng trong cùng là Thái Cực, hay Chân Ngã, hay Bản thể Vũ trụ, hay Đại Linh Quang.
2. Vòng thứ hai là Khí (Pneuma, Animus), hay Hồn Thanh hương về Chân Thiện, Mỹ (HỎA = FIRE).

3. Vòng thứ 3 là Trọc Hồn (anima, soul), gồm thất tình, lục dục, chịu ảnh hưởng của từ trường, từ lực, mà người xưa gọi là sống trong vòng duyên nghiệp, sắc tướng hay thanh sắc (KHÍ = AIR).
4. Vòng thứ 4 gọi là vòng Trí Não (intellect), cơ quan sinh ra tâm tư, niệm lự (THỦY = WATER).
5. Vòng thứ 5 là vòng thể xác, ngũ quan (ĐỊA = EARTH).
6. Vòng thứ 6 tượng trưng cho gia đình, quốc gia, xã hội (Vòng lợi danh, và ái tình, duyên nợ).
7. Vòng thứ 7 bên ngoài tượng trưng cho ngoại cảnh vật chất, cho các nghề nghiệp, cho các phương cách ta dùng để khai thác ngoại cảnh; nó bao gồm ngoại cảnh, từ bầu khí quyển quanh mình, đất đai, vạn hữu quanh mình cho tới các giải tinh cầu xa nghìn triệu năm ánh sáng (Vòng hồng trần; trần ai, tục lự).

Chúng ta là LINH QUANG, phát xuất từ Đại Linh Quang (Vòng 1), dần dần khoác lấy thân Tứ Đại (Hỏa = Fire; Khí = Air; Thủy = Water; Thổ = Earth), vướng mắc vào những vòng duyên nghiệp, lợi danh, trần ai, tục lự, nên như ăn phải cháo lú, quên mất giá trị siêu linh của mình, quên mất đường về. Mục đích vẫn là vòng trong cùng, tượng trưng cho Khố Đại Linh Quang, bản thể vũ trụ và con người. Khi ta hiểu rõ như vậy, ta sẽ thấy những lời sau đây của Chúa Jesus không có gì là bí ẩn nữa: «Ta từ Cha ta mà ra, xuống hồng trần này, rồi lại thoát hồng trần, trở về với Cha.» (John 16: 28); và ta cũng nhìn ra đâu là vòng duyên nghiệp, đâu là thân tứ đại giả hợp, đâu là trần ai, tục lự.

Giải thoát là trở về được Trung Cung (Vòng Thái cực, vòng 1).

Luân hồi là luân lạc trong các vòng ngoài từ 2 đến 7...

Nếu ta cắt 7 vòng trên ra thành 1 hình chóp nón, ta sẽ thấy vòng trong cùng trở thành cái chóp, cái ngọn; vòng ngoài cùng sẽ trở thành cái đáy, cái chân. Suy ra càng gần ngọn, càng khinh thanh, càng nhẹ nhàng; càng gần chân, gần đáy, càng nặng nề trọng trọc. Nói thế có nghĩa là muốn trở về Trung Cung, Thái Cực, trở về Bản Thể, phải gạt đục, khơi trong tâm hồn.

3. HAI HƯỚNG ĐI, HAY HAI CON ĐƯỜNG

Chúng ta hãy vẽ bảy vòng tròn trên thành 7 vòng tròn đồng tâm, rồi lại vẽ hai con đường từ TÂM ra BIÊN, và từ BIÊN vào TÂM. Ta gọi con đường từ TÂM ra BIÊN là con đường ÂM, đường TRỤC VẬT, đường PHÓNG NGOẠI, đường TỤC LỰY, ĐỌA ĐẦY; còn con đường từ BIÊN về TÂM là con đường siêu thăng, con đường đưa tới hạnh phúc vĩnh cửu, con đường sinh thánh, sinh thần, qui nguyên, phản bản. Vẽ xong, ta sẽ hiểu hết bí quyết của người xưa, từ Đông sang Tây, khi bàn về 2 con đường hướng ngoại và hướng nội.

Khi tìm ra được rằng con đường HƯỚNG NGOẠI là con đường HƯỚNG VẬT; con đường HƯỚNG NỘI là con đường HƯỚNG THIÊN, tôi liền nhìn nhận ra con đường của THẦN, PHẬT, THÁNH, TIÊN. Mà lạ lùng thay con đường hướng nội hoàn toàn nằm gọn nơi thân thể con người.

Đức Phật cũng đã tìm ra được con đường ấy. Ngài tự thuật như sau: «Cũng như người bộ hành sau bao thuở lang thang trong cánh đồng hoang vắng rồi chợt thấy một con đường cỏ, con đường bao người trước đã đi qua; ta bèn noi theo đó mà đi, và gặp làng mạc, cung điện, vườn tược, núi rừng, hồ sen, thành quách, và nhiều cảnh trí khác từng làm nơi an thân lập mệnh của bao người trước.» ^[2]

Hai ngã đường SỐNG, CHẾT đó đã được Yahve phơi bày ra trước mặt chúng ta tự ngàn xưa: «Ta đặt trước mặt người sự sống và sự chết, ngõ hầu người được sống, người và dòng giống người, là yêu mến Yahve Thiên Chúa của người, là vâng nghe tiếng Người, và khấn khít với Người, vì đó là sự sống của

người...» (Deuteronomie 30:19)

Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism) bàn về hai ngã đường Thiện Ác như sau: «Thượng Đế tạo dựng nên vũ trụ, và nhân đó sinh ra lưỡng thần Thiện, Ác... Thượng Đế khuyên mọi người đi theo đường của Thần Thiện (Spenta Mainyu), đừng đi theo con đường của Thần Ác (Angre Mainyu), vì Ác mang đến chết chóc và hủy hoại; Thiện mang đến trường sinh và hoàn thiện...» [3]

Hai lối đường HƯỚNG NGOẠI (ÂM, THUẬN), HƯỚNG NỘI (DƯƠNG, NGHỊCH) giúp chúng ta nhìn thấy lẽ nhất quán của các đạo giáo, và ta mới hiểu tại sao Thiền tông lại nói:

«Hướng ngoại mà tìm cầu,

Tất cả đều ngoan si.

Hướng nội mà tìm cầu,

Tất cả đều chân thực.»

(Đại Đức Thiên Ân, Triết học Zen I, tr. 103).

Trong kinh Tu sám yếu chỉ, nơi cuối kinh Pháp Hoa cũng lý luận rất rõ về hai hướng đi, hai con đường: Con đường hướng ngoại, trực vật dần dà sẽ đưa tới sa đọa, diệt vong. Hướng ngoại trực vật chính là MÊ CHÂN, TẠO ÁC, chính là đi ngược dòng NIẾT BÀN, đi xuôi dòng vào Bể Sinh Tử... yêu đời, luyến cảnh, để cuối cùng có thể thành một đại xiển đề gian ác, trầm luân trong vòng sinh tử, không kỳ giải thoát... Còn như nếu biết hồi hướng, đi theo con đường hướng nội, hồi quang, phản chiếu, sẽ giác ngộ, sẽ khiến cho tâm mình chuyển ngược dòng sinh tử, thuận theo đạo Niết Bàn, thấu hiểu được TÂM TÍNH BẢN TỊCH (hay PHẬT TÍNH) nơi mình. Tôi không dịch nguyên văn, mà chỉ bàn theo ý kinh, cho lời lẽ tôi được sáng sủa. Quý vị nào muốn đọc nguyên văn, xin tìm đọc kinh Thủy Sám Yếu Chỉ, nơi các trang 4b và 5a, nơi đoạn «Thuận nghịch thập tâm... Mê ngộ lưỡng phái». [4]

Người xưa cũng nói: «Thuận tắc sinh nhân sinh vật, nghịch tắc sinh Thánh, sinh Thần.»

Năm 1968, Bà Elizabeth O'Connor cũng đã xuất bản một quyển sách nhan đề: Journey Inward, Journey Outward (Hành trình hướng nội, hành trình hướng ngoại), Harper & Row Publishers, New York xuất bản. Thư viện 24 ở Tustin có tàng bản, dưới số 289.9). Đại khái sách chủ trương: Hướng ngoại để phục vụ, hướng nội để tu chứng. Hướng nội là con đường đưa tới Nước Trời nội tâm; hướng ngoại là con đường dễ dãi của quần chúng, dần dà sẽ làm cho con người trở nên ù lì, có mắt mà chẳng biết nhìn, có tai mà chẳng biết nghe... Hướng ngoại sẽ không thể nào thực hiện được định mệnh sang cả của mình. Trời đất ra công cảnh cáo cho con người biết đàng hồi hướng, bằng muôn cách thế như cho thấy trong người bực dọc không yên, cho đêm nằm không ngủ, cho cảm thấy bất bình, không thỏa mãn, cho giận dữ, cho thấy chán chường, cho thấy đời vô ý nghĩa, v.v... Tiếc thay, nào có mấy ai, nghe thấy được những tiếng thầm, lời thiêng ấy. Tôi bái phục cao kiến của tác giả và hoàn toàn đồng ý với tác giả. [5]

Hồi còn ở Việt Nam, khoảng những năm từ 1968 đến 1976, tôi có đến diễn thuyết nhiều lần tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài tại 179 Cống Quỳnh, Saigon. Và chủ thuyết mà tôi muốn rao truyền là trong lòng ta đã sẵn có Đạo, có Trời, cho nên con người phải đi sâu vào nội tâm, để mà tìm Đạo, tìm Trời. Sau khi tôi rao giảng chủ thuyết này một thời gian, thì ngày 1, tháng 10, 1972, Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng đàn, và đã dạy như sau:

«Biết rằng đời tu thân hành đạo của các con phải có hai phần: Một là hướng ngoại, hai là hướng nội.

«Hướng ngoại để liên ái, đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm học hỏi, làm phương tiện để cầu tiến. Còn hướng nội để lắng nghe tiếng nói của lương tâm, lời dặn dò của bản linh chân tánh, cái Chân Lý của tâm

linh. Hướng nội để các con rời bến mê, đến bến giác, mới mong trở về cùng Thầy, cùng Mẹ; hay nói một cách khác, trở về cùng Khối Đại Linh Quang...»

Đàn cơ trên đã được đăng trong Cao Đài Giáo Lý số 80, nơi trang 6, dưới đầu đề: Trung Thu Mẹ như con hiền.

Đọc đàn cơ trên, tôi hết sức được yên ủi, vì thấy Thần, Thánh như «đồng vọng» lại tư tưởng của mình, và hoàn toàn tán đồng chủ trương của mình.

Tôi khảo về Cao Đài giáo một cách hết sức khách quan trong vòng nhiều năm. Tôi biết rõ từng đồng tử. Các cháu đó chỉ khoảng 15, 16, không có cách nào mà có thể có những tư tưởng cao siêu như trên được.

Khi viết bài này, tôi ngẫu nhiên dở lại một bài diễn văn của tôi vào khoảng tháng 10/73, dưới nhan đề: «Các tầng lớp trong con người với khoa tôn giáo đối chiếu», tôi thấy tôi đã dày công dùng các thánh thư các đạo giáo trên hoàn vũ để chứng minh: phải đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời. Tôi sung sướng đọc lại lời Kinh Ketha Upanishad: «Đại Ngã trở cửa giác quan thông ra phía ngoài, cho nên người ta nhìn ra phía ngoài mà không biết nhìn vào trong lòng mình. Có vài kẻ khôn ngoan, trong khi đi tìm trường sinh bất tử, nhờ nội quan quán chiếu, đã trực diện quan chiêm được Đại Ngã.» (Sách trích dẫn IV, 1- 4; 10- 11).

Và tôi rất đặc ý, khi toát lược sách Đạt Ma Huyết Mạch Luận của Sư Tổ Đạt Ma bằng mấy vần thơ sau, từ hơn 30 năm trước đây:

Chân Tâm bao quát đất trời,
Xưa nay chư Phật chẳng ngoài Chân Tâm
Chẳng cần lập tự, lập văn,
Xưa nay chư Phật tâm tâm tương truyền.
Tâm ta gồm mọi sự duyên,
Mọi đời sau trước, mọi miền gần xa.
Tâm ta là chính Phật Đà,
Phật Đà ở tại Tâm ta chẳng ngoài.
Niết Bàn, Viên Giác, Như Lai,
Ngoài Tâm tìm kiếm công toi, ích gì.
Ngoài Tâm tìm kiếm được chi,
Niết Bàn đâu có lối về ngoài Tâm.
Tự Tâm chí chính, chí chân,
Tự Tâm là Phật, Tự Tâm Niết Bàn,
Ngoài Tâm tìm kiếm đa đoan,
Tay không bắt gió, mơ màng hư vô.
Tâm ta tạo Phật cho ta,
Bỏ Tâm tìm Phật, hỏi là tìm đâu.
Phật, Tâm; Tâm, Phật trước sau,
Ngoài Tâm tìm Phật hỏi sao chẳng lầm.

Cho nên phải biết hồi tâm,
 Nội quan quán chiếu mà tầm siêu linh,
 Bản Lai Diện Mục của mình,
 Muốn tìm thời phải ly hình nhập tâm...

Từ hơn 30 năm nay, nhờ học Dịch và các khoa Huyền Học Đông Tây, và triền miên suy tư, chiêm nghiệm, tôi đã tìm ra được hai ngã đường nói trên.

Năm 1960, tôi đã viết trong bộ Trung Dung Tân Khảo như sau:

Gãm đạo lý có sau, có trước,
 Lễ âm dương có ngược có xuôi.
 Ngược là gió cuốn bụi đời, (ám chỉ quẻ Thiên Phong Cấu)
 Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lằm,
 Có thử thách mới phân vàng đá,
 Có lằm than, mới rõ chuyện đời.
 Khi xuôi sấm chớp tới bờ, (ám chỉ quẻ Địa Lôi Phục)
 Tầng sâu bày giải căn Trời nội tâm,
 Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,
 Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an.
 Rồi ra, suy xét nguồn cơn,
 Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ...

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng hai chữ «thuận nghịch» thay đổi nghĩa, tùy như là tác giả muốn nói thuận gì, và nghịch gì.

Trong bài thơ trên, tôi mừng tưởng như Trời ở trong tâm vũ trụ và trong tâm con người, nên chiều đi ra sẽ là chiều Bối Thiên (quay lưng lại với Trời), hay Nghịch Thiên. Chính vì thế mà tôi gọi là NGƯỢC.

Chiều đi vào, chiều hướng nội, sẽ là chiều Hướng Thiên, Thuận Thiên (chiều quay trở lại với Trời). Chính vì thế mà tôi gọi là XUÔI.

Trái lại nhiều người khác gọi chiều đi ra, chiều hướng ngoại, chiều đi từ Nhất đến Vạn, là chiều «đi theo dòng đời», «đi vào ngoại cảnh», hay là đi theo chiều thuận. THUẬN đây là «thuận dòng đời», nên dĩ nhiên là bị đọa lạc.

Còn đi «ngược dòng đời», là đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời. Nên đi vào con đường này sẽ giác ngộ tâm linh, thành chân, chứng thánh, thành Tiên, thành Phật.

Cho nên, nơi khác trong bộ Trung Dung Tân Khảo của tôi, tôi lại viết:

Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,
 Chèo ngược dòng lên tuốt Căn Nguyên,
 Căn Nguyên là chính Thanh Thiên,
 Vô biên, vô tận, triền miên không cùng.
 Bỏ phù phiếm, tìm tông, tìm tích,

Dương cung thần, ngắm đích thâm tâm.

Bắn vào Trung điểm tâm thần,

Ấy là thoát cỏi hồng trần lăm than,

Như trắng sáng, băng ngàn trần thế,

Rẽ Đẩu, Ngưu, đợm về thần tiên.

ẤY là Tâm Pháp thánh hiền,

ẤY là Trung Đạo tương truyền xưa nay.

Cuộc phù thế, chớ say danh lợi

Bả lợi danh phất phối hão huyền,

Chớ mê những cái đảo điên,

Mà quên mất cái vững bền ngàn thu.

Con đường hướng ngoại trục vật, Dịch gọi là chiều ÂM, bắt đầu từ Cấu đến Khôn, càng ngày càng tối đen, tối sẫm.

Chính vì thế mà nơi [chương 33, Trung Dung](#) đã viết:

Đạo tiểu nhân mới ngó, ngó là đèn,

Nhưng càng ngày, càng tối đen, tối sẫm...

Con đường hướng nội, để thành chân chứng thánh, Dịch gọi là chiều DƯƠNG, bắt đầu từ quẻ Phục tới quẻ Kiền. Nơi quẻ Phục, cho thấy Trời hiện ra chói lọi nơi tâm (Phục kỳ kiến Thiên Địa chi Tâm hồ? 復其見天地之心乎). Nơi quẻ Kiền, cho thấy con người đã thành chân đắc đạo: DỮ THIÊN VI NHẤT 與天為一 (hợp nhất với Trời).

Sau đó sẽ vào TRUNG CUNG, TRUNG ĐIỂM, bất biến, trường tồn.

Đạo Bà La Môn và Đạo Lão chủ trương rất đặc biệt là Trời, Đạo, Brahman không ở đâu xa, mà đã ở ngay giữa đầu não con người, nơi Nê Hoàn Cung (Não thất ba), theo danh từ đạo Lão; hay nơi Sahasrara tức Bông Hoa Sen Nghìn Cánh, theo danh từ Bà La Môn.

Và Mạch Đốc (chạy xuyên qua tủy xương sống) là con đường lên trời. Đạo Lão gọi đó là Thiên kinh. Còn Mạch Nhâm phía trước, hay Thần lộ, là con đường từ Trời xuống con người. Một Đạo gia muốn luyện nội đan, thành chân, chứng thánh phải biết vận dụng Chân Khí qua Nhâm Đốc, và tụ Thần Khí nơi Nê Hoàn...

Huyệt Vĩ Lư dưới cuối xương sống, Bà La Môn gọi là Cửa Brahman (Brahmadvâra). Luân xa Sahasrara là nơi «Trời Người hợp nhất». Thóp nơi đỉnh đầu (huyệt Bá Hội), Bà La Môn gọi là Thượng Đế huyệt (Brahmarandhra = Trou de Brahman).

Hai mạch Nhâm Đốc hợp lại thành một vòng Hoàng Đạo nơi con người...

Khoa Thiên văn cả Đông lẫn Tây cũng đã đem sao trời vẽ thành hai nẻo đường ấy, trên vòng Hoàng Đạo.

Chiều Âm bắt đầu từ cung Cự Giải (Cancer) cho tới cung Nhân Mã (Sagittarius) theo Âu Châu; từ chòm sao Tinh, đến chòm sao Cơ, theo Á Châu.

Chiều Dương từ cung Ma yết (Capricorn) tới cung Song Tử (Gemini) theo Âu Châu; từ chòm sao Đẩu tới chòm sao Sâm theo Á Châu.

Nhưng dù có vẽ lên trời, dù có ghi trong sách thánh, dù Chúa Jesus đã dạy rằng «Nước Trời không ở đây, ở đó mà đã ở sẵn trong lòng chúng ta.» (Lu. 17:21), quần chúng, như một bày cừu dại, vẫn ủa nhau đi tìm nước Trời bên ngoài, theo những tiếng chào mời đường mật, những lời hứa hẹn quảng xiên của một số thầy đời!

Và lời Chúa kêu gọi trong Thánh kinh: «Jerusalem, Jerusalem, convertere ad Dominum Deum tuum!» (Hỡi Jerusalem, hỡi Jerusalem, hãy quay trở lại với Chúa Trời Chúa người) (cf. De Lamentatione Jeremiae prophetae, hát trong Tuần thánh) hay «Convertere, Israel, ad Dominum Deum tuum.» (Hỡi Israel, hãy trở lại cùng Chúa Trời, Chúa người) (Osea.14:2) từ bao nghìn năm nay chỉ là tiếng kêu trong sa mạc... Quần chúng nào biết TRỞ LẠI là gì đâu! Thảm thương thay!

Tóm lại, phân biệt ra hai nẻo đường thuận, nghịch; hướng ngoại, hướng nội, là một công chuyện tối ư quan trọng. Đi sai hướng không thể tới đích. Nếu nhà bạn tôi ở phía Bắc, mà tôi xuống phía Nam đi tìm, thì dẫu tôi có thiện chí mấy, cũng uống công. Tục ngữ ta cũng đã có câu:

Tìm anh như thể tìm chim,
Chim ăn bể Bắc, đi tìm bể Đông...

4. BIẾT ÁP DỤNG ĐỊNH LUẬT TRỜI ĐẤT MỚI MONG GIẢI THOÁT

Định luật trời đất chính là những định luật TỤ, TÁN; VĂNG LẠI; DOANH, HƯ; TIÊU TỨC; BIẾN DỊCH, TUẦN HOÀN.

Thần có Tụ, thần mới linh; Thần Tán là thần đọa lạc. Chính vì vậy mà ta thấy xưa nay, người ta ngồi thiền, hay thiền định, cốt là để thu thần, định trí.

Tu luyện phải biết lợi dụng thời gian sinh lý, tức là thời gian tuổi tác.

Trẻ thì hướng ngoại, già thì hướng nội. Trẻ thì đi ra (VĂNG 往); già thì đi vô (LAI 來).

Trẻ thì thần khuyết (hư 虚), già thì thần tròn (doanh 盈), chẳng khác nào vàng trắng khi khuyết, khi tròn.

Thần khuyết cũng là thần «tiêu» 消; thần «doanh» 盈 cũng là thần «tức» 息. «Tiêu» 消 là mai một, mất mát. «Tức» 息 là sinh sôi, là trưởng đại. Sự đời bên ngoài có biến dịch, có tuần hoàn. Con người chúng ta cũng có biến dịch, có tuần hoàn. Người xưa nói: «Tùy thời biến dịch, dĩ tông Đạo.» . Chúng ta từ Đạo phát sinh, chúng ta lại biến thiên, để quay trở về với Đạo thể.

Thế là ta đã hiểu các định luật TỤ 聚, TÁN 散; VĂNG 往, LAI 來; DOANH 盈, HƯ 虚; TIÊU 消, TỨC 息; BIẾN DỊCH 變易, TUẦN HOÀN 循環.

Người xưa chủ trương muốn giải thoát cần phải biết mình có hai thứ căn bản, có hai thứ tâm.

- Một là Chân tâm, hay Pháp thân, vĩnh cửu trường tồn.
- Hai là Vọng tâm, hay Hóa thân, biến thiên, ảo hóa.

Nếu cuộc đời ta, lấy Pháp thân làm «trọng tâm», ta sẽ biết điều ngự vọng tâm, kiềm chế vọng tâm, thu nhiếp vọng tâm, khiến cho vọng tâm hoàn toàn thể nhập vào Chân tâm, vào Pháp thân.

Tư tưởng trên đây được vẽ ra thành những Yantra hay Mandala của Mật tông (Tantrism), mà tâm điểm của hình vẽ bao giờ cũng là một vị Phật.

Nếu cuộc đời ta đặt trọng tâm vào Vọng tâm, tức là vào Dục Vọng, vào Tham, Sân, Si, ta sẽ mãi mãi ở trong vòng sinh tử luân hồi, sẽ mãi mãi đi vào Lục đạo, Tam đồ.

Tư tưởng trên được vẽ ra thành những hình Karma (Duyên nghiệp), mà tâm điểm bao giờ cũng có hình con lợn, con gà, con rắn tượng trưng cho tham, sân, si, tức là vọng tâm; còn vòng tròn bên ngoài vẽ lục đạo (Thiên (Tiên); Atula (thần); Nhân (người); Địa ngục; Ngạ quỷ (Ma đói); Súc sinh (thú vật)).



Lục đạo tức là các cung cách sinh tử, luân hồi.

Nói theo khoa học, Thái Cực hay Bản thể chúng ta là Linh Quang (vòng tròn trong cùng). Tâm hồn chúng ta (vòng 2,3) là tử lực, tử tuyến. Mà tử lực, tử tuyến cũng là thế giới của DỤC VỌNG; CỦA ÁI, Ố; CỦA THANH ÂM VÀ MÀU SẮC. Con người chúng ta, muốn đạt lại cái vô biên của Linh Quang, cần phải thoát khỏi vòng tử lực, tử tuyến của nhân tâm; vòng thanh âm, màu sắc của ngoại cảnh. Có vậy mới hiểu tại sao trong Mười Điều Răn của Cựu ước, Điều Răn thứ Hai lại cấm thờ Ảnh Tượng; và tại sao Kinh Kim Cương lại dạy phải vượt lên trên THANH SẮC:

«Nhược dĩ SẮC kiến Ngã,	若以色見我
Dĩ ÂM THANH cầu Ngã,	以音聲求我
Thị nhân hành tà đạo,	是人行邪道
Bất năng kiến Như Lai.»	不能見如來

Dịch:

Nếu lấy SẮC nhìn Ta,
Lấy ÂM THANH tìm ta,
Kẻ ấy đi tà đạo,
Không thể thấy Như Lai.

Cũng một lẽ, đạo Lão khuyến cáo đừng để cho âm thanh và màu sắc làm choáng lộn tâm thần.

Đạo Đức Kinh chương XII viết:

Sắc năm màu làm ta choáng mắt,
Thanh năm cung gây ngất lổ tai.
Năm mùi tê lưỡi, nếm sai,
Ruồi rong săn bắn, lòng người đảo điên.
Của hiếm có ngã nghiêng nhân đức,
Khinh giác quan, giữ chắc lòng son,
Thánh nhân hiểu lẽ mất còn.

Trang tử còn có những lời lẽ mãnh liệt hơn nhiều: Trong chương Biền Mẫu (Nam Hoa Kinh), ông viết:

Đem nhã nhạc đảo điên tính khí,
Sư Khoáng kia nào quý chi đâu.
Tính Trời lệ thuộc năm màu,
Ly Chu ta cũng trước sau coi hèn...

Chung qui, Giải thoát là bỏ NHÂN TÍNH, mà mặc lấy THIÊN TÍNH, bỏ NHÂN TÂM, VỌNG TÂM, mặc lấy PHÁP THÂN, về với CHÂN TÂM.

Cho nên, trong khi phạm phu tục tử hô hào cứu vớt cái nhân tâm, cái hồn, các bậc thành chân, chứng thánh lại đồng thanh hô hào vứt bỏ cái vọng tâm, cái hồn cá biệt, riêng tư.

- Đạo Lão dạy: TÂM TỬ, THẦN HOẠT 心死神活 (HỒN CHẾT, CHO THẦN SỐNG).
- Đạo Nho dạy: NHÂN DỤC TẬN, THIÊN LÝ HIỆN 人欲盡天理現 .
- Bà La Môn dạy: CON LÀ CÁI ẤY (Con chính là ATMAN, BRAHMAN).
- Chúa JESUS phán trong Phúc âm: «Ai muốn cứu hồn mình, thì sẽ mất. Ai mất hồn mình vì Ta, thì

sẽ được.» [\[6\]](#)

Cao ý vẫn là bỏ thân phận phạm hèn của con người – Phúc Âm gọi thế là BỎ MÌNH – để thay bằng thân thể cao sang của Trời. Chân lý cao đại này sẽ là tiếng sét khủng khiếp bên tai kẻ phạm phu. Họ không bao giờ dám chấp nhận đó chính là chân lý vĩnh cửu...

Triết phái Vedanta Ấn Độ chủ trương dứt khoát rằng:

Brahman hay Atman, Linh Thần Tuyệt Đối của Vũ Trụ được che lấp nơi con người bằng 5 lần vỏ:

1. Vỏ ngoài cùng là VỎ THỨC ĂN.
2. Rồi tới VỎ SINH KHÍ.
3. VỎ TÂM TỬ.

4. VỎ TRÍ TUỆ.

5. VỎ HẠNH PHÚC.

trong cùng là ĐẠI NGÃ, nằm khuất lấp sau bức màn Vô MINH (AVIDYA). ^[7]

VỎ THỨC ĂN là Thô thân (coarse body), là nhục thể.

VỎ TRÍ, TÂM, KHÍ là Tế thân (subtil body).

VỎ HẠNH PHÚC là Nhân thân (causal body). Tất cả các vỏ này đều còn ở trong vòng SINH TỬ, LUÂN HỒI (SAMSARA), trong vòng ẢO HÓA (MAYA), trong vòng MÊ VỌNG (AVIDYA), trong vòng KHÍ CHẤT (PRAKRITI).

Đạt tới BRAHMAN, ATMAN mới là CHÂN GIẢI THOÁT (MOKSA), CỨU RỒI (SALVATION), VÀ GIẢI THOÁT (MOKSA).

Muốn cho vấn đề được sáng tỏ hơn, ta sẽ so sánh CỨU RỒI (CỨU CHUỘC) và GIẢI THOÁT.

* CỨU RỒI

Quần chúng thường tin rằng Chúa Jesus, hay Phật Thích Ca, hay Lão tử giáng trần là để cứu rỗi mọi người. Còn quần chúng thì không thể nào cứu rỗi được mình. Cho nên cứu rỗi là hoàn toàn dựa vào THA LỰC, dựa vào quyền năng của Thánh Thần. Bên trời Âu, thì Chúa Jesus là đấng Cứu Thế. Bên trời Đông thì Phật Di Đà là đấng Cứu Thế. Các Ngài sẽ đem những người tin theo mình lên Thiên đàng, hay vào Tịnh độ. Cho nên trong chương trình cứu rỗi, con người sau trước vẫn là con người; chỉ có ngoại cảnh là thay đổi: thay vì là ở hồng trần, con người sau khi chết sẽ lên Thiên đàng hay Tịnh thổ.

* GIẢI THOÁT

Còn các bậc thượng trí, thượng nhân, vì cảm thấy mình có Thiên tính, là Linh quang giáng trần, nên sẽ phát huy thần uy, thần lực của mình để băng qua hồng trần, vượt qua hình tướng để trở về hợp nhất lại với Đại Linh Quang. Trong chiều hướng này, Con người hoàn toàn biến thể, còn ngoại cảnh vẫn y nguyên. Con người nay đã trở thành Trời, thành Phật.

Cho nên trước hết, GIẢI THOÁT thường hàm nghĩa HỢP NHẤT, và TỰ LỰC.

Tuy nhiên, vì con người sống trong các đạo giáo, nên cảm nghĩ cũng phải qua lăng kính đạo giáo, ngôn từ cũng phải qua khuôn khổ đạo giáo, nên ta thấy hiện ra những dị biệt sau đây:

1. Chẳng hạn các đại thánh Công giáo, nhất là các thánh phái nữ như thánh Têrêsa nhỏ ở Lisieux, thánh Catharina ở Sienna v.v... thường coi mình là ý trung nhân, là phối ngẫu của Chúa Jesus. Tuy nói là hợp nhất nhưng các ngài và Chúa bao giờ cũng giữ nguyên cá tính.

2. Chúa Jesus tuyên xưng mình và Chúa Cha là một, nhưng trong đời sống Ngài bao giờ cũng phân biệt Cha, Con và tuyên xưng mình không bằng Chúa Cha (John 14: 28). Giữa Chúa Cha và Ngài bao giờ cũng còn một khoảng cách biệt, và Ngài bao giờ cũng đối thoại với Chúa Cha, cũng cố theo ý Chúa Cha, và xin chịu chết để Chúa Cha hài lòng...

3. Các đại thánh Ấn Độ cũng nhiều người theo đường lối trên, coi Thượng Đế là một vị Thượng Đế hữu ngã, và cũng sùng bái, cũng tôn thờ, cũng phân «nhĩ» 爾 «ngã» 我 (Ngài, Tôi). Đó cũng chính là chủ trương của Thánh Kinh Bhagavad Gita.

4. Cũng có những hiền thánh như Phật, như Sankara, thì lại coi Thượng Đế không phải là vị thần hữu ngã, nhưng mà là Căn Nguyên của Vũ Trụ, là Chân Thể của Vũ Trụ, nên không thể là Cái Đây, Cái Kia;

Thần này, Thần nọ; mà là TẤT CẢ. Cho nên, đối với các Ngài, giải thoát rốt ráo, là thể nhập vào Đại thể vô biên tế đó, không còn chút chi phân biệt, chẳng khác nào như dòng sông ra tới biển, thì hết còn là sông. Đó cũng là chủ trương của các bộ kinh Upanishads.

Người Âu Châu tối kỵ quan điểm này, và gán cho nhiều tội: nào là Vô Thần; nào là tu mà trở thành hư vô, là tu vô ích. Nhưng thực ra đó không phải là Vô Thần, mà chính là tuyên xưng THẦN vô biên tế; kết quả tu trì không phải là trở thành HƯ VÔ, mà chính là trở thành vô cùng vĩ đại, vĩnh cửu, miên trường.

Ngược lại Á Châu thì cho rằng nếu còn phân nhĩ ngã, thì vẫn còn ở trong vòng nhị nguyên tương đối, nên nhiều người dứt khoát chủ trương «Nhất nguyên vô ngã». Ấn giáo gọi thể là Advaita. Phật giáo gọi thể là Trung Đạo hay Bất Nhị Pháp môn.

Tóm lại còn phân «nhĩ ngã», là chưa đi đến chỗ siêu việt rốt ráo, là còn ở trạng thái Hữu Dư Niết Bàn (Salvikalpa). Phải vươn vượt lên tới trạng huống vô nhĩ, vô ngã, vô phân biệt, mới là trạng thái rốt ráo, mới là Vô Dư Niết Bàn (Nirvikalpa). [8]

Nho gia cho rằng khi đạt tới trạng thái rốt ráo nói trên, tức là vào được trung điểm hằng cửu, duy nhất, bất phân của trời đất, nên gọi đó là Trung Dung, là Thái Hòa, vì đã siêu lên trên Âm Dương, phân biệt. Mật tông Do Thái (Kabalah) cũng gọi thể là Thái Hòa (harmony). Như vậy Thái Hòa chính là nơi ÂM DƯƠNG hòa hài không còn phân biệt (coincidentia oppositorum)...

Chữ GIẢI THOÁT còn hàm ngụ sự giải thoát chính mình – giải thoát CHÂN NGÃ – ra khỏi VÔ MINH, khỏi MÊ VỌNG, khỏi HƯ ẢO, khỏi PHIỀN TRƯỚC, khỏi HỒNG TRẦN TỤC LỤY.

Phơi bày ra các khía cạnh của vấn đề, không phải là cãi vã để tranh thắng, mà chính là để mỗi người tùy căn cơ mà lựa chọn...

Trong chương này tôi đã chứng minh: Con người có Thiên Tính.

Tôi đã vạch ra con đường để trở về với Đạo, với Trời; đã cho thấy các định luật thiên nhiên; đã cho thấy từng chặng đường; từng tầng lớp trong con người. Tôi nghĩ không thể nói rõ hơn. Bạn nào có căn cơ, sẽ thấy đầu đuôi sáng tỏ như ngọn đèn. Cái hay, cái biến ảo của nó là khi đem thực thi, áp dụng được vào cuộc đời quý bạn.

CHÚ THÍCH

[1] The goal of human life is self- realization, or God's realization, but the scientists do not know that. Modern society is presently led by blind and foolish men. The so- called technologists, scientists, and philosophers do not know the real aim of life. And the people themselves are blind as well; so we have a situation in which the blind are leading the blind. If a blind man tries to lead another blind man, what type of results can we expect? No; this is not the process. One must approach a self- realized person if he wants to understand the truth.

Coming bach, based on the teachings of the Divine Grace A.C. Bhaktivedanta, The Bhaktivedanta Book Trust, Los Angeles- London- Paris- Bombay- Sydney- Hongkong. 1984, p.32.

[2] Tương ứng bộ kinh, XII, 65 (nagara). Suzuki, Thiền Luận, Trúc Thiên dịch, An Tiêm, 1971, bộ thượng, tr.243.

[3] God created the universe and with it were born the Twin Spirits - both inseparable and part of this world. One chose to be good, the other evil. Ahuramazda abhors Angre Manyu, the Evil Spirit, and advises man to choose the ways of Spenta Mainyu, the Good Spirit, for evil brings death and

destruction, the Good Spirit immortality and perfect life. By this, God clearly shows man the path to Him.

...In Search of my God, published by The Zoroastrian Foundation, Los Angeles, California, 1978
Chap. The Zoroastrian Concepts.

- [4] Sở vị THUẬN NGHỊCH THẬP TÂM, THÔNG Ư MÊ NGỘ LƯỠNG PHÁI. Cổ mê chân, tạo ác tắc hữu thập tâm nghịch Niết Bàn lưu, thuận Sinh Tử hải. Thủy tông vô thủy, vô minh, khởi ái, khởi kiến, chung chí nhất thiết xiển đề, bạt nhân, bạt quả, sở dĩ trầm luân sinh tử, vô giải thoát kỳ.

Kim ngộ Tam Bảo Thắng Duyên, năng sinh nhất niệm chính tín, tiên nhân hậu kỷ, cải vãng, tu lai, cố khởi thập tâm nghịch Sinh Tử lưu, thuận Niết Bàn đạo, thủy tắc thâm tín nhân quả bất vọng, chung tắc viên ngộ TÂM TÍNH BẢN TỊCH...

(Thế gọi là Thuận Nghịch Thập Tâm, thông suốt hai chiều Mê Ngộ:

Cho nên MÊ CHÂN, LÀM ÁC thời sẽ đi ngược dòng Niết Bàn, mà xuôi vào bể Sinh Tử. Mới đầu đi từ chỗ vô thủy, vô minh, yêu đời luyến cảnh, sinh nhân, sinh quả, để cuối cùng thành hư xiển đề gian ác, trầm luân trong vòng sinh tử, không mong được giải thoát.

Nay hiểu được Tam Bảo Thắng Duyên, phát sinh được một niệm chánh tín, coi người hơn mình, cải quá tự tân, cho nên khiến cho Thập Tâm chuyển ngược dòng sinh tử, thuận theo đạo Niết Bàn, mới đầu thì tin rằng nhân quả là có thực chẳng sai; sau thì sẽ hiểu thấu được TÂM TÍNH BẢN TỊCH của mình.

- [5] The "inward journey" is the journey of self- discovery... Through spiritual exercises, prayer, and readings, they constantly seek to grow toward God...The "outward journey is based upon a renewed emphasis on the servanthood of the church in its community (sách trích dẫn, nơi trang bìa trước phía trong)...

...The outward journey is determined in part by the gifts discovered in the inward journey,.. The story of the buried talents is the story of how seriously God considers the matter of unused gifts. This is what psychiatry calls "unlived" life, which takes its terrible toll- "even that which you have will be taken away." There are thousand warnings, however, to the man who walks away from himself and his own destiny. Restlessness, sleepless nights, discontent, anger, meaninglessness, boredom - these are the cries of the violated self. Through our sufferings we are called back to our own truth: to turn and be healed. We can walk, however, beyond the hearing of the voice that calls, into the land of apathy, complacency, not caring - there is a place beyond the point of safe return. "You will hear and hear, but never understand; you will look and look but never see" (Matt. 13:14, NEB) (Sách trích dẫn, tr. 33)

- [6] Qui enim voluerit animam suam salvam facere, perdet eam; qui autem perdiderit animam suam propter me, inveniet eam. (Mat. 16::24; 10:39). (Vulgata). Sở dĩ tôi phải nại đến bản kinh thánh bằng tiếng La Tinh để quý vị thấy rõ chữ đã dùng là ANIMA là HỒN. Các bản dịch bằng các tiếng Anh, Pháp, Việt sau này đều dịch ANIMA là Sự SỐNG, vì Thiên Chúa Giáo công truyền từ mấy nghìn năm nay đều quyết o bế cái hồn, đều muốn cứu vớt cái hồn. Riêng tôi, sau khi khảo hết các đạo giáo thiên hạ, và chứng nghiệm tâm linh của mình, tôi thấy bắt buộc phải vất bỏ cái hồn nhỏ nhoi của tôi, mới có thể nhập vào đại thể vô biên của Vũ Trụ.

Các nhà bình giải Bible de Jerusalem, Editions du Cerf, 1955, nơi chú a) trang 1525, có lời bình lạ lùng như sau:

Pour Paul comme pour la tradition biblique, la psychè (hébr. Nephesh; cf. Gn 2:7) est le principe vital qui anime le corps humain...Elle est "sa vie", son âme vivante, et peut servir à désigner tout l'homme. Mais elle reste un principe naturel, qui doit s'effacer devant le pneuma pour que l'homme retrouve la vie divine. Cette substitution qui s'ébauche déjà durant la vie mortelle par le don de l'Esprit, obtient son plein effet après la mort.

Lời chú giải này còn kèm theo vô số lời của thánh Paul để dẫn chứng. Thành khẩn mà nói, các nhà chú giải thánh kinh thượng thặng của Công giáo cũng có chủ trương y thức như tôi là TÂM phải TỬ, thì THẦN mới HOẠT; NGƯỜI Có CHẾT, thì TRỜI mới SINH...Đó là một điều trái ngược hẳn với chủ trương của các giáo hội Công giáo cũng như Tin lành...

[7] Taitt. Up. Bhasya của Sankara II. I. Taitt. Up. II.I. 5. Chandogya Up. VIII., 7.2.

Heinrich Zimmer, Les Philosophies de l'Inde, p. 326).

[8] Samadhi is chiefly of two kinds: salvikalpa, lower samadhi, and nirvikalpa, the higher kind. In the lower form of samadhi, there exists the sense of "I" as distinct though not separate from God, wherein is realised the persoanl aspect of God. God the Creator, God the Father, God the Mother, God the Friend, God the Beloved - any or all of these aspects of God may then be realised in their completeness.

Nirvikalpa is the higher form of samadhi, wherein no sense of the separate ego is left, and there is realised the oneness of the self with God, the Impersonal. In that experience there is no I nor You, neither One nor many. Pantajali defines it as the cessation of all the waves of the mind, that is, the stoppage of all thoughts and impressions of the mind, conscious and subconscious.

Prabhavananda, Yoga and Samadhi.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) **13** [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 13

CỖ TIÊN, CỖ TỤC

Xưa nay ai ai cũng ước mong thoát tục, thành tiên. ở bên Tàu, cũng như ở bên ta, đã có nhiều giai thoại ghi lại chuyện những người đã có duyên lạc vào tiên cảnh, như Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai, Từ Thức nhập cảnh tiên ở Tiên Du, Bắc Ninh v.v...

Và cứ theo tầm nhìn, lối nghĩ thông thường, thì cuộc sống mà chúng ta đang sống là cảnh hồng trần lắm than, là bến mê, bể khổ; còn cảnh Bồng Lai, cảnh Thiên Đàng xin đợi tới lai sinh.

Nhưng càng đọc các sách vở mà người xưa lưu lại, càng suy tư về những đời sống các danh nhân danh sĩ mà sử sách đã lưu lại, càng sống chân thật với đời sống tâm linh của mình, con người càng ngày càng thấy cảnh thần tiên thực ra chẳng hề lìa xa con người, mà hằng lẫn trong cuộc đời mỗi một con người, như hình với bóng.



Tôi từ tấm bé, đã nghe tường thuật lại có những người được điểm phúc bạch nhật thăng thiên: Bên Thiên Chúa Giáo, thì có Chúa Jesus, Đức Mẹ Maria; bên Lão Giáo thì có vô số. Sách Tính Mệnh Khuê Chỉ, nơi cuối tập 1, đã cho biết là từ trước đến nay đạo Lão đã có tất cả hơn mười nghìn vị tiên lên trời giữa ban ngày, người thì cưỡi rồng, người thì cưỡi hạc, người thì cưỡi cá, người thì cưỡi gió mà lên tiên. Trong số đó, còn có tám nghìn vị tiên lên trời với cả nhà cửa. Nếu lên tiên, lên trời cao sang như vậy, mà còn phải đem cả nhà cửa đồ đạc lên theo, thì chúng ta phải suy ra rằng lên tiên, lên trời như vậy, đại loại cũng như đi «kinh tế mới» ngày nay. Chính vì thế mà các tiên ông đã quan phòng mang cả đồ đạc, nhà cửa theo để sau này sẽ khỏi lâm cảnh thiếu thốn.

Tôi cũng đọc rất kỹ thánh kinh Thiên Chúa giáo, để xem Chúa thăng thiên ra sao, nhưng vấn đề «bạch nhật thăng thiên» trong suốt thời niên thiếu, đối với tôi vẫn là một kỳ bí.

Nơi đây tôi không trình bày cùng quý vị những suy nghĩ riêng tư của tôi về vấn đề trên, mà chỉ muốn nói lên rằng những thắc mắc của tôi may thay đã được giải tỏa. Thực vậy, năm 1960, tôi đọc thấy trong quyển La Religion Essentielle của Illan de Casa Forte, những lời đẹp để như sau:

«Trời ở trong mỗi người chúng ta chứ không ở ngoài chúng ta.»

«Trời ở trong con người.»

«Lên cùng Chúa là đi vào tâm khảm mình. Ai vào được tới tâm khảm mình, sẽ vượt kiếp người, và đạt tới Chúa.» ^[1]

Trở về với Phúc âm, tôi thấy câu: «Nước trời ở trong anh em.» (Luke 17:21) thật là chí lý.

Cho nên, từ mấy chục năm nay, tôi vẫn tin rằng cõi trời, cõi tiên đã ở sẵn ngay trong lòng mỗi một người. Và như vậy câu chuyện «bạch nhật thăng thiên», hay câu «Thiên đường hữu lộ» đối với tôi, không còn gì gọi là huyền bí nữa. Vả lại tôi mừng vì thấy rằng chuyện «bạch nhật thăng thiên» không còn là chuyện khó, vì đã ở ngay trong tầm tay mỗi một người.

Trở lại đạo Lão, tôi thấy tất cả những lời dạy dỗ, trở nên hết sức sáng sủa, sau khi huyền thoại trên đã được giải thích một cách thỏa đáng.

Thất Chân Nhân Quả có thơ:

«Thân ngoại cầu tiên, lộ tỵ soa,
Thủy trung nguyệt ảnh, kính trung hoa.
Tiên thiên diệu lý, quân tri phủ?
Chỉ tại nhất tâm, tiện khả khoa.»

Dịch:

Thân ngoại cầu tiên, ắt lạc đường,
Mò trăng đáy nước, hái hoa gương,
Tiên thiên, diệu lý hay chẳng tá,
Chỉ tại tâm điền, há viễn phương.

Trong Tiên học diệu tuyển có ghi câu thơ của Mã Đơn Dương tặng Triệu Quang:

«Thành tiên chỉ thị Thần quang,
Thiên cung vô dụng xú bì nang.»

Dịch:

Thành tiên âu chỉ cốt Thần quang,
Thiên cung sá kể cái xác phàm!

Như vậy, con người sở dĩ bị đọa lạc trong trần ai tục lụy, chính là vì đã dốc tâm, chú ý vào những công chuyện mưu sinh bên ngoài, chính là vì tưởng mình chỉ sống có một đời sống sáo rỗng, phù phiếm, ích kỷ, riêng rẽ, mà quên mất rằng cuộc sống nội tâm, cuộc sống tinh thần, mới thật là cao cả. ăn cháo lú, tức là vui mình vào trong những thú vui nhục dục, nhả tiền mà quên khuấy mất rằng mình là một thành phần của đại thể vô biên trong vũ trụ quần sinh. Tưởng rằng mình là một cái gì tách khỏi Đại thể vô biên chính là một sự ngu si hết sức lớn lao, và chính là nguyên nhân khiến mình bị đọa lạc vào trong vòng trần ai tục lụy.

Xét về xác chất hình hài, thì thân phận con người hết sức là lao lung, chất chường, hết sức là phù du hư ảo; nhưng nếu xét về Thần Thiêng trong con người, thì con người lại mệnh mệnh vĩnh cửu. Thần con người, và Thần trời đất là một, nên Thần con người cũng như Thần trời đất không lệ thuộc không gian, thời

gian, và vĩnh cửu, miên trường.

Thần là thế giới của Nhất Thể vô biên tế. Nếu thật sự chúng ta muốn đạt tới hạnh phúc, tới tĩnh lặng, tới Chân, Thiện, Mỹ, tới hòa hài, tới bác ái, chúng ta phải nhập Thần, phải sống trong thế giới của Nhất Thể đó. Đó chính là Bồng Lai, Tiên Cảnh, mà người đời thường mô tả.

Nói tóm lại, cho dù ta gọi Đại Thể là Thần, là Thượng Đế, là Bản Thể, là Brahman, hay gì gì đi chăng nữa, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng nhất là không bao giờ chúng ta được nghĩ rằng chúng ta có thể sống tách rời khỏi Đại Thể ấy, dù là một phút giây.

Nói cách khác, cái con người phiến diện, có tên, có tuổi, có hồ sơ, lý lịch, có quốc gia, quốc tịch của chúng ta, chỉ là một sản phẩm của lịch sử, và địa dư, nhưng con người thâm sâu của chúng ta vốn không phải vậy, nó đã có từ trước đất trời.

Thường thường chúng ta chỉ sống bằng cái con người phiến diện, chính là vì xã hội, văn hóa, tập tục truyền thống đã dạy chúng ta điều tai hại đó. Cái mệnh mông, cái sang cả, cái huy hoàng muôn thừa của chúng ta, đôi khi chúng ta chỉ cảm giác thấy một phần nào, ví dụ như trong những lúc mơ màng, nửa tỉnh, nửa say, lúc mơ mộng, hay lúc bị ảnh hưởng của các thuốc khai thần (psychedelics: LSD, Mescaline, Peyote, Hashish v.v...), hay của men rượu, men tình...

Albert Einstein cũng đã nhận định như sau: «Con người là một phần của toàn thể mà ta gọi là "Vũ trụ", một phần bị hạn hẹp trong vòng không gian, thời gian. Con người chiêm nghiệm về mình, về suy tư, niệm lực, tình tứ của mình, như thế là cái gì tách khỏi mọi sự; đó là một ảo tưởng do tâm thức sinh ra. Ảo tưởng đó chính là một nhà tù đối với chúng ta, nó giới hạn ta trong phạm vi của những dự vọng riêng tư, của một tình thương dành cho ít người thân thuộc quanh ta. Ta phải giải thoát ta khỏi nhà tù đó, bằng cách mở rộng lòng ra mà thương xót tất cả quần sinh, và bao quát hết cả vũ trụ với những nét đẹp đẽ của nó. Không ai có thể làm chuyện này được rất ráo, hoàn toàn; nhưng nếu cố gắng thực thi nó, đã chính là giải thoát chúng ta được phần nào và đã xây nền đắp tảng cho sự an ổn nội tâm chúng ta.» [2]

Edgar Cayce, một dị nhân người Mỹ, chuyên môn chữa bệnh, soi kiếp và nói tiên tri, khi ngủ thiếp đi, cũng cho rằng con người có hai phương diện vô cùng và hữu hạn. Con người hữu hạn, hay tiểu ngã, ông gọi là Personality; con người vô cùng ông gọi là Individuality. Muốn đạt tới thần thông, thần lực, mà ông gọi là psychic forces, cái tiểu ngã cần phải tan biến đi. Bao lâu còn lý luận theo tiểu ngã, thì Đại Ngã không giúp chúng ta được. Muốn hòa hợp được với vô cùng, ta phải giảm thiểu đến mức tối đa cái tiểu ngã của chúng ta, để chỉ còn thuần cái «Tinh Hoa Trời». Chừng đó, Thượng Đế mới rãi sáng ra trong đời chúng ta, và chúng ta mới trở thành hiện thân của Ngài. Như vậy, rời cảnh tiên, đoạ lạc vào hồng trần tục lụy, chẳng qua chỉ là quá lo phục vụ, bồi dưỡng cho cái tiểu ngã đó mà thôi. [3]

Nho gia cũng nói như sau: Nhân dục thắng, Thiên lý vong... Nhân dục tận, tắc Thiên Lý hiện... Cho nên, chúng ta càng ngày càng thấy rõ rằng: Sống ở cảnh tiên chính là sống «vô kỷ, vô công, vô danh», sống kết hợp với Đại Ngã, với Thượng Đế. Sống trong cảnh tục là sống bằng thất tình lục dục, tiểu trí, tiểu ngã của mình, sống xa lìa với Trời với Đạo.

Trong quyển Thái Thượng Bảo Phiệt của Đạo Lão cũng có một câu bất hủ:

Tâm dữ Đạo hợp tắc tạo Bồng Lai, Tam Đảo,

Tâm dữ Đạo ly, tắc tạo lục đạo, tam đồ.

Dịch:

Lòng người hợp với lòng Trời,

Bồng Lai, Tam Đảo tức thời hiện ra.

Lòng người, lòng Đạo lìa xa,

Tam đồ, lục đạo, phối pha, khổn nân.

Quần chúng xưa nay vẫn thắc mắc, vẫn tiếc xót về Địa Đàng đã mất, luôn luôn mơ ước một cảnh Đào Nguyên, một cảnh Thiên Thai, hay Bồng Lai, Tam Đảo, hay Duyệt Châu, Phương Trượng ở những khung trời xa lạ, chứ không bao giờ lại ngờ được rằng những cảnh thần tiên đó, không ở đâu xa nhưng đã ở sẵn ngay trong tâm khảm mình. Khi đã mất phương hướng, khi đã không có tấm bản đồ hướng đạo, thì dĩ nhiên sẽ không bao giờ đặt được vấn đề cho đứng đắn, hẳn hoi, và không bao giờ chứng nghiệm được hạnh phúc cụ thể.

Heraclitus nói: «Nếu ta không ngờ được rằng có cái bất ngờ, ta sẽ chẳng bao giờ tìm ra được nó.» ^[4]

Có lẽ chính vì vậy, mà con người luôn luôn khắc khoải, luôn luôn khát khao, như thể là đã mất đi một cái gì. Các đạo giáo công truyền tưởng chừng như đã đến với con người để đáp ứng nhu cầu ấy, và trả lại cho con người cái mất mát ấy. Nhưng ngược lại, theo nhận định của Erich Fromm, tác giả quyển Psychoanalysis and Religion, thì các đạo giáo công truyền lại càng làm cho giá trị con người thêm mất mát đi, làm cho thân phận con người thêm hèn yếu hơn, lệ thuộc hơn, vì bao cái hay, bao cái đẹp đều dồn cả cho Thượng Đế ngoại tại. ^[5]

Còn những chân nhân mà nhân loại thường tặng dũ cho những danh hiệu thánh, hiền, tiên, phật, là những người đã tìm ra chân lý, ra đại đạo, ra cái phần cao minh, linh diệu của con người. Họ sinh ra đời cốt là để tìm lại cái giá trị vĩnh cửu, cao đại của con người. Họ khuyến cáo mọi người nên dùng thần trí mình, để hiểu biết về mình, về tương quan giữa mình với tha nhân và vũ trụ. Họ thấy con người có những khả năng vô biên vô tận, cần phải triệt để khai thác. Họ cảm thấy mình và vũ trụ là một, và chính vì vậy phải sống trong tình thương mến, sự hòa hài, và sự liên đới, sự cộng tác với quần sinh.

Một số chân nhân, đã sống thoát vòng không gian, thời gian, và thấy đời sống mình gắn liền với đời sống quần sinh, vũ trụ ngay từ khi còn ở gian trần này.

Trang Tử đã viết trong Nam Hoa Kinh:

Thiên địa dũ ngã tịnh sinh,

Nhi vạn vật dũ ngã vi nhất.

Dịch:

Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.

Từ Viên tiên sư viết:

«Đương thời vị hữu tinh hà đầu,

Tiên hữu ngô, đương hậu hữu thiên.»

Dịch:

Trước khi Thiên Hán, quần tinh có,

Trước có Ta, sau mới có trời...

Và:

«Ngã thể bản đồng thiên địa lão,

Tu Di sơn đảo, tính do tồn.»

Dịch:

Tính ta vốn thọ cùng trời đất,

Tu Di nghiêng đổ, Tính vẫn còn. ^[6]

Cái phần mệnh mỏng, cao đại, linh thiêng sang cả của con người ấy, oái oăm thay, rất ít người nhận ra được.

Tuy nhiên, con người ai ai cũng có nửa tiên, nửa tục. Tiên và tục lúc nào cũng chung sống với nhau trong thế cài răng lược. Tiên là Lý tưởng; Tục là Thực tế. Cái thực tế là cái mặt lam lam, lăm than, cơ khổ của con người; cái lý tưởng là những gì văn minh, lịch sự, là những phút giây sung sướng, trong những ngày tư tết, hội hè. Con người lúc nào cũng mơ lý tưởng, cũng nói lý tưởng, mà lúc làm, thì lại làm chuyện thực tế phũ phàng. Khi con người làm cách mạng, thì hứa trăm điều; lúc lên cầm quyền, thì không thực thi được một. Thành thử dân gian đã có câu: Cách mạng, cách miệng...

Cho nên, muốn hiểu con người cần phải nhìn thấy hai chiều, hai mặt của nó. Sống động thì trong hữu hạn, mà mơ ước thì vô biên. Sống động trong không gian, thời gian, mà lúc nào cũng bàn về vĩnh cửu.

Hai chiều hai mặt ấy sở dĩ có, chính là vì dưới lớp lang thể xác, nhân tâm, con người còn có Thiên tâm, Thiên Tính, còn có đồng bản thể với Thượng Đế.

Đàn cơ Cao Đài có mấy vần thơ hết sức bất hủ:

«Con là đấng thiêng liêng tại thế,
Cùng với thầy, đồng thể Linh Quang.
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình.»

Thực là dễ dàng: Hướng ngoại, đi ra ngoại cảnh vật chất, là đi vào cõi tục; hướng nội, đi vào tâm khảm, là đi lên tiên cảnh, đi lên Thiên đình...

Tiên hay Tục chẳng qua là thay đổi tầm nhìn, lối nghĩ, thay đổi tâm trạng...

Tiên là thế giới của hiệp hòa, của Nhất thể: Nhất Tức Nhất Thiết; Nhất Thiết Tức Nhất = Một là Tất Cả; Tất Cả là Một.

Tục là Thế giới của chia ly, riêng rẽ, phân tán, loạn ly, là thế giới của Vạn, của Vạn Thù.

Tâm trạng nếu đã được thay đổi (Anh Văn dịch là Altered state of consciousness) lập tức sẽ có một sự hiểu biết khác.

Meister Eckhardt viết: «Khi nào con người ở trong hiểu biết thông thường? Tôi trả lời: «Khi con người thấy cái này khác với cái kia.» Và khi nào con người vượt lên trên cái hiểu biết thông thường? Tôi có thể nói như sau: «Khi con người nhìn thấy TẤT CẢ trong tất cả, lúc ấy con người vượt lên trên sự hiểu biết thông thường.» ^[7]

Khi viết về Cõi Tiên, Cõi Tục, tôi ngẫu nhiên đọc quyển Psychoanalysis and Religion của Erich Fromm. Trong quyển sách nhỏ này Erich Fromm phân biệt ra 2 thứ đạo giáo. Một thứ đạo giáo dùng quyền uy áp đặt lên con người mà ông gọi là Authoritarian religion, một thứ đạo giáo phát sinh từ nhân bản con người mà ông gọi là Humanistic religion. Tôi nảy ra ý tưởng dịch Authoritarian religion của ông là 'Đạo Tục', còn Humanistic religion là 'Đạo Tiên'.

Gọi là 'đạo tục' vì dành cho quần chúng đang lao đao, lặn lội thực sự trong cõi hồng trần, 'tục lụy' này. Còn 'đạo tiên' là thứ đạo dành cho một thiểu số tao nhân, mặc khách, tuy xác còn đang sống ở trần hoàn, nhưng tâm hồn đã khinh phiêu thoát sáo. Và tôi toát lược ý của Erich Fromm khi luận về «Đạo Tiên, Đạo Tục», như sau:

Tiên Tục là hai khía cạnh thấy được trong các đạo giáo thiên hạ; có khi tách rời, nhưng cũng có khi hiện ra song song trong cùng một tôn giáo.

«Đạo tục» dành cho quảng đại quần chúng. Đặc điểm của đạo này là tin rằng Thượng Đế thời ngoại tại, tách rời con người. Bao nhiêu cái hay, cái đẹp, bao nhiêu tình thương, bao nhiêu công bằng, bác ái, tất cả quyền uy, năng lực nơi con người đều dồn cả cho Thượng Đế. Thành ra Thượng Đế càng uy nghi, sang cả, quyền hành bao nhiêu, thì con người càng hèn yếu, càng tội lỗi bấy nhiêu. Con người như vậy phải sợ hãi, phải tuyệt đối phục tùng, tuyệt đối lệ thuộc vào Thượng Đế. Vì đem tất cả tinh hoa của mình dồn cho Thượng Đế, nên con người càng ngày càng xa cách với Thượng Đế, càng bị "tha hóa" đối với chính mình...

«Đạo Tiên» là thứ đạo chủ trương rằng nếu con người là ảnh tượng Chúa, thì trên căn bản, phải đồng nhất, phải nhất như với Thượng Đế. Và Thượng Đế sẽ không còn là biểu tượng một quyền uy trên con người, nhưng sẽ là biểu tượng cho quyền uy của chính con người. Như vậy Thượng Đế chẳng khác nào như là Đại Ngã của con người, và là Lý tưởng để con người vươn lên và thực hiện. Đạo Tiên có mục đích làm cho con người trở nên lớn mạnh, trở nên hào hùng, tự do, hạnh phúc, đó là hậu quả của bác ái. Ngược lại, những hình thức đạo giáo chỉ chú trọng dạy con người từng phục quyền uy, mà không xót thương cho thân phận con người, không trọng kính con người, làm cản trở không cho các tiềm năng tiềm lực trong con người được phát huy, chỉ chú trọng đến kiểm soát và thống trị con người, mà không đếm xỉa gì đến hạnh phúc con người, đến tự do, đến phẩm giá con người, thì chắc không thể phát xuất từ lòng bác ái, từ lòng lân tuất đối với con người. Như vậy chẳng qua là Đạo Tục. [8]

Nói tóm lại, con người sống trong hai thế giới NHẤT và VẠN.

Sống trong thế giới của VẠN là sống trong thế giới đa tạp, chi li, cái này kình địch với cái kia, cái kia thù hằn với cái nọ. Đó là CỘI TỤC,

Sống trong thế giới của NHAÁT là thế giới của thuần nhất, bất phân, xướng tùy, hòa hợp. Đó là CỘI TIÊN.

Hai thế giới đó thường được mô tả như là TRÙNG DƯƠNG (NHẤT) và BA LĂNG (VẠN). Người thường nhìn thấy sóng là sóng, thấy biển là biển. Người thấu thị thấy biển với sóng là một.

Nếu ta có cái nhìn phân biệt, thì Thượng Đế là vị thần linh thống trị ta,; thế giới ngoại cảnh, sinh linh là những gì xa cách với ta. Ngược lại nếu ta có cái nhìn vô phân biệt, thì Thượng Đế chính là Bản thể của ta, là Lý Tưởng của ta; ta và sinh linh là một.

Ta có thể dùng từ ngữ của Frank Loehr, mà gọi hạng người thứ nhất là God Beyonders (Thiên tại thượng); hạng người thứ hai là God Withiners (Thiên tại nội). [9]

Tín đồ các tôn giáo công truyền thuộc hạng 1; các tiên thánh trong thiên hạ thuộc hạng 2. Đúng hay sai, chiêm nghiệm vào chính bản thân, ta sẽ thấy.

Trang Tử viết:

Nhìn vũ trụ từ trong phân biệt,

Thời mật gan, Sở Việt khác xa.

Từ trong Đồng Nhất nhìn ra,

Muôn loài muôn vật cũng là một thôi. [\[10\]](#)

Cõi tiên, tức là cõi của Đồng Nhất, tức là cõi của TÂM LINH. Cõi TÂM LINH tuy ở ngay trong tâm hồn chúng ta, nhưng lại vượt lên trên, thất tình lục dục, suy tư niệm lự.

Ta có thể dùng từ ngữ của Miller mà gọi cõi tiên là THE DIVINE, cõi tục là THE NATURAL.

Lawrence LeShan gọi cõi tiên là The Clairvoyant Reality, cõi tục là The Sensory Reality. [\[11\]](#)

Ta sống trong cõi tục bằng NGŨ QUAN, bằng cảm giác, bằng TÂM TƯ, TRÍ LỰ. Ta sống trong cõi tiên bằng THẦN LINH, bằng TUỆ GIÁC, bằng sự HỒN NHIÊN, THOÁT KHUÔN SÁO.

Khi còn sống trong trần hoàn này, nếu không có TỤC không thể có TIÊN. Tiên mà đói khát, tiên mà bệnh tật, tiên mà dơ bẩn, tiên mà còn chưa giải quyết được vấn đề cơm áo, vấn đề nhân sinh thì dĩ nhiên chưa phải là Tiên.

Chính vì thế mà xưa Đạo Lão đưa ra bốn điều kiện để TU TIÊN: Pháp 法, Địa 地, Lữ 侶, Tài 財.

Pháp là nắm được Khẩu quyết, được bí chỉ Thành Tiên.

Địa là sống trong một hoàn cảnh vật chất thanh kỳ: sơn thanh, thủy tú.

Lữ là có những người đồng chí, đồng thanh, đồng khí.

Tài là có đủ tiền để cung ứng mọi nhu cầu vật chất.

Cho nên sống tiên, là sống thanh cao, biết sử dụng tiền tài, ngoại cảnh, cho hay cho phải, chứ không phải là sống nghèo hèn, cơ cực.

Á Đông chính vì thế mà đề cao TRI TÚC. Tri túc là làm thế nào để sống ấm no, đầy đủ thì thôi. Mục đích cuộc đời là sống thanh sang, tiêu sái, thanh cao, lý tưởng, hoà hài, chứ không phải để chạy theo tiền tài, danh vọng.

Cái tuyệt vời mà cả Đông Tây đều muốn vươn tới chính là một cuộc sống NHÂN ÁI, HÒA HÀI. Nhân Ái đây phải hiểu là LOVE; Hòa Hài phải được hiểu là HARMONY, hay JUSTICE. Mãi đến cuối cuộc đời tôi, tôi mới hiểu chân nghĩa của JUSTICE, mà ta thường hiểu là CÔNG BÌNH, CÔNG THẲNG. Tôi bây giờ mới thấy rằng JUSTICE chính là HARMONY, là sự QUÂN BÌNH, sự HÒA HÀI trong vũ trụ quần sinh. Nói theo Dịch, JUSTICE chính là THÁI HÒA...

Đã đành vào được cảnh tiên không phải là dễ, nhưng nó cũng không phải là quá khó.

Theo tôi, khẩu quyết trước hết là con người không thể nào tách rời được khỏi Đại Thể, dẫu ta gọi Đại Thể đó là Chúa, là Phật tính, là Chân Như, hay Atman, hay Đạo hay Brahman, cũng không thể nào tách rời khỏi vũ trụ quần sinh.

Thứ hai, bản tính ta hay bản tính Chúa cũng chỉ là một. Giữa ta và Chúa là TÌNH YÊU tuyệt vời, chính vì vậy, tuyệt đối không được SỢ HÃI Ngài.

Ta sinh ra đời cốt là để thi triển mọi khả năng thiên phú của chúng ta, làm cho đời thêm đẹp thêm tươi. Đối với đồng loại, đối với quần sinh, ta phải thương yêu vô hạn.

Thay vì nhìn đời dưới khía cạnh «TƯƠNG KHẮC, TƯƠNG CHẾ», hãy nhìn đời dưới khía cạnh «TƯƠNG DUNG, TƯƠNG THỪA». Hãy sống hồn nhiên như trẻ thơ.

Cái gì làm cho ta mất hạnh phúc, mất sự bình thản tâm hồn, mất phẩm giá con người, đó chính là những họa hại, ta cần phải trừ diệt cho ta và cho người. Cái gì thuộc hình hài, ngoại cảnh, đều là những gì

biến thiên, nhất thời.

Chính vì vậy mà ta đừng đặt nặng chuyện mất còn. Tâm linh quang minh, chính đại, hào sảng, thanh khiết mới là điều đáng chắt chiu. Tất cả Thánh Hiền Tiên Phật đông tây đều đã chủ trương như vậy.

Nếu ta nhận chân rằng cảnh tục là cảnh bên ngoài, cảnh tiên là hạnh phúc tâm linh bên trong, thì ta sẽ nắm vững được chốt then của Tiên và Tục; có được chìa khóa của cõi Tiên và cõi Tục. Nhiều người cứ tưởng rằng tiên thánh phải làm được phép lạ mới là tiên thánh. Họ có biết đâu rằng phép lạ là của những thầy phù thủy, pháp môn. Còn tiên thánh giảng phàm chỉ dạy người sống sao cho hạnh phúc, sống sao cho hòa hài trong tình huynh đệ, thủ túc với tha nhân, với quần sinh. Có vậy thôi.

Nếu quý vị thấy vào cõi tiên ngay thì cũng khó, mà ở hoàn toàn trong cõi tục thì cũng không nên, nếu quý vị thấy lý luận, suy tư quá sẽ nhức đầu, tôi xin tặng quý vị bài thơ của Lý Mật Am, nhan đề là «Bán bán ca», mà Lâm Ngữ Đường đã giới thiệu trong quyển L'importance de vivre. ông cho rằng đó là đạo Trung Dung của Khổng tử! Tôi không đồng ý như vậy, và cho rằng đấy chỉ là một lối sống nửa tiên, nửa tục! Bài thơ hết sức 'dĩ dùm', và tài tình.

Năm 1960, tôi đã dịch ra tiếng Việt, nhân khi bàn về Một nhân sinh quan theo Trung Dung và Dịch Lý, đăng trong Đặc san Cổ Học Tinh Hoa Quảng Nam. Nơi đây, tôi sao chép lại để cống hiến quý vị, và đặt tên nó là «Bài ca nửa tiên, nửa tục».

Ta sống quá nửa đời phù phiếm,
Mới nhận ra huyền nhiệm Trung Dung.
Trung Dung hương vị khôn cùng,
Làm cho lòng dạ tương bưng niềm vui.
Lúc mà cái con người sượng nhất,
Chính là khi tới cấp trung niên.
Quang hoa dùng dằng triền miên,
Như chờ, như đợi gót tiên tạm ngừng.
Cõi trần lộn giữa chừng trời đất,
Giữa tỉnh quê, ta cất nhà ta!
Thành thời ta mở trại hoa,
Giữa chừng sông núi, la đà nước non.
Biết vừa đủ, tiền nông vừa đủ,
Vòng lợi danh, vương nửa tấm son.
Không xinh, nhưng cũng dễ nom,
Không giàu, nhưng cũng còn dòn hơn ai!
Nhà ta xây, nửa đài, nửa các,
Đồ đạc ta lác đác đủ chơi,
Áo ta cũ mới chơi vơi,
Uống ăn na ná như người bậc trung;
Vài tôi tớ không thông, không dở,

Vợ con ta, đờ đờ ta ưng.
Nửa tiên, nửa tục, lừng chừng,
Nửa cùng thần thánh, nửa cùng thô nhi.
Nửa bụng dạ, lo vì con cái,
Nửa tâm hồn gửi lại Hoàng Thiên,
Để khi thoát xác ta yên,
Biết đường thưa gửi, biết niềm tới lui!
Ngà say là lúc ly bôi,
Đóa hoa hàm tiếu là thời mê ly.
Buồm nửa cánh, thuyền đi thông thả,
Cương vừa giông, vó ngựa mới hay.
Quá giàu, phiền lụy sẽ đầy,
Quá nghèo, cuộc sống sẽ đầy truân chiên.
Trần ai, sướng với phiền khó tách,
Trong ngọt ngào, pha phách đắng cay.
Hưởng đời đừng quá mê say,
Lừng chừng đại khái, tháng ngày tiêu dao!...

Khi viết bài này, ngẫu nhiên tôi có gọi điện thoại cho cụ Đan Quế, để hỏi về chuyện Từ Thức lên tiên. Sau khi tôi trình bày rằng con người chẳng cần lên tiên, vẫn có thể sống thần tiên, ngay tại khu vực mình đang ở, ngay trong hoàn cảnh mình đang sống, Cụ rất đồng ý với tôi, và nói đã làm 5 bài thơ dưới nhan đề là THÊN THANG NGOÀI CỎI. Tôi xin phép Cụ thuật lại nơi đây, để chứng minh sự đồng thanh tương ứng trong trời đất:

Vượt mấy giang đầu, mấy hải duyên,
Vẫn vui trăng nước một con thuyền!
Trang-sinh mộng thả, trầm vương áo,
Kiều-nữ tay mài, mực ngát yên.
Cảnh ấy lòng này âu có hẹn,
Vườn xưa hoa cũ được như nguyên.
Thên thang ngoài cỏi, linh-đài mở,
Đâu đến Bồng-Lai mới gặp tiên!

*

Đâu đến Bồng-Lai mới gặp tiên!
Vườn tâm hoa nọ ngát hương nguyên.
Chòm mây mộng gửi đang vui bước,
Cửa động then cài dễ ngủ yên.
Mãi lắng phách đồn cung nguyệt quế,

Mà quên tuyết phủ mái ngư thuyền.

Làm chi hạt bụi trong trời đất!

Vũ trụ riêng mình đủ sẵn duyên.

*

Vũ trụ riêng mình đủ sẵn duyên,
Dám đâu đến bến đã quên thuyền.
Tiết danh cuối cuộc còn trong sáng,
Phong vũ trong lòng thấy lặng yên,
Bèo nước không rời, cơn sóng loạn,
Sắt son khỏi thẹn, bóng trăng nguyên.
Chập chờn gối nguyệt, song in trúc,
Theo mộng ra vào giữa cõi tiên!

*

Theo mộng ra vào giữa cõi tiên,
Như "vân xuất trục", một tâm nguyên.
Trùng-Dương cúc hện, vừa lên núi,
Đông-Chí mai chờ, lại xuống yên.

Quần-Ngọc đâu người vui thả hạc? [\[12\]](#)

Đào-Nguyên quen lối ghé neo thuyền.

Đất trời dành sẵn kho vô tận,

Dị-thảo kỳ-hoa, đã kết duyên.

*

Dị- thảo kỳ-hoa đã kết duyên:
Đêm hoa-đăng mở hội hoa- thuyền!
Khai men Đạo-tửu chờ bên tiệc,
Trải gấm Hoàng-Đô sẵn trước yên.
Chén rượu giao-tình hương thấm giọng,
Câu thơ chúc-thọ nét tươi nguyên.
Lâng-lâng giữa cảnh thanh nhàn ấy,
Liễu đón mai chào, sánh bước tiên!

Năm bài thơ này, cụ Đan Quế làm tại Song-Hạc-Đình, ngày 18. 9. 1988, để mừng cụ Chi Điền, Hoàng Duy Từ; tôi viết bài này ngày 11.11. 1988. Cụ Đan Quế khi làm 5 bài thơ này, và tôi khi viết bài này không hề tham khảo lẫn nhau, không hề chịu ảnh hưởng của nhau, thế mà so lại với nhau, có rất nhiều điểm trùng hợp. Thật cũng lạ lùng.

Tôi từ lâu, rất mến thơ của thi sĩ Cao Tiêu, và thấy có nhiều bài hết sức thoát tục. Chính vì thế, mà với sự đồng ý của thi sĩ, tôi kết thúc bài này bằng bài thơ Ngộ tiên của thi sĩ.

NGỘ TIÊN

Lưu thủy đào hoa kết mỹ duyên,
 Tửu hương xuân khí nhập khinh thuyền.
 Điều phi tú lĩnh vân sương hội,
 Mã khởi hòa phong, liễu thảo liên.
 Hoan ngộ đề thi khai ước phiền,
 Hứng đàm lãng vịnh nguyện tâm truyền.
 Phiêu phiêu điệp vũ tiền thân hiện,
 Hồng kiếm thủy nhan sắc Giáng tiên.

GẶP TIÊN

Theo suối hoa đào rắc thắm duyên,
 Men xuân thơm ngát rượu quanh thuyền.
 Mây sương đầu núi chim tung cánh,
 Gió liễu bên đường ngựa thẳng yên.
 Mừng gặp đề thơ, sanh quạt ước,
 Vui ngâm thả hứng, ủ hương nguyên.
 Lãng lãng cánh bướm tiền thân hiện,
 Một áng hồng tươi nét Giáng tiên. [\[13\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Le ciel est au dedans et non au dehors de chacun...Le ciel est dans l'homme...(Emmanuel Svedenborg, cité par Illan de Casa Fuerte. La Religion essentielle, p. 183)

"Monter vers Dieu, c'est entrer en soi- même. Celui qui entre en lui- même et pénètre au fond de son âme, se dépasse et atteint vraiment Dieu".

(Paroles d'Albert le Grand. Cf. Illan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle p.130)

[\[2\]](#) A human being is the part of the whole, called by us the "Universe", a part limited in time and space. He experiences himself, his thoughts and feelings as something separated from the rest - a kind of optical delusion of his consciousness. This delusion is a kind of prison for us, restricting us to our personal desires and to affection for a few persons nearest us. Our task must be to free ourselves from this prison by widening our circle of compassion to embrace all living creatures and the whole of nature in its beauty. Nobody is able to achieve this completely, but the striving for such achievement is in itself a part of the liberation and a foundation for inner security.

Lawrence LeShan, The Medium, The Mystic and The Physicist, An Esalen Book, The Viking Press, New York, 1974, p.143.

[\[3\]](#) It is the finite mind which tries to reason, to distinguish, and to define by comparison - processes which are only a portion of the faculties called psychic forces. Thus infinite mind is outside the realm of ordinary reasoning. We can comprehend the infinite only by a faculty that is superior to reason. That

faculty is the psychic force. One must enter a state in which the finite self no longer exists!...We haven't gotten out of our finite self, so that the infinite can come in and aid. We must develop the faculty between the finite and the infinite. We seek to become one with the Infinite by the reduction of our soul to its simplest self- its divine essence - and realize this union and identity.

Now, we might well go back and question, how man developed this personality (finite) and how he lost his individuality, by losing the place he occupied with his Creator in the beginning. This individuality is ever seeking to find expression through the faculties with which man has been endowed; for through these there may come expressions of the infinite, or God, into our lives.

Hugh Lynn Cayce, The Edgar Cayce Reader, Warner Books Inc., New York, 1969, pp.12- 13.

[4] If we do not expect the unexpected, we will never find it (Heraclitus), cf. Lawrence LeShan, The Medium, The Mystic and The Physicist, An Esalen Book, The Viking Press, New York, 1974, p. 142.

[5] The essential element in authoritarian religion and in the authoritarian religious experience is the surrender to a power transcending man. The main virtue of this type of religion is obedience, its cardinal sin is disobedience. Just as the deity is conceived as omnipotent or omniscient, man is conceived as being powerless, and insignificant...In authoritarian religion, God is a symbol of power and force, He is supreme because He has supreme power, and man in juxtaposition is utterly powerless.

Erich Fromm, The Psychoanalysis and Religion, Bantam Book, New York, Toronto, London, 1967, pp.34- 37.

[6] Xem Từ Viên tiên sư chân kinh, tr.39a và 17a.

[7] "When is a man in mere understanding?" I answer, "When he sees one thing separate from other." And when is a man above mere understanding? That I can tell you: "When a man sees All in all, then a man stands beyond mere understanding." Lawrence Lesh LeShan, sThe medium, the mystic, and the physicist; toward a general theory of the paranormal. New York, Viking Press, 1974, p. 88.

[8] The distinction between authoritarian religion and humanistic religion not only cuts across various religions, it can exist within the same religion (libro citato p. 41)...While in humanistic religion God is the image of man's higher self, a symbol of what man potentially is or ought to become, in authoritarian religion God becomes the sole possessor of what was originally man's: of his reason and his love. The more perfect God becomes, the more imperfect becomes man. He projects the best he has onto God and thus impoverishes himself. Now God has all love, all wisdom, all justice - and man is deprived of these qualities, he is empty and poor. He had begun with the feeling of smallness, but he now has become completely powerless and without strength; all his powers have been projected onto God... (p. 48- 49) Particularly concerning the sincerity of the postulate of love the words hold true: "By their fruits shall ye know them." If religious teachings contribute to the growth, strength, freedom, and happiness of their believers, we see the fruits of love. If they contribute to the constriction of human potentialities, to unhappiness and lack of productivity, they cannot be born of love, regardless of what the dogma intends to convey. (p.62)

Erich Fromm, Psychoanalysis and Religion, Bantam Books, New York, Toronto, London, 1958.

[9] Lawrence LeShan, The Medium, the Mystic, and the Physicist. Toward a general theory of the paranormal, The Viking Press, New York, 1974, p.113.

- [10] Tự kỳ dị giả thị chi, Can, đờm, Sở, Việt dã; Tự kỳ đồng giả thị chi, Vạn vật giai nhất dã. 自其異者視之, 肝膽楚越也; 自其同者視之, 萬物皆一也. Nam Hoa Kinh, Thu Thủy 5.
- [11] The Medium, the Mystic, the Physicist, p. 113 & 79- 95.
- [12] Quần Ngọc: Cuối đời nhà Trần, Hoàng My tiên sinh ẩn cư nuôi hạc trên núi Quần Ngọc, huyện Nông Cống, Thanh Hóa. Hồ Hán Thương cho vời về triều, ông nhất định không chịu ra.
- [13] Cao Tiêu, California, September 1988. Bài này cũng làm để tặng Cụ Chi Điền Hoàng Duy Từ.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 14

THÀNH CHÂN, CHỨNG THÁNH

Từ trước đến nay, chúng ta toàn bàn về lý thuyết, về phương pháp tu Chân chứng Thánh. Chương này sẽ đưa ra ít nhiều tiêu chuẩn để đoán định thế nào là Thánh Nhân, Chân Nhân. Nó cũng có mục đích bổ sung cho chương Con đường giải thoát trên đây.

Trước hết, tôi hiểu chữ THÁNH một cách rộng rãi hơn, siêu tuyệt hơn chữ 'thánh' mà dân gian thường hiểu. Đối với tôi, thánh là những người đã:

- đạt tới THIÊN TÂM.
- đạt tới TRUNG TÂM ĐIỂM hằng cửu của vũ trụ và của lòng người.
- ĐẮC NHẤT, ĐẮC THIÊN, ĐẮC ĐẠO.
- ĐÁO BỈ NGẠN; NHẬP NIẾT BÀN.

Tôi cũng thường hay gọi các vị Thánh, vị Tiên, vị Phật là những người sống 'huyền đồng, huyền hóa với đất trời', mà Âu Châu thường gọi là 'MYSTICS'.

– Tùy đạo giáo, mà THÁNH NHÂN có thể được gọi là Phật, là Chúa, là Tiên, là Chân Nhân, là ĐẠI GIÁC, ĐẠI NGỘ.

Tôi nảy ra ý tưởng viết chương này, khi đọc quyển Cosmic Consciousness của Richard Maurice Bucke, M.D., xuất bản lần thứ 1, năm 1901, và lần thứ 24 năm 1967. Lần xuất bản cuối cùng do New York, E. P. Dutton and Company, Inc. phát hành.

Bác sĩ Bucke, sinh năm 1837, là con một vị mục sư, gốc Anh quốc. Ông sinh ra được một năm thì gia đình di cư sang Canada. Cuộc đời thơ ấu và niên thiếu của ông hết sức là cơ cực. Khi ông lên bảy tuổi, mẹ chết; 17 tuổi, mẹ ghê chết. Sau đó ông bỏ nhà đi lang thang, là đủ nghề cực nhọc, như làm vườn, làm phu hỏa xa, làm nghề đi tìm vàng v.v... Năm 20 tuổi, đi lên núi tìm vàng, bị lạnh, suýt chết còng. Tuy được cứu sống, nhưng bị cưa hoàn toàn một chân, và một phần chân còn lại. Ông khổ công học tập, và nhờ một số tiền do mẹ để lại, ông vào trường thuốc năm 21 tuổi, và năm 26 đỗ bằng bác sĩ y khoa. Tuy là một bác sĩ, nhưng ông lại rất thích thơ, thích triết. Ông tự học tiếng Pháp, tiếng Đức, để đọc các triết gia Âu Châu. Một buổi tối mùa xuân, 1872, khi ấy ông 35 tuổi, ông cùng 2 người bạn họp nhau đọc thơ của Wordsworth, Shelly, Keats, Browning, và Whitman. Nửa đêm, khi chia tay, ông đánh xe ngựa ra về. Trên đường trường, khi còn đang say sưa với những lời thơ, bỗng nhiên ông như có một làn mây màu lửa bao quanh. Thoạt tiên ông tưởng là có cháy ở đâu đây trong tỉnh, nhưng sau mới biết là ánh sáng đó tự trong mình ông phát ra. Ông tả rằng ánh vinh quang của Brahman đó tuy là như điện xẹt trong giây phút, nhưng đã soi sáng cho suốt đời ông sau này. Một chút hồng ân của Thượng đế khi ấy đủ làm cho đời ông từ đó như vẫn hưởng được dư vị của thiên đường. Sau đó ông bắt đầu viết sách để mô tả lại sự giác ngộ của ông. Quyển sách đầu tiên của ông ra đời năm 1877 nhan đề là Man's moral nature (G.P.Putnam & Sons, New York);

quyển thứ hai chính là quyển Cosmic Consciousness, ra đời năm năm 1901. Đêm ngày 19 tháng Hai, 1902, ông cùng vợ đi ăn tiệc ở nhà bè bạn về, vì đêm đó trời đầy sao, nên trước khi đi ngủ ông ra ngoài hiên ngắm sao một lần nữa. Ông trượt chân vì một tảng đá băng, và ngã đập đầu vào hiên nhà, chết lập tức (Xem chương đầu sách: The man and the book).

Quyển sách của ông đã được Triết gia William James, giáo sư triết học Đại Học Harvard, và P. D. Ouspensky, một triết gia Nga Xô, hết sức ca ngợi.

Đọc sách của ông, biết ngay ông cũng là một bậc đại giác, đại ngộ. Ông dựa vào chứng nghiệm tâm linh của mình, dựa vào những dữ kiện lịch sử, khoa học, tâm lý, đạo giáo để tìm cho ra những nét chính yếu, để có thể minh định được ai là những người đã thành chân chứng thánh. Tôi mượn sách này tại thư viện Huntington Beach, dưới ký hiệu 126 BUC. Đó là một cuốn sách nên đọc, cho nên nhân tiện, tôi giới thiệu nó với các độc giả.

Sau đây tôi toát lược tư tưởng của Bucke, và sẽ góp ý với Bucke.

– Tuy cha ông là mục sư, nhưng từ bé, ông không chấp nhận giáo lý của Giáo Hội. Ông coi Chúa Jesus chỉ là một người giác ngộ, cao cả. Ông không tin con người có thể bị phạt đời đời (tr. 8).

– Ông cho rằng trần gian này phải trải qua 3 cuộc cách mạng:

Trước hết là **Cách Mạng Kỹ Thuật**.

Thứ đến là **Cách Mạng Xã Hội** để quân bình hóa kẻ giàu, người nghèo.

Sau hết là cuộc **Cách Mạng Tâm Linh**, khiến con người từ thân phận một con người phàm tục, sẽ đạt Thiên tâm mà ông gọi là Cosmic Consciousness, để thành Chân, chứng Thánh (tr. 4).

Thánh đường, thánh thất, hàng giáo phẩm sau này sẽ không còn là cần thiết, con người sẽ trực tiếp tiếp xúc với Thượng đế bằng tâm linh mình (tr. 5).

Richard M. Bucke nhận định rằng con người có ba phần.

– Con người cảm giác, tri giác, mà ông gọi là Simple Consciousness.

– Con người tâm tư mà ông gọi là Tư Tâm (Self Consciousness).

– Con người siêu tuyệt, có linh tri, linh giác mà ông gọi là

Vũ Trụ Tâm (Cosmic Consciousness) (Xem sách trích dẫn trang 1– 18; nhất là trang 1– 2).

Theo ông, Vũ Trụ Tâm, nói theo từ ngữ Công Giáo, đó chính là Đấng Cứu Thế, đấng Christ nội tại trong mỗi con người (sách trích dẫn tr. 6).

– Đối với ông, Chúa, Phật, hay Thánh, hay Tiên là những người đã đạt tới Vũ Trụ Tâm nơi con người, hay đã có Thượng Đế sống động, linh hoạt trong tâm hoàn mình (tr. 147).

– Bucke cho rằng Vũ Trụ Tâm, đối với Chúa Jesus, là 'Nước Chúa', 'Nước Trời' (kingdom of God); đối với Paul, đó là Đấng Christ nội tại, hay Thần Chúa; Dante gọi đó là Béatrice (Making happy = Nguồn hạnh phúc); Balzac gọi là «Specialism» (Toàn giác) [1]; Phật gọi đó là Niết Bàn (Nirvana). [2]

– Con người có thể từ Tư tâm mà đạt tới Thiên tâm, nhưng đó là một sự kiện hết sức hãn hữu. Theo ông, từ khi có lịch sử loài người mới có khoảng 40 hay 50 chục người, ví dụ như Moses, Lão Tử, Phật Thích Ca,, Socrates, Jesus, Paul, Plotinus, Mohammed, Dante, John Yepes (John of the Cross) Spinoza v.v... (xem tr. 81)

Như vậy, họa hoàn mới có một thánh nhân ra đời. Trong nhiều triệu người sống ở gian trần này, may ra mới có một người thành chân chứng thánh.

Và theo thống kê của ông thì từ Đức Phật Thích Ca đến Dante, là 1800 năm chỉ có 5 vị thành thánh, nghĩa là trung bình 360 năm mới được một người. Từ Dante tới nay là 600 năm, có khoảng 8 người; trung bình cứ 75 năm mới được 1 người (Xem tr. 67).

Ông Bucke còn cho rằng khi con người đạt Thiên Tâm sẽ biến thể, biến dạng (transfiguration), và sẽ siêu phàm nhập thánh, siêu nhân hợp Thiên (transhumanization, theo từ ngữ Dante) (Xem tr. 77). Sau khi khảo sát từng đời sống của những vị đã thành Chân, chứng Thánh, ông Bucke đã tìm ra được những dữ kiện hết sức độc đáo như sau:

– Muốn thành chân chứng thánh con người cần phải «giác ngộ» mà ông gọi là Illumination. Sự giác ngộ này thường xảy ra trung bình vào khoảng 34–36 tuổi.

Cũng có những trường hợp sớm hơn hay muộn hơn, nhưng hãn hữu. Ví dụ, Chúa Jesus, Paul, Phật Thích Ca, Dante v.v... đều giác ngộ khi 35 tuổi.

Socrates, Mohammed giác ngộ khi 39 tuổi (xem đồ bản tr.81).

– Thường giác ngộ vào những mùa Xuân, Hạ (xem tr. 81).

– Giác ngộ thường kèm theo một cảm giác phát quang trong đầu hay trước mắt.

– Nữ giới cũng đã có người đạt Thiên tâm nhưng ít hơn nam giới.

– Những người giác ngộ thường là những người nhiệt tâm cầu đạo.

– Sự giác ngộ đến một cách hết sức thành linh và bất ngờ.

– Sau khi giác ngộ con người sẽ được chuyển hóa: Sống cao siêu hơn, khinh khoáng hơn, hạnh phúc hơn; hết còn sợ hãi tội khiên và chết chóc.

– Cảm thấy rằng mình sẽ sống vĩnh cửu cùng trời đất.

– Có thể tỏa ra một sức hấp dẫn phi thường.

– Sau khi giác ngộ, sẽ sống hết sức hoạt động, phong phú và có thể sẽ bắt đầu sáng tác rất nhiều. (xem tr, 78- 79).

– Những người sau khi đã giác ngộ đều giống nhau khó mà phân cao thấp, và những lời giảng giáo hầu như là giống nhau. ông viện dẫn lời Victor Hugo: «Phân biệt ai hơn ai kém, chọn ai hơn ai, thực là không thể được.» [\[3\]](#)

Và lời của Arthur Lillie: «Phật hay Chúa Kitô cũng dạy một bài.» [\[4\]](#)

Sau đó, tác giả dùng một phần lớn cuốn sách để trình bày đời sống của từng vị đã thành chân chứng thánh, trường hợp giác ngộ, tư tưởng, khẩu khí v.v...

Theo ý tôi, thì quyển sách trình bày tư tưởng một cách vững vàng, khoa học.

Tiện đây, tôi góp thêm ít nhiều suy tư về từng vấn đề.

– Tác giả nhìn thấy nơi con người có Simple consciousness Self Consciousness, Cosmic Consciousness (sách trích dẫn tr, 1- 3). Danh từ tuy khó hiểu nhưng vẫn không ngoài ba bình diện nơi một con người: Đòà, Nhân và Thiên, (Xác, Hồn, Thần).

Đã từ mấy chục năm nay, tôi đã nhận thấy rằng:

Nếu không chấp nhận con người có ba bình diện: Xác, Hồn, Thần, thì chúng ta sẽ bế tắc, từ tư tưởng cho đến đời sống, cho đến tương lai. Chúng ta sẽ không thấy cùng đích con người, không bao giờ tìm được chân hạnh phúc.

– Tác giả cho rằng con người có thể tiến vào được Vũ Trụ Tâm.

Tôi hết sức đồng ý. Năm 1968, khi viết quyển Lecomte du Nouÿ và học thuyết Viễn Đích tôi đã viết như sau:

«Mở rộng tầm mắt bao quát vạn vật và không gian thời gian, Lecomte du Nouÿ cho rằng vũ trụ có hai chiều, hai hướng, biến dịch, tiến hóa.

«Một chiều tiến hóa theo các định luật vật chất một ngày một tiến tới bất động, ù lì, lạnh lẽo, hỗn loạn.

«Một chiều tiến hóa theo các định luật tinh thần một ngày một tiến tới tinh vi, kỳ ảo, linh động sáng tươi, đẹp đẽ, trật tự, hòa hợp. Và khi tinh thần tiến tới chỗ tinh hoa tuyệt diệu, thì vật chất sẽ tiến tới chỗ hỗn loạn và triệt tiêu.

«Ta thấy nó giống với các định luật "Dương tiêu Âm trường", và "Âm tiêu Dương trường" của Dịch Kinh, cũng như hai chiều hướng tinh thần, vật chất, tiên thiên hậu thiên mà các tiên nho thường đề cập tới khi vẽ các đồ bản Hà Đồ, Lạc Thư cách đây mấy nghìn năm.

«Những vấn đề triết học, siêu hình, đạo giáo, và định mệnh con người mà Lecomte du Nouÿ đề cập tới trong các tác phẩm của ông, có thể hiểu được dễ dàng, nếu ta đem lòng chúng vào trào lưu tư tưởng của các hiền thánh bốn phương xưa nay.

«Thực vậy, song song với các đạo giáo các triết thuyết hiện hành, còn có một thứ triết thuyết và đạo giáo của các nhà huyền học tứ phương.

«Về triết lý, các ngài chủ trương con người gồm đủ tam tài thiên, địa, nhân. Nói theo từ ngữ triết học Âu Châu, con người gồm có: Xác (địa), Tâm (Nhân), Thần (Thiên).

«Đó là quan niệm Tam Tài mà chính Thánh Kinh cũng nhiều lần đề cập tới (I Thess. 5:23. Mat.22:37)

«Theo nhãn quan trên, thì con người có ba thứ đạo, tức là ba thứ bổn phận:

«- VẬT ĐẠO: lo cho xác thân được khang kiện, no ấm; chế ngự được ngoại cảnh.

«- NHÂN ĐẠO: lo cho tâm hồn được khinh khoáng, thoát vòng kiềm tỏa của dục tình, ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, tiếp nhân xử kỷ cho phải phép.

«- THIÊN ĐẠO: vươn lên tới bình diện tâm linh, tâm thần, sống phối hợp cùng Thượng đế, bỏ lối "phàm tâm", thể hiện "Thiên tâm". Đó là giai đoạn "tâm tử, thần hoạt" của các nhà huyền học Lão giáo, hay "nhân dục tận, Thiên lý hiện" của các nhà huyền học Nho giáo.

Đó là luận điệu của các nhà huyền học muôn phương, và giờ thánh thư thánh Paulô, ta cũng thấy đầy tràn âm hưởng tương tự (Rom. 8:14. I Cor. 7:10. Gal. 4:6- 7; 5:18; 11:20).

«Theo nhãn quan này, thì con người sinh ra chưa phải là con người thực; còn phải tốn công mài dũa, tu luyện lâu lai mới thành người; lại đi từ con người đến địa vị thần thánh cũng thực là nhiều khê vất vả. Sinh ra là phàm nhân, con người phải dùng đời mình để cố gắng trở nên hiền thánh. Như vậy thì càng về chiều, càng về già, thời gian càng trở nên quý báu, quan trọng, và con người không bao giờ được ngừng nghỉ, phải tiến bước mãi để đạt đích hoàn thiện. Con người chỉ trở nên bất tử khi đạt Thiên địa tâm. Các hình thức bên ngoài, các giáo lý, mới đầu rất cần thiết vì nó hỗ trợ con người trong công trình đi tìm chân lý, nhưng khi đã nhìn nhận thấy con đường nội tâm, và đã biết phương pháp suy tư, định tâm, định trí bên trong, thì các phương thức bên ngoài trở thành tùy thuộc. Tất cả các phương thức, chỉ có giá trị ở chỗ giúp đỡ con người tìm ra được CHÂN THẦN, sống cao siêu, phối hợp được cùng Thượng đế, ngay từ khi còn ở gian trần này. Khi đã đạt đích, thì mọi sự không còn cần yếu nữa.

«Con người phải chứng nghiệm được những giai đoạn mình đã băng qua, những kết quả đã thu lượm được, ngay từ khi còn ở trần hoàn; cho nên mới đầu thì phải nhờ người hướng dẫn, sau dần dà phải tự mình điều khiển, lèo lái lấy cuộc đời mình, theo đúng đường lối, gương tích của các bậc thánh hiền tiền bối...

«Định mạng mỗi cá nhân và định mạng nhân quần chỉ là một. Định mạng ấy rất cao siêu, sang cả. Tuy nó đã được tiền định do Thiên ý, nhưng sự thực hiện định mạng này hoàn toàn lệ thuộc vào thời gian, tuổi tác cá nhân và nhân loại, vào tầm nhìn lối nghĩ, trình độ hiểu biết của cá nhân và nhân loại, cũng như vào sự cố gắng và sự tha thiết tìm cầu. Vì thế nó cần có một tiến trình vô hạn để thực hiện.» [5]

– Bác sĩ Bucke cho rằng thành Chân, chứng Thánh là một chuyện rất sức hi hữu. Trước kia, cứ ba trăm năm mới được một người. Trong khoảng năm trăm năm gần đây, ngót 100 năm mới lại có một người. ông xếp Chúa, Phật, Lão tử vào trong 1 bảng thành chân chứng thánh như mọi người khác.

Thực ra không ai phủ nhận được rằng Thành Chân Chứng Thánh là một chuyện hết sức hi hữu. Chúa Jesus cũng đã nói: «Kẻ gọi thì nhiều, kẻ chọn thì ít.» (Mat. 22: 14). Đông phương cũng thường nói: «Vào đạo như lông trâu; đắc đạo như sừng thỏ». Nhưng thực sự không đến nỗi ít như vậy. Sở dĩ tác giả thấy quá ít, chỉ vì tác giả không đi sâu vào từng đạo giáo mà tìm. Nguyên tìm trong các thư mục Âu Châu bàn về các bậc Chân Nhân (Mystics), ta cũng đã thấy có khá nhiều Chân Nhân thuộc Thiên Chúa giáo, Hồi Giáo v.v...ấy là ta còn chưa đi vào các Mật tông, Mật giáo Âu Châu, như Kabbalah (Do Thái giáo), Free Masonry, Rosi-crucians, Alchemy, hoặc Huyền học Hồi giáo, như Sufism (Bạch Y). ấy là ta cũng chưa khai ra các vị thánh nhân trong Bà La Môn, như Gandhi, như Ramakrishna, như Sri Aurobindo v.v..., chưa tìm được đầy đủ danh sách các vị Thiền Sư Trung Hoa đắc đạo, như Bồ Đề Đạt Ma, Tuệ Khả, Hoàng Nhẫn, Huệ Năng, Lâm Tế, Bách Trượng, Mã Tổ, Qui Sơn, Vân Môn, hoặc các vị Phật, các vị Bồ Tát, như Ma ha Ca Diếp, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ, hay các vị thánh hiền Khổng giáo, mà Nho gia gọi chung là các vị đã đạt đạo Trung Dung, như Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Chu Công, Khổng tử, Mạnh Tử, Chu Liêm Khê, Trình Di, Trình Hạo v.v... và các vị Chân tiên trong đạo Lão như Quảng Thành Tử, Lão Tử, Trang Tử, Liệt tử, Trương Tam Phong, Hán Chung Li, Lã Đồng Tân, Bạch Ngọc Thiềm, Vương Trùng Dương, Khưu Xử Cơ, v.v...

Có một điều chúng ta dễ dàng nhận xét thấy được rằng, từ hai thế kỷ nay, khi mà Đông Tây gặp gỡ nhau, trao đổi nhau về văn hóa, khi mà các thánh thư, thánh truyện Đông Tây đã được đăng tải, khi mà chúng ta có nhiều phương tiện, có nhiều sách vở hơn, nhiều thư viện hơn, thì số người Thành Chân, chứng Thánh càng ngày càng trở nên đông đảo hơn. Nhưng tuy gọi là đông đảo, nhưng cứ nhiều triệu người sinh ra, mới có một đôi người thành chân, chứng thánh.

– Bucke cho rằng Chúa Jesus cũng chỉ là một con người giác ngộ.

Về điểm này, chúng ta cũng nên nhận định rằng dưới con mắt tín đồ, thì Phật, hay Chúa, hay Lão, đó chính là những vị Tiên, Phật, Chúa giáng trần, tuyệt luân, siêu việt.

Nhưng khi xem thái độ các Ngài, thì thấy các Ngài hết sức khiêm cung. Chúa Jesus tuy xưng mình là một với Chúa Cha, là Con Thiên Chúa, nhưng đồng thời cũng đã dùng lời Kinh Thánh cũ, long trọng tuyên xưng mọi người đều là Chúa, là Thần (John 10:34- 35); tuy Ngài làm nhiều phép lạ, nhưng đồng thời vẫn long trọng nói rằng, nếu ai tin vào những khả năng con người, thì cũng có thể làm được những phép lạ, cũng có thể đảo hải di sơn (Luke 17:6. Marc 11:23. Mat. 17:20; 21:21); chẳng những làm được phép lạ như Ngài, mà còn hơn Ngài nữa (John 14:12).

Ngài cũng tuyên xưng: Chúa Cha là Chân Chúa duy nhất, còn Ngài chỉ là sứ giả của Chúa Cha (John

17:3); Chúa Cha lớn hơn Ngài (John 14: 28).

Phật cũng tuyên xưng: «Ta là Phật đã thành, các bạn là Phật sẽ thành.»

Ngài chỉ nhận «mình là ngón tay chỉ trăng», và khuyên mọi người hãy tự thấp đuốc mà soi cho chính mình. Thực là khiêm cung vô hạn.

Còn như đối với các triết gia, các bậc giác ngộ, thì các Ngài chỉ là những bậc giác ngộ trước chúng ta mà thôi.

William Blake (1757- 1827) nói với Robinson: «Chúa Jesus Christ, là Thượng đế duy nhất, và tôi cũng vậy, và bạn cũng vậy.» [6]

Daniel Rope, khi phê bình quyển Định Mệnh con người (L'Homme et sa destinée) của Lecomte du Noüy, đã nhận định rằng, đối với Lecomte du Noüy, Chúa Jésus có lẽ chỉ là một tấm gương hoàn thiện nhân loại hơn là Thiên Chúa giáng trần. [7]

Ngày 18 tháng 3, 1838, Ralph Waldo Emerson, đã viết trong Nhật ký (Journal) của ông như sau: «Tôi tiếc rằng trong loạt bài diễn văn của tôi mới đây, tôi đã không nói rành rẽ và vạch ra cái điều sai lầm lớn của xã hội hiện nay của chúng ta về phương diện tôn giáo. Chúng ta sẽ không bao giờ đạt tới bình an, tới uy dũng, cho đến khi nào đặt được niềm tin vào cơ cấu tâm linh của con người, thay vì vào Thiên Chúa Giáo của lịch sử. Cái niềm tin vào Thiên Chúa giáo mà nhiều người đang có là một sự 'bất tín' về con người. Họ coi đấng Kitô như là một Vị Chúa thay vì như là một Người Anh. Đấng Kitô rao giảng sự cao cả của con người, nhưng chúng ta chỉ nghe thấy sự cao cả của đấng Kitô.» [8]

Trong bức thư đề ngày 24- 7- 1966, Đức Hồng Y Ottaviani gửi cho các Chủ Tịch Giám mục đoàn, Ngài đã có đề cập đến những dư luận «kỳ dị và nguy hiểm» đang làm xáo trộn giáo dân, ví dụ... có người coi Chúa Cứu Thế như là một người thường «đã dần dà nhận ra mình là Con Thiên Chúa»; cũng như sự Chúa sinh do Đức Mẹ đồng trinh, những phép lạ của Ngài, và sự Ngài sống lại, tuy vẫn được «chấp nhận trên từ ngữ», nhưng sự thực đã được coi là những sự kiện tự nhiên... [9]

Nhìn sang phía trời Đông, ta cũng thấy Cát Hồng nhận định về Lão tử như sau: «Các học giả có óc chất hẹp hòi đã coi Lão Tử như là một người Trời siêu xuất quần sinh, và khuyên các thế hệ tương lai bắt chước Ngài; nhưng làm như thế tức là ngăn cản không cho mọi người tin được rằng có thể nhờ học hành mà tìm ra được bí quyết trường sinh bất tử. Thực vậy, nếu Lão tử chỉ là một hiền nhân đã đắc đạo, thì mọi người phải hết sức để theo gương, bắt chước Ngài; nhưng nếu ta nói rằng: đó là một nhân vật đặc biệt, có thiên tính, thì ta không thể nào bắt chước Ngài được nữa.» [10]

– Bucke cho rằng giác ngộ thường vào khoảng 34-36 tuổi.

Theo ông, Chúa Jesus sinh năm – 4, trước Công nguyên, giác ngộ khoảng 35, 36 tuổi, chết vào năm 35 Công nguyên (xem sách trích dẫn, tr.97- 98).

Thực ra cho đến bây giờ quần chúng được dạy dỗ rằng Chúa sinh ra năm 1, ra giảng đạo năm 30 tuổi, chết năm 33 tuổi.

Nhưng khảo sát lại lịch sử, thì ta thấy Giáo Hội Công giáo, vào khoảng giữa thế kỷ thế VI, đã dựa vào một sự tính toán sai lầm của tu sĩ Dyonisius the Dwarf, nên mới dạy rằng Chúa sinh năm 1 (Sách trích dẫn, tr.98, chú thích *). Cho nên, Giáo Hoàng Gregory 1 (540- 604), khi cải lịch đã lấy năm La Mã 754 làm năm 1, vì tưởng Chúa sinh năm ấy. Ngày nay, các học giả thế giới đều biết đó là kết quả của một sự tính lầm. Các tác giả Bible de Jerusalem, một bản văn Thánh Kinh mà Công Giáo chấp nhận, nơi cuối sách đã

ghi Chúa Jesus sinh khoảng năm – 7, hay – 6 trước Công Nguyên. Thánh sử Luke ghi Chúa ra giảng đạo «khoảng năm 30 tuổi» (Luke 3:1- 23). 3 thánh sử Matthiew, Marc, Luke chép Chúa đi giảng đạo một năm. Theo John, thì khoảng 3 năm. Như vậy Chúa sinh năm nào, chết năm nào, đi giảng mấy năm cũng không hoàn toàn chính xác.

Cho nên, nếu Bucke suy toán Chúa giác ngộ năm 35 cũng có thể chấp nhận,

Từ năm 1956, tôi cũng đã tìm ra được định luật về tuổi tác này. Tôi dựa vào Dịch, và thấy Dịch bàn về Giác Ngộ nơi quả Phục. Dịch cho rằng khi con người giác ngộ, tức là khi con người tìm thấy được Thiên tâm nơi lòng mình. Nhìn vào vòng Dịch tiên thiên, nếu ta coi Cấn là lúc sơ sinh, thì Phục sẽ là giữa cuộc đời. Nếu tính trung bình cuộc sống con người là 70, thì Phục sẽ là vào khoảng 35. Sánh với Thiên Văn Học Âu Châu, thì quả Cấn ứng với Cung Cự Giải (Cancer), và Phục ứng với cung Ma yết (Capricorn). Người Âu Châu cho rằng cung Cự Giải là Cửa Người, cung Ma yết là Cửa Thần Minh.

Phục là Tí, là điểm NHẤT DƯƠNG SINH, nên Tí cũng hàm nghĩa sinh lại, hàm nghĩa phục sinh, chẳng những cho mặt trời mặt trăng, cho vạn vật, và cũng cho cả tâm linh con người.

Nên phối hợp Dịch và Chiêm Tinh học Á và Âu, ta thấy con người sống như là Con Người cho đến 35 tuổi, sau đó Tâm Linh có thể bùng nổ, và từ ấy con người có thể sống một cuộc sống Thần Linh, huyền hóa với trời đất.

Và như vậy, con người cũng như một cây, có lúc chỉ sinh lá; muốn sinh hoa, kết trái, cần phải có một thời gian nào...

Nếu ta coi đó là một định luật vũ trụ, thì sẽ thấy không ai có thể là Phật, là Thánh từ khi mới lọt lòng...

Trong quyển Chân Dung Khổng Tử của tôi, đã xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1987, nơi Chương VI, tôi đã nhận định về vấn đề này như sau:

«Thế nhân thường cho rằng đã là Thánh nhân, đã là giáo chủ, thì phải là Thánh nhân ngay từ trong bụng mẹ, phải có một thai sinh kỳ bí, thoát khỏi hết các định luật và trật tự chi phối vũ trụ, nhân quần, lại thông minh tuyệt đối, sinh nhi tri chi, không cần học hỏi suy tư gì, mà đã biết hết mọi sự trên trời dưới đất, quá khứ vị lai, ngay từ tấm bé.

Nói thế chẳng khác nào nói rằng có những cây vừa mới mọc đã cao vút từng mây, đã sinh hoa, kết quả sum sê, hay có những người vừa mới sinh ra đã trưởng thành ngay không cần cù cù dục, cù lao, không cần thời gian, tuổi tác...

Thiết tưởng muốn tìm hiểu thánh hiền, ta không nên bắt chước đường lối phàm tục đó, mà phải tìm cho ra những tiêu chuẩn chính xác hướng dẫn sự suy khảo của chúng ta.

Tuân tử nói: Quân tử thời nói điều chân thường, hợp lý; tiểu nhân nói điều kỳ quái. (Vinh nhục VI) (Xem Trần Trọng Kim, Nho giáo tr. 308).

Sách Minh Triết, thánh thư Công giáo nói:

Ta đây cũng phận hèn như chúng,
Cũng tổ tông xác đất vật hèn,
Cũng từ bụng mẹ thai nên,
Tinh cha huyết mẹ, đôi bên tạo thành.
Cũng mười tháng, mới sinh, mới nở,
Khi lọt lòng cũng thở khí phàm,

Như ai cũng kiếp trần gian,
 Mới sinh cũng khóc mà toan chào đời,
 Cũng tã lót, cũng thời cúc dục,
 Cũng cù lao cực nhọc như ai.
 Xưa nay vua cũng như tôi,
 Tử sinh một phép, có đời nào đâu?

(Phỏng dịch Livre de la Sagesse VII, 1:6)...

Mạnh tử viết: «Phàm những vật đồng loại, thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những vị thánh nhân và chúng ta đều là một loại.» (Mạnh tử, Ly lâu chương cú hạ, tiết 12).

Khảo về đời sống và những lời giảng giáo của các vị giáo chủ, ta thấy:

1. Sự khôn ngoan, thông thái của các Ngài cũng cần phải có đủ thời gian, tuổi tác, mới phát triển được. [\[11\]](#)
 2. Nhiều khi các ngài cũng phải học hỏi với các bậc tiền bối, trước khi trở nên minh giác. [\[12\]](#)
 3. Học thuyết các Ngài, tư tưởng các Ngài cũng có nhiều vay mượn ở nơi các học thuyết, hoặc các luồng tư tưởng đã có từ trước.
 4. Các Ngài có công ở chỗ là làm cho những tư tưởng cũ kỹ trở nên linh động, có thần lực tác động, lôi cuốn, hoá cải được quần chúng.
- Chủ trương rằng các vị thánh hiền xưa cũng cần phải có thời gian tuổi tác mới phát huy được trí tuệ và đức độ mình, mới đi đến chỗ giác ngộ, chủ trương rằng các Ngài cũng phải cố gắng nhiều mới tiến tới địa vị siêu việt, là một chủ trương hết sức lành mạnh.
- Nó phản ảnh lại chân thực cuộc đời các Ngài, giúp ta gạt bỏ được hết mọi huyền thoại.
 - Nó hợp với các định luật tự nhiên.
 - Nó cũng chẳng làm giảm giá trị các Ngài chút nào.
 - Nó vạch cho ta thấy con đường và phương pháp để trở nên hiền thánh.
 - Nó phù hợp với quan niệm của các danh nho, vì Nho gia vốn chủ trương rằng nếu chúng ta cố gắng tiến hóa, tu trì theo đúng đường lối, thì cũng có thể nên như vua Nghiêu, vua Thuấn (Cf. Mạnh tử, Ly Lâu chương cú hạ, tiết 28- 32...)
 - Nó cũng phù hợp với những học thuyết tiến hóa, thuyết viễn đích mới mẻ nhất, cho rằng nhân loại sẽ còn tiến hóa lâu dài, để trong một thời gian còn xa lắc, sẽ tiến tới cực điểm tinh hoa: đó là sống một cuộc đời thần tiên, phối hợp với Thượng đế. Các Thánh Hiền chẳng qua là những người đã sớm lãnh hội được định mệnh cao cả của con người và đã thực hiện được ngay trong đời mình định mệnh sang cả ấy. Như vậy các Ngài chỉ là những người tiên phong khả kính, soi đường, chỉ lối cho chúng ta noi theo mà bắt chước để nên giống các Ngài (Xem Nguyễn văn Thọ, Chân Dung Khổng Tử, tr. 85- 88).

Trong khi bàn về các quả «Dịch Tiên Thiên» tôi đã nhiều lần nói rằng con người trong nửa đời đầu, sẽ là CON NGƯỜI, sẽ sinh con đẻ cái, sẽ làm mọi nhiệm vụ trần hoàn. Còn nửa đời sau, bắt đầu từ 34, 35 tuổi, con người sẽ có thể thành CON TRỜI. Và suy ra, thì NHÂN LOẠI trong tương lai, sẽ có rất nhiều người trở thành CON TRỜI.

Chính vì vậy mà trong quyển Lecomte du Noüy và Học Thuyết Viễn Đích, xuất bản năm 1968, nơi đầu chương IV, tôi đã viết:

Hoàn cầu phục vụ con người,
CON NGƯỜI nay trước, CON TRỜI mai sau.
Nội tâm cố tiến vào sâu,
Cửa trời dần mở. cơ màu dần hay.
Chớ còn gàng quải đó đây,
Ngoài tuy muôn nước, nhưng nay một nhà,,,
Thiên sơn vạn thủy băng qua,
Muôn người như một, thái hòa khắp nơi...

Và với viễn tượng ấy, nơi đầu Chương III, trong sách trên của tôi, tôi đã mượn ý thơ Plein Ciel của Victor Hugo mà viết như sau:

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá?
Thuyền quang hoa băng ngã thần tiên,
Tiến về mai hậu siêu nhiên,
Tiến về đức hạnh, nguyên tuyền tinh hoa.
Ánh khoa học trời xa lóng lánh,
Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,
Tiến về đẹp để tinh tuyền,
Tiến về mai hậu, về miền muôn sao.

– Bucke nhận định rằng sự giác ngộ nó đến một cách bất thành linh, không sao mà ngờ trước được.

Có thể nói đó là một định luật, tất cả những người đã giác ngộ đều thấy như vậy.

Nho gia xưa đã dùng hai chữ «Hoạt Tý» (Cái giờ Tý linh động) để tả sự đến bất kỳ đó.

Thiền tông đã dùng hai chữ ĐỐN NGỘ.

Chúa Jesus giác ngộ sau khi chịu phép rửa nơi sông Giordânô; thánh Paul giác ngộ khi đang đi lo bắt các người Công giáo trên con đường tới thành Damas; Phật giác ngộ sau khi ngồi thiền định lâu lai, dưới gốc bồ đề; thiền sư Nghĩa Hoài giác ngộ khi đang gánh nước mà thùng nước bị bể; Linh Vân đồ đệ của Qui Sơn, nhân nhìn hoa đào mà giác ngộ; Thủy Lão hòa thượng, bị Mã Tổ tổng cho một đập té nhào, hốt nhiên giác ngộ. Thật hết sức kỳ lạ.

Phúc âm khi viết: Không biết Con Người đến lúc nào và giờ nào (Mat. 24:42- 44; 25:13) cũng là nói lên ý ấy.

Bác sĩ Bucke cho rằng:

– Giác ngộ thường kèm theo một cảm giác phát quang trong đầu hay trước mắt.

Bucke tự thuật đêm phát huệ có thấy phát quang. ông cũng dẫn nhiều chứng tích cho thấy khi phát huệ thường có hiện tượng phát quang, như trường hợp thánh Paul, thánh John of the Cross, hay Mohammed v.v...

Những ai trải qua kinh nghiệm này rồi mới thấy Bucke nói là đúng. Khi giác ngộ, thần quang trong

người như tự lại trong đầu, hoặc người giác ngộ, phát huệ có thể thấy như được bao phủ bởi một bởi một làn điện khí...

Một vị La Hán trong bộ kinh Nikaya, tuyên bố về tâm sự giải thoát: «Tâm tôi bỗng bừng sáng lên chứng quả giải thoát vô thượng. Đây là thọ thân sau rốt của tôi, từ đây dứt hết nghiệp tái sinh rồi.» Lúc ấy, con người sẽ đạt tới trạng thái «soi thấy trong một niệm».

Suzuki viết trong quyển Thiền Luận: «Khi tâm chuyển ngược lại nếp vận động thường, thay vì phân tán ra ngoài thì thu nhiếp vào trong đến chỗ nhất như, đó là bắt đầu thành tựu trạng thái "soi thấy trong một niệm" (nhất tâm kiến chiếu), vô minh hết tạo tác, và những cảm nhiễm (lậu) hết hoành hành. Giác như vậy, là một trạng thái tuyệt đối của tâm dứt bật hết phân biệt: vọng tưởng... Giác như vậy, là một trạng thái tuyệt đối của tâm dứt bật hết phân biệt.» (Xem Suzuki, Thiền Luận I, Trúc Thiên dịch, tr. 200).

Và chính nhờ cái biết vô phân biệt này, hết còn khách thể, chủ thể, mà con Người đồng hóa mình với Thөөing đế và vũ trụ. Cho nên, nói theo từ ngữ Phật giáo, thì khi chưa Giác Ngộ con người còn ở trong Vô Minh. Mà trong Vô minh, thì «người biết» tách rời «sự biết», ngoại giới biệt lập với nội tâm, nghĩa là luôn luôn có những cặp mâu thuẫn đối lập nhau...

– Bucke đã nhấn mạnh rằng khi con người đã giác ngộ, ngoài sự đạt được siêu thức, còn thấy mình được hạnh phúc, bình an trong tâm hồn. Pascal, John of the Cross. Bucke v.v... đều đề cập tới một nguồn vui, một nguồn hạnh phúc tràn ngập tâm hồn.

Nhiều người sau khi giác ngộ đã đánh dấu giây phút ấy bằng những bài thơ, như Thiệu Khang Tiết, như Chu Hi...

Tôi cho rằng: «Đạo tâm khai, thi văn xuất...»

Tôi còn thấy rằng phần đông sau khi giác ngộ các Thánh Hiền xưa đều đã thấy thần lực tăng thêm rất nhiều, và bắt đầu đi giảng giáo, đi hoằng hóa chúng sinh, như trường hợp đức Phật, Chúa Jesus, Khổng tử, Mohammed v.v...

– Bucke cho rằng thánh hiền sau trước đều có chủ trương giống nhau. Điều đó không sai. Mạnh tử cho rằng: Thánh trước, thánh sau đều cùng một đường lối (Tiên thánh, hậu thánh kỳ quỹ nhất dã).

Ramakrishna cũng viết: «Tất cả các vị thánh hiền đều có những lời giảng giáo như nhau.» ^[13]

Cát tiên ông cũng viết:

Thiên hạ vô nhị đạo,	天下無二道
Thù đồ nhi đồng qui.	殊途而同歸
Thánh nhân vô lưỡng tâm,	聖人無兩心
Bách lự nhi nhất trí.	百慮而一致

Dịch:

Đạo trong thiên hạ há pha phôi,
Đường nẻo khác nhau, đích một thôi.
Thánh hiền sau trước lòng không khác,
Lo lắng trăm đường đích một thôi.
(Tây sơn quần tiên hội ký, tr. 1a)

Tại sao lại có sự tương đồng như vậy?

Ta có thể nói như Marc Semenoff, trong bài tựa của ông ở đầu quyển sách *La Pensée du Bouddha* (Tư Tưởng Đức Phật) rằng: «Sự tương đồng ấy chẳng phải ngẫu nhiên... Cái duyên do đã tạo nên sự tương đồng ấy – một sự tương đồng vượt lên trên không gian và thời gian – chính là Thực Thể duy nhất.

Thực Thể ấy là nguồn gốc thế giới chúng ta, và nhân quần.

Thực Thể ấy là sự phát triển, tiến hóa của thế giới chúng ta và nhân quần.

Thực Thể ấy cũng chính là cùng đích của thế giới chúng ta và nhân quần.

Chân lý chính là sự biểu dương, là sự phát huy của Thực Thể ấy.

Những chân lý (địa phương) là những cách thức mà Thực Thể ấy dùng, để biểu dương, qua những lời giảng giáo, những bút tích của các vị Chân nhân, các vị Tiên tri, các vị Hiền triết. Những cách thức dùng để phát biểu chân lý ấy, dĩ nhiên lệ thuộc vào chủng tộc, vào tính tình, vào tâm tư của từng dân nước. Vì thế cho nên tuy hình thức khác nhau, tuy cách trình bày khác nhau, nhưng căn cốt và nội dung chính yếu thì giống nhau, bởi vì căn cốt, nền tảng ấy, chính là chân lý phát xuất từ một Thực Thể duy nhất.» (Xem *Chân dung Khổng tử* tr.337- 338).

Riêng tôi, sau khi đọc kỹ về đời sống Khổng tử, và Tứ Thư Ngũ Kinh, vào khoảng những năm 1956-1957, tôi đã tìm ra lẽ nhất quán của trời đất. Sau đó, đọc Bà La Môn, hay Phật giáo, hay Lão giáo, hay Thiên Chúa Giáo, Hồi giáo, tôi chỉ toàn nhìn thấy cái tương đồng... Từ đó, cứ nhờ đọc đạo này mà tôi lại thấu hiểu thêm đạo kia... Và câu «Tiên thánh hậu thánh, kỳ vĩ nhất dã» của Mạnh tử đối với tôi là một chân lý. Chính vì quan niệm như vậy, nên tôi rất mến đọc Meister Eckhart, John of the Cross, Paul, Ramakrishna, Vivekananda và các hiền thánh Đông, Tây, kim cổ, bất kỳ là các Ngài thuộc đạo giáo nào trong thiên hạ. Tôi càng ngày càng thấy rằng nếu ta không đồng thanh đồng khí được với các Ngài, thì các Ngài nói một đằng, ta sẽ hiểu một nẻo, hoặc lời lẽ các Ngài sẽ trở nên tối tăm, xa lạ. Còn như ta mà cảm thông được với các Ngài thì tất cả những lời các Ngài sẽ trở nên minh thị, trong sáng, và có năng lực chuyển hóa tâm linh chúng ta, bất kỳ là ta đọc thánh hiền Đông hay Tây, kim hay cổ.

Người xưa thường tránh nếu không gặp người «thanh khí», sẽ không thể thổ lộ tâm tình, chính là vì vậy.

Mới hay:

«Lộ phùng kiếm khách, tu trình kiếm,

Bất thị thi nhân mạc hiến thi.»

Dịch:

Gặp tay kiếm khách, âu bàn kiếm,

Chẳng phải thi nhân, chớ tặng thi.

Chúa Jesus cũng đã phán: «Đừng cho chó những gì thiêng quý, đừng cho lợn những thứ ngọc châu. Chúng nó sẽ dẫm lên, và quay lại cắn xé bạn.» (Mat. 7,6)

Lời này sâu sắc biết bao: Xưa nay bao thánh hiền chỉ vì nói hay, nói phải, nói cao siêu, mà đã bị tiểu nhân, bị phàm phu tục tử bách hại...

Nhờ ở định luật «Thanh khí lẽ hằng» mà Eckhart đã dám viết: «Tôi thấy Chúa bằng con mắt nào, thì cũng bằng con mắt ấy Chúa thấy tôi. Mắt tôi, và mắt Chúa chỉ là một mắt, một khuôn mặt, một hiểu biết, một tình thương.» (Suzuki, *Thiền luận I*, tr.197). Câu này cũng y thức như câu của Chúa Jesus: «Cha ta và ta là một.» (John, 10:30).

Để chứng nghiệm được là khi nào đạt Thiên Tâm, Bucke đã toát lược tư tưởng thánh John of the Cross đại khái như sau:

Yepes cho rằng Thượng đế luôn hiện diện trong tâm hồn con người, nhưng thường thì là ở thể «thụ động» hay «tiềm ẩn», hay ít ra cũng vượt lên trên tầm trí lự con người, Tâm hồn nào biết có Chúa ngự bên trong đã là điểm phúc, nhưng tâm hồn nào có được Chúa linh hoạt bên trong, mới thực có điểm phúc siêu tuyệt. Trong quyển sách này (Cosmic Consciousness) gọi sự có Chúa linh hoạt bên trong tâm hồn là «Vũ Trụ Tâm, Thiên Tâm». [\[14\]](#)

Theo sự khảo sát của tôi thì tự ngàn xưa đã có những người đạt Thiên Tâm, dù Thiên đồng đức, thấy như có Trời hoạt động trong lòng mình.

Diễn hình là trong Kinh Thi, thiên Đại Nhã cho chúng ta thấy Văn Vương đã đạt trạng thái ấy:

Kinh Thi viết:

Việc Trời chẳng tiếng chẳng tăm,
Nên dùng dạng thức Vua Văn hiển hình,
Cho muôn dân thấy mà tin...

(Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn vương chi thập tam chi nhất).

Văn vương trọn một niềm kính nể,

Làm chói chang Thượng đế ra ngoài,
Muôn nghìn phúc lộc chiêu lai,
Một niềm nhân đức chẳng phai lòng vàng...

(Kinh Thi, Đại Nhã, Văn vương thất chương, bát cú).

[Trung Dung chương 31](#) cũng mô tả trạng thái những vị thánh nhân đạt Thiên đạo như sau:

Chỉ có đáng chí thánh trong trần thế,
Mới có đầy đủ thông minh, trí tuệ,
Y như thể có Trời ẩn áo giáng lâm;
Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuần,
Y như có dung nhan Trời phát phưởng;
Phấn phát, tự cường, kiên cường, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng;
Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn;
Nói năng văn vẻ, rõ ràng, tường tận,
Y như là chia được phần thông suốt tinh vi..

Huỳnh Đình Kinh của Đạo Lão cũng thường đề cập đến trạng huống của những người có Trời ngự trị, có Trời hoạt động trong lòng. Nơi [chương 23 Huỳnh Đình nội cảnh](#) viết:

«Cao nghiên diêm đạm, Đạo chi viên, 高研恬淡道之園
Nội thị mật phán, tận đồ chân, 內視密盼盡睹真

Chân nhân tại kỷ, mạc vấn lân, 真人在己莫問鄰
Hà xứ viễn sách, cầu nhân duyên?» 何處遠索求因緣

Dịch:

Điềm đạm, hư vô chơi vườn Đạo,
Phản quang nội chiếu sẽ thấy Thần.
Thần tại lòng ta, gần thật gần,
Còn phải đi đâu hỏi với thăm?

Thánh Paul mô tả trạng thái này như sau: «Tôi sống, chẳng phải là tôi sống, mà là Chúa sống trong tôi.» (Galates, 1:20).

Bucke cho rằng muốn đạt tới Thiên Tâm, trước hết phải là những người có tâm tình trí lự đặc biệt.

Nho gia xưa đã nói: «Tận nhân đạo, tắc Thiên Đạo chí.»

Chúng ta cũng có khi đặt câu hỏi: Khi Thiên đạo chí, người giác ngộ thấy gì?

Ta có thể mượn lời một tác giả, khi viết về Jacob Behmen mà thưa rằng: «Tất cả những điều huyền vi mà Ngài bàn luận, không phải là Ngài đã nghe kể lại, mà chính là Ngài đã thấy thấ. Ngài nhìn thấu gốc rễ của mọi điều huyền vi, thấy CĂN CỐ hay NGUỒN MẠCH từ đó đã phát sinh ra mọi mâu thuẫn, khắc phạt, như cương nhu; nghiêm từ; cam khổ; ái ố; thiên đường địa ngục. Ngài thấy chúng từ căn nguyên; Ngài cố mô tả chúng 'tòng đầu tuyệt vĩ', để cuối cùng hòa hài mọi mâu thuẫn, khắc phạt...

Ngài thấy chúng từ lòng Hóa công; thấy chúng từ đó tung tỏa ra thành muôn hình trạng. Các bức màn che vạn hữu đã rơi xuống; Ngài đã nhìn thấy 'tim đen' của vạn loài, sống thung dung trong chân tâm vạn hữu. Sách đọc của các Ngài, chính là Toàn thân các Ngài; cái tiểu vũ trụ của con người với ba tầng sinh hoạt của nó đã phơi bày ra trước mắt Ngài.» [\[15\]](#)

Bucke cho rằng nhân loại sẽ đi đến một cuộc **cách mạng tâm linh**, và sau này sẽ có nhiều người thành chân chứng thánh.

Đã từ lâu tôi cũng có một niềm tin sắt đá như vậy.

Thánh Paul chắc cũng đã tin như vậy, khi viết: «Tạo vật đang trông chờ, ao ước sự xuất hiện của những Con Thiên Chúa.» (Rom. 8:19).

Chúa Jesus cũng nói: «Nếu ai tin ta, thì cũng sẽ làm được những việc như ta đã làm; mà còn làm được hơn ta nữa.» (John 13, 12).

Cho nên, nếu chúng ta không thành chân, chứng thánh được đó là lỗi tự chúng ta, đã không chịu tìm cầu, không chịu cố gắng, không chịu kiên trì, không chịu tinh tiến, không chịu gạt bỏ thiên kiến, có vậy thôi.

Chính vì vậy, mà tôi mượn lời Mạnh tử để kết thúc chương này. Mạnh tử nói: «Đạo thực như là một con đường lớn, đâu có khó biết? Chỉ tại người ta không chịu tìm. Bạn hãy trở về nước, về nhà mà cầu đạo, đừng sợ thiếu thầy.» [\[16\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Specialism, species, sight, speculation, seeing all, and that at one glance; speculum, the mirror or means of estimating a thing by seeing it in its entirety). Richard Maurice Bucke, Cosmic

Consciousness, New York, Dutton & Co, 1967, p. 212).

[2] The faculty itself has many names, but they have not been understood or recognized. It will be well to give some here. Either Gautama himself, or some of his early disciples, called it "Nirvana" because of the "extinction" of certain lower mental faculties (such as the sense of sin, fear of death, desire of wealth etc., etc..) which is directly incident upon its birth. This subjugation of the old personality along with the birth of the new is, in fact, almost equivalent to the annihilation of the old and the creation of a new self. The word Nirvâna is defined as "the state to which the Buddhist saint is to aspire as the highest aim and highest good." Jesus called the new condition "the Kingdom of God" or the "Kingdom of Heaven" because of the peace and happiness which belong to it and which are perhaps the most characteristic features. Paul called it "Christ." He speaks of himself as "a man in Christ", of "them that are in Christ." He also calls it "the Spirit", and "the Spirit of God". After Paul had entered Cosmic Consciousness, he knew that Jesus had possessed the cosmic sense and that he was living (as it were) the life of Jesus - that another individuality, another self, lived in him. This second self he called Christ (the divinely sent deliver), identifying it not so much with the man Jesus, as with the deliver which was to be sent and which had been sent in his person, who was both Jesus (the ordinary self conscious man) and Messiah (the herald and exemplar of the new higher race). This duplex personality of man having cosmic consciousness will appear many times as we proceed and will be seen to be a constant and prominent phenomenon. -- (Libro citato, p.62).

[3] "Choisir entre ces hommes, cela ne se peut"(p. 69).

[4] Arthur Lillie says that "Buddha and Christ taught much the same doctrine."(libro citato, p. 72)

[5] Nguyễn Văn Thọ, Lecomte du Noüy và Học Thuyết viễn đích, tr. 344-350.

[6] «Jesus Christ, he said, conversing with Mr. Robin,"is the only God, and so am I, and so are you." »-- Richard Maurice Bucke, M.D. Cosmic Consciousness New York, E.P. Dutton Company, Inc.Publishers, 1967, p.195. Rossetti, W. M. Prefatory Memoir of William Blake, p. 77).

[7]... À ses yeux, Jésus Christ est peut- être bien plus le modèle de la perfection humaine que Dieu incarné... -- Lecomte du Noüy, L'Homme et sa destinée, Préface de Daniel Rops, p. 11).

[8] On March 18, 1838, there is an entry in the Emerson Journal: "I regret one thing omitted in my late course of lectures: that I did not state with distinctiveness and conspicuously the great error of modern society in respect to religion, and say, You can never come to any peace or power until you put your whole reliance in the moral constitution of man, and not at all in a historical Christianity. The belief in Christianity that now prevails is the Unbelief of men. They will have Christ for a Lord and not for a Brother. Christ preaches the greatness of man, but we hear only the greatness of Christ." -- H.B. Van Wesep, SEVEN SAGES, The Story of American Philosophy, Longmans, Green and Co, Inc. New York, 1960, p. 84.

[9] Lettre datée du 27- 7- 1966 portant la signature du Cardinal Ottaviani adressée aux "Présidents des conférences épiscopales"... Elle signale que surgissent de divers côtés des opinions "singulières et dangereuses" qui troublent certains chrétiens... On en vient à réduire le Christ à un simple homme qui "aurait acquis peu à peu la conscience de sa filiation divine". De même, pour sa conception originale, pour ses miracles et pour sa résurrection "concedés en parole", mais qui sont ramenés, en réalité à des faits naturels. - Le Monde et la Vie No 161, Octobre 1966, p. 18.

- [10] Kohong termine son fatras merveilleux par la déclaration suivante: "Des docteurs d'un esprit rétréci veulent faire passer Laotseu pour un être divin et extraordinaire, et engager les générations futures à le suivre; mais par cela même, ils empêchent de croire qu'on puisse acquérir par l'étude le secret de l'immortalité... En effet si Laotseu est simplement un sage qui avait acquis le Tao, les hommes doivent faire tous leurs efforts pour imiter son exemple, mais si l'on dit que c'est un être extraordinaire et doué d'une essence divine, il est impossible de l'imiter... -- Matgioi, La Voie Rationnelle, p. 9.
- [11] La tempête dans l'âme du Bodisattva s'était apaisée, il entreprit le laborieux voyage vers la suprême clarté. (Présence du Bouddhisme, p. 3).
... Quant à Jésus, il croissait en sagesse, en taille et en grâce... (Luc 2:52).
- [12] Naturellement ceux qui suivent les voies nouvelles doivent toujours partir de ce qui est connu: Sakyamuni, pour s'éclairer, se tourna vers les maitres qui vivaient alors. Présence du Bouddhisme, p. 4.
- [13] Tous les chacals ont le même cri, et tous les sages ont un enseignement identique. L'Enseignement de Ramakrishna, p. 256.
- [14] Yepes' thought is that God is always existent in the human soul, but (in general) in a passive or sleeping state, or at least outside consciousness. The soul that knows that God is in it is blessed, but the soul in which God wakes is that which is supremely blessed. This waking of God in the soul is what is called in the present volume "Cosmic Consciousness." (libro citato, p. 140).
- [15] The mysteries of which he discoursed were not reported to him, he BEHELD them. He saw the root of all mysteries, the UNGRUND or URGRUND, whence issue all contrasts and discordant principles, hardness and softness, severity and mildness, sweet and bitter, love and sorrow, heaven or hell. These he SAW in their origin... these he attempted to describe in their issue and to reconcile in their eternal results. He saw into the being of God; whence the birth or going forth of the divine manifestation. Nature lay unveiled to him - he was at home in the heart of things. His own book, which he himself was... the microcosm of man, with his threefold life, was patent to his vision. -- Richard Maurice Bucke, Cosmic Consciousness, p. 74.
- [16] Viết: phù đạo nhược đại lộ nhiên. Khởi nan tri tai? Nhân bệnh bất cầu nhĩ. Tử qui nhi cầu chi, hữu dư sư. 曰: 夫道若大路然, 豈難知哉? 人病不求耳. 子歸而求之, 有餘師. -- Mạnh tử, Cáo tử chương cú thương, tiết 2.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 15

LUÂN HỒI, CHUYỂN KIẾP

Đối với người Á Đông, luân hồi chuyển kiếp là một chuyện dĩ nhiên. Nhưng đối với Âu Mỹ, thì vấn đề đó ngày nay dần dần mới được đem ra bàn cãi và nghiên cứu một cách đứng đắn khoa học.

Tại Mỹ, trào lưu tin vào luân hồi được khởi xướng vào khoảng giữa thế kỷ 19 với nhóm Transcendentalists gồm những nhân vật như Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Bronson Alcott; với nhóm Thông thiên học gồm những người như bà H.B. Blavatsky, đại tá H.S.Olcott, bà Annie Besant v.v...

Hiện nay phái Scientology, mà giáo chủ là L. Ron Hubbard, cũng chủ trương luân hồi.

Người khảo sát về luân hồi, nổi tiếng quốc tế hiện nay là Bác Sĩ Ian Stevenson. Ông sinh tại Montréal, Canada ngày 31 tháng 10 năm 1918. Sau khi tốt nghiệp y khoa tại đại học McGill, ông chuyên về các bệnh tâm thần. Năm 1957 ông làm khoa trưởng khoa Thần kinh học và Tâm thần học tại Đại Học Virginia trong vòng 10 năm. Sau đó chuyên giảng về Tâm Thần học tại đó. Ông dần dần trở thành chuyên gia khảo về luân hồi. Hiện nay ông đã thu thập được hơn 1000 trường hợp luân hồi trên thế giới. Quyển sách Twenty Cases Suggestive of Reincarnation, của ông, xuất bản năm 1966, hiện nay được coi là một trong những quyển sách chứng minh về luân hồi đứng đắn nhất.

Joseph Head và S. L. Cranston từ khoảng 1960 cũng đã ra một loạt sách về luân hồi, mỗi quyển đều dày khoảng 5, 6 trăm trang. Tôi đã đọc qua 2 quyển của các ông nhan đề là:

Reincarnation, Causeway Books, New York 1967.

Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery, Julian Press New York, 1977.

Sách viết rất công phu; tài liệu hết sức phong phú.

Hiện nay, tại đại học Virginia, Khoa Siêu Tâm Lý Học (Department of Parapsychology) có tàng trữ tất cả các hồ sơ về luân hồi. Bác Sĩ Pratt báo cáo rằng tới tháng 7, năm 1974, viện đã có 1,339 hồ sơ luân hồi, trong đó Mỹ có 324 chuyện, Miến Điện có 139 chuyện, Ấn Độ có 135, Thổ Nhĩ Kỳ 114, Anh có 111.

[\[1\]](#)

Âu Mỹ hiện nay liên kết Luân Hồi mà họ gọi là Tái Sinh (Reincarnation) với Thuyết Tiền Kiếp (Pre-existence) của Plato. Họ cho rằng những trẻ thơ mới ba, bốn tuổi mà đã biết nhiều sinh ngữ, mà giỏi toán vượt mức, chính là vì chúng nhớ lại được (Reminiscence) những gì đã biết trong tiền kiếp. «Cái cảm giác như là đã từng thấy qua, nhìn qua một cảnh nào, một nơi nào.» (sentiment du déjà-vu; feelings of déjà-vu) cũng được cắt nghĩa bằng Tiền Kiếp. Tướng Patton, khi tới thành phố Langres, ở Pháp, một thành phố còn có nhiều cổ tích từ thời La Mã chiếm đóng xứ Gaul xưa, tùy viên quân sự người Pháp xin làm hướng đạo. Ông nói không cần, vì đã biết rõ khu này, mặc dầu ông tới đây lần đầu tiên. Tướng Patton xác tín rằng xưa kia ông đã từng theo chiến đoàn Corsar sang chiếm Pháp.[\[2\]](#) Song song với công trình khảo sát

về «Tái sinh» và «Đầu Thai», nhiều khoa học gia còn khảo sát xem sau khi xác đã chết, hồn có còn sống hay không. Có nhiều Bác sĩ, như bà Elizabeth Kubler–Ross, chỉ chuyên khảo về những người đã chết đi sống lại ở trong các bệnh viện. Quyển sách của bà, nhan đề là On Death and Dying, nổi tiếng thế giới, xuất bản năm 1969, đã chứng minh điều đó.

Chứng minh một cách hết sức vô tư và khoa học rằng hồn con người sau khi lìa xác có thể sống riêng rẽ, và hồn con người sau khi chết thực sự có đầu thai, các nhà khoa học ngày nay cố làm cho mọi người thấy rằng luân hồi là chuyện có thật. Nếu họ làm được chuyện này, thì trong một tương lai rất gần, phía trời Âu Mỹ sẽ có những chuyển mình hết sức là lớn lao.

Ngày nay, mặc dầu cả Công Giáo lẫn Tin Lành đều không dạy Tái Sinh, nhưng theo một cuộc thăm dò của Gallup Poll tổ chức trong 12 nước Âu Mỹ – là những nước mà đa số dân chúng theo Công Giáo hay Tin Lành – vào tháng 2, 1969, đã cho thấy kết quả như sau:

Tỉ số người tin có luân hồi:

- Áo (Austria): 20%.
- Gia Nã Đại: 26%.
- Pháp: 23%.
- Anh: 18%.
- Hi Lạp: 22%.
- Na Uy: 14%.
- Thụy Điển: 12%.
- Mỹ: 20%.
- Tây Đức: 25%.
- Hòa Lan (The Netherlands): 10%.

Chắc ngày nay thăm dò lại sẽ thấy đông đảo hơn, nhất là về phía giới trẻ. [\[3\]](#)

Sau đây, tôi sẽ bàn lần lượt về các đề mục sau:

1. Luân Hồi là gì.
2. Vấn đề Luân Hồi trong các tôn giáo, và lịch sử hoàn cầu.
3. Vấn đề Luân Hồi trước mắt một số danh nhân hiện đại.
4. Ít nhiều chuyện về Luân Hồi.
5. Đóng góp của tôi về Luân Hồi.

1. LUÂN HỒI LÀ GÌ?

Luân Hồi thường được hiểu là một sự chuyển kiếp từ kiếp này sang kiếp khác. Phật Giáo, Ấn Giáo hiểu Luân Hồi là sự chuyển kiếp. Nó được gắn liền với thuyết Nhân quả, Nghiệp quả. Luân Hồi chính là Samsara; Nghiệp quả chính là Karma. Theo Phật giáo, tùy nhân duyên mà con người sẽ luân hồi trong sáu cõi (Lục đạo) sau:

- Thiên
- Thần

- Người
- Súc sinh (súc vật, sâu bọ).
- Ngạ quỷ
- Địa ngục.

Ba cõi sau cũng còn được kêu là Tam đồ (ba con đường) (tam ác đạo):

- Cõi Súc sinh là Huyết đồ, vì dễ bị giết, bị ăn thịt.
- Ngạ quỷ là Đạo đồ, vì ma đói vừa bị đói khát, vừa bị hành hạ.
- Địa ngục là Hỏa đồ, vì hồn ở trong đó bị lửa thiêu đốt.

Hi Lạp xưa hiểu Luân Hồi cũng là chuyển kiếp như lối Á Đông và dùng chữ Metempsychosis để chỉ luân hồi (Metem: biến thiên. Psyche: Hồn), ý nói khi luân hồi, thì thể xác thay, mà hồn chẳng thay).

Âu Mỹ ngày nay, chấp nhận luân hồi, nhưng không chịu rằng người lại có thể đầu thai làm thú vật, nên họ thích chữ Reincarnation hơn, vì Reincarnation là «Tái nhập xác». Đôi khi còn thấy dùng những chữ như Palingenesis: Tái sinh; hay Transmigration: chuyển kiếp.

Vì nói đến Luân Hồi là nói tới Kiếp trước, Kiếp sau, nên những chữ như Pre-existence (tiền kiếp, tiền thân) cũng ám chỉ luân hồi.

– Vòng Luân Hồi vì biến thiên nên cũng được gọi là Vòng biến thiên, hay Vòng Dịch (Wheel of change).

– Nó lệ thuộc vào thời gian nên cũng được gọi là Bánh xe Thời gian hay Vòng Thời gian (Wheel of Time).

– Chúng sinh bám trên vòng đó, chịu định luật nhân quả, nên Vòng Luân Hồi còn được gọi là Vòng Nhân Duyên (Wheel of Causation), hay Vòng Số Mệnh (Wheel of Fortune).

– Hi Lạp, nhất là môn phái Orpheus còn gọi Vòng Luân Hồi là Vòng Thai sinh (Wheel of Birth). Thánh Thư thánh James có đề cập đến vòng Thai sinh.

(Trong bản Thánh Thư James (James 3:6), Vulgata đã dùng chữ Rotam nativitatis nostrae, còn Linh Mục Nguyễn Thế Thuấn, trong bản dịch Kinh Thánh của ông, ông đã dùng ngay chữ Vòng Luân Hồi).

Người xưa khi lấy bánh xe tượng trưng cho vòng Luân Hồi còn có một vi ý hết sức là sâu sắc.

Thực vậy Bánh Xe có hai phần:

1. Vòng bánh bên ngoài luôn luôn quay tròn, thăng trầm, biến hóa, cho nên tượng trưng cho Luân Hồi.
2. Trục chính giữa vành xe, không biến thiên, nên tượng trưng cho hằng cửu, cho Giải thoát.

Tu mà vào được giữa trục biến thiên sẽ trở thành Chuyển Luân Pháp Vương...

Ta sẽ trở lại vấn đề này sau.

Thuyết Luân Hồi gắn liền với Thuyết Nghiệp quả (Karma)

Đại khái rằng ở đời nếu ta hành động hay sẽ được kết quả hay; hành động dở sẽ gặp kết quả dở. Kiếp này không thấy, kiếp sau sẽ thấy ứng nghiệm.

2. VẤN ĐỀ LUÂN HỒI TRONG CÁC TÔN GIÁO VÀ LỊCH SỬ HOÀN CẦU

Khảo các đạo giáo cổ kim, và lịch sử nhân quần, thì thấy vấn đề Luân Hồi dân nào cũng tin, thời nào

cũng có.

Các sắc dân bán khai ở Phi, ở Úc, ở các quần đảo Thái Bình Dương, những người Da Đỏ ở Mỹ, các bộ lạc xưa ở Âu Châu như bộ tộc Celts, Teutonics, Letts, hay Lombards đều tin có Luân Hồi.

Người dân đảo Okinawa chẳng hạn tin rằng sau khi chết đi, vong hồn người quá cố lẩn quẩn ở trong nhà 49 ngày. Sau đó sẽ xuống âm Ti, Địa Phủ, và trong vòng 7 đời, tức là trong vòng từ 1 đến 210 năm sau sẽ đầu thai lại. Nhưng cũng có những người sẽ ở lại Địa Phủ không đi đầu thai. [4]

Dân Aztecs ở Mỹ Tây Cơ xưa, khi gặp những người Tây Ban Nha sang chiếm nước, cứ tưởng là những vị thần xưa tái thế để đòi lại đất đai, chính vì vậy mà sinh nản chí, chịu đầu hàng mau chóng.

Trong Hồi Giáo cũng có nhiều người tin vào luân hồi. Họ tin rằng:

- Thỉnh thoảng lại có thần thánh giáng phàm. Họ gọi hiện tượng này là Hulul.
- Các bậc lãnh đạo tinh thần cũng có thể tái sinh (Rij'at).
- Người thường sẽ đầu thai lại (Tanasukh).

Trong Kinh Koran cũng có nhiều đoạn ám chỉ đến Luân Hồi (Koran, đoạn 8– Sura Iraf– Meccan các câu 6– 6– 13. Chương 25– Sura Zakhraf– Meccan, câu 5– 10– 60. Chương 14 – Sura Nahel– câu 2– 12– 80).

Tôi thích nhất câu này: «Bạn đã chết, và Ngài đã cho bạn sống lại. Ngài sẽ làm cho bạn chết đi, và sẽ lại cho tái sinh, và lúc chung cuộc sẽ gom bạn về với Ngài.» (Sura 1:28).

Nơi đây tôi không bàn nhiều về Luân Hồi trong đạo Bà La Môn và Phật giáo. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điểm hết sức quan trọng này là sau khi đọc kỹ kinh sách của Bà La Môn như Upanishads, Bhagavah Gita, và Phật Giáo Tiểu thừa như Pháp Cú, và các bộ kinh Đại Thừa như Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, và sách vở do các đại Thiền sư viết, tôi toát lược mấy điểm trọng yếu sau:

- Phải phân biệt Đại Ngã và Tiểu Ngã.
- Đại Ngã thời thường hằng, siêu xuất sinh tử.
- Tiểu Ngã thời lẩn quẩn trong vòng luân hồi.

– Bao lâu chúng sinh còn ôm ấp cái vọng tâm, vọng ngã, cái tiểu ngã biến thiên, sinh tử của mình, thì bấy lâu còn phải luân hồi.

Luân hồi để học dần cho ra bài học Đại Ngã, để biết diệt tiểu ngã mà trở về với Đại Ngã.

Bà La Môn gọi Đại Ngã là Atman. Phật giáo gọi Đại Ngã là Bản lai diện mục hay Pháp tính Chân Như.

Nhiều người theo đạo Phật chỉ biết được cái Vô Thường, Vô Ngã, cái Sinh Tử, Biến thiên, mà không biết được bốn chữ THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, thật uống phí thay.

Bà Rhys Davids, một học giả lỗi lạc về Tiểu Thừa, và thông thạo tiếng Pali, đã chứng minh rằng đức Phật không bao giờ dạy rằng Chân Ngã, là hư ảo; hay Atman là hư ảo, mà chỉ dạy rằng không thể tìm thấy được Chân Thường hằng cửu, hay Chân tâm Chân Ngã, trong cái thân phiền diện, kết cấu bởi Tứ Đại giả hợp; trong cái phàm tâm kết cấu bởi ngũ uẩn.

Bà Rhys Davids và ông Humphreys đã chứng minh rằng trong Tạng Kinh viết bằng tiếng Pali, nhất là Pháp Cú Kinh (Dhammapada), Đức Phật đã dạy con người có 2 thứ Ngã: Đại Ngã và Tiểu Ngã, và không hề dạy rằng Đại Ngã hay A man là hư ảo. Bà Rhys Davids và ông Humphreys cho rằng thuyết An– atta (không có Ngã = Not–Self) là do một sự hiểu lầm của nhiều người theo Tiểu Thừa (Theravada). [5]

Đại thiền sư Nhật bản là Bassui Tokusho (1327– 1387) đã bàn về Luân Hồi và Giải Thoát như sau:

«Nếu bạn muốn thoát vòng sinh tử luân hồi, bạn phải biết con đường thành Phật thẳng nhất, ngắn nhất.

«Mà con đường ấy không ngoài sự thực hiện được Bản Tâm mình. Bản Tâm hay Chân Tâm của mình, chính là Bản thể chân thực của quần sinh, có từ trước khi cha mẹ sinh ra ta, và luôn luôn, hiện hữu, trường tồn. Đó chính là BẢN LAI DIỆN MỤC của chúng ta... Cái Bản Lai Diện Mục ấy, khi chúng ta sinh ra, chẳng có phải tạo ra thêm; sau khi ta chết đi, nó vẫn còn y nguyên đó. Nó không có nam, có nữ; nó siêu xuất trên thiện ác. Không một cái gì có thể so sánh được với Nó, vì thế Nó được gọi là Phật tính...» [6]

Tất cả Upanishads, Bhagavad Gita của Bà La Môn giáo, bằng cách này hay cách nọ, cũng chỉ dạy có MỘT CHÂN LÝ VĨNH CỬU ĐÓ. Nghĩa là nếu ôm ấp cái tiểu ngã mình, thì luân hồi muôn kiếp... Nếu nhận ra Đại Ngã, ra Atman, nếu rũ bỏ được vọng tâm vọng niệm, nếu kết hợp nhất như được với Đại Ngã, đó là Giải thoát. Đọc các Thánh Thư Ấn Giáo nói trên, mà có những tư tưởng trên đây dẫn đạo, thì sẽ thấy toàn bộ kinh sáng láng như ánh dương quang. Nếu không, sẽ như đi lạc trong một đêm ba mươi, đã không trăng sao, lại còn vân vũ mù mịt.

Giữa lòng biến thiên của cuộc đời tang thương vân cầu, giữa những trận cuồng phong ác vũ của hồng trần, người thấu thị luôn luôn nhìn thấy Đại Ngã sáng chói trong lòng mình, nhờ vậy mà sẽ được hạnh phúc, sẽ được bình an, sẽ được giải thoát.

Mới hay:

Toàn Tri bất diệt, bất sinh,
Không nơi, không chốn; quần sinh khác vời.
Ngoài vòng sinh tử, thành thời,
Xác thân dẫu nát, Ngài thời vẫn nguyên.
Nhỏ thì nhỏ nhít thua kim,
Lớn thời vũ trụ muôn miền vẫn thua.
Ẩn trong tâm khảm, lặng tờ,
Trong lòng muôn vật, mờ mờ ẩn thân.
Thấy Ngài, phải dụng mắt thần,
Mắt thần vừa mở, Chân Thần hiển dương.
Thấy Ngài bất biến trường tồn,
Không hình, không ảnh trong muôn hình hài,
Ai mà biết thế mới tài,
Thoát vòng sinh tử, muôn đời trường sinh... [7]

Tóm lại bao lâu, con người nghĩ mình sống tách rời Chân Thể, Đại Thể, bấy lâu sẽ còn luân hồi. Bao giờ thấy mình với Đại Ngã, Đại Thể là một, sẽ siêu thoát. [8]

Đạo Lão cũng có cái nhìn y thức như vậy. Khẩu quyết đăc Đạo, thoát Luân Hồi đã được ghi trong quyển Thái Thượng Bảo Phiệt như sau:

«Tâm dữ Đạo hợp, tắc tạo Bồng Lai, Tam Đảo,
Tâm dữ Đạo ly, tắc tạo lục đạo tam đồ.»

Dịch:

Lòng Người hợp với Lòng Trời,
Bồng Lai, Tam Đảo tức thời hiện ra,
Lòng người lòng Đạo lia xa,
Tam đồ, lục đạo phơi pha, khổn nân.

Đạo Cao Đài cũng hoàn toàn tin có luân hồi.

Về phía Công giáo, thì ta có thể nói chắc chắn rằng từ Công đồng Constantinople họp vào năm 543 trở đi, thì Giáo hội nghiêm cấm không cho tin có luân hồi. Ai tin như vậy sẽ bị vạ tuyệt thông. Trước đó hơn ba trăm năm có Giáo phụ lừng danh là Origen (A.D. c. 185– c. 254) đã chủ xướng luân hồi, nhưng Công đồng Constantinople khi họp cũng phi bác thuyết trên của Giáo phụ. Sau này qua nhiều thế kỷ, vì sợ những hình phạt kinh khủng mà các Tòa Hình Án (Inquisitions) dành cho những giáo dân dám suy nghĩ khác với những điều Giáo hội dạy, nên không còn ai dám chủ trương Luân Hồi và do đó thuyết Luân Hồi hầu như bị tiêu diệt tại Âu Châu cho đến thế kỷ 19.

Ngay bây giờ, người Công giáo bắt buộc vẫn phải tin rằng con người chỉ sống có một kiếp. Sau đó sẽ lên thiên đàng lĩnh thưởng, hoặc xuống địa ngục chịu phạt đời đời kiếp kiếp. Ngoài ra Công giáo còn dạy tin có Luyện ngục, một nơi đền tội tạm thời, trước khi lên Thiên Đàng. Đến ngày tận thế, xác loài người đều sẽ sống lại, hợp với hồn để lên trời lĩnh thưởng hay xuống địa ngục chịu phạt đời đời.

Các học giả ngày nay khi so sánh hai cái nhìn về lai sinh, một của Công Giáo, một của Ấn Giáo, Phật giáo nói trên, thì đều có nhận định rằng:

Thuyết Luân hồi nghiệp báo, dù sao cũng công bằng hơn, từ bi hơn, hữu lý hơn.

Ngày nay nhiều người thấy khó chấp nhận rằng con người có thể bị đốt trong lửa hỏa ngục đời đời, vì tội mình làm nơi gian trần này, nhất là khi bị ghép là đã phạm trọng tội, nhưng thực ra chỉ là khinh lỗi.

Ta hãy tưởng tượng một người phạm một lỗi lầm hết sức nhỏ mọn, như ăn một miếng thịt ngày Thứ sáu, hay bỏ không đi xem lễ ngày Chủ nhật, vì lười biếng chẳng hạn, rồi nhờ bất ưng chết đi, không kịp ăn năn thống hối, mà phải xuống hỏa ngục chịu phạt đời đời, thì thật là phi lý. Rồi ta lại tưởng tượng một tên gian ác, giết vô số mạng người, trước khi lên ghế điện, được linh mục hay mục sư đến giải tội cho; hẳn thật lòng thống hối, và thề quyết không giết người nữa. Chịu tử hình xong, chàng ta có rất nhiều hi vọng lên thiên đàng hưởng phúc đời đời. Và còn trăm nghìn trường hợp lỗi thôi, «tréo cẳng ngỗng» như vậy. Tất cả những thực tế phũ phàng ấy không thể nào thích hợp với quan niệm Chúa tử bi vô cùng, công bằng vô cùng được.

Các triết gia lớn như Origen, như các tác giả Dịch Kinh đều cho rằng «Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy», nghĩa là tới lúc chung cuộc, tất cả sẽ nhập vào lại Bản Thể của trời đất, vào Thái Cực.

Lão tử cũng viết:

Phù vật vân vân,	夫物芸芸
Các qui kỳ căn.	各歸其根
Qui căn viết tĩnh,	歸根曰靜
Tĩnh viết phục mệnh,	靜曰復命
Phục mệnh viết thường.	復命曰常

(Đạo đức kinh, chương 16).

Dịch:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.

Hiện tượng ấy được gọi là Apocatastasis, hay Restitution of all things. Luke có nhắc tới quan niệm này trong Actes 2:21, nhưng ngày nay không còn mấy ai hiểu được vấn đề này. Ngược lại, nếu theo đúng như chủ trương của Giáo hội, thì lúc tận thế vẫn còn có hằng triệu tỉ người bị phạt đời đời trong hỏa ngục. Nếu đúng vậy, thì thực là một sự ô danh muôn đời cho Chúa, một đấng thông minh vô cùng, toàn năng vô cùng, lân tuất vô cùng, và cho thấy Ngài đã hoàn toàn thất bại trong công trình đại tạo của Ngài...

Ông David Lloyd George (1863– 1945) viết trong nhật ký của ông, đề ngày 3, tháng 9, 1919, một đoạn rất là dí dỏm như sau:

«Khi còn tằm bé, mỗi khi nghĩ tới thiên đàng, tôi lại sợ hơn khi nghĩ tới hỏa ngục. Tôi tưởng tượng Thiên đàng, là một nơi có những ngày Chủ Nhật vô tận, và những lễ vô tận, mà ai cũng phải dự, không cách nào trốn thoát, bởi vì Chúa Toàn năng, và các đạo binh thiên thần của Ngài luôn để ý xem có ai trốn ra ngoài không. Thật là một cơn ác mộng. Cái trời qui ước với các thiên thần luôn luôn ca hát v.v... làm tôi tưởng chừng phát điên lên, và làm tôi trở thành vô thần mất 10 năm. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ đầu thai... và lai sinh, chúng ta sẽ sướng hay khổ tùy theo hành động của ta ở đời này. Ví dụ, một người chủ chuyên làm cho thợ toát mồ hôi, thì sau sẽ bị sợ toát mồ hôi.» [\[9\]](#)

Có một điều lạ là nếu ta đọc Phúc âm một cách vô tư, thì ta thấy chính Chúa Jesus cũng tin có Luân Hồi vì Ngài tuyên bố rằng John the Baptist, đấng Tiền Hô Ngài, chính là Elijah tái sinh. (Mat. 17:9– 13. Mat. 11:7, 10– 11, 14– 15).

Các Tông đồ cũng cho biết rằng dân chúng tưởng Chúa Jesus là John the Baptist, hay Elias, hay Jeremias, hay một tiên tri khác. (Mat. 16:13– 14).

Chữ «Vòng Luân Hồi» (Vòng sinh của Orpheus) cũng đã thấy nhắc đến trong Thánh Thư James. Linh Mục Nguyễn Thế Thuấn khi dịch đoạn này cũng đã dùng trúng chữ: BÁNH XE LUÂN HỒI (James 3:6). (Xem KINH THÁNH, Nguyễn Thế Thuấn dịch).

Bản VULGATA dùng chữ ROTAM NATIVITATIS NOSTRAE. Đó chính là chữ mà xưa Môn Phái Orpheus, Hi Lạp dùng để chỉ vòng Luân Hồi.

Nhiều bản dịch Anh, Pháp có ý dịch tránh đi.

Holy Bible (Red Letter edition) dịch: The Course of Nature.

Bible de Jerusalem dịch: le Cycle de la création và chú thêm rằng Vulgate dịch là LE CYCLE DE NOTRE EXISTENCE.

Nếu dùng đúng chữ như Bible de Jerusalem đã chú, thì LE CYCLE DE NOTRE EXISTENCE chẳng phải là Vòng Luân Hồi thì là cái gì?

Chúng ta sẽ hết sức thiếu sót, nếu khi ta bàn về Luân Hồi, mà không nhắc đến những tên các đại triết gia, hay các danh nhân, danh sĩ sau đây:

– Các triết gia Hi Lạp: Pythagoras (583–507 B.C.); Heraclitus Ephesus (c. 540–480 B.C.); Socrates (469?– 399 B.C.); Plato (427?–347 B.C.); Aristotle (384–322)...

- Các triết gia, văn gia La Mã: Cicero (106–43 B.C.); Vergil (70– 19 B.C.); Ovid (43 B.C. – A.D. 17)...
- Các triết gia thuộc môn phái Tân Bá Lạp Đồ (Neoplatonists): Plotinus (A.D. 205–270); Porphyry (A.D. 233– c. 304); Iamblichus (A.D. c. 250– c. 330); Macrobius (thế kỷ 4– 5)...
- Danh nhân, danh sĩ thuộc phái Gnosticism: Basilide; Valentinus; Marcion...
- Các danh nhân thời Trung cổ: Leonardo da Vinci (1452–1519); Paracelsus (1493–1541); Giordano Bruno (1548–1600); Leibniz (1646–1716)...
- Danh nhân danh sĩ Hồi giáo: Mansur Al-Hallaj (thế kỷ thứ 10); Jalalu L-Din Rumi (1207–1273)...
- Danh nhân danh sĩ thuộc môn phái Kabala (Mật tông Do Thái): Rabbi Isaac Luria (1534–1572); Rabbi Manasseh Ben Israel (1604–1657)...
- Các danh nhân thế kỷ 18: Voltaire (1694–1778); Benjamin Franklin (1706–1790); Immanuel Kant (1712– 1786)...
- Các danh nhân thế kỷ 19: J. W. Von Goethe (1749–1832); William Blake (1757–1827); Napoleon Bonaparte (1769–1821); G. W. F. Hegel (1770–1831); Arthur Schopenhauer (1788–1860); Honoré de Balzac (1799–1850); Victor Hugo (1802–1885)...
- Nhóm Transcendentalists Mỹ: Charles C. Emerson (1808–1836); Henri David Thoreau; (1817–1862); Walt Whitman (1819–1892); Edgar Allan Poe (1809–1849)...
- Nhóm Thông Thiên (Theosophists): Bà H.B. Blavatsky (1831–91); Henry Steel Olcott (1830–1907); Annie Besant (1847–1933)...
- Các danh nhân thế kỷ 20 như: William James (1842–1950); Carl G. Jung (1875–1961); Thomas Edison (1847–1931)...

Ấy là tôi chỉ mới kể sơ phác, và cho một danh sách tối thiểu. Mời hay: Tiên thánh, hậu thánh kỳ quái nhất đã (Mạnh tử)...

Quý vị nào muốn tìm kiếm thêm xem các bậc tiền bối kể trên đã nói gì nghĩ gì về Luân Hồi, xin đọc cuốn Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery của Joseph Head và S.L. Cranston.

Thần học gia Công Giáo Hans Kung, tác giả quyển Le Christianisme et les Religions du Monde, (Editions du Seuil, Paris 1984), đã nhận định về vấn đề Luân Hồi đại khái như sau:

«Vấn đề này thường không được các nhà thần học Thiên Chúa Giáo coi trọng. Sống hơn một kiếp – Tái sinh (reincarnation), hay Luân hồi (metempsychosis) – phải chăng đó là những tư tưởng kỳ quặc, ngộ nghĩnh; hay chẳng qua là mê tín dị đoan có thể thôi? Phán đoán như vậy, người ta đã quên mất hai điều:

1. Người Ấn Độ không phải là dân duy nhất tin vào luân hồi, mà từ nhiều ngàn năm nay, một phần lớn nhân loại cũng đã tin như họ.

Không phải chỉ có vô số những dân tộc cổ sơ, những dân tin vào vật hồn (animism) hay vật tổ (totemism) mới tin có luân hồi. Mà còn tin có luân hồi 600 triệu dân Ấn, 300 triệu Phật tử ở Trung Hoa, Nhật Bản và Đông Nam Á. Có thể niềm tin ngưỡng của AẤn Độ nói trên về Luân Hồi đã ảnh hưởng sang tới Hi Lạp, và Tiểu Á. Nhưng có điều chắc chắn là từ thế kỷ thứ sáu trước kỷ nguyên, Pherecydes of Syros là người đầu tiên đã truyền bá thuyết luân hồi tại Âu Châu, và sau đó môn phái Orpheus cũng chủ trương như vậy. Rồi đến Pythagoras, Empedocles, Plato, Plotinus, những triết gia thuộc phái Neo- Platonism, và những thi sĩ La Mã như Vergil. Ảnh hưởng của họ lan rộng cho tới những người thuộc môn phái Gnosticism, Manicheism, và giáo phái Cathari thời Trung Cổ sau này..

2. Ở Âu Châu và Hoa Kỳ, ngày nay, rất nhiều người tin có luân hồi: Trước hết là những người tin vào thần linh, thần bí (spiritualists, spiritists); sau đó còn có những người theo Thông Thiên của bà Blavatsky và Annie Besant; những người theo phái Nhân Linh Học (anthroposophy) của Rudolf Steiner. Họ còn nại ra vô số các văn gia, triết gia người Đức cũng chủ trương như họ. Đó là Kant, Lessing, Lichtenberg, Lavater, Herder, Goethe và Schopenhauer... Có lẽ nào mà chúng ta không thấy rằng nhiều người âu Châu đã nhờ tin vào thuyết luân hồi, mà lòng bớt trống rỗng... Cho nên thay vì gán ghép cho Thuyết Luân Hồi chiêu đề mê tín dị đoan, tưởng cũng nên cân nhắc trọng khinh lại cho đứng đắn...» (Xem sách trích dẫn, tr. 319–321).

3. VẤN ĐỀ LUÂN HỒI TRƯỚC MẮT MỘT SỐ DANH NHÂN HIỆN ĐẠI

– Henri Ford (1863–1947) đã trả lời như sau trong một cuộc phỏng vấn: «Tôi chấp nhận thuyết luân hồi năm tôi 26 tuổi... Làm công kia việc nọ cũng vô nghĩa, nếu ta không dùng được kinh nghiệm của ta trong kiếp này cho kiếp sau. Khi tôi tìm ra được thuyết Luân Hồi, tôi như tìm ra được một chương trình tổng quát. Tôi thấy tôi có cơ hội để thực hành ý nghĩ tôi. Thời gian không còn bị giới hạn. Tôi không còn là nô lệ của những cây kim đồng hồ... Thiên tài là do kinh nghiệm... Tìm ra được Luân hồi làm tôi thành thơi, thoải mái. Nếu bạn ghi lại cuộc đàm thoại này, thì xin hãy viết ra để người khác cũng thấy thoải mái. Tôi muốn chia sẻ cùng người khác sự thanh thản khi nhận ra rằng chúng ta có thể có những thời gian dài để mà sống... (Libro citato, p. 355–356).

– Albert Schweitzer (1875–1965) vừa là bác sĩ, vừa là mục sư, vừa là nhạc sĩ. Năm 1959 được mời sang Mỹ công du. Khi cập bến, ông cúi đầu chào mọi người, và dùng tiếng Pháp, tuyên bố với những người ra đón mừng ông như sau: «Thưa quý Bà, quý ông, khi còn trẻ tôi thật là ngu. Tôi đã học tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng La Tinh, tiếng Hi Lạp, tiếng Do Thái, nhưng không học tiếng Anh. Kiếp sau, tôi sẽ chọn tiếng Anh là tiếng ưu tiên nhất.» (libro citato, tr. 182.)

– Ông Wincenty Lutoslaski đã viết trong quyển sách ông nhan đề Tiền kiếp và Tái sinh (Pre-existence and Reincarnation), như sau:

Nếu ai muốn biết thái độ của Giáo Hội La Mã với vấn đề tái sinh ra sao xin hãy đọc quyển sách nhan đề: Monsignor Arcivescovo L. Puecher Passavalli, (tác giả là Attilio Begey e Allessandro Favero). Tác giả cho thấy rằng sau khi khảo sát đời sống và đọc các thư tín của Đức Tổng Giám Mục nói trên đã cho thấy Ngài bắt đầu tin có luân hồi năm Ngài 64 tuổi, sau khi đã nghe các môn đệ của một nhà thầu thị Ba Lan là ông Towianski thuyết giảng cho nghe về Tiền kiếp và Tái sinh. Đức Tổng Giám Mục cho rằng thuyết luân hồi không trái với lời giảng giáo của Giáo hội, và không bị Giáo Hội cấm đoán. Ngài sống tới 77 tuổi, và tin chắc rằng ngài đã sống nhiều kiếp ở trần gian, và sẽ còn tái sinh lại. (Ngài làm tổng giám mục cho tới khi chết.) (libro citato, p. 179).

– Đức Dalai Lama thứ 14 (1935–), tức Đức Phật sống Tây Tạng hiện thời cho rằng Luân hồi sẽ sinh ra tình bác ái phổ quát, vì mọi người sẽ nhận ra rằng chẳng kiếp này thì kiếp khác đã từng là bà con, họ hàng với nhau... (libro citato, tr.100).

Thực ra đó cũng là tư tưởng hay...

– Gandhi nói: «Sau khi đã quãng gươm đi, tôi chỉ còn có chén tình thương để tặng cho những người chống đối tôi. Tặng cho họ chén tình thương, tôi sẽ khiến họ thân cận với tôi. Tôi không nghĩ rằng con người mãi mãi sẽ là thù địch với nhau. Và vì tôi tin vào thuyết luân hồi, nên hi vọng rằng trong lai sinh, tái kiếp, tôi sẽ có thể ôm ấp nhân quần vào trong vòng tay thân hữu của tôi.» (libro citato, p. 476).

Thực là lời lẽ của một thánh nhân!

– Đại tướng Mỹ George S. Patton rất tin có luân hồi. Ông cho rằng mình đã từ nhiều kiếp là một võ tướng, đã từng dự trận chiến ở thành Troy Hi Lạp, đã phục vụ trong chiến đoàn của Coesar, đã đánh nhau với Hung Nô, đã theo đoàn quân thánh chiến sang Đất Thánh, đã đánh nhau với phe Highland Scott để bảo vệ dòng họ Stuart... Năm 1944, ông làm bài thơ sau:

So as through a glass and darkly,
The age-long strife I see
Where I fought in many guises
Many names – but always me.
So forever in the future,
Shall I battle as of yore,
Dying to be born a fighter,
But to die again once more.

(Daniel Cohen, The Mysteries of Reincarnation, Dodd, Mead & Co, New York, 1975, p. 6– 7)

Dịch:

Mờ mờ qua kính, qua gương,
Thấy mình chiến đấu, nhiều nhưng dài dài.
Thân này, xác nọ pha phôi,
Tên tuy có đổi, nhưng "TÔI" vẫn này.
Lai sinh, hậu kiếp bao nài,
Vẫn TÔI chiến đấu như thời xa xưa.
Thác đi, sống lại tha hồ,
Vẫn đời chiến sĩ như giờ khác chi...

4. ÍT NHIỀU MẪU CHUYỆN VỀ LUÂN HỒI

Nếu ta có ý đi thu thập các chuyện về luân hồi, đầu thai, chuyển kiếp trong các tiểu thuyết xưa nay, trong các báo chí, trong các chuyện truyền tụng trong dân gian, ta sẽ có vô số là chuyện.

Các nhà khoa học ngày nay cho biết nhiều chuyện về luân hồi, về tiền kiếp hậu thân, hoặc là do đương sự tự nhiên kể lại, nhớ lại hay kể lại khi bị thôi miên.

Nếu chỉ kể xong rồi chấp nhận thì không có gì là hay, nhưng các nhà khoa học lập tức đi điều tra, hoặc đi tìm nhân chứng, hoặc đi tra lại các sổ sách, hay các sách vở. Có những chuyện rất lạ lùng như là những người, khi bị thôi miên sau khi nhớ lại tiền kiếp của mình còn nói được trôi chảy những ngoại ngữ mà khi tỉnh, đương sự không hề biết.

Muốn sưu tầm những chuyện trên, ngày nay không phải là chuyện khó.

Trong quyển Have you lived before của Linda Atkinson, Dodd, Mead & Company, New York 1981, có ghi 5 chuyện.

Trong quyển Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery, của Joseph Head và S. L. Cranston có thuật

15 chuyện.

Trong quyển The Mysteries of Reincarnation Daniel Cohen, Dodd Mead & Co New York, có ghi 5 chuyện.

Trong quyển Twenty Cases Suggestive of Reincarnations, có ghi 20 chuyện.

Từ khi tôi còn bé, đọc Chinh Tây, tôi đã thấy chuyện Dương Phàm, chồng hụt của Phàn Lê Huê, đã đầu thai làm Tiết Cương để báo thù họ Tiết. Tôi cũng còn nhớ đã đọc một chuyện nhan đề là Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Lúc ấy tôi đã thấy thích thú.

Sau đây, tôi chỉ sao chép lại một vài chuyện để mua vui.

1. Chuyện một phụ nữ Anh, năm 1961, kể lại tiền kiếp là một người theo Giáo phái Cathars thế kỷ XIII tại miền Nam nước Pháp, thế kỷ 13.

Bác sĩ Arthur Guirdham năm 1961, có chữa một phụ nữ 36 tuổi, chuyên môn bị ác mộng.

Ác mộng bắt đầu từ năm 12 tuổi. Năm 1961, bà ta đã có chồng, nhưng vẫn bị ác mộng thường xuyên như vậy. Bà luôn mơ thấy chém giết, và khi mơ bà thường la lớn, đến nỗi chồng bà lo rằng hàng xóm sẽ bị mất ngủ.

Vài tháng sau, bà ta viết lại những giấc mộng, và thuật lại những người đã gặp, những tên đã nghe, những thơ đã viết ra, khi mộng mị.

Bác sĩ Guirdham ngạc nhiên khi thấy những bài ca đã được viết là thứ tiếng Pháp thời Trung cổ xưa. Bác sĩ Guirdham viết thư hỏi một vị giáo sư linh mục, tên là Nellie ở Toulouse, thì được vị linh mục này cho biết rằng những chuyện mà đương sự kể lại có liên quan đến một giáo phái xưa gọi là Cathars hay Cathari ở Toulouse, Pháp thế kỷ XIII (giáo phái này đã bị Công Giáo dùng võ lực tiêu hủy).

Bà ta còn kể lại rằng bà ta đã bị Giáo hội Công giáo thiêu sinh, và trước đó đã bị cầm tù trong một hầm kín của một giáo đường. Năm 1967, Bác sĩ Guirdham, sang Toulouse để điều tra. Ông xin phép đọc các bản văn chép tay thế kỷ XIII, và thấy rằng những gì thân chủ ông kể lại rất là chính xác... Ông cũng đã tìm lại được trong các văn khố những bài hát đúng như thân chủ ông đã chép lại. Những hầm kín giam người, mới đầu tưởng là không có, sau mới thấy là có thật. Bà ta còn kể lại những lễ nghi, phẩm phục của giáo phái Cathars nói trên, và sau khi truy cứu, tất cả đều phù hợp.

Bác sĩ Guirdham cho rằng vụ này bắt buộc ông phải tin có Luân hồi. (Xem sách Reincarnation and the Phoenix Fire Mystery của Joseph Head và S. L. Cranston, tr. 398– 400.)

2. Chuyện nhạc sĩ tí hon Tom, con một nô lệ da đen, lại mù từ sơ sinh.

Ông Perry H. Oliver, một nông dân, thuộc quận Muscogee, Georgia có nô lệ là hai mẹ con người da đen. Đứa con nô lệ đó bị mù từ sơ sinh. Năm 1850, ông đem hai mẹ con nô lệ đó bán cho tướng James Bethune ở Columbus. Ông Bethune đem nô lệ nhỏ đó về trang trại, và đặt trên là Thomas Green Bethune. Tuy mù, nhưng Bethune rất thích nghe tiếng gió rì rào trong những ruộng ngô, và tiếng mưa trên trên những lá ngô. Năm Tom lên 4 tuổi, ông Bethune mua một đàn dương cầm cho các con gái ông. Các con gái ông sớm nhận định rằng mỗi khi chúng đàn, là mặt mày của nô lệ tí hon trở nên hớn hờ.

Một đêm, khi cả nhà đã đi ngủ, bỗng nghe tiếng đàn trong phòng vẽ. Ông Bethune xuống kiểm soát. Ông thấy phòng tối như mực, nhưng vẫn có tiếng đàn. Thắp đèn lên, ông thấy bé Tom đang say sưa đánh đàn.

Biết Tom có thiên tài, ông đón một nhạc sư về dạy Tom. Nhạc sư sau khi nghe Tom đánh đàn, liền thoái thác không dám nhận dạy, vì lẽ Tom chơi đàn còn trội hơn ông. Năm Tom lên 7, đã bắt đầu trình

diễn dương cầm ở Columbus, và được nhiệt liệt hoan hô. Năm 11, Tom đã là một nhạc sĩ trứ danh, đi trình diễn khắp nước Mỹ, và ngoại quốc. Tom chơi đủ các bài của Beethoven, Mendelssohn, Bach, Chopin... và thuộc lòng khoảng 5000 bản đàn. Cứ nghe đánh một bài mới, là Tom đánh lại được, không hề sai. Năm 1860, khi Tom trình diễn ở Washington D.C., nhiều người đòi thử tài Tom. Họ đánh cho Tom nghe hai bản đàn liền, một dài 15, một dài 20 trang. Nghe một lần xong, Tom đánh lại cả hai bài đúng như in. Một lần khác, nghe xong Third Concerto của Beethoven, Tom lập tức đánh lại. Có cái lạ là Tom chẳng những vừa mù, lại vừa si, chỉ biết được có khoảng 500 tiếng Anh. Tom chết tại Hoboken năm 1908. Cũng nên nhận định rằng, thoát chơi đàn, khi 4 tuổi, tuy không hề được ai dạy, Tom đã sử dụng được tất cả các phím đàn, từ phím đen đến phím trắng.

Chuyện này, nếu không chấp nhận tiền kiếp không sao hiểu được. (Xem sách đã trích dẫn, tr.409–411.)

Tôi có thể kể thêm vô số truyện khác, nhưng đó không phải là mục đích của tôi khi viết bài này.

5. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TÔI VỀ VẤN ĐỀ LUÂN HỒI

– Sự đóng góp của tôi chia làm mấy giai đoạn.

A. Trong giai đoạn đầu tiên, trong khi suy tư về sự sinh thành, biến hóa của vũ trụ quần sinh, tôi đã tự hỏi như sau:

1. Hỏi: Trời sinh ra vũ trụ quần sinh bằng các nào?

Thưa: Trời đã sinh ra muôn loài không phải bởi không, mà bằng cách phân hóa, phóng phát, tán phân chính bản thể mình.

2. Hỏi: Sinh hóa để làm gì?

Thưa: Đó chính là sự phát huy, sự biểu dương, sự hiển dương của Trời.

3. Hỏi: Bản thể thời vô biên, hiện tượng thời hữu hạn. Làm sao cho hữu hạn theo kịp được vô biên; thời gian theo được vĩnh cửu?

Thưa: Bằng cách biến hóa có chu kỳ liên tục kế tiếp nhau.

4. Hỏi: Nếu trời đất này cáo chung, thì quần sinh lúc ấy sẽ ra sao?

Thưa: Muôn loài sẽ thể nhập lại vào lòng Trời; muôn hiện tượng sẽ qui căn về Bản thể.

Tôi nhận định rằng: Nhân nào sinh Quả ấy. Nếu Trời là NHÂN, là NGUYÊN NHÂN vạn hữu, thì sau những chu kỳ biến hóa đa đoạn, rốt cuộc QUẢ Trời sẽ phải sinh lại.

Khi bàn về quế KIỀN, tôi đã viết:

Thóc gieo thành lúa, thành bông,

Tuần hoàn, thóc vẫn thủy chung là mình.

Trời dầu vạn trạng thiên hình,

Nhưng mà chung cuộc sự tình chẳng hai.

Người xưa nói: Thiên địa tuần hoàn, chung nhi phục thủy, chính là nhìn thấy rằng THỦY, CHUNG phải NHƯ NHẤT sau một chu kỳ biến hóa.

Âu Châu cũng có quan niệm này khi nói Alpha bằng Omega, hay khi dùng hình vẽ dưới đây:

$$\frac{\rho}{\alpha \Gamma \omega}$$

'Rho' 'Tau' có thể đọc thành Rota. Mà Rota có thể hiểu được là VÒNG BIẾN THIÊN, VÒNG DỊCH, hay là một CHU KỲ BIẾN HÓA. Hình ảnh trên gợi ý rằng: Sau một vòng biến hóa sẽ thấy Omega (Chung) chính là Alpha (Thủy) nguyên thủy.

Tư tưởng cho rằng «Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy», hay «Thủy chung như nhất»; hay «Nguyên thủy phản chung» của DỊCH (Hệ từ thượng IV) họa hoàn lắm mới có được một người bên trời Âu hưởng ứng. Origen (185– 251? hay 257?) một giáo phụ công giáo duy nhất đã dám nói rằng lúc chung cuộc biến hóa muôn loài sẽ trở lại nguyên trạng, tức là trở lại vào lòng Tạo hóa. Tiếc thay tư tưởng này đã bị Công giáo phi bác trong Công Đồng Constantinople năm 543.

Âu Châu gọi hiện tượng: «Chung nhi phục thủy» này là Apocatastasis, hay Re-establishment of all things. Môn phái Stoics của Hi Lạp và sau này Nietzsche cũng có chủ trương này. Trong Tân ước, ta thấy thánh Luke trong Công vụ sứ đồ 3: 21, cũng có đề cập đến quan niệm này, nhưng không ai để ý khai thác.

Vulgate ghi: tempora restitutionis omnium.

Holy Bible (Red letter edition) dịch: the times of restitution of all things.

Bible de Jerusalem dịch: temps de la restauration universelle.

Cũng nên ghi nhận rằng gần đây Linh Mục Teilhard de Chardin chủ trương con người sẽ tiến hóa tới điểm Omega, tức là sẽ trở thành Thần Chúa trong một tương lai còn xa lắc.

5. Hỏi: Tại sao lại có biết bao nhiêu điều như tuồng là đang dở, như tuồng là chệch mác bất toàn, trong vũ trụ này?

Thưa: Ta tưởng vậy, vì ta không nhìn được tấn tuồng đại tạo từ đầu đến cuối. Một vở kịch lớn diễn ra trong vòng bốn tiếng; ta vào giữa chừng xem trong vòng năm phút, rồi đi ra phê bình là quá dở. Như vậy là tại ta, không phải tại vở kịch.

Càng trông thấy bất toàn, khuyết điểm bao nhiêu, tôi càng tin chắc đó là vì chu kỳ biến hóa mới còn đang ở giữa chừng.

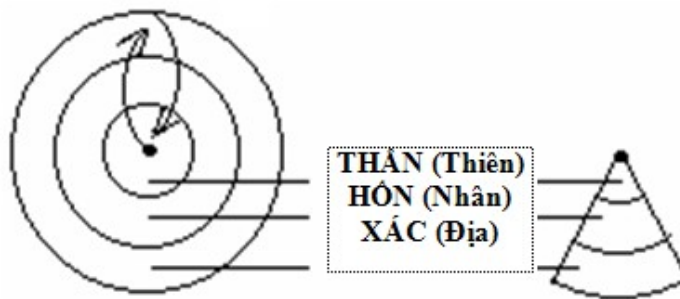
Nhìn vào chu kỳ biến hóa của nước, tôi thấy đầu hết, nước ở trên trời, trong vắt như ngọc thạch. Rồi nước thành mưa, sa xuống trần gian, chảy xuống sông, xuống biển, xuống cống, xuống rãnh. Trần hoàn tha hồ dùng nước, tha hồ làm cho nước ô uế. Nhưng có lúc nước lại bốc hơi lên để bay lại lên trời, tìm lại được cái bản tính trong trắng, khinh phiêu của mình.

Nhìn vào chu kỳ của ĐẠM KHÍ cũng vậy. Lúc mà thấy cây cối thối nát, rữa mục chính là chặng đường thấp nhất mà ĐẠM KHÍ phải băng qua trong chu kỳ biến hóa, để rồi ra mới trở lại được lại thể khinh thanh, thuần túy của nó.

Trong người có máu đỏ, máu đen. Đừng thấy máu đen, mà bảo rằng nó không thể hóa đỏ. Đừng thấy máu đỏ, mà bảo rằng nó không thể hóa máu đen.

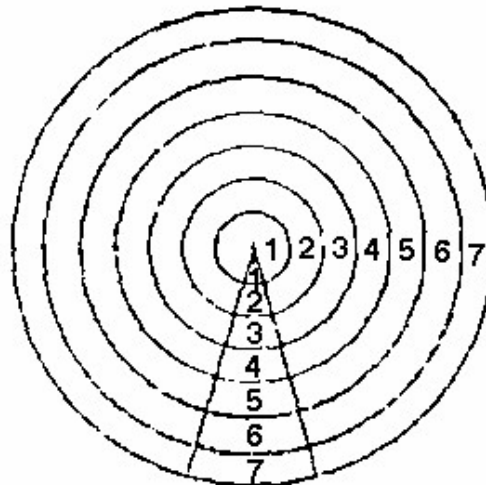
B. Khi khảo sát về Nho giáo, về Dịch, và tìm hiểu về con người tôi đã dùng:

– Ba vòng tròn đồng tâm: Vòng trong cùng là Thiên (Thần); vòng giữa là Nhân (Tâm, hay Hồn); vòng ngoài cùng là Địa (Xác). Đó là vì tôi dựa vào Thuyết Tam Tài. Từ đó tôi mới xác quyết rằng trong người có THẦN.



– Bảy vòng tròn đồng tâm tượng trưng cho:

- 1– Thần
- 2– Khí (phần hồn thanh)
- 3– Tâm (phần hồn trọc)
- 4– Trí
- 5– Xác
- 6– Gia đình, quốc gia, xã hội.
- 7– Ngoại cảnh, nghề nghiệp



Sau khi vẽ xong 7 vòng trên, tôi không còn quan niệm rằng con người chỉ là một sinh vật có hồn có xác, mà tôi định nghĩa rằng con người là **TẤT CẢ**. Trong tâm linh, thì trực tiếp với **THẦN LINH** nội tại, ngoài xác thân thì có thể liên lạc với và chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh, của quốc gia xã hội, và cả của các vì tinh tú cùng tít trên trời thăm.

Tôi nghĩ ra bảy vòng vì lẽ Dịch có Thái cực và 6 hào. Tôi dùng 7 vòng để cắt nghĩa các hiện tượng đạo giáo, gia đình, chính trị, quốc gia, xã hội, nghề nghiệp. Sau này tôi đã dùng bảy vòng tròn này để cắt nghĩa về **LUÂN HỒI**.

Mới đầu tôi chỉ dùng bảy vòng tròn để bao quát mọi hiện tượng của một con người trên mọi thần linh, tâm lý, ý thức, sinh lý, nội giới, ngoại giới v.v...

Ý tưởng dùng 7 vòng tròn để cắt nghĩa **LUÂN HỒI**, đến với tôi một cách hết sức bất ngờ, và lý thú.

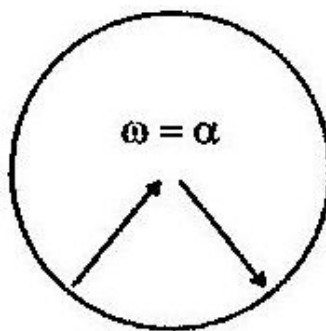
Năm 1961, khi mà quân đội Hoa Kỳ mới đem những đoàn trực thăng vào Việt Nam, khi mà tôi còn là y sĩ trưởng Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng, một hôm tôi được các đồng nghiệp Hoa Kỳ, đóng ở phi trường cạnh đó, mời sang xem sự hoạt động của đài radar mới thành lập.

Họ cho tôi vào xem trong đài quan sát radar. Tôi nhớ rằng trong phòng đó ngoài những tấm bản đồ quân sự lớn ra, còn có những màn ảnh trắng, trên có vẽ nhiều **VÒNG TRÒN ĐỒNG TÂM**, và có phân sẵn đông, tây, nam, bắc và Tâm Điểm.

Họ cắt nghĩa rằng **TÂM ĐIỂM** tượng trưng cho thành phố Đà Nẵng, là chính thành phố Đà Nẵng. Mỗi vòng tròn tượng trưng cho 1 khoảng cách Đà Nẵng ví dụ là 20 km. Hình ảnh các máy bay đều hiện ra trên màn ảnh. Và tùy theo hướng di động của máy bay, tùy theo máy bay đang ở trong vòng tròn nào, người quan sát sẽ biết máy bay đó hiện cách Đà Nẵng là bao nhiêu cây số, và đang ở hướng nào. Ví dụ như có một hình ảnh máy bay đang ở vòng tròn trong cùng gần tâm điểm, nhưng đang bay hướng ra ngoài, thì chắc máy bay đó sẽ rời xa Đà Nẵng dần dần. Ví dụ có một hình ảnh lạ, từ vòng ngoài cùng nghĩa là

khoảng 100 km cách Đà Nẵng, nhưng đang bay vào hướng Trung Tâm. Nếu xét ra không phải là máy bay nhà, mà là máy bay địch, thì lập tức phải báo động cho các cơ quan hữu trách để phòng bị, v.v...

Lúc ấy lập tức tôi nhìn thấy cơ chế của Luân Hồi. Tôi thấy rằng Thượng Đế ở trung cung, trung điểm của lòng mỗi một con người. Từng giây, từng phút, Ngài thấy con người đang hoạt động trên bình diện nào, đang chú tâm về vấn đề gì. Giả sử suốt ngày đêm, một con người nào đó chỉ lo về vấn đề cơm áo, vấn đề nghề nghiệp, tức là ở mãi vòng thứ bảy bên ngoài cùng, mà bảo rằng kẻ đó vào được nước trời, tức là vào được tâm điểm của vòng tròn trong cùng nhất, thì đó là một điều không thể xảy ra. Cho nên khi Chúa Jesus nói: «Người giàu có vào nước thiên đàng, thực khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim» (Luke 18:25; Mat.19:24; Marc 10:25), chính là vì lẽ đó.



Hình vẽ bảy vòng tròn, nếu được vẽ thêm hai mũi tên hướng ngoại, hướng nội, và nếu được hiểu là «TRẺ ĐI RA, GIÀ ĐI VÔ», ta sẽ hiểu ý nghĩa vòng DUYÊN NGHIỆP một cách khác. Thay vì coi luân hồi và nghiệp báo là sự «ân đền, oán trả» hết kiếp này qua kiếp khác, ta có thể quan niệm rằng đã sinh ra đời, ai cũng có bốn phận trở về với Đạo, với Trời, hợp nhất với Đạo với Trời, khác nhau chẳng là kẻ trước người sau; người nhanh kẻ chậm mà thôi.

Nếu ta nhìn thấy rõ các tầng lớp, các bình diện của con người chúng ta, nếu chúng ta biết rằng trở về với Đạo với Trời là đi sâu vào tâm điểm lòng ta, thì ta có thể về với Đạo với Trời trong phút giây. Nếu không được vậy, ta có thể vừa đi ra, vừa đi vô trong một kiếp người. Nếu ta không biết đường, biết phương hướng, ta có thể mất nhiều kiếp, hay trăm ngàn kiếp. Dẫu sao, ta chỉ có thể dừng chân khi về tới TRUNG ĐIỂM. Thế tức là «CHỈ Ứ CHỈ THIỆN» 止於至善 theo Nho giáo.

Ngoài mục đích chính yếu là trở về với Đạo với Trời, ta còn có nhiều bốn phận khác nữa. Nói cách khác ngoài bốn phận TIẾN HÓA tới TINH HOA HOÀN THIỆN, ta còn có bốn phận THÍCH ỨNG với HOÀN CẢNH.

Cho nên tôi hiểu DUYÊN NGHIỆP, NGHIỆP QUẢ là những bốn phận mà con người phải làm, những công trình mà con người cần thực hiện, những tấn tuồng mà con người cần phải đóng trên sân khấu đời và trên sân khấu vũ trụ. Và tôi hiểu LUÂN HỒI là những chặng đường mà tôi đang đi để về với Đạo với Trời.

Mỗi kiếp sống của tiểu ngã là một kiếp để ta tăng thêm hiểu biết, tăng thêm kinh nghiệm, để ta tiến gần thêm về phía Đại Ngã. Trời thực sự luôn luôn dẫn dắt muôn loài một cách hết sức tế nhị.

Suy tư về các kiếp khác nhau, mà con người phải trải qua để trở về lòng Đại thể vô biên tận, tôi thấy, tùy cao thấp mà mỗi kiếp cho chúng ta phương tiện nhiều hay ít, độ số sướng khổ nhiều hay ít, tuổi thọ cao hay thấp. Đây là tôi bàn chung, chứ không hạn hẹp nguyên vào một kiếp con người.

Chẳng hạn con vật thua con người, vì bộ óc chúng không mấy phát triển, và chúng không có một ngôn ngữ phong phú như chúng ta.

Chúng ta phải tâm niệm rằng trong bất kỳ kiếp sống nào, chúng ta sẽ không được ù lì, thụ động, mà phải phát huy các tài năng còn tiềm ẩn trong ta, để ngày một trở nên tinh tế, ngày một trở nên sống động,

khinh khoái, từ ái, khoan hòa, bao dung, quảng đại, và không bao giờ được đóng khung chúng ta vào một vai trò nào, một hoàn cảnh nào.

Nói cách khác, khi chúng ta đã cầm tấm bản đồ luân hồi và giải thoát trong tay, tấm bản đồ tiến hóa trong tay, chúng ta tha hồ chu du trong vũ trụ. Tuy nhiên, dẫu ở trong cảnh nào, dù sướng mấy đi chăng nữa, chúng ta cũng không thể vì MÊ CẢNH mà quên mục đích tối hậu của chúng ta, đó là HỢP NHẤT VỚI BẢN THỂ VŨ TRỤ BẤT BIẾN, TRƯỜNG TỒN, VÔ NGÃ, VÔ PHƯƠNG SỞ nhưng VÔ SỞ BẤT TẠI.

Chúng ta phải luôn luôn tâm niệm rằng bao lâu chúng ta còn sống xa lìa Đại Thể, bấy lâu chúng ta còn LUÂN HỒI.

Bao lâu chúng ta còn ở trong vòng hình, danh, sắc tướng, bấy lâu chúng ta còn luân hồi. Mà đối với các nhà thấu thị Á Đông, thì dẫu là đã vào hàng thượng tiên, thượng thánh, nếu chưa hợp nhất với Đại Ngã, với Bản Thể, thì cũng vẫn là còn ở trong vòng LUÂN HỒI...

Bao lâu còn sống trong vòng Âm Dương đối đãi, trong vòng không gian thời gian, bấy lâu còn luân hồi.

Trong khi ghi lại những tư tưởng của tôi đã có từ khoảng 1960, đồng thời trong những ngày gần đây đọc thêm ít sách nói về LUÂN HỒI, tôi thấy những tư tưởng của tôi kể trên, như đã được đồng vọng lại khắp nơi trên thế giới. Đó cũng là một sự yên ủi hết sức lớn lao.

Ví dụ, sách Zohar, một kỳ thư bí điển của mật tông Kabbalah Do Thái đã nhận định về LUÂN HỒI như sau:

«Mọi linh hồn đều phải trở về với Bản thể Tuyệt đối mà từ đó chúng đã phát sinh. Muốn đạt mục tiêu đó, chúng phải triển dương, phải thực hiện được sự hoàn thiện mà mầm mống đã được cấy sẵn trong chúng. Nếu chúng không thực hiện được trạng thái trên trong kiếp này, thì phải bắt đầu một kiếp khác, hay kiếp khác nữa, cứ như thế cho đến khi thực hiện được tình trạng HỢP NHẤT VỚI THIÊN CHÚA.» [\[10\]](#)

Nhà thần học Thiên Chúa Giáo Paul Tillich chẳng hạn cũng đã bàn về Luân Hồi, Niết Bàn như sau:

«Niết Bàn tượng trưng cho đời sống vĩnh cửu, và một đời sống tuyệt đối viên mãn, chứ không phải là một sự chết chóc, hủy diệt, hư vô. Đời sống Niết Bàn siêu xuất lên trên mọi phân biệt nhĩ, ngã; chủ, khách; nó là mọi sự vì không nhất định là cái gì...

«Nhưng muốn đạt tới Niết Bàn, cần phải kinh qua nhiều kiếp. Những kiếp này luân phiên nối tiếp nhau trên triền thời gian, và cũng có pha phách khổ đau, được coi như là những sự trừng phạt.

«Sau khi đã thoát được hết các kiếp sống lệ thuộc vào thời gian, đời sống vĩnh cửu mới bắt đầu. Cá thể siêu thắng thành Toàn thể. Một sự tái hồi NGUYÊN CĂN đã xảy ra...» [\[11\]](#)

Ông Huston Smith cũng nhận định về Luân Hồi và Giải Thoát một cách hết sức sâu sắc như sau:

«Chữ "Personality" ("cái tôi") là do chữ la tinh Persona (mặt nạ) mà ra. Người kịch sĩ đeo mặt nạ để bước vào sân khấu trình diễn vai trò mình đóng. Mặt nạ hóa trang như để nói lên cái vai trò diễn xuất, còn người thủ vai thì ẩn bên trong, như kẻ vô danh. Cái mặt nạ hóa trang ấy chính là "cái ta", "cái tôi" ta xưng khi đang đạo diễn vai trò nào đó trong tấn kịch vĩ đại của cuộc sống con người.

«Nhưng khổ nỗi là chúng ta đã quên mất không phân biệt Con Người Thực của chúng ta với những "cái tôi giả tạo" ta mang để đóng trò. Những cái tôi giả tạo ấy, như xống áo, sẽ được cởi ra khi đóng xong vở tuồng.

«Chúng ta đã bị hoàn toàn mê hoặc bởi cuộc sống hiện tiền, mà quên hết những vai trò đã đóng trong các vãng kiếp, cũng như không ngờ được những vai trò sẽ đóng trong các lai sinh. Chúng ta có bốn phận

phải sửa lại sự sai lầm đó. Con người phải biết hồi quang quán chiếu để nhìn thấu qua, và tiêu hủy vô số những lớp lang của các "cái tôi", các mặt nạ hóa trang tạm bợ, để rốt cuộc tìm lại được "con người chân thực, vô danh, rỗng ráo" ẩn nấp đằng sau.

«Trong chuyến lữ hành ấy, con người không bao giờ cô đơn, và lạc lõng. Từ trước đến sau, từ đầu đến cuối, Atman, cái Chân tâm, cái Cốt Lõi con người ấy, cái Thực Thể duy nhất ấy, lúc nào cũng như là một điểm Linh quang ẩn áo trong tâm khảm con người, đồng thời lại cũng vô biên, vô tận như một bầu trời vô hạn, bất khả phân và tuyệt đối.» [\[12\]](#)

Đã từ lâu tôi coi Luân Hồi, Giải Thoát như là một hệ luận tất nhiên của Thuyết «Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể», với chủ trương «Nhất tán vạn, vạn qui Nhất», mà trong vòng mấy chục năm nay tôi đã cố công trình bày, và khai triển. Tôi cũng cho rằng học thuyết «Thiên địa vạn vật đồng nhất thể» này là chủ trương chính yếu của thánh hiền kim cổ, thì Joseph Head và S. L. Cranston trong quyển Reincarnation The Phoenix Fire Mystery, sau khi tổng hợp lại các mật giáo đông, tây, kim cổ, đã viết nơi các trang 502, 503, đại khái như sau:

Mật tông, mật giáo, và ngay cả Kabala cũng chủ trương như Ấn giáo, Phật giáo rằng từ muôn thừa có một Bản Thể vô hình danh, bất khả tư nghị, hằng cửu, nhưng có hai bề động tĩnh thường xuyên đắp đổi. Đạo sĩ Manu gọi đó là "ngày" và "đêm" của Brahmā. Brahmā như thế có thức có ngủ.

Khi động, khi bắt đầu thời kỳ phóng phát, triển dương, thì từ lòng sâu Nguyên Thể thần linh đó, tung tỏa ra những huyền năng, huyền lực vô biên. Những huyền năng đó được thi triển, và tác động trên nhau, theo những định luật vĩnh cửu để cuối cùng sinh ra cái vũ trụ hình tướng này.

Cũng như vậy, khi đến thời kỳ tĩnh, thì Nguyên thể Thần Linh đó, như co lại, như thu hấp lại, và tất cả những gì là vũ trụ hữu hình, hữu tướng này, dần dà sẽ tan biến đi, hóa giải hết đi, và thu hút lại vào lòng Nguyên Thể.

Lúc ấy, vũ trụ tưởng chừng như lại hoang vu, mù mịt...

Nếu dùng hai chữ Hô Hấp mà mô tả sự Thành, Trụ, Hoại, Không kể trên, thì HÔ (thở ra) là sinh ra vũ trụ quần sinh; mà HẤP (hít vào) là thu nhiếp vũ trụ quần sinh trở về lại lòng Bản thể.

Tiến trình này đã có như vậy từ thừa đời đời; vũ trụ hữu hình hiện nay chẳng qua là như một mắt xích trong cái giây xích vô biên tận ấy. [\[13\]](#)

C. Tới đây tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng tuy Đông và Tây hiện nay đã xích gần lại với nhau trong vấn đề luân hồi, nhưng âu Mỹ hiện nay chỉ hiểu luân hồi là TÁI SINH (reincarnation), còn Á Châu hiểu chữ Luân Hồi bao quát hơn. Đối với người Á Đông, con người chết đi không cứ là sẽ đầu thai lại làm người, mà tùy nghi có thể thành tiên, thành thần, hay có thể làm loài vật, làm ma quỷ. Khảo kỹ tín ngưỡng dân gian, ta thấy con người sau khi chết không cứ sẽ tái sinh lại nơi hạ giới, mà còn có thể lên trung giới, thượng giới.

Tất cả các kiếp trên tuy có thể lâu mau khác nhau, nhưng không có gì là vĩnh cửu.

Cho nên tiên thánh cũng có thể GIÁNG TRẦN hay GIÁNG PHÀM.

Danh nhân, danh sĩ có thể có TIỀN THÂN, HẬU KIẾP. Tục truyền Lưu Bá Ôn là hậu thân của Gia Cát Lượng.

Người thường có thể đi ĐẦU THAI.

Sâu bọ có thể LÊN LÀM NGƯỜI.

Con người có thể đọa xuống kiếp vật: Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai...

Từ kiếp dưới lên kiếp trên gọi là THOÁT KIẾP.

Từ kiếp trên xuống kiếp dưới là bị Đọa hay bị Trích. Vì thế có chữ TRÍCH TIỀN.

Từ kiếp này sang kiếp khác gọi là Hóa Kiếp, hay Chuyển Kiếp (Transmigration).

Ngay đức Vishnu trong các tiền kiếp cũng có những kiếp vật, như kiếp voi, kiếp cá, kiếp rùa. Người Ấn Độ tả lại những chuyện ấy không hề có một mặc cảm gì.

Những từ ngữ tôi vừa dùng đó là những từ ngữ của dân gian, chứ không phải là của tôi tạo ra.

Tôi vẫn mừng tưởng như là muôn loài được xếp loại như sau:

1. Theo tỉ trọng (density), càng khinh thanh thì càng đi lên trên, càng trọng trọc thì càng sa xuống thấp.

Khinh thanh thì dễ cảm xúc, thì «nhảy cảm»; trọng trọc thì cứng rắn, khó lay lòng.

Tục ngữ có câu:

Quân tử ư hử thì đau,

Tiểu nhân vác đá đánh đầu như không.

2. Theo trình độ phát quang và tùy theo màu sắc. Càng trong sáng thì càng lên trên, càng mờ đục thì càng sa xuống thấp.

3. Tùy theo «năng lực», tức là tùy theo trình độ mạnh yếu của cá thể, tùy theo những khả năng, những tài năng sẵn có của cá thể. Chữ năng lực này cũng có thể hiểu là ĐỨC, là ÂM ĐỨC. Âu Châu gọi đó là: VERTU, hay VIRTUE, hay VIRTUS. Tất cả đều hàm nghĩa là 'năng lực', là 'khả năng'.

4. Theo bản chất. Nguyên chất là Tinh, tạp chất là Thô. Nhất là Tinh; Vạn hay Đa Tạp, Bác Tạp là Thô.

Cho nên đạo Nho dạy TINH, NHẤT; Bà La Môn, Phật dạy BẤT NHỊ PHÁP MÔN.

5. Theo vị trí có được trong vòng Đại Chu Thiên. Càng Tinh thì càng gần tâm điểm, càng Tạp thì càng xa Tâm.

Vào được Tâm là Giải thoát.

Đạo Trung Dung tức là đạo dạy con người trở lại được với TRUNG TÂM HAÈNG CỬU.

6. Tóm lại TRUNG, TINH, NHẤT tượng trưng cho Hoàn Thiện, cho Lý tưởng. Bác tạp, ô trược là khiếm khuyết.

7. Theo hành động. Lành là những gì làm ơn ích cho mọi loài; dữ là cái gì gây họa hại cho mọi loài.

8. Tùy theo Mê và Ngộ. Mê là ở trong Phân Biệt, nghĩ mình tách rời Đại thể và quần sinh vũ trụ. Ngộ là đã có được cái nhìn VÔ PHÂN BIỆT:

Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.

(Trang tử, Nam Hoa Kinh, Tề vật luận).

9. Chỉ có cái hồn biến thiên – cái tiểu ngã – là đi đầu thai, hay chuyển kiếp.

– Cái xác sẽ tan rữa sau khi hồn lìa xác, vì nó là «tứ đại giả hợp».

Thành phần đất, nước, gió (khí), lửa, sẽ tùy nghi, tùy duyên mà nhập vào đất đai, vào cây cối, vào

muông thú, vào con người, và như vậy vẫn luôn luôn đóng góp vào tấn kịch đời thường nhật diễn ra triền miên, bất tận.

– Đại Ngã, hay Thần thiêng, thời siêu xuất Luân Hồi.

Tất cả những yếu tố trên là những tiêu chuẩn có thể dùng để hiểu biết về luân hồi và giải thoát.

Để kết thúc chương này, tôi mượn lời thơ Les Contemplations của Victor Hugo:

Kìa sinh khí chứa chan lai láng,
Rung lá cành, làm sáng cỏ hoa.
Tung hoành từ đá đến hoa,
Lại từ thảo mộc chuyển qua muông cầm.
Từ nham thạch chuyển dần tới bạn,
Có lẽ đâu tiêu tán nơi người.
Không, không, sinh khí chơi vơi,
Đường mây ai cản, đờ ờ trời ai ngăn?
Sức vô địch băng băng hướng thượng,
Tiến sâu vào vô lượng vô hình.
Làm cho tràn ngập thái thanh,
Một trời sáng quắc, treo tranh non bồng.
Xán lạn với muôn thần, vạn thánh,
Ánh hào quang tạo cảnh dao trì.
Thần linh sánh với tiên tri,
Thiên thần rực rỡ quang huy trong ngoài.
Sinh khí ấy láng lai vô tận,
Bắc thang sao, muôn dặm thiên thai.
Từ nơi ngạ quỷ, tuyền đài,
Tung lên cho tới muôn loài thần tiên.
Thấp với cao, tương liên kết giải,
Muôn thánh thần chấp nối duyên tơ.
Băng qua muôn triệu cõi bờ,
Nối liền sao sáng, cùng là trời mây.
Cao với thấp đó đây ở hết,
Từ biên khu tới miết trung tâm.
Băng chừng muôn dặm muôn tầm,
Rời ra biến dạng vào tâm khảm Trời...

CHÚ THÍCH

[1] Joseph Head & S. L. Cranston, Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery, Julian Press, New York,

1977, p. 436.

[2] Daniel Cohen, *The Mysteries of Reincarnation*, Dodd Mead & Co, New York, 1975, p.5.

[3] Xin xem Joseph Head va S.L. Cranston, *Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery*, tr. 486.

[4] cf. libro citato, tr. 193.

[5] In the article "Buddhism Teaches Rebirth," Humphreys relates that Mrs. Rhys Davids, in her day the leading Pali scholar in the West, once made a list of "ten things which Gotama the Buddha will not have taught." The first is "that the man, the very man: self, spirit, soul, purusa is not real." Mrs. Rhys Davids, a life student of Theravada Buddhism - the very school that lay so much stress on no- soul idea - adds that in reality Buddha "begins his mission by advising men to seek thoroughly for the Atma, and ended by bidding men lives as having Atma for their lamp and refugee. The Buddha concern, she said, was with a Wayfarer upon the Way. "How to wayfare from this to That; here was life's problem." And this was a long journey... Mr. Humphreys asks:

Are there, then, two types of self in the Pali Canon? Miss I.B. Horner, a pupil of Mrs. Rhys Davids and the present President of the Pali Text Society, shows that this is so. In a famous article reprinted in *The Middle Way* (Vol. 27, p. 76), she lists some seventeen passages from the Pali Canon which make this clear. The "lesser self" and "the greater self" are clearly distinguished, and the "great self" is described as "a dweller in the immeasurable." But the *Dhammapada*, the most famous text in the Canon, will itself suffice. "Self is the lord of self. What other lord could there be?" And again, "Self is the lord of self, and self's bourn," i.e. the very goal of all endeavour. If it is possible to lift the Buddha teaching nearer still to the Hindu original, look at: "The Self in thee knows what is true and what is false." Every mystic since the world began would agree.

"If," Humphreys continues, "the Buddha, then, taught Atta, as his brilliant predecessors in the field of Indian thought, what did he say was Not- self, An- atta? He is quite specific. It is the five skandhas, the constituents of personality in which there is no permanent Self to be found...But the monks would not leave this statement alone. Attacking the concept of the Atman as degraded in the Buddha's day to a thing, the size of a thumb, in the human heart, they swung too far. 'No self, no self' they cried, and in time produced the joyless, cramping doctrine as drearily proclaimed today," especially in Theravada Buddhism.

Elsewhere Humphreys concedes that the attack of the Theravada monks, or Bhikkus, is legitimately "directed against the concept of an unchanging individuality, a separate Self, distinct from the vast totality of Life and its illimitable forms." However, he adds, "the Bhikkus ignore the 'Unborn, Unoriginated, Unformed' of their own Scriptures, as inherent in every manifested thing." "Clearly the phenomenal self, whether called ego, shadow, or the evolving soul, is changing all the time," but this does not mean "no soul", no soul, no self at all."

Libro citato, tr.63 và 75- 76).

[6] If you would free yourself of the sufferings of samsara (rebirth), you must learn the direct way to become a Buddha. This way is no other than the realization of your own Mind. Now what is this Mind? It is the true nature of all sentient beings, that which existed before our parents were born and hence before our own birth, and which presently exists, unchangable and eternal. So it is called one's Face before one's parents were born... When we are born it is not newly created, and when we die it does

not perish. It has no distinction of male and female, not has it any coloration of good and bad. It cannot be compared with anything, so it is called Buddha- nature. (Xem sách trích dẫn, tr. 89).

- [7] The knower is never born nor dies, nor is it from anywhere, nor did it become anything. Unborn, eternal, immemorial, this ancient is not slain, when the body is slain...Smaller than small, greater than great, this Self is hidden in the heart of man...In all beings it shines not forth; but it is perceived by the piercing subtle soul of the subtle- sighted...Understanding this great Lord the Self, bodiless in bodies, stable among unstable, the wise man cannot grieve... He is released from the mouth of Death, having gained the lasting thing which is above the great, which has neither sound nor touch nor form nor change nor taste nor smell, but is eternal,, begininless, endless.

Cf.libro citato, p. 40. cf. Katha Upanishad, dialogue between Nichiketas and Death.

- [8] Nichiketas thus having received the knowledge declared by the Death, and the whole law of union, became a passionless dweller in the Eternal, and Deathless; and so may another who thus knows the union with the Self.(Cf. sách đã trích dẫn, tr. 41).

...Two syllables are death; three syllables the eternal Brahma. "Mine" (Mana) is death, and "not mine" (na mana) is the eternal...

lb. p. 50.

- [9] When I was a boy, the thought of Heaven used to frighten me more than the thought of Hell. I pictured Heaven as a place where there would be perpetual Sundays with perpetual services, from which there would be no escape, as the Almighty, assisted by cohorts of angels, would always be on the look- out for those who did not attend. It was a horrible nightmare. The conventional Heaven with its angels perpepually singing, etc... nearly drove me mad in my youth and made me an atheist for ten years. My opinion is that we should be reincarnated... and that hereafter we shall suffer or benefit in accordance with what we have done in this world. For example, the employer who sweats his workpeople will be condemned to be sweated himself....

(Libro citato, p.354).

- [10] The souls must re- enter the absolute substance whence they have emerged. But to accomplish this end they must develop all the perfections, the germ of which is planted in them: and if they have not fulfilled this condition during one life, they must commence another, a third, and so forth, until they have acquired the condition which fits them for reunion with God.

(Libro citato, p. 131. Isaac Myer's Qabbalah, p. 413. (The Zohar ii, 99b, Sab- ah D'Mishpatim, Brody edition, Cremena edition, ii. fol. 45a, col. 177- 78).

Joeph Head and S.L. Cranston,Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery, p. 131.

- [11] The Nirvana as a symbol of eternal indicates the life of absolute fullness, not the death of absolute nothingness. The life of Nirvana is beyond all distinction of subject and object; it is everything because it is nothing definite...

But in order to reach this, many reincarnations are necessary. They are continuations of temporal existence and consist of punishment and suffering. Only the end of temporal existence brings full participation in eternal life. In it individualization is transcended by participation. A full recession to the "Ground" has taken place...

Libro citato, p. 523.

[12] Our word "personality" comes from the Latin persona which originally meant the mask an actor donned as he stepped onto the stage to play his role. The mask carried the make- up of the role, while the actor behind it remains hidden and anonymous. This mask is precisely what our personalities are - the roles into which we have been cast for the moment in this greater drama of all, life itself.

The disturbing fact, however, is that we have lost sight of the distinction between our true self and the veil of personality that is its present costume, but which will be laid aside when the play is over. We have come completely under the fascination of our present lines, unable to remember previous roles or to anticipate future ones. The task is to correct this false identification. Turning his awareness inward [man] must pierce and dissolve the innumerable layers of the manifest personality until, all strata of the mask at length cut through, he arrives finally at the anonymous actor who stand beneath.

Never during its pilgrimage is the spirit of man completely adrift and alone. From start to finish its nucleus is the Atman - the self- luminous abiding point, "boundless as the sky, indivisible, absolute," the only reality.

Ib. p. 14.

[13] The esoteric doctrine teaches, like Buddhism and Brahmanism, and even the Kabala, that one infinite and unknown Essence exists from all eternity, and in regular and harmonious successions is either passive or active. In the poetical phraseology of [the Hindu lawgiver] Manu these conditions are called the "day" and the "night" of Brahmâ. The latter is either "awake" or "asleep"... Upon inaugurating an active period an expansion of this Divine essence, from within outwardly, occurs in obedience to eternal and immutable law, and the phenomenal or visible universe is the ultimate result of the long chain of cosmical forces thus progressively set in motion. In like manner, when the passive condition is resumed, a contraction of the Divine essence takes place, and the previous work of creation is gradually and progressively undone. The visible universe becomes disintegrated, its material dispersed; and "darkness," solitary and alone, broods once more over the face of the "deep." To use a metaphor which will convey the idea still more clearly, an outbreathing of the "unknown essence" produces the world; and an inhalation causes it to disappear. This process has been going on from the eternity, and our present universe is but one of an infinite series which had no beginning and will have no end.

Ib. pp. 502- 503.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

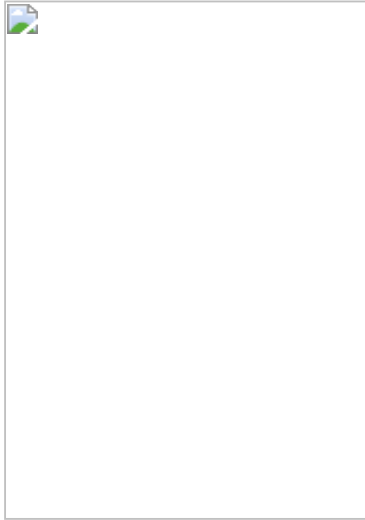
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) **16** [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 16

TẬN THẾ HAY CHUYỂN THẾ ?

Thời đại Bảo Bình (The Aquarian Age): 2044? - 4204?



Vấn đề nêu trên thực ra là một vấn đề hết sức phức tạp. Tôi lần lượt bàn về các tiết mục sau đây:

1. Cái nhìn của Thánh kinh và Thiên Chúa giáo.
2. Cái nhìn của các nhà tiên tri.
3. Cái nhìn của khoa học.
4. Cái nhìn của các triết gia Đông Tây.
5. Cái nhìn của tác giả: Cuộc chuyển thế sang thời đại Bảo Bình.

1. Cái nhìn của Thánh kinh và Thiên Chúa giáo

Nếu chúng ta thành khẩn, thì thấy đối với Thiên Chúa giáo, Trời đất, con người và vạn hữu mới có khoảng 7000 năm nay và từ khi có Thiên Chúa giáo cho đến nay, không thế kỷ nào mà nhân loại không lo, không sống trong sự hồi hộp mong chờ ngày tận thế.

Đại khái Thiên Chúa giáo – Công giáo cũng như Tin Lành – tin rằng thế giới này đã được tạo dựng nên khoảng năm 4004 trước Công Nguyên.

James Ussher (hay Usher) (1581-1656), Tổng Giám Mục giáo phận Armagh (Ái Nhĩ Lan), dựa vào Sáng Thế ký, cũng như dựa vào bản gia phả Chúa Jesus ghi trong Luke (3:23-38) đã toán ra rằng trời đất đã được tạo dựng nên năm 4004, ngày 23 tháng 10, lúc 9 giờ sáng.

Bác sĩ Lightfoot ở Cambridge, sống đồng thời với Ussher cũng tính ra rằng Trời đất đã được tạo dựng nên ngày 23 tháng 10, năm 4004, lúc 9 giờ sáng. [1]

Và từ 1701 về sau, Thánh kinh King James (King James Bible), đã có những thời kỳ hiên ngang in nơi giữa trang đầu sách Sáng Thế kỷ niên kỷ sau: B.C.4004. [2]

Về phía Công giáo, quyển Martyrologe Romain, xuất bản theo sắc lệnh Giáo Hoàng Gregory XIII (1572-85), duyệt xét bởi các Giáo Hoàng Urban VIII (1623-1644), và Clement X (1670-1676) và tăng bổ bởi Giáo Hoàng Benedictus XIV (1740-58) vào năm 1749; dịch ra Pháp văn do Dom Albert M Schmitt, tái bản năm 1959, nơi trang 469, nhân dịp lễ Giáng Sinh đã trình trọng ghi rằng:

Chúa Jesus sinh ra đời:

- 5199 năm sau ngày tạo Thiên lập địa.
- 2957 sau Hồng Thủy.
- 2015 sau khi Abraham sinh ra.
- 1510 sau khi Moses đưa dân Do Thái ra khỏi Ai Cập.
- 1032 sau khi vua David thụ phong.
- 752 sau khi xây thành La Mã, v.v...

Ở Âu Châu, cách đây vài thế kỷ, bất kỳ một học giả nào muốn bảo toàn danh dự, hoặc muốn có chút tiếng tăm, thời phải lo sao những điều mình quan sát khảo nghiệm phù hợp với Thánh kinh, hoặc với quan niệm truyền thống của giáo quyền, nếu không sẽ bị tai họa.

Năm 1744, trong quyển Lịch Sử Vạn Vật (Histoire Universelle) Buffon chủ trương trái đất đã có khoảng 70, 000 năm, thế mà đã bị coi là xúc phạm lớn lao và tác phẩm đã bị giáo quyền cấm lưu hành.

Khi Darwin chết (1809-1882), người ta vẫn còn dạy rằng vũ trụ được tạo dựng 4963 năm trước Công Nguyên và cuốn Từ điển Larousse xuất bản năm 1882 ghi rằng «đó là niên kỷ duy nhất được chấp nhận trong các trường».

Còn ngày tận thế thì ngay Chúa Jesus cũng đã phán quyết rằng sau khi Ngài tử nạn, không bao lâu, Ngài sẽ xuống lại để phán xét thiên hạ và sẽ tận thế.

Matthiew chép: «Vì chưng con người sẽ đến trong vinh quang của Cha Ngài, với các Thiên Thần của Ngài và bấy giờ Ngài sẽ trả cho mỗi người tùy theo hành vi của họ. Quả thật, Ta bảo các người: trong những kẻ có mặt đây, có người sẽ không nếm biết cái chết trước khi thấy. Con người đến trong Nước của Ngài.» (Mat.16:27-28)

Phúc Âm Marc còn chép long trọng gấp bội: «Nhưng trong những ngày ấy, sau cơn khốn khổ ấy, mặt trời sẽ tối sầm, mặt trăng sẽ mất sáng, tinh tú từ Trời sa xuống và các quyền năng trên các tầng Trời bị lay chuyển. Và bấy giờ, người ta sẽ thấy con người đến trong mây với quyền năng cao cả và vinh quang. Và bấy giờ, Ngài sẽ sai các Thiên Thần thu nạp những kẻ được chọn của Ngài từ bốn phương, từ mút cùng mặt đất, đến mút cùng chân Trời...Quả thật Ta bảo các người: thế hệ này sẽ không qua, cho đến khi mọi điều ấy xảy đến. Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Ta nói không bao giờ qua đi.» (Marc 13:24-32).

Các đại Tông đồ Chúa như Peter, Paul, John đều tin rằng: Tận Thế đến nơi. Thánh thư Peter I, 4:7 viết: «Thời cùng tận đã gần rồi cho mọi sự.»

Thessalonians I cũng cho rằng khi Chúa xuống phán xét, thì những giáo hữu còn sống sót khi ấy, sẽ được đưa lên mây để họp cùng các vị Thánh đã sống lại, để đón mừng Chúa quang lâm (I Thess. 4:13-18)

và xin giáo dân giữ Thần, hồn, xác cho vẹn toàn, chờ ngày Chúa tới. (I Thess. 5:23).

Sách Khải Huyền của Thánh John mô tả tận thế như là sự rung chuyển, sự phá tán, sự tan nát của vũ trụ bằng những lời lẽ hết sức văn vẻ: «Khi Ngài mở ấn thứ sáu, thì xảy có động đất lớn; và mặt Trời hóa đen sẫm như vải dệt bằng tóc huyền và mặt Trăng hoàn toàn ra như máu. Tinh tú trên trời sa xuống như cây vả trút hết quả non, khi bị cuồng phong quây cho lẫn lóc. Và trời biến mất đi như quyển sách bị cuộn lại, và núi non cùng hải đảo hết thấy đều bị đánh bật khỏi chỗ, và vua chúa trên đất cùng vương hầu và khanh tướng giàu sang hay quyền thế và nô lệ hay tự do hết thấy đều chui rúc ẩn mình nơi hang hốc và ghềnh đá núi non và họ nói với núi non đá tảng: Hãy sập đè trên chúng tôi và che khuất chúng tôi cho khỏi nhan Đấng ngự trên ngai, cho khỏi thịnh nộ của Chiên Con.»

Tôi chuyển dịch thành thơ như sau:

Mặt trời đen vải tóc huyền,
 Trăng màu ửng máu từ viền vào trong.
 Sao trời rơi rụng lung tung,
 Như sung, như vả, giữa chừng phong ba.
 Sơn nham, hải đảo gần xa,
 Xê đi, dịch lại la đà chông chênh.
 Vòm trời như giấy như tranh,
 Cuốn đi mất hút, lung linh, bẽ bàng.
 Công hầu khanh tướng trần gian,
 Sang hèn, tìm hốc, tìm hang rúc càn...
 Âm thầm van vái núi non,
 Sập đi cho khỏi thấy nhan thánh Ngài... [\[3\]](#)

Cuốn sách Khải Huyền (22:12) có ghi lời Chúa phán: «Này sự tái lâm của Ta đã sắp tới nơi.»

Thánh John cũng kết thúc sách Khải Huyền bằng mấy lời sau: «Phải kíp đây, ta sẽ đến! Amen! Xin hãy đến! Lạy Chúa Jesus!»

Nhưng khổ nỗi mặc cho những lời tiên tri trang trọng, mặc cho sự nóng lòng trông chờ, thời gian cứ lặng lẽ trôi qua và tận thế vẫn chẳng chịu đến.

Giáo dân đâm ra bất bình. Các tông đồ, các người bảo vệ giáo lý đổi giọng.

Thánh thư Peter II cho rằng: «Ai cho rằng tận thế đến nơi là ngu muội, vì một nghìn năm trước mắt Thiên Chúa chẳng qua là một ngày.» (II, Peter, 3:8). Thánh thư II Thessalonians đưa ra thêm điều kiện: «Quỷ vương phải ra đời trước rồi mới tận thế.» (II Thess.) Phúc Âm Matthiew đưa thêm điều kiện: «Tin lành phải được giảng rao khắp thiên hạ rồi mới tận thế.» (Mat. 24:14) Mà chữ «thiên hạ» cũng rất là mơ hồ. Thời ấy, thì vùng quanh Địa Trung Hải là Thiên hạ.

Sau dần dần mới biết có Châu Á, Châu Úc, Châu Mỹ. Thành thử «thời gian» trở nên co giãn, «thiên hạ» trở nên co giãn và một phương trình về thời gian đã được tìm ra:

gần tới = còn lâu

Nên nói là «Tận Thế» ngay thì có thể là «ngay» thật, hay là còn lâu, còn rất lâu mới xảy ra hay sẽ ứng

nghiệm vào trong những năm 2000 sắp tới. Cái gì cũng đúng hết...

Ngày nay, các vị mục sư diễn giảng trên TV luôn tấm tắc khen rằng những lời tiên tri xa xưa, nói cho những người thế kỷ I, áp dụng vào bây giờ lại thấy quá sức là đúng...

Tận thế sẽ xảy ra trong kinh hoàng: «Các tầng trời xèo xèo biến sạch, ngũ hành bốc cháy tiêu tan, đất và các công trình trên đó cũng sẽ tan biến.» (II Peter, 3:9-12). Như vậy là hoàn cầu sẽ bị thiêu rụi bằng lửa.

Phong trào tin «tận thế đến nơi» đã kinh qua nhiều thế kỷ cho mãi đến ngày nay:

– Thời đại các Tông đồ, giáo dân đã chờ tận thế, đến nỗi nhiều người không còn chịu làm ăn (Xem II Thessalonians, và Vergilius, An Encyclopedia of Religion, Philosophical Library, 1945, nơi chữ Thessalonians, First and Second Letters).

– Thế kỷ I, có phong trào Montanus. Mọi người thường lên những đồi xứ Phrygia để đợi Chúa đến.

– Thế kỷ 3, có phong trào Novatian.

– Thế kỷ 4, có Donatus.

– Năm 1000, mọi người thật sự tưởng tận thế đến nơi, nên đã ngừng làm ăn hoạt động. Sử gia gọi thời kỳ ấy là «Kinh Hoàng năm 1000»: Người ta tưởng sẽ tận thế năm 992 hoặc 995. Thủa ấy có nhật thực; có một mùa Đông lạnh quá mức, có dịch tể, núi Vesuvius phun lửa, các dân Magyar, Norman, aracen đi xâm chiếm, chinh phục khắp nơi, thành thử ai cũng tưởng là sắp thế mạt. Nhiều thành phố dân chúng ra ngoài trời, dựng Thánh giá lên, rồi quì quanh đợi Chúa tới. Nhưng may mà vẫn chưa tận thế. [\[4\]](#)

Sau này còn có những nhóm như là: Waldensians (1170), Albigenses (thế kỷ 11-13), Moravian Brethren (1457-), Anabaptists (1521-), Swiss Brethren, v.v... đều tin sắp tận thế.

Trong những thế kỷ gần đây, người ta quay ra tin chuyển thế, thay vì tận thế. Chúa sẽ phục lâm để đánh nhau với Satan. Khi Chúa đến sẽ có 144,000 người được chọn lên mây sống cùng Chúa. Sau trận chiến gọi là Armageddon giữa Chúa và Satan, sẽ có 1000 năm an lạc hòa bình dưới quyền cai trị của Chúa Jesus (Revelation 19:11-21. 20: 1-6). Những người tin chuyển thế và tin rằng Chúa sẽ cai trị nghìn năm được gọi là Apocalypticists, Millenarianists, hay Chiliasts. Và có lẽ để chuẩn bị tư tưởng, bản kinh Thánh New English Bible, xuất bản năm 1881, đã thêm vào sau câu Mat. 24:8 một đoạn như sau:

Bản cũ: «And these are the beginning of sorrows.»

Bản dịch năm 1881: «With all these things The Birth Pangs of The New Age Begin.» [\[5\]](#)

Dịch: Với tất cả những sự đó, một thời đại mới chuyển dạ thai sinh.

Và những người theo chủ trương mới này dựa vào mấy câu sách Khải Huyền sau: Khải Huyền 19:11-21. 20: 1- 6.

– Giáo Chủ Cơ Đốc Phục Lâm, William Miller (February 15, 1782-1849) tin rằng Chúa tái lâm ngày 21 tháng ba năm 1884. Sau đó lại sửa là ngày 22 tháng 10, 1844. Tuy là đã đoán sai nhiều lần, nhưng giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm ngày nay, vẫn tin rằng: Sẽ tận thế không biết lúc nào, vì thế phải sống cho hẳn hoi...

Giáo chủ phái Jehovah's Charles Taze Russel (1852-1916) cũng tin rằng Chúa phục lâm năm 1914. Ông tạ thế ngày 31 tháng 10, 1916 mà vẫn chưa thấy Chúa đến... Người lãnh đạo giáo phái Chứng Nhân đáng Jehovah kế tiếp là J.F. Rutherford, một cựu thẩm phán thuộc tiểu bang Missouri. Dưới quyền lãnh đạo của Rutherford (1869-1942), giáo phái Chứng Nhân Jehovah càng tin chúa sắp phục lâm, đến nỗi họ

đã tạo một căn nhà ở San Diego, gọi là Beth-Sarim, (nhà các Hoàng tử) để đón các vị Tiên Thánh như Abel, Noah, Abraham, Samuel, David, Daniel tái lâm, nhưng sau mãi không thấy đại chiến Armageddon xảy tới, nên họ đã bán căn nhà đó....

Họ cũng đã soạn sẵn và hát những bài quân hành như sau:

Up, every soldier on Christ's side enlisted, Aye, gird for the fight!
 Mount Salem's ramparts, fight, shoulder to shoulder,
 With all who lift up the standard of light!
 See, all the nations in tumult assambling,
 Against God's Anointed their rulers are set; Satan, their prince, gives defy to Jehovah,
 Short is his time ere he suffers defeat. [6]

Dịch:

Đứng lên chiến sĩ hào hùng,
 Luôn trong tư thế xung phong mới là,
 Salem chiến lũy có ta,
 Kề vai đồng đạo, xông pha chiến trường.
 Kìa xem bao kẻ bất lương,
 Tính bài chống Chúa, nhiều nhưng bao nài,
 Satan kinh chống Chúa Trời!
 Chống Trời, mấy nả mấy hồi sẽ thua!

2. Cái nhìn của các Tiên tri

Người Âu Mỹ phần đông tin là tận thế sẽ lắng vẳng đâu đây vào khoảng những năm 2000 sắp tới. Nhưng khảo kỹ các lời tiên tri, ta chỉ thấy có mấy loại dữ kiện sau:

1. Thiên tai như động đất, như giông tố, như núi lửa phun.
2. Chiến tranh nhưng không lâu.
3. Trái đất chuyển trục.
4. Sự suy sụp của các Đạo giáo Công Truyền.
5. Chuyển thể thành một thế giới đẹp đẽ hơn.

Ta sẽ duyệt lại ít nhiều lời tiên tri.

A. Trước hết là các lời tiên tri của Giám mục Malachi O'Mogan (1094-1148) (sau này đã được phong thánh) về các Đức Giáo Hoàng từ 1143 cho đến khoảng 2013.

Mỗi Giáo Hoàng được mô tả bằng vài ba chữ. Ví dụ:

- De Ruro Albo: Adrian IV (1153-1159) là một người Anh sinh tại St. Albans.
- Signum Ostiense: Alexander IV (1254-1261): Hồng y tại Ostia.
- Aquila rapax: Plus VII (1800-1823) bị Napoleo bắt. (Napoleo có thể được coi là con phượng tham mồi).

- De Balneis Etruria: Gregory XVI (1831-1846), trước khi lên ngôi đã phục vụ ở Balnean, xứ Rtruria.
- Religio depopulata: Benedict XV (1914-1922). Lúc ấy là thế chiến I, nên «Đạo giáo bị hoang tàn», vì rất nhiều giáo dân Âu Châu đã bị giết.
- Pastor Angelicus: Plus XII (1939-1958), một Giáo Hoàng muốn noi gương Thánh Thomas Aquinas, một vị tiến sĩ Thiên thần (angelcius doctor).
- Pastor et Nauta: John XXIII (1958-63) người đã chỉ huy và lèo lái Công Đồng Vatican II.
- Flos florum: Paul VI (1963-78) vì trên phù hiệu của Ngài có vẽ hoa.
- De Medietate Lunae: Bán Nguyệt: John Paul I. Ngài sống có 34 ngày sau khi thụ phong (August 26-78- September 28, 78).
- De Labore Solis: John II (1978-).

Sau đó có hai vị Giáo Hoàng nữa: với khẩu hiệu Gloria olivae và Petrus Romanus... Nếu mỗi Giáo Hoàng trị vì trung bình là 10 năm, thì đến khoảng năm 2015 sẽ không còn Giáo Hoàng nào nữa. Nhiều người đoán là lúc ấy Giáo Hội Công Giáo Công Truyền sẽ sụp đổ... Tôi không nghĩ rằng Giáo Hội có thể sụp đổ, nhưng sẽ có những chuyển hướng, chuyển biến, gạn đục khơi trong hết sức quan trọng.

B. Ursula Sonthiel (1488-1561), nữ tiên tri người Anh, đã nói tiên tri về các phát minh như tàu ngầm, xe lửa, điện thoại, điện tín, nhưng đã nói rằng tận thế vào năm 1881. Như vậy là sai.

C. Nostradamus (1503-1566). Theo John Hogue, tác giả quyển Nostradamus and The Millennium (A Dolphin Book, Doubleday & Company, Inc, Garden City, New York, 1987), thì Nostradamus đã có tiên tri rằng khoảng cuối thế kỷ 20 sẽ có những lụt lớn ở Anh, những động đất lớn, dịch tễ (AIDS), chiến tranh, Phật Di Lặc giáng trần để cải thiện các Đạo giáo. Từ 2026 đến 3000 sẽ là thời kỳ bình yên.

Đối với Nostradamus, nhân loại còn sống qua các thời đại Bảo Bình (2000-4000), Ma Yết (4000-6000), Nhân Mã (6000-8000).

Theo các tác giả bộ The People's Almanach, thì Nostradamus đã tiên tri rằng vào khoảng những năm cuối thế kỷ 20, sẽ có trận đại chiến giữa Arập-Trung Hoa một bên và Âu Mỹ một bên. Sẽ có những trận chiến tranh lớn vào năm 1999. Sau đó Âu Mỹ sẽ thắng và từ đó sẽ hòa bình...

D. Edgar Cayce (1877-1945) cũng tiên tri rằng vào khoảng cuối thế kỷ 20, Nữ Uớc, Âu Châu sẽ chìm xuống đáy biển; ông sẽ tái sinh năm 1998 để cứu nhân loại, và hòa bình sẽ đến vào khoảng năm 1998.

Tôi không trình bày thêm các lời tiên tri về những năm 2000. Quý vị nào muốn thu thập tất cả các lời tiên tri lớn nhỏ, xin tìm đọc cuốn The People's Almanach của David Wallechinsky và Irving Wallace, Doubleday Garden City, NEW York, xuất bản năm 1975.

Thực ra nếu ta khảo tất cả các lời tiên tri từ 1500 đến nay xem có ai dám đoán quyết sẽ tận thế vào khoảng những năm 2000 hay không, thì thấy một là không ai dám tiên tri rằng có, hai là nếu ai dám tiên tri rằng sẽ tận thế thì đã hoàn toàn đã bị thực tế cho thấy là đã sai như trường hợp giáo chủ các giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm, hay Chứng Nhân Đấng Jehovah. [7]

3. Cái nhìn của khoa học

Buffon (1707-1788) và Darwin (1809-1882) là những chiến sĩ tiên phong phát ngôn cờ khoa học xô lùi thời gian càng ngày càng về một quá vãng xa xôi. Sau này các khoa học gia cho rằng con người đã có từ

lâu trước năm 4004 – năm Chúa dựng nên con người toán theo Thánh kinh – nên họ đã tạo ra chữ Tiền sử «Prehistory» để chỉ thời gian «tiền khai thiên» ấy. Buffon mới đầu cho rằng trái đất này đã có khoảng 74,832 năm. Sau này càng ngày khoa học càng bỏ xa Thánh kinh.

Ngày nay các nhà bác học lại muốn đi tìm tiên tổ Adam và nơi thực sự đã phát tích khởi nguyên ra loài người.

Nhờ có những tư tưởng và giả thuyết táo bạo như thế, nên con người đã làm phục sinh được cả một dĩ vãng tiền sử như:

- Nam Hầu (Australopithecus) cách đây chừng 700,000 đến 500,000 năm.
- Hầu nhân (Pithecantropus) cách đây chừng từ 500,000 đến 150,000 năm.
- Người Neanderthal cách đây chừng 100,000 năm.
- Người Cro-Magnon (Linh Nhân) cách đây chừng 300,000 năm.

Về phương diện nghệ thuật, người ta đã tìm thấy một con ngựa khắc bằng ngà khổng tượng (mammoth) cổ chừng 32,000 năm, các bích họa trong các hang động như động Pech-Merle (Lot-Pháp), động Altamira (Tây Ban Nha), động Eysies (gần Perigneux, Pháp), động Lascaux (Pháp) tất cả đều cũng đã có khoảng hai chục ngàn năm tuổi tác...

Rồi người ta lại thấy tuổi vũ trụ và mặt trời tối thiểu là 10 tỷ năm; tuổi trái đất tối thiểu là 2 tỷ năm.

Và một khi vũ trụ này đã dạn dày với phong sương tuế nguyệt hằng tỷ tỷ năm, nay nếu muốn cho nó cáo chung âu cũng phải dự trù thêm ít tỷ năm nữa

Chúng ta cũng đừng nên buồn vì tấn kịch vũ trụ và nhân sinh lại trình diễn quá lâu lai như vậy.

4. Cái nhìn của các triết gia

– Ấn Độ

Ấn Độ cho chúng ta những quan niệm về thời gian thực cũng rất là lâu dài. Ta có:

- năm người (human year) gồm 360 ngày.
- năm trời (divine year) = 360 năm người.
- ngày Brahma (Brahma day) = 12, 000, 000 năm trời = 4, 320, 000, 000 năm người.
- đêm Brahma (Brahma night) = 12, 000, 000 năm trời = 4, 200, 000, 000 năm người
- năm Brahma: 360 ngày và đêm Brahma = 8,640,000,000 năm trời hay 3,110,400,000,000 năm người.
- kiếp Brahma: Brahma sống 100 năm Brahma.
- Trong một ngày Brahma, Brahma chớp mắt 1000 lần: Mở mắt ra thì vũ trụ hiện ra, nhắm mắt lại thì vũ trụ biến đi.

Như vậy, mỗi chớp mắt Brahma lâu bằng 12, 000 năm trời và bằng 4, 320, 000 năm người.

Mỗi cái chớp mắt đó lại chia ra thành 4 thời kỳ (yuga) vẫn dần theo xỉ số 4, 3, 2, 1.

- Krita yuga (Kim đại) $4 = 4800 \times 360 = 1,728,000$ năm người.
- Treta yuga (Ngân đại) $3 = 3600 \times 360 = 1,296,000$ năm người.
- Dvapara 2 (Đồng đại) $2 = 2,400 \times 360 = 864,000$ năm người.

- Kali yuga (Thiết đại) $1 = 1200 \times 360 = 420,000$ năm người.

(Xem Joseph Campbell, The Mythic Image, tr.142-143)

Joseph Campbell, trong quyển The Mythic Image của ông, (Bollingen Series C. Princeton University, 1974, nơi tr. 142) đã cho rằng Thời Thiết đại Kali Yuga bắt đầu ngày 17 February 3202 trước Công Nguyên. Nếu vậy thì chúng ta còn có vô số thì giờ mà kéo lê cuộc sống...

Rene Guenon, một nhà huyền học Pháp, sau khi so sánh các chu kỳ niên đại Ấn và Babylon (Chaldean) đã cho rằng một Nguyên (Manvantara) lâu bằng 64, 800 năm. Và như vậy Krita Yuga sẽ là 25, 900 năm; Treta yuga là 19, 440 năm; Dwapara Yuga là 12, 960 năm và Kali Yuga là 6, 480 năm. Theo Guenon, Kali Yuga bắt đầu vào năm 4, 481 năm trước Công Nguyên và sẽ tận cùng vào năm 1999. (Xem Michel de Socoa, Les Grandes Conjonctions, Paris Chacornac Frères, 11 Quai St-Michel, 1051, p.7).

- Trung Hoa

Về phía Trung Hoa, Thiệu Khang Tiết lấy 129,600 năm (4320×30) làm một Nguyên. Một Nguyên có 12 Hội. Mỗi Hội có 10,800 năm.

Mỗi Hội có 30 Vận. Mỗi Vận có 360 năm.

Mỗi Vận có 12 Thế. Mỗi Thế là 30 năm.

Ta viết lại:

– Nguyên = 129,600 năm

– Hội = 10,800 năm

– Vận = 360 năm

– Thế = 30 năm

Mỗi Hội lấy tên là Tí, Sửu, Dần, Mão, v.v...

Ông cho rằng Thiên khai ư Tí, Địa tịch ư Sửu, Nhân sanh ư Dần. Tận thế sẽ vào Hội Tuất.

Vua Nghiêu (2357-2256) sẽ ở vào Hội Ngọ, Vận thứ 30, Thế thứ 9. Như vậy ta có:

Trời mở vào Hội Tí (1-10,800). Đất sinh vào Hội Sửu (10800-20160). Người sinh vào Hội Dần (20,160-32,400.).

Hội Mão sẽ là 32, 400-43,200.

Hội Tị sẽ là 54,000-64,800.

Hội Ngọ sẽ là 64,800-75,600.

Nếu vua Nghiêu trị vì vào Hội Ngọ, Vận thứ 30, Thế thứ 9 thì ta sẽ toán ra là vào năm 75,510. Và lịch sử từ Nghiêu đến ngày nay (khoảng 4000 năm, đang diễn ra trong Hội Mùi (75,600-86,400). Nếu tận thế vào Hội Tuất (10, 800-11,880), thì ngày đó còn xa vời lắm đối với chúng ta.

Thiệu Khang Tiết đã viết sở học nói trên của ông trong quyển Hoàng Cực Kinh Thế. Tôi từ khi sánh các con số thời gian của ông với khoa học hiện đại, thấy sự khác biệt quá chừng là lớn, nên tôi không đi sâu vào học thuyết của ông nữa.

- Ba Tư & Hi Lạp

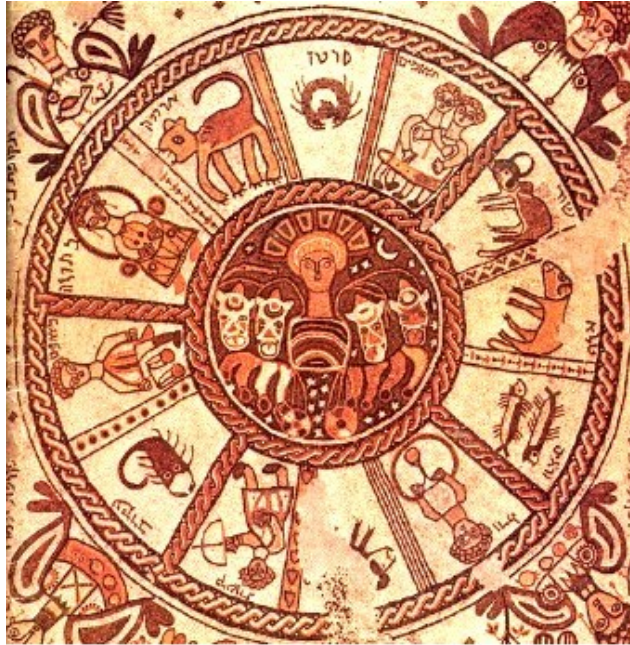
Ba Tư và Hi Lạp cho rằng năm Vũ Trụ là 12,960 năm, tức là nhỏ hơn năm Vũ Trụ của Thiệu tử 10 lần.

Plato cho rằng Năm Vũ Trụ là 25,920.

Mặt trời phải mất 25,000 năm mới mọc đúng chỗ cũ gọi là điểm Gamma trên (giao điểm giữa Hoàng Đạo và Xích Đạo ở cung Aries (Bạch Dương) vào ngày Xuân Phân (21 tháng ba Dương lịch). Nói vậy có nghĩa là không ngày Xuân Phân nào mà mặt trời mọc lại đúng như vị trí cũ. Mỗi năm cứ đến ngày Xuân Phân, lại mọc cách vị trí cũ là 0,70 độ. 72 năm sẽ mọc cách vị trí nguyên thủy 1 độ và sau 25,000 mới lại trùng phùng một lần với vị trí nguyên thủy vào ngày Xuân Phân.

Vì sự chuyển dịch không ngừng trên vòng Hoàng đạo như vậy, mà có sự thay đổi trong lịch sử gian trần này.

Người Âu Châu chia vòng Hoàng đạo ra làm 12 cung, gọi là Aries (Bạch Dương); Taurus (Kim Ngưu); Gemini (Song Tử); Cancer (Cự Giải); Leo (Sư Tử); Virgo (Xử Nữ); Libra (Thiên Xứng); Scorpio (Thiên Yết); Sagittarius (Nhân Mã); Capricorn (Ma Yết); Aquarius (Bảo Bình); Pisces (Song Ngư).



12 cung Hoàng Đạo tương ứng với Nhị Thập Bát Tú đại khái như sau:

Aries: Lâu, Vị.

Taurus: Mão, Tắt.

Gemni: Chủy, Sâm, Tinh.

Cancer: Quỷ, Liễu, Tinh.

Leo: Chương, Dực, Chấn.

Virgo: Giác, Cang.

Libra: Đê, Phòng, Tâm.

Scorpio: Vĩ, Cơ.

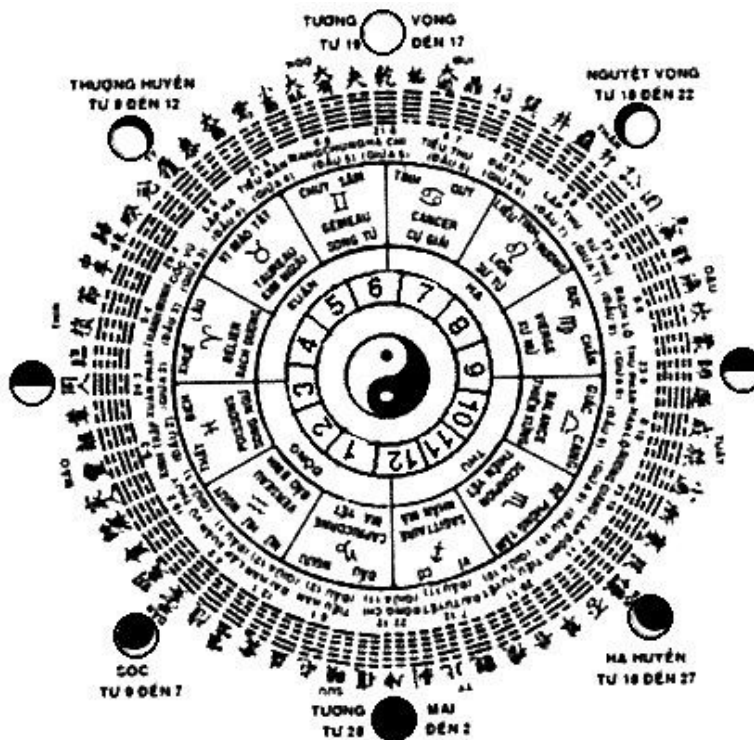
Sagittarius: Đẩu Ngưu.

Capricorn: Nữ, Hư.

Aquarius: Nguy, Thất.

Pisces: Bích, Khuê.

Trình bày vòng tròn, ta có đồ bản sau:



Cứ 2160 năm mặt trời lại đi vào một cung mới. Thời từ Chúa Jesus ra đời cho đến nay mặt trời ở cung Song Ngư.

Ngày nay mặt trời sắp đi vào cung Bảo Bình. Vì vậy nhân loại đang trông chờ một Cuộc Chuyển Thế. Chúng ta sắp sửa bước sang một kỷ nguyên mới gọi là Tháng Vũ Trụ Bảo Bình, hay Kỷ Nguyên Bảo Bình (Aquarian age).

Có những bạn đến tôi chơi, thấy đầu đề của bài này, hỏi tôi, thời đại Bảo Bình là gì? Tôi hiểu ngay là nhiều độc giả cũng ở trong tình trạng đó.

Nên tôi muốn dùng sự vận chuyển của mặt trời trên các Cung Trời mà bàn qua về lịch sử nhân quần từ trước sắp tới Cung Bảo Bình.

– 10,000-8,000 trước Công Nguyên: Mặt trời ở Cung Sư Tử (Leo). Sư Tử tượng trưng cho sự sáng tạo. Nên thời ấy người tiền sử bắt đầu khắc, vẽ. Những bích họa trong các hang động ở Pháp, ở Tây Ban Nha là những chứng cứ hiển nhiên.

– 8,000-6000 trước Công Nguyên: Mặt Trời đi vào cung Cự Giải (Cancer). Cự Giải làm liên tưởng đến mẫu hệ, đến mái ấm gia đình. Nên thời ấy, nhân loại bắt đầu ra khỏi hang hốc làm nhà cửa, bắt đầu canh tác.

– 6,000-4,000 trước Công Nguyên: Mặt trời đi vào Cung Song Tử (Gemini). Song tử đánh dấu thời kỳ lý trí phát triển. Con người bắt đầu giao thiệp, chuyển di. Thời này bắt đầu phát minh ra chữ viết. Nhân loại bắt đầu biết sử dụng bánh xe.

– 4000-2000 trước Công Nguyên: Mặt Trời đi vào Cung Kim Ngưu (Taurus). Kim Ngưu tượng trưng cho sự vững chãi, đẹp đẽ. Nhân loại bắt đầu biết kiến trúc. Trong thời gian này, các Kim Tự Tháp được xây cất.

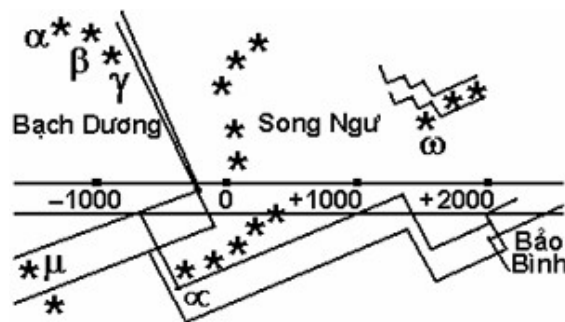
– 2000-1 trước Công Nguyên: Mặt trời đi vào cung Bạch Dương: Bạch Dương tượng trưng cho sự hăng hái, sống động. Dân Do Thái xuất hiện trong thời kỳ này.

– 1-2000 Công Nguyên: Mặt trời đi vào Cung Song Ngư (Pisces). Đạo Công Giáo xuất sinh và phát

triển trong thời kỳ này.

– 2000-4000 Công Nguyên: Mặt trời đi vào Cung Bảo Bình. Bảo Bình ngày nay được gắn liền với “nhân bản” (humanity), với khoa học, kỹ thuật, với điện tử, với đại đồng. Trong thời đại này nhân loại sẽ văn minh hơn thanh lịch hơn, sẽ bớt phàm tục, sẽ thần tiên hơn, và thế giới sẽ trở thành một Liên Hiệp Quốc thực sự. (Xem Zale H. Bechor, Prophecy Yesterday, Today and Tomorrow, Astro Press, 1980, tr.143-145).

5. Cái nhìn của tác giả: Cuộc chuyển thể sang thời đại Bảo Bình



Trước hết, chúng ta khó mà xác định là bao giờ mặt trời thực sự đi vào cung Bảo Bình. Mỗi sách nói một khác.

Ông Zale H. Bechor, tác giả cuốn Prophecy Yesterday, Today, Tomorrow, (Astro Press 1980), nơi trang 145, đã cho rằng mặt trời đã đi vào Cung Bảo Bình ngày 19 tháng Giêng năm 1881.

Trong sách L'Astrologie của W.E. Peuckert, Payot Paris, 1965, nơi tr. 259, tác giả cho rằng mặt trời vào cung Song Ngư năm 100 trước Công Nguyên. Nếu vậy thì mặt trời sẽ vào cung Bảo Bình năm 2060 tới đây.

Theo sách Théosophie et Science thì mặt trời vào cung Song Ngư năm 29 Công Nguyên. Như vậy mặt trời sẽ vào cung Bảo Bình năm 2132.

Theo Trung Hoa, thì từ 1924 đến 1984 là Trung Nguyên; từ 1984 đến 2044 là Hạ Nguyên. Như vậy Thượng Nguyên mới sẽ bắt đầu năm 2045.

Từ trên xuống dưới:

1. Vị trí mặt trời ở cung Bạch Dương khoảng năm -900.
2. Vị trí mặt trời năm 1979 ở cung Song Ngư.
3. Vị trí mặt trời vào năm 3300 ở giữa cung Bảo Bình.

Nguyệt san TIME, trong số ra ngày 21 tháng 3, 1969 cho rằng Tháng Vũ Trụ Song Ngư đầy lo âu, châu lệ, đầy hoài nghi và ảo mộng, còn Tháng Bảo Bình tới đây sẽ là Tháng Vũ Trụ của những niềm vui, của những thực hiện khoa học tân kỳ, của những niềm ước mơ, hoài bão.

Trong bài What is the Aquarian Age của Samuel Rittenhouse đăng trong Nguyệt san Rosicrucian Digest, tháng 8 năm 1969, tác giả cho rằng Kỷ nguyên Bảo Bình tới đây sẽ là 2000 năm của **TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG**, tương thân, tương ái. Đó là thời kỳ của những chinh phục không gian, thời kỳ mà tâm trí con người sẽ mở rộng tầm kích, sẽ trở nên cao đại, đó là thời kỳ mà Đại Đạo sẽ hiển dương... [8]

Năm 1976, tôi đã viết bài [Mùa Xuân Vũ Trụ Tương Lai \(kỷ nguyên Bảo Bình\) và Đại Đạo](#), và đã đăng trong Nguyệt San Giáo Lý Cao Đài. Hồi ấy tôi chủ trương rằng, trong thời đại Bảo Bình con người sẽ từ

TÔN GIÁO tiến lên **Đại Đạo**, mà Đại Đạo theo tôi hiểu sẽ là Tinh Hoa các Tôn giáo. Khi ấy tôi dịch chữ Đại Đạo là **Mysticism**. Nhưng càng để tâm suy tư chiêm nghiệm, tôi thấy rằng dẫu trong thời kỳ Bảo Bình sẽ có nhiều người đạt tới Đại Đạo sẽ PHỐI THIÊN, tuy nhiên con số ấy vẫn luôn luôn là ít. Nhân loại còn phải băng qua một giai đoạn mới là ngồi lại với nhau, sánh tôn giáo mình với tôn giáo người, để học hỏi lẫn nhau. Nên chữ Đại Đạo dành cho quần chúng trong những thời gian tới sẽ là chữ **OECUMENISM** (HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO).

Giờ đây, khi viết lại bài này tôi tình cờ đọc quyển The Aquarian Conspiracy của Marilyn Ferguson (J.P. Tarcher Inc. Los Angeles, 1976), và quyển Le Christianisme et les Religions du Monde của Hans Kung và tập đoàn (Editions du Seuil, 27, rue Jacob, Paris VI), tôi càng tin chắc chắn rằng trong một tương lai rất gần nhân loại sẽ tiến sâu hơn về phía tâm linh, sẽ có một tầm nhìn, lối nghĩ mới, sẽ bao dung hơn, khoan quảng hơn, sẽ dám đem các vấn đề tín lý, giáo điều ra mổ xẻ lại để xem đâu là chân lý thật, đâu là «chân lý giả», mà xưa người ta đã dùng cường quyền, bạo lực, thủ đoạn, bắt mọi người theo. Nhân loại sẽ hoàn toàn được tự do tín ngưỡng.

Tuy nhiên, trước khi đi sâu hơn vào lòng thời đại Bảo Bình, chúng ta phải qua cửa «Thiên Môn Tinh Tú.»

Chắc quý vị đã biết thời kỳ nào mà mặt trời, mặt trăng cùng một số lớn hành tinh tụ tập vào một cung trời nào, thì thường nơi trần gian sẽ bị binh đao, thiên tai, địa họa, như động đất, như lụt lội, hay sẽ có một sự chuyển biến lớn về phía chính trị, hoặc tâm linh v.v... Á Châu gọi hiện tượng đó là NHẬT NGUYỆT HỢP BÍCH, THẤT TINH LIÊN CHÂU. Thuật ngữ chiêm tinh Âu Châu gọi là DORIPHORIE.

Xin kể ra đây ít nhiều trường hợp «Nhật Nguyệt hợp bích thất tinh liên châu» mà tôi rút gọn lại là «Quần tinh hội tụ» trên trời và tình trạng dưới thế:

1. Quần tinh hội tụ ở Cung Cự Giải năm 57: Jules Caesar xâm chiếm Đức, Pháp (Gaul), và Anh.
2. Quần tinh hội tụ năm 13 Công Nguyên nơi cung Nhân Mã: Vua Augustus trị vì. Bắt đầu thời đại bình an La Mã.
3. Năm 443: Quần tinh tụ hội tại cung Cự Giải và Sư Tử: Hung Nô (Huns) xâm chiếm Âu Châu.
4. Quần tinh hội tụ nơi cung Sư Tử và cung Xử Nữ, năm 622: Hồi giáo bắt đầu chinh phục các nước.
5. Quần tinh hội tụ năm 849 tại cung Song Ngư và Bạch Dương: Nước thượng vị Carolingien tan rã.
6. Quần tinh hội tụ tại cung Song Tử năm 913: Nước Đức thuộc dòng Othoniens, và Pháp thuộc dòng Capetiens chia rẽ.
7. Quần tinh tụ hội năm 1126 tại cung Thiên Xứng: ở Âu Châu người ta tưởng tận thế. Thánh chiến 1.
8. Quần tinh hội tụ năm 1306 tại cung Thiên Yết và Nhân Mã: Thời Trung cổ cáo chung.
9. Quần tinh hội tụ tại cung Cự Giải và Song Tử: Chinh chiến 100 năm. Trận Azincourt, Hòa ước Troyes (1420).
10. Quần tinh hội tụ tại cung Song Ngư và Bạch Dương năm 1850: Bắt đầu thời đại kỹ nghệ. Cuộc đổ xô đi tìm vàng. Tuyên ngôn cộng sản Marx Engels năm 1848.
11. Quần tinh hội tụ năm 1941 tại cung Kim Ngưu: Thế chiến 2.
12. Quần tinh hội tụ năm 1989, tại cung Nhân Mã & Ma Yết; (đồ bản thiết lập cho Mạc Tư Khoa, vào trưa ngày 28 tháng 12.) (Ngoài ra còn có nhật thực toàn phần vào năm 1999 tại Luân Đôn): Động đất lớn như vừa xảy ra tại Armenia (Nga). Chuyển thế sang thời kỳ Hòa Bình BẢO BÌNH.

[Trông vào đồ bản, ta thấy quần tinh hội tụ tại cung Nhân Mã và Ma Yết (Sagittarius & Capricorn). Chỉ duy có Mộc Tinh (Jupiter) ở tại cung Cự Giải (đối đỉnh) và Pluto tại cung Bạch Dương.]

Berosus, một chiêm tinh gia thế kỷ 3 trước Công Nguyên đã tiên tri rằng bao giờ quần tinh hội tụ ở cung Ma Yết (Capricorn), sẽ tận thế. Người Ấn Độ ngày nay cũng tin như vậy, nên ngày 5 tháng 2/1962, họ tưởng quần tinh hội tụ ở cung Ma Yết, và nhiều người ở New Delhi đã thức trắng đêm, chờ tận thế. (Xem Louis MacNEICE, Astrology, Doubleday and Co., Garden City, New York, p. 20 & 88.)

Chính vì vậy mà nhiều người sợ sẽ tận thế vào những năm khoảng 2000.

Cách đây mấy chục năm, một chiêm tinh gia người Ấn Độ tiên đoán sẽ tận thế vào ngày 14 tháng bảy, 1956. Bắt tội nhiều người đã tập hợp nhau tại vùng núi Alpes, nước Thụy Sĩ, để chờ tận thế! (Xem sách trích dẫn trên, tr.18).

Ông Ossendowski trong quyển Bêtes, Hommes et Dieux, xuất bản năm 1890 đã tiên tri rằng sẽ tận thế vào năm 2030.

Ông Moggridge trong quyển Anti-Christ của ông xuất bản năm 1914 dựa vào sách Khải Huyền thánh Joan, cho rằng sẽ tận thế năm 1994.

Jean de Pauly đã dựa trên truyền thuyết Do Thái để toán ngày tận thế. Do Thái tin rằng sự tạo dựng nên trời đất là vào khoảng năm 3761 và thế giới này chỉ có được 6000 tuổi, nên đã kết luận tận thế vào năm 2239. (Xem Michel de Socoa, Les grandes conjonctions, Paris, Chacornac Frères, 1951, tr. 40-41.)

Ngược lại, Michel de Socoa thì cho rằng vụ quần tinh hội tụ ở Cung Ma yết tới sẽ chỉ làm thay đổi cục diện toàn cầu.

Sánh Chiêm Tinh Đông Tây, tôi nhận ra rằng Cung Ma Yết ứng với quẻ Phục, nên đã mạnh dạn chủ trương con người sẽ hồi phục, sẽ trở lại sùng thượng những giá trị tâm linh trong một tương lai gần đây...

Trên đây, tôi đã dùng lịch sử, khoa học, và uy tín của các nhà tiên tri lớn của nhân quần để chứng minh rằng sẽ chỉ có một sự CHUYỂN THẾ, chứ không thể nào có TẬN THẾ.

Và một lần nữa, tôi muốn xác quyết như Zale H. Bechor, tác giả quyển Prophecy Yesterday, Today and Tomorrow rằng SẼ KHÔNG CÓ TẬN THẾ vào khoảng năm 2000, mà chỉ thấy rằng trong tương lai NHỮNG LO LẮNG, SẦU BI, BỆNH HOẠN, ĐÓI KHỔ của loài người sẽ cáo chung hay sẽ giảm thiểu tới mức tối đa. [9]

Trong THỜI ĐẠI BẢO BÌNH (Aquarian Age), chúng ta sẽ thấy những gì?

Dĩ nhiên là chúng ta sẽ thấy những phát minh khoa học tân kỳ, làm cho con người sung sướng hơn.

Nhưng đây tôi chỉ nhấn mạnh tới sự CHUYỂN HÓA TÂM LINH LỚN LAO sẽ xảy ra cho nhân loại.

Nhân loại sẽ vươn vượt để tìm cho ra Bản Thể Thần Linh, tìm ra Thiên Tính của con người.

Những điều mà xưa kia một vài chiến sĩ tiền phong như Meister Eckhart (thế kỷ 14), Giovanni Pico della Mirandola (thế kỷ 15), Jacob Boehme (thế kỷ 16-17), Emmanuel Swedenborg (thế kỷ 17-18) chủ trương đơn độc, trong tương lai sẽ có vô số người tán đồng.

Chủ trương đó là: Chúng ta hoàn toàn tự do về phương diện tâm linh. Chúng ta tự tạo số mệnh cho chúng ta, tự lèo lái sự tiến hóa tâm linh của chúng ta. Chúng ta sẽ giác ngộ, sẽ thấy mình có bản thể thần linh, sẽ có một tầm nhìn, một lối nghĩ cao siêu hơn, khoáng đạt hơn, sẽ dám nhìn lấy, suy lấy, nghĩ lấy. Con người sẽ đi sâu vào chiều kích tâm linh và sẽ tìm thấy rằng trong mình có SIÊU THỨC, có ĐẠI NGÃ, có ĐẠI HỒN (oversoul) của vũ trụ. Nhiều người sẽ có được TUỆ GIÁC (intuition), có được ĐẠI

TRÍ (transcendental reason; transcendent logic). Nhiều người sẽ trở nên SIÊU PHẠM (transcendentalists).

Con người phạm phu, ô trọc đầy hờn giận, ghen tuông, khô khan, máy móc, xu thời sẽ được thay thế dần bằng những con người SIÊU PHẠM, THANH LỊCH, sáng khoái, thơ mộng, hồn nhiên.

Người ta sẽ thực thi khẩu hiệu **TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ; VŨ TRỤ VỚI MÌNH LÀ MỘT; MÌNH VỚI CHÚNG SINH LÀ MỘT**, nên sẽ trọng thiên nhiên, tránh không phá phách hay làm ô nhiễm thiên nhiên; tránh không giết hại loài vật; nhất là tránh không xúc phạm đến đồng loại dù người ấy là da đen, da vàng hay da đỏ, như đã làm trong hai nghìn năm vừa qua.

Gần đây, dân Mỹ giúp dân Nga trong vụ động đất ở Armenia; quốc tế hợp sức giải thoát mấy con cá voi bị kẹt trong vùng băng Bắc cực; Tạp Chí Time cuối năm 1988 đã hô hào bót phá rừng, phá núi; bót làm ô nhiễm trái đất; bót đổ những đồ phế thải có chất phóng xạ xuống sông, xuống biển; tất cả đều là thực thi mấy khẩu hiệu nói trên. Chứng tỏ thế giới đã bắt đầu thay đổi tầm nhìn, lối nghĩ, không còn ích kỷ, hẹp hòi như xưa.

Nhân loại sẽ nhìn nhận ra rằng các đạo bên ngoài chỉ là những hình thức lễ nghi không cần thiết, chỉ là mằm sâu bị, thống khổ, gây chia rẽ giữa người với người; chỉ là một phụ tá cho cảnh sát, cho công quyền, chứ ít khi có thể làm cho con người được sung sướng, hạnh phúc, tự do, giải thoát thật sự... Chính vì vậy mà trong tương lai các đạo giáo công truyền, càng ngày càng bị bẻ vụn ra, các giáo phái càng ngày càng thêm nhiều, để sau này chỉ là những phương tiện cho chúng ta tùy nghi sử dụng.

Mọi người sẽ thấy rằng nền Minh Triết Á Châu thực sự mới cắt nghĩa được các nghi vấn của con người, và mới giúp con người đạt tới giải thoát thực sự.

Trong tương lai nhân loại sẽ cảm nghiệm rằng thực sự Trời không có ở đâu xa mà chính là đã ở ngay trong lòng sâu con người; ĐỨC TIN không phải là một sự chấp nhận ngây thơ, ai bảo sao thì đâm lao làm vậy, mà sẽ là kết quả lâu dài của một đời học hỏi và tìm kiếm, suy tư...

Con người sẽ tin rằng mình có những KHẢ NĂNG VÔ BIÊN, tha hồ khai thác, không bao giờ hết, vì trong mỗi người đều có MẦM MỘNG TRỜI, MẦM MỘNG PHẬT. TRỜI, PHẬT đây được hiểu với một nghĩa hết sức là rộng rãi, và cho đó là chính BẢN THỂ CỦA VŨ TRỤ & CỦA CON NGƯỜI CŨNG NHƯ CỦA QUẦN SINH.

Con người sẽ nhận ra rằng:

1. Con người không còn ở dưới đất, mà thực sự đang bay trên trời. Trái đất cũng hoàn toàn giống như trăng sao, đang làm những cuộc vân du vô tận.

2. Con người, trông bên ngoài thì nhợt nhợt, lem luốc, nhưng trông vào bản thể bên trong, thì chói lọi hơn ánh dương quang.

3. Thượng Đế không còn là một vị thần ngồi tòa ở phương trời nào đó, nghe thiên thần ca hát, nhưng chính là Thần Linh nội tại, luôn thi triển quyền uy, luôn tung tỏa sức sống, trong lòng vũ trụ quần sinh, từ đáy lòng nguyên tử cho đến đại thể tinh cầu, cho đến lòng sâu vạn hữu.

4. Vì thế vạn vật, quần sinh, vũ trụ, tinh cầu hợp lại đều là một Đại thể, đều là ngoại thân, ngoại thể của Đấng Tối Cao.

5. Như vậy, con người không bao giờ có thể lìa xa Bản thể, lìa xa Đại thể, dù là một phút giây. Cho nên đừng bao giờ đại dột quên đi dòng dõi sang cả của mình, thân thể tuyệt luân của mình, định mệnh huy hoàng của mình. **Trái lại phải tham tán, tài thành cùng trời đất trong công cuộc hóa sinh, đại tạo,**

xứng với ngôi vị của mình trong thế TAM TÀI: THIÊN, ĐỊA, NHÂN.

Tin rằng trong tương lai gần đây, chúng ta sẽ chứng kiến một sự CHUYỂN THỂ huy hoàng, chúng ta hãy bình thản mà đón nhận tương lai, và ngay từ bây giờ hãy giúp nhau mở rộng nhãn giới tâm linh, sống cho khinh khoáng, khoan quảng, hòa đồng; lấy từ bi, bác ái làm phương châm; lấy suy tư, tìm hiểu, chứng nghiệm làm phương pháp và luôn cố gắng phát huy các tiềm năng tiềm lực nơi mình, luôn thấp sáng đuốc lương tâm, để ánh sáng trời nội tâm ngày một tung tỏa khắp chốn nơi.



CHÚ THÍCH

- [1] a). Vòng tròn ngoài ghi tên các hành tinh. Thứ tự từ 12 giờ trưa, đọc thuận theo kim đồng hồ như sau: Neptune (Hải Vương Tinh); Pluto (Diêm Vương Tinh); Saturn (Thổ Tinh); Sun (Thái Dương); Moon (Thái âm); Mars (Hỏa Tinh); Venus (Kim Tinh); Mercury (Thủy Tinh); Jupiter (Mộc Tinh); Uranus (Thiên Vương Tinh). b). Giữa vòng tròn là dấu hiệu Cung Bảo Bình (Aquarius).
- [2] Cf. Daniel J. Boorstin, The Discoverers, Random House, New York, 1883, p. 451. -- Garrett Hardin, Nature and Man's fate, A Mentor Book, New American Library, New York, p.19.
- [3] Thực ra khi đọc đoạn này xong tôi thấy bớt sợ tận thế, vì thấy tác giả tưởng rằng các vì sao chỉ nhỏ bằng cỡ quả vả, chứ không ngờ rằng chúng lớn bằng cả trăm mặt trời. Muốn phá trái đất này, thì đâu cần phải dùng đến nhiều tinh tú như vậy! Và mặc dầu vô số là sao đã rơi rụng xuống, mặc dầu núi non đã bị đánh văng đi hết, nhưng nhân loại vẫn còn sống nguyên, vẫn còn tìm ra được những hốc đá mà ẩn. Hơn nữa tôi rất mừng vì thấy tác giả tưởng rằng khung trời xanh kia là cái gì có thật, như là một cái vòm kiên cố mà Chúa xưa kia đã phải mất cả một ngày mới tạo dựng xong (Sáng thế ký 1:6-8); chứ không biết rằng đó chỉ một huyền tượng gây nên bởi bầu khí quyển trông xa...
- [4] Richard Lewinsohn, Science, Prophecy and Prediction, Harper and Brothers Publishers, New York, 1961, tr. 78.
- [5] Xem Joseph Head and S. L. Cranston, Reincarnation, The Phoenix fire Mystery, Julian Press, Onc. 1977, p.138.
- [6] Marcus Bach, Strange Sects and Curious Cults, Dodd, Mead & Company, New York, 1961, p.109-124.
- [7] Cf. The People's Almanac by David Vallecichinsky & Irving Wallace, Doubleday & Company, Inc. New

York, 1975, pp. 1-30. -- Marcus Bach, Strange Sects and Curious Cults, Dodd, Mead & Company, New York, 1961, pp. 109-124 (Chapter 9: The Apocalypticists).

[8] When the world fully enters that sign, it has been prophesied, there will be “2000 years of humanitarian and universal brotherhood.” Further, all developments will be related to a factor as infinite and intangible as AIR. Great advances in aviation and all principles related thereto are predicted for the forthcoming air age. The advance of nuclear physics now being made as a liberation from the more finite substance of WATER and MASS is declared an indication of the coming Aquarian Age. Great breadth of mind or universality of thought, as mystical philosophy, is said to manifest, particularly in the Aquarian Age, as men's minds become as lofty and as unbounded as the air itself. (What is the Aquarian Age by Samuel Rittenhouse, in Rosicrucian Digest August, 1969, p.306.)

[9] We are living in “The Time of the End.” The end of the World? The end of our civilization? The end of culture? The end of mankind? No! The end of fear, worry, poverty, starvation, sorrow and sickness. (Zale H, Bechor, Prophecy Yesterday Today and Tomorrow, Astro Press 1980, p.18-19).

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 17

TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI

Đề tài «Trời chẳng xa người» mà tôi trình bày trong chương này, là một đề tài hết sức đơn giản, đơn giản như tấm lòng trung thực của tôi. Lời lẽ mà tôi dùng để trình bày vấn đề cũng là những lời lẽ đơn sơ trung thực, những lời lẽ bình dân của một người bình dân, nhưng tôi ước muốn nó sẽ trong sáng như muôn ánh trăng sao.

Tôi sẽ dùng lời lẽ của Thánh hiền, Tiên, Phật của các đạo giáo, những chứng lý triết học, khoa học để chứng minh lời tôi nói, chứ tôi không muốn đóng khung vào trong một khuôn khổ đạo giáo nào, hay tán dương một đạo giáo nào.

Tôi cũng xin minh xác rằng chữ TRỜI viết hoa mà tôi dùng, nó sẽ có một nội dung hết sức uyển chuyển, hết sức phong phú, khi thì là vị Tối Thượng Thần, khi thì là Bản thể của vũ trụ, khi thì hữu ngã, khi thì vô ngã. Danh từ đó sẽ tùy căn cơ của mỗi người mà biến hóa; khi nhỏ, thì nhỏ hơn hạt cải, hạt kê, khi to thì to trùm hết cả muôn phương vũ trụ.

Tôi sẽ trình bày vấn đề với một thái độ vô tư, vô chấp, và tôi cũng ước mong quý vị dành cho tôi một thái độ bao dung, vô tư vô chấp. Như vậy tôi sẽ thoải mái trình bày vấn đề, và quý vị cũng sẽ thoải mái đón nhận những điều tôi sẽ trình bày...

A. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI: Một chân lý làm nền tảng cho các đạo giáo

Sau nhiều năm suy tư và tìm kiếm, tôi đã tạo cho tôi một niềm tin vững mạnh này là: Cái chân lý làm nền tảng cho các đạo giáo cũng như cho các công cuộc tu trì của con người là quan niệm TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Điều đó thật dễ hiểu; nếu Trời, nếu Đạo «vô sở bất tại» theo lời của của Nho gia Hạng Bình Am, hay ở khắp mọi nơi, theo từ ngữ Công Giáo, thì làm sao mà Trời có thể xa con người được? Nếu Trời chẳng xa người, thì dĩ nhiên Trời phải ở gần con người. Trời gần, không phải là Trời ở trong vùng mình, trong khu phố mình, trong gia đình mình, mà thực là Trời đã ngự trị ngay trong lòng mỗi con người chúng ta.

Ta có thể dùng lời lẽ thánh hiền đông tây, kim cổ để chứng minh điều đó. Sách Tính Lý viết: «Trời và người đối với nhau như hai mặt trong ngoài.» ^[1] Vương Dương Minh cho rằng: Trời ở ngay trong lương tâm mọi người, vì thế ông mới nói: «Tâm tức là Trời... Lương tâm tức là Trời.» ^[2]

Cụ Nguyễn Đình Chiểu, một vị thạc nho Việt Nam cũng đã tìm ra được chân lý ấy.

Cụ viết trong Ngư Tiều vấn đáp y thuật:

«Có Trời thăm dụ trong lòng,
Tuy ngồi một chỗ, suốt thông trăm đời.»

Cụ lại viết thêm:

«Vây thời theo lẽ an phần,

Trăm năm chờ mạng, trong thân có Trời.» [3]

Các bậc hiền nhân quân tử trong đạo Nho, vì có niềm tin tưởng sâu xa rằng Trời chẳng xa người, nên dẫu ở một mình nơi vắng vẻ cũng vẫn e dè, kính sợ.

Trung Dung (chương 1) viết:

«E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi, cho nên hăi hùng.

Càng ẩn áo, lại càng hiện rõ,

Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều.

Nên dù chiếc bóng tịch liêu,

Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng.»

Kinh Thi viết:

«Chái Tây Bắc, góc nhà thanh vắng,

Đừng làm chi đáng để hổ người.

Đừng rằng tầm tối chơi vơi,

Đừng rằng tầm tối, ai người biết ta.

Thần giáng lâm, ai mà hay biết,

Nên dám đâu khinh miệt để người.» [4]

Nhìn sang phía đạo Lão, ta cũng thấy có chủ trương tương tự.

Nam Hoa kinh viết: «Trời ở bên trong, người ở bên ngoài.» [5]

Trong truyện Đông du bát tiên, có chép: Hán Chung Ly và Lữ Động Tân hỏi Tào Quốc Cự: «Ông tu luyện ra sao?»

Tào Quốc Cự nói: «Lòng mộ Đạo thì lánh trần, chớ không có phép chi hết.»

Hai tiên hỏi: «Đạo ở đâu mà mộ?»

Tào Quốc Cự chỉ Trời.

Hai tiên hỏi: «Trời ở đâu?»

Tào Quốc Cự chỉ cái tim.

Hán Chung Ly cười rằng: «Lòng là Trời, Trời là Đạo. Đã biết cội rễ, tu sẽ thành tiên.» [6]

Quan niệm Trời chẳng xa người, mà Trời đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người, đã được Áo Nghĩa Thư của Ấn Độ Giáo lấy làm đề tài chính yếu, từ bốn nghìn năm nay.

Svetasvara Upanishad viết:

«Chân tâm nhỏ tựa ngón tay,

Lồng trong vạn vật muôn loài thụ sinh.

Tâm thần, trí lực bao quanh,

Ai mà biết được sẽ thành thần tiên.» [\[7\]](#)

Mundaka Upanishad viết:

«Biết rằng trong dạ có Trời,

Rối ren, ngu muội tức thời tiêu tan.» [\[8\]](#)

Svetasvara Upanishad viết:

«Dung quang Ngài khó mà cầu,

Mắt trần sau trước thấy sao được Ngài,

Biết Ngài trong dạ ấy ai,

Tâm thần biết thể muôn đời trường sinh.» [\[9\]](#)

Ramakrishna, vị đại thánh Ấn Độ gần đây, cũng chủ trương: «Bao lâu bạn cảm thấy Thượng Đế xa bạn, thì bấy lâu bạn còn u tối. Nhưng nếu bạn nhận chân rằng Thượng Đế ở trong bạn, thì bạn đạt được sự khôn ngoan thật.» [\[10\]](#)

Đạo Phật, thay vì dùng chữ Trời lại dùng những chữ: Phật, Phật tính, Tự Tính, Chân Như, Bản Tính, Bản Thể v.v...

Lúc ấy, Phật lại quá gần gũi con người vì Phật chính là Bản Tâm, là Tự Tính của con người mà con người chẳng biết chẳng hay.

Vô Cấu Thiền sư có kệ:

«Đầu non ngũ uẩn một vùng không,

Vào ra cùng cửa chẳng tương phùng.

Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,

Mà nào có biết Chủ Nhân ông.» [\[11\]](#)

Đường Thích Tuệ Hải nói: «Phật do tâm tạo. Người mê tìm Phật trong sách vở; người ngộ hướng vào tâm mà tìm Phật nơi mình...» [\[12\]](#)

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, nơi Chương Sám Hồi đệ thất, Lục Tổ Huệ Năng đã long trọng tuyên xưng rằng trong sắc thân con người đã có đủ Tam Thân Phật, và Qui y là tự qui y với Phật trong lòng mình. Lục Tổ viết: «Tôi nói là qui y Phật nơi tâm, chứ không nói qui Phật ở đâu khác. Phật nơi mình mà không qui, thì còn nơi đâu nữa để mà y? Nay đã giác ngộ, thì đều nên qui y Tự Tâm Tam Bảo, trong thì điều ngự tâm tính, ngoài thì trọng kính tha nhân. Thế là tự qui y vậy... Tam Thân Phật không ở nơi Sắc Thân con người, mà ở nơi Tự Tính con người. Ai ai cũng có. Nếu mà mê không biết mình có Tự Tâm, không nhìn thấy Nội Tính, lại chạy ra bên ngoài đi tìm Tam Thân Như Lai, thế là không thấy trong mình có đủ Tam Thân Phật... Tam Thân Phật sinh ra từ nơi Tự Tính con người, chứ không thể có được tự bên ngoài...» [\[13\]](#)

Tóm lại, khi chưa giác ngộ khi thì ta với Phật xa cách nhau, đầu sông Tương cuối sông Tương, mà khi ngộ rồi thì ta với Phật là hình với bóng.

Khi bước qua dòng nước, Động Sơn nhìn thấy bóng mình, liền làm một bài thơ:

Ngoài ta ta kiếm mi,

Lần hồi mi sơ ta.

Giờ một mình ta bước,

Đâu đâu cũng gặp mi.
Nay mi chính là ta,
Nhưng ta chưa là mi.
Nếu hiểu được như thế,
Như Như hết phân ly. [\[14\]](#)

Hồi Giáo cũng không có bí quyết gì khác.

Thánh kinh Coran của Hồi Giáo viết: «Thượng Đế gần con người hơn tĩnh mạch cổ con người.» [\[15\]](#)

Và đây là lời của một ông già chất phác người Thổ Nhĩ Kỳ, theo Hồi Giáo, nói cùng Alexis Zorba, con người chịu chơi, khi mà hắn còn là trẻ nít.

Alexis Zorba kể: Lão Hussein Aga là một người thánh thiện. Một hôm lão đặt tôi lên đầu gối lão. Lão nói: «Ta sắp nói với con một điều bí ẩn. Bây giờ hãy còn bé quá chưa có thể hiểu nổi. Nhưng khi nào lớn lên, con sẽ hiểu. Nghe lão nói đây con: Bảy tầng trời cũng như bảy tầng đất đều không đủ để chứa Thượng Đế. Nhưng tâm hồn con người chứa đựng được Ngài. Bởi vậy hãy cẩn thận, Alexis, chớ có bao giờ làm thương tổn đến tâm hồn con người.» [\[16\]](#)

Baba Kuhi, một đại thánh Hồi Giáo, chết vào năm 1050, đã có bài thơ mà tôi dịch như sau:

Ở ngoài chợ, ở trong dòng,
Ở đâu cũng thấy thuần ròng Chúa thôi.
Xuống khe, lên núi, lên đồi,
Ở đâu cũng thấy Chúa tôi tràn đầy.
Giàu sang, nghèo khó tuy thay,
Bao giờ cũng thấy Chúa ngay bên mình.
Dù khi tĩnh tọa cầu kinh,
Ăn chay, giữ giới, thấy mình Chúa thôi.
Bất kỳ hay dở trên đời,
Truy nguyên vẫn thấy Chúa tôi rành rành.
Mở to đôi mắt nhìn quanh,
Trông gì cũng thấy hóa thành Chúa thôi.
Nến tôi thấp cháy lửa Ngài,
Hào quang vừa tỏa, Chúa tôi hiện hình.
Mượn đôi mắt Chúa nhìn quanh,
Bỏ đôi mắt tục, vẫn rành Chúa thôi.
Giã từ hiện tượng hình hài,
Lạ sao vẫn thấy Chúa tôi như thường.
Tưởng mình tan biến hư vương,
Nào hay mình vẫn miên trường, vô biên. [\[17\]](#)

Đạo Công Giáo cũng có chủ trương tương tự.

Thánh vịnh David 139 viết:

«Thần trí Chúa tôi sao thoát nổi,
Tôi trốn đâu cho khỏi Nhan Ngài?
Lên trời, Chúa đã chờ tôi,
Âm Ti nấu ản, Ngài thời vẫn kia.
Hùng đông mượn cánh hia muôn dặm,
Táp biển khơi xa vắng ẩn mình.
Một màu trời biển mông mênh,
Chúa đâu đã thấy hữu tình giang tay.
Tôi lấy tối bao vây chặt chẽ,
Biến sáng trời thành về đêm tăm.
Nào ngờ mắt Chúa vẫn chong,
Màn đêm sao bỗng sáng chưng thành ngày.
Cật ruột tôi Chúa may, chúa dệt,
Từ mẫu thai đã kết nên tôi.
Tôi là tuyệt phẩm của Ngài,
Khen Ngài tôi chẳng còn nhời mà khen.
Hồn tôi, Ngài quá quen, quá rõ,
Thịt xương tôi, Ngài tỏ từ bao.
Biết tôi, biết tự thừa nào,
Từ tôi vừa thoát tiêu hao bóng hình...»

Phúc âm thánh Lu Ca Chương 17, câu 21 có lời Chúa phán: «Nước Trời không đến một cách lộ liễu. Không nói được nước Trời ở đây, ở đó, vì hãy biết: Nước Trời ở trong anh em.»

Nếu Nước Trời ở trong tôi, thì dĩ nhiên Vua Trời không thể lưu vong, mà đích thực đã ngự sẵn trong tôi.

Cũng trong dòng tư tưởng ấy, thánh Paul đã viết: «Anh em chẳng biết thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Linh, đáng ngự trong anh em sao?» [\[18\]](#)

Ngài lại viết: «Anh em hãy ngợi khen Thiên Chúa và mang Ngài trong thể xác anh em.» (I Cor. 6,20).

Và khi thuyết trình tại Viện Tối Cao Hi Lạp, Ngài đã nói: «Chúng ta sinh động và hiện hữu trong Thượng Đế... Chúng ta là dòng dõi Thượng Đế.» (Acts, 17, 29).

Thánh Augustine viết trong tập Tự Thú: «Con đã tìm Chúa ở ngoài con, nên đã không gặp Chúa của lòng con.» [\[19\]](#)

Trong Cuốn X, chương 27, Ngài còn viết: «Con đã yêu Chúa quá muộn... Chúa là phần trong, con là phần ngoài.» [\[20\]](#)

Đối với đạo Cao Đài, quan niệm Trời chẳng xa người cũng rất là quen thuộc. Trong một bài Thánh

Giáo có thơ rằng:

«Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,
Chúng sinh giác ngộ biết tu hành.
Thương yêu mưa tách người khôn đại,
Điều độ đừng chia kẻ dữ lành.» [\[21\]](#)

Trong quyển Lịch sử đạo Cao Đài, phần Vô Vi, có một đoạn như sau: «Thánh ngôn trong đạo Cao Đài có viết: «Thầy là các con, các con là Thầy.» Thật đã bộc lộ được yếu tố mới mẻ, làm cho mọi người đều biết rằng Thượng Đế không phải là một đấng xa lạ, mang đặc tính của một địa phương hay ngồi trên cao chót vót mà nhìn xuống chúng sinh với tất cả sự thưởng phạt có tính cách bàng quan, mà chính Thượng Đế đã ứng hóa theo từng thân nhân loại để đem con người vào chỗ hòa đồng với Thượng Đế, điểm linh năng đầu tiên tạo nên vạn vật vũ trụ này.» [\[22\]](#)

«VẬY ĐỐI VỚI ĐẠO CAO ĐÀI, THÌ TRỜI ĐÃ HỢP NHẤT VỚI CON NGƯỜI ĐỂ CHUYỂN HÓA TÂM TƯ MỌI NGƯỜI, VÀ ĐIỀU DẮT NHỮNG NGƯỜI CÓ CĂN DUYÊN, CHO HỌ TRỞ THÀNH TIÊN, PHẬT, THÁNH.» [\[23\]](#)

Trong một đàn cơ khác, có thơ:

«Bạch ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng màng hạ giới dựng cơ ngơi.
Sang hèn trời kệ, tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi.»

Hội nghị quốc tế Thông Thiên Học tại Salzburg nước Áo, năm 1966 vừa qua, đã có những lời tuyên bố này lửa như sau: «Trong ta có một Vô Cùng... Giác ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người... Thời buổi này, cần phải nhận chân rằng trong mọi người, có một tàn lửa Thiên Chân và những khả năng vô biên, vô tận... Tôn giáo xưa cho rằng: Trời và người xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời, Người là một... Người ta thấy Thượng Đế trong tạo vật Ngài... Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này vĩ đại như sự khám phá nguyên tử năng. Nó cho con người một quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh kỳ diệu...» [\[24\]](#)

B. TRỜI NGỰ TẠI TRUNG TÂM ĐIỂM ĐẦU NÃO CON NGƯỜI

Trên đây đã nói Trời ngự trong lòng ta, nhưng chữ lòng đây còn hết sức là man mác, mơ hồ. Chúng ta cần xác định lại cho hẳn hoi.

Đã đành Đạo thời vô sở bất tại, ở khắp cùng trời đất, ở khắp châu thân chúng ta, nhưng vẫn có thể nói được là Trời cũng có một sở cư đặc biệt trong con người chúng ta. Sở cư ấy ở đâu? Xin trả lời: Đó là Não thất ba, ở ngay chính giữa đầu não con người.

Chúng ta có thể nói vậy, vì các đạo gia, các nhà thấu thị, triết gia, khoa học gia đã cho chúng ta những bằng chứng hết sức là chắc chắn.

*Não Thất Ba là một động trống ở chính giữa đầu não con người. Từ đó nhìn ra, ta thấy như các thần kinh, các mạch máu đều qui hướng, triều cống về.

*Não thất ba lại còn có liên lạc trực tiếp với các xoang não khác trong đầu, với ống tủy xương sống và

như vậy với tất cả thần kinh khắp châu thân.

Thiên văn Trung Hoa cho rằng Thượng Đế ngự trị trong Tâm Điểm hoàn vũ, gần nơi sao Bắc Thần.

Theo Dịch, thì Thái cực ở Trung Tâm điểm vòng Dịch, ở giữa các hào quái.

Theo tổ chức hành chánh, chánh trị xưa như ở Trung Hoa, thì Thiên Tử lập kinh đô ở trung tâm quốc gia.

Cũng một lẽ, Thượng Đế sẽ ngự trị ngay ở Trung tâm điểm đầu não chúng ta, ở trong Nê Hoàn Cung, hay Thiên Cốc, hay Não Thất Ba.

Mundaka Upanishad viết:

«Nơi nào mà mọi thần kinh,
Như đũa gắp trục trong vành bánh xe,
Nơi thần kinh hội tụ về,
Là nơi Tuyệt đối chưa hề hóa thân,
Cố tìm Tuyệt Đối trong thân,
Rồi ra sẽ thoát biển trần hôn mê...» [\[25\]](#)

Nhìn vào các sơ đồ óc não của khoa cơ thể học, ta thấy các thần kinh óc não như muôn ngàn tai hoa qui tụ về Não Thất Ba, chẳng khác nào muôn ngàn dòng sông hiện tượng đổ dồn cả vào trùng dương Bản Thể.

Phật giáo có một câu chú hết sức phổ thông, đó là chú: Ân Ma Ni bát minh hồng (Oum mani padme hum). Nghĩa là: Ôi, Ngọc Châu Vĩn Giác nằm tại Liên Hoa Tâm.

«Liên Hoa» được giải là óc não, và các nhà bình giải cho rằng «Liên Hoa tâm» đây là trung điểm đầu não con người...[\[26\]](#)

Như vậy câu chú trên có thể dịch nôm na như sau: «Ồi, Tuyệt đối đã ở ngay trong giữa đầu não con người.»

Đó là một khám phá mà Phật Giáo Tây Tạng coi là hết sức quan trọng.

Đạo Lão thời cho rằng: «Đầu có chín cung; cung giữa là Nê Hoàn.» [\[27\]](#) Mà «Nê Hoàn là sở cư của thần minh». [\[28\]](#)

Người xưa còn gọi Nê Hoàn Cung là Thiên Cốc, và Thần trong Thiên Cốc là Cốc Thần. Mà Cốc Thần chính là Trời là Đạo.

Tính Mệnh Khuê Chỉ có thơ:

«Căn kinh Đại Đạo ít ai hay,
Thường nhân dùng mãi, biết nào ai!
Vì người, xin chỉ Thần Tiên động,
Một khiếu cong cong tựa nét ngài.» [\[29\]](#)

Theo Thánh kinh Công Giáo, Thượng Đế từng đối thoại với tổ tông loài người trong một vườn địa đàng đầy hoan lạc. Vườn ấy có 4 con sông chảy ra bốn hướng. Đó là 4 con sông Pison, Géhon, Tigre và Euphrate. (Khởi Nguyên, 2, 10, 15).

Khảo địa dư ngày nay, không thấy nơi nào trong hoàn cầu có 4 con sông chảy ra theo hình thước thợ

như vậy.

Nhưng khảo cơ thể học, ta thấy trong óc não ở nơi tâm điểm có Não Thất Ba. Quanh Não Thất Ba có Vòng động mạch Willis. Từ Vòng Willis có 4 động mạch não hướng ra bốn hướng óc theo đúng hình thước thợ.

Thế là Đào Nguyên Lạc Cảnh vẫn đã nằm sẵn trong đầu não con người. Thượng đế vẫn thường xuyên đối thoại với con người qua tiếng Lương Tâm...

Và đầu não ta với vai với cổ chính cũng là núi Tu Di có thất cổ bông, trên đó có Phật ngự, theo tượng hình và từ ngữ Phật giáo.

Khảo Cơ thể học, xương sống cổ thứ nhất được gọi là Atlas. Theo thần thoại Hi Lạp, Atlas là Thần chống đỡ trời. Ý muốn nói đầu ta chính là bầu trời vậy. Các sách tướng pháp Á Châu cũng cho rằng đầu ta chính là bầu trời vì có đủ nhật nguyệt, và ngũ tinh trên mặt. Đầu ta chính là bầu trời để mang chứa Trời, cho nên trán ta mới gọi là Thiên Đình, nơi vua Trời ra thiết triều.

Tóm lại sau khi đối chiếu các tôn giáo với khoa học, triết học ta có thể kết luận rằng: Trời ngự trong lòng chúng ta. Nhưng lòng đây không phải là lòng ruột, không phải là Hạ Đơn Điền, cũng không phải là quả tim, vì quả tim nằm chệch phía chứ không ở chính giữa ngực. Lòng đây cũng không phải ở một khoảng chơi vơi giữa tim và thận, mà lòng đây phải được đem lên thượng đỉnh, đem lên trung tâm đầu não con người, lên Não Thất Ba, nơi mà mọi mạch máu, mọi thần kinh đầu đều qui hướng về.

Người xưa đã chỉ tỏ cho ta thấy muốn tìm ra «lòng», tìm ra Chân Tâm, phải từ huyết Bá Hội nơi đỉnh đầu đi xuống, và từ huyết Ấn Đường, nơi giữa hai lông mi đi vào. Giao điểm của hai đường ngang dọc đó sẽ là Não Thất Ba hay Nê Hoàn Cung. Có lẽ vì thế mà các tượng Phật Thánh Ấn Độ thường có những phương cách đặc biệt để chúng ta chú ý đến đỉnh đầu, và nơi giữa hai làn mi.

Trong bộ Phật Học Đại Tự Điển có ghi: «Từ giữa hai làn mi, đi sâu vào một tấc là Minh Đường, hai tấc là Động Phòng, ba tấc là Nê Hoàn.»

C. NHỮNG HỆ QUẢ CỦA QUAN NIỆM TRÊN

a. Hệ quả Triết học

1. Trời là bản thể con người.

Nếu Thượng Đế hằng ngự trị trong lòng ta, thì Thượng Đế chính là căn cơ, gốc gác của ta, Thượng Đế chính là Bản Thể của ta, là Chân Tính của ta.

Hiểu như đó nên Mạnh tử mới nói: «Tính người vốn tốt.»

Mạnh Tử còn viết:

«Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời.
Tồn tâm, dưỡng Tính chẳng rời,
Ấy là giữ đạo, thờ Trời chẳng sai.»

(Mạnh Tử, Tận Tâm chương cú hạ 1).

Cho nên, nếu Trời là Nguồn Sáng, thì người sẽ là những ánh sáng từ đó phát ra; nếu Trời là gốc cây, thì con người sẽ là thân cây, là cành, lá, quả, hoa.

Các nhà thấu thị còn tiến thêm một bước nữa, và cho rằng Trời chẳng những là Bản Thể con người mà còn là Bản Thể của muôn loài, muôn vật. Niềm tin này chính đã sinh ra Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

Trời là bản thể bên trong, nhân loại, quần sinh là hiện tượng, là ứng dụng bên ngoài, nhưng đôi đàng vẫn mật thiết tương quan với nhau. Chu Hi viết: «Thể Dụng nhất nguyên, Hiển Vi vô gián.»

«Thể với Dụng cùng chung gốc rễ,
Hiển cùng Vi khôn nhẽ chia đôi.»

Đó là một học thuyết cổ sơ nhất của nhân loại, nhưng ngày nay vô số người Âu Mỹ cũng lại hết sức tin theo.

Cady, tác giả quyển Lessons in Truth, đã viết: «Như vậy, Thượng Đế chính là Thực thể đứng khuất lấp sau mọi hình thái của sống động, của tình yêu, của trí huệ và của quyền uy. Mỗi một tảng đá, mỗi một cây, mỗi một muông thú, bất kể cái gì có hình tướng đều là sự hiển hình của một Chân Thần – của một Trời – khác nhau chỉ là ở cấp độ hiển dương nhiều hay ít. Và muôn ngàn hiện tượng, muôn ngàn cá thể, dù là nhỏ nhoi hèn hạ đến đâu cũng dung chứa Toàn Thể.» [30]

2. Luật Trời chẳng xa người

Nếu Trời chẳng xa người, thì làm sao mà luật Trời xa con người được?

Kinh Thi viết:

«Trời sinh ra khắp chúng dân,
Vật nào phép nấy định phân rành rành.
Lòng dân sẵn có căn lành,
Nên ưa những cái tinh thành đẹp tươi.»
(Kinh Thi, Chương dân).

Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo nhiều lần đã long trọng xác nhận rằng luật Trời đã ghi tạc trong tâm con người.

Trong sách Deuteronomy (Phục Truyền Luật Lệ Ký), khi truyền Mười Điều Răn cho dân Do Thái, Chúa phán: «Thực vậy, lề luật mà ta truyền dạy hôm nay, không có ở ngoài tầm kích người. Nó không ở trên trời, để người phải nói: "Ai lên trời cho chúng tôi, để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và thi hành. Nó cũng chẳng ở cách trùng dương để người phải nói: Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và thi hành. Đạo kề bên người, Đạo ở trong miệng người, trong lòng người, để người có thể đem thực hiện.» (Deuteronomy, 30,11).

Tiên tri Jeremiah cũng viết lại lời Thiên Chúa: «Ta để lề luật ta trong tầng sâu bản thể chúng, và sẽ viết luật ta trong đáy lòng chúng.» (Jeremiah, 31, 33–34).

Về phía triết gia, Emmanuel Kant viết: «Bầu trời đầy sao trên đầu ta, và định luật luân lý trong lòng ta, đó là hai điều càng ngày càng làm cho tâm hồn ta phải kính phục.» [31]

Johann Gottfried von Herder (1744–1803), một văn gia Đức, cũng chủ trương đại khái rằng: khuôn mẫu hoàn thiện chẳng lìa xa con người, mà đã ghi tạc trong thâm tâm con người. Mẫu người hoàn thiện đã sẵn có trong thâm tâm con người. [32]

3. Con người có hai phần Chân và Vọng

Vì Trời là căn cơ, là bản tính con người, vì trong lòng ta có Trời, vì Trời là bản thể nhân loại, nên thánh hiền xưa nay thường phân biệt hai phần Chân và Vọng trong con người.

Phần Chân thời thường hằng, bất biến,

Phần Vọng thời biến thiên, sinh tử.

Phần bất biến là Thiên, là Chân Tâm, Chân Ngã.

Phần biến thiên nơi ta là Nhân, là Vọng tâm, Vọng Ngã.

Phần Chân Thường, Chân Ngã nơi ta, người xưa còn gọi là Bản Lai diện mục, là Phật tính, là Cốc Thần, là Huyền Tẩn, là Tính, là Thần, là Đạo, là Atman, là Cái Đó (Giá Cá), là đấng KiTô nội tại v.v...

Phần biến thiên phù phiếm nơi ta, thường được gói ghém trong mấy chữ: Tầm thân «tứ đại giả hợp», và bao gồm hết tâm tình, tư lự, tri giác, cảm xúc v.v... tất cả những yếu tố đó tạo nên con người thực tại và lịch sử như chúng ta đây, những con người đang sống trong vòng biến thiên, hiện tượng, đang chìm nổi trên trùng dương trần thế, bồng bềnh như thân phận cánh bèo, lòng những ước mơ hạnh phúc, mà thực ra chưa mấy ngày là được hưởng hạnh phúc thành thoi...

Thánh hiền xưa nay cốt chỉ cho con người thấy phần Thiên, bất biến bất diệt nơi con người.

Tính Mệnh khuê chỉ viết:

«Phụ mẫu sinh tiền một điểm linh,

Chẳng linh, vì đã kết thành hình.

Hình hài che khuất nguồn sáng láng,

Thoát hình âu sẽ vẹn tinh anh.» [33]

4. Tìm ra được phần bất biến ấy nơi con người, nhiên hậu mới lập được căn cơ tu trì vững chãi.

Tiến thêm một bước nữa, ta có thể suy luận như sau: Cái gì biến thiên sẽ có sinh, có tử. Mà tâm hồn ta thời biến thiên nên cũng có sinh, có tử.

Cái gì bất biến, hằng cửu mới bất sinh, bất tử. Mà chỉ có Trời mới bất biến, hằng cửu, nên chỉ có Trời mới bất sinh, bất tử.

Trang Tử vì biết trong mình có phần Thiên, nên mới dám nói:

«Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.» [34]

Trời bất biến; con người biến thiên. Đã biến thiên thời không vĩnh cửu. Vậy con người muốn vĩnh cửu, muốn trường sinh bất tử, phải kết hợp với Trời, nhân tâm phải kết hợp với Đạo Tâm.. Trường sinh bất tử không phải là một dữ kiện nhưng là cả một công trình cần phải được thực hiện.

Chính vì thế mà đạo Lão mới nói:

Dục cầu nhân bất tử,

Tu tầm bất tử nhân.

Dịch:

Muốn cho người được trường sinh,

Phải tìm ra Đấng huyền linh, trường tồn. (Tiên học, tr. 2)

Đạo Lão cũng chủ trương: «Tâm tử, thần hoạt.» (Hồn chết đi, cho thần sống động.)

Phật giáo cũng chủ trương rằng: nếu bỏ cái chân thường, mà chắt chiu ôm ấp cái biến thiên, ấy là làm một công chuyện vô ích, xét về phương diện siêu nhiên.

Thủ Lăng Nghiêm viết:

«Phật bảo A Nan: Từ muôn kiếp tới nay, chúng sinh lao lung, điên đảo; các nghiệp chướng sinh ra đầy dẫy như trái ác xoa. Còn những người tu hành chẳng thành được vô thượng bồ đề, lại thành ra những bậc thanh văn, duyên giác, các thứ ngoại đạo, trời và ma vương, ma quyến, đều là vì không biết hai thứ căn bản, tu luyện cuồng xiên, thác loạn, y như đòi nấu cát thành cơm, thì có đến ngàn muôn kiếp cũng chẳng được.

«Thế nào là hai thứ căn bản? hỏi A Nan! Một là căn bản tử sinh từ muôn kiếp y như nay, người và chúng sinh lấy tâm vọng tưởng (tâm phan duyên) là tự tính.

«Hai là Căn bản Niết Bàn Nguyên Thanh tịnh thể đó ở nơi người, chính là «Thức tinh nguyên minh» có thể sinh ra vạn duyên, vạn sự, mà đã bị trần duyên làm mất bỏ.

«Cũng vì chúng sinh đã bỏ mất cái căn nguyên sáng láng ấy, cho nên hằng ngày tuy vẫn luôn dùng, mà vẫn chẳng tự biết được nó, rồi ra lặn lội, đắm đuối vào các thú vui uống phí cả cuộc đời.» [35]

Bỏ cái Nguyên Thường, trường cửu mà theo cái vô thường, biến dịch, coi vọng tưởng mà lầm là «chân tính» của mình, thì khác nào nhận giặc làm con, làm sao thoát khỏi luân hồi, khổ ải.

Phật bảo A Nan: «Cái đó là vọng tưởng do lục trần bên ngoài mà sinh, nên gọi là vọng tưởng. Nó làm hoặc loạn chân tính con người. Bởi vì từ xưa tới nay, người nhận giặc làm con, bỏ mất tính chân thường của người, nên người bị luân chuyển.» [36]

Làm sao mà phân biệt được Chân Tâm, Vọng Tâm nơi con người?

Phật cho rằng cái gì từ bé đến già mà không thay đổi là Chân Tâm.

Theo đà thời gian, tuế nguyệt, đầu ta bạc, mắt ta nhăn, nhưng cái Chân Tâm ấy chẳng hề nhăn, chẳng hề bạc. [37]

Suy ra, trong con người, cái gì bất động, bất biến là Chân Tâm.

Đã bất biến, thường trụ thời là Chủ Nhân; đã trường tịch, bất động thời là Không. [38]

Trái lại, cái gì thay đổi, biến thiên trong con người, cái gì dao động, thì là vọng tâm. Mà đã dao động, thì chẳng qua là trần ai, hay là khách qua đường mà thôi.

Cho nên vọng tâm chính là hiện tượng, sẽ bị sinh diệt, còn Chân Tâm mới là căn bản, mới là Bản Thể bất sinh, bất diệt. [39]

Bỏ mất bản tâm, mà lại nhận duyên trần, nhận vật làm mình, nhận dao động, biến thiên làm Chân Tâm, thì làm sao chẳng bị quay cuồng trong ngọn lửa luân hồi, lưu chuyển? [40]

Không ý thức được quan niệm căn bản ấy, đã mất Chân Tâm, Bản Tâm rồi, thì dẫu có đem thân xuất gia, lòng vẫn chẳng nhập đạo, chẳng khác gì đứa con bỏ nhà cha ra đi, ắt bị lao lung, khổ ải. Tu trì như thế làm sao mà chứng quả được, cũng ví như nghe người nói chuyện uống ăn, thì làm sao mà no được? [41]

Tóm lại ôm ấp, chắt chiu cái biến thiên, hủ hoại, mong ước cho nó được trở nên thường hằng, bất hủ, bất hoại, là muốn đi ngược lại định luật của trời đất, cũng y như là muốn cho má không nhăn, đầu không bạc, răng không rụng, để mà xuân mãi với thời gian.

Nói cách khác: Gieo nhân nào, thì được quả ấy: Nếu chúng ta lựa những hạt giống phàm phu, tục tử mà gieo giống, thì chúng ta chỉ gặt hái được những quả phàm phu, tục tử. Nếu chúng ta tìm những hạt giống Trời, Phật, Thánh, Thần mà gieo giống, thì chúng ta mới chứng được quả Trời, Phật, Thánh, Thần.

Xưa nay chưa từng thấy ai cho ấp trứng gà, mà lại nở ra chim phượng bao giờ.

b. Hệ quả đạo giáo

1. Kính sợ Trời tiềm ẩn đáy lòng.

Nếu Trời ngự trị trong lòng chúng ta, nếu chúng ta biết Trời soi xét tâm can chúng ta hằng phút, hằng giây, tự nhiên chúng ta sẽ kính úy, sẽ thay đổi tính tình, sẽ cố ăn ở cho trang trọng, sẽ không còn dám làm điều sằng bậy.

Người xưa âu đã biết điều này, nên mới nói: «Hoàng Thiên bất khả khi», nghĩa là: đối Trời không được. Hoặc:

«Nhân gian tư ngữ, thiên văn nhược lỗi,
 Âm thất khuỵ tâm, thần mục như điện.»

Dịch:

Nhân gian thầm thì với nhau,
 Trời nghe mồn một, ngõ đâu sấm rền.
 Phòng riêng, lòng tránh nổi niềm,
 Trời nhìn tỏ rõ như in chớp lò.

Có biết kính úy, thời mới bước được vào con đường tu trì, tu thân, tiến đức thực sự.

Luận Ngữ (14, 15) viết: «Tu kỹ dĩ kính.» (Kính để sửa mình.)

Sách Ecclesiasticus viết: «Sự kính sợ Trời, là khởi điểm cho sự khôn ngoan.» (Eccl. I, 14).

2. Trọng kính mọi người, thương yêu mọi người.

Nếu ta tin tưởng rằng có Trời tiềm ẩn trong lòng mỗi một người, tự nhiên ta sẽ đem lòng kính trọng đồng loại, bởi vì mọi người đều là những đền thờ sống động của Thượng Đế.

Chính vì thế mà người quân tử trong đạo Nho «ra khỏi nhà thời trang trọng như đón khách quý, đối với dân, thời kính cẩn như đang hành đại lễ.» (Luận Ngữ XII, 2).

Người Á Châu có lẽ đã sớm hiểu biết rằng Trời chẳng xa người, rằng đồng loại là trọng, nên hết sức kính trọng người khác.

Khảo phong tục dân Ấn, dân Tàu, dân Việt, dân Nhật, đâu đâu ta cũng thấy có phong tục trọng khách, và lấy sự lễ độ làm giường mồi cho mọi công cuộc giao tiếp.

Đằng khác, nếu nhận định rằng Trời là Bản thể con người, thì chúng ta hoàn toàn giống nhau về phương diện căn bản, bản thể, về phương diện lương tâm, mà chỉ khác nhau về tuổi tác, địa vị, hoàn cảnh, màu da, sắc áo v.v... Tóm lại xét về Bản thể, chúng ta đều là một.

Chính vì thế chúng ta có bốn phận coi mọi người như anh em và có nhiệm vụ bác ái đối với mọi người.

Khẩu hiệu «Tứ hải giai huynh đệ» phải được nhân loại càng ngày càng đề cao, và thực thi triệt để.

Mời hay:

«Hoàn cầu phục vụ con người,

Con người nay trước, con Trời mai sau.

Nội tâm cố tiến vào sâu,

Cửa Trời dần mở, cơ màu dần hay.

Chớ còn gàng quải đó đây,

Ngoài tuy muôn nước, trong nay một nhà.

Thiên sơ vạn thủy băng qua,

Muôn người như một, thái hòa khắp nơi.»

3. Đi sâu vào đáy lòng để tìm Đạo, tìm Trời.

Nếu Trời đã ở trong lòng ta, thì con đường gần nhất để tìm Trời, tìm Đạo, chính là đi sâu vào đáy lòng để mà tìm kiếm.

Tu trì chính là biết tập trung tư tưởng, biết gạt đục khơi trong tâm hồn, để cho «tam hoa qui đỉnh, ngũ khí triều nguyên», cho mọi sự trở về căn nguyên đích thực của nó tại «não thất ba» – tại Nê Hoàn – để cho lòng người được hợp với lòng Trời. Chính vì thế mà Mạnh tử mới viết: «Đạo ở gần, mà cứ đi tìm ở xa.» (Đạo tại nhĩ nhi cầu chư viễn. Mạnh tử, Ly Lâu thượng, câu 2).

Phúc âm Lu Ca viết: «Nước Trời ở trong anh em.» (Luke 17:21).

Emmanuel Swedenborg nói: «Trời ở bên trong, chứ không ở bên ngoài chúng ta.» [\[42\]](#)

Albert le Grand nói: «Lên cùng Thượng Đế tức là về với lòng mình. Ai mà vào được tới đáy lòng mình, sẽ tự vượt, để đạt tới Thượng Đế.» [\[43\]](#)

Mạnh tử viết:

«Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta, ta cố tình thành.

Kiên toàn, hoàn thiện tinh anh,

Vui nào hơn được vui mình đang vui.» [\[44\]](#)

Môn phái Khất sĩ Bauls ở Ấn Độ cũng chủ trương như vậy. Họ tha thiết đi tìm Trời, nhưng là đi tìm Trời trong tâm hồn họ, chứ không phải trong đền đài, miếu mạo [\[45\]](#)

Đối với họ, vũ trụ này được tạo dựng có mục đích là để cho Vô Cùng được thể hiện trong Hữu Hạn. Mà sự thể hiện này không phải sẽ thấy ở bầu trời đầy sao, mà sẽ thấy trong tâm hồn con người.

Họ cũng quan niệm rằng: «Con người sở dĩ không trông thấy Thượng Đế ngự trong lòng họ, vì họ bị choáng lòa bởi vọng tâm. vọng niệm, vọng ngã. Họ không biết có Thượng Đế trong họ, vì họ chỉ quan tâm đến tiểu ngã, vọng ngã, đến vật chất, ngoại cảnh, đến những thú vui trần tục.» [\[46\]](#)

Maitri Upanishads của Ấn Độ Giáo đã viết:

...Tâm thường có hai chiều, hai vẻ,

Vẻ phàm phu và vẻ thanh cao.

Phàm phu dục vọng dạt dào,

Thanh tao vì chẳng xuyên xao tâm thần.

Lòng cố giữ thập phần tĩnh lặng,

Đừng ù lì, phá tán lòng ai.
 Hòa đồng hợp nhất với Trời,
 Ấy là tuyệt diệu trên đời mấy ai.
 Lòng chớ để pha phôi, lạc lõng,
 Tội tình chi lóng ngóng Đông Tây.
 Đáy lòng giải thoát là đây,
 Giác minh vô tận ở ngay đáy lòng.
 Hãy cố gắng tập trung thần trí,
 Thời oan khiên phiền lụy tiêu tan.
 Hoà đồng phối hợp Atman,
 Ấy là hạnh phúc muôn ngàn tả sao!
 Diễm tuyệt ấy lời nào tả xiết,
 Chỉ tâm thần mới biết mới hay.
 Nước kia nước nọ hòa hài,
 Lửa phừng trong lửa, ai người biện phân.
 Khí pha khí, ai lẫn manh mối!
 Đã hiệp hòa khó nổi chia ly.
 Tâm thần mà nhập huyền vi,
 Thời trôi trần cấu còn chi bận lòng.
 Lễ giải kết ở trong hoàn vũ,
 Đều do tâm dây rợ mối manh.
 Lụy là bám víu sự tình,
 Tâm không lụy vật âu đành thần tiên...
 (Maitri Upanishad, 6, 34).

Bước sang Phật giáo, ta có thể lãnh hội vi ý của Bồ Đề Đạt Ma, qua chương Bồ Đề Đạt Ma Huyết Mạch luận như sau:

Chân tâm bao quát đất trời,
 Xưa nay chư Phật chẳng rời Chân Tâm.
 Chẳng cần lập tự, lập văn,
 Xưa nay chư Phật tâm tâm tương truyền,
 Tâm ta gồm mọi sự duyên,
 Mọi đời sau trước, mọi miềm gần xa.
 Tâm ta là chính Phật Đà,
 Phật đà ở tại tâm ta chẳng rời,
 Niết Bàn, Viên Giác, Như Lai,

Ngoài tâm tìm kiếm, công toi ích gì.

Ngoài tâm tìm kiếm được chi,

Niết Bàn đâu có lối về ngoài tâm.

Tự Tâm chí chính, chí chân,

Tự Tâm là Phật, Tự Tâm: Niết Bàn

Ngoài tâm tìm kiếm đa đoan,

Tay không bắt gió, mơ màng hư vô.

Tâm ta tạo Phật cho ta,

Bỏ tâm tìm Phật hỏi là tìm đâu.

Phật Tâm, Tâm Phật trước sau,

Ngoài tâm tìm Phật hỏi sao chẳng lành.

Cho nên phải biết hồi tâm,

Nội quan quán chiếu mà tâm siêu linh.

Bản Lai Diện Mục của mình,

Muốn tìm thời phải ly hình nhập tâm...

Đạo Lão cũng chủ trương muốn tìm Trời, tìm Đạo phải tìm nơi tâm điểm của đầu não.

Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ viết đại khái như sau:

«Ta nay truyền dạy đạo Trời,

Nương theo Dịch Lý dạy người điểm Trung.

Huyền quan ở chính giữa lòng,

Giữa chừng Tý Ngọ khơi dòng thần tiên.

Hồi quang soi tỏ căn nguyên,

Căn nguyên rạng rỡ, ước nguyện thỏa thuê.» [\[47\]](#)

Đạo Cao Đài cũng dạy:

«Đạo ở trong người chẳng phải xa,

Đừng nên tìm kiếm khắp ta bà.

Tâm linh lúc ẩn, khi bày hiện,

Mặc mặc tham thiền sẽ lộ ra...» [\[48\]](#)

Đại Thừa Chân Giáo của Cao Đài cũng viết:

«Chớ nên ẩn núp núi xa,

Xưa nay các đạo hiểu ra rất lầm.

Đạo đâu? Đạo ở nơi tâm,

Thì đâu có phải kiếm tầm đâu xa?» [\[49\]](#)

Tóm lại, nếu biết rằng trong lòng ta có Trời, thì chúng ta đã tìm được con đường tìm Đạo, tìm Trời giản dị và gần gũi nhất.

Nếu thực tình chúng ta có thiện tâm, thiện chí muốn tìm

Đạo, tìm Trời, chúng ta phải đi sâu vào nội tâm mà tìm Trời, tìm Đạo. Trời, Đạo không phải là một chuyện mà cả, bán buôn nơi ngã ba, đầu chợ. Nước Trời chẳng đến rộn rã trong rước sách, tàn quạt, trống chiêng, mà đã đến âm thầm, mà đã ẩn tàng sẵn ngay trong tâm hồn ta.

Vậy muốn tìm ra chân sư bày tỏ cho mình các nhẽ huyền vi, chỉ giáo cho mình phương pháp tu luyện trường sinh, bất tử, ta phải như Tề Thiên Đại Thánh, tìm về Phương Thốn Sơn, tìm về Tà Nguyệt Tam Tinh Động. Mà Phương Thốn Sơn chính là «tắc lòng» ta, mà Tà Nguyệt Tam Tinh Động chính là Tâm ta viết bằng «Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời».

Đi sâu vào nội tâm, gạt cho hết mây mù dục vọng tầm tối, không sồn lòng, không lui gót, chắc chắn có ngày chúng ta sẽ thấy Trời, thấy Đạo hiện ra rực rỡ giữa tâm hồn ta. Khi ta đã đạt tới mục phiêu cao diệu ấy, ta sẽ thấy thánh hiền sau trước chẳng hề có sai ngoa, và các đạo giáo cũng không có bí quyết gì cao diệu hơn.

4. Mục đích công cuộc tu trì là phối hợp với Trời, với Chân Tâm, mục đích công cuộc tu trì là đi đến chỗ thần thánh hóa con người, đi đến chỗ Phối Thiên.

* Sách Thần Học Đức nói: «Nếu có ai hỏi bạn thế nào là một thần nhân, bạn sẽ trả lời: Đó là người sáng láng rực rỡ bởi ánh sáng thiên chân vĩnh cửu; đó là người nồng cháy lửa yêu thương Thượng Đế.» [\[50\]](#)

* Nho giáo cho rằng: Tu là để đi đến chỗ «Duy Tinh Duy Nhất, Doãn chấp quyết Trung» mà tôi tạm dịch như sau:

«Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,
Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.»

Như vậy con người muốn phối hợp với Trời, trước tiên phải rũ bỏ lòng phàm. Người xưa gọi thế là: «Tận nhân dĩ hợp Thiên». Đạo Lão gọi thế là «Tâm tử thần hoạt». Đạo Phật gọi thế là: «Phế Tích, lập Bản», hay «Phế Quyền lập Thật», hay «trở về Chân Tâm» hay «nhập Niết Bàn».

Khi tính người tan biến còn nguyên có Tính Trời, thì các thánh hiền Hồi giáo gọi là trạng thái «FANA»; khi tâm hồn sống động bởi Chúa, hay nói cách khác, khi Chúa hoạt động trong tâm hồn, thì họ gọi là trạng thái «BAQA». [\[51\]](#)

Như vậy Phối Thiên là rũ bỏ Nhân Tính, phục hồi Thiên Tính.

*Abu-Yazid, một vị thánh Hồi Giáo, nói: «Tôi đã gặp Chúa toàn năng trong giấc mộng và hỏi Ngài: "Đường nào về với Chúa?" Ngài trả lời tôi: "Hãy trút bỏ ngã chấp và hãy vươn lên."» [\[52\]](#)

*Yazid Bastami, một vị thánh Hồi giáo khác nói: «Tôi bỏ hết hồn tôi, như con rắn lột xác, rồi tôi nhìn vào bản thể tôi, và khi ấy "Tôi" chính là "Ngài".» [\[53\]](#)

*Ấn Giáo cũng cho rằng công phu tu luyện cao siêu nhất là được kết hợp với Atman.

«Từ nay âu đã thành Thần,
Từ nay mơ ước hồng trần tiêu tan.
Người phàm nay đã siêu phàm,
Lòng trần nay đã biến sang lòng Trời.» [\[54\]](#)

Đạo Cao Đài cũng chủ trương:

«Tu là học để làm Trời,
Phải đầu kiếp kiếp làm người thế gian.» [\[55\]](#)

Biết được rằng trong lòng mình có Trời, có Đạo, là tạo cho mình có được một kho tàng quý báu vô cùng tận. Khi đã giác ngộ được điều cao đại này, chúng ta sẽ thấy trong lòng bùng lên một niềm phấn khởi vô biên, thấy đời sống có một ý nghĩa vô cùng cao đại, thấy định mạng con người thật là hết sức sang cả.

Chính vì trong lòng con người có phần Trời, nên bất kỳ ai cũng có những khát vọng siêu nhiên, nên đạo giáo nào cũng muốn đem Trời lồng vào trong tâm hồn con người, hoặc bằng những phương pháp tu trì, tĩnh tâm giác ngộ, hoặc bằng các lễ nghi, bí tích bên ngoài.

Vì con người chẳng thể xa Trời, nên các đạo giáo đã luôn luôn tỏ ra muốn bắc nhịp cầu nối kết Trời với Người, Người với Trời; nối kết Bản Thể với Hiện Tượng; Hằng Cửu với Biến Thiên; Đại Ngã với Tiểu Ngã; Chân Tâm với Vọng Tâm. Lời lẽ tuy khác nhau nhưng nội dung ý nghĩa chỉ là một. Vì Trời vốn hoàn thiện, nên con người có bốn phận vươn lên cho tới Hoàn Thiện.

Tất cả những điều Huấn Dụ, những Giới Răn, những Giáo Điều đều có mục đích đưa dần con người tới hoàn thiện.

Có tiến tới hoàn thiện mới giác ngộ được căn bản tuyệt vời của mình, mới thực hiện được định mạng sang cả, cao siêu của mình là phối hợp với Thượng Đế, với Chân Tâm, với Thái Cực, với Trời, với Đạo.

Dịch Kinh viết:

Cơ trời biến hóa vắn xoay,
Làm cho vạn vật thêm hay, thêm tình.
Kiện toàn tính mệnh của mình,
Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.
Thế là ích lợi không bờ,
Thế là vĩnh cửu, thế là lợi trình. [\[56\]](#)

Đã có sẵn mầm mống cao đại, mầm mống hoàn thiện trong người, dĩ nhiên chúng ta có bốn phận phát huy và triển dương cái mội mống hoàn thiện cao đại ấy cho nó được phát triển đến chỗ chí cùng chí cực.

Tôi xin cống hiến quý vị mấy lời nhắn nhủ mà tôi đã dịch từ Thánh Thư Veda của Ấn Độ Giáo:

«Đường trời cao vút tầng mây,
Ai ơi đừng có một ngày lui chân.
Đức Trời lồng với kinh luân,
Ta đem ta sẻ, ta phần cho ai.
Hãy lên rong ruổi xe trời,
Bằng miền cực lạc, muôn đời trường sinh.
Răng long, đầu bạc mặc tình,
Đừng bao giờ nói rằng mình già nua.
Thần thông Trời đã phú cho,
Bạc đầu, lòng vẫn nhớn nhơ, nhẹ nhàng,

Vén mây, vượt núi, băng ngàn,
Đường trời chót vót, chớ màng lui chân.» [\[57\]](#)

CHÚ THÍCH

- [\[1\]](#) Thiên dữ nhân tương vi biểu lý. --Tín Lý, q. 2, tr. 54.
- [\[2\]](#) Tâm tức Thiên...Lương tri tức Thiên. -- Wang Tchang Tchi, La philosophie morale de Wang Yang Ming, p. 10.
- [\[3\]](#) Nguyễn đình Chiểu, Ngự tiều vấn đáp y thuật, tr. 372 & 208.
- [\[4\]](#) Kinh Thi, Đại Nhã, ước thiên.
- [\[5\]](#) Thiên tại nội, nhân tại ngoại. -- Nam Hoa Kinh, Chương Thu Thủy.
- [\[6\]](#) Đông du bát tiên, cuốn 4, tr. 32.
- [\[7\]](#) A Person of the measure of a thumb is the inner Soul (antaratman), ever seated in the heart of creatures. He is framed by the heart, by the thought, by the mind. They who know this, become immortal.
Svetasvara Upanishad, 3. 13.
- [\[8\]](#) He who knows that, set in the secret (of the heart), He here in earth, my friend, rends asunder the knot of ignorance.
Mundaka Upanishad, 2, 1- 10.
- [\[9\]](#) His form is not to be beheld,
No one soever sees Him with the eye,
They who know Him with heart and mind,
Is abiding in the heart, become immortal.
Svetasvara Upanishad, 4. 19- 20.
- [\[10\]](#) Tant que vous sentez Dieu loin de vous et extérieurement, vous avez l'ignorance, mais quand vous réalisez Dieu intérieurement, vous arrivez à la vraie sagesse. (L'Enseignement de Ramakrishna, p. 403).
- [\[11\]](#) Vô Cấu tử kệ vân:
Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không,
Đồng môn xuất nhập bất tương phùng.
Vô lượng kiếp lai nhĩm ốc túc,
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông.
Tín Mệnh Khuê Chỉ, q. 2, tr. 11.
- [\[12\]](#) Phật thị tâm tác. Mê nhân hướng văn tự trung cầu; ngộ nhân hướng tâm nhi giác.
Vô Tích Đình Phúc Bảo Trọng, Tâm Kinh tường chú, tr. 7a.

[13] Ngôn tự qui y Phật, bất ngôn qui y tha Phật. Tự Phật bất qui vô sở y xứ. Kim ký tự ngộ, tu qui y Tự Tâm Tam Bảo, nội điều tâm tính, ngoại kính tha nhân, thị tự qui y dã...Hướng giả Tam Thân Phật tại Tự Tính trung, thể nhân tổng hữu. Vì Tự Tâm mê, bất kiến nội Tính, ngoại mịch Tam Thân Như Lai, bất kiến tự thân trung hữu Tam Thân Phật...Tam Thân Phật tông Tự Tính sinh bất tông ngoại đắc... Pháp Bảo Đàn Kinh, Phẩm Sám Hối đệ lục.

[14] Thiết kỵ từng tha mịch,
Thiền thiền dữ ngã sơ.
Ngã kim độc tự vãng,
Xứ xứ đắc phùng cừ.
Cừ kim chính thị ngã,
Ngã kim bất thị cừ.
Ứng tu thậm ma hội,
Phương đắc kế như như.
(Thiền luận, quyển hạ, tr. 351- 352.)

[15] Coran, Sourate 50, 16.

[16] Nikos Kazantzaki, Alexis Zorba, con người chịu chơi, tr. 462.

[17] In the market, in the cloister - only God I saw,
In the valley and on the mountain - only God I saw.
Him I have seen beside me oft in tribulation;
In favour and in fortune - only God I saw.
In prayer and fasting, in praise and contemplation,
In the religion of the Prophet - only God I saw.
I opened my eyes, and by the light of His face around me
In all the eyes discovered - only God I saw.
Like a candle I was melting in his fire,
Amidst the flames outflashing - only God I saw.
Myself with my own eyes I saw most clearly,
But when I looked with God's eyes - only God I saw.
I passed away into nothingness, I vanished,
And lo, I was the all- living - only God I saw.
(Babu Kuhl of Shira).

[18] I Cor. 3, 16 và I Cor. 6, 19.

[19] Quaerebam Te foris a me, et non inveniebam Deum cordis mei. - Cuốn VI, Chương I (Cf. Ps. 72, 26).

[20] Sero te amavi... Et ecce intus eras et ego foris.

- [21] Đàn cơ Nam Thành Thánh Thất, giờ Ngọ, Mồng 1, tháng Giêng, Kỷ Dậu.
- [22] Cao Hiên, Lịch sử Cao Đài, Phần Vô Vi, tr. 188.
- [23] Đàn cơ Nam Thành thánh thất, giờ Ngọ, Mồng 1, tháng Giêng, Kỷ Dậu.
- [24] Lotus Bleu, 72e Année, No 4, Avril, 1967, p. 15 & 327.
- [25] Where the channels are brought together,
Like the spokes in the hub of the wheel.
Therein he moves about, becoming manifold.
Om! Thus meditate upon the Soul (Atman).
Success to you in crossing
To the farther shore beyond darkness.
(Mundaka Up. 2.2.6).
- [26] Jean Herbert, Fondements de la Mystique Tibétaine, các hình ảnh tr. 200- 201.
- [27] Đầu hữu cửu cung. Trung viết Nê Hoàn. (Kim Đơn đại thành tập tr. 4).
- [28] Cửu thiên chi thượng thần tiên sở cư. Tại nhân tức Nê Hoàn. Lưu Châu cung thị dã...(Đại Đồng Chân Kinh, tr. 10).
- [29] Đại đạo căn kinh thức giả hi,
Thường nhân nhật dụng, thực năng tri?
Vị quân chỉ xuất thần tiên quật,
Nhất khiếu loan loan tự nguyệt mi.
Tính Mệnh khuê chỉ q. 2 tr. 2.
- [30] "God then, is the substance (from sub - under and state - to stand), or the real thing standing under every visible form of life, love, intelligence, or power. Each rock, tree, animal, everything visible, is a manifestation of the one Spirit - God - differing only in degree of manifestation, and each of the numberless manifestations, or individualities, however insignificant, contains the whole...
(Cady, Lessons in Truth, pages 8,9).
- [31] Cf. P. Ch. Lahr S.J., Morale, p. 486).
- [32] Herder, Idées pour la philosophie de l'Histoire de l'Humanité, pp.269-271).
- [33] Thái Huyền chân nhân viết:
"Phụ mẫu sinh tiền nhất điểm linh,
Bất linh chỉ vị kết thành hình.
Thành hình tráo kiếp quang minh chủng,
Phóng hạ y nhiên triệt để thanh.
Tính Mệnh Khuê Chỉ,q. 2, tr. 4.

- [34] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. Nam Hoa Kinh, Tề vật luận.
- [35] Thủ Lăng Nghiêm, q. 1, Việt Nam Phật Tử Hội xuất bản, tr. 22- 23.
- [36] Ib. tr. 25.
- [37] Ib. q. 2, tr. 5.
- [38] Ib. tr. 33, 34.
- [39] Ib. q. 1, tr. 36; q. 2 tr. 1.
- [40] ibid. q. 1, tr. 36.
- [41] Ib. tr. 28- 29.
- [42] Le ciel est au dedans et non en dehors de chacun...Le Ciel est dans l'homme.
Illan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 183).
- [43] Monter vers Dieu, c'est entrer en soi- même. Celui qui entre en lui- même et pénètre au fond de son être, se dépasse et atteint vraiment Dieu. Ib. p. 130.
- [44] Mạnh tử, Tận tâm chương cú hạ.
- [45] An intense yearning of heart for the divine which is in man and not in the temple.
Ed. Dimock, Rabindanah Tagore in The Journal of Asian Studies, Vol. XIX, No 1, Nov. 1959, p. 35.
- [46] The revealment of the Infinite in the finite which is the motive of all creation, is not seen in the perfection of the starry heaven... It is in the soul of man...Ib. p. 41.
Man's vision of the divine is blurred because of the self. Man does not realize the God within him, because he is too conc er ned with the ego, with the material world, with sensual satisfaction...Ib. p. 43.
To know the God within, one must first realize that the body is perishable and transitory, like a house which crumbles with age and returns slowly to the earth from which it is built, or like a garden fading with the seasons...Ib. p.43.
- [47] Ngô kim lược thuyết tâm chân lộ,
Hoàng Trung thông lý tải Đại Dịch.
Chính vị cư thể thị Huyền quan,
Tí Ngọ trung gian kham định tức,
Quang hời tổ khiếu, vạn thần an.
Thái ất Kim Hoa Tông Chỉ, tr. 15.
- [48] Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 29 tháng Giêng, Tân Hợi.
- [49] Đại Thừa Chân Giáo, tr. 240.
- [50] Théologie germanique: "Si l'on vous demande ce qu'est un homme divin ou divinisé, vous répondrez: Celui qui est tout éclairé et resplendissant de la lumière éternelle et divine, tout embrasé de l'amour

éternel et divin...

La Religion Essentielle p. 161.

[51] Au bout du chemin mystique, Dieu seul est présent. Le Saint peut alors disparaître complètement en Dieu: c'est l'état du 'fana', il peut aussi, à d'autres moments, subsister par Dieu. C'est l'état du 'Baqa'. Mais dans les deux cas, c'est Dieu qui agit en lui.

Marijan Molé, Les Mystiques Musulmans, p. 61.

[52] Abu Yazid dit: " Je vis le Seigneur de la Puissance en rêve et lui demandai: "Quel est le chemin qui mène vers Toi?" Il me dit: "Dépouille- toi de ton toi, et élève- toi!"

Marijan Molé, Les Mystiques Musulmans, p. 54.

[53] Yazid Bastâmi: Je me suis dévêtu de mon âme (charnelle- nafs), comme le serpent dépouille sa peau, puis j'ai considéré mon essence, et voici que mon "Je" c'est Lui.

Louis Massignon, Sur les Origines du Lexique technique de la Mystique musulmane, II, 97.

[54] When are liberated all,
The desire that lodge in one's heart,
Then a mortal becomes Immortal,
Therein he reaches Brahma,
Brihad Aranyaka Up. 4.4.7.

[55] Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 29 tháng Giêng, Tân Hợi.

[56] Kiền đạo biến hóa các chính tính mệnh, bảo hợp Thái Hòa, nãi lợi trinh. Dịch kinh. Quẻ Kiền, Thoán truyện.

[57] Hymn from the Veda:

Steep and high is your path of pilgrimage, o man; never descending low. I have equipped thee with the divine wisdom and power to live a full and vigorous life.

Come and enter the divine chariot of immortal bliss.

Never say you are old, o my traveller,

With advancing age, blessed with the wealth of wisdom, you shall ever remain young and vigorous.

Up and high your path, never descending low.

(Atharvaveda.).

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 18

HƯƠNG HOA ĐẠI ĐẠO

Nếu người ta không có cảm giác – như một giác quan thứ sáu – về sự hiện diện của Cha trong họ, – cho dầu cảm giác đó đôi khi mờ ảo, – thì, Cha cho con hay, không ai có thể nên thánh được. Đối với một số đông người, than ôi! giác quan thứ sáu ấy bị bóp nghẹt bởi nét xấu dưới mọi hình thức...^[1]

CAO TRÀO ĐẠI ĐẠO (The Metaphysical Movement)

Thiên khảo luận này có hai mục đích:

– Một là khảo sát về ít nhiều biệt giáo (cults) mới xuất hiện trong vòng 100 năm nay ở Mỹ, hay ở trên thế giới.

– Hai là hệ thống hóa chúng lại, thành một cao trào, mà tôi gọi là Cao Trào Đại Đạo, với những đường nét chung là đề cao giá trị con người, đề cao thân thể và định mệnh con người, tìm ra những định luật chi phối sự tiến hóa con người, từ phạm phu lên tới thần linh tuyệt đỉnh.

Biệt giáo hiện nay nhiều vô số kể.

Trong thiên khảo luận này, tôi sẽ đề cập đến ít nhiều biệt giáo sau đây:

– Siêu Phàm Phái (Transcendentalists).

– Thông Linh Phái (Spiritualists).

– Trào Lưu Tư Tưởng Mới (The New Thought Movement), do Phineas P. Quimby đề xướng vào khoảng giữa thế kỷ 19. Nó gồm một số hội đoàn kết liên với nhau dưới danh xưng: Tân Tư Tưởng Quốc Tế Đồng Minh Hội (International New Thought Alliance),

– và Khoa Học Thiên Chúa Giáo (Christian Science).

– Thông Thiên (Theosophy).

Sau đó, chúng ta có thể suy ra các biệt giáo khác.

Sở dĩ tôi dùng chữ Biệt Giáo vì phong trào nói trên tách mình – chẳng ít thì nhiều – khỏi các tôn giáo mẹ – hay những tôn giáo quần chúng – và có những chủ trương hết sức cấp tiến.

Sở dĩ tôi dùng chữ Đại Đạo, vì tuy xuất hiện trên nhiều thời điểm khác nhau, nhưng các phong trào nói trên có những điểm tương đồng. Sau đây là những điểm tương đồng của phong trào này:

1. Muốn cứu rỗi, con người phải trông vào tự lực, chứ không ỷ lại vào uy lực của các giáo hội.
2. Con người sinh ra không phải để bị trầm luân hỏa ngục, nhưng kẻ trước người sau sẽ được cứu rỗi hết.
3. Không chịu đóng khung trong những giáo điều cố định.

4. Không tin có hỏa ngục.

5. Niềm tin cốt cán của phong trào là con người căn cốt thần linh, con người có Thiên tính, là một phân thân, một tàn lửa của Trời, một Tiểu Linh Quang. Như vậy là họ có quan niệm trái ngược hẳn với Thiên Chúa Giáo, vì Thiên Chúa Giáo cho rằng con người là một vật thụ sinh do Thượng Đế sáng tạo, được tạo dựng nên giống hình ảnh Thượng Đế, nhưng không được thông phần bản thể Thượng Đế.

6. Tuy họ vẫn đề cập đến Thượng Đế bằng những danh xưng hữu ngã, như Thiên Tâm, như Vũ Trụ Tâm (Divine Mind, Universal Mind), nhưng họ có khuynh hướng quan niệm Thượng Đế như là một Đại Thể Vô Ngã, và dùng những danh xưng như Thái Cực (Christ Principle), Vô Cực (Infinite Principle) thay vì dùng danh từ Thượng Đế thông thường (God).

Họ cho rằng họ dung hòa cả khoa học lẫn đạo giáo, vì chủ trương phải tìm cho ra những định luật thiên nhiên chi phối vật chất, ngoại cảnh, xác thân, tâm lý; chi phối tinh, khí, thần, có như vậy mới trở về hợp nhất được với Căn Nguyên Vĩnh Cửu của nhân loại. Tìm ra được những định luật vĩnh cửu của trời đất, của vạn vật, nhân sinh mà theo mà giữ sẽ được khỏe mạnh, thái thịnh về vật chất, bình an về tâm hồn, và phát huy được những năng lực tiềm ẩn nơi mình, có thể chữa khỏi các bệnh tật cho mình, cho người.

7. Tuy vẫn phân biệt Trời với Người, Trời với Vũ Trụ, nhưng nhiều người trong phong trào này tin là TRỜI là DUY NHẤT, là TẤT CẢ, và ở trong TẤT CẢ.

Vũ trụ vật chất hữu hình chẳng qua chỉ là ảo ảnh của tâm trí con người. Vũ trụ hữu hình này thật ra vẫn là Linh Thiêng, vẫn là bất khả phân với Thượng Đế.

8. Họ hoàn toàn tin rằng Thượng Đế là nội tại, luôn luôn hoạt động trong lòng quần sinh vũ trụ, và thể hiện ra bằng những định luật. Thiên Chúa Giáo – Tin Lành cũng như Công Giáo – ngược lại chủ trương Thượng Đế Siêu Việt khỏi tầm thế giới và con người, đến nỗi Ngài như là vắng bóng không có nơi gian trần.

9. Các giáo phái này tin rằng con người sẽ làm chủ định mệnh của mình, sự tiến hóa của mình, một khi tìm ra được các định luật thiên nhiên, các định luật của Trời, và theo đúng các định luật đó.

10. Có giáo phái vẫn còn xưng mình thuộc Thiên Chúa Giáo, có giáo phái thì không. Tuy nhiên họ phân biệt con người Chúa Jesus với Christ Căn Nguyên Vũ Trụ và Con người.

Christ Căn Nguyên Vũ Trụ và Con người thì vừa Đồng Nhất với Thượng Đế vừa là Bản Thể con người.

Còn Jesus chỉ là một vị tiên phong, một người đã cảm thấy một cách sâu sắc mãnh liệt hơn người khác rằng mình có thiên tính, và như vậy đã vạch ra cho mọi người thấy con đường phối hợp với Trời.

11. Phong trào này không công nhận truyền thống Thiên Chúa Giáo cho rằng con người là thứ con người tội lệ, lúc nào cũng cần phải thống hối ăn năn và cầu xin tha thứ, lúc nào cũng lo Chúa phán xét.

12. Vì Thượng Đế được coi là Tất Cả và ở trong Tất Cả, và là Thiện, nên cái gì Xấu, cái gì Bệnh Hoạn không có thực thể, mà chỉ là giả tạo, sinh ra vì đã hành động sai luật thiên nhiên, và không đúng với bản tính con người.

Chủ trương này ngược lại với truyền thống Thiên Chúa Giáo vì Truyền thống Thiên Chúa giáo coi cái Xấu, coi Tội Lỗi như là một thực thể của cá nhân và của xã hội.

13. Triết lý của Đại đạo là thứ triết lý thực tiễn. Tin xuông không đủ, còn phải chứng nghiệm vào nơi mình xem là hay hay dở. William James và John Dewey đã cổ võ triết học thực tiễn (Empiricism; Empirical philosophy).

14. Phong trào này chủ trương rằng muốn cầu giải thoát, phải tìm cho ra bản thể siêu việt, Thực Tại siêu việt trong vũ trụ và trong con người, và áp dụng đúng đắn những luật trời đất, nhân sinh vào công cuộc tu trì, nên phong trào này chủ trương phải tự giác, tự ngộ, tự tu, tự đắc, phải minh tri minh giác, chứ không tin xuông lời người tuyên truyền, hay bắt phải giữ thể này, thể nọ.

15. Phong trào này tin rằng đường lối của mình rất khoa học, vì đem thực hành chứng nghiệm vào bản thân sẽ thấy hoặc là các khả năng tâm thần phát triển nhiều, hoặc thấy khỏi bệnh, hay sống sung túc hơn.

16. Chủ trương của phong trào này càng ngày càng tỏ ra gần gũi với Thiền Phật Giáo, với Vedanta Ấn Độ, với các triết thuyết của Erich Fromm và Carl Jung: Căn Nguyên vũ trụ này là một Đại Thể vô biên tế thay vì là một vị Thượng Thần hữu ngã. Muốn tìm cho ra Đại Thể ấy phải đi sâu vào tâm hồn (psychological approach to reality), chứ không thể tìm thấy trong đền đài miếu mạo bên ngoài.

17. Phong trào này tin con người có thể tránh được bệnh tật; tự chữa được bệnh tật cho mình. Họ quan niệm rằng bệnh hoạn sinh ra là vì cơ thể con người đã không thích ứng được với ngoại cảnh, đã bị những ảnh hưởng ngoại tại, nội tại làm cho mất thể quân bình, làm cho sự hoạt động của các cơ quan hoặc một, hoặc nhiều trong người trở nên rối loạn.

Càng tìm hiểu suy tư, khảo sát về các biệt giáo, mà ngày nay người ta thường gán cho một danh từ đầy khinh mạn là CULTS, tôi càng thấy rõ hai nẻo đường:

Một nẻo đường hướng ngoại, gồm các tôn giáo ngoại tại, với mục đích là: THỜ LẠY THẦN MINH, để cầu mong được bao che, tha thứ, như Công Giáo, Tin Lành, Phật Giáo, Ấn Giáo, Bái Hỏa, Hồi Giáo, Do Thái Giáo v.v....

Một nẻo đường, đi tìm CHÂN TƯỢNG của con người, mong trở thành Trời, thành Phật, thành Brahman, kết hợp nhất như với Trời, với Phật, với Brahman. Người xưa gọi đó là Mật Giáo. Có nhiều thứ Mật Giáo:

- Mật Giáo Ai Cập (The Mysteries of Egypt).
- Mật Giáo Mithra của Ba Tư (The Mithriac Mysteries of The Persians).
- Mật Giáo Hi Lạp (The Orphic and Bacchic Mysteries, The Eleusinian Semi-Mysteries of the Greeks).
- Mật Giáo của Samothrace, Scythia, Chaldea.
- Mật giáo Kitô (The Mystery of Christ) (Eph., iii, 3,4, 9.)
- Tân Bá Lạp Đồ (Neo-Platonism).
- Giác Ngộ Phái (Gnosticism).
- Thiền (Zen).
- Yoga.
- Kabbala (Do Thái).
- Sufism (Bạch Y: Hồi Giáo).
- Hòa Đồng, Hợp Nhất với Chúa (Mysticism).
- Trung Dung, Trung Đạo (Khổng, Phật).
- Đơn Gia, Đạo Gia, Tham Đồng Khế (Alchemists, Taoists).
- Thông Thiên (Theosophy).

Nhưng chung qui, chủ trương chỉ là một như vừa phân tách và trình bày ở trên.

Chúng ta có thể toát lược chủ trương đường lối của Đại Đạo như sau:

Muốn vào Đại Đạo, con người phải:

– Đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời (Luke XVII, 21)., vì Đạo, vì Trời chính là Chân Tướng, Chân Ngã, chính là Bản Lai Diện Mục của mình..

– SINH LẠI BẰNG THẦN (John, 3: 5).

– Phát huệ (Illumination, Gnosis, Divine Wisdom).

– Tuân theo các định luật tự nhiên (Matt. 5:17).

– Rũ bỏ tiểu ngã (Matt 10: 38– 39).

– Trở nên hoàn thiện (Matt. 5: 48); Thực hiện Đại Ngã.

Mục đích chung chỉ là KẾT HỢP THẦN NGƯỜI, VỚI THẦN CHÚA (TIỂU NGÃ VỚI ĐẠI NGÃ), để CHÚA trở nên TẤT CẢ TRONG TẤT CẢ (JOHN 17: 31. I COR. XV, 28).

I. SƠ LƯỢC VỀ PHÁI TRANSCENDENTALISTS

Phái Transcendentalists (Siêu Phàm Phái) được Emmanuel Swedenborg đưa ra những tư tưởng chỉ đạo. Coleridge, Emerson, Calyle sau này đã khai thác, hệ thống hóa. Phái này chống lại với truyền thống Thiên Chúa Giáo, và không chấp nhận rằng:

– Con người là tội lệ, là sa đọa, là hủ hóa; không chịu cho rằng ý chí con người bị ràng buộc.

– Không chịu rằng tất cả các tín lý đều phải phát xuất từ một bộ sách là Kinh Thánh. [2] Phái này cho rằng con người có hai phương diện. Đứng về phương diện Bản thể, thì tự do; đứng về phương diện phù sinh, thì luôn luôn bị xiềng xích. [3] Phái này chê, chán dĩ vãng, và hết sức lạc quan cho tương lai nhân quần, và tin rằng trong tương lai nhân quần sẽ tìm ra được phương thức giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sinh [4]

Sở dĩ gọi là Siêu Phàm Phái, vì theo Coleridge (1772-1834), tâm hồn con người có hai phía, hai mặt; phía phàm phu và phía siêu phàm (phía thần tiên). Đứng về phía phàm phu thì chỉ thấy con người là tội lệ, là sa đọa; còn đứng về phía siêu phàm thì chỉ thấy con người chính là thần minh, chẳng có thua sút thần minh. [5]

Trong Đạo Học, Triết Học Đông Phương cũng luôn luôn nói về hai nẻo đường của một con người: Đường Tục, Nẻo Tiên. Khi còn mang Phàm tâm, tức là còn đi theo nẻo tục, mê luyến tiền tài, công danh, tình ái, tức là khi còn trẻ người non dạ. Khi đã thấy Thiên Tâm xuất hiện nơi mình, sẽ đi vào con đường tiên cảnh nội tâm.

Chiều Tục, hay Chiều Âm trong vòng Dịch tức là gồm Chiều Âm, phía phải, hay là phía Tây Nam và Tây Bắc; Nẻo Tiên là Chiều Dương trong vòng Dịch, Chiều Dương bên phía trái, tức là phía Đông Bắc và Đông Nam, vì thế nơi Thoán Truyện quẻ Khôn mới viết:

Mới đầu mê lạc đến điều,
Là vì bỏ mất chẳng theo đạo Trời.
Sau rồi nhu thuận đòi noi,
Mới đâu ra đấy cơ ngơi rõ ràng.

Tây Nam gặp được bạn đang,
 Cùng người đồng loại thênh thang đang trình,
 Phía Đông Bắc mất bạn mình,
 (Cuối cùng vượt được quần sinh mới là.)
 Siêu quần bạt tụy mình ta,
 Mới là phúc khánh, mới là vinh xương.
 Bền gan rồi sẽ cát tường,
 Y như trời đất vô cương khác nào.

Phàm phu tục tử thì theo đạo người, theo các đạo giáo công truyền trong thiên hạ, tin rằng mình là kẻ hèn hạ tội lỗi, cần phải có người cứu rỗi mình, tin vào thánh thư này, thánh thư nọ, giữ giáo luật này giáo luật nọ.

Tiên Thánh là những người tin mình có Tính Trời, Tính Phật, Chân Tâm, Thiên Tâm; tin mình là những người sang cả, có định mệnh sang cả, là những Con Trời, là những Tiên, Phật thật sự. Thánh Thư, Thiên Thư của họ là Vũ Trụ Thiên Nhiên, là Lương Tâm. Luật Trời, ý Trời là những định luật thiên nhiên vĩnh cửu, đã ghi tạc ngay trong thâm tâm con người.

Họ theo Đạo Trời. Đạo này chẳng do ai lập ra, vì nó đã gắn liền với tâm linh nhân quần từ muôn thế hệ... Họ sẽ tự cứu mình, và sẽ giúp mọi người tự tin, tự trọng, tự cứu lấy mình, cải thiện lấy hoàn cảnh thiên nhiên, xã hội.

* Emmanuel Swedenborg (1688–1772)

Tiến sĩ Triết Học năm 22 tuổi, tại Đại Học Upsala, Thụy Điển. Từ 1716 bắt đầu viết nhiều sách về Thiên Văn, Địa Lý, khoáng sản, kim loại, và là người đã đưa ra thuyết Vân Vụ (Nebular hypothesis) để cắt nghĩa sự khởi nguyên của vũ trụ trước Laplace và Kant. Cho tới 1745 ông viết được khoảng 40 quyển sách về khoa học. Từ 1745 cho đến khi chết là 1772, ông toàn viết sách về đạo học và thần học (khoảng 50 quyển). Ông là người đầu tiên muốn dung hòa đạo học và khoa học.

Năm 1769, ông viết rằng sở dĩ ông chuyển hướng như vậy là đã được Chúa hiện ra, cho ông trông thấy cõi thần linh, và cho ông được trò chuyện cùng thần thánh. [6]

* Swedenborg, không chấp nhận rằng Chúa đã tạo dựng nên mọi sự bởi không, nhưng chính đã lấy chính bản thể mình để tạo nên vũ trụ. Như vậy là ông đã thoát ly khỏi truyền thống Thiên Chúa Giáo.

Swedenborg cho rằng toàn thể vũ trụ này với thiên đàng địa ngục, là một thống thể trong đó chỉ có Thượng Đế là sống động. Nhân loại là tử vật. Sinh linh là tử vật. Tất cả có vẻ sống động là vì Thượng Đế sống động ở bên trong. Thiên thần cũng là những con người trước đây đã sinh sống dưới đất hay ở các hành tinh khác. [7] Swedenborg như vậy đã chấp nhận thuyết Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể.

Thượng Đế và vũ trụ sinh linh là một thống thể. Thượng Đế là Bản Thể là Nguồn Sống duy nhất. Vũ trụ quần sinh là những hiện tượng là những phân bộ biến thiên. Công của Swedenborg rất lớn. Sự đóng góp của ông rất đa dạng.

– Ông đã làm sống động lại quan niệm tiền kiếp và lai sinh của các phái Gnosticism, Kaballa, của Pythagoras xưa.

– Ông đã chủ trương như phái Thông Linh sau này rằng người sống có thể liên lạc với người đã chết.

- Ông chủ trương vũ trụ này do một Đại Thể phóng phát tán phân ra mà thành, chứ không phải đã được tạo dựng bởi không. (Creation ex nihilo)
- Ông chủ trương những người đại giác, đại ngộ có thể thấy trước được thiên cơ, và những biến chuyển lớn sắp tới cho nhân loại.
- Ông cho rằng Đấng Christ đã tái lâm một cách âm thầm từ năm 1757. Và vì thế mới có những tư tưởng mới thuộc về «Tân Thời Đại», và về Thời Đại Bảo Bình.
- Ông chủ trương có nhiều vũ trụ. Mỗi vũ trụ lại có những thần linh riêng biệt.
- Ông chủ trương ý trời, ý người chẳng qua là một.^[8] Ảnh hưởng của ông bao trùm các biệt giáo hiện nay, trong đó có Siêu Phàm Phái.

Ở Mỹ ngày nay người ta còn dựa vào tư tưởng ông để lập thành một giáo phái mới, gọi là Giáo Hội Tân Jerusalem (The Church of The New Jerusalem), có 33 giáo xứ, và khoảng 2143 tín đồ.

* Ralph Waldo Emerson (1803–1882)

Ông là một nhà văn, nhà thơ, một đạo gia và là một trong những sáng lập viên Phái Siêu Phàm. Ông thụ phong mục sư năm 1826 và phục vụ cho Giáo Hội Tin Lành Unitarian ở Boston, nhưng đến năm 1832 thì ông từ chức mục sư. Ông từ chức, vì lẽ ông không tin vào Phép Thánh Thể – kỷ niệm bữa Tiệc Ly – như mọi người giáo hữu thường, và chỉ có thể coi Chúa Giê Su như một người bạn đã được vinh hiển, chỉ có thể yêu Ngài theo tình bạn, chứ không thể kính sợ Ngài. ^[9]

Ông có công dạy người biết tự tin, tự trọng, và nghe tiếng lương tâm, và đề cao giá trị con người. ^[10] Emerson xướng xuất rằng mục đích của đạo giáo là sống kết hợp với Thượng Đế, và Thượng Đế sẽ hiển linh đối với con người, khi họ mở được linh giác.

Ông chịu ảnh hưởng học thuyết nhất thể của Ấn Độ Giáo, nên chủ chương Chúa ở trong mọi người và mọi vật, và chính là Chân Ngã của con người. ^[11]

II. MÔN PHÁI THÔNG LINH (SPIRITISM; SPIRITUALISM)

Đặc điểm của môn phái này là tìm cách giao thiệp với các vong linh đã quá vãng. Nó cũng na ná như những phong trào gọi hồn, cầu cơ, phụ đồng ở Việt Nam ta xưa.

Có nhiều người theo phong trào này như thể được thánh nhập, nên có thể thông linh, thấu thị, có khả năng liên lạc với thần linh, có khả năng trị bệnh v.v...

Phong trào thông linh, tuy là đã có từ thượng cổ, nhưng thực sự đã tái phát triển tại Mỹ và Âu Châu, vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Andrew Jackson Davis (1826–1920), sinh trưởng tại Nữu ước, là một trong những người khởi xướng phong trào Thông linh, và đã viết rất nhiều sách để xây nền đặt tảng cho phong trào trở nên một thứ tôn giáo mới.

Kể đó phải kể đến các chị em gia đình John Fox (Margaretta lúc ấy 11 tuổi, Kate, lúc ấy 8 tuổi) ở Hydesville, phía bắc tiểu bang Nữu ước. Hai chị em bắt đầu từ tối 31 tháng 3, 1848, đã liên lạc với các vong linh bằng cách nghe tiếng gõ (rappings). Nhiều người danh tiếng đã ủng hộ phong trào này như Horace Creeley, James Fennimore Cooper, Talmadge, thống đốc tiểu bang Michigan, và từ 1857, tổng thống Abraham Lincoln.

Phong trào Thông linh truyền sang Anh năm 1853, sang Đức năm 1956. Sir Arthur Conan Doyle, khoa học gia Sir William Crookes người Anh, cũng để tâm nghiên cứu và bênh vực phong trào này. Ở Pháp,

người theo Thông Linh nổi tiếng nhất là Hyppolyte Léon Denizard Rivail (1803–1869), bút hiệu là Allan Kardec.

Từ năm 1857, Thông Linh rất mạnh ở Cleveland, và ở the Western Reserve ở Ohio. Có thể nói rằng đa số dân chúng ở những vùng đó theo Thông Linh. [\[12\]](#)

* T.S Charles Braden ước lượng rằng ngày nay số người theo Thông Linh ở Mỹ khoảng từ 5 đến 7 trăm ngàn, và toàn thế giới có chừng từ một triệu rưỡi đến 2 triệu. [\[13\]](#)

* Ông Walter R. Martin chủ trương ngược lại: Theo ông thì vào năm 1975, toàn thể nước Mỹ chỉ có 34 giáo xứ Thông Linh, với tổng số giáo hữu là 4,000. Nhưng ở Âu Châu thì nhiều hơn. ở Nam Mỹ thì hiện nay có khoảng 4,000,000 người theo Thông Linh, mà nguyên xứ Brazil đã có 3,000,000. Nam Mỹ theo phái Kardec. (Ib. 199). Năm 1957, chính phủ Brazil, nhân dịp kỷ niệm Thông Linh Phái được 100 năm, đã phát hành một con tem mang hình Allen Kardec.

* Nhiều học giả, trong đó có E. Royston Pike, tác giả cuốn Dictionnaire des Religions, cũng đã xếp Cao Đài vào Thông Linh vì Cao Đài rất chú trọng cầu cơ, cơ bút.

Đọc các phúc trình về Thông Linh, do nhiều khoa học gia trứ danh như Sir William Crookes, hay Tiến Sĩ Marcus Bach đã làm, sau khi đã chứng kiến các đồng cốt nổi danh như bà Pipers, ông Daniel Douglas Home, William Stainton Moses, và Leonore Kuiper, ta nhận thấy:

Thực sự các vong linh đã hiện về để dạy dỗ, hoặc để đối thoại với các người thân (apparitions).

Người đồng cốt có thể khinh thân, bay lên khỏi mặt đất (levitation), có thể thấu thị (clairvoyance). Các vật nặng như kèn đồng, accordeon có thể bay lên không trung và chuyển hướng theo lời yêu cầu của người dự (telekinesis).

Người ngồi đồng có thể phát ngôn, viết tự động (automatism of speech, of writing), bị vong linh ộp vào người (trances). Đã đành cũng đôi khi có những trường hợp lừa bịp, nhưng thường thì những hiện tượng tâm linh đó không thể chối cãi được.

* Bà Pipers, ngồi đồng trong vòng 26 năm. Hội Khảo Sát về Tâm Linh Học Anh Quốc (The British Society for Psychical Research) đã tốn trước sau \$150,000 để thuê người điều tra, theo rồi bà, đã phải nhiều nhân viên cự phách như giáo sư Sir Olivier Lodge đến dự 88 lần bà Pipers lên đồng, mà hoàn toàn phải công nhận là không thể nào bắt được gì là sai lầm, là gian trá. Giáo Sư James Hyslop ở Đại Học Columbia đã phỏng vấn bà Pipers tất cả 17 lần. Cuối cùng hoàn toàn bái phục và nói đã nhờ bà mà liên lạc được với người cha đã chết.

Dưới đây là một số tư liệu, mà Thông Linh chính thức chủ trương, hoặc đã được ghi chú từ những lần ngồi đồng, hoặc cầu cơ:

– Vô Lượng Trí tràn ngập vũ trụ, chi phối vũ trụ. Vô Lượng Trí không có hình tướng, vô ngã, toàn năng, và hiện diện khắp nơi

Tinh quang Trời hiện hữu trong muôn vật.

Mọi hồn thiêng tiến hóa mãi mãi, để tiến tới tuyệt đỉnh tinh hoa, siêu việt, hiển vinh, nơi đó Chúa là Tình Yêu, Tình Yêu là Chúa. [\[14\]](#)

– Phong trào Thông Linh đem thần đổ xuống loài người, là một sự thiên khải từ những khung trời sáng láng. Nó đem lại cho chúng ta thông điệp chân lý mà chỉ lo chúng ta chưa đủ lớn, khôn để mà thấu hiểu; một thông điệp sâu sắc, đẹp đẽ, và hết sức ý vị mà chỉ lo chúng ta chưa đủ sức thực hiện. [\[15\]](#)

– Không gì vô lý hơn rằng Chúa Jesus lại "thần" hơn, "trời" hơn người khác. [\[16\]](#)

Chuyện Chúa Jesus thai sinh kỳ bí chỉ là một chuyện thần thoại, huyền kỳ. [\[17\]](#)

Những tâm linh tiến bộ không chủ trương Chúa Jesus chuộc tội thiên hạ (Nocholas).

Chuyện chuộc tội đúng là điên khùng cao độ, vừa bất công lại vừa vô luân. (Hall). [\[18\]](#)

– Đấng Christ là Thiên Chúa, đồng đẳng với Chúa Cha là một điều ai cũng chống đối. Jesus Christ là Con Thiên Chúa y như chúng ta cũng là Những Con Thiên Chúa. [\[19\]](#)

– Chúng tôi nhấn mạnh một lần nữa để quý bạn rõ là chỉ được tin những gì hợp với định luật tự nhiên, và có thể chứng minh cụ thể... Phép lạ nghĩa là cái gì xảy ra ngược lại với định luật tự nhiên, như vậy không có phép lạ. [\[20\]](#)

– Không có Hỏa Ngục, Luyện Ngục, chỉ có hình thức sinh sống thay đổi. Tùy tâm trạng, mà các vong linh sẽ sống sướng hay sống khổ, y thức như trong cuộc đời này... [\[21\]](#)

Phát triển tâm linh chính là thờ phượng Chúa. Cuộc sống thần linh cốt là tiến hóa, phát triển. Y như phá vỡ tổ kén. Y như siêu thăng theo hình chôn ốc. Càng ngày càng lên các tầng trời cao hơn... Chết không phải là phạt tội một cách phũ phàng. Sự Chết chẳng có 'nợ'. Chết chẳng có thân cũng chẳng có sơ. Chết đã được Trời định từ muôn thuở... [\[22\]](#)

– Thông Linh Phái hoàn toàn tin rằng Thượng Đế là một Huyền Lực vô hình, vô ngã tiềm tàng và thi triển trong lòng muôn vật. Thượng Đế, hay Vô Lượng Trí, cũng là Nguồn Gốc quần sinh. Muốn được cứu rỗi cần phải sống thuận theo những định luật vật lý, tâm linh. Các định luật đó chính là sự phát huy, sự thể hiện của Thượng Đế trên mọi bình diện sinh hóa...

Không có chuyện ai đền tội thay ai. Không có hình phạt đời đời, mà chỉ có Tiến Hóa vô tận... [\[23\]](#)

Âm Ti, Địa Ngục có thể hiểu được là chỗ thấp kém nhất trong các nấc thang tiến hóa.

Thông Linh Phái dần dà cũng chia thành nhiều phái. Sự chia rẽ xảy ra là vì có người tin có Luân Hồi (Reincarnation – Hiểu theo nghĩa hẹp là Đầu Thai lại ở gian trần), có người không. Những người theo phái Allen Kardec thì tin có Luân Hồi. Ở Mỹ có phái tin có Luân Hồi, có phái không. Nên nhớ ở Mỹ Luân Hồi chỉ có nghĩa là đầu thai lại ở thế gian này.

– Về vấn đề này, nhà Thông Linh W. T. Stead – một người không chấp nhận có đầu thai – giải thích đại khái như sau: Các Linh sau khi chết vẫn còn chấp trước, vẫn còn mang những màu sắc như Công Giáo, Tin Lành v.v... Họ chưa tiến hóa được tới Tuyệt điểm, Tuyệt Đối, Tuyệt Đích. Cho nên những Linh nào còn tin có Luân Hồi, còn tin có Đầu Thai lại, thì lúc giáng cơ vẫn dạy rằng có Đầu Thai... Còn nghĩ phải đầu thai là còn tiến hóa chưa được cao...

Còn phía chấp nhận có đầu thai như Dr. Robert Chaney, thì cho rằng, theo lời dạy của một vong linh, thì con người có thể đầu thai sau 50 năm. Đó là sớm nhất. Còn lâu hơn, có khi từ 1500, đến 2000 năm. Họ còn trích dẫn Phúc âm Matt. 17:12–13, để chứng minh rằng Chúa Jesus cũng có dạy về Luân Hồi, vì đã cho rằng John the Baptist là Elias tái sinh...

Theo tôi chủ trương của cả đôi bên đều hợp lý: Tu thấp, thì phải đầu thai lại. Tu cao, tiến hóa cao, thì khỏi phải đầu thai lại ở trần gian này, nhưng sẽ được lên các cõi trời cao hơn. Phúc âm có câu: Nhà cha ta có nhiều nơi ở. [\[24\]](#)

– Thông Linh phái cũng chủ trương có thể dùng thần lực để chữa bệnh. Thần lực ấy đôi khi được gọi là 'Odic Force' (chữ này do Karl Von Reichenbach khai sinh ra năm 1852). Thần lực này thoát ra từ đầu các ngón tay của người có khả năng chữa bệnh.

* Các phái Thông Linh tại Mỹ hiện nay:

Hiện nay có nhiều giáo phái Thông Linh ở Mỹ. Có hai vấn đề chính gây chia rẽ:

– Một là vấn đề Luân Hồi.

– Hai là vấn đề rằng: Người Thông Linh còn coi mình là tín đồ Thiên Chúa Giáo hay là không.

Sau đây là các Giáo Phái Thông Linh chính:

– The National Spiritualist Association of Churches of The United States of America, thành lập năm 1893, thường viết tắt là N.S.A.

Giáo phái này không chấp nhận có Đầu Thai.

Andrew Jackson Davis, cũng như N.S.A. thì hoàn toàn tách khỏi Thiên Chúa Giáo.

– National Spiritual Alliance, sáng lập năm 1913, tách khỏi N.S.A. vì tin có Đầu Thai.

– Spiritual Science, do B.S. 'Mẹ' Julia Forest sáng lập năm 1923, hoạt động mạnh nhất tại Tiểu bang Нью ước.

– The Aquarian Brotherhood of Christ, do Caroline Duke sáng lập năm 1925.

– The Independent Spiritualist Association, do Amanda Flowers sáng lập năm 1924.

– The Spiritualist Episcopal Church, do các ô. Clifford Bias, John Bunker, Dr. Robert Chaney sáng lập.

– The Universal Spiritualist Association, thành lập năm 1946. Môn phái này không tin có tội tổ tông, và hiểu Atonement không phải là sự Chúa Jesus đổ máu cứu chuộc mà chính là AT– ONE– MENT: Sống hợp nhất với Thiên Chúa.

– Spiritualist Camps.

– The Spiritual Frontiers Fellowship do Albin Bro, Paul Higgins, Arthur Ford sáng lập năm 1956.

Vergilius Ferm toát lược về Thông Linh Phái như sau: «Sở dĩ Thông Linh Phái trở thành một đạo giáo vì con người tò mò tìm hiểu xem sau khi chết sẽ ra sao. Người Thông Linh chủ trương rằng con người sẽ tiến hóa mãi mãi, thăng hoa mãi mãi. Lai sinh càng ngày càng huy hoàng. Vũ trụ là một môi trường thân yêu. Người dương thế với thần linh trên Tiên Giới sống thân thiện hòa ái với nhau. Người dương thế mong cầu được sự chỉ dạy của các Linh Thần xưa kia đã sống trên mặt đất này. Mọi người đều sẽ được cứu rỗi. Mọi người được hưởng tự do, bình đẳng, vui sướng, hòa ái, chứ không sa đọa vào những tâm trạng sầu bi, ủ dột mà các đạo giáo công truyền thường đề cập tới...» [\[25\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Messaggio, Margarita, Thông điệp tình yêu nhân hậu gửi các hồn nhỏ, Đạo binh hồn nhỏ, 1983, tr. 177.

[\[2\]](#) In New England, Emerson and others, rebelling against an orthodoxy that tended to make men wholly sinful and corrupt and the will of man necessarily in bondage, and impatient of dogmas derived from a revelation confined to one book initiated a movement that got the name of Transcendentalism...

Encyclopedia of Religion and Ethics, Ed. by James Hastings, Vol. 12. Transcendentalism, p. 422.

- [3] "Man is born free, but he is everywhere in chains." The reality of nature and natural man as opposed to man molded by creeds and institutions of his making marked the difference between essential man and existential man for the transcendentalists.

J. Stillson Judah, *The History and Philosophy of the Metaphysical Movements in America*, The Westminster Press, Philadelphia, Pennsylvania, p. 24.

- [4] The transcendental spirit partook to an extraordinary degree of that distrust of the past, that optimistic faith in the future, that confidence in the efficacy of a formula for solving the problems of mankind. Ib. 24.

- [5] As the elder Romans distinguished their northern provinces into Cis- Alpine and Transalpine, so may we divide all the objects of human knowledge into those on this side, and those on the other side of the spontaneous consciousness; *citra et trans conscientiam communem*: The latter is exclusively the domain of pure philosophy, which is therefore properly entitled transcendental, in order to discriminate it at once, both from mere reflection and re- presentation on the one hand, and on the other from those flights of lawless speculation which, abandoned by all distinct consciousness, because transgressing the bounds and purposes of our intellectual faculties, are justly condemned as transcendental.

Encyclopedia of Religion and Ethics, Ed. by James Hastings, Vol. 12. Article: Transcendentalism, p. 421.

S.T. Coleridge, *Biographia literaria*, London, 1817, vol.1, chap. 10, (Everyman's Library ed., do. 1906, p. 129.)

- [6] He wrote in 1769: " I have been called to a holy office by the Lord himself who mostly graciously manifested himself in person to me, his servants, in the year 1745, when he opened my sight to a view of the spiritual world, and granted me the privilege of conversing with spirit and angels which I enjoyed to this day." (Charles Francis Potter, *The Story of Religion*, as told in the lives of its leaders, Simon and Schuster, Inc. New York, 1929, p. 438).

- [7] Swedenborg conceived of the world and the universe, heaven and hell, as one unified system, in which the only living thing is God. Man is dead; all created things are dead. That they appear alive is due to the presence of them in God. God is present in different degrees in different men. The angels were all normal men who had lived before on the earth or on some other planet...

Charles Francis Potter, *The Story of Religion...* p.440.

- [8] Robert Ellwood Jr, *Religious and Spiritual Groups in Modern America*, Prentice Hall, Inc. Englewood Cliffs, New Jersey, 1973, p. 66.

- [9] This mode of commemorating Christ is not suitable to me. That is reason enough why I should abandon it... I will love him as a glorified friend after the free way of friendship, and not pay him a stiff sign of respect, as men do those whom they fear.

Encyclopedia of Religion and Ethics, Vol. 5, Art. Emerson, p. 279.

- [10] Ib. p. 279.

- [11] Emerson proclaims the goal of religion to be the conscious union of man with God who could reveal himself through man's intuitions...

Emerson was influenced by Hindu monism in believing that God or Brahman was all and in- all and was also man's real self or atman...

(The History and Philosophy of the Metaphysical Movement, J. Stillson Judah, Westminster Press, Philadelphia, Pennsylvania, p. 32)

[12] Cf. Religious and Spiritual Groups in Modern America, p.72; The History and Philosophy of The Metaphysical Movements in America... p. 56.

[13] Cf. The Kingdom of The Cults, p. 199.

[14] Infinite Intelligence pervades and controls the universe, is without shape or form and is impersonal, omnipresent and omnipotent.

It teaches that the spark of divinity dwells in all.

That every soul will progress through the ages to heights, sublime and glorious, where God is Love and Love is God.

(What Spiritualism Is and Does. Spiritualist Manual Revision of 1940. Walter R. Martin, The Kingdom of Cults, p. 209).

[15] Spiritualism is an outpouring of the spirit upon humanity, a divine relation from the spheres of light. It is the highest message of truth which we have, as yet, grown to grasp and one whose depth, beauty and mighty significance we still imperfectly realize.

What is Spiritualism. Spiritualist Manual Revision of 1940.

The Kingdom of cults, p. 209.

[16] It is an absurd idea that Jesus was any more divine than any other man. Weisse.

The Kingdom of Cults, p. 210.

[17] The miraculous conception of Christ is merely a fabulous tale. (Haweis). (Ib. p. 210).

[18] Advanced spirits do not teach the atonement of Christ - nothing of the kind. (Nicholas)

Your doctrine of the atonement is the very climax of a deranged imagination, and one that is of the unrighteous and immoral tendency. Hall. The Kingdom of the cults. p. 21).

[19] The divinity of Christ as a co- equal partner with the Father is universally denied. Jesus Christ was indeed the Son of God, as also are we sons of God...(Spiritualism by The Rev. J. Stafford Wright, M.A. Principal of Tyndale Hall, Bristol, 1959, p. 11.

The Kingdom of the Cults, p.210.

[20] We impress upon you once more that our belief contains nothing but what is in accord with Natural Law, and which can be concretely proven.

Spiritualist Manual, Revision of 1940. The Kingdom of the Cults. p. 211.

[21] We do not believe in such places as Purgatory and Hell. Communicating spirits have merely graduated from this form of life into another. That life can be heaven or hell- like just as each spirit chooses to make it; the same applies to our life here.

Spiritualist Manual, Revision of 1940. The Kingdom of the Cults, p. 211.

[22] Serving God means personal development. Life on the spirit plane is an evolvment. Like the asc ent in a spiral. Like the growth of moral affection to higher and higher heavens... Death...was not a violent result of sin. It had no sting. It was neither friend nor enemy. It was part of the divine purpose, a purpose without beginning or end.

They have Found a Faith, by Marcus Bach, Bobbs- Merrill, 1946, pp. 171- 172.

The Kingdom of the Cults, p. 207.

[23] All modern Spiritualism would be in agreement with the N.A.S. (The National Spiritualist Association of Churches) that God is an immanent impersonal power manifesting Itself through all forms of organized matter. God, or Infinite Intelligence, the Spiritualists believe, is also Principle, and man's salvation depends upon his living in harmony with these laws which are manifestation of God on the physical, mental, and spiritual planes of life...

In this life man is entirely responsible for the welfare of the world. If he wants heaven to be on earth, he must create it for himself and for others. If there is no vicarious atonement for wrong acts, but only remorse and suffering, there is also no eternal punishment in the life beyond, but only eternal progression...

National Spiritualist Association of Churches of the United States of America (Spiritual Manual) p. 34.

J. Still Judah, The History and Philosophy of the Metaphysical Movements in America, The Westminster Press, Philadelphia, p. 65.

[24] Xem đoạn Reincarnation, The Point of Controversy, trong The History and Philosophy of The Metaphysical Movements in America, tr.82.

[25] Vergilius Ferm, An Encyclopedia of Religion, nơi chữ Spiritualism.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 19

HƯƠNG HOA ĐẠI ĐẠO (tt.)

I. TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG MỚI (THE NEW THOUGHT MOVEMENT)

Trên đây chúng ta đã khảo về Siêu Phàm Phái, và Thông Linh Phái. Trong chương này chúng ta sẽ khảo về Trào Lưu Tư Tưởng Mới và Thông Thiên Học.

* Siêu Phàm Phái chủ trương con người có Thiên Tính.

* Thông Linh Phái cũng chủ trương con người có Thiên Tính, nhưng nhấn mạnh rằng con người, sau khi chết, sẽ tùy trình độ tiến hóa của mình mà ở cõi này hay cõi nọ, cao thấp khác nhau. Con người trong cõi này có thể liên lạc được với các vong linh trong các cõi khác. Phong Trào Tân Tư Tưởng gồm nhiều môn phái khác nhau, nhưng đều cùng có một đường nét mới, một chủ trương mới giống nhau. Đó là: Con người có Phàm Tính, nhưng cũng có Thiên Tính. Con người phàm một khi không chịu theo những định luật của trời đất, những định luật thiên nhiên, thì sẽ phải khổ sở, sẽ bị bệnh tật. Khi biết mình có Thiên Tính, khi sống thuận theo những định luật của Trời Đất, thì con người có thể dần dần phát triển được thần uy, thần lực của mình để chữa trị các bệnh tật. Bệnh tật chẳng qua là do cái nhìn lệch lạc của con người, là do con người đã đánh mất thế quân bình với Trời, với Đất, với Người, với Mình.

Cho nên trên phiến diện, nếu ai đã theo Trào Lưu Tân Tư Tưởng thì đều tin tưởng mình có thể chữa được bệnh tật cho mình, cho người. Gọi là trào lưu, vì do nhiều người chủ trương, vì càng ngày càng sinh ra môn này phái nọ.

Biệt giáo nào biết hòa mình với những tôn giáo công truyền thì còn có cơ phát triển; giáo phái nào tách khỏi các hình thức tôn giáo đang thịnh hành, thì thường dễ đi đến chỗ lãng quên.

Dưới đây vì mô tả trào lưu, nên sẽ không thiên vị một giáo phái nào. Nói đến Tân Tư Tưởng trước tiên là phải nói đến Phineas Parkhurst Quimby, và Warren Felt Evans. Sau đó phải lưu ý rằng phong trào này cũng vay mượn nhiều vào các giáo phái khác như Tân- Bá Lạp Đồ (Neoplatonism), Giác Ngộ phái (Gnosticism), Siêu Phàm Phái (Transcendentalism), Thông Linh Phái (Spiritualism) v.v... Lại nữa, các Giáo Phái sau này tuy đứng về phương diện triết học thì giống Tân Tư Tưởng, nhưng họ lại không muốn coi mình như là thuộc trào lưu Tân Tư Tưởng. Sở dĩ họ không mấy thích danh xưng Tân Tư Tưởng vì họ nhận thấy rằng chúa Jesus xưa kia đã áp dụng các phương pháp này để chữa bệnh tật.

Để tiện việc khảo cứu, dưới tiêu đề Tân Tư Tưởng, ta sẽ xếp những nhân vật và các giáo phái sau:

A) Nhân vật

– Phineas Parkhurst Quimby (1802–1866).

– Warren Felt Evans, mục sư Giáo phái Tin Lành Methodist, gia nhập phong trào Swedenborg năm 1863.

– Julius & Anetta Dresser.

- Charles M. Barrows.
- Miss M. J. Barnett.
- Mrs Ursula Gesterfeld
- Mrs Emma Curtis Hopkins.

B) Giáo phái

- The Divine Science Church do nhiều người sáng lập, trong đó có Bà Malinda Cramer.
- The Church of Religious Science, do B.S. Ernest Holmes lập năm 1952.
- The Institute of Religious Science.
- The IARSC (The International Association of Religious Science Churches) thành lập năm 1949 do sáng kiến của B.S. Ernest Holmes.
- The Unity School of Christianity.
- Christian Science do bà Mary Baker Eddy sáng lập khoảng năm 1866.

C) Sơ lược ít nhiều nhân vật

* **Phineas Parkhurst Quimby** sinh ra ở Lebanon, New Hampshire năm 1802, nhưng sau thường sinh sống ở Portland Maine. Sau khi Charles Poyen, người Pháp, cho khoa thôi miên du nhập vào Mỹ, Quimby đã có dự khóa học về thôi miên năm 1838, và đến năm 1840 hành nghề thôi miên. ông cộng tác với một học viên của ông là Lucius Berkmar, để đoán bệnh và chữa bệnh.

Dần dà, Quimby, nghĩ ra được một học thuyết giải thích căn nguyên bệnh tật và chỉ dạy phương thức chữa bệnh.

Trước hết Quimby phi bác chủ trương chữa bệnh bằng nhân điện (magnetic healing); hay chữa bệnh qua trung gian các vong linh (Spiritualist hypothesis).

Quimby cho rằng con người có hai phần:

- Phần Phàm tục (natural man) chịu ảnh hưởng của dư luận, của xã hội bên ngoài Cái tâm ấy là tâm phàm (mind of opinions).
- Phần Thánh Tiên (spiritual man) hay là Thiên Tâm, mình chính không thể nào lầm lạc (Mind of Science; Mind of Christ). Thiên Tâm này cũng chính là Thiên Chúa, và chính nhờ thần lực này mà con người có khả năng chữa bệnh.

Như vậy theo như Swedenborg, Andrew Jackson Davis, Thông Linh, hay Thông Thiên, thì tâm con người phát ra một luồng từ lực (magnetic power), mà Von Reichenbach gọi là Odic force, mà Thông Linh hay Thông Thiên gọi là Etheric emanations, hay auric emanations; mà Andrew Jackson Davis gọi là Mental Atmosphere.

Quimby cho rằng đó là thứ 'vía xấu' (evil animal magnetism), không dùng để chữa bệnh được. Muốn chữa bệnh cần phát huy được Thần Lực của Thiên Chúa trong con người chúng ta (God's power). Theo Quimby, con người sẽ đoán ra bệnh bằng Thần Trí (Wisdom), chữa bệnh bằng Thần Uy (God's Power). Như vậy mới thực sự là y đạo (Science of Health). ^[1]

Theo Quimby, con người bị bệnh tật chính vì đã không biết rằng trong mình có căn cốt thần linh..

Theo Quimby, Thượng Đế chính là Chân Ngã con người.^[2] Quimby cho rằng con người bị bệnh, vì nghĩ là mình có bệnh. Đó là một sự lầm lạc.

* Warren Felt Evans.

Evans chịu ảnh hưởng sâu rộng của Swedenborg, Fichte, Quimby, và học thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể của Ấn Giáo.

Theo Evans, các tầng lớp trong con người hỗ tương ảnh hưởng đến nhau, theo định luật tương ứng (laws of correspondences).

Tật bệnh sinh ra là vì Phàm Tâm con người kinh chống với Thiên Tâm, với Căn Cốt Thần Linh nội tại (antagonism between the inmost divine essence in man and the selfhood), hoặc là do ý chí con người bị thác loạn. Nếu Thiên Tâm mà chi phối hoàn toàn được phàm tâm, được thể xác, thì con người sẽ trở lại với Trời, như Chúa Jesus đã làm xưa. [3]

Muốn chữa bệnh, trước hết phải dùng thấu thị để tìm cho ra căn bệnh, sau đó phải dùng Thần mình trực tiếp ảnh hưởng vào Thần của bệnh nhân. [4]

Evans cũng đặt nặng ảnh hưởng của Tư Tưởng và Lời Nói. Chủ trương của Evans làm ta liên tưởng đến bí quyết của Mật Phật Giáo cũng là Thân, Khẩu, Ý (Ấn Quyết, Thần Chú, Tập Trung Tư Tưởng).

* Các nhà Tư Tưởng khác.

Phong Trào Tân Tư Tưởng gồm rất nhiều người khác có tên tuổi như:

- Julius & Anetta Dresser.
- Charles Barrows.
- Cô M. J. Barnett.
- Henry Wood.
- Ursula Gestefeld.
- Emma Curtis Hopkins.
- Mary Baker Eddy, giáo chủ Giáo Phái Christian Science v.v...

Tôi sẽ không đi sâu vào từng nhân vật, nhưng cố gắng vẽ ra đường hướng chung, quan điểm chung của Phong Trào.

Như ta đã biết, mỗi một giáo phái, mỗi một đạo giáo lại có một lập trường riêng, một cơ sở lý luận riêng. Âu Mỹ gọi là Paradygme.

Cơ sở lý luận của Âu Mỹ đã được xây dựng trên Truyền Thống Thiên Chúa Giáo, trên quyền uy của Giáo Hội (Công Giáo); trên quyền uy của Thánh Kinh (Tin Lành). Cơ sở lập luận của Tân Phong Trào hết sức là rộng rãi, hết sức là tự nhiên, phóng khoáng.

Những người theo Phong Trào Tân Tư Tưởng có thể chấp nhận mọi thứ Thánh Kinh trong thiên hạ.

Họ đặt nặng vấn đề Thượng Đế nội tại, Thần Linh nội tại, cho rằng Con Người có Bản Tính Trời. Cha mẹ, tổ tiên của con người chính là Trời, vì thế nên con người sinh ra cũng Vô Nhiễm Nguyên Tội như Chúa Jesus hay Đức Mẹ Maria.

Con người đều có Bản Tánh của Thượng đế, nên đều là Thượng Đế trên phương diện Căn Cốt. Họ không chấp nhận con người sa đọa vì tội Tổ Tông, mà sa đọa vì đã tách rời Mình ra khỏi Thượng Đế. Họ cho rằng con người được giải thoát, khi hợp nhất lại được với Thượng Đế. Con người ai ai cũng có Thiên Tính như Chúa Jesus, có Christ, có Logos trong mình như Chúa Jesus, nhưng khác Chúa Jesus ở chỗ là không thực hiện được Thiên Tính đó.

Chủ trương của họ là Thượng Đế là Tất Cả, ở trong Tất cả, nên người thì cho rằng Phàm Tâm là Minh, Chân Tâm là Chúa, còn phân biệt có Thần, có Vật, nhưng cũng có đôi người thấy Chúa là tất cả, và tất cả những cái gọi là Tinh Thần, Vật Chất chẳng qua chỉ là những hình hiện những biến hóa nhất thời của Đại Thể vô biên đó mà thôi.

Tất cả vũ trụ này đều được chi phối bằng những định luật thiên nhiên. Tìm ra được những định luật thiên nhiên đó để mà theo, mà giữ, con người sẽ sống trong sung túc, trong vui vẻ, trong hòa bình, trong sức mạnh, trong hạnh phúc.

Cho nên sở dĩ con người bị bệnh tật, chính là vì con người còn ngu dốt chưa theo đúng được những định luật nhân sinh, chính là vì con người đã đánh mất sự quân bình giữa Thiên Lý và Nhân Tâm.

Chính vì phong trào này đã xây dựng cơ sở trên học thuyết: Thiên địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, nên dĩ nhiên không chấp nhận Thuyết Tạo dựng bởi không của Thiên Chúa Giáo.

Tuy nhiên vì họ sống trong môi trường Thiên Chúa Giáo, nên vẫn dùng những danh từ của Thiên Chúa Giáo như Cha Con, Thánh Thần, vẫn tuyên xưng vọng Kinh Thánh, nhưng khẩu ngữ, thì nếu họ còn dùng Từ Ngữ này nọ, nhưng nội dung thì đã thay đổi hết.

Những tư tưởng trên đã được lấy ra từ những bản tuyên xưng của Phong Trào, như bản Declaration of Principles làm tại St. Louis năm 1917. [5]

Trong các Giáo Phái thuộc phong trào này, hiện nay Giáo Phái Christian Science là mạnh nhất, và sống động nhất.

Giáo phái này do bà Mary Baker Eddy sáng lập vào khoảng năm 1866, hiện nay có rất đông tín đồ, và chủ trương chữa bệnh chỉ bằng Kinh Nguyện, không cần dùng thuốc men.

Người Á Châu, khi khảo lại các phong trào nói trên, nếu tâm không chấp trước sẽ học được rất nhiều bài học, mà bài học quý giá nhất, là nếu một lúc nào đó, biết ngồi tĩnh tâm nhập định, sẽ thấy mình thể nhập với Thượng Đế, với Nguồn Sinh của vũ trụ và của Con Người...

Sự khảo cứu này cho thấy rõ con người tùy căn cơ, tùy trình độ, sẽ có thể làm một trong những chuyện sau đây:

- Dựa vào truyền thống, dựa vào một tôn giáo nào đó.
- Dựa vào giáo quyền của tôn giáo nào đó.
- Dựa vào một thánh thư nào đó.
- Dựa vào sự hướng dẫn của một hay nhiều vong linh quá vãng nào đó.
- Dựa vào Chân Thần nội tại sẵn có nơi mình.
- Tiêu trừ Phàm Tâm để thể nhập Thiên Tâm.
- Sống trong cõi Vô Cùng, nhìn thấy lẽ Nhất Quán, Viên Dung của Vũ Trụ, vượt lên trên hết mọi phân biệt, hèn nhai, hạnh phúc...

Tóm lại càng ngày càng thấy rằng con người có những khả năng vô tận, và có thể tiến hóa vô cùng, vô tận.

II. THÔNG THIÊN VÀ CÁC BIỆT PHÁI TƯƠNG TỰ

Dưới tiêu đề này chúng ta sẽ bàn sơ về:

- Thông Thiên Học (Theosophy).
- Trường Thần Bí (The Arcane School).
- Tổ Chức Astara.

1. Thông Thiên Học do bà Helena Petrovna Blavatsky, ông Olcott và ông William Q. Judge sáng lập, ngày 20 tháng 10, năm 1875. Trụ sở chính ở Adyar, Ấn Độ. Có chi nhánh ở Nữu Ước, Luân Đôn, Paris, và nhiều nước khác trên thế giới.

Ngoài ra còn có những nhân vật khác nổi tiếng như bà Annie Besant, ông Katherine Tingley, Krishnamurti v.v...

Những sách danh tiếng của Thông Thiên.

The Secret Doctrine, Isis Unveiled của bà Blavatski.

Esoteric Christianity của Annie Besant v.v...

2. Trường Thần Bí (The Arcane School)

Trường phái này do Alice Bailey sáng lập tại Nữu ước năm 1923.

3. Tổ Chức Astara (The Astara Foundation).

Tổ chức này do Robert và Earlyne Chaney sáng lập năm 1951.

A. SƠ LƯỢC VỀ GIÁO LÝ THÔNG THIÊN HỌC

Hội Thông Thiên được thành lập với ba mục tiêu:

1. Thành lập căn cơ cho tình Huynh đệ đại đồng, không phân chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, tầng lớp xã hội, hay màu da.

2. Khảo cứu các đạo giáo cổ kim, triết học, khoa học, và coi đó là một điều cần thiết.

3. Khảo sát về những định luật thiên nhiên còn ẩn áo, chưa hiển lộ, và các khả năng tâm lý tiềm ẩn nơi con người. [6] Bà Blavatsky viết: Mục tiêu hết sức quan trọng của chúng tôi là làm sống lại công cuộc của Ammonius Sacca, người sáng lập ra môn phái Tân-Bá-Lập-Đồ (Neoplatonism) cách đây 17 thế kỷ. Môn phái này chủ trương là dung hòa, hòa giải mọi tôn giáo, mọi trường phái, mọi quốc gia dưới một hệ thống luân lý chung, dựa trên những chân lý bất biến, vĩnh cửu... Ammonius khuyến cáo mọi người ngừng chống báng nhau, đả kích nhau, vì dưới những lớp áo xống khác nhau, thực ra họ có cùng một chân lý. [7]

Về Vũ Trụ Quan, Thông Thiên chủ trương rằng vũ trụ này đã được phóng phát ra từ một Nguyên Thể Thần Linh Duy Nhất. Đó cũng là chủ trương chung của các nền Triết Học Tân Bá Lập Đồ, Ấn Độ, Ai Cập, Ba Tư, Hi Lạp và của môn phái Giác Ngộ. [8]

Về phía con người, Thông Thiên Học chủ trương rằng con người, là một tàn lửa Trời, là một phân thân của Trời, là một Con Trời, sẽ tiến hóa dần dần để thực hiện Chân tướng của mình. [9]

Thông Thiên cho rằng con người có nhiều tầng lớp.

- Tầng lớp thể chất (physical body).

– Tầng lớp khí (astral body do chữ Aster là Star là Sao). Đó chính là Tầng Lớp Nam Châm hay Tầng Lớp Nhân Duyên, Duyên Nghiệp, chịu sự hấp dẫn, ràng buộc của tha nhân, ngoại cảnh và các tình cầu. Đó chính là tâm hồn con người với thất tình lục dục. Nó có một tần số cao hơn thể chất, và phát ra một hào quang có màu sắc khác nhau, mờ tỏ khác nhau, biến đổi theo tâm trạng. Lúc ngủ mơ, ta sống trong cảnh giới này.

– Tầng lớp Thần, hay Thể Trí (The Mental Body, The Mental Plane), gồm bảy tầng, bốn tầng dưới thấp gọi là Hạ Trí (Lower Mind); ba phần cao trên gọi là Thể Căn (The Causal Body). Thể Trí sau khi chết sẽ sống trong cõi Trung Giới hay Devachan, hay cõi Thiên (heaven– word). Sau một thời gian Thể Trí sẽ tiêu, để cho Thể Căn (Causal Body) lên sống trên cảnh giới Thượng Thiên (higher heaven world).

Sau đó là Cảnh Giới Tuệ Giác (Intuition Plane).

– Sau đó là cảnh giới Thần Linh (spiritual plane), nơi mà ý người và ý Trời sẽ hợp nhất.

– Các cõi tối hậu để cho con người tiến hóa đó là cõi Nhất Thể (monadic plane) và cõi Thần Linh Siêu Tuyệt (the divine plane), hay cõi Niết Bàn (The Nirvana). [\[10\]](#)

Nói thể có nghĩa là con người có thể tiến hóa vô cùng tận, và cuối cùng sẽ thể nhập Đại Thể Vô Biên, trở thành Vô Cùng. Chính vì tin rằng con người tiến hóa vô biên, vô tận, nên Thông Thiên tin có Quả Kiếp (Karma), và tin có Luân Hồi (Reincarnation). Luân Hồi ở đây không cứ là phải tái sinh nơi trần thế, nhưng có thể sống trong nhiều cõi khác nhau, càng ngày càng khinh thanh, vi tế. Chính vì vậy mà Thông Thiên tin rằng con người có thể liên lạc được với các vong linh đã quá cố, nhưng phải thận trọng vì nhiều khi gặp phải những vong linh thấp, rất có hại.

Nếu Ấn Giáo, Phật Giáo đều chủ trương con người có ĐẠI NGÃ, TIỂU NGÃ; ĐẠI NGÃ là TRỜI, là PHẬT, TIỂU NGÃ là NGƯỜI là PHẠM; ĐẠI NGÃ thời TRƯỜNG SINH; TIỂU NGÃ thời TỬ VONG, thì bà Blavatsky cũng chủ trương rằng con người có:

– ĐẠI NGÃ mà bà gọi là Higher Mind hay Soul hay SPIRIT, hay Noetic Mind, hay Divine consciousness, Divine Mind trong con người (do chữ Nous Hi Lạp hay chữ Nout Ai Cập); hay Individuality.

– TIỂU NGÃ mà bà gọi là Lower Mind, hay Animal Soul hay Psyche, hay Personality. [\[11\]](#)

Chúng ta nên lưu ý về hai chữ INDIVIDUALITY và PERSONALITY.

INDIVIDUALITY theo từ nguyên là Duy Nhất Bất Khả Phân; Personality do chữ Persona là mặt nạ hóa trang. Do đó ta hiểu được ngay rằng dưới những mặt nạ hóa trang muôn vàn biến ảo của Phàm Tâm, còn có Thiên Tâm Duy Nhất Bất Biến...

Tuy nhiên như trên chúng ta đã thấy Thông Thiên chủ trương rằng con người trên quá trình tiến hóa vô hạn, có thể biến từ Phàm Tâm tử vong đến Thiên Tâm bất tử.

Nếu ta coi Phàm Tâm là CHỈ; Thiên Tâm là VÀNG RỒNG, thì ta sẽ thấy rằng Khoa Luyện Đan của Âu Châu hay của Á Châu thực ra không chủ trương biến CHỈ thành VÀNG, nhưng chính là chủ trương biến Phàm Tâm thành Thiên Tâm.

Hiểu được điều này chúng ta sẽ hiểu được các Khoa Học Huyền Bí khác của Âu Châu như Kabbala, Free– Masonry, Alchemy, Tarot và Rosicrucianism và Hermetism; cũng như ta mới hiểu được bí quyết Nhập Niết Bàn của Ấn Giáo, Phật Giáo hay Con Là Cái Đó (Tat Tvam Asi) của Bà La Môn.

Thánh Paul, trong thư 1 gửi cho Bồi Đạo Corinthians cũng đã bàn về Thiên Tâm mà Ngài gọi là Spiritual Body, và Phàm Tâm mà ngài gọi là Psychical Body:

Thiên Tâm mới bắt tử, mới vào được Nước Trời; Phàm tâm thời tử vong, ngu muội, và sẽ hư nát đi (I Cor.15: 42–51). Tiếc thay đại luận này của thánh Paul, xưa nay ít người dịch nổi, ít người hiểu nổi. Quả là một điều đáng tiếc.

Xuyên qua Thông Thiên, chúng ta đã tìm ra chủ trương nhất quán của các Mật Tông Âu Châu như Rosicrucianism (Hồng Hoa Thập Tự), Tam Điểm (Free-Masonry) Kabballa (Mật Tông Do Thái), Phái Giác Ngộ (Gnosticism), Phái Tân Bá Lạp Đồ (Neo-Platonism); Khoa Luyện Đơn (Western Alchemy & Taoist Alchemy); Bà La Môn; Phật Giáo; phần mật truyền trong Thiên Chúa Giáo; tinh yếu của Dịch Kinh và Thuyết Tiến Hóa, như vậy há chẳng phải đã vượt qua các biên cương bờ cõi của các tôn giáo và các mật tông kim cổ để tìm lại được lẽ nhất quán của nhân quần hay sao.

Mà cái lẽ nhất quán đó thật là giản dị:

– Dưới bộ mặt nạ hóa trang của con người luân lạc trong các cõi luân hồi, vẫn còn có bộ mặt quang hoa vĩnh cửu của con người muôn thuở. Làm sao, rũ bỏ được những lớp phấn son, bùn đất bên ngoài, để phục hồi lại được cái Bản Lai Diện Mục trong sáng, vinh hiển thực sự của chính mình.

B. ĐẠI LƯỢC VỀ TRƯỜNG PHÁI HUYỀN BÍ (THE ARCANES SCHOOL)

Chủ trương của Trường Phái này cũng na ná như của Thông Thiên.

Nó cũng chủ trương rằng con người có Thiên Tính. Cái Thiên Tính ấy thánh Paul gọi là Đấng Kitô trong anh em.

Tội lệ chẳng qua là sự ngu muội, dốt nát, không hiểu được rằng căn cốt của mình đồng nhất với Thượng đế, với Brahman. Xưa kia người ta cho rằng tội lệ sinh ra là vì xác thịt yếu đuối; nhưng thật ra tội lệ sinh ra vì tâm ta lầm tưởng rằng chúng ta xa cách, riêng biệt, với người, với thần linh, với Đại Ngã. Tưởng rằng ta, người chia lìa là lầm lạc; thấy rằng ta, người là một mới xây dựng được tương lai.¹²

C. ĐẠI LƯỢC VỀ TỔ CHỨC ASTARA

Tổ Chức Astara do hai vợ chồng ông Bà Robert và Earlyne Chaney sáng lập năm 1951. Nó tập hợp các đường nét chính yếu của Thông Linh phái, của Thông Thiên, của Trường Phái Mật Tông (The Arcane School), và của Thiên Chúa Giáo. Vì Bà Earlyne có khả năng chữa bệnh, nên tổ chức này vừa giảng giáo, vừa chữa bệnh. Tuy không tin vào các giáo hội Thiên Chúa Giáo, nhưng vẫn tin Chúa Giê Su là một trong những Linh Thần hướng dẫn nhân quần. Nhờ vậy mà thu hút được nhiều tín đồ.

Ông Bà Robert và Earlyne Chaney có ý đồ tận dụng tất cả các Pháp Môn hiện có trong Thiên Hạ để giúp con người tìm thấy được Thiên Chúa, từ cầu cơ, đến chuyện tin vào các Linh Thần hướng đạo, như Kut– Hu– Mi, như Rama, như Chúa Jesus, đến chuyện tin vào Luân Hồi, Chuyển Kiếp, và khai thác mọi Môn Phái cổ kim, khai thác Yoga v.v...

Ít ra cũng phải khen rằng Trường Phái này đã gạt bỏ được mọi chấp trước.

Và như vậy chúng ta lại học thêm được một bài học mới là PHÁ CHẤP HOÀN TOÀN.

CHÚ THÍCH

[1] J. Stillson Judah, The History and Philosophy of The Metaphysical Movement of America, p. 150- 156.

[2] Both Davis and Quimby identify God with Wisdom which is man's real self. The latter wrote in 1865: "The real man is God or the first cause. Every idea that man embraces comes through his natural senses, but this real man is not seen, but is truth or wisdom." lb. 152.

[3] (lb. pp. 160- 161)

[4] "speak as a spirit to his spirit". lb. p. 161.

[5] (Xem The History and Philosophy of The Metaphysical Movements in America, nơi các trang 175- 185; bản Tuyên Xưng của Divine Science (cf. pp. 197- 198) v.v...

[6] lb. p. 94.

[7] The most important of our aims, she writes, "is to revive the work of Ammonius Saccas, " the founder of the Neoplatonic School of seventeen centuries ago. The work of that school, she states, was "to reconcile all religions, sects and nations under a common system of ethics, based on eternal verities." Hence the Neoplatonists were known as the eclectic theosophical school, the word theosophy, meaning godlike wisdom, being first used by them. The aim of Ammonius was to induce Gentiles, Christians, Jews and other people "to lay aside their contentions and strifes, remembering only that they were all in possession of the same truth under various vestments..."

H.P. Blavatsky, The Key to Theosophy, Reprint of original 1889 edition, Theosophy Co, Los Angeles, pp. 3,5.

Joseph Head and S.L. Cranston, Reincarnation: The Phoenix

Fire Mystery, Julian Press/Crown Publisherd, Inc. New York, 1977, p. 488.

[8] Theosophy's cosmology is essentially a theogony of emanation from the Divine One, and since Theosophy teaches that all religious philosophies have similar truth, it does not seem strange to the followers that its expression is made in both Neoplatonic and Hindu terms. Annie Besant, in her Esoteric Christianity or the Lesser Mysteries chose essentially the former, but equated this truth with that found in the mystery religions of Egypt, Persia, Greece, as well the Gnostics.

Annie Besant, Esoteric Christianity or the Lesser Mysteries (Theosophical Publishing House, 1901), pp. 22- 26.

J. Stillson Judah, The History and Philosophy of the Metaphysical Movements in America, The Westminster Press, Philadelphia, Pennsylvania, pp. 107- 108.

[9] According to Annie Besant, man is a spark of God, "a fragment of the life of God," which at one stage of its evolution individualized as a human ego. As a "Son of God, made in his image," he progresses through many reincarnations toward the realization of his true nature.

lb. p. 103.

[10] lb. p. 104.

[11] 'Noetic' is an adjective of Nous which H.P.B. defines in her Theosophical Glossary as "a Platonic term for the Higher Mind or Soul." It means Spirit as distinct from animal Soul- psyche." It is the 'divine consciousness or mind in man." The Greeks, she said, borrowed the word from the Egyptian Nout.

Los Angeles: Theosophy Co., p. 234.,

Reincarnation, The Phoenix Fire Mystery, p. 511.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương:](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Đường vào Triết học và Đạo học

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | Chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

Chương 20

RA ĐỜI, VÀO ĐẠO

Càng ngày tôi càng trông tỏ hai nẻo đường, mà nhân loại bắt buộc phải băng qua:

1. Nẻo đường hướng ngoại: để thích ứng với hoàn cảnh.
2. Nẻo đường hướng nội: để tiến hóa; để đắc Đạo, phối Thiên.

Nẻo đường 1, tôi gọi là Âm Lộ, vì càng ngày nó càng tiến vào hôn trầm, ám muội.

Nẻo đường 2 là nẻo đường tiến vào tâm linh, sẽ đưa đến giải thoát con người. Tôi gọi con đường này là Dương Lộ, vì càng ngày nó càng tiến tới ánh sáng, tới quang minh.

Hai nẻo đường trên người Trung Hoa xưa đã đề cập đến:

Nơi đầu quyển Kỳ Môn Độn Giáp, ta đọc thấy: «Âm Dương thuận nghịch bất đồng đồ.» 陰陽順逆不同途 (Âm Dương xuôi ngược khác đường nhau).

Chương 33 Trung Dung viết:

«Thơ rằng:

Gấm mặc trong, ngoài phủ áo sa,

Là vì ngại gấm đầy hoa lòe loẹt.

Nên đạo quân tử ám nhiên, ẩn ước,

Sau dần dần mới sáng rực mãi lên.

Đạo tiểu nhân mới ngó ngoảnh là đèn,

Nhưng càng ngày càng tối đen tối sẫm...»

Nẻo đường hướng ngoại suy cho cùng trở trêu thay lại là nẻo đường của các đạo giáo công truyền trên thế giới. Phẩm chất của các đạo giáo công truyền, của các «NGOẠI ĐẠO» này là những phẩm chất ngoại tại: Thượng thần ngoại tại, chân lý ngoại tại, luật lệ ngoại tại, quyền uy ngoại tại, thưởng phạt ngoại tại, đền đài miếu mạo ngoại tại, kinh sách ngoại tại, định luật nhân sinh toàn là những qui ước ngoại tại. Những người đã bước chân vào con đường này dần dần bị cấm suy, cấm nghĩ, cấm so sánh, càng ngày càng bị «viễn cách chỉ huy» (remotely controlled), và dần dà trở thành những hình nộm trên sân khấu đời... mang danh đi đạo, mà suốt đời chẳng biết thế nào là đạo.

Con người được đổ vào những khuôn sáo mà xã hội đã tạo dựng nên. Những khuôn sáo này chính là chiếc giường cố định của Procruste. Ai lùn, ai ngắn thì kéo cho xương khớp lìa tan, miễn là phải vừa với khổ giường; ai dài, ai lớn, thì chặt bớt đi cho ngắn lại. Đi vào con đường này, chỉ thấy toàn là kỷ luật, còn tự do, hạnh phúc chỉ là những danh từ hảo, hữu danh vô thực.

Những đạo giáo công truyền này hết sức khác biệt nhau, nhưng đều được giảng dạy cho con người từ lúc ấu thơ, từ khi còn ấu trĩ. Chính vì đối tượng của chúng là con người ấu trĩ nên dĩ nhiên chúng cũng phải ấu trĩ.

Suy kỳ cùng, chúng cũng có ích cho nhân loại, vì chúng đóng góp nhiều vào công cuộc giữ gìn an

ninh trật tự xã hội, giúp con người đối xử hiền hòa với con người, giúp con người ăn ngay ở lành, ít là trên hình thức bên ngoài, và theo tầm nhìn lối nghĩ của các giáo hội.

Theo đạo giáo công truyền cũng là một cách thích ứng với ngoại cảnh, và cũng thỏa mãn phần nào niềm khao khát siêu nhiên của con người.

Con đường thứ hai, là con đường hướng nội, là con đường giải thoát thực sự, mà Ấn Độ xưa đã dùng những tiếng như là Yoga, Moksa, Kriya Yoga, mà ngày nay người ta dùng những tiếng như là Self-realization, hay God-realization (thực hiện tự tánh, thực hiện thiên chúa) v. v...

Phẩm chất của đạo giáo mật truyền này – một Nội Giáo duy nhất của nhân quần – là phẩm chất nội tại: Thượng thần nội tại, chân lý nội tại, luật lệ nội tại, quyền uy nội tại, thưởng phạt nội tại, kinh sách nội tại, đền đài miếu mạo nội tại: Thượng thần chính là Căn Nguyên con người, Nguồn sinh con người; kinh sách, lễ luật chính lương tâm con người; tất cả đều là thiên nhiên, vĩnh cửu. Đền đài chính là thân tâm con người. Con người được khuyến khích suy tư, khuyến khích tìm cầu, khuyến khích thoát khỏi những gì tù túng, trói buộc thân phận con người. Nó có mục đích giúp con người vươn vượt lên trên thân phận con người, trở thành thần minh, ngay từ khi còn ở gian trần này, hưởng hạnh phúc tâm linh ngay từ khi còn ở gian trần này: Thực vậy, muốn biết mình chứng đạo hay không chỉ cần kiểm điểm xem mình có được hạnh phúc thực sự hay không, quang minh chính đại hay không, tiêu sái hay không, hồn nhiên hay không.

Vì nó không đòi hỏi con người phải sống cố định theo những khuôn khổ gian trần nào, mà chỉ đòi hỏi phát huy những khả năng vô biên vô tận sẵn có nơi mình, thực hiện tinh hoa còn tiềm ẩn nơi mình, nên con người càng ngày càng cảm thấy mình có thể triển dương, tiến hóa vô biên tận.

Loại đạo giáo này dành cho những tao nhân, mặc khách, những tâm hồn cao siêu, khoáng đạt. Con người thường chỉ tìm ra được Nội Giáo này lúc đầu đã hoa râu, lúc tuổi đã khoảng 40, và thường là có may mắn gặp được chân sư chỉ dạy.

Những đạo giáo công truyền ngày nay có rất nhiều. Nguyên Thiên Chúa Giáo cũng có vô số giáo phái.

Ngoài ra chúng ta còn có Phật giáo, Ấn Giáo, Bà La Môn giáo, Hồi giáo.

Mới nhìn, ta thấy chúng hết sức khác nhau. Nhưng suy nghĩ thêm một chút, ta thấy chúng rất là giống nhau.

1. Trước hết chúng là đạo giáo của đại đa số quần chúng. Đạo nào cũng hãnh diện vì có hàng triệu triệu tín đồ.
2. Đạo nào cũng có đền đài miếu mạo.
3. Đạo nào cũng có một vị Thượng thần, hay nhiều vị thần; nhiều vị Phật, hay nhiều vị thánh để ca tụng, tôn thờ, hương hoa cúng quải.
3. Đạo nào cũng có những nghi lễ để hành, những kinh để đọc, những bài ca để hát, cũng xì xụp van vái.
4. Đạo nào cũng đòi hỏi sự đóng góp của giáo dân: xem lễ, dự lễ, cầu kinh chung, góp công, góp của.
5. Đạo nào cũng thường có những lễ nghi đặc biệt để đánh dấu các thời điểm quan trọng của cuộc đời như: tử, sinh, quan, hôn, tang, tế v.v...
6. Đạo nào cũng tạo ra những thiên đường riêng, những địa ngục riêng, và cũng có những vị thánh thần, hay những yêu ma, quỷ quái, đầy nhóc trong đó. ở thiên đường thì ca hát, ở địa ngục thì khóc than. Cả ở hai nơi, cuộc sống đều vô vị, vô ý nghĩa như nhau.
7. Đạo nào chung qui cũng cốt là để thờ TRỜI, thờ ALLAH, thờ PHẬT.

Tất cả những đạo giáo trên đều có giáo trình, giáo sử, và theo đà thời gian cũng có thăng trầm, và rồi ra cũng có thể có sinh, có diệt.

Có điều lạ là đạo nào cũng cho mình là Chân đạo, còn đạo khác là tà đạo, là ngoại đạo, mặc dầu chính bản chất của mình vốn là tà đạo, là ngoại đạo: tà đạo vì không nhìn ra được chân bản thể của con người, chân bản thể của vũ trụ, chân giá trị của con người, mục đích chân chính của cuộc tiến hóa quần sinh; ngoại đạo, vì chỉ biết những lễ nghi hình thức hời hợt bên ngoài, chạy theo những gì phù phiếm, phiến diện bên ngoài, mà ừ cạc về những điều trọng yếu, những lý sự tiềm ẩn bên trong vũ trụ và con người.

Từ năm tôi 36 tuổi, tôi bắt đầu tìm ra được con đường nội giáo:

- Tôi cảm nghiệm một cách mãnh liệt rằng con người có Thiên tính.
- Tôi xác tín rằng con người phải đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời.
- Con người có giá trị vô biên và có những khả năng vô biên, vô tận, cần được khai thác.
- Con người vì có hai phương diện nội ngoại, hằng biến, nên có nhiều loại bốn phận:

a. Thích ứng với ngoại cảnh, khai thác ngoại cảnh, để sống một cuộc đời vật chất sung sướng, khỏe mạnh, thoải mái.

b. Ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, có một đời sống cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia, quốc tế hân hoan trật tự trong một bầu không khí, tương ái, tương kính, tương thân, tương trợ.

c. Vươn vượt lên trên thân phận con người, thoát vòng kiềm tỏa của không gian thời gian, của biến thiên, ảo hóa, để sống một cuộc đời thần linh, siêu tuyệt.

Đại Đạo Tâm Linh này chỉ có một mục đích duy nhất là THÀNH PHẬT, THÀNH TRỜI, THÀNH THẦN, chứ không chủ trương LẠY TRỜI, LẠY PHẬT, LÀM TÔI TỐ CHO TRỜI, CHO PHẬT.

Nó không có lễ nghi, hình thức, nó không chủ trương xì xụp van vái, mà chỉ có chủ trương sống với mọi người, với quần sinh vũ trụ, thế nào cho hay, cho phải, chỉ chủ trương tương kính, tương ái, tương thân, và hợp sức cùng nhau cải thiện ngoại cảnh, tổ chức gia đình xã hội, quốc gia cho ngày một thêm hoàn mỹ. Chưa thực hiện được một cuộc sống cá nhân và cộng đồng lý tưởng, chưa lời công trình...

Nó chỉ có một mục đích duy nhất là giúp con người tìm cho ra cái bản chất thần linh siêu tuyệt nơi mình. Chúng ta muốn gọi cái Bản thể thần linh ấy là gì cũng được: Là Tuyệt đối, là Chúa, là Allah, là Oum, là Brahman, là Atman, là Chân Như, là Đạo, là Nhất, là Hư, là Vô, hay là Không. Danh hiệu không cần, nhưng đừng bao giờ quên nó, xa lìa nó, chối bỏ nó...

Cũng nên nhận chân rằng con đường đi vào nội tâm mà tìm Đạo, tìm Trời là một con đường có thực, nhưng rất ít người tìm ra.

Không tìm ra được, vì nhiều lý do:

1. Con người đã bị thôi miên, bị nhồi sọ từ tấm bé bằng cái đạo công truyền sẵn có ở xã hội bên ngoài.
2. Lười biếng không chịu tìm cầu. Sống phù phiếm, không biết trầm tư mặc tưởng.
3. Không có căn cơ, hay chưa có cơ duyên.
4. Cho rằng đi vào tâm để tìm Đạo, tìm Trời là điều không tưởng.
5. Cái đạo cao siêu này thường chỉ truyền thụ cho những người thực tâm tha thiết tìm cầu, chứ không vơ bèo, gạt tép, truyền dạy ẩu tả.

Huyền thoại Ấn Độ có ghi: Xưa kia mọi người đều là thần minh. Nhưng vì ăn ở bất xứng, lạm dụng danh tước đó, nên Tối Thượng Thần Brahman nhất định cất bản chất thần minh ra khỏi con người. Nhưng

đem bản chất thần linh đó ra rồi, sẽ đem dấu cất nơi đâu. Chúng thần bàn tới, bàn lui, đề nghị dấu trên đỉnh non cao, hay chôn trong lòng đất, hay thả chìm đáy biển. Thượng Thần Brahma nói dấu dấu chỗ nào bên ngoài con người cũng đều không ổn, vì một ngày nào đó, con người sẽ tìm lại được, chi bằng đem dấu vào một chỗ kín đáo nhất mà không bao giờ con người có thể nghĩ tới mà đi tìm, đó là dấu ngay ở chính giữa lòng sâu tâm hồn con người... [1]

Mặc dầu các vị giáo chủ đã cố giảng dạy rằng Chúa, rằng Trời, rằng Nước Trời ở ngay trong ta, nhưng chẳng có ai tin. Chẳng những thế lại cho rằng tin như vậy là lầm lẫn lớn. Thật đáng buồn thay! [2]

Từ đây sắp xuống tôi sẽ bàn về mục đích cuộc đời, về cái nhìn siêu tuyệt của những bậc thượng trí thượng nhân từ cổ chí kim, không phân biệt đông tây, về Nội Giáo mật truyền của thiên hạ.

Thực ra, từ trước đến nay, dù nói xa, nói gần, tôi vẫn thường đề cập đến cái Đại Đạo tâm truyền ấy, khi thì tôi gọi đó là Đại Đạo, khi thì tôi gọi đó là Tinh Hoa các tôn giáo, khi thì tôi gọi là đạo Huyền Đồng. Cái Đạo này thực ra nó đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người, tôi chỉ muốn khơi động nó lên, chứ thực ra nó đã có từ muôn thủa.

Cái Đại Đạo này bắt đầu có từ khi mà Bản Thể vô biên tế của vũ trụ này bắt đầu phóng phát, tán phân, bắt đầu hình hiện thành quần sinh vũ trụ.

Khi đã phóng phát, tán phân thành quần sinh vũ trụ này rồi, thì Đại thể vô biên, linh minh huyền diệu ấy lại tiềm ẩn sẵn trong lòng sâu của vũ trụ, quần sinh và của con người.

Như vậy vũ trụ, quần sinh, và con người có hai bình diện:

– Một là bình diện Bản thể, duy nhất bất khả phân, thường hằng vĩnh cửu, siêu việt, tuyệt đối. Tùy cung cách trình bày, cảm nghĩ của các bậc thánh hiền, mà Bản Thể đấy mang nhiều danh hiệu: Hư, Vô, Vô Cực, Thái Cực, Chân Tâm, Chân Như, Thượng đế, Allah, Trời, Jehovah, Elohim, Adonai, Ahura Madza, Brhman, Atman, Niết Bàn, Nước Trời v.v...Đó cũng là Cõi Thiêng, siêu sinh tử, siêu không gian, thời gian...

– Hai là bình diện Hiện Tượng, hình tướng biến thiên, đa tạp, lệ thuộc vào vòng hình danh, sắc tướng, không gian, thời gian, vòng duyên nghiệp, sinh tử, luân hồi, có danh mà không có thực, phù du, hư ảo, như những áng mây bồng bềnh trên khung trời thăm, hay như những bọt bèo biến hiện trên mặt trùng dương vô biên, vô tận. Đây là thế giới của cá nhân, cá tính, của những gì vô minh, của những gì hư ảo. Đây là «Nước thế gian», theo danh từ Tân ước; hay Cõi Tục, hay hồng trần tục lụy, bể khổ bến mê, nói theo kiểu Á Đông.

Khi đã nhìn tỏ được hai phương diện này, tự nhiên một câu hỏi được nêu lên: Giữa cái Khổ và cái Lạc, cái Biến và cái Hằng, cái Giả và cái Chân nói trên, ta sẽ chọn cái gì?

Dĩ nhiên là ta phải chọn cái gì là Thường Hằng, vĩnh cửu, cái gì là Chân thực, cái gì là Quang Minh Chính Đại, cái gì là Lý tưởng.

Tất cả những phương tiện dẫn từ Phù Sinh, đến Trường sinh, từ Hiện Tượng tới Bản Thể, đó gọi là Đại Đạo, vì nó là con đường duy nhất, mà nhân loại bắt buộc phải băng qua để tiến tới trường sinh vĩnh cửu.

Các đạo sư Ấn Độ là những người có công đi tiên phong trong công cuộc tìm Đạo, tìm Trời nói trên. Bộ Veda, bộ Upanishads, bộ Bhagavad Gita là những bộ kinh cổ xưa đã cho ta rất nhiều chi tiết về con đường thành chân, chứng thánh đó. Ấn Độ, ngay cả bây giờ vẫn còn có những đạo sư, những kỳ nhân đóng vai hướng đạo thế giới trên con đường tâm linh...Nói thế không có ý nói rằng chỉ có Ấn Độ giáo mới có nhiều vị thánh hiền. Nếu chúng ta chịu tìm cầu, thì đâu đâu cũng gặp những bậc siêu nhân như trên. Đọc Đạo Tạng của Lão Giáo, khảo các Mật Tông ÂSu Châu như Kabala, Free-Masonry, Rosicrucianism, Theosophy, Gnosticism, Neo-Platonism, Transcendentalism, ta thấy tràn đầy những tư tưởng đó...

Chúng ta sẽ chứng minh điều đó sau đây.

Khi một con người tiến từ Phù Sinh lên tới Trường Sinh, từ Hiện Tượng vào tới Bản Thể, thì sự kiện ấy được mệnh danh là:

- Giải thoát.
- Nhập Niết Bàn.
- Phối Thiên.
- Đắc Đạo.
- Trở thành Atman-Brahman.
- Thực hiện Thượng đế (God-realization).
- Thực hiện Tự Tính; thực hiện Đại Ngã (Self-Realization).

Cuộc tiến hóa này, mỗi một người đều phải thực hiện lấy. Một kiếp chưa xong, thì tiếp tục tiến hóa trong nhiều kiếp. Các vị Giáo Chủ xưa nay chỉ là những vị tiên phong, những bậc dẫn đạo, chứ chẳng ai cứu rỗi nổi ai...

Vũ trụ này đều được chi phối bằng những định luật vĩnh cửu.

Như vậy, mục đích công cuộc tu trì là:

– Tìm cho ra những định luật vĩnh cửu của đất trời để mà theo mà giữ. Ta có thể gọi đó là GIỚI, GIỚI LUẬT, hay LỄ, hay Ý CHÚA.

– Tìm ra con đường, tìm ra cách để thoát vòng không gian, thời gian, thoát vòng biến thiên. Con đường đó, Bà La Môn gọi là Kriya Yoga (Con đường thực hiện Thượng đế), là Yoga mà ta thường gọi là Thiền, là Thiền Định.

– Thiền là tham thiền là mài miệt suy tư về Bản thể siêu tuyệt, về Thiên Tính, Phật tính của mình, để luôn cảm thấy mình chẳng hề rời xa Đạo, xa Trời.

Định là thu thần định trí, là thu nhiếp tâm linh về một điểm. Đó là Chân Tâm, đó là Điểm Khởi Nguyên đã tung tỏa ra thành vũ trụ, và con người, và đó cũng là Điểm Hội Tụ của mọi biến hóa, và là Cùng Đích của vòng Càn Khôn sinh hóa của muôn loài.

Thiền định để phát ra đại trí, đại huệ.

– Phát ra Đại Trí, Đại Huệ để nhìn tỏ Căn Nguyên và Cùng Đích của Vũ Trụ, Quần Sinh và của Con Người.

Mục đích tối hậu của Giới Định Huệ là thể nhập với Bản Thể của vũ trụ.

Như vậy, tôi đã giải nghĩa lại ba chữ GIỚI, ĐỊNH, TUỆ của Phật giáo, cũng như của Bà La Môn, và của Thánh Hiền Đông Tây, kim cổ.

Nhưng Yoga, hay Thiền, hay Đơn Đạo, thực ra có những mục tiêu hết sức đa tạp:

– Mục tiêu tối hậu của nó là giúp con người sống phối hợp với Đạo, với Trời. Nhưng nó cũng có những mục đích gần gũi hơn, nhãn tiền hơn, chẳng hạn như là:

a. Giữ gìn sức khỏe bằng cách:

- Ở nơi trong sạch.
- Ăn uống thanh đạm.
- Động công (physical exercises: tập thể dục) (nhất là phía Lão giáo).
- Án Ma (Massage) (Lão giáo)

- Yết tân (Nuốt nước bọt) (Lão)
- Khí công: (Điều hòa hơi thở).
- Hoặc điều hòa «phàm tức» (thở điều hòa bằng phổi).
- Hoặc vận «chân tức» (vận chân khí qua hai mạch Nhâm, Đốc).
- Hoặc «đỉnh tức» (ngưng thần tụ khí nơi não thất 3, tức Nê Hoàn Cung).

b. Luyện trí bằng cách:

- Điều chế tư lự.
- Mài miệt suy tư về một vấn đề gì nhất là để tìm cho ra Chân Bản Thể, thân thể và định mệnh con người.

c. Luyện tâm, bằng cách:

- Chế ngự thất tình, lục dục.

d. Luyện thần bằng cách:

- Tập trung thần trí.
- Đại định, nhập vào Đại Thể vũ trụ.

Tóm lại người thường sống trong loạn lạc, hỗn tạp.

- Hành động hỗn loạn, thân thể bất an.
- Loạn tư, loạn lự: Suy tư hỗn loạn.
- Tình cảm hỗn loạn: hốt hỉ, hốt nộ, yêu cuồng sống vội, phóng túng vô độ.

Các Yogi, các đạo sư thời sống an bình, trật tự, tĩnh lặng.

- An tọa.
- Điều tức.
- Tâm bình, khí hòa, điềm đạm, hư vô.
- Hư tâm, vô niệm.

Đi sâu vào đời sống các đạo sĩ, ta còn thấy một hiện tượng lạ lùng sau:

1. Mới đầu, họ thở bằng mũi, bằng phổi, thở điều hòa. Phương pháp thở này gọi là «phàm tức» (lối thở của kẻ phàm phu).

2. Vận Chân Khí qua hai mạch Nhâm, Đốc. Lúc này thì hơi thở qua phổi giảm đi, và có thể đình lại. Cả Yoga Ấn Độ, cả Lão giáo đều đề cập đến các phương pháp này. Huỳnh Nguyên Kiệt 黃元吉 có câu: «Phàm tức đình, nhi chân tức hiện» 凡息停而真息現: Phàm tức (lối thở bằng mũi) có ngưng, thì chân tức (lối thở bằng xương sống) mới hiện.

3. Cuối cùng là «đỉnh tức» 停息 (ngưng thở bằng phổi, ngưng vận động chân khí), sau khi đã vận được Thần, Khí tụ về Nê Hoàn cung. Người xưa gọi thể là đại định, là thai tức (cách thở của thai nhi khi còn trong bào thai).

Nhập đại định đối với người xưa tức là:

- Nhập vào Đại Thể của vũ trụ.
- Trở về với Chân Nhất.
- Thoát vòng hiện tượng biến thiên.
- Thoát vòng không gian thời gian.
- Siêu nhân, hợp Thiên.
- Phối Thiên.

- Đắc Đạo.
- Nhập Niết Bàn.
- Giải Thoát.
- Trở thành Chân Nhân. [\[3\]](#)

Vì trọng tâm của Đại Đạo nói trên là trở thành con người toàn diện, là tìm cho ra những định luật đất trời mà theo, mà giữ; tìm cho ra những môi trường thuận tiện mà sinh sống, cho nên người theo đại đạo:

- Tìm những nơi có không khí trong lành mà sinh sống.
- Những nước bình trị mà cư trú.
- ăn uống thanh cảnh, giữ gìn sức khỏe.
- Sống điều độ, mực thước, không làm gì quá mức, quá lạm.
- Giữ cho óc chất quang minh.
- Giữ cho tâm hồn tĩnh lặng.
- Giữ cho tinh thần thanh sáng.

Họ thích những nơi tịch mịch, như những lùm cây, những núi non hữu quạnh, hay những phòng ốc thanh vắng, vì ở những nơi đó, tâm thần họ đỡ bị tản lạc, và sự hòa đồng với Trời, với Đạo dễ dàng hơn. Cũng có người chủ trương rằng có những linh địa, thánh địa như Thiên Thai, Nga Mi (Tàu), Tarakeswar (Ấn Độ), hay Hi Mã Lạp Sơn có thể phả ra những làn sóng điện giúp con người trở nên thanh sáng, dễ xuất thần.

Họ muốn sống lại bằng thân ánh sáng của Bản Thể, nên cố gắng rũ bỏ cái thân «từ điện» của hiện tượng. Thân «từ điện» là thân có yêu có ghét, có chấp, có cầu. Nên muốn rũ bỏ được thân «từ lực», phải hoạt động trong vô chấp, vô cầu, phải sống vượt lên trên yêu ghét thường tình. Thân «từ lực» chính là vọng tâm, vọng ngã, luôn luôn sống trong vòng nhân duyên, duyên nghiệp, luân hồi. Người xưa, khi viết các chữ DUYÊN 緣, chữ TRIỀN 纏, chữ PHỤC 縛, đều có bộ TỖ 糸 là Tơ một bên. Tơ đây thực ra không phải là tơ tằm mà là tơ duyên từ điện, phát ra những từ trường, từ lực, từ tuyến. Những từ tuyến, từ lực, từ trường nói trên chính là những sợi dây kiên cố giam hãm tâm linh chúng ta. Rũ bỏ VỌNG TÂM, VỌNG NGÃ chính thoát khỏi từ trường của nhân quần.

Đứng về một phương diện khác, họ cũng cố tìm cách thoát vòng không gian, thời gian:

Muốn thoát vòng không gian thời gian, phải thoát khỏi những gì biến thiên, sinh tử.

Muốn vậy:

1. Phải sống vượt trên ngoại cảnh, bằng cách đóng khóa ngũ quan, để thoát ảnh hưởng của hình danh, sắc tướng, của ngoại cảnh, cũng như của ngũ quan.
2. Phải dừng những suy tư về những công truyện gian trần, thường hay có tính cách làm cho loạn trí. Thế là sống Vô Niệm.
3. Giữ cho tâm tư tĩnh lặng, hồn nhiên, không cho thất tình, lục dục tung hoành, thao túng.
4. Tập trung thần khí vào Nê Hoàn Cung. Người xưa gọi thế là Tam Hoa Qui Đĩnh, Ngũ Khí Triều Nguyên hay Nhập Đại Định.

Bốn phương cách này cũng na ná như bốn trạng thái Thiền mà Phật giáo đề cập. [\[4\]](#)

Mục đích của Yoga là tìm cho ra Thượng đế nội tại. [\[5\]](#)

Mircea Eliade gọi các các thiền sư xưa nay là «cái điểm hình học» (the geometrical point), để Trời người gặp gỡ, hòa hài với nhau. [\[6\]](#)

Chữ «điểm hình học» trên làm tôi liên tưởng đến công trình suy khảo của tôi để tìm cho ra chỗ TRỜI NGƯỜI HOÀ HÀI (THIÊN NHÂN HỢP NHẤT) nơi con người. Lạ lùng thay trong đầu có một cung mà đạo Lão gọi là Động Phòng, Âu Châu gọi là Thalamus, mà Thalamus cũng có nghĩa là Động Phòng. Nhưng vì Thalamus là cái gì có thể thấy được, nên tôi lại đi tìm sâu hơn, và tôi đã tìm thấy rằng nơi chính trung đầu não con người có những động trống (ventricles), Đạo Lão gọi động chính giữa là Thiên Cốc hay Nê Hoàn Cung. Lão giáo cho rằng nơi ấy là nơi Thần trời đất ngự trị, [7] Bà La Môn gọi đó là Liên Hoa Tâm (Sahasrara), hay Thiên Môn (Brahma-randhra Brahmagate). [8] Mircea Eliade còn cho rằng; nếu nhìn bảy luân xa của con người, từ trên xuống dưới, thì thấy chúng hợp lại thành một Mandala duy nhất, mà Tâm Điểm chính là Brahmarandhra. [9] Thiết tưởng không còn cách nào xác định Tâm Điểm của đầu não con người, tâm điểm tâm linh, tâm điểm vũ trụ chính xác hơn được nữa.

Cao Đài cũng gọi đó là Nê Hoàn Cung, Huyền Tẩn Môn, hay Thiên Môn. [10]

Tuy nhiên cái «Tâm điểm» trong đầu não con người ấy không phải là ai cũng tìm được ra. Ngày nay, vô số người tu trì vẫn còn đặt trọng tâm vào Hạ Đơn Điền nơi dưới rốn.

Thời Trung cổ, bên Âu Châu có «môn phái tu nhìn rốn» (Hesychasm). Họ chuyên tu nhìn rốn, trong khi kêu tên Chúa Jesus Christ, và họ cho rằng sau nhiều ngày đêm tu trì khổ hạnh như vậy, họ sẽ tìm ra «tâm sở» (the place of the heart), nơi chứa đựng mọi điều huyền diệu. [11]

Trên đây tôi đã chứng minh:

– Đạo giáo nội tại có đường hướng hẳn hoi: Đó là hướng nội.

Chủ trương, đường lối, sự diễn biến của nó đều theo những định luật bất biến của trời đất, và luôn luôn được cảm nghiệm nơi mình. Tu đúng đường thì xác thân sẽ cường tráng, con người sẽ yên vui sung sướng, óc chất sẽ quang minh, tâm tư sẽ hòa hoãn, sáng khoái, lạc quan, tràn đầy nhựa sống.

– Đạo giáo nội tại vì là con đường của các vị hiền thánh đã băng qua, vì đã được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu, nên khi hiểu rành rẽ về đại giáo nội tại này ta hiểu được tâm tư các vị giáo chủ, cách tu trì của quý vị cũng như lối sống thường nhật của các ngài. Có thể nói được rằng chúng ta đã được «tha tâm thông». Lát nữa chúng ta sẽ áp dụng những hiểu biết của chúng ta để soi rọi vào đời sống của ít nhiều vị giáo chủ.

– Đạo giáo nội tại có mục đích đưa con người đến chỗ phối thiên, thành Trời, thành Phật, thành Thần, nên bao giờ cũng chỉ có ít người theo nổi.

– Nó đòi hỏi con người phải thành khẩn tìm cầu, ao ước vươn vượt, không cố chấp, không câu nệ, trọng kính chính mình, tin tưởng vào giá trị vô biên của mình, vào định mệnh sang cả của mình, tin thật rằng mình chẳng hề bao giờ lìa xa khỏi Hóa Công.

Đọc lịch sử Đức Phật ta thấy ngài đã thụ giáo với đại sư Arada Kalama về học thuyết tiền– Samkya (đại khái là phép nội quan quán chiếu, na ná như Phân Tâm Học ngày nay) tại Vaisali, và với đại sư Udraka Ramaputra về căn bản và mục đích của Yoga. [12]

Chúng ta cũng đã thấy rằng chính nhờ thiền định trong 49 ngày dưới gốc Bồ Đề mà Ngài đã giác ngộ.

Trong quyển Đức Phật và Phật Pháp, của Narada Maha Thera, Phạm Kim Khánh dịch, nơi Chương 13, khi thuật lại đời sống hằng ngày của Đức Phật, tác giả ghi: «Đời sống bên trong là tham thiền nhập định và chứng nghiệm hạnh phúc Niết Bàn còn bên ngoài là phục vụ vị tha, và nâng đỡ phẩm hạnh của chúng sinh trong khắp thế gian.» (Sách trích dẫn, tr, 233).

Nếu Ngài chủ trương Niết Bàn đã sẵn có trong tâm linh con người, thì rõ ràng là ngài dẫn chúng ta vào

Nội Giáo.

Chúa Giê Su với chủ trương: Nước trời ở trong anh em (Luke 17, 21), và khi đọc kinh chó ra ngã ba đầu chợ, mà hãy vào buồng đóng cửa lại (Mat.6,6) hay không còn thờ Chúa ở núi này, hay ở Jerusalem, nhưng vì Chúa là Thần, nên phải thờ Ngài bằng thần (John, 4:22–24; thánh Paul khi dạy rằng Thần Chúa ở trong ta, ta là đền thờ Chúa (1 Cor.6, 19–20) rõ ràng là dạy chúng ta nội giáo: Tìm Chúa Đáy Lòng...

Đạo Lão với những chủ trương: «Thiên tại nội, nhân tại ngoại» 天在內人在外 [13] hoặc: «Ngoại du giả cầu bị ư vật, nội quan giả, thủ túc ư thân» 外游者求備於物 內觀者取足於身 (Đi ra bên ngoài, là cầu cạnh vào ngoại vật mới mong thành toàn; nội quan quán chiếu là thấy trong tâm có đầy đủ tất cả) [14]

Trong Nam Hoa Kinh, ta thường thấy đề cập đến trạng thái «xuất thần, nhập định», mà tác giả gọi là Táng Ngã 喪我 (Sách trích dẫn, Chương 2, Tề vật luận, đoạn 1.)

Như vậy mục đích đạo Lão cũng cốt là chỉ vẽ cho ta nội giáo chân truyền.

Nho giáo với chủ trương:

«Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay vào ta, ta cố tinh thành.
Kiện toàn, hoàn thiện tinh anh,
Vui nào hơn được vui mình đang vui.» [15]

của Mạnh Tử; và:

«Quay vào ta mà tìm đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai,
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.» [16]

của Trung Dung, rõ ràng là chủ trương nội giáo.

Có điều lạ là theo đà thời gian tất cả các đạo giáo lớn đều biến từ nội giáo chân truyền thành ngoại giáo công truyền, vì thấy rằng có làm như vậy mới có người theo!

Mới đầu tôi cứ tưởng rằng Nội Giáo Tâm Truyền là của Á Đông, nhưng càng ngày tôi càng thấy rằng từ cổ xưa không biết bao nhiêu là môn phái Âu Châu, và ngày nay cũng có rất nhiều giáo phái Âu Mỹ chủ trương nội giáo:

Dưới đây tôi xin đan cử một số giáo phái, triết phái, mật tông, mật giáo chủ trương NỘI GIÁO:

- Neo-Platonism (Tân Bá Lạp Đờ).
- Gnosticism (Giác Ngộ).
- Kabala (Mật tông, huyền học Do Thái).
- Free-Masonry (Tam Điểm).
- Theosophy (Thông Thiên Học).
- Rosicrucianism (Hồng Hoa Hội).
- Sufism (Bạch Y Phái của Hồi Giáo).
- Alchemy (Luyện đan phái – Nội đan phái).
- Trancendentalism (Siêu việt phái).
- Modern Gnosticism (Tân Giác Ngộ phái).
- The Ramakrishna Mission and Vedanta Societies.

- The Self– Realization Fellowship.
- The Maharishi Mahesh Yogi's Transcendental Meditation.
- International Sivananda Yoga Society.
- The International Society for Krishna Consciousness v.v...

Tôi không thể đi vào chi tiết các giáo phái này, nhưng đại khái họ cũng có những nét chính yếu mà tôi đã phác họa về Nội Giáo.

Tôi chỉ xin giới thiệu hai cuốn sách trong nhiều cuốn sách nói về các giáo phái trên:

1. Religious and Spiritual Groups in Modern America của Robert's Ellwood, Jr., Prentice Hall Inc., Englewood Cliff, New Jersey, 1973.

2. The Kingdom of The Cults của Walter R. Martin, Bethany House Publishers, Minneapolis. Minnesota 55438, 1982.

Mục đích tôi viết bài này, cốt là để chứng minh rằng con đường nội tâm chính là con đường chắc nhất, gần nhất để về với Đạo với Trời.

Chỉ có Nội giáo này mới đem lại giá trị siêu việt lại cho con người, giải thoát thực sự con người, đem lại hạnh phúc thực sự cho con người, và đồng thời cũng cho thấy sự thông minh siêu tuyệt sự sắp đặt siêu tuyệt của Trời, là đã dựng nên con người với những khả năng vô biên vô tận, đã chia sẻ cho con người chính Bản Thể mình, và đã cho con người thời gian vô tận, không gian vô tận, và những nguồn năng lực vô tận của vũ trụ để thực hiện sứ mạng sang cả của mình là biến trần ai tụy lụy thành thiên đường, biến con người ngày nay thành những con Trời, những Phật Tiên mai hậu. Thật là cao siêu vô cùng, đẹp đẽ vô cùng.



CHÚ THÍCH

- [1] Herbert B. Puryear, Ph.D., Edgar Cayce Reflections on the Path, Bantam Books, Toronto, New-York, 1979, p. 13, 14.
- [2] Luke, 17-21. 1, Cor. 6, 19-20.
- [3] Trong cuốn Yoga, Immortality and Freedom của Mircea Eliade, Bolinger Series, Princeton, 1958, ta còn thấy những tiếng đồng nghĩa sau đây:
- Transcending the human condition, p. 4.
 - Rebirth to a non-conditioned mode of being, p. 4.
 - The true union of the human soul with God, p. 5.
 - Moksa, Nirvana, Asamskrta..., p. 6.
 - Absorbed (or reabsorbed) into the primordial substance, p. 9, 93.
 - Final withdrawal from the phenomenal world, p. 96.
 - Reintegration of the different modalities of the real in a single modality
 - The undifferentiated completeness of precreation, the primordial Unity, p. 98.
 - The divinization of man, p. 103.

- Return to the primordial unity, p. 109.
- Union of the soul with the Cosmic Soul, p. 141.
- Attain the unconditioned, p. 179.
- Emergence from time, p. 182.
- Entrance into the unconditioned, p. 182.
- Withdraw to the center of oneself, p. 193.
- Return to the Primordial Unity, pp. 45-46.
- Transcend the phenomenal world and pass into that non-conditioned and timeless state, p. 271.
- Transcend the opposites, p. 271.
- Coincidence of time and eternity, p. 271.
- Reconquest of the completeness that precedes all creation, p. 271.
- Regression to the undiscriminated state of the original Totality, p. 270.
- Coincidentia oppositorum, p. 272.
- Recover the «paradisial» state of primordial man, p. 272.

- [4] a. To purify the mind and the sensibility from «temptations» – that is, to isolate them from external agents; in short, to obtain a first autonomy of consciousness;
- b. to suppress the dialectical functions of the mind, obtain concentration, perfect mastery of a rarefied consciousness;
- c. to suspend all «relations» both with the sensible world and with memory, to obtain a placid lucidity without any other content than «consciousness of existing»;
- d. To reintegrate the «opposites,» obtain the bliss of «pure consciousness.»
- lb. p. 171.

- [5] Yoga through which divinity is found within, is doubtless the highest road.

Paramahansa Yogananda, *Autobiography of a Yogi*, Self-Realization Fellowship, 3880 San Rafael Avenue, Los Angeles, California, 90065, USA, 1981, p. 136.

- [6] Clearly, his (the yogin's) situation is paradoxical. For he is in life, and yet liberated; he has a body, and yet he knows himself and thereby is purusa; he lives in duration, yet at the same time shares in immortality; finally, he coincides with all Being, though he is but a fragment of it, etc. But it has been toward the realization of this paradoxical situation that Indian spirituality has tended from its beginnings. What else are the «men-gods» of whom we spoke earlier, if not the «geometrical point» where the divine and the human coincide, as do being and non-being, eternity and death, the whole and the part?

Mircea Eliade, *Yoga, Immortality and Freedom*, Bolingen Series, Princeton University Press, 1958, p. 95.

- [7] Đầu hữu Cửu cung trung hữu Nê Hoàn. 頭有九宮中有泥丸 (Kim Đơn Đại Thành Tập, tr. 4)

Nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết Thiên Cốc, thanh tịnh vô trần, năng tương nguyên thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại trì, tắc thành chân chứng thánh... 人頭有九宮,中有一所,名曰天谷,清淨無塵,能將元神安置其中,毫不外馳則成真證聖 (Huỳnh Nguyên Kiết, Lạc Dục Đường ngữ lục, Chân Thiện Mỹ xuất bản xã, ấn hành, 1936, tr. 87.

- [8] The seventh center, the «thousand-petaled lotus» in the brain, is the throne of the Infinite Consciousness. In the state of divine illumination the yogi is said to perceive Brahma or God the Creator as Padmaja, «the One born of the lotus.» -- Paramahansa Yogananda, *Autobiography of a yogi*, p. 158n.
- [9] Dr. Vasant G. Rele, in analyzing the word Brahmarandhra, reminds his readers that the word randhra may as well be translated «cavity» as «hole». He, therefore, visualizes the Brahmarandhra not as an opening but as a cavity surrounded “by a chakra or plexus of a thousand branches, known as sahasrara.
- [10] Xem Đại Thừa Chân Giáo, nơi các tr. 56, 61 (ấn bản cũ) hoặc 322, 432 (ấn bản mới.)
- [11] Cf. Mircea Eliade, *Yoga, Immortality and Freedom*, Bolingen, Princeton p. 63.
- [12] Asvaghosa, *Buddhacarita*, XII, 17ff. id. *Saundarananda*, XV-XVII; *Majjhima-nikaya*, I, 164 ff.
- [13] Nam Hoa Kinh, Chương 17, Thu Thủy, đoạn 1.
- [14] Liệt Tử, Xung Hư Chân Kinh, Ch.4, Trọng Ni đệ tứ, đoạn G. Xem Léon Wieger, *Les Pères du Système Taoiste*, pp. 122–123.
- [15] Vạn vật giai bị ư ngã hĩ, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. 萬物皆備於我矣。反身而誠樂莫大焉。 – Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng, câu 4.
- [16] Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân nhi tự đắc chi, dĩ khứ phù ngoại dụ chi tứ nhi sung kỳ bốn nhiên chi thiện. 蓋欲學者於此, 反求諸身而自得之, 以去夫外誘之私而充其本然之善。 – Trung Dung, Chương Nhất.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [Chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)